

T R U Y E N

Tiên Rồng

TRUNG QUỐC



CHÍNH HẠNG HOÀNG HOÀNG

MỤC LỤC

[Lời nói đầu](#)

[Viễn cổ](#)

[1. Bàn cổ khai thiên lập địa](#)

[2. Nữ oa luyện đá vá trời](#)

[3. Thần nông dững cảm nếm thử bách thảo](#)

[4. Hoàng Đế đánh suy vu](#)

[5. Cộng Công Thị nổi giận húc đổ Bát Chu Sơn](#)

[6. Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn](#)

[7. Đại Vũ trị thủy](#)

[Hạ - Thương - Tây Chu](#)

[8. Cha mất, con kế thừa thiên hạ](#)

[9. Thiếu Khang phục quốc](#)

[10. Thương Thang diệt Hạ](#)

[11. Thái Giáp hối hận lỗi lầm](#)

[12. Bàn Canh dời Ân](#)

[13. Tể tướng nô lệ Truyền Duyệt](#)

[14. Tuấn táng nô lệ](#)

[15. Trụ Vương đánh thắng Đông Di](#)

[16. Văn Vương tìm người tài gặp Khương Thượng](#)

[17. Chu Vũ Vương phạt Trụ](#)

[18. Quán Thái phản Chu](#)

[19. Chu Công xây dựng Đông Đô](#)

[20. Dùng kế dấn thuyền làm cho Chiêu Vương chết đuối](#)

[21. Mục thiên tử tuần du](#)

[22. Bình dân bạo động đuổi Lệ Vương](#)

[23. Tuyên Vương chinh chiến nhiều năm liền](#)

[24. Đốt lửa đùa giỡn chur hầu](#)

[Xuân thu](#)

[25. Mũi nỏ bắn Chu Thiên Vương](#)

[26. Tề Hoàn Công trọng dụng Quán Trọng](#)

[27. Tào Quệ luận chiến](#)

[28. Bá chủ đầu tiên](#)

[29. Ngựa quen đường cũ](#)

- [30. Mỗi tình của Quán Bão](#)
- [31. Môi hở răng lạnh](#)
- [32. Tấm thân đáng giá 5 tấm da dê](#)
- [33. Đội quân nhân nghĩa của Tống Tương Công](#)
- [34. Trùng Nhĩ chạy nạn](#)
- [35. Lùi tránh ba xá](#)
- [36. Chúc Chi Vũ lui quân Tần](#)
- [37. Người lái trâu cứu nước](#)
- [38. Trận chiến giữa Tấn và Tần ở Hào Sơn](#)
- [39. Tần Mục Công xưng bá Tây Nhung](#)
- [40. Tiếng hót của Sở Trang Vương cất lên làm mọi người kinh sợ](#)
- [41. Hội nghị dẹp yên chiến sự](#)
- [42. Ngũ Tử chạy trốn tới nước Ngô](#)
- [43. Tôn Vũ thao luyện nữ binh](#)
- [44. Hạp Lư tiến đánh Ảnh Đô](#)
- [45. Câu Tiễn đại bại ở núi Cối Kê](#)
- [46. Nằm gai nếm mật](#)
- [47. Tử Sản đúc đỉnh hình](#)
- [48. Yến Tử làm tướng nước Tề](#)
- [49. Điền Nhưông Thư chấp pháp Như Sơn](#)
- [50. Khổng Tử và Lão Tử](#)
- [51. Thư hùng kiếm](#)
- [Chiến quốc](#)
- [52. Ba nhà phân chia nước Tấn](#)
- [53. Ngụy Văn Hầu kén hiền tài](#)
- [54. Tây Môn Báo cai trị Thành Nghiệp](#)
- [55. Trâu Kỵ khéo khuyên can vua Tề](#)
- [56. Thương Ương thay đổi pháp chế](#)
- [57. Tôn Bàn đấu trí](#)
- [58. Mặc Tử Ngăn sở đánh Tống](#)
- [59. Trương Nghi liên hoành](#)
- [60. Nhà thơ yêu nước Khuất Nguyên](#)
- [61. Hồ phục kị xạ](#)
- [62. Thỏ khôn khoét đủ ba hang](#)
- [63. Dùng ngân lượng vàng mua một đầu ngựa](#)

[64. Tô Tần thi hành kế phản gián](#)

[65. Trận trâu lửa](#)

[66. Tướng tương hòa](#)

[67. Xúc Long khuyên Triệu Thái Hậu](#)

[68. Mao Toại tự tiến cử](#)

[69. Trộm phù cứu Triệu](#)

[70. Đài trốn nợ](#)

[71. Đô Giang Yển](#)

[72. Tích trữ hàng quý](#)

[73. Vương Tiễn diệt Triệu](#)

[74. Kinh Kha ám sát Tần Vương](#)

[75. Thống nhất Trung Nguyên](#)

[76. Nền kinh tế Chiến quốc phát đạt](#)

[77. Biển Thước hành nghề y](#)

[78. Trăm nhà đua tiếng](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời nói đầu

Truyện thông sử Trung Quốc bao gồm 525 câu chuyện lịch sử Trung Quốc bắt đầu từ thời kỳ Viễn cổ tới năm 1949- thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, chia làm 18 giai đoạn dựa theo triều đại và thời đại; mỗi đoạn có lời từ giới thiệu khái quát tình hình xã hội thời đó.

Bộ sách này kể lại những câu chuyện lịch sử, đồng thời giảng giải những kiến thức lịch sử chuẩn xác về một sự kiện, một nhân vật cụ thể, có quan điểm, có miêu thuật và có bình phẩm.

Nguyên bản tiếng Trung Quốc có ba tập, quyển Thượng gồm 169 chuyện, bắt đầu từ Viễn cổ tới Lương Tấn; quyển Trung gồm 181 chuyện, bắt đầu từ Nam Bắc triều tới nhà Nguyên; quyển Hạ gồm 175 chuyện, bắt đầu từ thời nhà Minh đến năm 1949. Cuốn sách các bạn đang cầm trên tay có thể coi là tập một của quyển Thượng.

Nhà xuất bản Lao động

Viễn cổ

Thời kỳ Viễn cổ mở đầu lịch sử Trung Quốc, đó chỉ là xã hội nguyên thủy kéo dài trước triều Hạ. Thời kỳ Viễn cổ dài dằng dặc này chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn đầu cách hiện tại ước từ một trăm bảy mươi vạn năm trước tới một vạn tám nghìn năm trước. Giai đoạn sau từ một vạn tám nghìn năm trước tới hơn bốn nghìn năm trước.

Ở giai đoạn trước, con người vừa mới từ loài vượn cổ tiến hoá sang, họ dùng những công cụ giải tiện thô sơ như đồ đá, gậy gỗ v.v... để săn bắt thú vật hoặc hái lượm, ăn thịt dã thú và quả dại để đỡ đói, khoác da thú và lá cây để che thân chống giá lạnh. Giữa con người với con người không có sự liên hệ cố định. Có khi vì để săn bắt dã thú, rất nhiều người tập hợp lại dốc sức hợp tác; săn bắt được dã thú rồi họ lại quây quần cùng chia hưởng thành quả thắng lợi. Sau khi ăn no, những thứ còn thừa không ai muốn chiếm làm của riêng, rồi phân tán ai về chỗ ở của người nấy. Bầy người khi tụ, khi tán này được gọi là bầy người nguyên thủy. ở giai đoạn bầy người nguyên thủy, đời sống của con người không có bảo đảm, khi không săn bắt được dã thú, lúc chẳng hái lượm được quả dại, họ đành phải nhịn đói, cho nên tuổi thọ rất ngắn. ở giai đoạn đó sự tiến bộ của loài người tiến triển cực kỳ chậm chạp.

Ở giai đoạn sau, con người bắt đầu tổ hợp lại dựa theo quan hệ huyết thống mà hình thành xã hội thị tộc. Khởi đầu thị tộc tổ hợp lại dựa theo huyết thống của mẫu hệ, gọi là thị tộc mẫu hệ. Về sau dần dần diễn biến thành tổ hợp dựa theo huyết thống phụ hệ, được gọi là thị tộc phụ hệ. Trong giai đoạn xã hội thị tộc, con người bắt đầu sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi súc vật, những thứ có thể ăn được so với trước đã nhiều hơn, đời sống tương đối có bảo đảm, con người đã tiến nhanh hơn trước rất nhiều. Những đồ vật dư thừa được quy thành công hữu của thị tộc, khi nào mọi người có nhu cầu thì mới lấy ra phân phối. Con người vẫn chưa có khái niệm tư hữu tài sản, cũng chưa xuất hiện giai cấp và áp bức bóc lột.

Lịch sử thời kỳ Viễn cổ chủ yếu dựa vào truyền thuyết, thần thoại lưu truyền từ đời này sang đời khác. Các văn vật khai quật được của ngành khảo cổ trong gần một trăm năm lại đây, đặc biệt là công tác nghiên cứu của các nhà học giả đối với văn tự cổ trong mấy năm gần đây đã khẳng định rằng, nội dung của đa số truyền thuyết, thần thoại rất đáng tin cậy, còn lại đều là sự tưởng tượng của cổ nhân, thiếu hẳn tính chân thực lịch sử.

1. Bàn cổ khai thiên lập địa

Nhân loại chúng ta sống giữa trời đất. Trời đất khởi nguồn phát sinh ra như thế nào? Bản thân con người từ đâu sinh ra? Ngày nay, những câu hỏi này đã có đáp án tương đối chính xác. Các nhà thiên văn học đã chứng minh, trái đất là do Tinh Vân ngưng kết mà thành. Các nhà khảo cổ học, các nhà sinh học cổ và nhà nhân loại học đã nói cho chúng ta biết, con người là do loài vượn cổ tiến hoá mà thành. Tới nay, những câu trả lời này đã trở thành điều thường thức phổ thông của mọi người. Thế nhưng thời cổ đại của mấy ngàn năm về trước, nếu có người nào nêu ra những câu hỏi này thì lời giải luôn luôn là từng câu, từng chuyện thần thoại.

Tại sao cổ nhân lại dùng thần thoại để giải thích lịch sử của thiên nhiên và nhân loại? Lúc đó, trình độ của sức sản xuất còn rất thấp, con người vẫn chưa nắm vững tri thức khoa học cận đại; đối với các hiện tượng của thiên nhiên và đời sống xã hội, họ chỉ có thể dựa vào sức tưởng tượng chủ quan, dùng thủ pháp nhân cách hoá thêu dệt ra rất nhiều câu chuyện thần thoại đầy thú vị để cắt nghĩa nguồn gốc của trời đất và vấn đề khởi thủy của con người v.v... Do vậy, lịch sử xã hội nguyên thủy của rất nhiều dân tộc đều được mở đầu từ câu chuyện thần thoại. Trung Quốc cũng không lệ ngoại, thời cổ đại cũng đã sản sinh ra rất nhiều thần thoại. Những câu chuyện thần thoại này thường luôn luôn biểu hiện qua những cách giải thích ngây thơ và ý tưởng tốt đẹp đối với hiện tượng thiên nhiên và đời sống xã hội của con người trong “thời đại non trẻ”.

Bắt đầu từ thiên thứ nhất “Bàn cổ khai thiên lập địa” trong sách này trở đi cho tới thiên thứ bảy “Đại Vũ trị thủy”, nội dung kể đều là thần thoại và truyền thuyết. Những tri thức lịch sử mà thần thoại và truyền thuyết trong thời kỳ Viễn cổ nêu ra, có một số có thể tin được, còn một số quả thật là hoang đường. Nói chung là cách chúng ta càng xa, mức độ tin cậy càng ít; cách chúng ta tương đối gần, thì có thể tiếp cận với chân thực ở mức tương đối. Thế nhưng có một số thần thoại và truyền thuyết rất có ý nghĩa, đã phản ánh một phần lịch sử xã hội nguyên thủy của nước ta, cho nên chúng ta sẽ kể từ những thần thoại và truyền thuyết này trở đi.

Truyền thuyết này kể rằng vào thời kỳ Viễn cổ vô cùng xa xôi, trời và đất vẫn còn chưa được hình thành, khắp nơi đều là một máng hỗn độn, không phân chia rõ ràng trên, dưới, trái, phải, cũng chẳng tường tận được Đông, Nam, Tây, Bắc, mà giống hệt như một quả trứng gà tròn trĩnh. Ở trung tâm quả trứng có một khối lòng đỏ. Thứ vật tròn trĩnh này cũng có một trung tâm này đã sinh ra một vị thủy tổ của loài người gọi là Bàn Cổ Thị. Bàn Cổ Thị được thai nghén một vạn tám nghìn năm trong khối tròn trĩnh này, cuối cùng giống như con gà con chui ra khỏi vỏ trứng, ông đã phá vỡ vỏ chui ra, rồi dùng chiếc rìu lớn tự tạo mà khai thiên lập địa, mà tách đôi khối tròn trĩnh hỗn độn này.

Khối tròn trĩnh này trải qua sự khai phá của Bàn Cổ Thị liền phân thành hai phần: một phần nhẹ mà trong, một phần nặng mà đục. Phần nhẹ mà trong kia không ngừng bay mãi lên cao, một ngày có thể bay một trượng, lâu dần hình thành bầu trời xanh ở trên cao. Phần nặng mà đục kia không ngừng hạ thấp, một ngày có thể hạ được một trượng, lâu dài mãi, rồi dần dần hình thành mặt đất rộng lớn. Bản thân Bàn Cổ Thị cũng một ngày lớn lên một trượng, rồi trở thành người hùng cao to khác thường. Kể từ khi Bàn Cổ Thị khai thiên lập địa cho tới lúc hình thành trời đất, thời gian đó phải tới một vạn tám nghìn năm.

Sau khi Bàn Cổ Thị khai thiên lập địa, trong thời kỳ trời đất vẫn chỉ có một con người cô đơn, lúc vui mừng, có khi buồn khổ, có lúc khóc lóc, có khi tức giận. Bởi vì trời đất do ông khai phá ra, cho nên trời đất cũng theo sự mừng giận, vui buồn của ông mà biến hoá muôn hình vạn trạng. Khi Bàn Cổ Thị vui mừng thì trời nắng trong, sáng sủa; lúc Bàn Cổ Thị giận dữ thì bầu trời âm u, mờ tối. Khi Bàn Cổ Thị khóc lóc thì nước mắt rỏ xuống từng giọt, chính là từng trận mưa lớn như trút nước xuống, cuối cùng nước mưa chảy dồn lại thành sông ngòi hồ biển. Khi Bàn Cổ Thị than thở, khí ở miệng phun ra thành những trận cuồng phong thổi trên mặt đất làm cho cát bay, đá chạy. Hễ Bàn Cổ Thị chớp mắt là xuất hiện những tia chớp. Lúc Bàn Cổ Thị ngủ, tiếng ngáy phát ra chính là tiếng sấm ầm ừ.

Tuổi thọ của Bàn Cổ Thị rất dài, thế nhưng sau những năm tháng đằng đẵng sống trong trời đất mà ông tự khai phá, cuối cùng ông cũng đã chết, ông nằm trên trái đất với tư thế bằng phẳng, đầu hướng phía đông, chân ở phía tây. Đầu của ông nhô lên cao, chính là Đông Nhạc Thái Sơn khí thế hùng vĩ, thuộc biên giới tỉnh Sơn Đông ngày nay. Những ngón chân của đôi bàn chân ông hướng lên trời, chính là Tây Nhạc Hoa Sơn với những chóp núi dựng đứng ở trong biên giới tỉnh Thiểm Tây ngày nay. Bụng ông ưỡn lên cao chính là Tây Nhạc Tung Sơn, phong cảnh rất tú lệ, nay ở trong biên giới tỉnh Hà Nam. Cánh tay phải của ông ở phía bắc thân thể ông, chính là dãy Bắc Nhạc Hằng Sơn ngàn vạn khí tượng, cảnh vật muôn màu ở trong biên giới tỉnh Sơn Tây ngày nay. Đầu tóc và lông đỏ của ông biến thành cây cối và hoa cỏ trên mặt đất.

Câu chuyện Bàn Cổ Thị khai thiên lập địa có nội dung rất hoang đường, thế nhưng cũng có thể chứng minh một số đạo lý: tổ tiên của chúng ta từ xa xưa đã tin rằng sức mạnh của con người là vĩ đại. Bạn hãy nhìn xem, trời đất là do một người có tên gọi là Bàn Cổ Thị khai phá, chẳng phải đã nói rõ con người vĩ đại hơn trời đất đó sao? Bàn Cổ Thị khai thiên lập địa, dụng cụ mà ông dùng chính là chiếc rìu lớn tự tạo ra, chẳng phải là đã phản ánh một cách mong lung nhân tố tự tưởng lao động sáng tạo thế giới đó sao? Truyền thuyết các dân tộc Tây Phương nói rằng trời đất vạn vật là do Thượng đế toàn năng sáng tạo ra. Câu chuyện Bàn Cổ Thị khai thiên lập địa, so sánh với những truyền thuyết đó, mang ý nghĩa sâu sắc hơn nhiều.

2. Nữ oa luyện đá vá trời

Thần thoại Bàn Cổ Thị khai thiên lập địa chỉ nói về khởi nguồn của trời đất, đó chỉ có một người là Bàn Cổ Thị, về sau thế giới tại sao lại có thể sinh ra nhiều người đến như vậy? Một chuyện thần thoại khác đã giải đáp vấn đề này.

Truyền thuyết kể rằng, sau khi Bàn Cổ Thị qua đời, trời đất vẫn vắng vẻ, trống trải, tình không một bóng người. Không biết đã trải qua biết bao nhiêu năm, mới lại xuất hiện một vị thủy tổ của loài người tên gọi là Nữ Oa Thị. Nữ Oa là một người đàn bà đơn độc giữa trời đất, cảm thấy quá cô thân liền tạo ra nhiều người để cùng chung sống.

Một hôm, Nữ Oa Thị dùng nước hoà trộn một đồng bùn vàng, dùng bùn vàng nặn thành người đất. Một lúc bà nặn một người đàn ông, lúc sau bà lại nặn người đàn bà. Nói ra kể cũng kỳ lạ, Nữ Oa Thị nặn xong một người, thổi một hơi vào người đó, rồi đặt xuống đất, người đất này liền biến thành người sống, biết chạy nhảy, biết nói cười. Nặn một người, sống một người, nặn hai người, sống hai người. Bà nặn bao nhiêu người thì sống bấy nhiêu người. Những người đó biến thành đoàn thành tộc vây xung quanh Nữ Oa Thị, nhảy múa hò hét nhiệt tình gọi Nữ Oa Thị là Mẹ.

Nữ Oa Thị cứ nặn mãi, nặn mãi, nặn liên tục không ngừng, nặn cho tới khi cảm thấy thực sự quá mệt mỏi, bà mới tạm ngưng tay. Thế nhưng số bùn vàng hoà trộn vẫn còn thừa rất nhiều. Nữ Oa Thị có vẻ không vui, bà tiện tay nhặt từ dưới đất lên một sợi dây thừng to, nhằm trụng đồng đất vàng đá hoà trộn mà vung mạnh. Nào ngờ, bà vừa vung sợi dây thừng, lại hết như lúc dùng tay nặn, đám bùn vàng bắn tung toé, tất cả đều biến thành đám người sống, lớn, nhỏ khác nhau. Những con người được Nữ Oa Thị tạo ra này cứ lớn dần lên, cùng lao động, cùng chung sống, sinh sôi ra con cháu đời sau. Những đứa bé chơi đùa nhảy nhót, về sau cũng phương trưởng, cũng làm cha, làm mẹ, cứ thế sự sinh tồn kéo dài hết đời này qua đời khác.

Thế nhưng sự việc lại diễn ra theo chiều hướng xấu. Giữa lúc con người đang không ngừng sinh sôi nảy nở thì trời đất bỗng nhiên dở chứng. Thời cổ đại, con người cho rằng trời tròn, đất vuông. Trời sở dĩ có thể bao trùm lên mặt đất được là bởi vì bốn góc của đất có bốn cây cột chống giữ. Ngày tháng trôi qua, gió thổi, nắng mưa giải dầu, bốn cây cột chống trời này đều mục nát cả, trời đất bị đung đưa, chao đảo, hình như sắp sập xuống. Trên mặt đất đã xuất hiện rất nhiều vết nứt, trong những vết nứt đó không ngừng bốc ra lửa nóng và nước thối. Trên trời xanh thì xuất hiện rất nhiều lỗ dột, nước mưa, băng tuyết và thiên thạch không ngừng rơi xuống qua những lỗ dột này.

Tại nạn đột ngột giáng xuống con người ở thế gian. Trên mặt đất có chỗ lửa bốc cao ngàn ngút, có nơi trở thành biển rộng mênh mông, hung cầm, mãnh thú thừa cơ giết hại con người. Những con chim hung dữ từ trên trời bổ nhào xuống, dùng mỏ sắc nhọn cắn đi những bà già và trẻ con yếu đuối không chạy kịp. Cảnh ngộ của con người quả thực là cực kỳ bi đát và muôn vàn nguy hiểm.

Chính trong lúc con người không tìm ra được cách nào để tiếp tục cuộc sống yên ổn thì Nữ Oa Thị, thủy tổ của con người, đã ra tay cứu vớt con cháu của bà. Bà đốt cháy từng đồng củi lau để luyện thành những tảng đá năm màu đỏ, vàng, xanh, trắng, đen, rồi dùng những tảng đá này để tu bổ, vá lấp những chỗ thủng dột trên trời xanh. Bà lại bắt từ biển cả những con rùa cực lớn, chặt lấy bốn chân của chúng thay thế bốn cột trời đã bị mục gãy. Nước mưa từ trên trời đổ xuống lênh láng, đây là tai họa do Rồng đen tạo ra. Nữ Oa Thị liền giết chết Rồng đen. Nước hôi thối từ dưới đất phun lên quá nhiều, Nữ Oa Thị liền dùng đất trộn củi lau bịt chặt chỗ nứt có dòng nước phun. Với sự cố gắng của Nữ Oa Thị, cuối cùng bầu trời xanh đã được hàn vá xong, bốn cây cột chống trời cũng đã được trọng tu, các loài mãnh thú uy hiếp sự sinh tồn của loài người đều bị tiêu diệt. Trên mặt đất cây cối và hoa cỏ lại bắt đầu đâm chồi, nảy lộc, loài người lại có thể được sống bình yên. Nữ Oa Thị vĩ đại chẳng những đã tạo ra con người, hơn thế còn cứu vớt được loài người thoát khỏi thảm cảnh huỷ diệt của thiên nhiên.

Thần thoại Nữ Oa Thị tạo ra con người và vá trời tuy là rất hoang đường nhưng cũng đã phản

ánh được hiện trạng cuộc sống của xã hội loài người trong thời thượng cổ. Ngày nay, qua rất nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học ta được biết trong lịch sử nhân loại đích thực đã có một thời kỳ Công xã thị tộc mẫu hệ. Trong Công xã thị tộc mẫu hệ một lão Tổ mẫu đảm nhận chức thủ lĩnh của Công xã thị tộc, phụ nữ có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống. Các công việc thu hái thức ăn, nung chế đồ gốm, nuôi trẻ, dưỡng già... cơ bản là do phụ nữ đảm nhiệm. Đàn ông chủ yếu là ra ngoài săn thú, cuộc sống lang thang không ổn định. Lúc đó còn chưa xuất hiện gia đình và quan hệ hôn nhân một vợ một chồng như ngày nay, con cái chỉ biết nhận mẹ chứ không được nhận cha. Câu chuyện thần thoại đã nói Nữ Oa Thị là tổ tiên và người bảo hộ của loài người chẳng phải đã phản ánh Công xã thị tộc Mẫu hệ đó sao?

3. Thần nông dựng cảm nếm thử bách thảo

Trong thời kỳ Viễn cổ, con người không có nhà cửa; truyền thuyết kể rằng con người ngủ đêm ngoài trời ở trên cách đồng, không có thứ gì che, chẳng có vật gì đắp, thường xuyên bị dã thú giết hại. Về sau, có một người tài ba nghĩ ra phương pháp làm ổ trên cây, giúp con người tránh được ác thú. Con Người này được mọi người tiến cử làm lãnh tụ, gọi là Hữu Sào Thị(1).

Ở thời Viễn cổ, thức ăn của con người là hoa quả trên dây leo hoang dại và hến, sò ở ngoài sông. Những thức ăn sống lạnh này vừa cứng lại vừa tanh, không dễ dàng tiêu hoá, con người đã mắc phải những bệnh tật, rất nhiều người chết yểu. Truyền thuyết kể rằng về sau có một người tài cán đã nghĩ ra cách xiên cây lấy lửa, dùng lửa nướng chín quả dại và sò hến để ăn, có lợi cho tiêu hoá. Có lửa rồi, đời sống con người đã có sự biến đổi cực kỳ to lớn. Người được mọi người suy tôn làm lãnh tụ này gọi là Toại Nhân Thị(2).

Hữu Sào Thị và Toại Nhân Thị đã có những cống hiến rất to lớn cho loài người, thế nhưng họ chỉ giải quyết được một mặt nào đó của đời sống, nên vẫn chưa được coi là nhân vật tài cán nhất trong số tổ tiên của chúng ta. Truyền thuyết kể rằng, nhân vật tài cán nhất được người đời sau tôn sùng là “Tam Hoàng”, đó là Phục Hi Thị, Thần Nông Thị và Nữ Oa Thị vừa kể ở trên.

Phục Hi Thị dạy dân đan lưới, bắt cá và săn thú. Lại dạy dân đem thịt của cá tôm, dã thú săn được bỏ vào trong đồ gốm nấu chín để ăn, nhất dã thú sống lại để nuôi dưỡng. Phục Hi Thị còn sáng chế ra bái quái. Đó là một loại văn tự đồ án của thời nguyên thủy, dùng tám loại phụ hiệu.

----- (càn) ----- (khôn) ----- (chấn) ----- (cấn)

----- (li) ----- (khảm) ----- (đoài) ----- (tốn)

Cứ hai quái phối hợp với nhau phối thành 64 loại đồ án dùng để bốc, bói và ghi lại sự việc. Kỳ thực bái quái này là do người đời sau chế tạo ra, nhưng truyền thuyết đã quy công lao cho Phục Hi Thị cả.

Thần Nông Thị đã dựng cảm nếm thử bách thảo, dạy dân làm nghề nông, ông là một vị lãnh tụ có cống hiến vĩ đại nhất ở thời Viễn cổ được nói trong truyền thuyết.

Truyền thuyết kể rằng, vào thời đại Thần Nông Thị số nhân khẩu tương đối nhiều. Con người nếu chỉ dựa vào săn bắt thú thì không đủ sống. Trời mới sáng tinh mơ thợ săn đã mang theo cung nỏ và gậy gộc đi bắt thú, tìm dã thú trên những cánh đồng cỏ mênh mông và trong những khu rừng rậm rạp. Họ phải chạy suốt ngày mà vẫn chẳng thu nạp được gì, chịu đói bụng, lê đôi chân mệt mỏi trở về. Thỉnh thoảng săn được một con lợn rừng, toàn bộ hơn một trăm nhân khẩu trong thị tộc xúm quanh lại phân phối, mỗi người chỉ được chia một phần thịt nhỏ, không đủ ấm bụng. Trẻ con đói quá, kêu khóc oa oa, phụ nữ và người già càng thêm tâm phiền ý loạn. Những tay săn thú vì bản thân không nuôi nổi thị tộc, đầu cứ cúi gục, mặt mày ủ rũ, ngồi thẫn thờ trên đất. Họ sống trong tình trạng cực kỳ buồn khổ.

Chính trong tình huống đó, Thần Nông Thị vĩ đại xuất hiện Thần Nông Thị đã phát hiện những hạt dưa và hạt quả do con người vứt xuống đất năm sau có thể mọc mầm, bén rễ, lớn lên thành công dưa và cây quả mới. Ông còn phát hiện ra sự sinh trưởng của thực vật có quan hệ với thời tiết. Khi thời tiết ấm áp, cây cối nảy cành, sinh lá, khai hoa kết quả; khi thời tiết giá lạnh, cây cối khô héo. Ông quyết định lợi dụng sự thay đổi của thời tiết, nghĩ cách dùng sức người chăm bón cây cối, nhờ vậy mà đã có những thu hoạch hạt cây, trái quả một cách khả quan, đã có thêm thức ăn dự trữ, bổ sung bên cạnh săn bắt.

Thoạt đầu, Thần Nông Thị chưa hiểu được loại quả, hạt hoặc rễ, cành lá của cây nào có thể ăn được, loại nào ăn ngon, loại nào không nên ăn hoặc ăn không ngon. Để mọi người được ăn no, không bị đói, để cho mọi người được sinh tồn, Thần Nông Thị quyết định dùng chính miệng của mình để thử mùi vị của các loại thực vật hoang dại. Ông đã thu thập các loại quả, hạt, rễ, lá, cành, ghé miệng thử từng loại. Mùi vị của thứ nào ngọt, đặc biệt ngon, ông đánh dấu lại. Mùi vị của thứ nào vừa đắng vừa chát, khó có thể nuốt được, ông cũng đánh dấu lại. Có một số thứ

mùi vị không đến nổi kém, nhưng sau khi nếm thử thì thấy nếu không vàng đầu óc, cũng đau bụng nhức tim, thậm chí còn thương thổ, hạ tả, miệng nôn, trôn tháo. Thì ra những thứ này có chứa chất độc, ông cũng đánh dấu tỉ mỉ kỹ càng.

Truyền thuyết kể rằng trong quá trình Thần Thị Nông nếm thử bách thảo, lúc nhiều nhất trong một ngày đã từng gặp phải bảy mươi loại thực vật có chất độc, trong đó mấy lần suýt mất mạng. Thế nhưng cuối cùng Thần Nông Thị vĩ đại đã khắc phục được muôn vàn khó khăn, đã chiến thắng được mọi loại nguy hiểm, tìm ra được một khối lượng lớn thức ăn cho loài người. Ông đã tìm được những thực vật có thể làm ra lương thực, những loài cây có thể làm rau ăn, đã tìm được những trái cây ngon, còn tìm được cả những cây có thể chữa bệnh được. Khi đã nhana biết được những loại cây này, con người bèn vạch ra kế hoạch trồng trọt, và như vậy vấn đề thức ăn đã được giải quyết thêm một bước, vấn đề thuốc chữa bệnh cũng đã bước đầu được khắc phục. Những người săn thú, bắt cá đã gặp vận may, từ đó trở đi sự nghiệp trồng trọt được mở ra, đời sống của con người đã có bảo đảm.

Thần Nông Thị vẫn chưa thoả mãn, ông phát hiện thấy sự sinh trưởng của thực vật chẳng những có quan hệ đến thời tiết mà còn có quan hệ tới đất đai. Có một số thực vật thích sinh trưởng ở vùng đất vàng, một số thực vật thích sinh trưởng nơi đất đen; một số thực vật ưa đất khô ráo, có một số thực vật hợp với đất ẩm. Tất cả các hiện tượng quan sát được ông đều ghi nhớ, rồi chỉ đạo mọi người theo đuổi việc trồng trọt sao cho ngày một tốt hơn.

Thần Nông Thị lại phát hiện, việc trồng trọt cũng giống như việc săn bắt, đòi hỏi phải có một loại công cụ chuyên dùng. Tức thì ông mò mẫm nhiều lần rồi chế tạo ra các công cụ như cày, bừa, liềm, hái... dùng để trồng trọt và gặt hái. Tới đây, nền sản xuất nông nghiệp nguyên thủy được kể là một hệ thống phương pháp tương đối hoàn chỉnh.

Con người đã bắt đầu sản xuất nông nghiệp, chẳng những đời sống có đảm bảo; sản phẩm dư thừa, mà quan hệ mua bán cũng đã xuất hiện, chợ búa, mậu dịch sơ khai ra đời. Mọi người đem những thực vật dư thừa của thị tộc đem ra chợ trao đổi với thị tộc khác lấy những thứ mà mình không có. Biện pháp là "hợp chợ giữa ban ngày", tới đúng giữa trưa, mặt trời ở giữa không trung, tất cả mọi người đều ra họp chợ, tiến hành trao đổi.

Truyền thuyết về Hữu Sào Thị và Toại Nhân Thị, Phục Hi Thị, Thần Nông Thị, đương nhiên cũng là thần thoại, thế nhưng nó lại phản ánh tiến trình sản xuất và phát triển của đời sống con người trong thời Viễn cổ. Chúng ta biết rằng việc con người giải quyết được các vấn đề chỗ ở, thức ăn v.v... chính là kết quả của cuộc đấu tranh với thiên nhiên và từng bước tích lũy kinh nghiệm, trong đó bao hàm cả sự thăm dò, phấn đấu, thất bại và thành công, hết đời này qua đời khác. Trong quá trình như vậy, con người từ chỗ hiểu biết rất ít, đến chỗ hiểu được tương đối nhiều, đời sống từ chỗ rất không hoàn thiện, tiến đến tương đối hoàn thiện, cuối cùng mới đạt tới đích ấm no, thoả mái. Người cổ đại có một loại Sử quan anh hùng, lấy sự sáng tạo của quần chúng quy công cho một số người tài năng lý tưởng. Chúng ta có thể xem Hữu Sào Thị, Toại Nhân Thị, Phục Hi Thị, Thần Nông Thị v.v... là những nhân vật mang tính chất tương đối tượng trưng, và quả thật họ đã tượng trưng cho quần chúng nỗ lực giải quyết vấn đề đời sống trong xã hội thị tộc.

4. Hoàng Đế đánh suy vu

“Tam Hoàng” – Phục Hi Thị, Thần Thị Nông, Nữ Oa Thị - đã phản ánh thời đại của Công xã thị tộc. Nữ Oa Thị là đàn bà, là thủ lĩnh của Công xã thị tộc Mộ hệ, đáng lẽ xuất hiện tương đối sớm. Phục Hi Thị, Thần Nông Thị là đàn ông, là thủ lĩnh của Công xã thị tộc Phụ hệ, phải xuất hiện tương đối muộn. Tại sao đặt Nữ Oa Thị ở sau? Chính vì những truyền thuyết này đã qua sự chỉnh lý của người đời sau nên thứ tự đã bị đảo lộn. Lại nữa, việc truyền thuyết nói, Nữ Oa Thị tạo ra con người làm sao có thể giảng giải thông suốt được? Truyền thuyết, thần thoại vốn không phải là lịch sử hoàn toàn đáng tin cậy, nên khó tránh khỏi có những mâu thuẫn tự thân.

Công xã thị tộc không ngừng mở rộng hoặc sáp nhập, dần dần hình thành bộ lạc, vài bộ lạc cũng có thể gọi là Bộ tộc. Hoàng đế chính là một vị lãnh tụ của Liên minh Bộ lạc nổi tiếng ở lưu vực sông Hoàng Hà thời cổ đại Trung Quốc.

Nên phân biệt rõ hai từ “Hoàng đế”, một là Hoàng đế là tên người và một Hoàng đế là tên gọi nhà vua, kể từ Tần Thủy Hoàng. Bắt đầu từ Tần Thủy Hoàng trở đi, người thống trị cao nhất của các triều đại Trung Quốc đều gọi là Hoàng đế. Về “Hoàng đế” kể trong chuyện này là một con người cụ thể. Các nhà lịch sử cổ đại gọi lãnh tụ của Liên minh Bộ lạc này là lãnh tụ tài cán nhất trong lịch sử Trung Quốc, là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa (chủ yếu là dân tộc Hán).

Truyền thuyết kể rằng Hoàng đế họ Công Tôn, cũng có người nói ông mang họ Cơ, tene gọi là Hiên Viên. Ông vừa sinh ra đã rất thông minh, tuổi còn rất nhỏ đã hiểu được nhiều đạo lý. Khi lớn lên, ông nhiệt tâm làm việc vì quần chúng, được tiến cử làm thủ lĩnh bộ tộc.

Sau khi làm thủ lĩnh bộ tộc Hoàng Đế đã lãnh đạo mọi người thay đổi cuộc sống săn bắt lang thang, dạy mọi người làm nhà dựng cửa để ở, thuần dưỡng gia súc, trồng trọt ngũ cốc, định cư ở lưu vực Hoàng Hà. Để tiện cho việc giao thông ở hai bờ Hoàng Hà, Hoàng Đế đã tạo ra thuyền và xe. Để đánh nhau với các bộ lạc khác, mọi người đã dùng ngọc vỡ, mài thành các loại binh khí. Ngọc, kỳ thực là một loại đá rắn.

Truyền thuyết kể rằng Hoàng Đế còn sai Sử quan của ông là Thương Hiệt chế tạo ra văn tự, thay thế phương pháp ghi chép sự việc một cách vụng về bằng buộc nút thừng trong thời kỳ Viễn cổ, mà bắt đầu dùng văn tự.

Do Thương Hiệt tạo ra chữ, mọi người cũng đã hiểu được chữ số, đã phát minh ra toán thuật để tính số. Hoàng Đế còn sai thần tử là Đại Náo sáng tạo ra Giáp Tý, chính là dùng Thập thiên can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý phối hợp với Thập nhị địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Tuất, Hợi, để ghi chép năm, tháng, ngày, giờ. Thập thiên can luân lưu sáu vòng, Thập nhị địa chi luân lưu năm vòng, vừa tròn 60 năm, điều này được gọi là một “Giáp tý”, hoặc “Hoa giáp”.

Truyền thuyết kể lại rằng, lúc đó con người đã hiểu âm nhạc, đã phát minh ra nhạc cụ như chuông, trống v.v... Hoàng Đế ra lệnh cho một nhạc sư tên gọi là Linh Luân dùng một ống trúc dài ba tấc chín phân làm thành âm luật có thể phát sinh ra 12 âm, dùng để hiệu chỉnh các loại âm thanh của nhạc cụ, làm cho các loại nhạc khí hài hoà tiết tấu.

Trong thời Hoàng Đế, con người đã biết dùng y dược để chữa trị các loại bệnh tật. Có một quyển sách lí luận cơ sở Đông y học gọi là Hoàng Đế Nội Kinh, kỳ thực là trước tác của thời kỳ Chiến Quốc, Tần, Hán. Nhưng có truyền thuyết lại kể rằng tác giả là một vị thầy thuốc tên gọi là Kỳ Bá, thời Hoàng Đế.

Theo truyền thuyết, người vợ của Hoàng Đế tên gọi là Luy Tổ, cũng là một người rất thông minh, mẫn cán. Thấy con người mùa đông khoác da thú, mùa hạ xuyên lá cây vây quanh eo sườn, không có quần áo mặc, bà liền nghĩ ra nghề nuôi tằm kéo tơ, lấy tơ dệt thành lụa, lại còn cho nhuộm thành các loại màu sắc, dùng để may quần áo. Người đời sau đã suy tôn Luy Tổ là “Tiên tằm nương nương” để ghi ơn phát kiến quan trọng này.

Qua nhiều truyền thuyết có thể thấy rõ, ở thời kỳ Hoàng Đế đã bắt đầu có cuộc sống văn

minh, đã bước vào thời kỳ đỉnh thịnh của thời đại đồ đá mới. Có thể vì lẽ đó mà Hoàng Đế luôn được coi là đại biểu kiệt xuất của dân tộc Trung Hoa vĩ đại, là tổ tiên chung của mọi người Trung Quốc. Người Trung Quốc đều bằng lòng coi mình là con cháu của Hoàng Đế.

Khi bộ tộc của Hoàng Đế bắt đầu cuộc sống văn minh, trên dải đất Trung Quốc vẫn còn rất nhiều bộ tộc khác nữa. ở Tây Bắc lưu vực Hoàng Hà có một bộ tộc do Viêm Đế họ Khương làm thủ lĩnh. Bộ tộc Viêm Đế thấy vùng trung du Hoàng Hà đất đai tốt đẹp, liền dần di chuyển về hướng Đông Nam. Tới trung du Hoàng Hà, họ đã xung đột với bộ tộc bản địa Cửu Lê từng cư trú ở đó từ lâu. Hậu quả là bộ tộc Viêm Đế bị đánh bại. Viêm Đế đành phải dẫn bộ tộc chạy trốn tới địa bàn mà bộ tộc của Hoàng Đế đang cư trú, thế là lại phát sinh xung đột với bộ tộc Hoàng Đế và trận tử chiến ở Bản Tuyền đã xảy ra.

Bản Tuyền ở vùng Đông Nam huyện Trác Lộc, tỉnh Hà Bắc ngày nay, địa thế rất hiểm yếu. Bộ tộc Hoàng Đế chiếm lĩnh các địa hình có lợi nhất, có tới ba lần giao chiến kịch liệt với quy mô lớn, cuối cùng Hoàng Đế đánh bại được Viêm Đế. Đứng trước Hoàng Đế, Viêm Đế ngoan ngoãn chịu thua, đồng ý đem hai bộ tộc sáp nhập lại, tôn Hoàng Đế làm thủ lĩnh, bản thân Viêm Đế đảm nhiệm chức phó thủ lĩnh. Bộ tộc Hoàng Viêm hoặc bộ tộc Viêm Hoàng này chính là mô hình đầu tiên sớm nhất của dân tộc Trung Hoa. Về sau, người Trung Quốc vẫn tự xưng mình là duệ trụ của Viêm Hoàng. Duệ trụ có nghĩa là con cháu đời xa xưa.

Sau khi hai dân tộc Viêm Hoàng sáp nhập lại, Viêm Đế yêu cầu Hoàng Đế giúp ông rửa sạch mối xỉ nhục bị bộ tộc Cửu Lê đánh bại. Vừa hay lúc đó bộ tộc Cửu Lê cũng đang di chuyển về phía Đông Nam, uy hiếp sự an toàn của bộ tộc Viêm Hoàng. Thủ lĩnh bộ tộc Cửu Lê là Suy Vưu đã từng đánh bại Viêm Đế, do đó càng vênh vang tự đắc, xem thường bộ tộc Hoàng Viêm.

Theo truyền thuyết thì Suy Vưu cũng là một nhân vật đáng gờm. Suy Vưu có 81 người anh em, người nào cũng đều đầu người thân thú, đầu đồng, trán sắt, có tám cánh tay, chín ngón chân, trên mặt có các loại hoa văn màu sắc, có thể ăn được cát và đá. Lẽ dĩ nhiên đó chỉ là sự miêu tả ngoa ngôn trong sách cổ. Căn cứ vào sự miêu tả hoang đường này, chúng ta có thể suy đoán, đại đế Suy Vưu là một thủ lĩnh của một bộ tộc dã man; bộ tộc Cửu Lê của Suy Vưu so với bộ tộc Hoàng Viêm thì lạc hậu hơn nhiều.

Để rửa thù, cũng là uy hiếp sự chống đối của bộ tộc Cửu Lê, Hoàng Đế và Viêm Đế đã làm rất nhiều công tác chuẩn bị. Chẳng hạn, hướng dẫn người trong bộ tộc mài chế rất nhiều dao đá, rìu đá, rèn tập được một đội quân tinh nhuệ. Máy phân đội của đội quân này đã lấy tên các mãnh thú Hổ, Báo, Gấu, Bò v.v... đặt tên cho mình. Thủ lĩnh của đội Hổ thân khoác da hổ, thủ lĩnh của đội Báo thana choàng da báo, mượn oai phong của mãnh thú để khuyếch trương thanh thế, hù dọa kẻ thù. Các ngài còn chế định ra phương án tác chiến tỉ mỉ.

Cuộc đại chiến giữa bộ tộc Hoàng Viêm với bộ tộc Cửu Lê cuối cùng đã nổ ra ở vùng Trác Lộc. Hai bên tác chiến, một phía do Suy Vưu và 81 người anh em của hắn đánh ở đầu trận, một phía đội quân Hổ, Báo, Gấu, Bò do Hoàng Đế và Viêm Đế chỉ huy làm tiên phong. Căn cứ vào sự miêu tả trên sách cổ thì trận đánh nhau này diễn ra rất kịch liệt, cả hai bên đều mời quỷ thần đến trợ chiến.

Cuộc đại chiến vừa bắt đầu, Hoàng Đế đã ra lệnh cho ứng Long đảm nhận chức Đại tướng, chặt đứt Giang Hà, chuẩn bị thủy tai làm cho Suy Vưu chết chìm. Suy Vưu không can tâm tỏ ra yếu đuối, đã sớm mời Phong Bá Vũ Sư tới thổi gió lớn, đổ mưa to. Hoàng Đế thấy Suy Vưu có thể gô gió, gọi mưa, liền nhanh chóng mời nữ thần Hạng Bạt dùng ánh nắng gay gắt và gió bão hanh khô đuổi bay hết gió to, mưa lớn.

Hiệp thứ nhất, Suy Vưu bị thua, liền thi hành một tuyệt chiêu, gây ra sương mù lớn. Sương mù lớn nhàn khói đặc bao phủ kín suốt ba ngày đêm, làm cho người của bộ tộc họ Viêm Hoàng thò tay ra không nhìn thấy năm ngón tay, tất cả đều lạc mất phương hướng, chẳng những không nhìn rõ kẻ thù ở trước mặt, mà ngay tới người của mình đều thất tán lẫn nhau. Hoàng Đế vội sai đại tướng Phong Hựu dựa theo nguyên lý chỉ huy phương hướng của sao Bắc Đẩu chế tạo ra xe chỉ Nam dùng nhận biết phương hướng. Họ dựa vào xe chỉ Nam, nhận biết được đại bản doanh của Suy Vưu, phát động một cuộc tiến công mãnh liệt. Lúc này Suy Vưu

đang đặc ý nhìn làn sương mù dày đặc và cho rằng bộ tộc Hoàng Viêm sẽ bị lạc phương hướng, không nhúc nhích được, thắng lợi đã ở trong tầm tay. Suy Vưu hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi quân của Hoàng Đế đã dựa vào sự chỉ dẫn của xe chỉ Nam, lúc này đã xông tới trước mặt đại bản doanh của mình rồi. Suy Vưu trở tay không kịp, cuối cùng đã bị đánh tan và bị bắt làm tù binh.

Hoàng Đế bắt được Suy Vưu, sai ứng Long áp giải tới hang Hung Lê, lệnh cho chặt đứt đầu. Hoàng Đế và Viêm Đế còn đem toàn bộ tộc Cửu Lê của Suy Vưu sáp nhập vào bộ tộc Hoàng Viêm. Một số quân của bộ tộc Cửu Lê không chịu đầu hàng, vội vã chạy trốn tới vùng ven biển và hải đảo ở phương Nam. Họ chính là tổ tiên của bộ tộc Lê sau này. Cửu Lê hoặc bộ tộc Lê kỳ thực cũng chỉ là các dân tộc anh em cùng lớn lên trên dải đất Trung Hoa rộng lớn.

Trong truyền thuyết, cuộc đại chiến ở Trác Lộc, được miêu tả rất hoang đường, thế nhưng nó cũng hé ra được một số đầu mối giúp vào việc nghiên cứu sự phát triển của lịch sử nước nhà trong thời Viễn cổ; không những thế, nó còn cho biết, trong thời Viễn cổ, giữa các bộ tộc hoặc liên minh bộ tộc đã có sự xung đột rất lợi hại, hơn thế đã phát sinh ra những cuộc chiến tranh. Những truyền thuyết đó còn phản ánh rõ cội nguồn sâu xa của các dân tộc Trung Hoa và cội nguồn ấy dần dần được hình thành và phát triển trong cuộc đấu tranh giữa con người với thiên nhiên và trong cuộc đấu tranh giữa bộ tộc với bộ tộc.

5. Cộng Công Thị nổi giận húc đổ Bất Chu Sơn

Hoàng Đế, sau đó là Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn nắm lãnh tụ liên minh bộ lạc này, được các nhà lịch sử học cổ đại tôn xưng là “Ngũ Đế”.

Căn cứ vào truyền thuyết, Chuyên Húc là cháu của Hoàng Đế, bởi vậy ông bắt đầu dựng nước ở Cao Dương (Vùng Đông Nam thành phố Bảo Định, tỉnh Hà Bắc ngày nay) cho nên có tên gọi là Cao Dương Thị. Chuyên Húc là người thông minh, am hiểu nhiều sự kiện, có mưu trí, khéo lợi dụng mê tín quỷ thần để quản chế các thành viên của bộ tộc vốn có uy tín rất cao trong quần chúng. Chuyên Húc từng thị sát qua nhiều địa phương, ở miền Bắc đã đi qua vùng Hà Bắc hiện nay, ở miền Nam thì đi qua phía Nam Ngũ Lĩnh, ở miền Tây đã đi qua Cam Túc hiện nay, ở miền Đông đi qua một số hòn đảo vùng Đông Hải. Trong các sách sử thời cổ đại viết rằng: Chuyên Húc đi tới đâu, chẳng những được đông đảo quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh, thậm chí ngay cả động vật cũng vây đuôi, cây cối cũng rung động cành lá biểu thị sự đồng tình đối với ông.

Thế nhưng Chuyên Húc lại làm những việc không được mọi người yêu thích. Truyền thuyết kể rằng ông đã đặt ra một điều pháp quy định khi đi trên đường phụ nữ gặp đàn ông cần phải nhường tránh sang một bên, nếu không, sẽ bị kéo tới ngã tư đường đánh cho một trận nên thân. Điều pháp này tuy chỉ là truyền thuyết, thế nhưng đã nói rõ ở thời kỳ Chuyên Húc đó, địa vị của người phụ nữ đã thấp hơn đàn ông, con người đã từ xã hội thị tộc mẫu hệ quá độ tới xã hội thị tộc phụ hệ, ở trong xã hội nam giới được hưởng uy quyền lớn.

Cùng với Chuyên Húc còn có một người tên là Cộng Công Thị, bản lĩnh cũng rất cao cường.

Theo truyền thuyết Cộng Công Thị họ Khương, là con cháu đời sau của Viêm Đế. Cộng Công Thị thông minh, có sức khỏe, am hiểu nhiều công việc sản xuất. Ông rất vui lòng làm những công việc vì lợi ích chung. Lúc đó, loài người chủ yếu theo đuổi sản xuất nông nghiệp, sau Thần Nông, Cộng Công Thị là người đã có nhiều cống hiến trong việc phát triển nông nghiệp.

Cộng Công Thị có một con trai, tên gọi là Hửu Thổ, cũng rất hiểu biết về nghề nông. Để phát triển sản xuất nông nghiệp, hai cha con đã khảo sát tình hình đất đai chín châu thời cổ đại - chín châu đó là Ký, Duyện, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dự, Lương, Ung. Đông đảo quần chúng của chín châu này rất hoan nghênh Cộng Công Thị và Hửu Thổ. Dân chúng tôn xưng Hửu Thổ là Xã Thần, cũng chính là thần Thổ Địa, tôn xưng Cộng Công là Thủy Sư, cũng chính là thần quản lý Thủy lợi.

Cộng Công và Hửu Thổ khảo sát xong tình hình đất đai của chín châu thì cho rằng họ có địa phương thế đất quá cao, không thể dùng nước tưới tắm được, có nơi thế đất lại quá thấp, dễ bị ngập lụt, bất lợi cho sản xuất nông nghiệp. Do vậy, Cộng Công đã đặt ra kế hoạch: san bằng đất cao, lấp vùng đất trũng. Ông cho rằng đào đất ở vùng cao lấp xuống vùng đất trũng thì có thể phát triển trồng trọt được trên một dải đất rộng lớn, và đương nhiên là có thể phát triển được sản xuất nông nghiệp.

Thế nhưng Chuyên Húc không đồng ý để Cộng Công Thị làm như vậy. Ông cho rằng bản thân mình có quyền uy, chí cao vô thượng, toàn thể bộ tộc đều phải tuyệt đối tuân theo sự chỉ huy của một mình ông, không cho phép Cộng Công Thị đề xuất ý kiến. Ông lấy lý do là Trời không thuận để ngăn cản Cộng Công san bằng đất đai. Vì tranh đoạt quyền lãnh đạo bộ tộc, giữa Chuyên Húc và Cộng Công đã có những cuộc đụng chạm rất gay gắt.

Về lực lượng, Cộng Công Thị mạnh hơn nhiều so với Chuyên Húc, về mưu trí thì Cộng Công Thị lại không sánh kịp Chuyên Húc. Chuyên Húc liêu lĩnh tuyên truyền mê tín quỷ thần, hù dọa quần chúng, bắt quần chúng không được giúp đỡ Cộng Công Thị. Lúc đó, sức sản xuất xã hội rất thấp, con người còn rất mê tín, rất nhiều người đã mắc lừa Chuyên Húc, lo sợ để Cộng Công Thị san bằng đất đai, sẽ làm cho quỷ thần giận dữ, sẽ dẫn tới tai nạn, nên đều đứng cả về phía Chuyên Húc.

Thế nhưng, Cộng Công Thị đã có đầy đủ niềm tin kiên cường. Ông nhận định rằng chủ trương

san bằng đất đai của mình là chính xác, cho nên quyết không chịu thua. Dù cho quần chúng đã bị Chuyên Húc lừa bịp, không hiểu rõ ông, không giúp đỡ ông, ông vẫn quyết định hy sinh tính mạng để thực hiện lý tưởng của mình, đột nhiên Ông đập mạnh đầu vào Bất Chu Sơn cao ngất tầng mây, lổm chổm những đá, (Bất Chu Sơn tức là Côn Lôn Sơn hiện tại), đúng vào đỉnh chóp núi Bất Chu, để san bằng vùng đất Trũng ở quanh núi.

Bất Chu Sơn bị Cộng Công Thị bất ngờ lao mạnh, lập tức bị gãy gập ngang lưng, đất đá đổ xuống rào rào. Trong giây khắc cả bầu trời đột nhiên chao đảo lắc lư, toàn bộ mặt đất bị rung rinh rất mạnh. Vốn là núi Bất Chu này là cây cột chống giữa trời và đất. Cột chống trời bị gãy, sợi dây thừng buộc chặt trời và đất bị đứt, trái đất nghiêng đổ về phía Tây Bắc, mặt trời mặt trăng và các ngôi sao mỗi ngày đều mọc lên từ phương Đông, rồi lặn về phương Tây. Bởi mặt đất đổ về hướng Đông Nam, nước của sông lớn nhỏ đều cuộn cuộn chảy ra biển cả theo hướng Đông. Đầu Cộng Công Thị tưởng muốn vỡ ra, mắt nổ đom đóm, thế nhưng ông đã húc đổ được Bất Chu Sơn, tạo thành một vùng bình nguyên rộng lớn, rất có lợi cho việc sản xuất nông nghiệp ở phương Bắc Trung Quốc. Trong cuộc đấu tranh với Chuyên Húc, Cộng Công Thị đã trở thành một vị anh hùng giành thắng lợi khiến cho muôn dân phục.

Truyện Cộng Công Thị tranh giành quyền lãnh đạo với Chuyên Húc, giận dữ đùng tới Bất Chu Sơn đã lưu truyền trên hai nghìn năm nay. Truyền thuyết này đã chứng tỏ tổ tiên người Trung Quốc muốn giải đáp rất nhiều vấn đề: tại sao mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao đều mọc ở phương Đông lặn về phương Tây, tại sao Đại giang Đại Hà đều từ phía Tây chảy về phía Đông, tại sao khu vực Hoa Bắc lại có đồng bằng rộng lớn v.v.. Bởi chúng họ chưa có đủ tri thức khoa học để giải đáp vấn đề này, mà chỉ dùng sức tưởng tượng phong phú thêu dệt ra truyền thuyết, thần thoại giống như kiểu Cộng Công Thị húc đổ Bất Chu Sơn đây thú vị kia.

6. Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn

Chuyên Húc ở ngôi được 78 năm, khi 91 tuổi thì qua đời; Đế Khốc kế tiếp địa vị của Chuyên Húc. Đế Khốc tên là Tuấn, bởi lúc đầu đặt cơ sở ở Tân (gần huyện Hợp Dương, tỉnh Thiểm Tây ngày nay), cho nên còn có tên gọi là Cao Tân Thị. Từ năm 15 tuổi Đế Khốc đã phó tá Chuyên Húc, năm lên ngôi đã 30 tuổi. Đế Khốc là con người chí công vô tư, biết xét rõ thiên ác. Khi tại vị ông biết tự nghiêm khắc với mình, nên người trong thiên hạ đều rất tín phục. Đế Khốc ở ngôi 70 năm, tới năm 105 tuổi mới qua đời, con trai ông là Chí tiếp ngôi. Bởi Chí hoang dâm vô độ, không biết tu sửa thiên chính, chín năm sau bị phế truất, Nghiêu được tiến cử làm lãnh tụ của liên minh bộ lạc.

Nghiêu họ Y Kỳ, tên là Phóng Huân, hiệu Đào Đường Thị, gọi tắt là Đường Nghiêu. Trong sách cổ nói Nghiêu rất giỏi trị thiên hạ. Nghiêu hạ lệnh cho Hi và Hoà quản lý Thiên Địa, sai Hi Trọng, Hi Thúc, Hoà Trọng, Hoà Thúc lần lượt nắm giữ bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Ông còn đặt ra lịch pháp, quy định một năm có 366 ngày, chia thành 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, khiến cho nghề nông, nghề chăn nuôi, nghề đánh bắt cá và săn thú đều có thể căn cứ vào mùa tiết mà sắp xếp việc sản xuất.

Bắt đầu từ năm 16 tuổi Nghiêu đã cai trị thiên hạ, ở ngôi 70 năm. Đến năm 86 tuổi, sức đã yếu, ông muốn tìm một người thay thế. Ông phát công báo đi khắp nơi, kêu gọi tiến cử người có tài năng. Không lâu, mọi người tiến cử Ngu Thuấn, một chàng trai tài giỏi, có thể kế thừa được.

Truyền thuyết nói rằng Ngu Thuấn họ Diêu, tên là Trùng Hoa, người Ký Châu (một vùng trong tỉnh Hà Bắc ngày nay). Cha của Ngu Thuấn bị mù, mẹ mất sớm. Người cha mù lại lấy vợ lẽ, đó chính là mẹ kế của Ngu Thuấn. Mẹ kế sinh được một người con trai đặt tên là Tượng. Tượng là một tên ma cà bông, hay ăn, biếng làm, lại vô cùng ngạo mạn, thường xuyên nũng nịu trước mặt cha mẹ, nói xấu người anh cùng cha khác mẹ là Ngu Thuấn. Người cha mù rất cưng chiều đứa con nhỏ là Tượng ấy, không thích đứa con lớn do vợ trước sinh ra là Ngu Thuấn. Hai vợ chồng già và Tượng thường ngồi lại bàn mật mưu, tìm cơ hội giết hại Ngu Thuấn, để một mình Tượng được thừa kế toàn bộ tài sản của cha mẹ. Ngu Thuấn không hề để ý. Ngu Thuấn rất hiếu thuận với người cha mù của mình, đối xử với mẹ kế và người em khác mẹ cũng rất tốt.

Đường Nghiêu nghe xong lời giới thiệu của mọi người, liền quyết định trước hết phải thử thách Ngu Thuấn, xem thử Ngu Thuấn có đầy đủ tư cách xứng đáng làm người thừa kế của mình không. Nghiêu đã đem hai người con gái của mình là Nga Hoàng và Nữ Anh gả cho Ngu Thuấn, rồi sai Ngu Thuấn tới các nơi để hoà nhập cùng với quần chúng.

Sau khi kết hôn Ngu Thuấn đem hai người vợ cùng đi trồng cấy, vẫn giữ hiếu thuận với cha mẹ và quan tâm đến em như xưa. Danh tiếng của Ngu Thuấn ngày càng lây lừng, mọi người đều nói Thuấn là một con ngoan, chồng tốt, anh hiền.

Ngu Thuấn tới chân núi Lịch cày cấy trồng trọt. Những người nông dân ở đó vì tranh giành đất đai mà gây chuyện xích mích dằng dai, không sao chấm dứt được. Có Ngu Thuấn bên cạnh, họ đã biết nhường nhịn lẫn nhau, giúp đỡ nhau, công việc sản xuất trở nên rất tốt. Ngu Thuấn tới vùng đất Lô Trách bắt cá, vốn dĩ ngư dân ở đây thường xuyên vì tranh chấp nhà cửa mà đánh nhau đến nổi vỡ đầu chảy máu. Ngu Thuấn vừa đến, các ngư dân liền nhường nhà cửa cho nhau, hoà thuận như những người trong một gia đình. Ngu Thuấn tới bờ sông đốt lò nung gốm. Những người làm gốm ở đây từ trước vốn làm ăn cầu thả, chất lượng đồ gốm rất kém, nay đã chịu khó làm việc, những đồ gốm chế tạo ra rất tinh xảo, đẹp đẽ. Mỗi khi Ngu Thuấn tới địa phương nào thì người nơi đó đều bám theo, chỉ một năm trời, ở đó đã hình thành thôn làng, hai năm hình thành phố xá, ba năm hình thành thành thị.

Đường Nghiêu chứng kiến thành tích tốt như vậy của Ngu Thuấn, lại được quần chúng ủng hộ nhiệt thành, lẽ dĩ nhiên cảm thấy rất vui mừng, bèn ban thưởng cho Ngu Thuấn một bộ quần áo mới và một cây đàn, còn xây dựng cho Ngu Thuấn một kho chứa lương thực, tặng Thuấn cả một đàn trâu và cừu.

Người cha mù và em trai Tượng của Ngu Thuấn nghe nói Thuấn được nhiều thứ như vậy, lại sinh lòng đố kỵ. Người cha mù sai Thuấn trèo lên đỉnh kho thóc lợp lại mái, đoạn ở dưới phóng lửa đốt muốn thiêu chết Thuấn đi. May mà âm mưu này đã sớm bị Nga Hoàng và Nữ Anh phát hiện, các nàng dặn dò Thuấn đem theo hai chiếc nón lên làm việc ở đỉnh kho. Thuấn nhìn thấy ở dưới bốc lửa, vội vã mỗi tay cầm một chiếc nón, giống hệt như trái rặng đôi cánh nháy xuống đất, thoát khỏi nguy hiểm. Người cha mù và Tượng thấy kế đó không thành lại thi hành kế khác. Sau mấy ngày, người cha mù sai Thuấn đi đào giếng và khi đốn chắc giếng đã đào rất sâu rồi, liền đổ đất, đổ đá xuống, muốn chôn sống Thuấn. Họ không biết rằng ở dưới đáy giếng, Thuấn đã làm thêm một ổ ngách để nghỉ. Giếng bị lấp rồi, Thuấn lại đào một cửa ra theo lối ổ ngách, trèo lên thoát ra ngoài. Tên ma cà bông Tượng cho rằng nhất định Thuấn đã chết ở dưới đáy giếng liền chạy vào phòng của Ngu Thuấn, ngồi ở trên giường của Ngu Thuấn gảy đàn kêu tích tích tình tang. Bỗng Tượng ngẩng đầu lên nhìn thấy Thuấn trở về, thì bàng hoàng thất kinh, vội giả bộ thương xót, nói:

- Anh ơi! Em đang nhớ anh đây. Anh đào giếng thế nào mà mãi chẳng thấy về, làm cho em nhớ muốn chết!

Thuấn không hề oán trách em, trái lại đã nói:

- Em tốt quá, em quan tâm tới anh như vậy, thật đúng là người em ruột thịt cùng cha sinh ra.

Đường Nghiêu nghe nói Ngu Thuấn độ lượng khoan hồng như vậy, nên càng yên tâm đối với Thuấn, liền đem đại quyền cai trị thiên hạ giao cho Thuấn, còn mình thì đem theo một đoàn người tới các nơi thị sát. Ngu Thuấn nắm đại quyền cai trị thiên hạ được hai mươi năm, mọi việc đều sắp xếp đàng hoàng nên nếp khiến người trong thiên hạ đều vô cùng bá phục. Lúc này, Đường Nghiêu đã hơn một trăm tuổi rồi, sau khi Nghiêu đi thị sát trở về, liền đem toàn bộ chức quyền lãnh tụ của liên minh bộ lạc nhường lại hết cho Ngu Thuấn, bản thân thì lui về phía sau dưỡng già. Điều này được lịch sử gọi là “Nghiêu Thuấn thiện nhượng”- Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn.

Ngu Thuấn đảm nhiệm chức lãnh tụ được tám năm thì Nghiêu qua đời. Thuấn càng cần cù phấn đấu làm việc, cai trị thiên hạ càng tốt hơn so với thời Nghiêu.

Vào những năm cuối đời, Thuấn cũng đi thị sát các nơi. Lần cuối cùng ông đi tuần tra khu vực Thương Ngô (vùng Đông Bắc khu tự trị tộc Choang, tỉnh Quảng Tây và vùng phía Nam tỉnh Hồ Nam ngày nay) thì mắc bệnh qua đời. Hai người vợ của ông là Nga Hoàng và Nữ Anh vô cùng thương nhớ ông, thường tựa vào cây trúc trước cửa khóc lóc bi ai, nước mắt của các bà giổ trên cây trúc, ngưng đọng kết thành những chấm hoa văn loang lổ rất đẹp. Loại cây trúc có hoa văn vàng này về sau được nhân dân gọi là Tượng phi trúc, kỳ thực chính là Ban trúc.

Câu chuyện Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn, đã được lưu truyền suốt mấy nghìn năm. Thời đó không để lại bất kỳ ghi chép văn tự nào, cho nên chỉ là truyền thuyết. Câu chuyện này nói rõ tổ tiên Trung Hoa ta lúc đó còn ở hậu kỳ xã hội nguyên thủy, không có giai cấp, lãnh tụ của liên minh bộ lạc do tuyển chọn mà ra, lãnh tụ không có các chức vụ và quyền lực đặc quyền của riêng. Thế nhưng lúc đó cũng đã bắt đầu xuất hiện một bộ phận tư hữu tài sản. Chuyện nông dân ở Lịch Sơn tranh giành đất đai, ngư dân ở Lôi Trạch tranh giành nhà cửa, Nghiêu đem bò, cừu, tài sản thưởng cho Thuấn, người cha mù và Tượng muốn chiếm đoạt tài sản của Ngu Thuấn v.v... đều minh chứng rõ xã hội nguyên thủy đã dần dần quá độ sang xã hội nô lệ, chế độ tư hữu đang từng bước hình thành.

7. Đại Vũ trị thủy

Truyền thuyết kể rằng khi Nghiêu đang ở ngôi, trên đất đai Trung Quốc đã phát sinh thảm họa lũ lụt cực kỳ to lớn. Nước lụt xô đổ nhà cửa, làm ngập hết hoa màu, làm thiệt rất nhiều sinh mạng. Để giải trừ nỗi khổ sở cho dân chúng, Nghiêu kêu gọi tiến cử người có tài năng để đi trị nạn hồng thủy. Mọi người tiến cử ông Cỗn đi làm việc này. Cỗn trị thủy suốt chín năm trời, sử dụng phương pháp đắp đê ngăn nước, cứ ngăn đi ngăn lại mãi, bên này ngăn được thì đê bên kia lại bị phá vỡ. Kết quả là mệt dân, tốn của, chẳng đem lại kết quả gì. Nghiêu lại sai Thuấn đi kiểm tra công việc của Cỗn. Thuấn nhìn thấy Cỗn bố tay vô sách trước nạn đại hồng thủy, làm lỡ việc lớn, liền xử tử Cỗn, rồi lại hạ lệnh cho em trai của Cỗn là Vũ tiếp tục trị nạn hồng thủy.

Vũ họ Tư, sống cách hiện tại khoảng trên bốn nghìn năm, là một người vô cùng tài ba. Vũ là ông vua đầu tiên của triều nhà Hạ, do lập được công lao to lớn trong việc trị thủy nên lịch sử gọi ông là Hạ Vũ hoặc Đại Vũ. Hạ Vũ là người thông minh cần lao, với mọi người hoà nhã thân thiết, rất giữ chữ tín, nhất cử nhất động đều nêu gương tốt cho dân chúng noi theo.

Sau khi Hạ Vũ tiếp nhận nhiệm vụ trị thủy, ông đã quyết định trước hết phải tiến hành khảo sát thực địa. Ông dẫn đầu ích Hậu Tắc và số đông trợ thủ, đi khắp các khu vực bị thủy tai trong khắp chín châu của đất nước lúc đó, trèo đèo lội suối, đo đạc thể đất cao thấp, lần lượt xác định các cột gỗ làm tiêu chí, sau đó căn cứ vào những tư liệu đã điều tra được lập ra kế hoạch trị thủy. Hạ Vũ và những người giúp việc đem theo các dụng cụ thô sơ như rìu đá, xẻng đá, liềm bằng xương v.v... tới các khu vực bị thủy tai nghiêm trọng nhất, từ đó bắt đầu công việc trị thủy.

Để tiêu trừ tai hại của hồng thủy, Hạ Vũ và những người giúp việc vất vả long đong lạt đật ở bên ngoài suốt 13 năm trời. Họ phải ăn những thức ăn thô tạp, mặc quần áo cũ, và chẳng vá chít, ban đêm thường xuyên ngủ ngoài đồng rải lá khô thay giường, làm chăn. Mùa hè, những người trị thủy lao động dưới trời mưa to, mùa đông đội gió lạnh làm lưng, đổ máu, đổ mồ hôi, có cả sự hi sinh rất lớn. Có người ngã trên đỉnh núi, xác được chôn ngay trên đỉnh núi. Có người chết đuối bên sông cũng được thủy táng ngay trên sông. Sau khi tiến hành nghi thức giản đơn để tỏ lòng thương tiếc, những người còn sống lập tức lao vào công việc lao động khẩn trương.

Hạ Vũ là thủ lĩnh của các công trình trị thủy, ông đã nêu tấm gương rất tốt cho nhân dân. Trên tay ông mọc đầy chai cứng, chân ông chẳng chít các vết sẹo, mặt khụng kịp rửa, trâm cài tóc rơi cũng chẳng kịp nhặt lên, thường xuyên làm việc vất vả, mặt bần, đầu rối. Do ngâm mình ở trong nước quanh năm suốt tháng, ngón chân ông đã rụng hết, lông mọc trên móng chân cũng sạch trơn. Những người dưới quyền ông thấy ông như vậy ai nấy đều cảm động rơi nước mắt.

Trong vòng 13 năm trị thủy, Hạ Vũ đã từng có ba lần đi qua trước cửa nhà mình mà không kịp vào thăm, dù là chốc lát. Lần thứ nhất đi qua cửa nhà ông nghe tiếng khóc oa oa của đứa con trai, vợ ông do lao động khổ sở cũng đăm rên rĩ. Những người giúp việc đều khuyên ông vào nhà thăm vợ con, ông sợ làm lỡ dở công việc, nên đã lắc đầu. Khi đi qua cửa nhà mình lần thứ hai, đứa con trai nằm trong lòng mẹ đã biết cất tiếng gọi cha, gắng sức giơ bàn tay nhỏ bé vẫy gọi ông. Hạ Vũ tràn đầy tình cảm vẫy tay chào vợ con, biểu thị rằng ông đã nhìn thấy họ, song ông vẫn không bước vào nhà. Lần thứ ba khi đi qua trước cửa nhà mình, đứa con trai đã hơn mười tuổi, chạy ra gọi cha, cố sức kéo tay ông vào trong nhà. Hạ Vũ thương yêu trìu mến sờ lên đầu con, dặn con nói với mẹ rằng: "Công việc trị thủy rất bận, không có thời gian rồi để vào nhà". Rồi vội vã ra đi.

Công việc trị thủy không những vô cùng gian nan vất vả, mà cũng rất nguy hiểm. Có một lần, Hạ Vũ dẫn một số lớn người giúp việc tới bên bờ một dòng sông thuộc tỉnh Sơn Đông ngày nay, vừa định đo đạc độ sâu của nước, đột nhiên một cơn lũ thường nguồn cao tới mấy trượng ào ào đổ xuống, trong nháy mắt đã cuốn trôi đi mất mấy chục người. Những người giúp việc Hạ Vũ vô cùng kinh sợ, họ tranh nhau lên chỗ cao, để tránh tổn thất. Thời cổ những người giúp việc thủ lĩnh gọi là các đồ đệ, dòng sông này là nơi các đồ đệ luôn bị nổi kinh hãi đe dọa, nên về

sau nhân dân đã đặt tên con sông này là Đồ Hải.

Trái ngược lại với cách làm của Cỗn, trong công việc trị thủy, Hạ Vũ đã sử dụng một loạt các phương pháp chính xác: đào núi khơi ngòi, khai thông dòng chảy dẫn nước lụt đổ vào Đại Giang Hà, sau đó đổ ra biển cả. Lúc đó, ở giữa Hạ Tân Sơn Tây và Hàn Thành Thiểm Tây ngày nay là một dải núi cao, vừa hay chặn đứng được dòng chảy của Hoàng Hà. Nước sông hung hãn tới đây không tìm được lối thoát nên lòng sông ứ tràn ra bốn phía, đất đai rộng lớn ở hai bên bờ sông luôn ngập chìm trong biển nước mênh mông. Hạ Vũ cho rằng nơi đây chính là điểm mấu chốt của việc trị thủy, liền quyết định đào một cửa mở, tìm cho Hoàng Hà một dòng chảy. Trải qua lao động vô cùng gian nan vất vả, núi cũng đã đục thông, nước Hoàng Hà gầm thét điên cuồng có đường thông chảy, liền qua cửa mở, nhanh chóng chảy xuống hạ lưu. Để kỷ niệm công lao Hạ Vũ người đời sau đã gọi ngọn núi này là Long Môn Sơn, gọi cửa mở này là Vũ Môn Khẩu.

Hạ Vũ không chỉ cần cù nước lụt mà còn chỉ đạo nhân lợi dụng đất và nước như thế nào để phát triển sản xuất nông nghiệp. Ông đã sai ông Ích đem thóc giống phát cho dân chúng, dạy dân chúng trồng cấy lúa nước ở vùng đất trũng. Lại sai Hậu Tắc đem một số hạt giống cây trồng phát cho dân chúng ở vùng có thủy tai dạy họ trồng cấy, thu hoạch lương thực và trái cây, tránh được nạn đói. Hạ Vũ còn sai người thông thương giữa nơi có và nơi không để điều hoà sản vật giữa các nơi. Tai nạn hồng thủy uy hiếp sự an toàn tính mệnh tài sản của nhân dân đã bị tiêu trừ, sản xuất nông nghiệp cũng được phát triển triển mĩ.

Về chuyện Hạ Vũ trị thủy mà chúng ta biết được ngày nay là do người đời sau kể lại, không có văn tự ghi chép, do vậy chỉ có thể nói là một loại truyền thuyết. Truyền thuyết Hạ Vũ trị thủy bảo cho chúng ta biết: thủy tai là tai họa thiên nhiên rất nghiêm trọng trong lịch sử. ở thời đại Viễn cổ, sức sản xuất còn thấp, để chiến thắng thủy tai, con người đã từng có những hi sinh cực kỳ to lớn. Mọi người mong muốn có một vị lãnh tụ quan tâm đến những nỗi đau khổ của quần chúng, lại rất có tài năng như Hạ Vũ để lãnh đạo nhân dân đấu tranh với thủy tai. Truyền thuyết này cũng nói cho chúng ta biết rằng: ở thời đại Viễn cổ, con người đã có thể nhận thức được đặc tính của nước, hiểu biết được quy luật hồng thủy tràn ngập, hơn nữa còn biết dùng những công cụ nguyên thủy để chiến thắng nạn lụt, biến thủy tai thành thủy lợi, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Hạ - Thương - Tây Chu

Ba triều đại Hạ, Thương, Chu là thời kỳ xây dựng, phát triển rồi dần dần suy tàn của xã hội nô lệ Trung Quốc. Xã hội nô lệ là xã hội tiến bộ hơn xã hội nguyên thủy, lại là xã hội đầu tiên hình thành giai cấp, có người bóc lột người, có người áp bức người. Nó được xuất hiện dần dần hình thành theo chế độ tư hữu tài sản ở cuối xã hội thị tộc phụ hệ. Triều Hạ ở vào khoảng năm 2200 đến năm 1700 trước Công nguyên. Triều Thương ở vào khoảng năm 1700 đến năm 1100 trước Công nguyên. Triều Chu phân ra Tây Chu và Đông Chu. Tây Chu từ năm 1100 đến năm 771 trước Công nguyên.

Triều Hạ đã xác lập chế độ truyền ngôi vua theo kiểu thế tập cha truyền con nối, bộ máy nhà nước có quân đội, hình pháp, nhà tù v.v... đã có nền nông nghiệp lợi dụng ngòi lạch để tưới tiêu, đã có lịch pháp có quan hệ rất mật thiết với sản xuất nông nghiệp, đã có thể đúc được những công cụ bằng đồng đen như đỉnh, tước, dao, dùi, đục v.v... Có khả năng đã có văn tự, thế nhưng cho đến nay vẫn chưa phát hiện những ghi chép văn tự thành văn. Việc sử dụng nô lệ còn rất phổ biến ở Triều Hạ.

Bộ máy nhà nước theo chế độ nô lệ triều Thương so với triều Hạ được tăng cường mạnh mẽ hơn, việc sử dụng nô lệ tương đối phổ biến hơn, nông nghiệp phát đạt hơn triều Hạ, đã có thể sản xuất được nhiều loại cây lương thực, đã biết dùng lương thực ủ rượu, các loại rau dưa và cây dâu cũng đã được trồng rộng rãi. Thủ công nghiệp phát đạt, nhấn là nghề đúc đồng đen, thứ nữa là nghề làm gốm và dệt vải. Triều Thương đã có văn tự tương đối hoàn hảo, biết khắc chữ trên mai rùa và xương thú, gọi là Giáp Cốt văn. Trong Giáp Cốt văn có ghi chép không ít các tư liệu về chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự v.v... bên cạnh đó là những tư liệu về các cuộc khởi nghĩa của nô lệ.

Tây Chu đã có một hệ thống chính trị của chế độ nô lệ, đó chính là Thiên tử - Chư hầu - Đại phu. Thiên tử là người thống trị tối cao, đất đai và nhân dân toàn quốc đều là vật sở hữu của thiên tử. Thiên tử dùng biện pháp phong hầu dựng nước giao cho chư hầu và đại phu của họ thống trị. Nền nông nghiệp của Tây Chu càng phát đạt hơn triều Thương, khi đã biết dùng phân bón để tăng thêm sản lượng lương thực. Nghề thủ công vẫn lấy nghề đúc đồng đen, làm gốm và dệt vải làm chính. Văn tự được khắc nhiều trên đồng đen được gọi là Kim văn hoặc Chung đỉnh văn. Ghi chép trong Kim văn có những tư liệu về lịch sử và chế độ Lễ Nhạc, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Người đời sau căn cứ vào các loại ghi chép này chỉnh lý thành mấy bộ điển tịch lịch sử nổi tiếng.

8. Cha mất, con kế thừa thiên hạ

Hạ Vũ hoàn thành nhiệm vụ trị thủy, được chỉ định thừa kế Ngu Thuấn. Sau 17 năm, Thuấn qua đời, Hạ Vũ chính thức làm lãnh tụ của liên minh bộ lạc. Đây chính là sự mở đầu của triều Hạ. Triều Hạ là triều đại đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, Hạ Vũ là vị vua đầu tiên của triều Hạ.

Biên cương của triều Hạ đã vượt qua phạm vi của lưu vực Hoàng Hà. ở phía Nam thế lực của triều Hạ đạt thẳng tới lưu vực Trường Giang, đã đánh bại tộc Miêu bản địa, bắt sống được rất nhiều người Miêu bổ sung làm nô lệ. Người tộc Miêu bị bức phải dời tới một vùng thuộc Quý Châu phía Tây Nam. ở phía Đông Nam, thế lực của triều Hạ đạt thẳng tới vùng Triết Giang. Truyền thuyết kể rằng Hạ Vũ đã từng triệu tập đại đội thủ lĩnh các bộ tộc ở Cối Kê (thành phố Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang ngày nay), Phòng Phong Thị đến chầu, Hạ Vũ liền giết chết Phòng Phong Thị.

Còn có một truyền thuyết nói rằng: để kỷ niệm việc đại sự trị hồng thủy này, Hạ Vũ đã dùng quặng đồng sản xuất ở chín châu lúc đó, đúc chín chiếc đỉnh, đại biểu cho chín châu. Chín chiếc đỉnh này về sau trở thành tượng trưng cho chính quyền quốc gia. Nếu truyền thuyết có độ tin cậy, thì khi triều Hạ được lập ra người ta đã sản xuất được đồ dùng rồi, thế nhưng hiện nay vẫn chưa khai quật được văn vật chứng thực.

Hạ Vũ đến những năm cuối đời, cũng giống như Nghiêu và Thuấn, muốn tìm người hiền tài thừa kế của mình. Đầu tiên mọi người tiến cử Cao Dao. Cao Dao mất sớm, lại tiến cử con trai của Cao Sao là Bá Ích thừa kế ngôi vua, thế nhưng con trai của Hạ Vũ là Hạ Khởi không làm vậy. Hạ Khởi tuyên bố rằng thiên hạ là do Hạ Vũ, người cha của ông vất vả, khổ sở mới giành được, nay đã trở thành tài sản riêng của gia đình họ. Cha chết rồi, tài sản riêng đó cần phải được truyền lại cho con trai, cho nêne ngôi vua cần phải do Hạ Khởi kế thừa. Hạ Khởi dùng vũ lực đuổi Bá Ích tới Kỳ Sơn ở phía Nsam, sau đó cử hành yến tiệc đại quy mô ở Quân Đài (huyện Vũ, tỉnh Hà Nam ngày nay), công khai tuyên bố mình làm vua thứ hai của triều Hạ. Từ đó trở đi, chế độ tuyển chọn người hiền tài làm vua thiên hạ, biến thành chế độ thiên hạ là của riêng gia đình, cha chết con kế ngôi hoặc anh chết em kế ngôi.

Chế độ thiên hạ là của chung đã bị phá bỏ, lẽ dĩ nhiên sẽ bị một số người phản đối. Có một thủ lĩnh bộ lạc tên gọi là Hữu Hồ Thị chỉ trích Hạ Khởi không nên cướp đoạt ngôi vua của Bá Ích, yêu cầu Hạ Khởi lập tức trả lại ngôi vua cho Bá Ích. Hạ Khởi liền khởi binh đánh Hữu Hồ Thị ở vùng Cam Trạch. Trận thứ nhất, quân lính của Hạ Khởi bị Hữu Hồ Thị đánh thua toại bời, hầu như đã bị sụp đổ toàn diện. Các thần tử của Hạ Khởi kiến nghị với Hạ Khởi hãy mau mau bổ sung quân lính, chỉnh đốn lại quân dụng, chuẩn bị cuộc chiến đấu thứ hai. Thế nhưng Hạ Khởi biết được có rất nhiều người không tán thành giải pháp cha chết, con kế thừa, không chịu ủng hộ mình, lúc này cho dù có đánh trận nữa, thắng lợi vẫn chưa thể cầm chắc, nếu muốn giành thắng lợi, trước tiên phải lôi kéo được lòng dân, để cho dân chúng biết được Hạ Khởi là hiền tài, việc kế thừa ngôi vua là điều rất hợp lý.

Tức thì Hạ Khởi đề ra yêu cầu tự mình nghiêm khắc với mình để giành lấy sự tín nhiệm rộng rãi của nhân dân. Cơm chỉ ăn một bát với rau dưa bình thường, ngủ chỉ trải một chiếc đệm cũ thô ráp. Ngoài việc tế thần và tế tổ tiên ra, Hạ Khởi không cho phép diễn tấu âm nhạc để làm trò vui. Hạ Khởi yêu quý trẻ em, tôn kính người già. Ai có tài năng, Hạ Khởi trọng dụng. Ai giỏi võ nghệ, liền được mời ra cầm quân đi đánh trận.

Cách Hạ Khởi mua chuộc lòng dân như vậy, quả thực đã có hiệu quả, mới một năm, thanh danh của ông nổi như cồn. Mọi người từng nói rằng: "Hạ Khởi thật không then là người con ngoan của Hạ Vũ. Hãy xem, ông ta tự nghiêm khắc với mình thế kia, đối xử với người nhiệt tình biết bao, thật là có lẽ phép. Xem ra, thiên hạ cần phải để một người như ông cai trị. Sau này, nếu có ai còn tranh giành ngôi vua với ông thì chúng ta phải dốc toàn lực ra bảo vệ ông!" Cứ như vậy, một truyền mười, mười truyền trăm, mọi người đều không hẹn, ai cũng cho rằng Hạ Khởi là người kế thừa đương nhiên của Hạ Vũ. Đối với chế độ thiên hạ là của riêng gia đình cha

chết con nối ngôi, không ai còn cảm thấy bất hợp lý nữa.

Hạ Khởi biết lòng dân đã ngả hẳn về phía mình, lại một lần nữa phát động cuộc chiến tranh với Hữu Hồ Thi. Lần này, dân chúng giúp đỡ Hạ Khởi đánh cho quân của Hữu Hồ tan nát. Bản thân Hữu Hồ cũng bị bắt làm tù binh, rồi bị dẫn tới khu đồng cỏ làm nô lệ chăn bò, chăn cừu. Cuối cùng, ngôi vua của Hạ Khởi đã vững vàng, chắc chắn, chế độ thiên hạ là của riêng gia đình cha truyền con nối đã chính thức được thiết lập.

Truyền thuyết Hạ Khởi thực hành chế độ thiên hạ là của riêng gia đình đã nói rõ chế độ Công xã thị tộc vào cuối thời kỳ xã hội nguyên thủy ở Trung Quốc đã bị phá hoại triệt để, chế độ tài sản tư hữu đã chính thức được xác lập, giai cấp bắt đầu xuất hiện, xã hội nô lệ bắt đầu hình thành, mô hình nhà nước cũng xuất hiện. Từ biểu hiện mà xét, từ chế độ Cộng sản nguyên thủy không có áp bức bóc lột quá độ tới xã hội nô lệ có áp bức bóc lột, giống như một chế độ xấu xa đã thay thế một chế độ tốt đẹp. Kỳ thực là ở xã hội nguyên thủy sản xuất rất thấp kém, đời sống của con người cực kỳ gian khổ. Sau khi bước vào xã hội nô lệ, nông nghiệp và thủ công nghiệp đã có sự phân công, sức sản xuất xã hội đã được nâng cao rất nhiều, sản xuất phát triển rất mạnh, đó là điều kiện cho sự phồn vinh của văn hoá. Cho nên nói, từ xã hội nguyên thủy bước vào xã hội nô lệ là sự tiến bộ của một lần phân hoạch thời đại trong lịch sử nhân loại. Ăngghen, người thầy của cách mạng đã nói: “Không có chế độ nô lệ cổ đại thì không có chủ nghĩa xã hội hiện đại”.

9. Thiếu Khang phục quốc

Hạ Khởi đã phế bỏ chế độ nhường ngôi, tạo ra chế độ thế tập cha truyền con nối. Ông không lường khi ông về già, mấy người con trai của ông đều muốn kế thừa ngôi vua, do đó, trong gia đình ông đã xảy ra sự tranh đoạt ghê gớm. Hạ Khởi thấy người con nhỏ nhất là Vũ Quan gây lộn rất hăng, liền đày tới bờ phía Tây Hoàng Hà (Vùng Thiểm Tây ngày nay). Vũ Quan làm phản ở bờ phía Tây Hoàng Hà. Hạ Khởi sai tướng là Bành Bá Thọ xuất quân tiêu diệt, dẹp yên được biến loạn.

Hạ Khởi lên làm vua, tác phong giản dị chất phác năm xưa bị biến chất dần, sống xa hoa hủ bại. Hạ Khởi suốt ngày ở trong cung vua uống rượu, thưởng thức ca vũ, hoặc giả dẫn một đoàn người ra ngoài săn bắn. Cuộc sống hủ bại đã khiến cho Hạ Khởi rút ngắn tuổi thọ và đã chết sớm. Người con cả của ông là Thái Khang kế thừa ngôi vua. Thái Khang từ nhỏ đã theo đòi cha uống rượu, học săn bắn, đời sống còn hủ bại hơn cả Hạ Khởi. Thái Khang lên làm vua bỏ mặc việc quốc gia đại sự, dẫn gia nhân hoặc thân tín tới bờ sông Lạc Thủy săn bắn, mỗi chuyến đi như vậy kéo dài vài ba tháng, mãi vui quên trở về.

Lúc đó, tộc Đông Di ở phía Đông đã lớn mạnh. Thủ lĩnh của tộc Đông Di tên gọi là Hậu Nghệ, là một tay nỏ cừ khôi bắn trăm phát trăm trúng. Hậu Nghệ nhìn thấy Thái Khang ra ngoài săn bắn lâu dài, bỏ mặc quốc gia đại sự, khiến dân chúng, liền thừa cơ cướp lấy thủ đô An ấp của triều Hạ (trong biên cảnh huyện An ấp, tỉnh Sơn Tây ngày nay), không cho Thái Khang trở về, lập em trai Thái Khang là Trọng Khang làm vua bù nhìn, do chính Hậu Nghệ nắm giữ đại quyền quốc gia.

Thế nhưng bản thân Hậu Nghệ cũng thích đi săn bắn lâu dài, cũng ham hố hưởng lạc, không thích quản lý việc đại sự quốc gia. Dưới trướng Hậu Nghệ có bốn người rấ hiền tài, lại cương trực thẳng thắn, Hậu Nghệ không tin nhiệm, lại tin dùng Hàn Trạc, một kẻ quen nói nịnh bợ, thêu dệt thị phi. Hàn Trạc tìm một số người chuyên dẫn Hậu Nghệ đi săn bắn, còn mình thì ở trong nhà nghĩ mưu tính kế. Hắn đã dùng ơn huệ nhỏ nhoi mua chuộc những người hầu của Hậu Nghệ, xúi giục chúng hại Hậu Nghệ. Một hôm. Hậu Nghệ đi săn bắn trở về, Hàn Trạc và đám gia nô của Hậu Nghệ chuốc rượu cho Nghệ say mềm, rồi giết Hậu Nghệ. Hàn Trạc chiếm đoạt người vợ cùng toàn bộ gia sản của Hậu Nghệ, nắm giữ đại quyền. Hàn Trạc có hai người con trai, một người gọi là Kiêu, sau khi lớn lên phong cho đất Quá (trong biên giới tỉnh Sơn Đông ngày nay), cho nên lại có tên là Quá Kiêu. Một người tên là Ê, sau khi lớn lên phong cho đất Qua (trong biên giới tỉnh Hà Nam ngày nay), cho nên lại có tên là Qua Ê.

Lại nói đến Trọng Khang, người được Hậu Nghệ lập làm vua bù nhìn, do không được tự do hành động, trong lòng rất không vui, nên đã chết yếu. Con trai của ông là Hậu Tương kế thừa ngôi vua. Hậu Tương không bằng lòng làm vua bù nhìn, liền bỏ trốn nương tựa vào những người cùng họ là Châm Quán và Châm Tầm. Hàn Trạc lo sợ Hậu Tương có thể lực lớn mạnh sẽ trở về phục hưng triều Hạ, liền sai con trai lớn là Quá Kiêu dẫn binh tiến đánh Châm Quán và Châm Tầm, giết chết Hậu Tương. Người vợ của Hậu Tương là Hậu Mân lúc này đang mang thai, bà trốn khỏi sự lùng bắt của Quá Kiêu, từ trong lỗ tường lên trốn chui ra nương nhờ một người bên họ mẹ là Hữu Nhưng Thị. Hữu Nhưng Thị họ Nhiệm, ở một bộ lạc rất nhỏ, đất đai ở vùng Tế Ninh tỉnh Sơn Đông ngày nay. Họ thu nhận Hậu Mân, người đã cử tử nhất sinh, trốn về nhà mẹ, để được yên ổn sinh con, đặt tên là Thiếu Khang. Theo sự sắp xếp của dòng họ, Thiếu Khang là cháu của Hạ Vũ, là cháu của Hạ Khởi.

Thiếu Khang từ nhỏ đã rất thông minh, có nhiều tâm kế. Hậu Mân cảm thấy người con trai này rất có hy vọng, khi cậu bé vừa mới hiểu được sự đời, bà liền kể chuyện ông nội là Thái Khang vì ham chơi mà để mất nước, Trọng Khang làm vua bù nhìn phần uất mà chết, cùng với việc người cha Hậu Tương của cậu bé bị giết hại v.v... nghĩa là bà đã đem toàn bộ thảm cảnh đó kể lại cho cậu bé nghe. Bà con dẫn Thiếu Khang sau này lớn lên nhất định phải báo thù cho ông nội và cha, giành lại đại quyền đã bị mất.

Từ nhỏ, Thiếu Khang đã được hấp thụ tư tưởng phải rửa nhục này, quả nhiên ông đã tu chí

phần đầu quạt cường, chuẩn bị phục hưng triều Hạ. Trước hết Thiếu Khang đảm nhiệm chức quan quản lý nghề chăn nuôi ở chỗ ông ngoại Hữu Nhung Thị, để có cơ hội là Thiếu Khang học tập bản lĩnh dẫn quân đi đánh trận. Hơn thế, Thiếu Khang đã từng giây từng phút giữ vững tinh thần cảnh giác đối với Quá Kiêu, kẻ đã sát hại cha mình. Quả nhiên, Quá Kiêu đã dò la được chỗ của Thiếu Khang, liền sai một đại tướng tên là Tiêu tới bộ lạc Hữu Nhung Thị để lũng bắt Thiếu Khang. Nhờ có sự chuẩn bị từ trước Thiếu Khang vội vàng chạy trốn tới chỗ Hữu Ngu Thị là con cháu đời sau của Ngu Thuấn, thoát khỏi sự lũng bắt của Tiêu. Thủ lĩnh Hữu Ngu Thị là Ngu Tư thấy Thiếu Khang rất có triển vọng bèn cho Thiếu Khang ở lại bộ lạc đảm nhiệm chức quan quản lý việc nấu ăn, học tập bản lĩnh quản lý của cải. Như vậy, Thiếu Khang trở thành một người văn võ song toàn. Biết Thiếu Khang là người đáng tin cậy Ngu Tư đã gả con gái của mình cho Thiếu Khang và giao vùng đất Luân rộng mười dặm,, có ruộng vườn tươi tốt cùng năm trăm binh sĩ cho Thiếu Khang quản lý. Thế là Thiếu Khang đã có căn cứ địa và lực lượng vũ trang để khôi phục triều Hạ.

Tại đất Luân, Thiếu Khang quan tâm tới nỗi thống khổ của dân chúng, nêu cao công đức Cao tổ Hạ Vũ của mình, tranh thủ mọi người ủng hộ ý đồ phục hưng cố quốc của ông. Ông triệu tập các quan lại cũ của triều Hạ đã bị Hậu Nghệ và Hàn Trạc làm cho vợ con ly tán, nhà cửa bị đốt phá, phải lưu lạc ở bên ngoài, khuyên họ cùng với mình đánh về quê cũ. Trước hết, ông cử một đại tướng tên gọi là Nữ Ngải đi do thám hư thực của Quá Kiêu, lại sai con trai là Lý Trữ đi tiêu diệt Qua Ê, làm suy yếu lực lượng của Quá Kiêu, Nữ Ngải và Lý Trữ đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Về tình hình chỗ ở của Quá Kiêu, Thiếu Khang nắm rõ như thuộc lòng bàn tay, lại do vì đã tiêu diệt được Qua Ê, khiến Quá Kiêu rơi vào thế cô lập, không có viện trợ.

Khi mọi việc đã được chuẩn bị chu đáo, Thiếu Khang bèn khởi binh từ đất Luân, kể rõ tội trạng của bọn Hậu Nghệ, Hàn Trạc, Quá Kiêu... rồi đánh thẳng tới An ấp, đô thành cũ của triều Hạ. Lúc này Hàn Trạc đã chết, Quá Kiêu dù có ngoan cố chống đối mà vẫn đành chịu để cho đại thế trôi qua, cuối cùng đã bị Thiếu Khang tiêu diệt. Thiên hạ cuối cùng lại trở về trong tay của con cháu Hạ Vũ. Sự kiện lịch sử gọi là “Thiếu Khang phục quốc” hoặc “Thiếu Khang trung hưng”. Căn cứ vào suy đoán, từ khi Thái Khang mất nước đến Thiếu Khang giành lại nước thời gian ước khoảng sáu, bảy chục năm. Trước hai, ba chục năm của sáu, bảy chục năm này do Hậu Nghệ nắm quyền, còn chưa đoạt mất ngôi vua. Bốn năm chục năm về sau, Hàn Trạc nắm quyền, đã tước đoạt ngôi vua của triều Hạ.

Đối với câu chuyện “Thiếu Khang phục quốc” trong Tả truyện đã có ghi chép cụ thể, thế nhưng thời gian đã xa hơn 1500 năm, nên một số nhà sử học không tin tưởng vào tính chân thực của sự kiện này. Mặc dù vậy, câu chuyện lịch sử này cũng đã phản ánh cuộc đấu tranh giành đoạt quyền lợi của các quý tộc giữa Di và Hạ. Tộc Hạ là tổ tông xa xưa của dân tộc Hán ngày nay, tộc Di chính là các dân tộc thiểu số. Hậu Nghệ và Hàn Trạc của tộc Di đã chiếm đoạt chính quyền của tộc Hạ, cuối cùng đã bị tộc Hạ đánh bại. Điều này chứng tỏ ở thời kỳ Viễn cổ, tộc Hạ và tộc Di đã từng thông qua chiến tranh mà từng bước thực hiện sự hoà hợp dân tộc.

10. Thương Thang diệt Hạ

Sau khi Thiếu Khang trung hưng, triều Hạ chỉ có con trai Thiếu Khang là Lý Trữ ở ngôi tương đối cường thịnh. Lý Trữ rất có tài ba, ông đã phát minh ra áo giáp mặc để ra đánh trận. Loại áo giáp này được làm bằng da thú, dao đá chặt không đứt, mũi tên xuyên không thấu, kể cả một số ít vũ khí chế bằng đồng sản xuất ở thời đó cũng không làm gì nổi. Có thể đó là pháp bảo hộ thân để đi đánh trận. Lý Trữ dựa vào loại bảo pháp, cộng thêm với những thủ đoạn có sức mạnh khác, tiếp tục đương đầu với các bộ lạc Đông Di, cuối cùng đã hàng phục được Đông Di, mở rộng thêm một bước biên cương của triều Hạ.

Các đời sau Lý Trữ càng ngày càng tỏ ra kém cỏi, thối nát nhất là Hạ Kiệt, cháu đời thứ 14 của Hạ Vũ. Cơ nghiệp tổ tiên Hạ Vũ xa xưa gian khổ vất vả sáng tạo ra, đã bị chính tay Hạ Kiệt chôn vùi.

Hạ Kiệt là một kẻ ăn tàn, phá hại nổi tiếng. Kiệt kế thừa ngôi vua, chê cung thất mà mình ở quá thô thiển, giản đơn, liền hạ lệnh xây dựng một toà Khuynh Cung. Khuynh Cung chiếm mười dặm đất, cao mười trượng, trung tâm của cung thất xây dựng một toà Dao đài, thanh xây toàn ngọc trắng. Toà Khuynh cung này xây dựng trong bảy năm mới hoàn thành, đã động dụng sức lao động của hàng ngàn vạn nô lệ, đã tiêu phí một khối lượng lớn vật lực và tài lực, thật là một người tốn của làm cho nhân dân trăm bề khổ sở.

Hạ Kiệt rất coi trọng việc ăn uống, chỉ thích ăn thịt thú quý hiếm dưới biển, thường ăn những thức ăn sản xuất ở Tây Bắc, thịt cá voi bắt được từ biển Đông, những vật liệu điều vị cần phải là gừng sống sản xuất ở phương Nam, muối biển sản xuất ở phương Bắc. Để cung cấp thức ăn cho một mình Hạ Kiệt, đòi hỏi phải có hàng trăm, hàng ngàn người trồng rau, bắt cá, vận chuyển, đun nấu. Hạ Kiệt lại là một con quỷ rượu, Kiệt đặc biệt thích uống rượu. Hạ Kiệt uống rượu còn có một tính khí quái đản, cần phải uống rượu trong suốt, rượu hơi vẩn đục một chút là giết chết đầu bếp, rất nhiều người đầu bếp đã vì vậy mà chôn vùi tính mạng. Sau khi Hạ Kiệt đã uống say, còn bắt người làm bò làm ngựa cho hắn cưỡi, ai không chịu để cho hắn cưỡi thì phải chịu đựng những trận đòn đau hoặc bị lôi đi chặt đầu. Đối với Hạ Kiệt mà nói, giết một con người quả thật còn tùy tiện hơn là giết một con gà.

Hạ Kiệt thích những kẻ a dua nịnh hót, chán ghét những người nói thẳng khuyên Kiệt làm theo quy tắc. Hạ Kiệt nghe những lời xúi dục của Vu Tân, khác nào lửa đổ thêm dầu, càng ngày càng hư hỏng. Có một người tốt tên gọi là Quang Long Phùng, biết rõ Hạ Kiệt làm điều xằng bậy, thường xuyên khuyên Hạ Kiệt sửa đổi lỗi lầm. Hạ Kiệt chẳng những không nghe, cuối cùng còn giết chết Quang Long Phùng. Do vậy những người tốt đều không dám thân gần Hạ Kiệt, còn kẻ xấu thì thành đàn thành lũ vây xung quanh Hạ Kiệt. Nền chính trị của triều Hạ ngày càng hủ bại.

Giữa lúc thế lực của Hạ Kiệt ngày càng suy yếu thì lực lượng của nước Thương ở hạ du sông Hoàng Hà đã lớn mạnh lên. Nước Thương là một thuộc quốc của triều Hạ, truyền thuyết kể rằng tổ tiên là con trai của Đế Khốc, tên gọi là nước Khiết. Khiết đã từng giúp đỡ Hạ Vũ trị thủy, đã lập được công lao. Hạ Vũ thưởng cho Khiết, phong đất cho Khiết ở Thương. Tử Khiết đã xây dựng lên một quốc gia nhỏ bé ở đất phong, đặt tên là Thương. Khi Hạ Kiệt làm xằng bậy, đúng là lúc người cháu đời thứ bốn của Tử Khiết là Thương đang nắm quyền nước Thương. Thương Thang thấy Hạ Kiệt đang vấp phải sự phản đối của rất nhiều dân chúng, cảm thấy có thể tranh thủ được lòng dân, liền bắt ngay Thương Thang, nhốt trong ngục Hạ Đài. Chỉ suýt nữa Thương Thang đã bị mất mạng, may mà ông giỏi ứng phó, lừa gạt được Hạ Kiệt u mê, ngu muội. Sau một thời gian Hạ Kiệt liền thả cho Thương Thang về.

Thương Thang về tới nước Thương, một mặt kể tội ngu muội tàn bạo của Hạ Kiệt, khuyên can các bộ tộc bị triều Hạ khống chế, chống lại triều Hạ, quy thuận nước Thương. Tộc Cát Bá không nghe lời khuyên bảo của Thương Thang. Thương Thang liền xuất quân tiêu diệt tộc Cát Bá, lấy việc đó, giết một, răn trăm. Thương Thang rời thủ đô tới Bột (trong biên giới tỉnh Hà Nam ngày nay) tung cường lung lạc dân chúng, muốn chứng tỏ mình là một vị vua anh minh,

cốt để cho dân chúng nghe theo sự chỉ huy của Thang.

Có một lần Thương Thang ra ngoại thành chơi, nhìn thấy một người đang giăng lưới ở bốn mặt để bắt chim, miệng không ngớt lẩm bẩm: “Những con chim từ trên trời bay xuống, từ dưới đất bay lên, từ bốn phương tám hướng bay tới, hãy rơi cả vào lưới của ta đi!” Thương Thang thấy vậy, nói với người bắt chim rằng:

- Ông làm như vậy thì quá tàn nhẫn, hãy nhanh chóng rút bỏ ba mặt lưới đi, chỉ để lại một mặt là đủ.

- Người bắt chim nói:

- Một mặt lưới thì làm sao bắt được chim?

Thương Thang nói:

- Ông giăng một mặt lưới, hét lên với chim rằng: “Chim ơi, chim muốn bay sang bên trái thì bay về bên trái, muốn bay sang bên phải thì bay về bên phải, thực sự chim không muốn sống nữa thì hay chui vào lưới của ta!” Như vậy chúng tỏ tâm ý ông lương thiện.

Lời Thương Thang nói với người bắt chim nhanh chóng được lưu truyền, mọi người đều nói Thương Thang là con người rất tốt, đối với loài cầm thú cũng tỏ lòng nhân từ, ta nên chân thành ủng hộ ông. Câu chuyện giăng một mặt lưới bắt chim về sau đã hình thành một câu thành ngữ gọi là “giăng lưới một mặt”. “Lưới giăng ba mặt” đã thành “lưới giăng một mặt”, về ý nghĩa thì đã có sự biến đổi, dùng để ví dụ cần phải lưu lại một lối ra cái tà, quy chính cho những người hư hỏng.

Sau khi Thương Thang làm xong công tác chuẩn bị, liền ra tuyên ngôn, phát động tấn công triều Hạ. Trong bản tuyên ngôn đó, Thương Thang nói: “Mọi người hãy cùng ta đánh Hạ Kiệt đi! Điều này đâu phải là cá nhân ta thích làm loạn, bắt mọi người phải bỏ bề việc nhà bận rộn; quả thật con người Hạ Kiệt này đã quá u mê, thiên hạ đã bị hắn dày xéo tan nát. Quần chúng nhân dân từ lâu đã chỉ thẳng vào xương sống lưng hắn mà nguyện rửa hắn, mong cho hắn sớm chết. Những việc xấu xa mà hắn làm trời đất khó bao dung. Hiện nay ta lãnh ý chỉ của ông trời phải tiêu diệt hắn, mọi người nên giúp đỡ ta. Nếu các người lập được công, ta nhất định sẽ trọng thưởng. Nếu không nỗ lực chiến đấu, ta nhất định sẽ trách phạt nặng đó!”

Hạ Kiệt nghe nói Thương Thang dẫn quân tiến đánh, liền nói với bọn thuộc hạ:

- Nay đã tới nông nỗi này ta rất hối hận sao lúc đó không giết quách thẳng cha Thương Thang trong nhà tù Hạ Đài đi!

Hắn nhanh chóng hạ lệnh điều động quân đội của ba nước nhỏ là nước Côn Ngô, nước Vi, nước Cố phụ thuộc triều Hạ tới bảo vệ triều Hạ. Thương Thang đã sớm liệu biết được mưu mô này, trước hết, ông sai quân đến tiêu diệt nước Vi và nước Cố, rồi đánh bại nước Côn Ngô, đại quân đánh thẳng tới Minh Điều, thành thị quan trọng của nước Hạ. Hạ Kiệt đích thân dẫn quân tới Minh Điều nghênh chiến, thế nhưng binh lính đều không nghe theo, có tên bỏ chạy trốn, có kẻ ra đầu hàng. Hạ Kiệt nhìn thấy đại thế đã hết, không dám lại trở về thủ đô Lạc Dương nữa, liền dẫn một số ít binh tàn tướng bại nhờ cậy vào nước Côn Ngô. Thương Thang thừa thắng truy kích, chỉ một trận đã tiêu diệt được Côn Ngô. Hạ Kiệt lại dẫn vợ con hắn là Muội Hỉ chạy trốn khỏi trùng vây, ngồi lên một con thuyền nhỏ bơi qua sông tới Nam Sào (huyện Sào, tỉnh An Huy ngày nay). Vì không biết lao động, cuối cùng cả hai vợ chồng đã chết đói ở trong núi Nam Sào.

Thương Thang đánh đuổi được Hạ Kiệt, phá huỷ hết thái miếu mà triều Hạ vẫn cúng thờ tổ tiên, phóng hoả đốt hết đồ cúng tế, rồi tiếp tục thanh trừ những thế lực tàn dư của triều Hạ, bắt rất nhiều dân chúng của triều Hạ đi làm nô lệ. Như vậy là nhà Hạ bắt đầu xây dựng từ thế kỷ 21 trước Công nguyên, trải qua hơn 400 năm, tới đây đã bị diệt vong. Đại đế là vào đầu thế kỷ 17 trước Công nguyên. cách hiện tại khoảng ba nghìn năm về trước. Thương Thang đã chính thức xây dựng nên triều Thương, một quốc gia thứ hai theo chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Trung Quốc.

11. Thái Giáp hối hận lỗi lầm

Thương Thang tiêu diệt triều Hạ, dựng lên triều Thương, Hữu tướng Y Doãn là trợ thủ đắc lực cho ông. Y Doãn tên gọi là Chí, vốn trước kia là một nô lệ ở trong nhà Hữu Tân Thị, nhạc phụ của Thương Thang. Khi Hữu Tân Thị cho con gái đi lấy chồng đã bắt Y Doãn đi theo làm nô lệ hầu hạ, làm của hồi môn cho nhà Thương Thang.

Y Doãn vừa tới nhà Thương Thang, Thương Thang không phát hiện ra Y Doãn là một nhân tài, đã sai Y Doãn làm công việc ở trong nhà bếp. Để cho Thương Thang được biết bản thân mình là một người tài năng, Y Doãn bèn tìm một cơ hội gần gũi Thương Thang. Có khi Y Doãn làm món ăn rất vừa miệng, có lúc lại cố ý nấu quá nhạt hoặc quá mặn, cốt làm sao cho Thương Thang phải gọi Y Doãn tới để hỏi han. Quả nhiên, một hôm Thương Thang đã gọi Y Doãn tới. Y Doãn liền lợi dụng cơ hội này lấy việc nấu ăn làm ví dụ, Y Doãn nói:

- Nấu ăn không thể quá mặn, cũng không thể quá nhạt được, nếu biết đem những thứ gia vị gia giảm đúng chỗ đúng mức thì ăn mới cảm thấy ngon miệng. Cai trị một quốc gia cũng giống như làm món ăn, thao tác không thể quá vội vã, cũng không thể quá chậm chạp rời rạc, chỉ có vừa vặn tốt đẹp, mới có thể làm nên sự nghiệp được!

Những ví dụ này của Y Doãn quả nhiên đã đánh động tâm can của Thương Thang. Thương Thang chợt nhận ra người nô lệ trong nhà bếp của mình là một nhân tài, Thương Thang liền xoá bỏ thân phận nô lệ của Y Doãn, bổ làm Hữu tướng cho mình. Y Doãn giúp đỡ Thương Thang hoạch trừ đại kế tiến công triều Hạ, cuối cùng chỉ một trận đánh đã tiêu diệt triều Hạ, xây dựng lên triều Thương.

Thời kỳ đầu xây dựng triều Thương, Y Doãn lại giúp đỡ Thương Thang đặt ra các chế độ điển chương, quy định các quan lại nhất định phải chịu khó làm việc, cần phải tạo ra những thành tích nổi bật, nếu không sẽ bị trách phạt nghiêm khắc, thậm chí có thể phạt xuống làm nô lệ. Do vậy, các quan lại triều Thương đều không dám làm càn, chính trị tương đối ổn định, kinh tế cũng khá phồn vinh. Sau khi Thương Thang chết, Y Doãn tiếp tục phò tá đời vua thứ hai, đời vua thứ ba của triều Thương, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, quản lý tốt đất nước. Những ghi chép trong sách sử cổ đại có câu chuyện Y Doãn giúp đỡ người cháu của Thương Thang là Thái Giáp hối cải lỗi lầm.

Thương Thang xây dựng triều Thương trải qua 13 năm thì mất. Phép kế thừa của triều Thương là anh chết, em nối ngôi, không có em trai thì mới truyền cho con trai. Thương Thang không có em trai, sau khi Thương chết cần phải truyền ngôi cho con trưởng là Thái Đinh. Thế nhưng Thái Đinh còn chết sớm hơn cha, cho nên em trai của Thái Đinh là Ngoại Bích kế vị. Lại trôi qua bốn năm Trọng Nhân cũng qua đời. Lúc này do khai quốc nguyên lão Y Doãn làm chủ, gọi con trai của Thái Đinh là Thái Giáp lên ngôi vua. Thái Giáp là cháu của Thương Thang.

Thái Giáp kế thừa ngôi vua, Y Doãn viết liền ba bài văn cho Thái Giáp đọc, dạy dỗ Thái Giáp phải học tập như thế nào để làm một ông vua tốt. Có một bài văn đề mục là “Tứ mệnh”¹, chuyên giảng lý lẽ rõ ràng làm thế nào để phân biệt phải trái, đối với những việc như thế nào thì nên làm, những việc như thế nào thì nên không. Còn có một bài văn đầu đề là “Tồ hậu”², giảng giải các chế độ luật pháp khi Thương Thang còn sống, giáo dục Thái Giáp nhất định phải dựa theo quy củ của tổ tiên đã định ra mà làm việc, không thể làm bừa, làm loạn được.

Thái Giáp đọc xong những bài này, hai năm đầu còn dựa vào đó để làm, không dám chống lại những quy củ của tổ tông để lại. Bước sang năm thứ ba, Thái Giáp đã quên hết tất cả, cho rằng bản thân mình là chủ của một nước, tất thấy đều do mình nói là xong, không thể để cho viên tể tướng Y Doãn vốn xuất thân từ một tên nô lệ kia quản thúc. Thái Giáp làm việc hoàn toàn theo ý chủ quan, đã phá hoại toàn bộ các chế độ luật pháp do tổ tông để lại. Thái Giáp dùng thủ đoạn bạo ngược để đối phó với dân chúng, đè nén dân chúng đến ngạt thở.

Thái Giáp đã biến chất, lẽ dĩ nhiên Y Doãn không dễ dàng bỏ qua, trước hết Y Doãn lại một lần nữa khuyên can, cảnh tỉnh Thái Giáp cần phải kiểm điểm nhiều hơn đối với những hành vi của

mình. Về sau, biết Thái Giáp quả thực không chịu nghe lời, Y Doãn bèn đuổi Thái Giáp xuống đài, đày tới Đồng Cung nơi đặt phần mộ của Thương Thang (huyện Yến Sư, tỉnh Hà Nam ngày nay). Trong thời gian Thái Giáp bị đày đi, Y Doãn không lập vua mới, ông tự tạm thời quản lý việc đại sự quốc gia.

Thái Giáp bị đày đến Đồng Cung. Tại đây, chỉ có một thứ mà sớm tối Thái Giáp nhìn thấy là phần mộ của Thương Thang, ông nội mình. Thương Thang tuy là vị vua khai quốc của triều Thương, nhưng phần mộ lại rất sơ sài giản dị, trên mộ chỉ xây một cung thất thấp nhỏ, dùng để cúng tế một năm một lần. Ông lão canh mộ nghe nói Thái Giáp vì không tuân thủ các chế độ của tổ tông nên mới bị đày xuống phần mộ này, mỗi ngày đều kể lại những câu chuyện lập nghiệp của Thương Thang ngày xưa cùng với các quy củ mà Thương Thang đặt ra, giáo dục Thái Giáp nên lấy ông nội mình làm tấm gương soi, không nên làm một kẻ ăn tàn phá hại. Thái Giáp đã dùng ông nội làm tấm gương đối chiếu tỉ mỉ với những hành vi cử chỉ của mình, càng ngày càng cảm thấy quả thực bản thân mình đã làm không đúng, liền quyết tâm sửa chữa sai lầm. Trước tiên Thái Giáp làm tốt những việc trong phạm vi nhỏ ở Đồng Cung như quan tâm tới những người già cô quả, tận dụng hết khả năng của mình để giúp đỡ họ, những việc cần phải làm, Thái Giáp lập tức làm ngay, những việc không nên làm, chẳng những mình không làm, nhìn thấy người khác làm cũng lập tức chặn lại.

Ba năm trôi qua những hành vi cử chỉ của Đồng Cung của Thái Giáp đã sớm có người báo cho Y Doãn biết. Y Doãn cảm thấy vị vua trẻ tuổi này quả thực là đã biết hối cải lỗi lầm biến thành con người mới. Tức thì Y Doãn đích thân dẫn các đại thần đến đón Thái Giáp trở về thủ đô Hào Thành, trình trọng trao cả chính quyền cho Thái Giáp. Thái Giáp tiếp nhận được bài học sâu sắc, nặng nề của quá khứ, đã làm việc thận trọng, gắng tuân thủ những chương trình mà tổ tông để lại, cuối cùng đã cai trị, đưa thiên hạ vào nền nếp tốt đẹp, khiến cho triều Thương, một quốc gia theo chế độ nô lệ này đã ngày càng phồn vinh mạnh mẽ.

12. Bàn Canh dời Ân

Triều Thương từ khi xây dựng tới lúc diệt vong, kéo dài khoảng 500 năm. Hơn 270 năm định đô ở đất Ân (thành phố An Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), cho nên triều Thương còn gọi là triều Ân, có khi cũng gọi là ân Thương hoặc Thương Ân.

Triều Thương định đô ở đất Ân bắt đầu từ Bàn Canh. Bàn Canh là cháu đời thứ chín của Thương Thang, là vị vua thứ 19 của triều Thương. Việc triều Thương từng có nhiều lần dời đô, Bàn Canh định đô ở ần, không di chuyển nữa, đã phản ánh tính chất quan trọng của nghề nông lúc này đã vượt qua nghề chăn nuôi, con người cần phải được định cư lại.

Bàn Canh quyết định dời tới Ân, đó là một cuộc đấu tranh có tính lịch sử. Vốn là từ sau Thái Giáp, các vị vua và các quý tộc, chủ nô lệ của các triều đại nhà Thương đã trở nên thối nát và mục ruỗng. Họ mê tín quỷ thần, đặc biệt là thích uống rượu. Đó là những con ký sinh trùng, xa rời lao động, mọi việc đều trút cả lên đầu nô lệ. Giữa nô lệ và chủ nô lệ, mâu thuẫn giai cấp vô cùng gay gắt, các nô lệ bỏ trốn hàng loạt. Trong các quý tộc thuộc hàng vương thất, cuộc đấu tranh giành giật ngôi vua ngày càng kịch liệt, có người nói nên theo lệ anh chết truyền cho em, có kẻ nói phải theo luật cha chết truyền cho con. Giữa chú cháu, anh em thường phát sinh những cuộc đấu tranh kẻ sống người chết, làm cho đất nước đại loạn.

Mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn trong nội bộ chủ nô lệ đã làm suy yếu triều Thương, sản xuất đình đốn, một số nước nhỏ và các dân tộc thiểu số không chịu nghe theo chế độ lễ tiết của triều Thương nữa, cộng thêm những tai họa thiên nhiên như nạn lụt, nạn hạn hán v.v... đã khiến cho triều Thương, quốc gia theo chế độ nô lệ này quả thực không thể tiếp tục duy trì được nữa.

Chính vào lúc này, vị vua thứ 18 của triều Thương là Dương Giáp qua đời, em trai của Dương Giáp là Bàn Canh lên làm vua. Bàn Canh là người có nhiều tâm kế, giỏi quan sát tình thế, thấy đất nước không thể tiếp tục duy trì theo kiểu cũ được nữa, cần phải tìm ra một biện pháp hữu hiệu nhất để hoà hoãn mâu thuẫn, đặng cứu vãn sự suy vong của triều Thương. Biện pháp của ông là dời đô tới đất Ân, khai khẩn đất hoang, định cư lâu dài.

Thứ nhất, đất đai của đất Ân khá phì nhiêu, thiên tai tương đối ít và nhẹ, xây dựng đô thành ở đây sẽ có lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Thứ hai, sau khi dời đô, tất cả đều được làm lại từ đầu, các quý tộc chủ nô không thể được hưởng thụ quá mức, như vậy thì mâu thuẫn giai cấp có thể tạm được hoà hoãn. Thứ ba việc dời đô có thể tránh được các thế lực làm phản nguy hiểm, đô thành tương đối an toàn, nền thống trị có thể ổn định hơn một chút.

Thế nhưng việc quyết định rời đô đã vấp phải phản ứng của rất nhiều người, chủ yếu là các quý tộc chủ nô; họ sợ rằng địa phương mới sẽ không có điều kiện để hưởng lạc như cũ. Bàn Canh là một người rất kiên quyết, không vì bị phản đối mà thay đổi chủ ý. Ông triệu tập các quý tộc chủ nô lại, phát biểu hai bài huấn cáo. Bài huấn cáo thứ nhất là khuyên nhủ, bảo cho mọi người biết rõ lợi ích của việc dời Ân. Ông nói:

- Ta phải noi gương các bậc tiên vương quan tâm tới dân các người, bảo hộ các người, dắt các người tìm đến nơi an toàn, sung sướng. Nếu các người không đồng tâm với ta, linh hồn của tiên vương ở trên trời sẽ trừng phạt các người, sẽ giáng xuống cho các người những điều chẳng lành.

Bài huấn cáo thứ hai có tính uy hiếp, khẩu khí cứng nhắc, cảnh cáo mọi người phải nhất tề phục tùng mệnh lệnh dời đô, nếu không sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Bàn Canh dùng thủ đoạn vừa mềm vừa rắn, cuối cùng đã dời được thủ đô tới Ân. Thế nhưng cuộc đấu tranh vẫn chưa kết thúc. Dân chúng không quen với nơi ở mới, cãi lộn nhau đòi về nhà cũ. Các quý tộc chủ nô liền thừa cơ gây rối, khuấy động mọi người đòi hồi hương. Bàn Canh lại phát biểu một bài huấn cáo nữa, ngữ khí rắn chắc mạnh mẽ, cấm chỉ những sự phản đối của quý tộc chủ nô. Sau mấy năm trôi qua, cụ diện mới được ổn định. Các chủ nô lệ ở đây đa bị bức phải lao động suốt ngày suốt đêm, xây dựng đất Ân trở thành thành một đô thị rất phồn vinh. Từ đó đô thành của triều

Thương được cố định ở Ân Thành, chính trị tương đối ổn định, kinh tế và văn hoá của xã hội cũng có sự phát triển rộng. Vào thời đó, kỹ thuật luyện chế đồng đã được nâng cao, phạm vi chế tác đồ đồng đen cũng được mở rộng. ở vùng phụ cận Ân Thành đã có một phường chế tạo đồ đồng đen có tới hàng ngàn nô lệ lao động. Các nô lệ sử dụng ba loại kim thuộc là đồng, thiếc và chì làm nguyên liệu, nung chảy đúc ra hàng ngàn hàng vạn thứ vũ khí như búa rìu, giáo mác, dao, đầu mũi tên v.v..., các đồ ăn uống như đỉnh, cốc ba chân, hồ, mâm, thau v.v... ; các công cụ như cuốc, đục, dùi đục tới trình độ công nghệ cao siêu, tạo nên nền văn hoá đồ đồng đen nổi tiếng thế giới. Có một chiếc đỉnh vuông Tư Mậu Mậu Đại rất nổi tiếng, cao gần 133 centimet, dài 110 centimet, rộng 78 centimet, nặng 876 kilôgam mới được các nhà khảo cổ học khai quật từ trong di chỉ cũ đổ nát thời Ân, đã được bảo quản chu đáo trong nhà bảo tàng lịch sử Trung Quốc. Đây là một dụng cụ đồng đen lớn nhất được khai quật trên thế giới từ trước đến nay. Qua những đồ đồng đen từ đời Thương cũng có thể thấy rõ, nền văn hoá cổ đại sáng lạn của Trung Quốc là do quần chúng lao động, trong đó nô lệ chính chủ thể sáng tạo.

Trong các di chỉ thời Ân còn có hàng loạt mai rùa và xương bả vai trâu, có khắc rất nhiều văn tự khác với văn tự hiện nay; đó là loại văn tự cổ nhất mà Trung Quốc phát hiện, gọi là giáp cốt văn, tổng cộng có hơn ba ngàn chữ đơn, đa số đã được các nhà khảo cổ học giải mã. Quý tộc vương thất triều Ân vốn rất mê tín, làm việc gì cũng thu lượm mai rùa và xương để bốc bói. Nhưng chữ khắc trên mai rùa và xương trâu phần lớn đều là do nguyên nhân và kết quả của bốc bói, chẳng biết sau này có ứng nghiệm hay không. Những lời bốc bói đã đưa lại nhiều thông tin về các việc đại sự của triều Ân, cung cấp những tư liệu xác tín cho chúng ta nghiên cứu lịch sử Ân Thương.

Bàn Canh đời Ân lại một độ nữa hưng triều Thương, khiến cho Ân Thương, quốc gia nô lệ này toả hào quang chói lọi trong lịch sử phát triển văn hoá Trung Quốc và trở thành một cường quốc văn minh trên thế giới thời đó.

13. Tổ tướng nô lệ Truyền Duyệt

Triều Thương có hai tổ tướng nô lệ, một là Y Doãn phò tá Thương Thang diệt Hạ đã kể ở trên, một người là Truyền Duyệt thời Vũ Đinh, sẽ được nhắc trong chuyện này.

Vũ Đinh là cháu của Bàn Canh, là con của Tiểu ất, em lớn là Tiểu Tân, em nhỏ là Tiểu ất. Theo quy củ của triều Thương, người kế thừa Bàn Canh phải là Tiểu Tân, trừ phi Tiểu Tân chết sớm mới đến lượt Tiểu ất không hề có tham vọng quá cao được làm vua, càng không thể nghĩ tới con trai mình là Vũ Đinh có thể được kế thừa ngôi vua. Tiểu ất không để cho Vũ Đinh được ăn sung mặc sướng, mà từ nhỏ đã cho bà cùng với tầng lớp bình dân.

Vũ Đinh vui vẻ hoà mình cùng làm lung với con em bình dân. Mùa hè, Vũ Đinh cày ruộng ngoài đồng với nông dân dưới nắng trời gay gắt, mùa đông, Vũ Đinh gọi gió tuyết cùng lên núi đốn củi với các tiểu phu. Vũ Đinh đã học được bản lĩnh lao động sản xuất, có thói quen sống giản dị chất phác, đồng thời cũng có nhiều đồng cảm với nỗi khổ của nô lệ. Đáng kể hơn là Vũ Đinh đã ngang nhiên kết bạn với một nô lệ tên gọi là Truyền Duyệt.

Truyền Duyệt rất thông minh, tuy là một nô lệ, thế nhưng Truyền Duyệt tỏ ra là người có học vấn, rất quan tâm tới đại sự trong thiên hạ. Truyền thấy: Vũ Đinh tuy là cháu vua Ân, nhưng không có bộ dạng của quý tộc chủ nô, có thể cùng chơi bời lam làm với người bình dân, thậm chí còn kết bạn với một người nô lệ như mình, vì vậy mà rất yêu quý Vũ Đinh. Vũ Đinh đã học được rất nhiều kiến thức từ Truyền Duyệt. Vũ Đinh cũng rất quý mến Truyền Duyệt, muốn giúp đỡ Truyền Duyệt giải thoát thân phận nô lệ, để Truyền Duyệt làm một người tự do, có cơ làm nên nghiệp lớn.

Sự việc diễn ra rất suôn sẻ; sau khi Bàn Canh qua đời, người em lớn của Bàn Canh là Tiểu Tân kế thừa ngôi vua. Qua ba năm, Tiểu Tân mất, đến lượt người cha của Vũ Đinh là Tiểu ất nối ngôi. Tiểu ất ở ngôi được 10 năm, sau khi ông mất, ngôi vua liền truyền lại cho Vũ Đinh. Vũ Đinh một lòng một dạ muốn phục hưng triều Thương, làm một vị vua nổi tiếng giống như Thang Thương. Đối với những sự việc chính trị, Vũ Đinh tạm thời không phát biểu ý kiến, tất cả đều giao cho các quan đại thần xử lý, còn bản thân thì lặng lẽ từ bên cạnh quan sát, suy nghĩ biện pháp cai trị đất nước sao cho tốt.

Đã trôi qua ba năm, cuối cùng cũng đã sáng tỏ được một đạo lý: Sở dĩ Thương Thang có thể tiêu diệt được triều Hạ, lập được triều Thương là vì Thương Thang đã tìm được một người giúp việc tốt là Y Doãn. Muốn phục hưng triều Thương, làm một vị vua nổi tiếng giống như Thương Thang, nếu không tìm được một người giúp việc như Y Doãn thì quyết không thể được.

Ai là người có thể giúp việc tốt cho Vũ Đinh đây? Vũ Đinh nghĩ tới người bạn thân là Truyền Duyệt năm xưa. Thế nhưng Truyền Duyệt là nô lệ, nền thống trị của triều Thương đã trải qua mấy trăm năm, vẫn duy trì giới hạn giữa nô lệ và chủ nô rất rõ ràng, nếu vô cơ giải phóng thân phận cho Truyền Duyệt, để Truyền Duyệt phò tá nhà vua cai trị đất nước, thì các quý tộc, chủ nô không gây chuyện động trời sao được?

Phải làm thế nào cho thoả đáng đây? Vũ Đinh suy đi tính lại, chợt nghĩ ra một chủ ý hay. Vũ Đinh biết các quý tộc chủ nô đều mê tín quỷ thần, chỉ cần giả thác ý chỉ của quỷ thần, thì nhất định các quý tộc chủ nô sẽ không dám phản đối nữa. Một buổi tối, đang lúc nửa đêm, Vũ Đinh cố ý cười thật to. Những người hầu dưới trướng thấy Vũ Đinh cười trong mộng liền tỉnh dậy, vội vàng hỏi bệ hạ mộng thấy gì? Vũ Đinh vừa cười vừa nói:

- Triều Ân chúng ta có hy vọng rồi! Ta mộng thấy tiên vương Thương Thang tiến cử cho ta một người hiền tài, tên gọi là Truyền Duyệt, nói rằng người đó có thể phò tá cho ta cai trị tốt đất nước. Các người hãy mau mau giúp ta rước con người Truyền Duyệt này về đây!

Những người dưới trướng nghe nói là người đại hiền tài do tiên vương Thương Thang tiến cử, lẽ dĩ nhiên đều cả tin, chẳng chút nghi ngờ. Thế nhưng con người Truyền Duyệt ở trong mộng này, cuối cùng là người như thế nào thì không ai rõ tung tích cả, biết tìm ở đâu đây? Họ

đàn phả triệu tập trăm quan văn võ tới trước Vũ Đình, hỏi người nào là đại hiền tài Truyền Duyệt mà bệ hạ vừa mộng thấy? Vũ Đình có ý liếc một lượt những người đứng ở trước mặt, cuối cùng lắc đầu nói, không có người nào mà ta đã nhìn thấy ở trong mộng cả. Những người dưới trướng đàn phả căn cứ vào tên họ và tướng mạo cụ thể con người mà Vũ Đình nói ra, cử một số người đi tìm trong đám dân chúng.

Chính lúc này, Truyền Duyệt vì mắc tội xúc phạm chủ nô, đang bị buộc chặt bằng dây thừng, do giám công canh giữ làm khổ công chình tường ở địa phương Truyền Nham (phía Bắc huyện Bình Lục, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Chính tường là một phương pháp dùng đất để đắp tường, hơi giống cách đầm đất khô hiện nay. Những người đi tìm Truyền Duyệt nghe nói có một nô lệ đang làm khổ công chình tường tên gọi Truyền Duyệt, bèn chạy đến tìm, thì thấy thân hình tướng mạo cũng gần giống như người mà Vũ Đình đã nói, họ chắc chắn đây là người trong mộng của Vũ Đình. Chẳng cần biết có phải là nô lệ hay không, họ vội vã đuổi viên giám công đi, mời Truyền Duyệt lên xe, tiền hô hậu ủng lao thẳng tới Ân Thành, dẫn vào trong cung vua.

Vũ Đình thoát nhìn: quả đúng là người bạn thân Truyền Duyệt năm xưa của mình đã tới, liền gật đầu lia lịa, nói:

- Đúng là ông ấy rồi, đúng là ông ấy rồi, ông ấy chính là người đại hiền tài mà tiên vương đã tiến cử cho trăm ở trong mộng đó!

Tức thì Vũ Đình vội vã bảo Truyền Duyệt cởi bỏ bộ quần áo tù, cho Truyền Duyệt tắm rửa, mặc quần áo hoàng cung, rồi tuyên bố xoá bỏ thân phận nô lệ cho Truyền Duyệt trước mặt mọi người, cho phép ông ta phò tá mình cai trị quốc gia. Các quý tộc chủ nô tuy không phục, nhưng khi nghĩ ông ta là đại hiền tài mà tiên vương tiến cử cho Vũ Đình ở trong mộng thì cũng không dám phản đối nữa, hơn thế, họ còn đổ xô tới chúc mừng, biểu thị thái độ hài lòng cùng cai trị đất nước của Truyền Duyệt.

Truyền Duyệt vốn không phải họ Truyền, chỉ có tên độc âm là Duyệt. Trong xã hội nô lệ, người nô lệ nói chung chỉ có tên mà không có họ. Bởi vì ông được tìm thấy ở đất Truyền Nham, cho nên đã lấy chữ Truyền trong địa danh để gắn họ Truyền vào tên Duyệt.

Truyền Duyệt quả nhiên có tài năng cai trị đất nước, chỉ trong ba năm, ông đã phò tá vua Vũ Đình cai trị triều Ân một cách trật tự kỷ cương, sản xuất phát triển, nhân khẩu tăng thêm, trộm cắp đều biến hết, chiến tranh với nước ngoài hễ đánh là thắng. Triều Ân lại một lần nữa được phục hưng. Vũ Đình vô cùng cảm tạ Truyền Duyệt, ban thưởng cho Truyền Duyệt rất nhiều của cải, rồi để cho Truyền Duyệt về hưu dưỡng lão, dạy dỗ một số thanh niên quý tộc học tập bản lĩnh quản lý chính trị trong cung vua.

Hai người nô lệ Y Doãn và Truyền Duyệt trước sau đã gánh vác trách nhiệm nặng nề cai trị đất nước của chủ nô, nếu đứng ở thời điểm hiện nay mà nhìn thì thấy hết sức kỳ cục. Thực ra, trong xã hội nô lệ, đại bộ phận chủ nô đều là những nhân vật tai to, mặt lớn, còn nô lệ thì dù phải trực tiếp lao động sản xuất, nhưng trong đó cũng có không ít tài năng xuất chúng, tri thức uyên bác, thực sự có thể cai trị được đất nước. Để duy trì sự thống trị giai cấp của họ, các chủ nô lệ đành phải khai thác nhân tài trong đám nô lệ, lớp người luôn bị chủ nô áp bức và bóc lột một cách hết sức tàn khốc. Câu chuyện “Tuần táng nô lệ” ở sau phác hoạ một bức hoạ lịch sử trần trụi máu và nước mắt của các nô lệ thời đó.

14. Tuẫn táng nô lệ

Triều Thương là một triều đại rất phát đạt của chế độ nô lệ Trung Quốc. Những người nô lệ chịu sự áp bức và bóc lột tàn khốc của chủ nô. Lương thực mà chủ nô ăn là do nô lệ khổ sở làm ra, quần áo mà chủ nô mặc là do nô lệ ngày đêm dệt vải may cho, phòng ốc cung điện chủ nô là do nô lệ đổ máu, trào mồ hôi xây dựng lên, xe thuyền chủ nô ngồi là do nô lệ vất vả chế tạo ra. Nô lệ cũng giống như súc vật, công cụ, nhà cửa v.v... tất cả đều là tài sản riêng của chủ nô. Hàng ngàn hàng vạn nô lệ đã dùng máu và mồ hôi của mình để nuôi sống một số chủ nô cực kỳ ít ỏi.

Vậy thì những nô lệ mà chủ nô chiếm hữu tà đâu mà ra? Nguồn gốc chủ yếu, một là từ những bộ lạc, chủng tộc bị chinh phục, hai là từ đám tù binh trong chiến tranh. Một chủ nô lớn có thể có tới hàng ngàn hàng vạn nô lệ, chủ nô tương đối nhỏ cũng thường có tới mấy chục hoặc mấy trăm nô lệ. Để phân biệt với nô lệ của người khác, các chủ nô thường đánh dấu trên trán các nô lệ của mình. Nếu nô lệ quá nhiều thì có thể đem biểu người khác, những nô lệ thừa thì dùng dây thừng buộc thành từng xâu đem ra chợ bán. Giá nô lệ rất rẻ, trên một tờ đồng đen có tên gọi là "Hốt đỉnh" còn để lại ở cuối thời kỳ Tây Chu muộn hơn triều Thương mấy trăm năm đã ghi chép giá bán nô lệ thời đó, cho biết, năm nô lệ chỉ đổi được một con ngựa và một bó tơ. Triều Thương còn sớm hơn mấy trăm năm so với thời Tây Chu, giá bán nô lệ còn rẻ hơn nhiều. Đối với chủ nô triều Thương, việc để chết một con ngựa là chuyện rất đáng tiếc, còn như để chết mấy người nô lệ một lúc thì có đáng kể gì!

ở triều Thương sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp được tiến hành chủ yếu dựa vào nô lệ. Chủ nô xưa từng bầy nô lệ đi khai hoang trồng trọt, nghe tiếng gà gáy là ra đồng, trời tối mịt mới được nghỉ. Buổi tối, nô lệ bị nhốt trong những căn nhà nhỏ thấp, chật chội, một số còn bị còng tay khoá chân, đề phòng chạy trốn. Lúc nông nhàn, trong vụ đông, nô lệ đàn ông phải xây dựng nhà cửa, đốt lò nung gốm, nấu luyện đồng đen cho chủ nô. Nô lệ đàn bà phải chạy xe đay sớm tối dệt vải cho chủ nô. Có những nô lệ phải làm việc suốt ngày đêm, cho nên trong sách cổ có ghi chép, một nô lệ siêng năng, một tháng có thể làm công việc của một tháng rưỡi. Khi chủ nô còn sống, được bóc lột đã quen, hưởng thụ đã nhàm, chúng mơ tưởng sau khi chết, linh hồn vẫn có thể được sống cuộc sống bóc lột, do vậy, khi chết chúng đã dùng nô lệ để tuẫn táng.

Tuẫn táng còn gọi là bồi táng, tức là đem người sống và người chết cùng mai táng. Chủ nô chết, lúc chôn cất, những nô lệ đang sống khoẻ mạnh kia cũng phải cùng chôn vào trong một phần mộ. Nếu nô lệ phản kháng thì giết chết rồi đem chôn cùng, hoặc dùng dây thừng trói chặt vút xuống huyết cùng chủ nô. Một chủ nô không chỉ dùng một người nô lệ để tuẫn táng, mà căn cứ vào địa vị cao thấp có thể tuẫn táng mấy người, mấy chục người, thậm chí mấy trăm người một lúc.

Xin hãy xem tình hình trong mộ táng của triều Thương đã khai quật được từ trong di chỉ thời Ân trước đây.

Di chỉ thời Ân ở thành phố An Dương tỉnh Hà Nam ngày nay, chính là Ân Thành, được xây dựng khi Bàn Canh dời đô tới. Sau khi triều Thương diệt vong, năm tháng xa xưa đã trôi về dĩ vãng, vương đô này dần dần thành hoang vu đổ nát, người đời sau gọi là di chỉ thời Ân. Gần năm mươi năm trở lại đây, những nhà khảo cổ học đã khai quật được hàng ngàn hàng vạn những văn vật lịch sử của triều Thương tại di chỉ thời Ân, ngoài ra là những di chỉ vương cung và di chỉ mộ táng của triều Thương. Những văn vật lịch sử và những di chỉ vương cung mộ táng này cho chúng ta biết tình hình sản xuất và đời sống xã hội nô lệ triều Thương, lại cũng thông báo cho chúng ta biết tình cảm bi thảm của tục tuẫn táng nô lệ.

Hầu gia trang hiện tại là một thôn nhỏ, ở triều Thương là khu mộ táng của các quý tộc chủ nô. Những mộ táng Ân Thương khai quật được ở đó chia làm hai khu Đông, Tây. Khu Tây có sáu ngôi mộ lớn, khu Đông có ba ngôi mộ lớn. Theo giám định khảo cổ học thì những mộ táng này đều là lăng mộ của các vua Thương. Khu Đông có hai ngôi mộ hình chữ nhật, một ngôi hình chữ á. Những ngôi mộ ở khu Tây đều có hình chữ á cả. ở chính giữa ngôi mộ hình chữ á là nơi

đặt quan quách của chủ nhân ngôi mộ. Quan là cái hòm bằng gỗ hoặc bằng đá lớn hơn, bao bọc bên ngoài quan. ở bốn xung quanh hình chữ á là bốn lối đi trước mộ Đông Nam Tây Bắc, mỗi lối dài từ 20 đến 30 mét, rộng từ 5 đến 6 mét. Lối đi trước mộ chính giữa này là một cái dốc thoải, quan quách được khiêng từ đây vào trong, còn ba lối đi trước mộ kia đều là bậc thang, từng cấp từng cấp một. Độ sâu của ngôi mộ ước khoảng 12 mét, ở chính giữa có một hố vuông nhỏ, gọi là hố eo lưng. Trước khi an táng, đầu tiên là giết chết nô lệ và một con chó tuần táng ở hố eo lưng, sau đó đẩy ván gỗ lên, trên ván gỗ đặt một quan quách. Trong tám góc hình chữ á ở bốn xung quanh quan quách, mỗi góc có một góc vuông nhỏ, mỗi hố chôn sống một nô lệ tuần táng. Trên đỉnh quan quách bắc một cây gỗ lớn dùng để bảo vệ quan quách. ở đây cũng có rất nhiều nô lệ tuần táng, hơn thế còn được xếp hàng hết sức tề chỉnh, đại để đó như một đội quân danh dự. ở nơi chính giữa lối đi trước mộ gần trung tâm mộ có hơn hai chục nô lệ tuần táng, mỗi hàng mười người, tổng cộng hơn 200 người, đầu và thân đều không ở một nơi, chứng tỏ rằng nô lệ bị giết rồi mới đem chôn. Khi khai quật, phát hiện bùn đất ở phía dưới xương sọ hiện ra sắc xanh tím, hẳn là bị máu tươi ô nhiễm. Đủ thấy khi nô lệ bị chôn xuống đất máu tươi đã chảy tràn lênh láng. ở xung quanh ngôi mộ lớn, còn có hơn hai chục mộ nhỏ tuần táng, trong mỗi ngôi mộ đều chôn từ năm đến mười. Tính tổng cộng lại tổng số nô lệ tuần táng ở ngôi mộ này có tới trên dưới 400 người. Một số chủ nô chết đã có tới hơn 400 nô lệ khỏe mạnh bị tuần táng theo. Đó là một chế độ vô cùng tàn khốc.

Tình hình không chỉ có như vậy. Về sau, gặp ngày lễ tết, giỗ chạp, con cháu của chủ nô còn phải giết nô lệ và bò cừu, chó, lợn làm vật hiến tế. Bởi vì nô lệ còn rẻ hơn bò, cừu, chó, lợn, khi hành lễ, số bò, cừu, chó, lợn bị giết nhiều lắm chỉ vài con, còn nô lệ thì có thể bị giết mấy chục hoặc hàng trăm người. Căn cứ vào ghi chép của giáp cốt văn, lần nhiều nhất đã có tới 2656 nô lệ bị sát hại!

Chế độ chôn người sống theo người chết này, còn tồn tại mãi tới đầu thời kỳ xã hội phong kiến. Vào khoảng tháng 5, tháng 6 năm 1978, tại Lôi Cổ Đôn, huyện Tuy, tỉnh Hồ Bắc, các nhân viên công tác khảo cổ đã khai quật một di chỉ ngôi mộ trước thời Chiến Quốc cách hiện tại khoảng trên 1400 năm, đã phát hiện 21 bộ xương sọ nữ thanh thiếu niên bị tuần táng. Bọn chủ nô lệ đã bức hại nô lệ tàn khốc đến như vậy, tất nhiên đã gặp phải sức phản kháng kịch liệt. Những người nô lệ đã nhiều lần bạo động chống lại chế độ đẫm máu này. Trong giáp cốt văn khai quật được ở di chỉ thời Ân, không chỉ một lần chi chép những sự việc vua Thương đích thân truy kích, trấn áp nô lệ. Sự phản kháng của những người nô lệ đã làm chấn động nền thống trị của chủ nô. Trong bộ sách lịch sử cổ đại tên gọi “Thương thư” đã chép lại câu chuyện như sau: “Có một lần từng đoàn từng đội nô lệ xông vào đánh phá đám lễ lớn của vua Thương đang cúng tế trời đất và tổ tiên. Họ đã đuổi được chủ nô và ăn hết cả những tế phẩm như rượu và bò, dê, lợn v.v..., sau đó, đàng hoàng bỏ trốn cả lũ”.

15. Trụ Vương đánh thắng Đông Di

Vua cuối cùng của triều Thương tên gọi là Đế Tân, còn có tên là Trụ, lịch sử gọi ông ta là Ân Trụ Vương. Thiên hạ của triều Thương chính là bị chôn vùi ở trong tay ông ta. Trong các sách lịch sử không những không nói một câu tốt đẹp nào về Ân Trụ Vương mà trái lại, đều gọi ông ta là bạo quân. Kỳ thực trong lịch sử, Ân Trụ Vương có công lao. Ông ta từng tiến công đánh thắng Đông Di mở rộng đất đai biên cương tới vùng Đông Nam Trung Quốc, khiến cho lưu vực Trường Giang được khai thác phát triển. Trước hết hãy kể về câu chuyện về mặt này, còn chuyện ông ta chôn vùi triều Thương thì lưu lại sẽ kể ở đằng sau.

Ân Trụ Vương là vua thứ 29 của Triều Thương- con trai nhỏ của ất Đế. Truyền thuyết kể rằng Ân Trụ Vương có thân hình cao lớn, rất đẹp trai, là người rất thông minh, đối với sự việc phức tạp ông có thể phán đoán rất nhanh. Ông có sức khỏe kinh người, có thể tay không đánh nhau với mãnh thú, kéo thẳng móng thép, có thể đem dây thép uốn cong thành thừng. Một hôm, chiếc cột nóc của cung vua bị mục nát, thợ mộc muốn dựng một cái dàn để đỡ nó nhà, sau đó sẽ thay cột mới. Trụ Vương nói:

- Các người chớ có làm cho phiền phức, đem cột ra đây, trẫm sẽ dùng tay đỡ mái, các người sẽ thay cột được chứ gì.

Những chuyện này lẽ dĩ nhiên chỉ là sự miêu tả khoa trương ở trong sách cổ.

Dưới đây chuyện Ân Trụ Vương đánh thắng Đông Di mở rộng vùng Đông Nam.

Khu vực Trung Nguyên của Trung Quốc tức là lưu vực Hoàng Hà, do tộc Hoa Hạ khai phá, dải đất Đông Nam chính là ngôi nhà cũ của Đông Di. Chữ "Đông" trong từ Đông Di là chỉ dải đất mà họ cư trú ở phía Đông, còn chữ "Di" là do chữ "Đại" và chữ "Cung" hợp thành. Chữ Đại giống như hình người, ý nghĩa là nói người Đông Di luôn luôn đeo dây cung, sống cuộc sống săn bắn lang thang. Đông Di không phải là một bộ tộc thống nhất, mà là tiếng gọi chung của rất nhiều bộ lạc nhỏ, lạc hậu hơn nhiều so với bộ tộc Hoa Hạ, ở thời kỳ cuối triều Thương, có bộ lạc còn ở vào giai đoạn xã hội nguyên thủy, có bộ lạc cũng vừa bước vào xã hội nô lệ.

Triều Thương là một nước lớn, theo chế độ nô lệ mà đặc điểm của quốc gia theo chế độ nô lệ là không ngừng cướp đoạt nhân khẩu bổ sung làm nô lệ. Những bộ lạc nhỏ Đông Di đó, từ trước vẫn là nguồn bổ sung nô lệ cho triều Thương. Nhưng xã hội Đông Di cũng không ngừng phát triển. Kết quả của sự tiếp xúc giữa triều Thương và họ đã khiến cho sự phát triển của xã hội Đông Di càng nhanh. Do vậy, sự đối kháng của Đông Di đối với Triều Thương cũng ngày càng gay gắt hơn. Có lúc, quý tộc, chủ nô của Đông Di cũng tấn công triều Thương, bắt dân triều Thương làm nô lệ

Sự cường thịnh và phản kháng của Đông Di đã uy hiếp nền thống trị của triều Thương. Cha của Ân Trụ Vương là Đế ất đã phát động cuộc tấn công đại quy mô đối với Đông Di, song vẫn chưa thu được thắng lợi.

Khi Trụ vương kế thừa ngôi vua, đã tổ chức một đội quân lớn, tạo đúc hàng loạt vũ khí mới, đích thân xuất chinh tấn công đại quy mô vào Đông Di. Các bộ lạc Đông Di đã liên hợp nhau cùng chống lại. Trên chiến trường, Trụ vương xông xáo chém giết, một mình có thể địch được rất nhiều, người Đông Di hoảng sợ, hễ cứ nhìn thấy cờ của Trụ vương liền cầm đầu chạy thực mạng.

Kỹ thuật sản xuất tiên tiến của triều Thương đã đem lại ưu thế rất lớn cho quân Thương. Trụ vương sai nô lệ đúc hàng loạt mũi tên bằng đồng đen vừa tinh xảo, vừa sắc nhọn, có thể bắn được rất xa, lực sát thương lớn. Thứ mà người Đông Di dùng vẫn là mũi tên đá hoặc xương thú mài nhọn, lẽ dĩ nhiên không địch nổi mũi tên đồng đen. Khi hai quân Thương Di đối trận, Trụ vương hạ lệnh cho quân Thương ra sức bắn tên, sát thương hàng loạt quân tiên phong của Đông Di. Quân đội Đông Di ở đằng sau thấy rõ quân tiên phong bị bắn ngã hàng loạt, sợ xanh mắt, còn chưa kịp định thần đã bị Trụ vương sớm đưa quân xông tới bao vây. Quân Đông Di bị bắt làm tù binh nhiều không kể xiết.

Trụ vương chỉ huy quân Thương đánh thẳng tới hạ du Trường Giang, đại đa số các bộ lạc Đông Di phải đầu hàng. Căn cứ vào ghi chép trong sách cổ, Ân Trụ Vương đã bắt sống hàng triệu quân Đông Di. Con số này đương nhiên là khoa trương, bởi vì toàn bộ nhân khẩu của Trung Quốc lúc đó cũng chưa tới một ức người (mười vạn), nếu nói Trụ Vương đã bắt sống được hàng ngàn hàng vạn người Đông Di, đó là điều hoàn toàn có khả năng.

Trụ Vương đánh thắng Đông Di đã khai thác, mở rộng giao thông ở vùng Trung Nguyên và Đông Nam, khiến cho các dân tộc hai khu vực qua lại càng mật thiết hơn. Từ đây, nền văn hoá Trung Nguyên dần dần được truyền bá tới khu vực Đông Nam. Nhân dân ở nơi đó đã hấp thụ được nền văn hoá tiên tiến của đây sản xuất phát triển với tốc độ nhanh chưa từng thấy. Vì vậy, có thể nói, nếu khu vực Đông Nam và hạ du Trường Giang được khai thác và phát triển vào loại sớm nhất ở Trung Quốc thì phải ghi nhận công lao của Ân Trụ Vương.

16. Văn Vương tìm người tài gặp Khương Thượng

Vào những năm cuối triều Thương ở lưu vực sông Vị Thủy đã nổi lên một quốc gia hùng mạnh có tên là Chu. Tổ tiên của Chu họ Cơ, có một lịch sử rất lâu đời. Theo truyền thuyết, tổ tiên xa xưa của họ là Hậu Tắc ở thời Nghiêu giữ chức nông sư và kế nhiệm hết đời này sang đời khác quản lý các công việc về mặt nông nghiệp. Những năm tháng cuối triều Hạ, chính phủ hủ bại, nông nghiệp suy thoái, tổ tiên nhà Chu liền dời về phía Tây, tới một vùng đất ở phía Đông Cam Túc và phía Tây Thiểm Tây ngày nay, tự tổ chức thành bộ lạc. Cuối triều Thương, tộc Chu bị tộc Nhung và tộc Địch ở phía Tây Bắc xâm phạm, quấy nhiễu; thủ lĩnh của tộc Chu là Cổ Công Đản Phụ dắt dẫn đoàn người trong tộc từ phái Bắc Kỳ Sơn dời tới Chu Nguyên Thương ở phía Nam Kỳ Sơn cư trú; hơn thế, họ còn xây dựng thành quách, cung thất ở đó, rồi khai khẩn đất hoang, lập ra các chức quan lại. Đại đế là tộc Chu dần dần hình thành một quốc gia theo chế độ nô lệ. Khi con trai của Cổ Công Đản Phụ là Lý Lịch tại vị, thế lực của Chu đã lớn mạnh hẳn lên. Vua triều Chu là Văn Đinh linh cảm thấy bị Chu uy hiếp đã giết hại Lý Lịch.

Sau khi Lý Lịch chết, con trai ông ta là Cơ Xương kế ngôi, đó chính là Chu Văn Vương nổi tiếng. Vốn gốc gác là nông sư, Chu Văn Vương cũng rất coi trọng nông nghiệp. Với người đời ông khoan dung nhân hậu, với bậc già cả thì tỏ ra tôn kính, với trẻ nhỏ rất mực yêu thương, vì vậy ông rất được dân chúng ủng hộ. Chu Văn Vương đặc biệt kính trọng những người có bản lĩnh và đã mời họ tới giúp cai trị quốc gia. Nhiều hiền tài trong thiên hạ đã tìm về với ông, do vậy, dưới trướng ông có rất nhiều văn thần võ tướng.

Ân Trụ Vương thấy rõ thanh thế của Chu ngày càng mạnh nên vô cùng lo sợ, bèn kiếm có cho gọi Chu Văn Vương tới rồi tống giam ở Dữu Lý (vùng Tây Bắc huyện Thanh Âm, tỉnh Hà Nam ngày nay). Để cứu Văn Vương, các thần tử của Chu Văn Vương đã chiêu gọi gái đẹp, ngựa hay cùng châu báu đem dâng Trụ Vương, không những thế còn mua chuộc đại thần của triều Thương, muốn qua ông ta mà dùng tình cảm cầu xin Trụ Vương. Trụ Vương vốn ham của, háo sắc, khi nhận được lễ vật đã nghe theo lời đại thần, tha cho Văn Vương trở về.

Sau khi được trả tự do, Chu Văn Vương vừa dốc lòng cai trị đất nước vừa tìm cơ hội lật đổ triều Thương, báo thù, rửa nhục. Ông biết, dưới trướng ông đã có không ít văn thần võ tướng, nhưng vẫn còn thiếu một nhân vật văn võ toàn tài có thể trừ liệu được toàn cục, giúp ông vạch định mưu hoạch, lập đại kế tiêu diệt triều Thương. Do đó ông phải thường xuyên lưu tâm tìm kiếm hiền tài là thế.

Một hôm, nhân xuất ngoại săn thú, Chu Văn Vương gặp một ông già chùng thối bát tuần, râu tóc bạc phơ, đang ngồi câu cá ở Bàn Khê, một chi lưu của sông Vị Thủy. Điều kỳ lạ là ông già tay vừa giữ cần câu cá miệng vừa không ngớt lẩm nhảm: "Mau cần câu đi, nào mau cần câu đi!" Lại ngắm nhìn thì thấy lưỡi câu của ông già còn cách mặt nước những ba thước, hơn thém lại là lưỡi câu thẳng, chứ không phải là lưỡi câu cong, trên lưỡi câu cũng chẳng hề có mồi. Văn Vương thấy vậy rất khó chịu, liền lại gần bắt chuyện.

Ông già này họ Khương tên Thượng, lại có tên là Tử Nha, là con cháu đời sau của Viêm Đế thuộc thời cổ xa xưa. Ông từng làm nghề mổ trâu ở thủ đô Triều Ca của triều Thương (huyện Thanh Âm, tỉnh Hà Nam ngày nay), lại đã từng đi bán rượu ở Mạnh Tân bên bờ sông Hoàng Hà. Ông không biết cách buôn bán, bị lỗ vốn, cho nên đã tới bờ sông Vị Thủy này ngồi câu cá, kỳ thực là để chờ gặp vị vua hiền minh sáng suốt.

Trong khi trò chuyện với Khương Thượng, Chu Văn Vương phát hiện thấy Khương Thượng là người có nhãn quan rộng lớn, học vấn uyên bác, trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, về chính trị, quân sự đều rất hiểu biết, đặc biệt là đối với hình thái chính trị đương thời, ông đã có sự phân tích thấu đáo, hợp lý. Khương Thượng cho rằng thiên hạ của triều Thương không còn tồn tại lâu dài được nữa, cần phải có một vị lãnh tụ tài ba, sáng suốt đứng lên làm đảo chính, xây dựng lên một triều đình mới, mang lại cuộc sống dễ chịu hơn cho dân lành.

Lời nói của Khương Thượng, từng câu từng câu đều đánh trúng tâm lý của Văn Vương. Vốn dĩ Văn Vương chỉ muốn lật đổ triều Thương, đã đi khắp nơi tìm kiếm hiền tài, Khương Thượng ở

ngay trước mắt này, chẳng phải là người đại hiền tài mà mình vẫn tìm kiếm đó sao? Văn Vương khẩn thiết nói với Khương Thượng:

- Chúng tôi ngóng đợi ngài đã rất lâu rồi, mời ngài tới chỗ chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi cai trị đất nước!

Nói xong, liền sai tùy tùng mời Khương Thượng lên xe cùng ngồi với mình, trở về đô thành.

Khương Thượng tới chỗ Văn Vương, trước hết được lập làm quốc sư, một chức quan võ lớn nhất. Sa đó, được thăng làm tướng quốc, quản lý chung chính trị và quân sự trong toàn quốc. Khi người cha của Chu Văn Vương là Thái Công Lý Lịch còn sống, người cũng mong đợi một vị đại hiền tài như Khương Thượng, cho nên người đời đã tôn xưng Khương Thượng là “Thái Công Vọng”. Về sau, chữ “Vọng” trong cụm từ “Thái Công Vọng” đã bị bỏ đi, mà chỉ gọi là Khương Thượng là Khương Thái Công.

Quả nhiên, Khương Thái Công là trụ cột của đất nước, đã làm tướng quốc của Chu Văn Vương, giúp đỡ Chu Văn Vương chinh đốn chính trị và quân sự; đối nội thì phát triển sản xuất, dân chúng được an cư lạc nghiệp, đối ngoại thì chinh phục các bộ tộc, khai thác đất đai biên vực, làm suy yếu triều Thương. Dưới sự phò tá của Khương Thượng, Chu Văn Vương đã lần lượt đánh bại các bộ tộc nô lệ Khuyển Nhung, Mạt Tu..., đã chinh phục được các quốc gia nhỏ như Kỳ, Vu... buộc nước Sùng vẫn phụ thuộc vào triều Thương, xây dựng Phong Thành ở trên địa bàn nước Sùng, đem đô thành từ Chu Nguyên ở phía Nam Kỳ dời đến Phong Thành. Đến lúc cuối đời Chu Văn Vương, đất đai biên vực của nhà Chu đã được mở rộng nhiều về phía Tây, quê hương cũ của tộc Chu, vùng đất Thiểm Tây và Cam Túc ngày nay đã được thu phục lại, phía Đông Bắc tiến triển tới gần Lê Thành của tỉnh Sơn Tây ngày nay, phía Đông đạt tới vùng Tấn Dương, Hà Nam ngày nay, xích gần tới Đô Thành Triều Ca của Ân Trụ Vương, phía Nam mở rộng thế lực tới lưu vực Trường Giang, Hán Thủy và Nhữ Thủy. Truyền thuyết kể rằng Chu Văn Vương đã khống chế được hai phần ba thiên hạ lúc đó, đặt cơ sở đáng tin cậy cho việc tiêu diệt triều Thương.

Thế nhưng Chu Văn Vương chưa kịp thực hiện nguyện vọng tiêu diệt triều Thương thì đã qua đời. Con trai ông là Cơ Phát kế thừa ngôi vua, đó chính là Chu Vũ Vương. Chu Vũ Vương kế thừa di chỉ của cha, tôn Khương Thượng là Sư Thượng Phụ. Dưới sự phò tá của Sư Thượng Phụ, cuối cùng Chu Vũ Vương đã tiêu diệt được Ân Thương.

17. Chu Vũ Vương phạt Trụ

Khi Chu Vũ Vương lên ngôi, đất nước đã quá thối nát. Ân Trụ Vương đánh thắng Đông Di, khai thác đất đai vùng Đông Nam, về mặt lịch sử cũng có công lao nhất định. Thế nhưng Trụ Vương xét cho cùng vẫn là một chủ nô lớn nhất, lẽ dĩ nhiên Trụ Vương không thoát khỏi tệ hoang dâm, xấu xa và độc ác. Trụ Vương đặc biệt thích khoe khoang sự sang trọng, trên quần áo Trụ Vương gắn đầy các loại đá ngọc, châu báu. Vương cung của Trụ Vương có đá ngọc làm cửa, có vàng làm cột, có một toà Lộc Đài cao 10 trượng (tương đương 20 thước ngày nay), trang hoàng cực kỳ lộng lẫy, so với giao đài của Hạ Kiệt thì còn sang trọng hơn nhiều. Trụ Vương đặc biệt thích uống rượu và ăn thịt, ở trong Vương cung, Trụ cho xây dựng một bể rượu và rừng thịt, tha hồ hưởng thụ. Rừng thịt thật ra là những cây cột gỗ dựng trên bờ bể rượu có treo đầy thịt nướng thơm lừng. Trụ Vương và các quý tộc chủ nô tận hưởng uống rượu bên bể rượu, vào trong rừng thịt chỉ việc giũra cổ lên là có thể ăn được thịt.

Trụ Vương còn đặc biệt sủng ái một người đàn bà có tên là Đát Kỷ. Đát Kỷ giỏi đủ trò xấu xa, bắt Trụ Vương làm rất nhiều điều trái đạo lý. Ví dụ, Đát Kỷ bắt Trụ Vương dùng hình phạt tàn khốc của pháo lạc để trừng trị những người chống đối. Pháo lạc còn gọi là pháo cánh, dùng lửa cháy nung nóng cột đồng, bắt người trèo lên, rơi xuống thì bị lửa ở dưới thiêu chết tươi.

Ân Trụ Vương hoang dâm bạo tàn như vậy, không phải là không có người khuyên can Trụ theo lẽ phải. Người anh khác mẹ của Trụ là Vi Tử Khải đã nói với Trụ Vương rằng:

- Bây giờ chúng ta liêu mạng uống rượu, làm bại hoại mỹ đức của tổ tiên. Dân chúng và đại thần đang bị nạn trộm cắp, gian tà hoành hành, triều Ân của chúng ta đang trên đường diệt vong rồi đó.

Trụ Vương không nghe theo lời khuyên bảo của Vi Tử Khải. Vi Tử Khải đành lặng lẽ trốn khỏi Trụ Vương, tới địa phương khác ẩn tránh. Người chú của Trụ Vương là Tử Can cũng dùng lời tốt đẹp để khuyên bảo Trụ Vương, trái lại Trụ Vương trả lời, nói:

- Trẫm nghe nói quả tim của thánh nhân có bảy lỗ. Trẫm muốn xem thử rốt cuộc tim khanh có mấy lỗ đây!

Trụ Vương ngang nhiên giết chết Tử Can, mổ bụng lấy tim ra quan sát thương thức. Người anh em họ của Trụ Vương là Kỳ Tử cũng lựa lời khuyên bảo Trụ Vương. Trụ Vương không những không nghe, trái lại còn nhốt Kỳ Tử vào ngục. Và thế là, không ai còn dám khuyên bảo Trụ Vương nữa. Trong số họ có người cáo bị ốm lảng tránh, có người tuy ngày ngày vẫn tới triều gặp Trụ Vương nhưng không nói câu nào, có một số đại quan như Thái Sư, Thiếu sư thậm chí cũng lặng lẽ cầm đồ nhạc khí, tế khí của nhà Thái miếu triều Thương trốn về theo Chu Vũ Vương.

Dưới thời Trụ Vương hủ bại, nhân dân ngày càng điêu đứng. Để xây dựng Lộc Đài, Vương đã dân chúng làm lao dịch. Trụ Vương muốn uống rượu thì cướp thóc gạo của dân để ủ rượu. Trụ Vương muốn ăn thịt thì bắt dân chúng suốt ngày đêm vào trong rừng rậm săn dã thú. Đát Kỷ mà Trụ Vương sủng ái thích xem giết người, thì tùy tiện kéo người tới chặt đầu, xẻo chân, mổ bụng. Quần chúng nhân dân quả thực là không chịu đựng nổi đành phải ôm trẻ, dìu già, kêu gào khóc lóc, chạy trốn ở khắp mọi nơi. Thiên hạ của triều Thương đã bị Trụ Vương làm cho tan nát, không sao duy trì tiếp tục được nữa. Lúc này, được sự giúp đỡ của Khương Thượng, Chu Vũ Vương quyết định tấn công triều Thương. Trước hết, Chu Vũ Vương phát thông tri tới các bộ lạc, các nước nhỏ, kêu gọi mọi người tới hội liên minh ở Mạnh Tân trên bờ sông Hoàng Hà (huyện Mạnh Tân, tỉnh Hà Nam ngày nay) bàn luận kế sách quy tụ bàn dân thiên hạ đang rối loạn, qua đó thăm dò thái độ của các bộ lạc và các nước nhỏ này. Đúng hạn, có tới hơn tám trăm thủ lĩnh các bộ lạc và nước nhỏ tới hội liên minh. Con số đó chứng tỏ rằng tuyệt đại đa số thiên hạ đều bằng lòng khởi binh theo Chu Vũ Vương tiêu diệt Trụ. Trong đại hội liên minh Chu Vũ Vương đã tuyên đọc bản tuyên ngôn phạt Trụ, vạch tội ác của Ân Trụ Vương. Thủ lĩnh của các bộ tộc, các nước nhỏ tham gia hội liên minh nhất trí tán thành quyết định của Chu Vũ Vương, hăng hái tham gia phạt Trụ. Thế nhưng Chu Vũ Vương cho rằng thời cơ chưa đủ chín

muồi nên không thể xuất binh ngay lúc này được.

Mùa xuân năm thứ tư sau khi Chu Văn Vương qua đời, Chu Vũ Vương điều động ba trăm chiến xa, ba nghìn quân tiên phong dũng mãnh, bốn vạn năm nghìn lính, hội nhập với quân chi viện của các bộ lạc lớn nhỏ, rầm rộ từ Mạnh Tân tấn công đánh vào đô thành Triều Ca của triều Thương. Đội quân đi không gặp lực lượng chống đối lớn nào, đánh liền tới Mục Dã, chỉ còn cách Triều Ca hơn 70 dặm (Mục Dã ở phía Bắc huyện Cấp, tỉnh Hà Nam ngày nay).

Tại Mục Dã, Chu Vũ Vương đã chính thức dựng lên ngọn cờ lớn phạt Trụ, tuyên thệ trước quần chúng. Trong lời tuyên thệ, Chu Vũ Vương đã kể tội ác hoang dâm hủ bại, hung ác bạo tàn của Ân Trụ Vương. Ông nói:

- Hiện tại, Ân Trụ Vương u mê cực độ, không cúng tế tổ tông, không chăm lo quốc gia đại sự, bất chấp những lời khuyên của anh em, họ hàng, chú ruột. Trái lại, những kẻ xấu xa và kẻ tội phạm từ bốn phương chạy đến hấn đều thu nạp hết, cho chúng làm quan, dùng bọn chúng để sát hại nhân dân. Nay, ta thay mặt ông Trời tới xử phạt Ân Trụ Vương. Ta mong tất cả mọi người dũng cảm chiến đấu, tiêu diệt hết kẻ địch ngoan cố chống lại, không được giết hại hàng binh. Ai nỗ lực chiến đấu, ta sẽ hậu thưởng, ai sợ chết tháo lui, ta sẽ quả phạt nghiêm khắc.

Lễ tuyên thệ xong, Chu Vũ Vương phát cờ, khua động xe lính, tấn công quân Thương.

Khi Ân Trụ Vương đang cùng Đát Kỷ và các sủng thần đang say sưa thưởng thức ca múa, uống rượu ăn thịt ở trên Lộc Đài thì một tên lính chạy tới cấp báo tin quân Chu tấn công. Lúc này Trụ Vương mới bãi tiệc rượu, triệu tập các quan đại thần tới thương lượng cách ứng chiến. Quân đội của Triều Thương lúc ấy lại đang bận đối phó với tộc Động Di ở vùng Đông Nam, nhất thời không thể rút về kịp. Trụ Vương đành phải hạ lệnh cho toàn bộ nô lệ và tù binh phiên chế thành quân đội, tổng cộng được 70 vạn quân kéo ra tiền tuyến Mục Dã, chống lại quân Chu. Cuộc chiến ở Mục Dã bùng nổ.

Cuộc chiến ở Mục Dã là một cuộc chiến có quy mô lớn chưa từng thấy trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Nói về số người, đại quân phạt Trụ của Chu Vũ Vương tổng cộng chỉ có sáu bảy vạn người, mà về phía Ân Trụ Vương đã có tới 70 vạn người. Thế nhưng nói về sĩ khí, quân đội phạt Trụ của Chu Vũ Vương đều đồng lòng căm thù giặc, hạ quyết tâm lật đổ Trụ Vương. Còn quân đội của Ân Trụ Vương chỉ là những nô lệ và tù binh, vốn căm ghét Trụ Vương từ lâu, họ đâu có chịu bán mình hay chết thay cho Ân Trụ Vương.

Hai quân Chu, Ân đều bày thế trận, quân Chu gào thét dũng mãnh xông vào chém giết quân Ân. Các binh lính của quân Ân không những không chống lại mà còn làm phản tại trận, vứt giáo mác, cùng quân Chu tiến đánh Ân Trụ Vương. Ân Trụ Vương thấy đại thế đã biến đổi xấu, vội vàng chạy trốn về trong thành Triều Ca, những người đi theo Trụ Vương lúc này chỉ có hơn một trăm. Ân Trụ Vương biết rằng ngày cuối cùng của mình đã đến liền mặc áo ngọc báu, ăn uống một bữa no say trên Lộc Đài, sai người đốt lửa ở dưới Lộc Đài để thiêu chết mình.

Chu Vũ Vương nghe nói Ân Trụ Vương tự thiêu, liền dẫn đại quân phạt Trụ tiến vào thành Triều Ca. Dân chúng trong thành Triều Ca đã đun nước sôi, nấu sẵn cơm, nghênh đón quân đội của Chu Vũ Vương. Chu Vũ Vương vừa vào trong thành, dân chúng đồng thanh hoan hô, cảm tạ Chu Vũ Vương đã giải cứu họ thoát khỏi chính sách bạo ngược của Ân Trụ Vương.

Chu Vũ Vương ngồi xe tới Lộc Đài vừa bị thiêu huỷ, tận mắt nhìn thấy thi thể Trụ Vương bị cháy đen thui, bèn bắn bỏi ba mũi tên, lại đâm mấy nhát kiếm, cuối cùng đã dùng búa đồng chặt đứt đầu của Trụ Vương, treo lên cán cờ để bêu đầu thị chúng. Chu Vũ Vương nghiêm trang tuyên bố cuộc chiến tranh phạt Trụ kết thúc thắng lợi, triều Thương đã diệt vong. Chu Vũ Vương được sự ủng hộ của thủ lĩnh các bộ lạc và các nước nhỏ, đã xây dựng lên triều Chu, tự xưng là Thiên Tử. Triều Chu là một nước lớn theo chế độ nô lệ thứ ba trong lịch sử Trung Quốc, cũng là thời đại hưng thịnh nhất của xã hội nô lệ.

18. Quản Thái phản Chu

Vũ Vương phạt Trụ thắng lợi, lật đổ triều Thương, lập nên triều Chu, dân chúng triều Thương rất vui mừng, thế nhưng các quý tộc chủ nô triều Thương rất không phục. Trước đây chúng áp bức bóc lột quần chúng lao động, mặc sức hưởng lạc, bây giờ không thể được tác oai tác quái nữa, cho nên đối với nền thống trị của triều Chu, chúng ra mặt chống đối ở khắp mọi nơi. Để kiềm chế và lung lạc bọn chúng, Chu Vũ Vương đã lợi dụng con trai Vũ Canh của ân Trụ Vương, cho Vũ Canh tới thống trị các quý tộc chủ nô cũ của triều Thương. Chu Vũ Vương đã phong cho Vũ Canh ở trên đất cũ của triều Thương, cho phép Vũ Canh lập nên một nước chư hầu nhỏ bé, được bảo tồn Thái miếu của triều Thương, để chúng bái tổ tiên tộc Thương. Chu Vũ Vương muốn dùng biện pháp này để thủ tiêu tình cảm đối với địch của các quý tộc chủ nô cũ thuộc triều Thương.

Thế nhưng đem một địa phương giao cho Vũ Canh thống trị, thật khó mà an tâm được. Chu Vũ Vương lại đem đất cũ triều Thương phân hoạch thành hai mảnh, giao cho hai người em trai của mình là Tiên và Độ tới quản lý để tiện việc gần gũi, giám sát Vũ Canh, phòng phản loạn. Đất phong của Tiên được mang tên là Quản quốc, cho nên trong lịch sử đã gọi Tiên là Quản Thúc Tiên; đất phong của Độ, được đặt tên là Thái quốc, lịch sử gọi là Độ là Thái Thúc Độ.

Chu Vũ Vương lo sợ nền thống trị của mình không vững chắc, lại đem mấy người em trai và một số công thần phong cho làm chư hầu, cho họ xây dựng một số nước nhỏ để bảo vệ chính quyền Trung ương của triều Chu. Chu Vũ Vương phong cho Thái Công Vọng ở Doanh Khâu (Thị trấn Lâm Trung, tỉnh Sơn Đông ngày nay), đặt tên nước là Tề; đem Chu Công Đán phong cho ở Khúc Phụ, đặt quốc hiệu là Lỗ v.v... Về sau em trai Chu Công Đán của Chu Vũ Vương, con trai Chu Thành Vương của Chu Vũ Vương lại được phong, các nước chư hầu càng nhiều, lịch sử gọi điều này là Đại phong kiến đầu Chu. Chữ “phong kiến” này không giống như xã hội phong kiến thường vẫn nói.

Chu Vũ Vương làm xong việc đại sự phân phong chư hầu, liền dẫn quân trở về nhà cũ đất cũ Phong Thành thuộc Chu. Ông một vạn lần không ngờ rằng sự sắp đặt của ông đối với Vũ Canh, Quản Thúc, Thái Thúc như vậy lại gây ra mầm mống tai họa cho cuộc động loạn ở những năm đầu triều Chu.

Sau khi Chu Vũ Vương diệt Thương được hai năm thì bị bệnh chết. Theo quy củ của triều Chu, sau khi cha chết, người kế ngôi tất nhiên phải là đích trưởng tử. Thế nhưng trưởng tử của Vũ Vương là Thành Vương Cơ Tụng, lúc đó còn là một trẻ nhỏ bọc trong đóng tã lót. Em tra của Vũ Vương là Chu Công Đán sợ các nước chư hầu ức hiếp Thành Vương thơ dại, bản thân mình đã đứng ra nhiếp chính, thay cháu là Thành Vương quản lý việc quốc gia đại sự.

Chu Công Đán là một trong số con trai của Chu Văn Vương tương đối có tài ba, đã phò tá anh cả là Vũ Vương cai trị đất nước, bên cạnh Thái Công Vọng, Khương Thượng là cánh tay trái, tay phải của Vũ Vương. Như trên đã nói, Chu Vũ Vương phong cho Chu Công Đán ở khúc phụ Sơn Đông làm chư hầu, đặt quốc hiệu là Lỗ quốc, Chu Công Đán cho con trai của mình là Bá Cầm đi, còn mình thì lưu lại cùng anh trai Vũ Vương tiếp tục phò tá Vũ Vương cai trị quốc gia. Lúc Vũ Vương ốm nặng, Chu Công Đán cầu nguyện quỷ thần: “Xin để cho anh trai tôi được phục hồi sức khỏe, bản thân tôi tình nguyện xin chết thay cho anh tôi”. Cầu nguyện hết lòng như vậy mà vẫn vô hiệu. Chu Vũ Vương vẫn cứ chết. Chu Công Đán lại một lòng một dạ thay cháu nhiếp chính. Chẳng ngờ được, một nhà chính trị, một chủ nô vừa tài ba vừa hiểu biết rộng này đã vấp phải sự ghét� đố kỵ của em trai mình là Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ. Hai người ở ngoài thù dết rêu rao nói:

- Chu Công Đán không chân thành giúp đỡ Thành Vương quản lý việc quốc gia đại sự, hẳn chỉ muốn mưu cướp ngôi vua, hẳn là đứa cháu nhỏ bé sẽ phải chết trong tay người chú này thôi!

Lời rêu rao vừa truyền đi, rất nhiều đã tin là thật, ngay cả đến vị khai quốc công thần Khương Thượng cũng bán tín bán nghi.

Chu Công Đán đã vấp phải sự phỉ báng, một mặt càng thành khẩn chăm lo quản lý việc quốc gia đại sự, một mặt tự thanh minh hết lời, hết ý. Chu Công Đán nói với Khương Thượng và mọi người:

- Tại sao tôi không né tránh hiềm nghi, mà lại đứng ra đảm nhận việc nhiếp chính? Tôi chỉ e cháu tôi còn thơ dại, bọn kẻ xấu thừa cơ làm phản, lật đổ giang san nhà Chu của chúng ta để lại.

Để cai trị tốt đất nước, ông muốn tận dụng hết mọi biện pháp để thu thập nhân tài, giúp đỡ ông làm việc. Chỉ riêng việc tiếp đãi những người hiền tài đã khiến ông bận rộn tới mức không thể dứt ra được. Có khi ông phải bỏ dở tới ba lần gọi đầu, ăn một miếng cơm cũng phải ba lần đặt nữa. Ông luôn luôn răn dạy con trai là Bá Cẩn rằng cần phải làm nhiều việc có lợi cho quốc gia.

Mọi người nghe được Chu Công Đán nói, lại tận mắt chứng kiến hành động thực tế của ông thì đâm hoài nghi những lời rêu rao của Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ. Con trai Vũ Canh của Ân Trụ Vương thì lại cho rằng đã tìm được cơ hội, bèn lôi kéo Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ, mưu phản triều Chu. Lẽ dĩ nhiên Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ đã câu kết với Vũ Canh, lại còn liên hiệp với Hoài Di, một kẻ vốn đã không thuần phục nhà Chu từ lâu, cùng nhau làm phản.

Để bảo vệ thiên hạ của triều Chu, Chu Công Đán liền lấy danh nghĩa Thành Vương xuất quân đánh về phía Đông. Qua suốt ba năm chinh chiến gian khổ, mái tóc của Chu Công Đán đã thêm bao sợi bạc, trên trán đã điểm nhiều nếp nhăn, cuối cùng ông đã dẹp yên được bọn phản loạn. Trong chiến đấu, Vũ Canh bị giết chết, Quản Thúc Tiên thất bại phải tự sát, Thái Thúc Độ phải làm tù binh, bị đày tới đất Quách Lăng hoang vu lạnh giá. Sau chiến tranh kết thúc, quân lính sĩ tốt Đông chinh với đầy vũ khí khiến lợi phẩm trên vai, do Chu Công Đán dẫn đầu, vừa hành quân vừa hát vang bài “Đông Sơn Ca” do chính họ sáng tác. Họ hát rằng quân lính rời xa quê hương đi Đông chinh, lâu lắm không trở về, ở trên chiến trường lòng buồn day dứt luôn nhớ tới người vợ mới cưới ở quê nhà. Họ cũng hát lên những lời lẽ phấn chấn tinh thần Đông chinh thắng lợi, khải hoàn trở về, đang nóng lòng được về nhà gặp vợ gặp con. Câu hát này, từ một phía đã nói cho chúng ta biết, Chu Công Đán Đông chinh, bình định được bọn phản loạn Vũ Canh và Quản Thúc, Thái Thúc, đó là một cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ, đã tiêu phí hao tổn rất nhiều nhân lực và vật lực. Thế nhưng, cuộc chiến này cũng đã củng cố được nền thống trị của triều Chu, khiến cho nền kinh tế của những năm đầu triều Chu được phần vinh nhanh chóng.

Sau khi Chu Công Đán Đông chinh thắng lợi, để đề phòng bọn quý tộc chủ nô cũ của triều Thương lại một lần nữa làm phản, ông liền đem vùng đất thủ đô cũ và vùng phụ cận của triều Thương phong cho em trai nhỏ nhất của mình là Khang Thúc, đặt quốc hiệu là Vệ; đem vùng đất Thương Khâu thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay và một bộ phận di dân của triều Thương, phong cho anh trai của Trụ Vương là Vi Tử Khải, đặt quốc hiệu là Tống. Lại dựng lên một nước Trần (huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), một nước Kỷ (huyện Kỷ, tỉnh Hà Nam ngày nay), một nước Triệu (huyện Bột, tỉnh An Huy ngày nay) ở vùng phụ cận nước Tống để họ giám sát nước Tống).

Thắng lợi trong công cuộc Đông chinh của Chu Công Đán đã chứng tỏ ông chẳng những là một nhà chính trị tài ba, mà còn là một nhà quân sự xuất sắc. Đối với Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ, những kẻ đã ngang nhiên liên hiệp với con cháu nước kẻ thù để phát động cuộc phản loạn, điều này đã nói rõ trong xã hội nô lệ, trong cuộc tranh quyền đoạt lợi trong nội bộ các chủ nô, chúng sẽ không từ bỏ một thủ đoạn nào hết.

19. Chu Công xây dựng Đông Đô

Sau khi Đông chinh, bình định cuộc phản loạn của Vũ Canh và Quán Thúc Tiên, Thái Thúc Đô, Chu Công cho rằng nguyên nhân chủ yếu để phát sinh ra cuộc phản loạn lần này là vì thủ đô của triều Chu quá thiên về phía Tây, cách đất đai nước giành được của Ân Thương quá xa, cho nên ông quyết định phải xây dựng đô thành ở phía Đông.

Quê hương cũ của triều Chu là Phong Thành ở phía Tây Phong Thủy được xây dựng lên từ thời đại Văn Vương. Sau khi Vũ Vương diệt Thương, đã xây dựng một đô thành nước ở phía Đông Phong Thủy, gọi là Hạo Kinh vẫn còn thiên về phía Tây, cho nên Vũ Vương cũng đã từng có dự định xây dựng một Tân Đô ở phía Đông và đã tự cung khai với Chu Công Đán rằng:

- Chỉ có làm được bước này, mới có thể khiến cho thiên hạ thái bình vô sự.

Sau khi Đông chinh thắng lợi, Chu Công Đán quyết định lập tức xây dựng Đông Đô. Người cổ đại vốn mê tín quỷ thần, trước khi động thổ bao giờ cũng phải bốc một quẻ bói, thỉnh cầu quả thần cho ý chỉ. Kết quả bốc bói của Chu Công Đán, cho rằng Lạc ấp (thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) là một vùng đất tốt, nên quyết định xây dựng Đông Đô ở Lạc ấp là hợp. Ông sai người chuẩn bị các loại vật liệu, lên núi đào đá, vào rừng chặt gỗ, thợ nung thì đốt ngói.

Chu Văn Vương tuân thủ nghiêm khắc di huấn của Văn Vương và Vũ Vương, rất tiết kiệm trong xây dựng, không phô trương, cho nên Đông Đô không hào hoa lộng lẫy như kiểu Khuynh Cung, Lộc Đài của Hạ Kiệt và Thương Trụ, thế nhưng quy mô cũng rất hùng vĩ. Nội thành quy vuông 9 dặm, ngoại thành quy vuông rộng tới 27 dặm. Chỉ riêng diện tích của nội thành đã có tới 81 dặm vuông, tổng cộng mất chín năm mới toàn hoàn tất. Từ đó, triều Chu đã có hai đô thành Đông Tây. Hai thành Phong và Hạo là đất phát của Triều Chu cho nên gọi Hạo Kinh và Tông Chu, biểu thị đó là nơi tổ tông triều Chu dựng lên. Đông Đô mới xây dựng lên, đặt tên là Thành Chu, biểu thị đó là nơi sau khi triều Chu dựng lên mới cho khởi công.

Chu Công Đán xây dựng Đông Đô đã sử dụng một khối lượng lớn di dân (dân sống sót sau loạn lạc) triều Thương bị bắt. Các di dân triều Thương không chịu phục tùng sự chỉ huy, người phản kháng ra mặt, kẻ chống đối ngầm ngầm.

Chu Công Đán đã phát mấy bài văn cáo, đối với chúng vừa khuyên dụ lại vừa dọa nạt. Có bài văn nói: "Các người hãy cùng ta tới Lạc ấp xây dựng Đông Đô. ở xung quanh Lạc ấp này, các người có thể cày cấy lâu dài trên những thửa ruộng ta đã phân phối cho các người. Ông trời sẽ thương xót các người, cho các người được thu hoạch tốt. Triều Chu chúng ta cũng sẽ ban thưởng lớn cho các người, sẽ còn tuyển chọn một số trong các người cho làm hoàng triều. Chỉ có các người chịu khó, có thể còn được làm quan to nữa!" Đây là biện pháp dùng để khuyên dụ.

Lại có một lần, Chu Công khuyên răn các di dân triều Thương, nói:

- Nay ta nói cho các di dân nước Ân các người được biết, bây giờ ta không muốn giết hại các người. Ta chỉ mong các người người lòng theo ta tới Lạc ấp xây dựng một thành lớn. Các người phục tùng mệnh lệnh dời đi thì sẽ được đất đai, an cư lạc nghiệp. Các người không thật thà nghe lời thì không thể bảo đảm có ruộng đất, ta còn thay mặt ông Trời trừng phạt các người. c người yên tâm cư trú ở Lạc Dương tất sẽ được thu hoạch tốt, con cháu các người cũng sẽ được giàu có hơn lên!

Đây là biện pháp vừa khuyên nhủ vừa dọa nạt.

Chu Công Đán đã dỡ mọi thủ đoạn mọi khống chế và thu phục được các di dân triều Thương. Sau khi xây dựng xong Đông Đô, Chu Công Đán đã để cho số di dân triều Thương này xây dựng nhà cửa xung quanh Đô Thành, cho ruộng đất để họ cày cấy. Thế nhưng đối với bọn họ ông vẫn còn chưa yên tâm, lại cử hai vạn quân đội tới đóng ở đó để giám sát. Làm như vậy cốt để khiến cho nền thống trị của triều Chu ở Đông Phương dần dần được ổn định, chín đỉnh tượng trưng cho quyền lực chính trị nhà nước đã từ Hạo Kinh chuyển đến Đông Đô, được đặt yên định trong cung.

Thành Vương trú ở Đông Đô không lâu, hội kiến các chư hầu, rồi lại trở về cư trú như cũ, Đông Đô do Chu Công Đán toạ trấn. Thành Vương tương đối yên tâm đối với phía Đông, ông và con trai của ông là Khang Vương đều tập trung lực lượng chinh phạt Khuyển Nhung, yên định vùng xung quanh Hạo Kinh. Trong một lần chiến đấu ác liệt, triều Chu đã từng bắt sống được hơn một vạn ba ngàn tên Khuyển Nhung. Để chúc mừng thắng lợi trọng đại này Khang Vương đã thưởng cho quý tộc Vu tham chiến hơn 1700 nô lệ, còn cho ghi chép sự việc này bằng văn tự đúc trên đỉnh để lưu truyền cho con cháu đời sau.

Bắt đầu từ cuối triều Thương nhà vua thường đem đồ đồng đen có khắc văn tự để tự thưởng cho các đại thần và quý tộc, ghi nhớ công lao của họ, hoặc giả bắt họ dùng làm điều răn dạy. Những văn tự được khắc trên những đồ bằng đồng đen này không giống như văn tự hiện nay, được gọi là Kim Văn. Đến triều Chu, những đồ đồng đen nào có ý nghĩa kỷ niệm, hầu hết đều phải khắc chữ cả. Kim Văn và Giáp Cốt Văn đều là những tư liệu quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử cổ đại Trung Quốc. Chiếc đỉnh thưởng cho Vu làm kỷ niệm đó gọi là Đại Vu Đỉnh, nặng hơn 500 cân, đỉnh này khai quật được ở dưới đất từ năm Đạo Quang triều Thanh, hiện tại được trưng bày ở trong nhà Bảo tàng lịch sử Trung Quốc, đó là một văn vật lịch sử vô cùng quý giá.

Việc xây dựng Đông Đô đối với triều đình nhà Chu mà nói đó là sự kiện vô cùng quan trọng, nó không những củng cố được chính quyền theo chế độ nô lệ, thúc đẩy phát triển sản xuất mà còn chuẩn bị sẵn mảnh đất trú chân cho Chu Bình Vương rời về phía Đông sau này.

20. Dùng kế dấn thuyền làm cho Chiêu Vương chết đuối

Chu Thành Vương qua đời, con trai ông là Khang Vương kế ngôi. Thành Vương, Khang Vương trước khi nhà Chu lập quốc không lâu, đã thấu hiểu được nỗi gian nan của việc lập cơ nghiệp, nên không dám sống buông thả, kiêu sa; lại được thêm một số đại thần tài ba phò trợ, trong hơn bốn chục năm dòng, nên chính trị của triều Chu tương đối sáng sủa, địa vị thối trị phần nào được củng cố, lịch sử gọi đó là “sự thịnh trị của Thành Khang”.

Sau khi Khang Vương qua đời, con trai là Cơ Hà, tức Vi, tên gọi là Chiêu Vương. Chiêu Vương khác với tổ tiên của ông ta, về mặt đời sống thì xa xỉ, lãng phí, về mặt chính trị thì hồ đồ lảm cẩm, do đó triều đình nhà Chu bắt đầu suy yếu, có một số chư hầu được phân phong xem ra cũng không tôn kính vị Thiên Tử này.

Thứ mà Chiêu Vương thích nhất là hoa cỏ kỳ thú. Người nào thu thập được những thứ này cho ông, thì ông sẽ cho thăng quan hoặc thưởng hậu. Nếu có người nào viết thư báo tin nói ở một địa phương nào có nhiều cầm hiếm thú, Chiêu Vương sẽ chẳng quản, bỏ ngay việc đại sự quốc gia, lập tức dẫn tùy tùng đi săn bắt.

Vào năm 19 Chiêu Vương, một hôm có một quan đại thần nói với Chiêu Vương.

- Thần nghe ông nội thần nói, vào thời Thành Vương, ở phương Nam có một người gọi là Việt Thường Thị, đã từng tới Hoạ Kinh triều cống một loài chim trĩ lông trắng muốt, thịt thơm ngon, có thể gọi là một loài phi cầm nhất nhìn thiên hạ.

Chiêu Vương nghe xong rất vui mừng, liền hỏi viên quan đại thần:

- Có sao cái tên Việt Thường Thị đó không đem chim trĩ trắng dâng ta?

Quan đại thần trả lời:

- Tình hình ngày nay khác rồi, nước Sở ở phía Bắc Ngũ Lĩnh, ở phía Nam Hán Thủy, độc chiếm một phương, ngay cả đến Thiên tử chúng cũng chẳng coi ra gì. Phương Nam do vậy mà triều cống thất thường, Hoạ Kinh lúc có lúc không. Vật cống chim trĩ trắng của Việt Thường Thị, theo ý thần đã bị nước Sở cản trở đó.

Chiêu Vương bực lắm. Nước Sở ngang ngược vô lí đến như vậy, làm sao có thể tha thứ cho hẳn được? Để thực hiện rõ oai phong của Thiên tử và cũng vì muốn được tận mắt nhìn thấy loài chim trĩ trắng hiếm lạ, ông đã đích thân dẫn quân tới trừng phạt nước Sở. Chiêu Vương lựa chọn một số tướng lĩnh xuất chình theo ông, điều động những đội quân tinh nhuệ, chọn ngày ra quân đánh Sở. Đồng thời Chiêu Vương sai người thông báo cho các quan lại địa phương ở hai bên đường, để họ chuẩn bị sẵn những chỗ ở thoải mái, những thức ăn ngon lành cho Chiêu Vương hưởng dụng trên đường đi.

Lần xuất chình này của Chiêu Vương đã làm cho dân chúng ở hai bên đường rất khổ sở, đàn ông phải đi đẩy xe, quẩy gánh, vận chuyển lương thảo cho quân đội của Chiêu Vương; đàn bà bị lôi đi nấu cơm, giặt quần áo... Lương thực bị vơ vét hết, trâu bò, gà vịt đều bị cướp sạch. Chiêu Vương còn ra sức bắt dân chúng các địa phương tìm kiếm cho mình các loại rượu ngon, săn bắt về nhiều vị thú lạ; Như vậy, đâu có phải là xuất chình đánh trận, mà là đi du lịch hưởng thú đó!

Chiêu Vương đi tới bờ sông Hán Thủy, cướp hết thuyền dân chúng đưa quân đội qua sông. Lái đò chỉ cần chậm một chút liền bị binh lính đánh roi. Dân chúng trên bờ sông Hán Thủy thấy Chiêu Vương tàn bạo như vậy thì vô cùng căm hận. Họ quyết định chờ khi Chiêu Vương trở lại nhất định sẽ bắt ông ta phải chịu khổ, để dạy cho ông ta một bài học, để cho ông ta biết rằng không dễ dàng bị ức hiếp được dân chúng.

Sau khi Chiêu Vương qua sông Hán Thủy, hạ lệnh cho quân đội tấn công vào đô thành Đan Dương (huyện Chi Giang, tỉnh Hồ Bắc ngày nay) của ở nước Sở. Thế nhưng đã đánh mấy trận mà chẳng thu được lợi lộc gì, Đan Dương trước sau không hạ được. Quân đội của Chiêu Vương trút hết bực tức lên đầu dân chúng, cướp sạch, vét sạch của cải, rồi rút quân.

Dân chúng ở bên bờ sông Hán Thủy biết Chiêu Vương sắp trở lại, họ liền nghĩ ra một diệu kế, chọn mấy con thuyền lớn, trước tiên dùng rìu bổ toác thuyền ra, rồi dùng nhựa dán hợp lại những chỗ đã bị rìu bổ toác, rồi vẽ đề lên một số hoa văn xanh xanh đỏ đỏ để che lấp những vết rìu, sau đó cho thuyền neo đậu ở bờ sông, chờ bọn Chiêu Vương sa bẫy.

Quân đội của Chiêu Vương tới bên bờ sông Hán Thủy, thấy có mấy chiếc thuyền to neo đậu ở đó, thì cả mừng, tranh giành nhau bước lên thuyền, đem theo vô số xe ngựa và tài sản cướp được, rồi vội vội vàng vàng dong thuyền qua sông. Chẳng ngờ, vừa ra tới giữa sông, gió mạnh sóng to, thuyền mới chòng chành mấy cái, nhựa dán trên thuyền đã bị tan ra. Chỉ nghe có tiếng “oạp”, “oạp”, mấy con thuyền lớn đều bị tan ra. Chỉ nghe có tiếng những mảnh ván. Quân đội của Chiêu Vương cùng với xe ngựa, của cải, đều chìm xuống cả lòng sông. Khúc sông sâu bỗng ồn ào náo nhiệt hẳn lên bởi những tiếng kêu cứu, gọi cha, cầu mẹ, bởi những âm thanh “òm ọp” của bọn lính sắc nước. Tên nào biết bơi thì ôm mảnh ván liều mạng sang bờ bên kia, những tên không biết bơi thì giẫy giụa trên mặt nước, uống no bụng rồi từ từ chìm nghỉm. Chiêu Vương không biết bơi, toàn thân lại ních đầy các loại trang sức nặng nề, khi rơi xuống nước chỉ chói với vài đã bị chìm mất tăm. Tên đánh xe của Chiêu Vương là Tân có sức khoẻ, lại biết bơi, nhìn thấy Chiêu Vương mắt trợn ngược, mồm há hốc đang chìm xuống nước, liền lướt tới cứu hộ, một tay kẹp chặt Chiêu Vương, một tay rẽ nước vượt sông, khó khăn lắm mới đưa được Chiêu Vương lên bờ. Nhìn cái bụng Chiêu Vương căng đầy nước, trương to như cái trống, hẳn đưa tay sờ lên lỗ mũi. Chiêu Vương, thì thấy không thấy còn thở nữa, thì ra Chiêu Vương đã bị chết đuối từ lâu rồi.

Đường đường là một đấng Thiên tử triều đình nhà Chu, cuối cùng chỉ vì một con chim trĩ bạch mà phải chôn vùi tính mạng. Sự việc xấu xa như vậy dĩ nhiên cần phải tìm cách bưng bít dư luận. Cho nên triều đình nhà Chu, một là không có cáo phó cho thiên hạ, hai là không cử hành lễ mai táng long trọng, chỉ lặng lẽ đào một cái huyệt để chôn Chiêu Vương, rồi cho xây phần mộ rất giản đơn, coi là xong việc.

Việc dân chúng ven sông Hán Thủy dùng kế dán thuyền làm cho Chu Chiêu Vương chết đuối đã chứng tỏ một sự thật là bất kỳ sự thống trị tàn bạo nào, cuối cùng cũng sẽ phải hứng chịu sự phản nộ và trừng trừng phạt của nhân dân.

21. Mục thiên tử tuần du

Sau khi Chu Chiêu Vương chết, con trai Chiêu Vương là Cơ Mãn kế thừa ngôi vua, đó chính là Chu Mục Vương.

Chu Mục Vương cũng thích du chơi khắp nơi. Chuyện về ông, các sách cổ đã ghi chép rất nhiều. Triều Tấn có người đã khai quật phần mộ của Ngụy Tương Vương. Ở thời đại Chiến Quốc (từ 475 đến 221 trước CN. Tấn: từ 265 đến 420, sau CN), phát hiện ở bên trong có một bộ sách cổ, tên gọi là Mục Thiên Tử truyện, chuyên chép chuyện Chu Mục Công đi tuần du. Dem Mục Thiên Tử truyện đối chiếu với các sách cổ khác, có thể đoán định được chuyện Mục Vương tuần du là có căn cứ thực tế, dĩ nhiên cũng khó tránh khỏi quá khoa trương.

Truyền thuyết kể rằng Chu Mục Vương nuôi tám con tuấn mã với những tên gọi rất kêu. Con thứ nhất tên là Hoa Lưu (Xích Thố), còn có tên là Tuyệt Địa, khi chạy bốn vó như bay trên không chẳng buồn chạm đất; con thứ hai tên là Lục Nhĩ, còn có tên là Thiên Vũ, khi chạy còn nhanh hơn chim bay; con thứ ba là Xích Kỳ, còn có tên là Bôn Tiêu, một đêm có thể chạy được cả vạn dặm; con thứ tư là Bạch Hy, còn có tên là Siêu ảnh, có thể đuổi kịp mặt trời; con thứ năm là Cừ Hoàng, còn có tên gọi là Du Luân, còn có tên là Siêu Quang, khi lao chạy dưới mặt trời có hình mười cái bóng; con thứ bảy là Đạo Li, còn có tên là Đẳng Vụ, khi chạy thanh thoát như mây bay trên không trung; con thứ tám là Sơn Tử, còn có tên gọi là Hiệp Dực, có cánh mọc trên thân, đó là ngựa bay.

Chu Mục Vương ngồi trên chiếc xe do tám con tuấn mã kéo từ phương Bắc tới phương Tây, qua rất nhiều địa phương. ông ta đã qua vùng núi Dương Vu, phỏng vấn quê hương của Thủy Thần Hà Bá; qua nước Cự Sưu, nước Cự Sưu đã mời ông uống nước Bạch Thiên Nga; từng đi tới núi Côn Lôn, du lãm qua cung điện mà Hoàng Đế đã trú ngụ; từng đi qua nước Xích Điền, đã tiếp nhận mỹ nữ mà quốc vương này dâng hiến; từng đi qua chi lưu sông Hắc Thủy, đã được phong thưởng của quốc vương nước Trường Lí. Cuối cùng ông đã đến đất nước của Tây Vương Mẫu. Tây Vương Mẫu nghe nói Chu Thiên Tử tới làm khách, đã đặc biệt cho cử hành nghi lễ thật long trọng nghênh đón. Trong lúc hội kiến, Mục công đã dâng tặng Tây Vương Mẫu một trăm xấp lụa thêu hoa, ba trăm tấm lụa màu trắng. Tây Vương Mẫu sung sướng tiếp nhận lễ vật, cảm ơn rồi rít, rồi mời Mục Công đi tham quan cung điện và vườn hoa của hoàng cung. Ngày hôm sau, trước khi Mục công lên đường, Tây Vương Mẫu đã cử hành yến tiệc tại Dao Trì. Chủ khách nhiều lần nâng cốc, ca hát, ngâm thơ ca tụng tình hữu nghị.

Sau khi kết thúc yến tiệc, Tây Vương Mẫu mời Mục Công lên núi Yêm ngắm cảnh sắc tươi đẹp dưới chân núi. Mục Công đã khắc năm chữ lớn “Tây Vương Mẫu chi sơn” trên một tảng đá lớn ở đỉnh núi Yêm, rồi cùng Tây Vương Mẫu trồng chung một cây hoè để kỷ niệm chuyến án hành và cũng là để tượng trưng cho sự qua lại hữu hảo giữa nhân dân các dân tộc Đông Tây. Mục Công còn đi thăm các thuộc quốc của Tây Vương Mẫu và rất nhiều các quốc gia lân cận, đã thu thập được rất nhiều cầm hiếm thú lạ. Sau đó, Mục Công tạm biệt Tây Vương Mẫu, mang theo về Hạo Kinh hàng hà sa số các đặc sản của vùng đất Trung á và Tây Bắc cùng với tình ý sâu sắc, nồng hậu của nhân dân các dân tộc.

Cuộc hành trình tuần du của Chu Mục Vương có người nói rằng đã dài tới ba vạn năm ngàn dặm, nếu dùng các địa danh ngày nay để đối chiếu, đại để có thể biết được, ở phương Bắc Chu Mục Công đã nói tới vùng Nội Mông Cổ hiện nay, ở phương Tây đã đi qua vùng Trung á, Tế á của phía Tây Tân Cương. Những nơi mà Chu Mục Vương đã tới, ông đều xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với các bộ tộc và quốc gia ở đó, đã tiếp nhận lễ phẩm của họ và cũng đã biểu tặng lại họ những đặc sản của triều đình nhà Chu. Khi Mục Vương tuần du tới nước Tây Hồ, dân địa phương đã dâng tặng ông con dao cắt ngọc Côn Ngôn và chiếc cốc thường chứa đầy dạ quang. Đây là hai bảo bối. Dao cắt ngọc Côn Ngô dài một thước rất sắc nhọn, thái ngọc như thái bùn, đại để tương tự như dao kim cương dùng cắt kính ngày nay. Cốc thường chứa đầy dạ quang được làm từ tinh bạch ngọc, cứ tối đến là phát sáng, theo dự đoán thì rất có thể nó được chế thành các nguyên liệu thủy tinh hoặc lưu ly. Nghe nói buổi tối đặt chiếc cốc thường đầy dạ quang trong sân, sáng sớm hôm sau sẽ có thể có đầy cam lộ để uống. Nghe đâu người uống loại

cam lộ có thể khiến mắt sáng, tai thính, tuổi thọ kéo dài. Những trang ghi chép về việc Chu Mục Vương tuần du rõ ràng là có phần khoa trương. Về phương tiện giao thông thời đó mà xét, thực sự là không có khả năng du lịch trên một khu vực rộng lớn như vậy được, càng không thể đạt đến lộ trình xa như thế được. Còn chuyện cái cốc thường đầy dạ quang hứng được cam lộ, người uống cam lộ có thể kéo dài tuổi thọ, dĩ nhiên chỉ là thần thoại.

Trong chuyện Chu Mục Vương tuần án, yếu tố hư cấu chiếm phần lớn, dẫu sao cũng đã giúp biết được ở thời Chu Mục Vương, đất đai của Trung Quốc đã tương đối rộng lớn, mối quan hệ của dân tộc Hoa Hạ ở Trung Nguyên với các dân tộc ở miền Tây cũng đã khá mật thiết; việc muốn tìm hiểu trình độ sản xuất của triều Chu và các quốc gia phụ cận lúc đó, cũng đã tìm ra được một số đầu mối. Từ những truyền thuyết như dao cắt ngọc Côn Ngô, cốc thường đầy dạ quang v.v... có thể suy đoán ra trình độ sản xuất lúc đó cũng đã phát triển khá cao rồi.

22. Bình dân bạo động đuổi Lê Vương

Lúc triều đình nhà Chu truyền tới quốc vương đời thứ 10 là Lê Vương Cơ Hồ thì các loại mâu thuẫn ở trong nước càng ngày càng gay gắt. Thông qua lao động gian khổ và nặng nề, tầng lớp nô lệ đã sáng tạo ra của cải giàu có cho xã hội, thế nhưng đời sống của bản thân họ không mấy may được bảo đảm, cái đói và cái chết lúc nào cũng rình rập họ. Người nô lệ không được tự do thân thể, ngay cả đến con em của họ cũng là tài sản của chủ nô. Bất cứ lúc nào chủ nô cũng có thể đem nô lệ bán hoặc tặng cho người khác.

Thời triều Chu, ở trong xã hội còn có một tầng lớp bình dân được phân hoá ra từ trong nội bộ tộc Chu. Họ không phải là quý tộc, không có đặc quyền; cũng không giống như người nô lệ, họ có sự tự do về nhân thân, cho nên họ được coi là dân tự do. Họ có người sống ở thành thị, có người sống ở vùng ngoại ô. Những người sống ở ngoại ô thì cày cấy một khoảng đất nhỏ, lấy sức mình tự nuôi mình. Tới thời Chu Lê Vương, người bình dân cũng phải chịu đủ kiểu áp bức bóc lột của quý tộc chủ nô. Các quý tộc chủ nô thường bắt bình dân đi làm khổ sai, kéo người bình dân đi làm lính đánh trận, khiến họ không yên tâm sản xuất, không được sống ổn định. Nếu gặp thiên tai, nhân hoạ, người bình dân không thể sống nổi, bắt buộc phải vay nợ của các quý tộc. Vay nợ không trả được, đành phải làm nô lệ, nhưng họ có những lợi hại riêng, có nhu cầu muốn lật đổ ách thống trị của quý tộc chủ nô và muốn được biến đổi địa vị xã hội của mình, do đó họ thường liên hiệp lại để tiến hành đấu tranh. Thời Chu Lê Vương đã phát sinh ra một cuộc bạo động lớn do bình dân và nô lệ cũng tham gia, đã trục xuất Chu Lê Vương mà mọi người đang căm hận.

Lê Vương Cơ Hồ là một bạo quân tham của, háms lợi. Lê Vương tin nhiệm một người tên gọi là Vinh Di Công. Vinh Di Công xúi dục Lê Vương thực hành “chuyên lợi” (độc quyền phát minh sáng chế) đối với một số sản vật quan trọng do Thiên tử trực tiếp khống chế. Đây là một cách chiếm đoạt tinh vi của cải và xương máu của dân chúng, khiến dân chúng phải phẫn nộ, mặc dù có một số quan lại cũng tỏ ý bất bình. Chẳng hạn, có quan đại phu tên gọi là Nhuế Lương Phu đã khuyên Lương Phu không nên thực hành “chuyên lợi” và chỉ ra sự tai hại của việc làm này có thể dẫn tới sự phản đối của đại đa số người. Lê Vương căn bản không nghe, vẫn chỉ sủng tín Vinh Di Công, bổ nhiệm Vinh Di Công làm khanh sĩ, sai Vinh nắm giữ đại quyền kinh tế.

Chu Lê Vương tham lam như vậy, dân chúng sao không oán hận và không nguyện rửa ông ta! Quan đại thần là Triệu Công khuyên nhủ Lê Vương nói: “Nếu cứ tiếp tục như vậy thì dân chúng sẽ không sống nổi!” Lê Vương vẫn không nghe. Ông ta đã cử một vụ sư (thầy cúng) của nước Vệ tới theo dõi dân chúng nếu phát hiện thấy có người nghị luận về “chuyên lợi”, nguyện rửa Lê Vương, thì nhanh chóng bắt về chặt đầu. Như vậy là những người công khai nguyện rửa Lê Vương cuối cùng chỉ còn rất ít, thế nhưng khi mọi người gặp nhau ở ngoài đường, ánh mắt đã nói hộ nỗi lòng thù hận của họ đối với Lê Vương. Cả các chư hầu và đại quan cũng đều trốn tránh Lê Vương, không muốn thân gần với Lê Vương. Trái lại, Chu Lê Vương lại dương dương tự đắc cho rằng sự thống trị tàn bạo của ông ta chí ít cũng đã có hiệu lực. Lê Vương mãi nguyện nói với Triệu Công:

- Nhà người nhìn đó, ta đã có cách ngăn chặn sự phỉ báng của dân chúng. Bây giờ bọn chúng không dám mở miệng nữa.

Triệu Công nghe xong không đồng tình, nói với Lê Vương:

- Bệ hạ đã dùng biện pháp bịt chặt nước lụt để bịt miệng dân chúng. Nước lụt bị bịt chặt, hễ bờ đê nứt vỡ ra thì sẽ có nhiều người bị chết đuối. Bịt chặt miệng của dân chúng, cũng nguy hiểm như vậy đó. Việc trị thủy cần phải sử dụng biện pháp khơi thông dòng chảy, đối với dân chúng cũng phải biết cách gọi cho họ nói ra những điều thầm kín, nếu họ có những kiến nghị hay thì phải làm theo. Nếu bịt chặt miệng của họ, phỏng có thể sống được bao nhiêu ngày yên ổn đây?

Lê Vương vẫn khăng bở ngoài tai, không những thế còn thực hiện ách thống trị tàn bạo hơn trước.

Ba năm sau, tức là năm 841 trước Công nguyên, một cuộc đụng độ kịch liệt rồi cuộc cũng đã bùng nổ. Hàng ngàn hàng vạn nô lệ và binh dân đã liên hiệp lại, xông thẳng vào vương cung, tập kích Lệ Vương. Chu Lệ Vương biết tin, liền lui ra khỏi vương cung, chạy trốn tới đất Trệ (huyện Hoắc, tỉnh Sơn Tây ngày nay), mới bảo toàn được mạng sống.

Quần chúng khởi nghĩa rất phần nộ khi tìm không thấy Chu Lệ Vương. Không chịu bó tay, họ quyết định tìm Thái tử Cơ Tịnh để thế tội. Lúc đó Thái tử Cơ Tịnh hãy còn là một đứa trẻ, đang rất hoảng sợ ẩn tránh trong nhà Triệu Công, xin Triệu Công bảo hộ. Quần chúng khởi nghĩa đã bao vây nhà Triệu Công, ra lệnh cho Triệu Công phải giao nộp Thái tử. Triệu Công dẫn đi: “Trước đây ta đã hết lòng khuyên bảo Lệ Vương, ông ta không thềm nghe, cho nên mới có cơ sự này. Nếu ta giao nộp Thái tử, Lệ Vương nhất định sẽ cho rằng ta vì oán hận ông ta nên ta đã không tận lực bảo hộ Thái tử; thế nhưng nếu ta không giao nộp Thái tử, bọn người kia ắt sẽ không chịu. Ta phải làm thế nào cho phải đây?. Triệu Công suy đi tính lại rồi quyết định đem con trai của mình mạo xưng là Thái tử Cơ Tịnh, giao nộp cho quần chúng khởi nghĩa. Thế là Thái tử Cơ Tịnh đã thoát nạn.

Cuộc khởi nghĩa của quần chúng đã tạm yên. Chu Lệ Vương trốn ở đất Trệ không dám trở về, Thái tử Cơ Tịnh nhờ có người thế mạng mới được sống, tạm thời không thể công khai lộ mặt. Thế nhưng không có Thiên tử, việc quốc gia đại sự ai sẽ làm chủ đây? Sau khi Triệu Công và Chu Công thương lượng (Chu Công này không phải là Chu Công Đán đầu năm nhà Chu, đó là đời sau của Chu Công Đán), quyết định cho hai người đứng ra thay chức quyền của Thiên tử, quản lý việc quốc gia đại sự. Trong thời kỳ Chu Công và Triệu Công liên hiệp nhiếp chính, lịch sử gọi đó là thời kỳ Cộng hoà. Bắt đầu từ năm Cộng hoà nguyên niên (tức là năm 841 trước Công nguyên) lịch sử của Trung Quốc đã bắt đầu có niên đại chuẩn xác có thể khảo sát được.

Năm Cộng hoà thứ 14 (tức năm 817 trước Công nguyên), Chu Lệ Vương chạy trốn ở bên ngoài đã qua đời, Thái tử Cơ Tịnh cũng đã lớn lên thành người ở trong nhà Triệu Công. Chu Công, Triệu Công quyết định để cho Cơ Tịnh kế thừa ngôi vua, nên đã trao trả chính quyền cho Cơ Tịnh. Người đó chính là Chu Tuyên Vương, vị quốc vương thứ hai đảo số của Tây Chu.

Cuộc đại khởi nghĩa của binh dân và nô lệ thời Chu Lệ Vương, không phải là cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Sớm từ triều Hạ, triều Thương các nô lệ đã từng có nhiều lần đấu tranh phản kháng, thế nhưng các sách cổ không chép lại, chỉ có thể tìm thấy một số phiến đoạn trên các giáp cốt văn, quy mô có khả năng là không lớn lắm.

23. Tuyên Vương chinh chiến nhiều năm liền

Sau khi Chu Tuyên Vương Cơ Tĩnh lên ngôi, cuộc đấu tranh phản kháng của nô lệ và bình dân vẫn liên tiếp nổ ra. Các chư hầu được phân phong năm xưa thấy thế lực của Vương Thất ngày càng suy yếu, cũng đã có ý không mấy phục tùng Thiên tử nữa, nên thống trị của triều đình nhà Chu đã chao đảo. Để hoà hoãn những mâu thuẫn này, Chu Tuyên Vương liền phát động một hệ thống chinh chiến đối với các dân tộc thiểu số ở bốn xung quanh.

Năm đầu tiên Tuyên Vương lên ngôi, để chuẩn bị cho cuộc tiến đánh với các dân tộc thiểu số, Tuyên Vương đã hạ lệnh sản xuất thật nhiều binh xa. Năm thứ ba phái Trọng Đạt phụ đi chinh phạt Tây Nhung. Năm thứ năm, cử Doãn Cát Phủ đi tiêu diệt Hiễn Doãn.

Vào thời cuối Thương, đầu Chu Hiễn Doãn có tên gọi là Quý Phương, cũng gọi là Khuyển Nhung. Những tên gọi là đều do người tộc Hán đặt cho, mang ý nghĩa lăng nhục. Hiễn Doãn là một dân tộc du mục, trong câu chuyện trước “Chu Công xây dựng Đông Đô” đã có nhắc tới, thời đại Thành Vương, Khang Vương đã từng đánh lại Khuyển Nhung đúc đỉnh Đại Vu làm kỷ niệm. Đến thời Lê Vương, do sự phản loạn trong nội bộ triều Chu, Hiễn Doãn lại bắt đầu hoạt động, uy hiếp Hạo Kinh từ phía Tây Bắc. Để đánh bại Hiễn Doãn, Tuyên Vương đã cử Đại tướng Doãn Cát Phủ, người đắc lực nhất dưới trướng mình, đã quân đi đánh.

Doãn Cát Phủ là một người văn võ toàn tài, ông ta và con trai ông ta là Doãn Bá Kỳ đều là danh thần vào những năm cuối thời kỳ Tây Chu. Có người kể rằng Doãn Cát Phủ rất biết cách sửa chữa sai lầm, chỉ cần phát hiện bản thân mình làm sai thì lập tức sửa chữa ngay. Có một lần, Doãn Cát Phủ tin theo lời của người vợ sau, đuổi con cả là Bá Kỳ đầy đi dã ngoại. Để chứng minh rằng bản thân mình không sai lầm, Bá Kỳ đã viết một bài thơ đầu đề là “Lý Sương Thao” 1 lớn tiếng ngâm tụng ở dã ngoại. Doãn Cát Phủ nghe thấy, biết rằng mình đã sai, liền vội vàng gọi Bá Kỳ trở về rồi trừng phạt nghiêm khắc người vợ sau đã bịa đặt lời nhảm nhí, xúc xiểm chia rẽ quan hệ giữa cha con họ. Trong gia đình Doãn Cát Phủ đã như vậy, ra chiến trận, cũng như thế. Bởi vì ông có khả năng hấp thụ được bài học kinh nghiệm của thất bại, cho nên ông luôn luôn có thể chuyển bại thành thắng. Lần này Doãn Cát Phủ dẫn quân đi đánh Hiễn Doãn, đánh mấy trận đầu đều bị thua. Về sau Doãn Cát Phủ tìm ra được nguyên nhân dẫn đến thất bại, đã nắm vững được quy luật hoạt động của quân đội Hiễn Doãn, làm được điều “biết mình biết người”, trong trận sau cùng Doãn Cát Phủ đã đánh cho Hiễn Doãn thua to, đuổi chúng ta khỏi vùng Bắc Thái Nguyên.

Trong cuộc chiến tranh đánh Hiễn Doãn, người cùng lập chiến công với Doãn Cát Phủ còn có Tử Bạch. Tử Bạch là một tiên phong, lần đầu dẫn quân ra trận đã chém chết năm trăm tên địch, bắt sống được năm mươi tên. Ông đã đem thủ cấp và tù binh địch dâng lên Tuyên Vương, Tuyên Vương đã ghi nhận đại công của ông.

Sau khi đánh bại Hiễn Doãn, Chu Tuyên Vương tiến hành luận công hành thưởng. Doãn Cát Phủ và Tử Bạch được thưởng rất hậu, lại còn được ghi công trên những đồ đồng đen. Vật dùng để ghi chép công lao của Doãn Cát Phủ là một chiếc khay đồng, tên gọi là Quốc Quý Tử Bạch bàn. Hai thứ văn vật lịch sử thời Chu Tuyên Vương này đều được khai quật thấy văn khắc trên đồ đồng đen và đã trở thành những tư liệu đáng tin cậy giúp chúng ta nghiên cứu lịch sử lúc đó.

Năm thứ hai sau khi đánh bại Hiễn Doãn, Chu Tuyên Vương lại đích thân dẫn các văn võ tướng như Triệu Công, Mục Công, Doãn Cát Phủ... và đại đội binh mã tấn công Kinh Sở, Hoài Di và Từ Nhung. Kinh Sở là đất của dân tộc Hoa Hạ từ phương Bắc di cư tới Trường Giang và Hán Thủy. Câu chuyện “Dùng kế dán thuyền làm cho Chiêu Vương chết đuối” đã kể trên, chính là mẹo của người Kinh Sở. Khi Tuyên Vương tiến đánh Kinh Sở đã lấy cớ đó để xuất quân, bắt người Kinh Sở phải đền mạng cho Chiêu Vương. Hoài Di và Từ Nhung là các dân tộc thiểu số ở hạ du Trường Giang và lưu vực Hoài Hà, là hai bộ lạc nhỏ thuộc dân tộc Đông Di. Những năm cuối triều Thương, sau khi Trụ Vương đánh thắng Đông Di, dân tộc Hoa Hạ ở Trung Nguyên đã từng xây dựng mối liên hệ thân mật với Hoài Di và Từ Nhung, quá trình hoà hợp dân tộc đã bắt đầu. Sau khi triều đình nhà Thương diệt vong, Hoài Di, Từ Nhung vẫn còn tưởng nhớ triều

Thương, nhìn triều Chu với con mắt thù địch. Để chinh phục Hoài Di, Từ Nhung, Chu Tuyên Vương đã dùng đại binh, hi sinh rất nhiều sinh mạng của binh lính, tiêu phí nguồn của cải cực kỳ lớn ở trong kho nhà nước, mới giành được thắng lợi, ổn định được địa bàn của lưu vực Hoài Hà và hạ du Trường Giang.

Chu Tuyên Vương đã chinh chiến nhiều năm, liên tiếp giành thắng lợi, chỉ có điều là đã kiêu căng mà quên hết. Năm thứ 39 sau kh Tuyên Vương tức vị (tức là năm 789 trước Công nguyên), Tuyên Vương lại thân dẫn quân đi chinh phạt Khương Nhung. Lần này thì Tuyên Vương nếm đòn thất bại, bản thân Tuyên Vương chỉ suýt nữa bị bắt làm tù binh. May được viên Đại tướng dưới trướng liều chết bảo vệ giá, Tuyên Vương mới thoát khỏi trùng vây của quân địch.

Sau lần chiến bại này, uy tín của Chu Tuyên Vương giảm sút nghiêm trọng, thế nước của triều Chu cũng từ đây không gượng dậy nổi nữa. Để bổ sung binh lực và tài lực, đồng thời trút gánh nặng lên đầu quần chúng lao động, Chu đã nghĩ ra biện pháp điều tra hộ khẩu để rút trai tráng của từng hộ và cắt đất sưu thuế. Quan đại thần là Trọng Sơn Phủ hết lời khuyên can Tuyên Vương không nên, để dành sức tiếp tục cuộc chinh chiến, Tuyên Vương đâu có chịu nghe. Bất chấp tất cả, Tuyên Vương đã điều một khối lượng lớn người đi điều tra hộ khẩu. Mọi người không muốn làm vật hi sinh cho Tuyên Vương hiếu chiến, đã hăng hái nổi dậy, đuổi tất cả bè lũ quan lại tới điều tra hộ khẩu cút đi.

Hành động điều tra hộ khẩu này của Chu Tuyên Vương, trên thực tế đã tưới một thùng dầu lên ngọn lửa đang rực cháy. Khi Tuyên Vương vừa chết, con trai của Tuyên Vương là Cơ Cung Niết tức vị, mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp càng thêm căng thẳng, lại thêm Cơ Cung Niết đang đắm chìm trong u mê hủ bại, cho nên chẳng bao lâu, trước sự tất công ở cả bên trong lẫn bên ngoài, Tây Chu đã bị diệt vong.

Việc Chu Tuyên Vương chính chiến chứng tỏ rằng tính chất của cuộc chiến tranh thời cổ đại Trung Quốc cũng đang trong quá trình không ngừng biến hoá. Cuộc chiến tranh mà Chu Tuyên Vương phát động đã không giống như cuộc chiến tranh chính nghĩa theo kiểu ban thưởng dân có công trừng phạt kẻ có tội như Thương Thang diệt Hạ và Vũ Vương phạt Trụ, mà thuần túy là cuộc chiến tranh phi nghĩa vì lợi ích của giai cấp thống trị, tất nhiên sẽ không được nhân dân ủng hộ. Cuộc chiến tranh theo kiểu xâm lược ở ạt này, không thể cứu vãn nổi sự lung lay địa vị thống trị của giai cấp chủ nô, mà chỉ đẩy nhanh tốc độ diệt vong của chúng.

24. Đốt lửa đũa giỡn chư hầu

Năm 781 trước Công nguyên, do chinh chiến thất lợi Chu Tuyên Vương u uất mà chết. Con trai Tuyên Vương là Cươ Cung Niết kế thừa ngôi vua, đó chính là Chu U Vương Thiên Tử cuối đời Tây Chu.

Chu U Vương ngồi lên ngôi báu trong tình trạng thiên tai liên miên, cục diện chính trị không vững vàng. Mùa hạ năm thứ hai sau khi U Vương tức vị, trời hạn hán không mưa các sông Kinh Thủy, Vị Thủy, Lạc Thủy đều khô cạn. Tiếp sau đó là động đất, lại là năm mất mùa, đông đảo quần chúng nhân dân không có cơm ăn, đi lưu lạc khắp nơi, mâu thuẫn giai cấp gay gắt, chính cục càng không ổn định.

Trong tình thế ấy đáng lẽ Chu U Vương phải nghĩ cách ổn định lòng dân, cứu căn cục diện nguy kịch, thì lại U Vương sống hoang toàng mê muội, cho nên càng tự đẩy nhanh tốc độ diệt vong của mình, cho nên càng tự đẩy nhanh tốc độ diệt vong của mình, chôn vùi cơ nghiệp của Tây Chu.

Từ những năm rất sớm Chu U Vương đã lấy con gái của Thân Hầu làm hoàng hậu, sinh ra được một người con trai, đặt tên là Nghi Cứu. Sau khi lên ngôi, Nghi Cứu được lập lên làm Thái tử. Thế nhưng về sau U Vương lại yêu người đàn bà tên gọi là Bao Tự. U Vương và Bao Tự đã sinh ra được một người con trai, đặt tên là Bá Phục. Bởi Vu Vương thích Bao Tự, cho nên muốn phế bỏ Thái tử Nghi Cứu, lập Bá Phục làm Thái tử. Thế nhưng quy định của triều đình nhà Chu là chỉ có con trưởng do Vương Hậu sinh ra mới được làm Thái Tử, mới có quyền thừa kế ngôi vua, con trai do phi tử sinh ra không có quyền lợi này. Do đó U Vương muốn giết chết Nghi Cứu, người con trai của chính mình sinh ra, phế bỏ người mẹ của Nghi Cứu là Thân Hậu, để tiện cho việc phong Bao Tự làm Vương Hậu, lập Bá Phục làm Thái tử.

Một hôm, Thái Tử Nghi Cứu đang chơi đùa trong vườn hoa, U Vương cố ý sai người thả con hổ đang nhốt ở trong chuồng ra, muốn để cho hổ cắn chết Nghi Cứu. Chẳng ngờ Nghi Cứu tỏ ra rất gan dạ, khi con hổ hung ác nhe nanh múa vuốt xông tới, Nghi Cứu không những không trốn tránh, trái lại còn dũng cảm bước lên gào to một tiếng. Con hổ giật bắn mình lùi lại mấy bước, rồi ngoan ngoãn giống như một con chó gục đầu rủa tai nằm xuống đất, không dám động đậy. Âm mưu của Chu U Vương không thực hiện được. Từ đó trở đi Nghi Cứu luôn luôn đề cao cảnh giác, chỉ sợ một lần nữa gặp phải những tính toán đen tối. Năm thứ năm sau khi U Vương lên ngôi, Nghi Cứu được lập lên làm Thái tử. Thế nhưng về sau U Vương lại yêu người đàn bà tên gọi là Bao Tự. U Vương và Bao Tự đã sinh ra được một người con trai, đặt tên là Bá Phục. Bởi U Vương thích Bao Tự, cho nên muốn phế bỏ Thái tử Nghi Cứu, lập Bá Phục làm Thái tử. Thế nhưng quy định của triều đình nhà Chu là chỉ có con trưởng do Vương Hậu sinh ra mới được làm Thái Tử, mới có quyền thừa kế ngôi vua, con trai phi tử sinh ra không có quyền lợi này. Do đó U Vương muốn giết chết Nghi Cứu, người con trai của chính mình sinh ra, phế bỏ người mẹ của Nghi Cứu là Thân Hậu, để tiện cho việc phong Bao Tự làm Vương Hậu, lập Bá Phục làm Thái tử.

Một hôm, Thái tử Nghi Cứu đang chơi đùa trong vườn hoa, U Vương cố ý sai người thả con hổ đang nhốt ở trong chuồng ra, muốn để cho hổ cắn chết Nghi Cứu. Chẳng ngờ Nghi Cứu tỏ ra rất gan dạ, khi con hổ hung ác nhe nanh múa vuốt xông tới, Nghi Cứu không những không trốn tránh, trái lại còn dũng cảm bước lên gào to một tiếng. Con hổ giật bắn mình lùi lại mấy bước, rồi ngoan ngoãn giống như một con chó gục đầu rủa tai nằm xuống đất, không dám động đậy. Âm mưu của Chu U Vương không thực hiện được. Từ đó trở đi Nghi Cứu luôn luôn đề cao cảnh giác, chỉ sợ một lần nữa gặp phải những tính toán đen tối. Năm thứ năm sau khi U Vương lên ngôi, Nghi Cứu lén lút ra khỏi vương cung, trốn ở nhà ông bà ngoại là Thân Hầu. Nghi Cứu vừa đi khỏi, U Vương như rút được cái đinh ra khỏi mắt, rất hả hê. Ba năm sau, U Vương hạ lệnh phế bỏ Thân Hậu và Nghi Cứu, phong Bao Tự làm Vương hậu, lập Bá Phục làm Thái tử. U Vương còn có luôn canh cánh trong lòng, đó chính là Bao Tự có một tính khí quái quỷ: ả chưa hề cười bao giờ, mặc dù có những sự việc rất đáng cười, ả vẫn cứ lạnh lùng như không hề có chuyện gì xảy ra. Bao Tự được phong làm Vương Hậu, con trai Bá Phục của ả được lập làm Thái tử. Đây

chính là việc đại sự rất đáng mừng vui, thế nhưng ả không hề mảy may vui sướng.

Bao Tự vốn dĩ không phải được sống ra trong gia đình Công Hầu quý tộc mà là con gái riêng của một cung nữ. Sau khi sinh ả, mẹ ả lặng lẽ đem ả vứt ra bên ngoài. Một đôi vợ chồng tốt bụng thấy một đứa bé mới sinh bị bỏ rơi, khóc oe oe ở ngoài đồng, liền bế nó đem tới một nước nhỏ gọi là nước Bao nuôi dưỡng. Mười mấy năm sau đứa bé lớn lên thành một thiếu nữ xinh đẹp. Nước Bao có một quý tộc đắc tội với Chu U Vương đã bỏ tiền ra mua thiếu nữ đó, đặt tên là Bao Tự, rồi dâng lên Chu U Vương chuộc tội. Bao Tự tuy thân ở Vương Cung, danh nghĩa là Vương Hầu, nhưng trên thực tế cũng chỉ là một nô lệ mà thôi, nói đúng hơn, chẳng qua chỉ là một thứ đồ chơi của Chu U Vương mà thôi. Là một người đàn bà bị đẩy vào cảnh ngộ bị thảm như vậy, thì làm sao có thể vui vẻ cười được?

Chu U Vương có một đại quan tên là Quốc Thạch Phụ, một kẻ chỉ quen bợ đỡ nịnh hót, một con quỷ tham lam, hề thấy tiền là tối mắt lại. Hắn nghe nói U Vương treo thưởng ngàn vàng chỉ muốn để cốt làm cho Bao Tự nhếch mép cười, liền hiến kế cho U Vương. Đó chính là kế sách: “Đốt lửa giỡn chư hầu”.

Ai cũng biết rằng vào thời Tây Chu, để phòng sự xâm phạm quấy rối của bộ tộc Khuyển Nhung ở phía Tây, tại vùng Li Sơn gần Hạo Thành người ta đã xây dựng rất nhiều Đại khói lửa, thực chất là ban công được xây lên rất cao. Nếu phát hiện bọn Khuyển Nhung tấn công, ban đêm sẽ có đốt lửa cháy to ở trên Đài, ban ngày đốt phân chó sói để khói bốc lên, phát cảnh báo cho các nước chư hầu biết là Kinh Thành có cấp báo Thiên tử gặp nạn, phải mau đem quân đội và xe chiến tới cứu viện. Đài khói lửa là một thiết kế cảnh báo quan trọng như vậy, Chu U Vương đã nghe Quốc Thạch Phụ xúi bẩy, cuối cùng đã gán cho Đài một chuyện cười nhớ đời.

Ngày hôm đó, Chu U Vương dẫn Bao Tự lên thành lầu Đông, sai người đốt lửa cháy rừng rực trên Đài khói lửa. Chuyện vu vơ bỗng gây nên cảnh tượng nhốn nháo, các nước chư hầu vừa thấy ánh lửa, đều cho rằng Thiên tử gặp nạn, hộc tốc cử quân đội tới cứu viện. tướng lĩnh ngồi trên chiến xa, binh lính theo sau, ai nấy thở dốc, mồ hôi như tắm, chạy tới dưới chân thành Hạo Kinh, thế nhưng lại không phát hiện ra một tên lính Khuyển Nhung nào cả mà chỉ gặp U Vương và Bao Tự đang ngồi uống rượu và ngắm nhìn binh lính trên thành. Cuộc dượt chạy mất công toi này của các nước chư hầu, đúng là đã làm cho Bao Tự cười. Bao Tự cười vì U Vương đã làm một việc kinh suất, cười vì các nước chư hầu đã quá dễ dàng bị mắc lừa! Nụ cười xinh đẹp của Bao Tự quả đã làm cho Chu Vương sung sướng khôn xiết và Quốc Thạch Phụ thì được ban thưởng cả ngàn vàng. Các nước chư hầu bết là bị lừa bịp đều nổi trận lôi đình nguyên rủa Chu Vương hết lời, rồi kéo quân về.

Lại nói về Thân Hậu, cha của Thân Hậu, ông bà ngoại của Nghi Cứu, nghe nói U Vương phế bỏ Thân Hậu và Nghi Cứu, phong Bao Tự làm Vương Hậu, lập Bá Phục làm Thái tử thì vô cùng tức giận. Thân Hậu liên hiệp với nước Tăng và Khuyển Nhung, phát binh tới đánh Hạo Kinh. U Vương thấy quân Khuyển Nhung đã kéo đến, vội cử người đi đốt lửa cháy đùng đùng ở trên Đài cầu cứu các nước chư hầu. Thế nhưng lần này các nước chư hầu cho rằng U Vương lại đùa rỡ họ nên không cử quân tới. Bi kịch đã xảy ra như vậy đó. Cuối cùng Hạo Kinh đã bị quân Khuyển Nhung đánh cho tan tác, U Vương chạy trốn tới chân núi Li thì bị giết chết, Bao Tự bị bắt. Bao nhiêu của cải quý báu mà Vương thất nhà Chu tích lũy trong nhiều năm đều bị Khuyển Nhung cướp đi hết. Khi các nước chư hầu vỡ lẽ mọi chuyện tức tốc phái quân tới cứu viện, thì đã chậm mất một bước. Các nước chư hầu biết là U Vương đã chết đành bàn với Thần Hầu, đưa trai Nghi Cứu của U Vương kế thừa ngôi vua, đó chính là Chu Bình Vương.

Sau khi Chu Bình Vương lên ngôi, sơ quân Khuyển Nhung lại tấn công một lần nữa, không dám ở lại Hạo Kinh nữa. Năm 770 trước Công nguyên Bình Vương dời kinh đô từ Hạo Kinh tới Đông Đô Lạc ấp. Bởi lẽ Hạo Kinh ở phía Tây, cho nên lịch sử gọi triều đình nhà Chu sau khi Bình Vương dời sang phía Đông là Đông Chu.

Xuân thu

Đông Chu từ năm 770 đến năm 256 trước Công nguyên, lịch sử của thời kỳ này đại để có thể chia thành hai đạo: Xuân Thu và Chiến Quốc.

Xuân Thu từ năm 770 trước Công nguyên (nói một cách tương đối chính xác là phải tính từ năm 722 trước Công nguyên trở đi) tới năm 476 trước Công nguyên (cũng có người cho rằng phải tính đến năm 403 trước Công nguyên).

Ở thời kỳ Xuân Thu, Chu Thiên Tử đã không khống chế được toàn bộ thiên hạ. Thế lực của các nước chư hầu đã hưng khởi, tranh đoạt bá quyền lẫn nhau. ở khu vực Đông Nam hạ du Trường Giang còn có hai nước Ngô Việt tranh bá. Các nước chư hầu tranh nhau làm bá chủ thực chất chỉ là muốn mở rộng thế lực thống trị của mình, cướp đất đai, nhân khẩu và của cải vật chất, cuộc chiến tranh giữa họ với nhau đều là phi chính nghĩa cả. Thế nhưng các nước lớn, trong cuộc chiến tranh bá đã thôn tính các nước nhỏ lân cận, thực hiện được sự thống nhất cục bộ các khu vực, điều kiện thống nhất toàn quốc đã có cơ thực hiện.

Thời kỳ Xuân Thu, nghề đúc sắt đã được hưng thịnh, các binh khí và nông cụ đúc bằng sắt được sử dụng khá rộng rãi. Do sản xuất nông nghiệp phát triển, chế độ ruộng đất và thuế má đều dần dần biến hoá, chế độ tư hữu ruộng đất xuất hiện đã xác lập được chế độ thuế má theo ruộng tư; quan hệ sản xuất địa chủ bóc lột nông dân dần dần thay thế quan hệ sản xuất chủ nô áp bức nô lệ - xã hội đối mặt với đêm trước của cuộc thay đổi mang tính chất cách mạng.

Các nhà tư tưởng trong thời kỳ Xuân Thu như Lão Tử, Khổng Tử... từ nhận thức riêng của mình đối với sự biến của thời thế lần lượt sáng lập ra những học thuyết và trở thành những ông tổ của các học phái Đạo gia, Nho gia... Đặc biệt là Khổng Tử đã sáng lập ra phong trào dạy học tư nhân, đã gây được ảnh hưởng rất to lớn đối với sự phát triển văn hoá học thuật sau này của Trung Quốc. Trên mặt tư tưởng quân sự và chiến lược chiến thuật, nhà quân sự Tôn Vũ cũng đã có những thành tựu rất cao. Y dược học truyền thống cũng đã đặt được cơ sở.

25. Mũi nỏ bắn Chu Thiên Vương

“Thời kỳ Xuân Thu”- tên gọi này rất đặc biệt. Vì sao lại có tên này?

Đây là vấn đề mà những người mới bắt đầu học lịch sử đều rất quan tâm. Thời cổ đại có một bộ sách sử tên gọi là “Xuân Thu”, tương truyền là do nhà tư tưởng nhà giáo dục nổi tiếng Khổng Tử tác thành, ghi chép lịch sử từ năm 722 đến năm 481 trước Công nguyên, về sau mọi người mượn dùng cái tên “Xuân Thu”, đem đoạn lịch sử từ năm 770 đến năm 476 trước Công nguyên gọi là thời kỳ Xuân Thu.

Ở thời kỳ Xuân Thu, người thống trị tối cao toàn quốc là Chu Thiên Vương với quyền lực tối thượng. Sách cổ nói: Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ, suất thổ chi tân, mạc phi vương thần; có nghĩa là: Dưới bầu trời nơi nào cũng là ruộng đất của Thiên vương; trong bốn biển người nào là thần bộc của Thiên Vương. Ai dám đụng tới Thiên Vương? Thế nhưng ở thời kỳ Xuân Thu tướng quân nước Trịnh là Chúc Đan dám bắn một mũi nỏ vào Chu Hoàn Vương. Sự cố này chẳng phải là quá kỳ quái sao?

Nước Trịnh (một vùng trong huyện Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây ngày nay, sau khi Chu Bình Vương dời đô, được phong ở huyện Tây Thịnh, tỉnh Hà Nam ngày nay) vốn là chư hầu được phong hầu thời Chu Tuyên Vương. Thời kỳ cuối Tây Chu đầu Đông Chu, từ Trịnh Hoàn Công, Trịnh Vũ Công đến Trịnh Trang Công, ba đời đều là khanh sĩ của triều Chu, nắm giữ đại quyền trong triều đình, đã lập nên công lao to lớn cho vương thất nhà Chu. Thời Chu U Vương, Tây Nhung đánh vào Hạo Kinh (vùng Tây Nam thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây ngày nay), để bảo hộ U Vương, Trịnh Hoàn Công đã bị chết dưới mưa nỏ loạn xa. Trịnh Vũ Công nghe nói cha mình bị Tây Nhung giết chết đã dẫn đầu ba trăm chiếc xe binh đi suốt ngày đêm, kéo tới Tây Nhung tử Nghi Cứu từ nước Thân trở về lên ngôi; đây chính là Chu Bình Vương. Sau khi Trịnh Vũ Công qua đời, Trịnh Tranh Công là Ngô Sinh tiếp tục làm khanh sĩ cho triều Chu. Có điều, nội bộ nước Trịnh không được yên ổn, trong một thời gian rất dài công việc triều đình bị bỏ bê. Ai ngờ, sự việc này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa nước Trịnh và Vương thất nhà Chu.

Một hôm, vua nước Quắc là Kỵ Phụ đến Lạc Dương triều kiến, trò chuyện rất thân tình với Chu Bình Vương, Chu Bình Vương muốn Kỵ Phụ làm khanh sĩ, liền nói:

- Cha con Trịnh Bá quản lý triều chính đã rất nhiều năm rồi, nay đã một thời gian rất dài, Trịnh Bá không thiết triều. Ta muốn để cho người thay hẳn quản lý việc triều chính, người tuyệt đối không được từ chối đó nghe!

Quắc Công đã biết rất rõ sự lợi hại của Trịnh Bá nên không dám nhận lời, nói:

- Không được. Nếu thần thay Trịnh Bá làm khanh sĩ, Trịnh Bá chẳng những hận thần, mà còn hận cả Thiên Vương đó. Thần không dám tuân mệnh.

Nói xong, Quắc Công liền vội vàng trở về nước. Tuy bản thân Trịnh Trang Công không ở lại Lạc Dương, thế nhưng Trịnh đã đặt rất nhiều tai mắt ở đó, nhất cử nhất động của triều đình, Trịnh đều biết rất rõ. Lần này, nghe nói Thiên Vương định cách chức mình, Trịnh không thật yên tâm, liền bước lên xa giá tới Lạc Dương.

Trịnh Trang Công đến gặp Chu Bình Vương, chủ động đề xuất muốn từ chức, Chu Bình Vương trong lòng không ưa Trịnh Trang Công, thế nhưng trước mặt không dám nói. Vừa nghe nói Trịnh Trang Công muốn từ chức, Bình Dương liền lo sợ, giải thích:

- Sao lại có chuyện như thế được. Đã lâu khanh không thiết triều, khiến ta nhớ lắm. Hôm nay được gặp khanh, ta thật sự vui mừng.

Trịnh Trang Công nhìn thẳng vào đôi mắt của Chu Bình Vương, tựa như cười mà lại không phải cười, đồng dạng nói:

- Năng lực của thần sao có thể sánh kịp với Quắc Công?

Chu Bình Vương vừa nghe Trịnh Trang Công nhắc tới Quắc Công Kỵ Phụ, bỗng đỏ dừ mặt,

miễn cưỡng nói cho qua chuyện:

- Rất lâu rồi khanh không đến, ta hiểu rằng trong nước việc nhiều như núi. Ta chỉ muốn để Quốc Công thay khanh ít hôm, chờ khanh tới sẽ trao trả lại. Quốc Công nhiều lần từ chối, ta đã cho Quốc Công về nước rồi, khanh khỏi phải suy nghĩ nhiều.

Chu Bình Vương càng giải thích, Trịnh Trang Công càng không tha thứ. Chu Bình Vương luống cuống, đành nói:

- Thôi được, khanh đã không tin tưởng ta, thì ta sẽ để Thái tử của ta tới làm con tin nước Trịnh, như vậy được không?

Đường đường là một Thiên tử thế mà phải đem con trai tới làm con tin ở một nước chư hầu, quả là chuyện xảy ra lần đầu trong lịch sử triều Chu.

Chu Bình Vương đã nhượng bộ tới nước này, Trịnh Trang Công vẫn không nghe:

- Như thế cũng được sao? Dùng ai, không dùng ai, là quyền lực của Thiên Vương, sao lại có thể đưa Thái tử tới nước của thần để làm vật chết chấp được. Làm như vậy chẳng phải là người trong thiên hạ sẽ nguyện rửa thần là bức hiếp Thiên Vương hay sao? Tội này thần làm sao có thể gánh chịu nổi.

Chu Bình Vương vội vàng nói:

- Không, không thể nói như vậy được, khanh có tài trị quốc, tư cử Thái tử tới chỗ người để học tập, chẳng lẽ lại không được sao?

Trịnh Trang Công vẫn không bằng lòng. Các quan đại thần vừa nể mặt Thiên Vương lại vừa không dám đắc tội với Trịnh Trang Công, nên không biết làm thế nào cho phải, thoát nghe Thiên Vương nói muốn đưa Thái tử sang làm con tin liền cho đó là một biện pháp tốt, ai nấy hăng hái nói:

- Theo sự hiểu biết của chúng thần, nếu Thiên Vương cử Thái tử sang nước Trịnh thì không thể giải trừ được hoài nghi của Trịnh Bá; nếu chỉ để cho Thái tử đi làm con tin, thì thiên hạ khó chấp nhận. Chỉ bằng cả hai người, Vua và Thần đều trao đổi con tin, một bên cử Thái tử sang nước Trịnh học tập, một bên cử Trịnh công tử tới triều đình làm thế chấp, như vậy chẳng đẹp cả đôi đường hay sao?

Chu Bình Vương luôn miệng khen phải, lúc này Trịnh Trang Công mới chịu nhếch mép cười. Từ đó Thái tử Cô và Chu Bình Vương liền ở lại nước Trịnh, công tử Hốt của nước Trịnh sống ở Lạc Dương.

Năm thứ 51 sau khi Chu Bình Vương lên ngôi (tức năm 720 trước Công nguyên), Thiên Vương đã qua đời. Sau khi Bình Vương mất, Trịnh Trang Công và Chu Công Hoắc Kiên cùng quản lý triều chính. Họ để cho Công tử Hốt trở về nước Trịnh, lại sai người đến đón Thái tử Cô về tức vị. Chẳng ngờ Thái tử Cô vì quá bi thương, về tới Lạc Dương chưa được bao lâu thì chết. Người ta lại lập con trai của Thái tử Cô lên làm Thiên vương. Đây chính là Chu Hoàn Vương.

Chu Hoàn Vương nghĩ tới các chết của cha có quan hệ với Trịnh Trang Công, lại thấy Trịnh Trang Công vẫn chuyên quyền, cho nên càng căm hận Trịnh Trang Công. Hoàn Vương đã bí mật bàn bạc với Chu Công Hoắc Kiên:

- Ta thấy Hoắc Công làm việc chăm chỉ, lại cung kính, hiếu lễ, ta muốn để Hoắc Công thay thế Trịnh Trang Công, khanh thấy sao?

Chu Công Hoắc Kiên nói:

- Trịnh Trang Công là một người rất lợi hại, nếu Thiên Vương tước quyền của hắn, hắn nhất định sẽ báo thù. Cần phải cân nhắc kỹ trước khi hành động!

Chu Hoàn Vương nói:

- Ta không chịu nổi sự khống chế của hắn. Chí ta đã quyết, hãy cứ làm như vậy!

Buổi chiều sớm hôm sau, các quan đại thần đều có mặt đông đủ. Chu Hoàn Công nói với Trịnh Trang Công:

- Khanh là quan đại thần của Thiên Vương, ta không dám tùy tiện sử dụng khanh, mong khanh tự liệu!

Trịnh Trang Công nói:

- Thần nên đi sớm mới phải. Đa tạ ơn huệ của Thiên Vương. Xin cho thần được cáo từ tại đây.

Nói xong liền quay đầu đi ngay. Trên đường đi gặp ai đều nói:

- Tên oắt Hoàn Công là kẻ vong ân phụ nghĩa!

Trịnh Trang Công xa giá về nước, Công tử Hốt dẫn đầu văn võ bách quan ra khỏi thành nghênh đón, hỏi vì sao Trịnh Trang Công lại trở về.

Trịnh Trang Công nói:

- Ta đã bị cách chức rồi!

Văn võ bách quan nghe xong đều vô cùng phẫn nộ, có người nói, phải cất quân tới hỏi tội, phế bỏ Hoàn Vương, rồi lập một Thiên Vương xứng đáng hơn. Có người nói chớ hấp tấp, tạm thời nên biết nhẫn nại, nhất định Thiên Vương sẽ hối hận. Quan đại phu Tế Túc nói:

- Tôi có một kế, tôi sẽ dẫn một đội quân tới biên giới triều Chu, hễ gặp lúa là cắt cho sạch. Nếu có người hỏi thì nói chúng ta bị mất mùa, tới vay một ít lương thực. Nếu Thiên Vương lại sai người tránh hỏi, thì lúc đó chúng ta đã có cơ để mà nói. Nếu Thiên Vương không nói gì, chúa công sẽ tới triều đình cật vấn ông ta cũng không muện.

Trịnh Trang Công cảm thấy kế sách của Tế Túc rất thoả đáng, liền đồng ý.

Hôm sau, Tế Túc dẫn quân tới Ôn ấp (gần huyện Ôn, tỉnh Hà Nam ngày nay), nói với Ôn đại phu rằng:

- Nước chúng tôi bị mất mùa nên phải tới vay quý ngài một ít lương thực.

Ôn đại phu nói:

- Không có mệnh lệnh của Thiên Vương, không thể cho vay được.

- Sao lại không thể với chẳng thế! Lúa đã chín rồi, chúng tôi có thể tự gặt được!

Nói xong, cả ngàn binh sĩ tán phát đi, chỉ trong chốc lát đã gặt xong một khoảnh lúa lớn. Ôn đại phu tự biết nước Trịnh lớn mạnh, lại thấy lính Trịnh chở từng xe lúa đầy đem về nước mà không biết làm thế nào!

Mùa thu, Tế Túc lại dẫn quân tới thành Chu (vùng Đông Bắc thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) "vay" lương. Quân đội nước Trịnh ban ngày mai phục trong thôn, ban đêm xông xa, cắt sạch lúa. Do vậy, ở ngoại ô Thành Chu, các tràn ruộng lúa đã bị cắt trơ trụi.

Ôn ấp đại phu và Thành Chu thủ tướng vội trình tấu sự việc này cho Chu Hoàn Vương biết. Hoàn Vương vừa nghe, bỗng dưng dưng đại nộ, muốn cất binh hỏi tội ngay. Chu Công Hoắc Kiên khuyên can nói:

- Đây là việc nhỏ ở biên giới, chưa chắc Trịnh Trang Công đã biết giữ kín sự việc!

Chu Hoàn Vương đành phải hạ lệnh cho quân đội ở biên giới đề phòng cẩn thận, nhưng thâm tâm thì rất căm hận Trịnh Trang Công.

Trịnh Trang Công thấy Chu Hoàn Vương không có động tĩnh gì, cảm thấy bất an, rồi bàn với các hạ thần phải trực tiếp vào triều để gặp Hoàn Vương. Chẳng ngờ, vừa mới lên đường đã nghe tin liên minh hiệp ước nước Tề hình thành, rồi Chu Hu nước Vệ làm loạn tấn công nước Trịnh, tiếp đó là Tống Thương Công cũng giúp đỡ nước Vệ tiến đánh nước Trịnh, thế là việc

triều kiến phải hoãn lại. Vì sao Tống Thương Công cũng tiến đánh nước Trịnh? Bởi vì Trịnh Trang Công đã giữ con trai của Tống Mục Công là Công tử Phùng, mà Tống Thương Công lo lắng nước Trịnh đem Công tử Phùng trở về cướp ngôi vua của mình, nên đã phái ngay quân đi giúp đỡ nước Vệ đánh nước Trịnh. Sau khi dẹp yên được loạn Châu Hu, Trịnh Trang Công liền cất quân để dạy cho Tống Thương Công một bài học, nhân đó đưa Công tử Phùng trở về nước Tống.

Tế Túc nói với Trịnh Trang Công:

- Nước Tống là Công tước(1), địa vị rất tôn quý. Thiên Vương rất tôn trọng hẳn, chúng ta không thể khinh thường. Theo thần nghị, chi bằng Chúa công cứ tới triều kiến Thiên Vương, sau đó phát cờ của Thiên Vương đi trừng phạt nước Tống. Một khi xuất quân có danh nghĩa đàng hoàng, chư hầu nào dám không nghe lời Chúa Công?

Trịnh Trang Công cảm thấy Tế Túc nói rất đúng, liền đem theo Tế Túc ngay hôm đó lên đường tới triều kiến Chu Thiên Vương.

Chu Công Hoắc Kiên khuyên Chu Hoàn Vương nên chiêu đãi Trịnh Trang Công thật long trọng, đồng thời mượn cơ hội này để thể hiện rõ uy quyền của Thiên Vương. Chu Hoàn Vương vốn đang rất hận Trịnh Trang Công, nghĩ tới việc cướp lúa vừa rồi, nổi bực tức không để đâu hết, sao lại dễ nghe lời khuyên đó được. Vừa gặp Trịnh Trang Công đã hỏi ngay:

- Nước Trịnh của khanh năm nay thu hoạch ra sao?

Trịnh Trang Công cung kính trả lời, nói:

- Nhờ hồng phúc của Thiên Vương, mùa màng rất khá.

Chu Hoàn Vương thấy Trịnh Trang Công rất cung thuận, liền dẫn tới:

- May mà thu hoạch khá, thóc của Ôn ấp, lúa của Thành Chu, năm nay trẫm có thể giữ được để mà ăn nhỉ?

Trước những lời xoi mói của Chu Hoàn Vương, Trịnh Trang Công chẳng buồn đáp lại, ngay lập tức cáo lui. Chu Hoàn Vương đã không bày tiệc hoan tống, cũng chẳng tặng lễ vật, chỉ cử người đưa tới mười xe thóc, nói:

- Số thóc này các khanh cứ giữ lấy, khi nào đói kém, mất mùa thì đem ra ăn.

Trịnh Trang Công lấy làm hối hận rằng mình không nên đến đây, bực tức nói với Tế Túc:

- Chu Hoàn Vương ức hiếp ta quá lắm! Dù thế nào thì số thóc này cũng không thể nhận được.

Tế Túc nói:

- Chúa công cứ nên nhận lấy. Chúa công nghĩ xem, vì sao các chư hầu trong thiên hạ tôn trọng nước Trịnh chúng ta? Đó là vì chúng ta ba đời làm khanh sĩ, có quan hệ mật thiết với Thiên Vương. Chúa công không tiếp nhận, tức là đã gây bất hoà với Thiên Vương, nếu các nước chư hầu biết, ắt sẽ khinh thường chúng ta.

Đang nói chuyện, Chu Công Hắc Kiên sợ Chu Hoàn Vương làm xấu đi mối quan hệ với Trịnh Trang Công, liền bổ xung thêm hai xe lúa cho Trịnh Trang Công. Sau khi Chu Công Hoắc Kiên đi rồi, Tế Túc mặt mày hớn hở nói với Trịnh Trang Công:

- Đúng là ông trời đã đem lại thuận lợi cho chúng ta!

Trịnh Trang Công hỏi:

- Tại sao nhà ngươi lại vui mừng như vậy?

Tế Túc nói:

- Nước Trịnh vào triều kiến Thiên Vương, các nước chư hầu không ai không biết. Bây giờ, chúng ta đem lúa mà Chu Công Hoắc Kiên tặng chất lên trên mười xe thóc của Thiên Vương

cho, mọi người vừa nhìn đã thấy, Thiên Vương thưởng cho nước Trịnh nhiều lụa như vậy, đối với nước Trịnh thật là tốt. Chúng ta lại tìm có để nói, Tống Công tử trước không vào triều kiến Thiên Vương, đã bị Trịnh Bá theo lệnh Thiên Vương trừng phạt. Như vậy là còn ai dám không tin?

Trịnh Trang công vừa nghe, sung sướng nói:

- Tốt lắm!

Trịnh Trang Công ra lệnh cho tùy tùng đẩy mười chiếc xe chất đầy lụa đi nghênh ngang trên đường phố, còn úp mở gieo rắc tin đồn: Thiên Vương cử Trịnh Trang Công tới trừng phạt nước Tống. Mọi người đều cho là thực.

Trịnh Trang Công vừa trở về nước, liền gương cao cờ lớn “Thay trời phạt tội” ước hẹn cùng nước Tề, nước Lỗ, đại quân rầm rầm rộ rộ theo ba đường tiến vào đánh nước Tống. Quân Tống bị đại bại. Thái Tể Hoa Đốc nước Tống thừa cơ giết chết Tống Thương Công, rồi viết thư cho Trịnh Trang Công, muốn đón Công tử Phùng về. Trịnh Trang Công nhận thư lập tức chỉnh đốn xe ngựa, đưa Công tử Phùng về nước lên ngôi, đó là Tống Trang Công. Trịnh Trang Công ước hẹn với Tề Hi Công, Lỗ Hoàn Công mở một đại hội, chính thức xác nhận danh vị của Tống Trang Công. Từ đấy, Trịnh Trang Công uy danh lừng lẫy, các nước Tề, Lỗ, Tống v.v...đều coi ông là thủ lĩnh của các chư hầu.

Trịnh Trang Công dấy quân động chúng như vậy, Chu Hoàn Vương sao lại không biết được? Chu Hoàn Vương vừa nghe nói Trịnh Trang Công cầm cờ hiệu của mình tới trừng phạt nước Tống, lập tức hạ lệnh bãi bỏ chức vụ khanh sĩ của Trịnh Trang Công. Trịnh Trang Công càng căm hận Hoàn Vương, suốt trong 5 năm không tới Lạc Dương triều kiến.

Chu Hoàn Vương nổi giận, chửi lớn:

- Thằng oắt con Ngô Sinh này quá vô lễ! Lần này ta nhất định thân dẫn đại quân tới hỏi tội hắn.

Các quan đại thần hăng hái khuyên can, trái lại, Chu Hoàn Vương càng thêm kiên quyết, thề nguyện nói:

- Ta và Ngô Sinh thề không đội trời chung!- Nói rồi thống lĩnh quân đội ba nước Thái, Vệ, Trần tiến quân vào nước Trịnh.

Trịnh Trang Công nghe nói đại quân của Chu Vương sắp sửa kéo tới, liền triệu tập các quan đại phu họp bàn đối sách, tể Túc nói:

- Thiên Vương đích thân dẫn quân tới hỏi tội, danh chính ngôn thuận, chi bằng ta cứ sai người tới chịu tội, dâng lễ xin lỗi, có lẽ có thể chuyển họa thành phúc đó.

Trịnh Trang Công vừa nghe, rất bức tức, nói:

- Ba đời làm khanh sĩ chúng ta đã lập được biết bao công lao hiển hách. Ngày nay Chu Vương đã đoạt đại quyền của ta không nói, lại sai i quân tới đánh ta. Thằng cha này ức hiếp người quá lắm. Nếu ta không để cho hắn nhìn thấy chút bản lĩnh thì e rằng đất nước của chúng ta khó có thể bảo đảm được.

Các đại thần văn võ nghe Trang Công nói thế mọi người đều chen vai sát cánh, quyết một trận sống chết với Thiên Vương.

Chu Hoàn Vương thấy Trịnh Trang Công vẫn thật sự dám chống đối lại mình, bức tức lắm, nhất định phải đích thân tới đánh. Trước đó Hoàn Vương đã chuẩn bị sẵn một bài từ giảng diễn rất dài, muốn chờ khi Trịnh Trang Công ra thì chửi cho hắn một trận ở ngay trước mặt hắn, chẳng ngờ được Trịnh Trang Công căn bản không chuẩn bị nghe bài từ đó, mà đã bày xong thế trận, chờ đợi nghênh chiến. Chu Hoàn Vương đã không kìm nén nổi, liền sai người ra chửi bới khiêu chiến, Trịnh Trang Công vẫn không thèm để ý tới chờ tới sau buổi trưa, Trịnh Trang Công thấy các binh sĩ của nhà vua nhà Chu đã thấm mệt, kỷ luật lỏng lẻo, bèn phất cờ, đánh

trống xung phong. Quân đội ba nước Trần, Thái, Vệ vốn dĩ không muốn đánh trận, bây giờ, trước thế mạnh của Trịnh, liền ôm đầu bỏ chạy, không sức gì ngăn nổi? Quân Trịnh hăng hái xông lên đánh, khiến quân đội Thiên Vương người ngã, ngựa nhào, hao binh, tổn tướng. Chu Hoàn Vương nhìn thấy đại thế đã trôi qua, đành phải truyền lệnh lui binh, rồi đích thân cắt đứt phía sau, vừa đánh vừa lui.

Tướng nước Trịnh là Chúc Đan từ xa trông thấy Hoàn Vương liền rút ra một mũi nỏ cứng, bắn mạnh một phát trúng ngay vào vai trái của Hoàn Vương. May mà do giáp của Hoàn Vương cứng và dày, vết thương đã không quá nặng. Thế nhưng, sự việc “Bắn trúng vai vua” đã được lan truyền đi khắp nơi. Mũi nỏ này đã nói rõ rất nhiều vấn đề. Vào thời Tây Chu, Thiên tử là “Thiên hạ tông chủ”, thần thánh không thể xâm phạm được, đó là điều đã được thực tế khẳng định. Từ sau khi Bình Vương dời về phương Đông, vương thất dần dần suy yếu, lực lượng của các chư hầu đã lớn mạnh lên. Chu Hoàn Vương vẫn muốn thể hiện oai phong của Thiên tử, thế nhưng Trịnh Bá không chịu thua. Mũi nỏ này vô tình đã bộc lộ rõ sự thực nhà Chu đang suy yếu, chư hầu đã lớn mạnh.

Lại nói, Chúc Đan mắt thấy Thiên Vương bị trúng nỏ, liền thúc xe đuổi theo, toan thò tay tóm bắt Chu Hoàn Vương, đột nhiên nghe thấy hiệu còi thu binh từ trong trại lính phát ra, đành phải quay xe trở lại.

Chúc Đan nhìn thấy Trịnh Trang Công liền hỏi:

- Chu Vương bị trúng một mũi nỏ, xem ra đã nhụt chí. Thần định bắt sống hẳn, tại sao chúa công lại hạ lệnh thu quân?

Trịnh Trang Công nói:

- Người chỉ mới biết một, mà không biết hai. Hôm nay bắt đắc dĩ chúng ta phải nghênh chiến! Chỉ cần cho Chu Vương biết sự lợi hại của chúng ta là được. Giả dụ bắt sống được Thiên Vương, chúng ta sẽ xử trí thế nào? Dù Thiên Vương bị trúng nỏ, cực chẳng đã, ông ta chết, thì tội giết hại Thiên Vương, chúng ta chịu sao nổi?

Tế Túc tiếp lời, nói:

- Chúa công thật là cao kiến. Lần này quả thực là Thiên Vương hoảng sợ chúng ta rồi. Nên sai người tới thăm hỏi ông ta, mở cho ông ta một lối thoát, ông ta ắt phải nghĩ lại.

Trịnh Trang Công nói:

- Tốt, việc này, trừ người ra không ai làm được.

Tế Túc lập tức chuẩn bị mười hai con bò, một trăm con cừu, ngoài ra là một số lương thực, ngay đêm đó tới doanh trại của Chu Vương thăm hỏi. Gặp Chu Vương, Tế Túc liền quỳ xuống đất, cúi đầu, nói:

- Đáng tội chết! Đáng tội chết! Trang Công vốn chỉ muốn tự vệ, chẳng ngờ không quản lý tốt binh lính, để đến nỗi mạo phạm Thiên Vương, tội này muôn chết! Bây giờ Trang Công đã biệt sai thần tới thăm hỏi.

Chu Hoàn Vương không ngờ lại tới nước này; thấy Tế Túc quỳ ở dưới đất ông ta càng thêm khó xử, nhất thời không biết nói thế nào cho phải. Khanh sĩ Quốc Công Lâm Phụ ở bên cạnh trả lời thay:

- Ngô Sinh đã biết được tội lỗi của mình, thì tha thứ cho! - Rồi quay đầu lại nói với Tế Túc:

- Sao người không mau tới tạ ân Thiên Vương đi!

Tế Túc dập đầu mấy cái rồi cáo từ Thiên Vương, sau đó tới thăm hỏi từng doanh trại. Cuộc đấu tranh giữa Chu Vương và Trịnh Bá lần này đã kết thúc bằng màn “thăm hỏi” của Tế Túc, còn bức màn mới, cuộc chiến tranh giữa các nước chư hầu lại sắp sửa bắt đầu.

26. Tề Hoàn Công trọng dụng Quản Trọng

Từ câu chuyện bản mũi nỏ vào Thiên Vương có thể hiểu rằng, lúc này Chu Thiên Vương chỉ còn là một cái bóng vật vờ. Thế nhưng, trên danh nghĩa của Thiên Vương vẫn là chí cao vô thượng. Các nước chư hầu lớn mạnh luôn mượn chiêu bài bảo hộ Chu Thiên Tử để mở rộng thế lực của mình, hùng xưng bá. Tại sao gọi là xưng bá? Trong quá trình hỗn chiến thôn tính lẫn nhau, quốc gia mạnh nhất trở thành Bá quốc, vua của Bá quốc chính là Bá chủ. Trong phạm vi thế lực của mình Bá chủ phát hiệu ra lệnh, nói một không thể là hai. Các nước chư hầu bị chinh phục phải dâng lễ tiến cống cho Bá chủ, phải triều kiến theo hạn định. Bá chủ muốn tiến hành hội nghị hoặc muốn cất quân đi đánh trận cũng phải phục tùng. Như vậy là, trên thực tế Bá chủ và Thiên tử cũng chẳng khác biệt nhau bao nhiêu.

Truyền thuyết kể rằng, lúc đầu nhà Chu đã phân phong thành mấy trăm nước chư hầu, đến thời Xuân Thu chỉ còn lại hơn một trăm nước, trong đó các nước tương đối lớn chỉ có mười mấy như Tề, Tấn, Sở, Tần, Lỗ, Vệ, Yên, Tống, Trần, Thái, Trịnh, Tào, Ngô, Việt v.v... Số nước chư hầu này đều muốn làm Bá chủ. Do đó, việc các nước lớn tranh Bá đã trở thành đặc điểm chủ yếu trong thời kỳ Xuân Thu. Mười mấy nước lớn, tranh giành lẫn nhau, kết quả lần lượt xuất hiện năm Bá chủ. Đây chính là Xuân Thu ngũ Bá vẫn thường được nói trong các sách lịch sử. Xuân Thu ngũ Bá là những nước nào? Có sách gọi là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Tần Mục Công, Sở Trang Vương. Có cách gọi khác là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Ngô Vương Hạp Lư, Việt Vương Câu Tiễn. Bởi vì Tề Hoàn Công làm Bá chủ sớm nhất, cho nên chuyện vua Tề xưng Bá sẽ được kể trước.

Nước Tề ở miền Đông Bắc tỉnh Sơn Đông ngày nay. Nói tới nước Tề xưng Bá, đầu tiên cần phải nhắc tới nhà chính trị lớn Quản Trọng, bởi vì Tề Hoàn Công xưng bá chủ yếu dựa vào sự giúp đỡ của ông ta. Muốn kể tới Quản Trọng lại phải kể từ “tình bạn giữa Quản và Bão” trở đi, bởi vì người tiền cử Quản Trọng với Tề Hoàn Công là Bão Thúc Nha. Quản Trọng và Bão Thúc Nha là đôi bạn thân. Ban đầu, Quản Trọng và Bão Thúc Nha hợp sức để cùng buôn bán. Quản Trọng nhà nghèo, vốn liếng không nhiều bằng Bão Thúc Nha, thế nhưng khi chia tiền lãi, Quản Trọng lại chỉ muốn lấy phần hơn. Những người giúp việc cho Bão Thúc Nha đều rất không vui, đã chửi Quản Trọng là tham lam. Thế nhưng, Bão Thúc Nha đã giải thích nói:

- Ông ta tham mấy đồng tiền này làm gì? Gia đình ông ta đang gặp khó khăn, nên ta tự nguyện nhường cho ông ta đó.

Quản Trọng đã từng dẫn binh đi đánh trận, khi tấn công, Quản Trọng nấp ở phía sau, lúc rút lui, Quản Trọng lại chạy lên phía trước, các binh lính dưới quyền đều khinh thường, không muốn theo ông ta đi đánh trận. Bão Thúc Nha lại nói.

- Quản Trọng còn có mẹ già, ông ta bảo hộ mình là để phụng dưỡng mẹ già, chứ không phải là ông ta sợ chết đâu.

Bão Thúc Nha đã biện hộ thay cho Quản Trọng, ra sức che dấu những khuyết điểm của Quản Trọng, hoàn toàn là vì yêu mến và muốn giữ gìn con người Quản Trọng tài ba. Quản Trọng cảm động, thờ dài nói rằng:

- Người sinh ra ta là cha mẹ ta, người hiểu ta là Bão Thúc Nha vậy!

Quản Trọng và Bão Thúc Nha đã kết thành đôi bạn cùng sống chết như thế đó!

Lúc đó, vua nước Tề là Tương Công không có con trai, chỉ có hai anh em khác mẹ. Một người gọi là Công tử Củ, mẹ là người nước Lỗ (vùng Tây Nam tỉnh Sơn Đông ngày nay); một người là Công tử Tiểu Bạch, mẹ là người nước Vệ (vùng phía Bắc tỉnh Hà Nam ngày nay). Một hôm, Quản Trọng nói với Bão Thúc Nha:

- Theo tôi nghĩ, trong tương lai người kế vị lên ngôi vua, không phải là Công tử Củ thì cũng là Công tử Tiểu Bạch. Tôi và ông, mỗi người phò tá một ngườ chứ?

Bão Thúc Nha đồng ý với ý kiến của Quản Trọng. Từ đó, Quản Trọng làm thầy dạy Công tử Củ,

Bão Thúc Nha làm thày, dạy Công tử Tiểu Bạch.

Tề Tương Công vô cùng tàn bạo và u mê luôn luôn tìm chỗ sơ hở để mắng chửi các quan đại thần. Quản Trọng và Bão Thúc Nha biết rằng Tề Tương công không thể có kết cục tốt đẹp được, bèn thừa cơ, người thì đem Công tử Củ trốn sang nước Lô, người thì đưa Công tử Tiểu Bạch trốn tới nước Cử (huyện Cử, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Năm 12 Chu Trang Vương (năm 685 trước Công nguyên), Công Tôn Vô Tri đã giết Tề Tương Công, cướp ngôi vua. Chưa đầy một tháng, Công Tôn Vô Tri lại bị các quan đại thần giết chết. Nước Tề có một số đại thần bí mật cử sứ giả tới nước Cử nghênh đón Công tử Tiểu Bạch trở về nước Tề để lên ngôi vua.

Lỗ Trang Công nghe được tin này, quyết định đích thân dẫn ba trăm xe lính, dùng Tào Mạt là đại tướng, hộ tống Công tử Củ trở về nước Tề. Trước đó Trang Công đã để cho Quản Trọng dẫn một bộ phận binh mã đi chặn đường Công tử Tiểu Bạch.

Quản Trọng dẫn 30 chiếc xe lính, đi suốt đêm ngày, đuổi theo Công tử Tiểu Bạch. Họ đuổi tới Tức Mặc (vùng Đông Nam huyện Bình Độ, tỉnh Sơn Đông ngày nay), nghe nói quan đội nước Cử đã đi qua được nửa ngày rồi, liền tiếp tục rượt theo một mạch tới hơn ba mươi dặm. Từ xa, họ thấy quân đội nước Cử đốt lửa nấu cơm ở bên rừng cây nhỏ, Công tử Tiểu Bạch đang yên vị trong xe. Quản Trọng chạy lên trước nói:

- Thừa Công tử, Công tử đi đâu thế ạ?

Tiểu Bạch nói:

- Về chịu tang!

Quản Trọng lại nói:

- Công tử Củ lớn tuổi hơn Công tử, có Công tử Củ về chịu tang là được rồi, Công tử làm gì phải vội vã tất bật như vậy!

Bão Thúc Nha hiểu rõ dụng tâm của Quản Trọng nên rất không vui, nói với Quản Trọng rằng:

- Quản Trọng, ông hãy trở về ngay đi. Người nào, việc nấy, ông bắt tất phải quản nhiều như vậy.

Quản Trọng đưa mắt sang bên trái bên phải, thấy những người tùy tùng người nào người nấy mắt trợn trừng, chen vai sát cánh, hình như muốn liều mạng với ông; lại thấy người mình ít hơn họ rất nhiều, nghĩ thầm cứ cứng nhắc đụng độ nhất định sẽ nếm đòn thất bại, bèn giả dạng nghe lời, lui trở về chưa đi được mấy bước, bỗng nhiên quay mình lại, giương cung đặt nỏ, nhằm trúng Tiểu Bạch, bắn ngay một phát. Chỉ nghe thấy Tiểu Bạch thét lên một tiếng, miệng phun máu tươi, ngã vật trên xe. Mọi người xung quanh đổ xô tới cứu hộ, có người kêu to: "Hồng rồi!". Tiếp đó là tiếng người khóc âm ỉ.

Quản Trọng nhìn thấy tình hình này, cho rằng Tiểu Bạch nhất định đã bị chết rồi, liền đánh xe chạy thực mạng về báo cáo cho Lỗ Trang Công biết. Lỗ Trang Công nghe nói Tiểu Bạch đã chết, lập tức bày yến tiệc chúc mừng, sau đó dẫn Công tử Củ đường hoàng tiến thẳng về nước Tề.

Thế nhưng mũi nỏ của Quản Trọng chưa hạ thủ được Công tử Tiểu Bạch, chỉ bắn trúng cái móc dải áo của Tiểu Bạch. Tiểu Bạch sợ lại trúng nỏ của Quản Trọng, liền khôn ngoan nghĩ ra kế cần nát đầu lưỡi, giả hôc máu tươi chết. Trong lúc hỗn loạn mọi người đã bị cũng đều bị Tiểu Bạch che mắt. Chờ khi Quản Trọng đã đi xa, Tiểu Bạch mới mở mắt ra, ngồi dậy. Bão Thúc Nha nói:

- Chúng ta phải chạy nhanh lên, chưa biết chừng Quản Trọng sẽ trở lại đó.

Tức thì Công tử Tiểu Bạch thay đổi quần áo, ngồi ở trên xe có che bạt, tắt đường nhỏ chạy tới Đô thành Lâm Thủy của nước Tề. Lúc này Lỗ Trang Công và Công tử Củ vẫn còn đang trên đường!

Các quan đại thần nước Tề vốn dĩ chủ trương lập Công tử Củ lên làm vua, thấy Công tử Tiểu Bạch trở về trước, liền nói với Bão Thúc Nha:

- Nếu ông lập Công tử Tiểu Bạch lên làm vua, Công tử Củ trở về thì biết làm thế nào?

Bão Thúc Nha nói:

- Nước tề liên tục gặp nội loạn, chỉ trừ phi được một người tài ba sáng suốt như Công tử Tiểu Bạch lên làm vua, mới hy vọng yên định được. Hiện nay Công tử Tiểu Bạch đã về sớm hơn Công tử Củ, chẳng phải là ý trời đó sao? Các ngài thử nghĩ mà coi, Lỗ Trang Công hộ tống Công tử Củ trở về, nếu Công tử Củ lên làm vua, khẳng định Lỗ Trang Công sẽ hạch sách đòi của cải. Nước Tề vốn dĩ đã đủ thê thảm rồi, như vậy thì làm sao có thể chịu đựng nổi?

Các quan đại thần nghe Bão Thúc Nha nói có lý, đều đồng ý cho công tử Tiểu Bạch lên ngôi. Tiểu Bạch chính là Tề Hoàn Công nổi tiếng trong lịch sử.

Qua mấy ngày sau, Lỗ Trang Công mới soái lĩnh đại quân tới biên giới nước Tề. Ông nghe nói Công tử Tiểu Bạch chưa chết, mà đã lên làm vua, thì dùng dùng nổi giận, lập tức phát động cuộc tấn công vào nước Tề. Tề Hoàn Công đành phải phát binh ứng chiến. Hai quân đánh nhau một trận hỗn chiến ở Cản Thời (phía Tây thành phố Tru Bắc, tỉnh Sơn Đông ngày nay), quân Lỗ bị thua to, Lỗ Trang Công phải bỏ cả xe mà chạy trốn mới bảo toàn được mạng sống. Ruộng đất vùng Ván Dương nước Lỗ cùng cũng bị nước Tề chiếm mất. Thật là ăn cắp gà không xong lại lỗ vốn mất năm gạo.

Lỗ Trang Công đại bại trở về nước, còn chưa kịp thở, đại quân nước Tề lại đã đánh tới, bắt Lỗ Trang Công phải giết Công tử Củ, giao nộp Quán Trọng. Lỗ Trang Công thấy đại binh áp sát biên giới, không muốn vì một Công tử Củ mà gây hiềm khích mất nước, liền hạ lệnh giết chết Công tử Củ, lại sai người bắt Quán Trọng, chuẩn bị giao cho nước Tề. Mưu sĩ là Thi Bá nói với Lỗ Trang Công:

- Quán Trọng là bậc kỳ tài trong thiên hạ, nếu Tề biết dùng ông ta thì nước sẽ giàu, binh sẽ mạnh, đó là mối uy hiếp cực kỳ nguy hiểm đối với chúng ta. Thần nghĩ chi bằng cứ giữ ông ta ở lại nước Lỗ.

Lúc này, trong lòng Lỗ Trang Công chỉ có quân Tề đang ở ngoài cửa ải đất nước, sao dám to gan lưu giữ Quán Trọng lại để trọng dụng? Thi Bá chưa nói xong, Lỗ Trang Công đã tiếp lời:

- Nếu thế sao được? Chúng ta trọng dụng kẻ thù của Tề Hoàn Công, thì Tề Hoàn Công sao có thể tha thứ cho chúng ta được? Thi Bá nói:

- Nếu Chúa công không tin dùng ông ta thì phải dứt khoát giết đi, để nước Tề khỏi trọng dụng ông ta.

Lỗ Trang Công động tâm, dự định sẽ giết chết Quán Trọng.

Thấp Bằng được Bão Thúc Nha cử tới nước Lỗ để đón tiếp Quán Trọng, nghe nói Lỗ Trang Công sắp sửa giết chết Quán Trọng, hoảng sợ quá, vội vàng chạy tới nói với Lỗ Trang Công:

- Vua nước chúng tôi hận Quán Trọng thấu xương, không tự tay giết chết hẳn thì không giải được hận. Xin các ngài hãy giao hẳn cho tôi!

Lỗ Trang Công đành phải đem đầu lâu Công tử Củ cùng Quán Trọng giao cho Thấp Bằng đem về nước Tề.

Quán Trọng tiến vào biên giới nước Tề, Bão Thúc Nha đã chờ sẵn ở đó rồi. Bão nhắc thấy Quán Trọng thì như vợ được của báu lập tức bắt mọi người phá bỏ xe tù ra đón Quán Trọng cùng trở về Lâm Truy. Bão Thúc Nha sắp xếp cho Quán Trọng sống ở trong gia đình mình, sau đó tiến cử Quán Trọng với Tề Hoàn Công. Tề Hoàn Công nói:

- Chẳng phải là cái tên đã bắn vào móc dãi áo của ta đó sao? Mũi nỏ của hẳn ta vẫn còn giữ đây! Ta hận là chưa lột được da hẳn, ăn thịt hẳn, người lại muốn ta trọng dụng hẳn sao?

Bão Thúc Nha nói:

- Lúc đó ai vì chủ nấy! Khi Quán Trọng bần Chúa công, trong lòng hẳn chỉ có Công tử Củ. Lại nữa, nếu Chúa công thực sự muốn nước giàu, binh mạnh, dựng lên nghiệp Bá, không có nhiều người tài ba sáng suốt giúp sức thì không thành được!

Tề Hoàn Công nói:

- Ta đã nghĩ kỹ từ lâu rồi, trong các bậc đại thần của ta, khanh là người trung thành nhất, tài cán nhất. Ta muốn mời khanh làm Tướng, giúp đỡ ta làm cho nước giàu binh mạnh.

Bão Thúc Nha nói:

- Thần sơ với Quán Trọng còn kém xa; thần chẳng qua chỉ là bề tôi cần trọng, biết giữ phép công, trọng phép tắc mà thôi, Quán Trọng mới là nhân tài cai trị đất nước xây dựng nghiệp Bá! Nếu chúa công trọng dụng ông ta, ông ta sẽ vì chúa công mà bần hạ cả trời, chứ đâu chỉ bần trúng một cái móc dãi áo!

Tề Hoàn Công thấy Bão Thúc Nha tôn sùng tiến cử Quán Trọng như vậy, liền nói:

- Vậy thì ngày mai khanh dẫn hẳn tới gặp ta!

Bão Thúc Nha cười nói:

- Nếu Chúa công muốn được một nhân tài hữu dụng, cần phải cung kính dùng lễ tiếp đãi, sao lại có thể tùy tiện triệu người ta tới được?

Tức thì, Tề Hoàn Công chọn ngày lành tháng tốt, đích thân ra khỏi thành nghênh tiếp Quán Trọng, hơn thế còn mời Quán Trọng ngồi lên xe của mình, cùng bước vào thành.

Quán Trọng vào tới cung đình, vội quỳ xuống tạ tội với Tề Hoàn Công, Tề Hoàn Công đích thân đỡ Quán Trọng đứng dậy, khiêm tốn thỉnh giáo Quán Trọng về những phương pháp làm cho nước giàu binh mạnh, xây dựng lên nghiệp Bá. Quán Trọng giảng giải rất rõ ràng rành mạch. Hai người càng nói càng say sưa, nói thẳng một mạch suốt ba ngày ba đêm, đúng là gặp nhau đã muộn. Tề Hoàn Công tiếp nhận và bổ nhiệm Quán Trọng làm Tướng.

27. Tào Quệ luận chiến

Lỗ Trang Công nghe nói Quán Trọng về tới nước Tề, không những không bị Tề Hoàn Công giết, mà còn được bổ nhiệm làm Tướng, thì vô cùng hối hận, rửa thềm:

- Ta hận là đã không nghe lời Thi Bá, đã thế lại bị tên nhãi nhép Thấp Minh đánh lừa!

Tức thì Lỗ Trang Công bí mật chỉnh đốn quân bị, dự định chinh phạt nước Tề, giải nỗi uất hận ở trong lòng.

Tề Hoàn Công vừa lên ngôi, cũng đang muốn tìm cơ hội để ra tay, xác lập uy tín riêng cá nhân, được tin này, liền nói với Quán Trọng:

- Ta vừa mới chủ sự, không muốn chinh chiến, thế nhưng đã hết cách rồi, nước Lỗ sắp sửa đánh chúng ta. Ta nghĩ nên hạ thủ trước mới mạnh, thừa lúc đối phương chưa chuẩn bị xong còn sơ hở trong phòng thủ, chúng ta tiến đánh, nhất định nước Lỗ sẽ bị thua. Ngươi nghĩ sao?

Quán Trọng im lặng. Tề Hoàn Công đang lúc hứng thú, đâu có chịu nghe. Năm mươi ba Chu Trang Vương (năm 684 trước Công nguyên) Tề Hoàn Công bổ nhiệm Bão Thúc Nha làm đại tướng, dẫn đại quân đánh thẳng tới Trường của nước Lỗ.

Nước Lỗ có một người tên gọi là Tào Quệ nghe nói đại binh quân Tề áp sát biên giới, liền khẳng khái bước ra, quyết tâm cống hiến sức lực vì đất nước. Có người khuyên can, nói việc quốc gia đại sự do các quan mưu hoạch giải quyết, ông chỉ là một người dân, hà tất phải lo lắng làm gì! Tào Quệ nói:

- Bọn quan lớn chỉ biết ăn thịt kia tầm mắt hạn hẹp, có thể có biện pháp gì tốt được? Tôi nhất định phải tới gặp quốc vương, trình bày rõ ý kiến của tôi.

Lỗ Trang Công thấy quân Tề đã đánh đến nơi, đang chuẩn bị xuất binh nghênh chiến, nghe nói có người tới hiến kế, lập tức cho vào. Tào Quệ gặp Lỗ Trang Công, liền hỏi:

- Đại quân nước Tề đã đánh tới, được biết Chúa công đã sẵn sàng nghênh chiến. Chúa công dựa vào đâu để chiến thắng quân Tề ạ?

Lỗ Trang Công trả lời, nói:

- Xưa nay, bao nhiêu của ngon, đồ đẹp, ta vẫn có ý chia đều cho các quan đại thần, không dám hưởng thụ một mình. Mọi người chịu ơn ta, đương nhiên sẽ ủng hộ ta.

Tào Quệ nói:

- Đây chẳng qua chỉ là ơn nhỏ, hơn thế, cũng chỉ có một số ít người gần gũi Chúa công được hưởng, còn đa phần dân chúng thì không. Dân chúng sẽ không thể liều mình vì Chúa công được.

Lỗ Trang Công lại nói:

- Khi cúng tế thần linh, ta luôn luôn thành tâm thành ý, cần cúng phụng thứ gì thì cúng phụng thứ đó, cần cúng phụng bao nhiêu thì cúng phụng bấy nhiêu, từ xưa không dám ăn gian làm dối, thần linh sẽ phù hộ cho ta đánh thắng.

Tào Quệ lắc đầu nói:

- Tin tưởng chân thành đối với thần linh là một việc nhỏ, thần linh không thể vì điều này mà phù hộ Chúa công đánh thắng được.

Tiếp đó Lỗ Trang Công lại nói:

- Dân chúng kiện tụng, tuy ta không thể xét kỹ từng sự việc được, thế nhưng khi xét xử vụ án, ta đã hết sức làm cho công bằng hợp lý.

Tào Quệ vui mừng nói:

- Điều này còn tạm được. Quan tâm tới sự đau khổ của dân chúng, thì có thể được lòng dân chúng. Đó chính là cơ sở để Chúa công giành phần thắng.

Lỗ Trang Công hỏi Tào Quệ:

- Nhà ngươi có biện pháp gì có thể chiến thắng được quân Tề?

Tào Quệ cười nói:

- Đánh trận thì phải tùy cơ ứng biến, không có biện pháp nào cố định cả? Xin Chúa công cho tôi ngồi lên xe, ra chiến trường, gặp cơ hội sẽ hành sự.

Lỗ Trang Công nghe Tào Quệ nói rõ ràng rành mạch, dự đoán rằng nhất định ông ta sẽ có biện pháp, liền dẫn ông ta ngồi lên xe lính, lao thẳng tới Trường Chước.

Trên chiến trường Trường Chước, hai quân Tề Lỗ đã bày xong thế trận. Bão Thúc Nha của nước Tề đã từng chỉ huy quân đánh bại quân Lỗ ở Càn Thới, cho nên lần này tỏ ra rất coi thường quân Lỗ, nôn nóng giành chiến thắng, liền hạ lệnh thúc trống tiến công. Thấy quan Tề đã tới trước doanh trại của mình, binh sĩ quân Lỗ hết sức nín nhịn, quyết một trận sống chết với quân Tề. Tào Quệ tay dơ bảo kiếm, chỉ lên phía Bắc nói:

- Đánh bại quân Tề là ở trận này.

Sau đó lập tức mời Lỗ Trang Công hạ lệnh thúc trống xung phong.

Lại nói tới quân Tề hai lần liên tục xông lên, nhìn thấy quân Lỗ không đánh trả, đều cho rằng lần xung phong thứ ba này vẫn giống như hai lần trước, nên tên nào tên nấy đều cầm mâu giáo, vác kiếm thương, uể oải chạy tới, với thái độ xem thường đối phương. Chẳng ngờ lúc này từ trong doanh trại quân Lỗ có những tiếng trống lớn nổi lên dồn dập. Binh lính Lỗ như những con mãnh hổ lao xuống núi, đao chém, nỏ bắn, đánh cho quân Tề tơi tả, ôm đầu chạy trốn. Lỗ Trang Công hạ lệnh truy kích, Tào Quệ ngăn lại nói:

- Xin đừng vội, để cho tôi nhìn thử xem đã.

Từ trên xe ông nhảy xuống nhìn kỹ mặt đất, rồi lại trèo lên xe nhìn về phía trước, lát sau mới nói:

- Có thể đuổi đánh được rồi!

Lỗ Trang Công chỉ huy quân đuổi theo tới hơn 30 dặm, thu được rất nhiều xe ngựa và binh khí của quân Tề, rồi trở về.

Quân Lỗ đã toàn thắng. Thế nhưng Lỗ Trang Công vẫn không hiểu rõ, liền hỏi Tào Quệ.

- Hai lần đầu, quân Tề thúc trống, nhà ngươi không để cho quân ra nghênh chiến, chúng thúc trống lần thứ ba, ngươi mới cho quân đánh trả. Đó là vì sao?

Tào Quệ trả lời nói:

- Khi lâm trận, điều quan trọng nhất là sĩ khí. Sĩ khí vượng thì sẽ thắng lợi; sĩ khí suy thì sẽ thất bại. Thúc trống là để cổ vũ sĩ khí. Thúc trống lần thứ nhất, sĩ khí vượng nhất. Thúc trống lần thứ hai, sĩ khí bắt đầu giảm sút. Tới khi thúc trống thứ ba, thì đã chẳng còn bao nhiêu sĩ khí nữa. Thần không vội thúc trống, chính là vì để binh sĩ giữ được sĩ khí vượng, chờ cho chúng thúc trống lần thứ ba, lúc sĩ khí quân Tề hạ thấp nhất, chúng ta thúc trống lần đầu sĩ khí hăng hái tiến công, quân địch lại có thể không thất bại sao?

Lỗ Trang Công lại hỏi

- Quân Tề đại bại phải tháo chạy, sao ngươi không cho người ngựa đuổi theo ngay?

Tào Quệ nói:

- Tề là một nước lớn thực lực hùng hậu, đánh trận lại có nhiều quỷ kế, thần lo rằng trong sự rút chạy của chúng có sự giả dối, bố trí quân mai phục, cho nên không dám thúc quân đuổi

đánh ngay. Đợi tới khi thần nhìn thấy vết xe hỗn loạn của chúng, cờ xí của chúng ngã nghiêng, đoán chắc chúng đã hết hoảng rút chạy, lúc đó mới mời Chúa công hạ lệnh đuổi đánh.

Lỗ Trang Công nghe những lời nghị luận của Tào Quệ, thì vô cùng bái phục, ca ngợi nói:

- Người quả là một tướng quân tính thông chinh chiến!

Đây chính là trận đánh ở Trường Chước nổi tiếng trong lịch sử. Lý luận về chiến tranh của Tào Quệ rất cao minh sáng suốt. Theo ông, muốn chiến thắng quân địch thì cần phải “giữ chữ tín với dân”. Trước khi tiến hành chiến tranh, ông đã có sự phân tích chu đáo, có sự chuẩn bị đầy đủ; khi chiến đấu nắm được thời cơ, “tiếng trống đầu hăng hái”. Khi quân địch thất bại phải tháo lui, ông lại càng tỏ ra thận trọng, không hề có chút buông lỏng, rốt cuộc đã đánh bại được một kẻ thù lớn mạnh, giành thắng lợi cuối cùng của cuộc chiến tranh.

Sau cuộc chiến ở Trường Chước, Tề Hoàn Công hối hận lúc đầu không nghe theo lời của Quản Trọng, lúc này mới thực sự nhận thức được Quản Trọng quả là có tầm nhìn xa. Tề Hoàn Công giao đất nước cho Quản Trọng, yên tâm để cho ông cai quản. Có người tới tìm Tề Hoàn Công thương lượng việc quốc gia đại sự, Tề Hoàn Công bèn nói:

- Tại sao lại không tìm Quản Trọng?

Quản Trọng thấy Tề Hoàn Công đã tín nhiệm mình như vậy lại càng tận hết sức lực. Ông đã thực hành một hệ thống cải cách, phân chia nước Tề thành Công Thương hương và Thổ hương. Công Thương hương chuyên theo đuổi nghề công thương, miễn trừ binh dịch. Thổ hương cũng chính là nông thôn, thời bình nông dân cày ruộng, thời chiến làm lính. Cứ năm hương biên chế thành một quân, toàn quốc tổng cộng có ba quân. Số người này thời bình cũng lăm lăm, quen biết lẫn nhau, khi ra trận có thể giúp đỡ lẫn nhau, biết kết hợp chặt chẽ, khiến cho quân đội nước Tề trở thành một quân đội vô cùng lớn mạnh, Quản Trọng chủ trương dựa vào sự tốt xấu của đất đai để xác định sự nặng nhẹ của thuế khóa. Ông còn biết lợi dụng điều kiện tự nhiên nước Tề có sông có núi, tạo ra tên quan để quản lý việc nấu muối, đặt ra Thiết quan để quản lý việc chế tạo nông cụ, binh khí, còn đúc ra đồng tiền dùng để điều tiết vật giá, làm cho thị trường hoạt động sôi nổi. Chỉ trong vòng mấy năm dưới sự cai trị của ông, Tề đã trở thành một nước giàu, binh mạnh.

28. Bá chủ đầu tiên

Tề Hoàn Công dựa vào Quản Trọng, cai trị nước Tề trở thành nước giàu, binh mạnh, bước tiếp theo Hoàn Công muốn xưng bá chư hầu. Vào năm thứ 5 sau khi ông lên ngôi làm vua (Chu Ly vương nguyên niên, năm 681 trước Công Nguyên), một hôm Tề Hoàn Công với Quản Trọng:

- Hiện tại chúng ta có binh mạnh ngựa khỏe, đã đến lúc hội nhập các nước chư hầu được chưa?

Quản Trọng nói:

- Nay nước Sở ở phương Nam, nước Tần và nước Tấn ở phương Tây đều mạnh hơn chúng ta, thế nhưng họ chưa thể làm thủ lĩnh các nước chư hầu được. Vì sao vậy? Bởi vì họ không đủ sự tôn sinh đối với vương thất nhà Chu, không biết dùng danh nghĩa của Thiên Vương để hiệu triệu các nước chư hầu đình chỉ hỗn chiến. Nếu Chúa công biết dùng ngọn cờ "Tôn Vương nhượng Di" (1) để kêu gọi các nước chư hầu, thì uy danh của Chúa công sẽ ngày càng cao. Điều "Tôn Vương nhượng Di" mà Quản Trọng nói chính là tôn trọng vương thất triều Chu, thừa nhận địa vị lãnh tụ chung của Thiên tử nhà Chu, liên hiệp với các nước chư hầu, cùng phòng ngự chống các bộ tộc Nhung, Man... xâm nhập Trung Nguyên. Tề Hoàn Công nghe Quản Trọng nói có lý, bèn hỏi:

- Thế thì phải làm như thế nào?

Quản Trọng trả lời, nói:

- Nước Tống vừa qua nội loạn, cho đến nay vua mới vẫn chưa được các nước thừa nhận. Chúng ta chẳng ngại gì mà không lợi dụng cơ hội Chu Ly Vương vừa mới lên ngôi, một là tới chúc mừng, hai là xin Thiên Vương hạ lệnh để cho các nước chư hầu thừa nhận ngôi vua của nước Tống. Chỉ cần Thiên Vương đồng ý thì chúng ta có thể ra mặt trận triệu tập các nước chư hầu được.

Tề Hoàn Công lập tức cử sứ thần vào triều kiến Chu Ly Vương.

Như trên đã nói, đến thời đại Xuân Thu, rất nhiều nước Chư hầu đều coi thường Vương thất nhà Chu. Lần này, Chu Ly Vương trong lòng vui mừng không sao kể xiết, liền đem công việc tốt lành triệu tập các nước Chư hầu thừa nhận ngôi vua của nước Tống này, giao cho Tề Hoàn Công. Tề Hoàn Công nhận được mệnh lệnh của Thiên Vương, liền gửi thông tư đi khắp nơi: Đúng ngày mồng 1 tháng 3 đại hội các nước chư hầu ở Bắc Hạnh nước Tề (phía Bắc huyện Đông Á, tỉnh Sơn Đông ngày nay) để cũng xác định ngôi vua của nước Tống.

Tại sao ngôi vua của nước Tống cần phải xác định lại từ đầu? Bởi lẽ, vị vua vốn có của nước Tống là Tống Mẫn Công đã bị đại tướng dưới trướng là Nam Cung Trường Vạn giết chết và lập người em họ của Tống Mẫn Công là công tử Du lên làm vua. Em trai của Tống Mẫn Công là công tử Ngự Duyệt chạy trốn ra nước ngoài. Về sau này công tử Ngự Duyệt đã liên hiệp với các tộc lớn của nước Tống, giết chết Công tử Du, đuổi Nam Cung Trường Vạn, rồi lên làm vua, đây chính là Tống Hoàn Công.

Quản Trọng liền mượn cơ hội Tống Hoàn Công vừa lên ngôi, đòi hỏi các nước chư hầu xác nhận, để cho Tống Hoàn Công cầm cờ hiệu của Thiên Vương, hội họp các nước chư hầu lên làm bá chủ.

Ngày hội họp sắp tới gần, Tống Hoàn Công đến trước, cảm ơn Tề Hoàn Công người đã tổ chức cuộc hội họp này. Hôm sau, các chư hầu như nước Trần, nước Châu, nước Thái cũng lần lượt tới, thế nhưng các nước chư hầu khác vẫn chưa có mặt. Tề Hoàn Công nói với Quản Trọng:

- Các nước chư hầu chưa đến đủ, ta chuyển sang ngày khác, nên chăng?

Quản Trọng nói:

- Lần đầu tiên ta hội họp các nước chư hầu, không thể để thất tín được. "Tam nhân thành

chúng” (ba người thành số đông). Bây giờ đã có bốn nước, có thể họp được rồi!

Ngày mùng 1 tháng 3, đại hội vẫn tiến hành đúng kỳ đã định. Cuộc gặp gỡ của 5 nước chư hầu đã kết thúc, Tề Hoàn Công nói:

- Ta phụng mệnh Thiên Vương mời các vị hội họp cùng thương lượng việc phò trợ Vương thất. Trong đại hội ngày hôm nay, trước hết phải chọn một người làm minh chủ. Xin mọi người nêu ý kiến.

Lúc đó, mấy vị chư hầu chụm đầu, ghé tai bàn bạc. Tuyển chọn Tề Hoàn Công chăng? Nước Tống là Công tước, có tước vị cao nhất, thế nhưng nếu tuyển chọn Tống Hoàn Công thì sao? Ngôi vua của Vua Tống còn phải dựa vào các nước để xác định sao có thể làm minh chủ được? Đang lúc khó khăn như vậy, Trần Tuyên Công đứng dậy nói:

- Thiên Vương đã giao sứ mệnh hội họp các nước chư hầu cho Tề hầu, lẽ dĩ nhiên là nên bầu Tề Hầu là minh chủ.

Các vị chư hầu đều tán đồng. Tề Hoàn Công khiêm tốn từ chối, rồi thỉnh đặc ngồi lên vị trí của minh chủ. Tề Hoàn Công dẫn đầu mọi người vái lạy ngôi Thiên Vương dựng lên tượng trưng ở trên đài, sau đó lại vái lạy lẫn nhau, cuối cùng thì tuyên đọc minh ước. Bản minh ước quy định: Tôn trọng vương thất, phò trợ các quốc gia nhược tiểu, chống lại sự xâm nhập của Di Địch. Minh ước còn viết rõ, nếu quốc gia nào vi phạm minh ước, thì sẽ bị các quốc gia khác liên hiệp lại trừng phạt. Đối với nội dung của minh ước, các nước chư hầu đều đồng ý. Tiếp đó Quản Trọng bước lên đài, nói với:

- Bốn nước Lỗ, Vệ, Trịnh, Tào không nghe mệnh lệnh của Thiên vương, không tới tham gia đại hội, đây là sự bất trung đối với Thiên Vương, nên cất quân tới hỏi tội.

Tiếp đó Tề Hoàn Công nói:

- Những nước nghèo không đủ lực lượng, mong các vị giúp đỡ nhiều cho!

Ba nước Trần, Thái, Châu đều đồng thanh nói:

- Nhất định sẽ làm như vậy!

Chỉ có Tống Hoàn Công là yên lặng.

Buổi tối hôm đó, Tống Hoàn Công về tới chỗ ở, nói với quan đại phu là Đới Thúc Bì:

- Tề Hầu ỷ vào sự lớn mạnh của mình, chẳng coi ta ra gì, vừa mới lên chức minh chủ đã đòi chỉ huy ta ngay. Điều đó đâu có được!

Đới Thu Bì nói:

- Nếu nước Tề xưng bá, thì nước Tống sẽ xúi quẩy đó. Lần này chúng ta tới đây chẳng qua chỉ là để xác định ngôi vua của Chúa công. Bây giờ mục đích đã đạt được rồi, còn chờ đợi gì nữa? Chúng ta đi về thôi!

Tống Hoàn Công nghe xong, vội vã thu xếp hành trang, bỏ về ngay đêm đó.

Ngày hôm sau, Tề Hoàn Công nghe nói Tống Hoàn Công không từ mà biệt, giận lắm, muốn sai quân đuổi theo. Quản Trọng nói:

- Mời người ta đến cốt để hội họp liên minh, người ta về rồi, chúng ta sai quân đuổi theo, thì trái đạo lý quá. Lại nói nước Tống ở xa, nước Lỗ ở gần, chi bằng trước hết chúng ta đi trừng phạt nước Lỗ.

Tề Hoàn Công nói:

- Cách đánh như thế nào?

Quản Trọng nói:

- Nếu chúng ta tiến đánh các quốc gia phụ thuộc nước Lỗ trước, nước Lỗ nhất định sẽ sợ hãi, ắt sẽ cử người tới trách hỏi nước Lỗ. Đại binh áp sát biên giới, nước Lỗ dám không tới bồi lễ xin lỗi chăng?

Tức thì, Tề Hoàn Công đích thân đón đại quân đánh vào nước Toại. Quan đại thần Thi Bá và Tào Quệ đều chủ trương hoà hảo. Chính trong lúc này, Tề Hoàn Công sai người đưa thư đến trách móc Lỗ Trang Công không tới hội liên minh ở Bắc Hạnh. Lỗ Trang Công viết thư trả lời ngay nói:

- Lúc đại hội liên minh đang họp, tôi bị ốm, không tham dự được, quả thật là có lỗi. Nếu ngài rút hết quân đội về trong biên giới nước Tề, tôi sẽ tới hội liên minh.

Tề Hoàn Công nhận được thư trả lời, rất vui vẻ, lập tức rút quân.

Lỗ Trang Công đem theo Tào Quệ tới nước Tề hội liên minh. Đất kha của nước Tề, ở các phía trước, sau, trái, phải của hội trường đều bố trí dày đặc binh lính, không khí vô cùng căng thẳng. Lỗ Trang Công hoảng sợ đến thần người ra, khi bước lên bậc thềm, hai chân cứ run lấy bầy. Tào Quệ tay xách kiếm sắc đi sau Lỗ Trang Công. Hai vua Tề, Lỗ vừa gặp mặt, một quan đại thần bưng một chậu máu bò tới, mời hai vị vua cùng uống ăn thề. Theo quy định thời đó, những người tới gặp lập minh ước cần phải bôi máu bò lên môi để chứng tỏ thành ý. Hai vị vua vừa mới dơ tay nhúng vào máu, Tào Quệ đã bước lên trước một bước túm chặt lấy ống tay áo của Tề Hoàn Công, nâng cao kiếm báu. Lúc này Quản Trọng lao tới dùng thân thể của mình che chở Tề Hoàn Công, nghiêm giọng hỏi:

- Nhà ngươi muốn làm gì?

Tào Quệ nói:

- Nước Lỗ tiến hành chiến tranh đã nhiều năm, nguy cơ mất nước đã rõ ràng. Các ông chẳng đã nói phải “phù trợ các quốc gia nhỏ yếu đó sao”? Tại sao các ông không nghĩ thay cho nước Lỗ?

Quản Trọng hỏi:

- Nhà ngươi có yêu cầu gì?

Tào Quệ trả lời:

- Nước Tề ỷ vào sự lớn mạnh của mình, ức hiếp nước Lỗ nhỏ yếu, cướp đất Vấn Dương của chúng tôi, bây giờ chỉ xin các ông trả lời cho chúng tôi, nếu không đừng hòng chúng tôi lập minh ước với các ông.

Quản Trọng quay đầu lại nói với Tề Hoàn Công:

- Thừa Chúa công, xin Chúa công bằng lòng cho!

Tề Hoàn Công nhìn chăm chăm vào lưỡi kiếm của Tào Quệ, luống cuống nói:

- Ta bằng lòng! Ta bằng lòng!

Lúc này, Tào Quệ mới chịu thu kiếm lại, tiếp nhận chậu máu, mời hai vị vua cùng uống máu ăn thề.

Nghi thức đã xong, Tào Quệ lại nói với Quản Trọng:

- Ngài là tướng của nước Tề, tôi muốn cùng ngài uống máu ăn thề, xin ngài thực hiện lời hứa của vua nước ngài.

Quản Trọng nói:

- Cần gì phải thế? Ta thề với người đó.

Nói xong liền chỉ lên trời nói với Tào Quệ:

- Có trời xanh chứng giám, ta nhất định sẽ hoàn trả đất đai ở Vấn Dương.

Lúc này, Tào Quệ mới chấp tay vái Tề Hoàn Công hai vái, biểu thị lòng cảm tạ.

Sau khi kết thúc hội liên minh, các quan đại thần của nước Tề tỏ ra bức tức, đều yêu cầu Tề Hoàn Công giết chết Lỗ Trang Công, có như vậy mới giải được nỗi uẩn giận. Tề Hoàn Công không đồng ý. Ông nghĩ thầm: đất đai so với niềm tin, thứ nào quan trọng hơn? Có được niềm tin rồi, mới có thể xưng bá, xưng được bá rồi thì thứ gì mà không có? Hà tất phải căng thẳng vì một mảnh đất nhỏ bé? Cho nên, ông đã nói với các quan đại thần:

- Ta đã bằng lòng rồi. Nói lời phải giữ lời!

Các quan đại thần đành phải thôi. Ngay hôm sau, Tề Hoàn Công bày tiệc tiễn Lỗ Trang Công. Sau đó đem toàn bộ đất đai ở Vấn Dương hoàn trả đủ cho nước Lỗ. Lỗ Trang Công đem theo tiền bạc sung sướng trở về nước.

Các nước chư hầu biết sự việc này đều bái phục Tề Hoàn Công đã coi trọng chữ tín và đều muốn đi theo nước Tề. Hai nước Vệ và Tào cũng cử người tới tạ lễ xin lỗi và thỉnh cầu được gia nhập liên minh. Tề Hoàn Công liền mời họ cùng đi diệt nước Tống.

Năm thứ 2 Chu Ly Vương (năm 680 trước Công nguyên), Tề Hoàn Công sai sứ thần tới chỗ Thiên vương dâng cáo trạng nói rằng Tống Hoàn Công coi thường Thiên Vương, không chịu nghe theo hiệu lệnh, xin Thiên Vương cho xuất binh đi tiêu diệt nước Tống. Chu Thiên Vương chấp thuận. Tức thì Tề Hoàn Công dẫn quân Tề, Tấn và Tào rầm rộ kéo tới biên giới của nước Tống. Quan đại phu là Ninh Thích nói với Tề Hoàn Công:

- Chúa công phụng mệnh của Thiên Vương hội họp chư hầu, cách tốt nhất là dụng lễ trước, dùng binh sau, xin Chúa công hãy cho thần tới khuyên Tống Hoàn Công giảng hoà có được không?

- Tề Hoàn Công một lòng muốn các nước chư hầu thật sự tâm phục mình, bèn truyền lệnh cho quân đội đình chỉ hành động để Ninh Thích đi gặp Tống Hoàn Công.

- Ninh Thích gặp Tống Hoàn Công vái chào một lễ rất cung kính, Tống Hoàn Công không để ý, coi như không biết. Ninh Thích thấy tình cảnh như vậy, ngẩng đầu thở dài một hơi, nói:

- Nước Tống thật sự nguy hiểm rồi!

Tống Hoàn Công nói:

- Người nói như vậy là có ý gì?

Ninh Thích hỏi vặn lại Tống Hoàn Công:

- Theo ông, thì ông và Chu Công ai tài ba sáng suốt?

Tống Hoàn Công trả lời, nói:

- Chu Công là thánh nhân, ta làm sao so sánh với thánh nhân?

Ninh Thích nói:

- Khi Chu Công ở vào thời điểm cường thịnh nhất triều Chu, nghe nói có người tới xin gặp, dù đang nhai cơm, ngài cũng nhổ ngay miếng cơm ra để đón khách. Như vậy đấy mà ngài vẫn còn sợ thất lễ, còn ông, ông đã làm thế nào? Nước Tống suy yếu như vậy, trong nước liên tiếp xảy ra chuyện giết vua. Ngôi vua của ông đâu có chắc chắn gì, cho dù ông được như Chu Vương biết gồng mình dãi kẻ sĩ, sợ rằng những người có bản lĩnh cũng chẳng chịu tới chỗ ông, vậy mà ông còn ngạo mạn? Cảnh ngộ nước Tống lại không nguy hiểm sao?

Tống Hoàn Công nghe xong, vội vã nói:

- Ta không có kinh nghiệm cai trị đất nước, mong tiên sinh đừng để ý.

Ninh Thích nói

- Nay nhà vua đã suy yếu, các chư hầu cũng không quản được nhau, những việc giết vua, cướp quyền vẫn thường xuyên xảy ra. Tề hầu không nở tâm nhìn thiên hạ hỗn loạn mới phụng vương mệnh hội họp các nước chư hầu ở Bắc Hạnh, khó khăn lắm mới xác định được ngôi vua cho ông, định lập ra minh ước. Không ngờ chữ chưa ráo mực ông đã bí mật bỏ chạy, trong con mắt của ông còn có Thiên Vương nữa không? Bây giờ Thiên Vương đại nộ cử Tề hầu đem quân tới hỏi tội. Trước hết, ông đã không phục tùng mệnh lệnh của Thiên Vương, bây giờ lại chống lại quân đội của Thiên Vương, khiến dân chúng phẫn nộ, khởi phải đánh, sự thắng bại chẳng phải đã phân rõ rồi sao?

Tống Hoàn Công vội hỏi:

- Tiên sinh, ngài có cao kiến gì không?

Ninh Thích nói:

- Theo tôi, chi bằng đem theo một chút lễ vật hội thề với nước Tề, như vậy thì Thiên Vương và Minh chủ đều vui vẻ, chiến trận sẽ không xảy ra nữa, nước Tống cũng được an toàn.

Tống Hoàn Công lại nói:

- Trước mắt, binh mã của nước Tề đã tới, liệu họ có đồng ý giảng hoà không?

Ninh Thích an ủi ông:

- Tề hầu luôn luôn khoan hồng đại lượng, không để bụng thù hận, ông biết đấy, nước Lỗ không tới đại hội, về sau đã nhận được sai sót, nước Tề không những đã định minh ước với nước Lỗ, mà cả đất đai đã bị mất từ trước cũng đều được hoàn trả lại, huống hồ là ông!

Tống Hoàn Công vội vàng sai sứ thần đem theo lễ vật cùng Ninh Thích tới chỗ Tề Hoàn Công để nhận sai.

Tề Hoàn Công rất vui mừng đem lễ vật mà nước Tống đưa tới cho sứ giả của Thiên Vương, đồng ý với yêu cầu được gia nhập liên minh lại từ đầu với nước Tống.

Năm thứ ba Chu Ly Vương (năm 679 trước Công nguyên) Tề Hoàn Công lại hẹn họp với các nước không tới dự hội liên minh ở Bắc Hạnh như nước Vệ, nước Trịnh, nước Trần và nước Tống nửa chừng tháo chạy để kết hội liên minh ở đất Quyên (phía Tây Nam huyện Phạm, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Như vậy là đại đa số các nước chư hầu đều thừa nhận sự xưng bá của nước Tề. Tề Hoàn Công liền trở thành bá chủ thứ nhất trong thời kỳ Xuân Thu.

Từ đây về sau các nước chư hầu lớn liên tiếp tranh bá, chiến tranh càng ngày càng khốc liệt. Nguyên nhân vì sao? Chủ yếu là vì nền kinh tế xã hội lúc đó tăng trưởng khá nhanh trong khi sự phát triển của từng nước lại không đồng đều. Các quốc gia và dân tộc lớn mạnh không thoả mãn với việc ngồi ngang hàng với các quốc gia và dân tộc nhược tiểu, yêu cầu chiếm hữu địa bàn lớn hơn, để có nhiều sức lao động hơn, nắm vững quyền lực lớn hơn, do đó mà thường xuyên nảy sinh xung đột, cục diện tranh bá giữa các nước lớn xuất hiện. Cổ kim đều nói “Thời Xuân Thu không có chiến tranh chính nghĩa”. Lúc đó tầng lớp thống trị của các nước vì lợi ích của riêng mình đã không ngừng đánh nhau, để lại hậu quả cực kỳ to lớn cho dân chúng. Thế nhưng về khách quan mà nói, cuộc tranh bá cũng đã góp một phần quan trọng đẩy mạnh sự tiến bộ của xã hội. Trong quá trình chiến tranh nhân dân các dân tộc qua lại nhiều với nhau, chịu ảnh hưởng lẫn nhau, càng tăng nhanh tốc độ đồng hoá và dung hợp giữa nhân dân các dân tộc, thúc đẩy tốc độ tiến lên phía trước và phát triển của toàn bộ dân tộc Trung Hoa. Mấy trăm các nước nhỏ dần dần quy tụ thành mấy chục, thậm chí vài nước lớn, đặt cơ sở cho việc xây dựng đế quốc phong kiến nhiều dân tộc thống nhất.

29. Ngựa quen đường cũ

Các nước ở Trung Nguyên dần dần thừa nhận địa vị minh chủ của nước Tề, thế nhưng các dân tộc thiểu số ở trên biên cương thì lại chẳng coi trọng. Họ bất chấp là minh chủ hay không minh chủ, hễ có cơ hội là họ tới quấy nhiễu. Tề Hoàn Công nghe nói nước Sở ở phương Nam trọng dụng người hiền tài, phần đầu trở thành mạnh, sợ rằng nước Sở lớn mạnh lên sẽ lên Bắc tranh hùng liền cùng nghĩ cách đối phó với Quản Trọng. Giữa lúc đang bàn bạc, có người tới báo rằng Sơn Nhung đã xâm phạm nước Yên, nước Yên sai người tới cầu cứu. Tề Hoàn Công do dự không muốn xuất binh. Quản Trọng nói:

- Sơn Nhung là mối lo ngại của khu vực Trung Nguyên, không chinh phục không được. Lại nói, chúng ta muốn chinh phục nước Sở thì việc trước là phải đánh lui Sơn Nhung, trừ bỏ mối lo ngại về sau.

Tề Hoàn Công đã nghe lời của Quản Trọng, đích thân dẫn quân đội tới cứu viện nước Yên.

Sơn Nhung là một dân tộc thiểu số ở phương Bắc Trung Quốc lúc đó, kinh tế và văn hoá tương đối lạc hậu. Chúng thường xuyên tới khu vực Trung Nguyên quấy nhiễu, cướp bóc lương thực, súc vật và của cải, phá hoại sản xuất. Việc các nước Trung Nguyên chống lại sự xâm phạm của Sơn Nhung và các dân tộc thiểu số khác, đã có tác dụng tích cực.

Năm 14 Chu Huệ Vương (năm 664 trước Công nguyên) đại quân nước Tề kéo tới nước Yên. Sơn Nhung đã sớm đem nhân khẩu và của cải cướp bóc được tháo chạy. Quản Trọng nói:

- Sơn Nhung tuy chạy rồi, nhưng vẫn có ý chờ chúng ta đi khỏi sẽ quay lại cướp bóc. Chi bằng chúng ta thừa cơ xuất binh đánh cho bọn Sơn Nhung kiệt quệ để ổn định phương Bắc.

Tức thì, Tề Hoàn Công quyết định tiếp tục tiến lên truy đánh bọn Sơn Nhung.

Vua nước Yên là Yên Trang Công nói với Tề Hoàn Công:

- Cách đây tám chục dặm có một nước tên gọi là Vô Chung (huyện Ngọc Điền, tỉnh Hà Bắc ngày nay), có nổi tình giao hảo với chúng tôi. Họ lại có thù với Sơn Nhung, có thể mời họ dẫn đường cho chúng ta.

Tề Hoàn Công lập tức sai người đem lễ vật mời vua nước Vô Chung giúp đỡ. Nước Vô Chung đã cử một đội quân tới trợ chiến.

Thủ lĩnh của Sơn Nhung là Mật Lự nghe nói nước Tề, nước Yên, nước Vô Chung liên hiệp lại tiến đánh, liền tháo chạy lên mạn Bắc. Binh lính và dân chúng Sơn Nhung không chạy kịp đều đã đầu hàng. Để thu phục Sơn Nhung, Tề Hoàn Công đã truyền lệnh không cho phép giết hại hàng binh và dân chúng Sơn Nhung. Dân chúng Sơn Nhung được đối xử khoan hồng vô cùng cảm kích Tề Hoàn Công. Tề Hoàn Công hỏi họ:

- Thủ lĩnh của các người hiện đang trốn ở đâu?

Họ nói:

- Nhất định là hẩn chạy trốn tới nước Cô Trúc để cầu viện binh rồi.

Tề Hoàn Công quyết định truy đuổi, trừng phạt nước Cô Trúc.

Lại nói tới Mật Lự chạy trốn tới nước Cô Trúc cầu xin viện trợ. Vua nước Cô Trúc là Đáp Lý Kha sai đại tướng Hoàng Hoa dẫn binh cùng Mật Lự kéo ra nghênh chiến. Hoàng Hoa vừa xuất chiến đã bị quân Tề đánh cho đại bại phải tháo chạy. Hoàng Hoa chạy về thành Đô Vệ là thủ phủ Cô Trúc nói với Đáp Lý Kha:

- Nay Tề hầu tới đây chẳng qua là để trừng phạt Sơn Nhung, can hệ gì tới chúng ta? Thần nghĩ chi bằng giết chết Mật Lự đã, rồi giảng hoà với Tề hầu.

Đáp Lý Kha đang do dự chưa quyết, một vị đại thần hiền kế nói:

- ở phía bắc nước ta có một địa phương tên gọi là “Hạn Hải”, lại có tên gọi là “Mê Cốc”; đó là một vùng sa mạc rộng vô biên, đường đi rất khó nhận. Nếu có thể dẫn được nước Tề đi vào trong đó chúng ta không cần phải tốn một tên lính cũng có thể khiến chúng chết khốn!

Đáp Lý Kha nói:

- Điều này dễ thôi, Chúa công cứ dẫn dân chúng tạm thời nấp vào trong núi, sau đó sai người tới báo cáo với Tề Hầu, nói rằng Chúa công đã trốn rồi, Tề Hầu thấy thành trống rỗng, nhất định tin cho là thật, tất nhiên sẽ đuổi theo. Như vậy chẳng phải ta có thể dẫn được chúng vào vùng Mê Cốc đó sao?

Hoàng Hoa nghe đại thần nói toàn là điều phải, liền chủ động yêu cầu xin đi trá hàng.

Hoàng Hoa vừa đi vừa nghĩ, nếu lấy Mật Lư đem dâng Tề hầu nhất định Tề Hầu sẽ tin tưởng ở ta. Tức thì Hoàng Hoa tới núi Yên Ngựa tìm Mật Lư. Hoàng Hoa đã giết chết Mật Lư, chặt đầu lâu của Mật Lư rồi lao thẳng tới chỗ quân Tề...

Tề Hoàn Công đang bàn cách làm thế nào để chiếm được nước Cô Trúc, Hoàng Hoa đã xách một thủ cấp tới đầu hàng, Hoàng Hoa quỳ xuống đất, hai tay nâng đầu lâu người lên nói:

- Tôi đã khuyên quốc vương nước chúng tôi đầu hàng, ông ta không nghe, nay đã chạy trốn lên phía Bắc sa mạc để xin binh cứu viện. Tôi đã giết chết Mật Lư đem đầu lâu của hắn dâng lên đại vương. Tôi xin tình nguyện làm một tên lính nhỏ của ngài, dốc hết sức lực vì ngài.

Tề Hoàn Công gọi những tên hàng binh Sơn Nhung tới nhận mặt, thì quả là đầu lâu của Mật Lư, liền cho rằng đúng là Hoàng Hoa đã tới đầu hàng, bèn để cho Hoàng Hoa làm người dẫn đường đưa đại quân tiến công vào thành Đô Vệ. Ngày hôm sau, khi quân Tề vào thành Đô Vệ thì gặp một toà thành trống rỗng. Tề Hoàn Công càng thêm tin tưởng Hoàng Hoa. Ông sợ Đáp Lý Kha đã chạy xa rồi cho nên chia lưu lại một chi đội quân Yên giữa thành, bản thân dẫn đại đội người ngựa đuổi theo ngay đêm đó.

Hoàng Hoa tiên phong dẫn đường, đại đội ngựa theo sau rầm rộ đuổi theo. Trước mắt là sa mạc rộng lớn mênh mông. Tề Hoàn Công truyền lệnh tăng tốc độ tiến lên. Đi được một hồi lâu, rồi chuyển đổi mấy chỗ rẽ ngoặt nữa thì không thấy đường nữa. Lúc này mặt trời đã dần dần khuất núi. Bãi cát vàng giống như đại dương mênh mông không phân rõ được Nam, Bắc, Đông, Tây. Tề Hoàn Công hét gọi Hoàng Hoa dẫn đường, nào đâu tìm thấy bóng hẵn nữa? Mới hay là đã trúng quỷ kế của Hoàng Hoa. Quản Trọng nói với Tề Hoàn Công:

- Thần đã sớm nghe nói ở phương Bắc có Mê Cốc là một vùng đất rất nguy hiểm.

Lúc này, màn đêm đã bao trùm mặt đất, bốn phía chìm trong màu đen, đội quân đi đầu và đội quân đi cuối đã mất liên lạc. Gió Tây Bắc thổi rất mạnh, binh sĩ rét run cầm cập. Muốn đốt lửa lên ư? Nguồn lửa đem theo đã bị gió Bắc thổi tắt. Khó khăn lắm mới tập hợp được mọi người vào một chỗ. Chờ lúc trời sáng sẽ tìm lại người ngựa đã bị tẩu tán thất thoát. Quản Trọng thấy nguy cơ toàn quân sẽ bị tiêu diệt nên đã vội vàng truyền lệnh: phải nhanh chóng tìm lấy đường ra! Đại đội người ngựa quanh đi quẩn lại không sao tìm được lối ra. Tề Hoàn Công rất lo lắng. Quản Trọng bỗng nhiên nghĩ tới những con ngựa già có biệt tài nhận được đường, liền nói với Tề Hoàn Công:

- Thần nghe nói, ngựa quen đường cũ, ngựa của nước Vô Chung phần lớn đều từ Sơn Nhung tới, chỉ bằng ta cứ chọn lấy mấy con ngựa già của nước Vô Chung cho chúng đi ở phía trước, chúng ta đi theo sau, có lẽ sẽ tìm được lối ra đó!

Tề Hoàn Công bán tín bán nghi nói:

- Thì cứ thử xem sao!

Quản Trọng cử người chọn mấy con ngựa già cho đi đằng trước, còn đại đội người ngựa thì đi ở phía sau. Mấy con ngựa già ung dung dẫn cả đại đội người ngựa ra khỏi Mê Cốc, trở về theo lối cũ. Mọi người từ cõi chết sống lại đều một lòng bái phục Quản Trọng.

Tề Hoàn Công dẫn đầu đại đội người ngựa ra khỏi Mê Cốc, trở về thành Đô vệ. Trên đường đi nhìn thấy trăm họ diu già dắt trẻ, vội vã lên phía trước. Quản Trọng sai người tới hỏi thăm tình hình. Số người đó trả lời, nói:

- Đại vương của chúng tôi đã đuổi hết quân Yên rồi, bây giờ lại để cho chúng tôi trở về đó!

Lúc này Tề Hoàn Công và Quản Trọng mới biết bỏ thành trống rỗng mà họ nhìn thấy mấy hôm trước cũng là quỷ kế mà Hoàng Hoa và Đáp Lý Kha bày ra, nay Thành Vô Đệ lại bị Đáp Lý Kha và Hoàng Hoa chiếm lĩnh rồi. Mọi người cảm giận lắm. Quản Trọng tương kế tựu kế, cử người đóng giả làm dân chúng nước Cô Trúc, lẻn vào Thành. Đến nửa đêm lính Tề trà trộn vào trong thành đó đốt lửa lên, lính Tề ở ngoài thành phát động tấn công, trong đánh ra, ngoài đánh vào, bỗng chốc trong thành đại loạn. Hoàng Hoa và Đáp Lý Kha đều bị giết chết. Nước Cô Trúc đã bị nước Tề tiêu diệt như vậy.

Tề Hoàn Công nói với Yên Trung Công:

- Mảnh đất Sơn Nhung, Cô Trúc lớn trên năm trăm dặm này, xin hiến cả ngài đó.

Yên Trang Công vội vàng nói:

- Sự vậy sao được? Tôi dựa vào sự giúp đỡ của ngài, đã bảo toàn được đất nước, trong lòng vô cùng cảm kích, đâu còn dám đòi lấy đất đai nữa.

Tề Hoàn Công nói:

- Ngài không được từ chối, biên cương phía Bắc đặc biệt quan trọng, rất cần đến cai trị của ngài, nếu tiến công cho Thiên Vương thì Nhung Địch không dám xâm phạm nữa, tôi cũng được về vàng. Lại nói, nước Tề cách đây khá xa, làm sao có thể quản lý được?

Yên Trang Công nghe Tề Hoàn Công nói thành khẩn như vậy, cũng không từ chối nữa.

Tề Hoàn Công đem quân trở về nước, Yên Trang Công đích thân ra tiễn. Trên đường đi, hai người lưu luyến chẳng muốn rời, bất giác đã ra khỏi biên giới nước Yên hơn năm chục dặm. Khi chia tay Tề Hoàn Công bỗng nhiên nghĩ tới quy định của Chu Lễ, bèn nói:

- Từ xưa tới nay, chư hầu tiễn chư hầu, không thể được tiễn ra ngoài biên giới. Tại sao ta lại không làm theo quy định?

Nói rõ lại muốn đem năm chục dặm đất này cắt cho nước Yên. Yên Trang Công được năm trăm dặm đất thì hết sức cảm kích, sao lại có thể dám nhận thêm năm chục dặm đất nữa của nước Tề? Thế nhưng Tề Hoàn Công một lòng muốn người ta thừa nhận ông ta là bá chủ, lời nói, việc làm đều công bằng, giữa đạo nghĩa, cho nên không thể bắt Yên Trang Công nhận số đất đó. Và như vậy, nước Yên lại được thêm năm chục dặm đất nữa.

Các nước Chư hầu thấy Tề Hoàn Công đi xa ngàn dặm tới cứu viện nước Yên, đánh thắng trận lại không tham lam đất đai, không ai không bái phục ông. Từ đó trở đi, uy tín của vị bá chủ Tề Hoàn Công ngày càng cao.

30. Mỗi tình của Quán Bão

Năm thứ ba Chu Tương Vương (năm 649 trước Công nguyên), người em khác mẹ của Tương Vương là Thúc Đới dựa vào thế lực của mẹ là Huệ Hậu, cầu kết với Sơn Nhung, Dịch ở vùng Ý Xuyên, Lạc Thủy, vây đánh Lạc Dương, mưu toan cướp đoạt ngôi vua. Quán Trọng phụng mệnh Tề Hoàn Công dẫn quân đi viện trợ Chu Thiên Vương, trở về không lâu thì bị bệnh ốm nặng. Tề Hoàn Công rất lo lắng thường luôn tới thăm viếng Quán Trọng. Một hôm, Tề Hoàn Công tới thăm Quán Trọng, nhìn Quán Trọng gầy như que củi, bệnh tình nghiêm trọng, thì vô cùng buồn rầu, nắm chặt tay Quán Trọng nói:

- Bệnh của khanh càng ngày càng nặng, vạn nhất khanh có mệnh hệ nào, ai sẽ là người thay ta quản lý đất nước đây?

Lúc đó các đại thần nổi tiếng nước Tề như Ninh Thích, Tân Tu Vô đã lần lượt qua đời. Quán Trọng thở dài, nói:

- Trời ơi, đáng tiếc là Ninh Thích mất sớm.

Tề Hoàn Công hỏi:

- Trừ Ninh Thích ra, không còn người khác nữa ư? Ta muốn bổ nhiệm Bão Thúc Nha, ý khanh thế nào?

Tề Hoàn Công nghĩ thầm, Bão Thúc Nha là trọng thần nguyên lão, có công rất lớn đối với đất nước, hơn thế lại là bạn, là đại ân của Quán Trọng, khẳng định là Quán Trọng sẽ đồng ý. Không ngờ Quán Trọng lại nói:

- Bão Thúc Nha tuy là con người có đạo đức cao thượng, thế nhưng Chúa công không nên để ông ta làm tướng, quản lý triều chính. Bởi vì ông ta rất định kiến với lỗi lầm của người khác. Điều này ai có thể chịu nổi? Người làm tướng mà không đại lượng thì đâu có được?

Tề Hoàn Công nghĩ một lát, cảm thấy rất có lý, liền hỏi:

- Thấp Bằng thì sao?

Quán Trọng nói:

- Thấp Bằng là người rất khiêm tốn, không giấu dốt, kể cả với cấp dưới, lại biết vì việc chung mà quên việc riêng, có thể làm tướng được.

Nói xong, Quán Trọng lại thở dài rồi tự nói một mình:

- Chỉ sợ Thấp Bằng tuổi tác đã quá cao, sống chẳng được bao lâu nữa.

Tề Hoàn Công lại hỏi:

- Thế còn Dịch Nha thì sao?

Quán Trọng trả lời rất nghiêm túc nói:

- Chúa công không hỏi, thần cũng cần phải nói. Dịch Nha, Thụ Điều, Khai Phương, ba người này Chúa công tuyệt đối không được thân gần họ.

Dịch Nha, Thụ Điều, Khai Phương, là người như thế nào? Vì sao Quán Trọng lại khuyên Tề Hoàn Công không được thân gần họ?

Dịch Nha là một thần tử bình thường của Tề Hoàn Công, tâm địa độc ác, lại có dã tâm rất lớn. Hắn biết rằng nếu muốn trèo lên địa vị cao thì phải được nhà vua tín nhiệm. Hắn liền nghĩ hết cách tiếp cận với Tề Hoàn Công. Hắn có tay nghề nấu nướng với kỹ thuật cao. Trước hết, hắn đã làm rất nhiều món ăn ngon đưa tới cho phi tử Vệ Cơ của Tề Hoàn Công ăn để lấy lòng Vệ Cơ. Về sau hắn đã giết chết đứa con trai vừa mới lên ba tuổi làm thành món thịt người dâng lên Tề Hoàn Công, lừa dối để giành lấy tín nhiệm của Hoàn Công.

Thụ Diêu vốn là một tên tiểu đồng theo hầu Tề Hoàn Công, hắn rất muốn trèo lên cao, nhưng vì không phải là hoạn quan nên không thể vào hậu cung được, hắn liền tự thiến mình đi. Từ đó Tề Hoàn Công rất sủng ái hắn, để cho hắn luôn được đi ở bên cạnh mình, ra vào nơi cung cấm.

Tề Hoàn Công nghe Quán Trọng nói không thể gần với Dịch Nha được thì lấy làm lạ, liền hỏi:

- Để trẫm được thưởng thứ mùi vị thịt người, Dịch Nha đã giết con trai của mình làm thức ăn, điều đó chứng tỏ hắn tôn kính trẫm vượt quá con trai mà hắn yêu. Con người như vậy còn có điều gì đáng hoài nghi nữa?

Quán Trọng trả lời, nói:

- Thứ mà con người yêu quý nhất không gì bằng con cái đứt ruột đẻ ra. Dịch Nha có thể đem đứa con nhỏ mà mình yêu quý nhất giết đi, thì đối với Chúa công hắn sẽ có thể làm gì nào?

Tề Hoàn Công lại hỏi:

- Vậy thì Thụ Diêu còn có điều gì đáng nghi ngờ nữa? Để được hầu hạ trẫm hắn đã tự thiến mình đi, lòng trung thành của hắn đối với trẫm chẳng phải là đã vượt quá lòng yêu quý chính bản thân hắn hay sao?

Quán Trọng nói:

- Ngay đến bản thân mình Thụ Diêu còn chẳng yêu quý, hắn có thể tận trung với Chúa công được sao?

Dừng một lát, Tề Hoàn Công lại hỏi:

- Thế còn Khai Phương thì sao? Khai Phương là Thái tử của nước Vệ, rũ bỏ Thái Tử không làm, lại đi làm thần tử của trẫm. Như vậy, còn không trung thành sao? Cha hắn chết, hắn không vội về chịu tang, hắn yêu trẫm đã vượt quá lòng hiếu thuận đối với cha mẹ của hắn đó!

Quán Trọng nhấn mạnh nói:

- Khai Phương đã rũ bỏ địa vị Thái tử để chịu hầu hạ Chúa công, đủ thấy dã tâm của hắn còn lớn hơn địa vị Thái tử. Tuyệt đối Chúa công không được trọng dụng hắn, nếu không sẽ đem lại tai họa loạn lạc cho đất nước đó!

Tề Hoàn Công nghe Quán Trọng nói rất có đạo lý bèn hỏi:

- Ba người này ở bên cạnh ta đã rất lâu rồi, tại sao từ trước ta chưa từng được nghe thấy khanh nói tới.

Quán Trọng nói:

- Con đê lớn của bờ sông ngăn không cho nước ngập tràn thành tai họa. Khi thần quản lý chính sự cũng ví như con đê lớn luôn bị vật cản, khiến chúng không tác oai tác quái được trước mặt Chúa công. Nay, đê lớn sắp vỡ rồi, nước sẽ ngập tràn, Chúa công nhất định phải lưu tâm đó!

Tề Hoàn Công gật gật đầu.

Mấy hôm sau, lời nói của Quán Trọng đã truyền tới tai Dịch Nha. Dịch Nha bực tức lắm, lập tức chạy tới tìm Bão Thúc Nha. Hắn nói:

- Thừa lão tướng quân, ai chẳng biết Quán Trọng được làm tướng là do ngài tiến cử! Thế nhưng con người Quán Trọng này đã vong ân, phụ nghĩa, nhà vua để cho ngài làm tướng thế mà ông ta lại nói toàn những lời xấu xa, lại tiến cử Thấp Bằng. Tôi thật sự bất bình thay cho ngài!

Dịch Nha cứ cho rằng Bão Thúc Nha nghe xong những lời này sẽ hận Quán Trọng muốn chết, nào ngờ Bão Thúc Nha đã cười khanh khách, giơ thẳng ngón tay cái lên nói:

- Quán Trọng vì trung thành với đất nước, không nghĩ tới tình cảm riêng tư. Đây chính là

duyên có mà ta tiến cử Quản Trọng! Thấp Bằng mạnh hơn ta rất nhiều!

Dịch Nha bị một vết đau, xấu hổ ngượng ngùng lui đi ngay.

Năm thứ bảy Chu Tương Vương (năm 645 trước Công nguyên) Quản Trọng qua đời. Tề Hoàn Công tiếp nhận kiến nghị của Quản Trọng bổ dụng Thấp Bằng làm tướng. Chưa đầy một tháng Thấp Bằng qua đời. Tề Hoàn Công mời Bão Thúc Nha làm tướng. Bão Thúc Nha cho rằng bản thân mình không thích hợp, kiên quyết từ chối. Tề Hoàn Công nói:

- Trong triều đình hiện nay không ai mạnh giỏi hơn khanh, khanh không bằng lòng, thế thì ai làm tướng đây?

Lúc này Bão Thúc Nha mới nói:

- Khuyết điểm của thần Chúa công đã biết rồi đó, Chúa công cứ nhất định bắt thần phải làm tướng thì phải đuổi hết bọn Dịch Nha, Thụ Điêu và Khai Phương đi.

Tề Hoàn Công nói:

- Việc này Quản Trọng đã nói từ lâu rồi, trẫm nhất định sẽ làm theo.

Ngay ngày hôm đó Tề Hoàn Công đã đuổi hết ba người này, không cho vào châu nữa.

Khi Bão Thúc Nha làm tướng Tề tiếp tục thi hành chính sách của Quản Trọng, cho nên nước Tề vẫn còn có thể đảm bảo được địa vị bá chủ.

Từ câu chuyện Quản Trọng và Bão Thúc Nha có thể nói rằng Bão Thúc Nha tỏ ra biết người, biết việc, ông đã tiến cử để Tề Hoàn Công trọng dụng Quản Trọng khiến cho nước Tề giàu mạnh lên. Về sau Quản Trọng đã không vì nguyên nhân này mà tiến cử Bão Thúc Nha tiếp tục thay mình làm tướng, mà đã tiến cử người càng tài giỏi sáng suốt hơn Bão Thúc Nha ra làm tướng. Bão Thúc Nha không những không vì thế mà trách móc Quản Trọng, trái lại ông cho rằng Quản Trọng đã làm đúng. Quản Trọng và Bão Thúc Nha là đôi bạn tốt, cùng lấy việc nước làm trọng, lòng dạ thẳng thắn thật thà, người đời sau luôn ca ngợi kiểu tình bạn chân thành này “Mối tình của Quản Bão” chính là mang ý nghĩa đó.

31. Môi hở răng lạnh

Phía Tây Bắc nước Tề là nước Tấn, miền Nam của nước Tấn có hai quốc gia nhỏ, một nước gọi là Ngu (phía đông Bắc huyện Bình Lục, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Hai quốc gia này, sông núi liền nhau, tổ tiên đều mang họ Cơ, cho nên họ sống với nhau rất hòa thuận. Thế nhưng vua nước Quắc không biết tự lượng sức, thường xuyên tới gây chuyện ở biên giới nước Tấn, xâm phạm nước Tấn. Tấn Hiến Công chỉ muốn cất quân trừng phạt vua Quắc, nhưng chưa tìm được cơ hội. Một hôm, vua Tấn hỏi quan đại phu Tuân Túc rằng:

- Bây giờ có thể trừng phạt nước Quắc được chưa?

Tuân Túc nói:

- Không được, hiện tại hai nước Ngu Quắc có quan hệ rất tốt, nếu đánh nước Quắc, nhất định nước Ngu sẽ đến viện trợ. Một mình nước chúng ta đối phó với hai nước họ, thần chỉ e rằng khó giành được chiến thắng.

Hiến Công nói:

- Theo khanh thì đành cứ giương mắt nhìn nước Quắc ức hiếp chúng ta ư?

Tuân Túc nói:

- Quắc Công thích chơi bời hưởng lạc. Chúng ta cứ biểu cho ông ta một số mỹ nữ, để cho ông ta thả sức chơi bời, lơ là việc chính sự, thì chúng ta có thể thừa cơ tiến đánh nước Quắc được.

Hiến Công làm theo kế đó. Quắc Công được mỹ nữ nước Tấn mang tặng, quả nhiên không chịu làm việc, suốt ngày đàn điếm, hưởng lạc. Tấn Hiến Công lại hỏi Tuân Túc:

- Bây giờ đã có thể tiến đánh nước Quắc được chưa?

Tuân Túc nói:

- Có thể được. Có điều, nếu chúng ta tiến đánh nước Quắc thì tốt nhất đừng để cho nước Ngu đến cứu viện. Chúa công có thể tặng cho Ngu Công một lễ hậu để mượn đường đi trừng phạt nước Quắc. Như vậy thì nước Quắc sẽ nghi ngờ nước Ngu, nước Ngu sẽ không thể giúp đỡ nước Quắc được nữa.

Hiến Công nói:

- Chúng ta vừa mới tặng mỹ nữ cho Quắc Công, bây giờ lại tới trừng phạt ông ta, Ngu Công làm sao tin được?

Tuân túc nói:

- Điều này rất dễ. Chúa công hãy sai người tới biên giới phía Bắc nước Quắc gây sự, nước Quắc nhất định sẽ tới trách chúng ta, chúng ta không thừa nhận, chẳng phải đã tìm được lý do trừng phạt nước Quắc đó sao?

Tấn Hiến Công đã làm theo chủ ý của Tuân Túc. Các quan lại giữ biên giới nước Quắc quả nhiên đã cử người tới chất vấn. Tấn Hiến Công nhìn thấy bước thứ nhất thành công, liền cử quan đại phu Tuân Túc đi sứ nước Ngu.

Tuân Túc đến gặp Ngu Công, trước hết dâng biểu đôi ngọc bích quý giá nổi tiếng và một con ngựa Thiên Lý. Ngu Công là một người có lòng tham vô đáy, được lễ vật thì mặt cười mi nở. Trông tay chơi ngọc bích mắt nhìn chăm chăm vào con ngựa Thiên Lý, chỉ sợ Tuân Túc lại sắp trở về. Ngu Công hỏi Tuân Túc:

- Những thứ này là Quốc Bảo của quý quốc, là đồ thiên hạ vô song, sao lại có thể đem tặng cho ta được? Quý quốc có việc gì cần đến ta giúp đỡ không?

Tuân túc nói:

- Vua nước chúng tôi một lòng ngưỡng mộ đại danh của Chúa công, rất muốn được kết giao với Chúa công, số lễ ngọc này chỉ là để biểu thị một chút lòng thành. Tiện thể có một chút việc nhỏ cầu xin Chúa công giúp cho. Người Quắc đã nhiều lần xâm phạm biên giới nước chúng tôi, chúng tôi dự định sẽ trừng phạt họ, liệu quý quốc có thể cho chúng tôi mượn đường đi qua được không? Nếu may mắn giành chiến thắng, tất cả những gì thu được xin biểu quý quốc hết!

Ngay lập tức Ngu Công đồng ý. Quan đại phu là Cung Chi Kỳ khuyên can, nói:

- Xin Chúa công tuyệt đối không được ngã lòng. Hai nước Quắc và Ngu cùng tựa như môi và răng. Tục ngữ có câu: “Môi hở răng lạnh”. Nếu không có môi thì hàm răng sẽ bị lạnh. Nước Quắc bị tiêu diệt, liệu nước Ngu chúng ta có thể sinh tồn được không?

Ngư Công nói:

- Ngay đến bảo bối quý trọng vua Tấn cũng mang biểu ta; chỉ một con đường mà chúng ta còn tiếc không cho mượn, ta biết ăn nói như thế nào với ông ta. Hơn nữa, nước Tấn mạnh gấp mười lần nước Quắc, cứ coi như mất đi nước Quắc, kết giao được với nước Tấn hùng mạnh để bàn bạc, như thế chẳng hơn à?

Cung Chi Kỳ còn muốn khuyên Ngu Công vài câu, nhưng đã bị quan đại phu Bách Lý Hề ngăn lại. Sau khi tan buổi chiều Cung Chi Kỳ nói:

- Ông không nói vài câu giúp tôi, tại sao lại còn ngăn cản tôi?

Bách Lý Hề nói:

- Trời ơi, xuất mưu kế cho con người hồ đồ có khác gì đem viên ngọc quý ném ra đường. Dù sao thì nhà vua cũng không thể nghe được, nếu còn khuyên nữa chưa biết chừng tính mệnh của ông sẽ gặp nguy hiểm đó!

Cung Chi Kỳ dự đoán nước Ngu nhất định sẽ bị diệt vong, liền đưa cả gia đình già trẻ chạy trốn đi nơi khác.

Năm 19 Chu Huệ Vương (năm 658, trước Công nguyên) Tấn Hiến Công sai đại tướng Lý Khắc và Tuân Túc đi trừng phạt nước Quắc, khi xe lính của nước Tấn đi qua nước Ngu, Ngu Công nói với Tuân Túc:

- Để báo đáp quý quốc, tôi tình nguyện dẫn quân đi giúp.

Tuân Túc nói:

- Ngài sai quân đi đánh giúp cho chúng tôi so bằng đem Hạ Dương Quan dâng cho chúng tôi?

Ngư Công không hiểu gì, hỏi:

Hạ Dương là đất đai của nước Quắc, tôi làm gì có quyền dâng cho các ngài.

Tuân Túc nói:

- Tôi nghe nói Quắc Công đang giao chiến với Khuyển Nhung, chưa phân thắng bại, ngài vờ như mang quân tới đánh giúp, họ nhất định sẽ cho ngài vào. Ngài nên để cho binh lính Tấn ở trong các xe binh; chỉ cần họ vừa mở cửa thành ra thì Hạ Dương Quan chẳng phải đã là của chúng tôi rồi hay sao?

Ngư Công nghe theo kế, quả nhiên đã giúp quân Tấn lấy được Hạ Dương Quan. Quân Tấn lại thừa thắng tiến lên, vào năm thứ 22 Chu Huệ Vương (năm 655 trước Công nguyên) đã diệt xong nước Quắc. Lý Khắc đã đem số ca nữ cùng của cải châu báu cướp được chia ra đem cho Ngu Công một ít, Ngu Công càng thêm đắc ý. Lý Khắc đóng đại quân ở ngoại thành thủ đô nước Quắc, nói rằng nghỉ ngơi vài ngày rồi sẽ trở về.

Một hôm, tên canh cửa bỗng nhiên chạy tới báo cáo:

- Tấn Hầu đã ở ngoài thành rồi.

Ngu Công vội vàng chuẩn bị xe kiệu, ra ngoài thành nghênh đón. Tề hầu hẹn Ngu Công tới Kỳ Sơn săn bắn. Để chứng tỏ sự phô trương hình thức của mình, Ngu Công đã đem toàn bộ binh mã ở trong thành đi theo ra ngoài cùng đi săn theo mình. Đang chơi bời vui vẻ, Bách Lý Hề chạy tới thở hổn hển nói:

- Nghe nói trong thành đã xảy ra chuyện, xin Chúa công hãy trở về ngay cho. Ngu Công vừa tới bên ngoài thành, đã thấy một viên đại tướng đứng ở trên thành lầu, uy phong凛凛 nhìn Ngu Công quát to:

- Xin chào ngài! Lần trước đã lừa ngài cho chúng tôi mượn đường, lần này lại lừa ngài cho chúng tôi mượn một quốc gia, xin cảm ơn ngài!

Ngu Công giận lắm muốn đánh ngay vào thành. Chẳng ngờ từ trên thành mũi tên bắn xuống như mưa. Lại nghe có tiếng người gào thét.

- Đại quân của Tấn Hầu đã tới.

Lúc này Ngu Công như bừng tỉnh giấc mộng, lòng ngổn ngang ân hận, quay đầu lại vẫn thấy Bách Lý Hề đi theo mình liền nói:

- Ban đầu tại sao nhà ngươi lại không khuyên can ta nhỉ?

Bách Lý Hề nói:

- Ngay đến lời nói của Cung Chi Kỳ mà Chúa công còn bỏ ngoài tai, huống hồ là lời của hạ thần này?

Đang nói thì Tấn Hiến Công tới. Hiến Công cười hì hì nói với Ngu Công:

- Lần này ta tới đây là để đòi lại ngọc bích và ngựa Thiên Lý đó! Có điều ta cũng không thể quên được ý tốt là ngài đã cho ta mượn đường, ta sẽ cho ngài một con ngựa và một viên ngọc bích khác!

Ngu Công ngu muội và tham lam đã chôn vùi đất nước và tự biến mình thành tù binh của nước Tấn. "Môi hở răng lạnh" mang một nội dung giáo huấn sâu sắc biết bao nhiêu!

32. Tấm thân đáng giá 5 tấm da dê

Sau khi Tấn Hiến Công diệt xong nước Ngưu, nghe nói Bách Lý Hề rất có bản lĩnh, lại muốn trọng dụng ông ta, đã mấy lần cử người đến khuyên nhủ, nhưng nói thế nào Bách Lý Hề cũng không bằng lòng làm quan ở nước Tấn.

Cuối cùng thì Bách Lý Hề là một nhân vật như thế nào?

Bách Lý Hề là người nước Ngưu, nhà từ trước rất nghèo túng, hơn 30 tuổi mới lấy được vợ. Không lâu người vợ họ Đổ sinh được một con trai đặt tên là Mạnh Minh Thi (tên là Thi, tự là Mạnh Minh). Có con rồi, cuộc sống trong nhà càng thêm khó khăn. Bách Lý Hề lúc nào cũng muốn ra ngoài tìm việc làm, song lại lo vợ con ở nhà không có người chăm sóc, cho nên vẫn còn do dự chưa quyết. Họ Đổ biết được tâm sự của Bách Lý Hề bèn nói:

- Đại trượng phu chí ở bốn phương, đương khi sức lực còn cường tráng không đi ra ngoài tìm việc làm, suốt ngày quần chân vợ con thì triển vọng gì? Thiếp có thể nuôi dạy con được, chàng cứ yên tâm mà ra đi.

Lời của họ Đổ nói trúng tim của Bách Lý Hề. Bách Lý Hề được vợ ủng hộ liền hạ quyết tâm ngày hôm sau thì ra đi. Trước khi đi, Đổ Thị tự biết dù nhà còn nghèo, vẫn phải sửa lễ tiễn biệt Bách Lý Hề. Trong nhà chỉ còn một con gà mái vàng cũng đem làm thịt, củi không đủ nấu vàng đã chẻ cả tấm then cửa, nấu một nồi cơm nhỏ, một nồi canh súp, cho Bách Lý Hề ăn một bữa thật no. Lúc chia tay Đổ Thị ôm con, kéo vạt áo chùng khóc lóc nói:

- Nếu chàng được giàu sang phú quý, xin chớ quên hai mẹ con thiếp!

Bách Lý Hề gạt nước mắt lên đường.

Trước hết, Bách Lý Hề tới nước Tề, muốn vào gặp Tề Tương Công. Vì không có người tiến cử, nên không được gặp, đành phải lang thang đầu phố, xin ăn qua ngày. Về sau lại lưu lạc tới nước Tống. Một hôm, Bách Lý Hề đang đi xin ăn, có người tên gọi Kiến Thúc, sau khi nhìn ngắm Bách Lý Hề một cách tường tận, mới nói:

- Ngài không giống như người ăn xin nhỉ?

Bách Lý Hề liền kể hết đầu đuôi cảnh ngộ của mình cho Kiến Thúc biết. Kiến Thúc rất thông cảm với Bách Lý Hề, đã mời Bách Lý Hề tới nhà làm khách. Hai người cùng bàn luận việc thiên hạ đại sự, càng bàn càng ăn ý với nhau, càng bái phục nhau hết mức, bèn làm lễ kết thành anh em. Bách Lý Hề tạm thời sống trong nhà Kiến Thúc. Thế nhưng gia đình Kiến Thúc cũng chẳng mấy giàu có, Bách Lý Hề đành phải vừa đi chăn bò cho nhà người, vừa chờ đợi cơ hội ra ngoài làm việc.

Về sau Kiến Thúc và Bách Lý Hề đã kinh qua mấy quốc gia, mong tìm một ông vua hiền minh, mưu sự nghiệp, thế nhưng không làm sao tìm được. Trước mắt, Bách Lý Hề tuổi tác đã ngày một cao, trong lòng rất lo lắng. Kiến Thúc an ủi ông nói:

- Đại trượng phu không thể tùy tiện đi theo người ta được. Nếu tìm sai người, nửa đường rời bỏ, người ta sẽ nói mình bất trung. Nếu không rời bỏ, người ta lại nói mình ngu muội. Như vậy thì sự nghiệp lớn đã chẳng lành, lại mang tiếng là bất trung bất trí, thật chẳng đáng giá gì. Cho nên đi theo người nào nhất định phải hết sức thận trọng.

Bách Lý Hề cho rằng Kiến Thúc nói rất đúng, liền không muốn tiếp tục bôn ba nữa. Lại nói, bản thân mình xa nhà đã mấy năm rồi, rất nhớ vợ nhớ con, nên đã quyết định trở về nước Ngưu. Kiến Thúc nói:

- Nước Ngưu có một vị hiền thần tên gọi là Cung Chi Kỳ, là bạn cũ của tôi đã nhiều năm không gặp, tôi cũng muốn tới thăm ông ta, vậy chúng ta cùng đi nhé!

Tới nước Ngưu, Kiến Thúc tới thăm Cung Chi Kỳ, Bách Lý Hề vội vàng trở về nhà. Tới trước cửa nhà, gian nhà rách nát vẫn còn đó, thế nhưng vợ và con không biết đã bỏ đi đâu. Những

người hàng xóm nói cho Bách Lý Hề biết, sau khi ông đi khỏi, Đỗ Thi nghèo đến nỗi hết cách sống nổi, lại gặp phải năm mất mùa nên phải đem con đi tránh nạn đói, tới nay còn sống hay đã chết không ai còn biết rõ cả. Bách Lý Hề ngắm nhìn gian nhà rách nát, nghĩ tới lúc sắp sửa ra đi, người vợ đốt then cửa, luộc gà mái mà không cầm nổi nước mắt. Trước mắt ông không còn ai thân thiết, đành lại phải đi tìm Kiến Thúc. Kiến Thúc giới thiệu Bách Lý Hề với Cung Chi Kỳ. Cung Chi Kỳ rất vui mừng, muốn lập tức tiến cử họ với vua Ngu. Kiến Thúc đầu nói:

- Tôi thấy Ngu Công chỉ tham lợi nhỏ, không có mẽ làm việc lớn, không nhất thiết phải lưu lại đây.

Bách Lý Hề nói:

- Mấy năm nay tôi đã từng bôn ba khắp nơi, chẳng tìm được nơi nào đáng để trú chân, lần này cứ ở lại nước Ngu cho xong chuyện.

Kiến Thúc rất thông cảm với Bách Lý Hề liền thở dài, nói:

- Thế thì ông cứ lưu lại ở đây. Nếu sau này ông muốn tìm tôi thì cứ đến làng Minh Lộc ở nước Tống.

Về sau Bách Lý Hề đã làm quan đại phu ở nước Ngu. Quả nhiên không vượt ra ngoài dự kiến của Kiến Thúc, vua Ngu vì tham lợi nhỏ, đất nước đã bị tiêu diệt. Bách Lý Hề và vua Ngu đều bị bắt làm tù binh của nước Tấn. Ngày nay Tấn Hiến Công lại muốn trọng dụng ông, thế nhưng ông lại không muốn làm quan ở nước Tấn.

Năm 22 Chu Huệ Vương (năm 655 trước Công Nguyên) Tần Mục Công cử công tử Chấp tới nước Tấn cầu hôn. Tấn Hiến Công bằng lòng đem con gái lớn gả cho Tần Mục Công, khi đưa lễ cầu hôn đòi hỏi phải có một số nô bộc tới làm của hồi môn. Tấn Hiến Công nghĩa, Bách Lý Hề đã không chịu đầu hàng, giữ lại ở bên cạnh biết đâu lại là mầm móng tai họa, chi bằng để cho Bách Lý Hề bị sung vào đội nô bộc làm của hồi môn đưa sang nước Tần. Bách Lý Hề vô cùng tức giận, đi được nửa đường, thừa lúc mọi người mất cảnh giác đã chạy trốn. Đâu có ngờ được Bách Lý Hề chạy sang nước Sở, người Sở lại cho ông là gian tế, bắt giữ ông, cuối cùng đã đưa tới chẵn ngựa ở Nam Hải.

Lại nói Tần Mục Công làm xong lễ cưới thì phát hiện thấy trong danh sách nô bộc hồi môn có một người tên Bách Lý Hề có điều là không thấy mặt, vội tra hỏi mới biết ông ta đã trốn rồi. Tấn Mục Công bèn hỏi Công Tôn Chi từ nước Tấn tới:

- Thời gian khanh ở nước Tấn có nghe nói tới con người Bách Lý Hề này không?

Công Tôn Chi nói:

- Bách Lý Hề vốn là quan đại phu của nước Ngu, rất có tài năng. Nước Tấn diệt nước Ngu, ông ta và vua Ngu cùng bị bắt làm tù binh. Vua Tấn muốn trọng dụng ông ta, thế nhưng ông ta đã thề không làm quan cho nước Tấn. Đúng là một nhân tài hiếm có! Đáng tiếc là chưa gặp được minh chủ.

Tần Mục Công một lòng muốn xưng bá ở Trung Nguyên, đang đi thu thập nhân tài khắp bốn phương. Nghe thấy Công Tôn Chi nói vậy bèn động tâm lập tức sai người đi tìm kiếm Bách Lý Hề. Người được sai đi trở về nói:

- Bách Lý Hề đang chẵn ngựa cho nước Sở ở Nam Hải.

Tần Mục Công liền sai sứ giả đem lễ hậu tới Sở Thành Vương xin chuộc Bách Lý Hề. Công Tôn Chi nóng lòng ngăn lại:

- Nếu Chúa công mang lễ vật tới biểu, dù lễ vật hậu hĩnh đến thế nào thì Bách Lý Hề cũng không thể trở về được.

Tần Mục Công lấy làm lạ hỏi tại sao. Công Tôn Chi nói:

- Nước Sở cho Bách Lý Hề đi chẵn ngựa, chứng tỏ họ vẫn không biết tí gì về tài năng của Bách

Lý Hề. Nếu Chúa công mang lễ vật hậu hĩ như thế này tới đối ông ta về, thì có nghĩa là đã bảo cho Sở Vương biết Bách Lý Hề là một người tài ba. Chúa công nghĩ xem, liệu vua Sở có thả cho ông ta về không?

Tần Mục Công bỗng nhiên tỉnh ngộ, bèn dựa theo giá cả mua bán nô lệ ở trên trường lúc đó, sai người đem 5 tấm da dê tới chuộc Bách Lý Hề trở về.

Sứ giả nước Tần gặp Sở Thành Vương nói:

- Chúng tôi có một tên nô lệ tên gọi Bách Lý Hề chạy trốn sang quý quốc; nhà vua của chúng tôi muốn chuộc hắn về trị tội nghiêm khắc để làm răn co những tên nô lệ khác.

Nói xong liền đem 5 tấm da dê dâng lên. Sở Thành Vương sợ đắc tội với nước Tần, liền sai người đem Bách Lý Hề từ Nam Hải trở về giao cho sứ giả của nước Tần.

Bách Lý Hề được dẫn đến biên cương nước Tần. Công Tôn Chi đã chờ sẵn ở đó để nghênh tiếp. Hôm sau, Công Tôn Chi tháp tùng Bách Lý Hề vào bái kiến Tần Mục Công. Tần Mục Công thấy Bách Lý Hề đầu tóc bạc phơ thì hơi bị thất vọng, liền hỏi:

- Khanh bao nhiêu tuổi rồi?

Bách Lý Hề trả lời, nói:

- Thần đã 70 rồi.

Tần Mục Công thở dài nói:

- Đáng tiếc là đã quá già rồi.

Bách Lý Hề nói:

- Nếu Chúa công bắt thần đuổi theo chim bay, cho thần vật nhau với mãnh thú, đích thị là thần đã già. Nếu cho thần xuất mưu, vạch kế xây dựng đất nước thì thần còn trẻ chán. Năm xưa Khương Thái Công đã 80 tuổi mà vẫn còn giúp đỡ Chu Vũ Vương giành lại được thiên hạ, so với Khương Thái Công chẳng phải là thần trẻ hơn 10 tuổi đó sao?

Tần Mục Công nghe Bách Lý Hề nói vậy thì rất đổi sung sướng, liền thỉnh giáo Bách Lý Hề về đạo lý làm cho dân giàu, binh mạnh. Bách Lý Hề trình bày có tình có lý, câu nào câu nấy đều như khắc vào tâm khảm của Tần Mục Công. Tần Mục Công càng nghe càng phần chấn, đến một đoạn ý tứ sâu sắc, bất giác đứng dậy, cảm kích nói:

- Tốt lắm! Ta có được tiên sinh thì khác gì Tề Hoàn Công có Quản Trọng?

Nói rồi liền bổ nhiệm Bách Lý Hề làm tướng. Thuyết phục cách nào Bách Lý Hề cũng không tiếp nhận. Ông thưa:

- Tài năng của thần còn kém xa bạn của thần là Kiến Thúc. Nếu Chúa công muốn làm cho nước giàu, binh mạnh, xưng bá Trung Nguyên thì cần phải vờ tới Kiến Thúc!

Tần Mục Công nghe nói Kiến Thúc còn tài giỏi hơn Bách Lý Hề, đâu chịu bỏ qua, sai ngay Công tử Chấp tới nơi Kiến Thúc cư trú - làng Minh Lộc nước Tống - để đón Kiến Thúc.

Công tử Chấp tới làng Minh Lộc, nói hết điều hơn lẽ thiệt mới mời được Kiến Thúc ra. Hai người cùng trở về nước Tần. Tần Mục Công lập tức tiếp kiến Kiến Thúc, thỉnh giáo ông biện pháp làm cho nước giàu, binh mạnh. Kiến Thúc đối đáp trôi chảy. Tần Mục Công sung sướng, ngay ngày hôm sau đã bổ nhiệm Kiến Thúc làm hữu tướng, Bách Lý Hề làm tả tướng, còn bổ nhiệm con trai Kiến Thúc là Tây Khuất Thuật, Bạch ất Bính làm quan đại phu. Từ đây về sau, với sự phò tá của Kiến Thúc và Bách Lý Hề, Tần Mục Công tích cực thực hành các loại cải cách khiến cho nước Tần ngày càng lớn mạnh lên.

Một hôm, Bách Lý Hề mở yến tiệc trong tướng phủ, đội nhạc công tấu diễn ở dưới thềm, thì một bà cụ già vẫn giặt quần áo ở trong tướng phủ bước tới. Sau một lát bà cụ nói sự phụ gầy đàn.

- Thuở thiếu thời tôi đã được học đàn, lại còn biết hát, tôi có thể thử được không?

Sư phụ nhạc công nghe nói bà cụ già giặt quần áo còn biết gảy đàn thì lấy làm lạ, liền trao đàn cho bà cụ. Bà cụ gảy một bản đàn rất thuần thục, âm thanh thể lương, nã nê. Sư phụ nhạc công rất kinh ngạc liền mời bà cụ hát. Bà cụ nói:

- Đã lâu tôi không hát, sợ rằng hát không hay, tướng quốc sẽ trách tội, nên chẳng xin các vị nói trước với tướng quốc một tiếng.

Bách Lý Hề bằng lòng. Bà cụ cung kính bước lên đại sảnh hát rằng:

Bách Lý Hề ơi, Bách Lý Hề

Tấm thân chỉ đáng năm tấm da dê

Nay, trên cao đường say mỹ tửu...

Hát khúc ca nhớ lại thuở biệt ly.

Nghìn năm xưa nấu canh xương với nồi cơm nhỏ

Đốt then cửa luộc gà...

Lúc ra đi áo ướt lệ nhạt nhòa

Trời ơi ngày nay phú quý vinh hoa

Bỏ con thơ và quên cả vợ à?...

Bách Lý Hề bỗng lặng người đi, vội gọi người đó lại hỏi thì đúng là vợ Đỗ Thị. Hai người cứ ôm nhau mà khóc.

Bách Lý Hề hỏi:

- Con trai chúng ta đâu?

Đỗ Thị nói:

- Đang săn bắn ở trên núi.

Bách Lý Hề liền sai người đi tìm Mạnh Minh Thị.

Thì ra, sau khi chồng đi rồi, Đỗ Thị đã phải bện đay, dệt vải sống qua ngày. Gặp phải năm sau mất mùa, trời làm đói kém, hết kế sinh nhai, bà đành phải đem con trai đi lánh nạn, chịu trăm cay ngàn đắng, tới được nước Tần. Được tin nhà vua đã bổ nhiệm hai ông già làm tướng, trong đó có một người tên là Bách Lý Hề, nhưng không chắc là chồng mình. Bà cầu người nói giùm được vào phủ tướng làm nô bộc giặt quần áo, hy vọng gặp Tướng quốc, để nhận mặt thử xem. Vận may đã đến.

Tần Mục Công nghe nói vợ chồng Bách Lý Hề được đoàn viên liền thưởng cho họ rất nhiều của cải, lại nghe nói con trai của Bách Lý Hề là Mạnh Minh Thị võ nghệ cao cường, liền bổ nhiệm Mạnh Minh Thị làm quan đại phu, cùng quản lý việc quân sự với Tây Khất Thuật và Bạch Khất Bính.

33. Đội quân nhân nghĩa của Tống Tương Công

Bá chủ Tề Hoàn Công tới những năm cuối đời bắt đầu trọng dụng ba kẻ xấu là Dịch Nha, Thu Diêu và Khai Phương. Bão Thúc Nha nhiều lần khuyên ngăn không được, trái lại đã bị ba tên đó làm cho uất ức mà chết. Tề Hoàn Công vừa qua đời, bọn Dịch Nha, Thu Diêu liền đưa Công tử Võ Khuy lên làm vua. Chúng bỏ mặc việc tang lễ, thi thể Tề Hoàn Công bị phơi sáu bảy chục ngày đã sinh ra giòi bọ mà vẫn chưa cho chôn cất. Chúng còn bận rộn với việc tiêu diệt kẻ thù chính trị, sai lính tróc nã công tử Chiêu. Công tử Chiêu là Thái tử được lập nên từ khi Tề Hoàn Công còn đại lễ, đã thấy trước nguy cơ Võ Khuy cướp ngôi, liền vội vàng chạy trốn sang nước Tống, khóc lóc cầu xin Tống Tương Công làm chủ cho mình.

Nước Tống (vùng đất ở giữa miền Đông, tỉnh Hà Nam và các tỉnh Sơn Đông, Giang Tô, An Huy ngày nay) là một quốc gia nhỏ. Tống Tương Công vốn bất tài. Ông ta đã chứng kiến cảnh Tề Hoàn Công qua đời, nhưng không biết tự lượng sức mình, muốn thay Tề Hoàn Công làm bá chủ. Hiện tại, Công tử Chiêu đến tìm Tống Tương Công, Tống cho rằng đây là cơ hội không dễ mà có được, liền bằng lòng. Năm thứ 10 Chu Tương Vương (năm 642, trước Công nguyên), Tống Tương Công thông báo cho các nước chư hầu biết, yêu cầu tất cả mọi người cùng hộ tống Công tử Chiêu về nước Tề để lên ngôi. Đại bộ phận các nước chư hầu không tán thành lời hiệu triệu của Tống Tương Công, chỉ có nước Vệ, nước Tào và nước Châu là những nước còn nhỏ hơn nước Tống, cho dẫn một số xe lính tới. Tống Tương Công dẫn đầu quân đội bốn nước kéo tới nước Tề. Một số quý tộc lớn ở nước Tề thấy tình thế xấu bèn thừa cơ giết chết Võ Khuy và Thu Diêu, đuổi Dịch Nha đi, rồi nghênh đón Công tử Chiêu lên ngôi. Đây chính là Tề Hiếu Công.

Tống Tương Công ủng hộ việc lập Tề Hiếu Công, khi hoài bão đã thành, thì dương dương tự đắc, muốn hội hợp các nước chư hầu thay thế Tề Hoàn Công làm minh chủ, nhưng lại sợ mọi người không nghe. Quan đại phu là Công tử Thang nói với Tống Tương Công:

- Các nước lớn ngày nay không nước nào bằng nước Tề và nước Sở. Nội bộ nước Tề vừa mới được ổn định, họ chưa để tâm lắm tới việc đối ngoại. Chỉ có nước Sở lợi hại, các nước chư hầu đều sợ, chỉ bằng chúng ta cứ liên lạc với nước Sở. Chỉ cần nước Sở kéo tới, các nước nhỏ ở dưới nước Sở ắt sẽ làm theo?

Quan Thượng Khanh là Công tử Mục Di nói:

- Từ xưa tới nay nước Sở không giữ điều tín nghĩa. Chúng ta không thể dẫn chó sói vào nhà được!

Thế nhưng Tống Tương Công nóng lòng muốn xưng bá, đâu có chịu nghe, tức tốc sai người đem theo lễ vật quý đi sứ nước Sở, ước hẹn cùng nước Sở và nước Tề thương nghị trước việc lập hội liên minh. Sở Thành Vương bằng lòng. Tống Tương Công vội vã sai người liên lạc với nước Tề, Tề Hiếu Công cũng đã thuận ý.

Mùa xuân năm thứ 13 Chu Tương Vương hoặc (năm 639 trước Công nguyên), vua Tống, Sở đã tới đất Lộc của nước Tề. Tống Tương Công cho rằng bản thân mình là Công tước, lại là người đề xướng ra hội nghị, liền tự coi là minh chủ, bắt đầu phát tín hiệu ra mệnh lệnh. Tống Tương Công chấp tay nói với hai vua nước Tề và nước Sở.

- Tôi dự định tháng 8 năm nay hội hợp các nước chư hầu ở nước Vu, thuộc nước Tống chúng tôi, để cùng thương lượng việc đại sự phò trợ Vương Thất. Hy vọng rằng các vị tới dự hội đúng thời gian, nhất nhất không được đem theo xe lính.

Sở Thành Vương, Tề Hiếu Công đồng ý. Tống Tương Công bèn lấy ra mấy tờ thông cáo mà mình đã chuẩn bị sẵn từ trước, mời hai vị cùng ký tên vào. Tề Hiếu Công thấy Tống Tương Công giao thông báo trước cho Sở Thành Vương trong lòng rất không vui. Sở Thành Vương thấy trên thông báo viết rằng cần phải bắt chước Tề Hoàn Công hội hợp chư hầu, mọi người đều không được đem theo xe lính, thì cười thầm. Lại nhìn thấy ở cuối tờ thông báo Tống Tương Công viết tên mình lên đầu, liền không muốn ký tên nữa. Tống Tương Công nói:

- Hai nước Trịnh, Hứa đều quy thuộc vào ông, ông không ký tên, sợ rằng họ sẽ không tới.

Sở Thành Vương đành phải ký tên, rồi giao cho Tề Hiếu Công. Tề Hiếu Công nói:

- Nước chúng tôi cũng ví như thuộc quốc của nước Tống, ký tên hay không ký thì cũng thế cả. Nên đã kiên quyết cự tuyệt.

- Tống Tương Công còn cho rằng những lời của Tề Hiếu Công đều là lời nói thật tâm cảm, liền thu lại tờ thông báo. Hội nghị ba nước đã kết thúc như vậy đó.

Tống Tương Công rất đặc ý, sau khi về nước bèn nói với Công tử Mục Di rằng:

- Vua Sở đồng ý với sự sắp đặt của ta rồi.

Mục Di nói:

- Chớ cả tin vì những lời nài dễ nghe của ông ta, trong lòng ông ta nghĩ thế nào thì ai mà biết được. Xin Chúa ông đừng bị mắc lừa.

Tống Tương Công nói:

- Hai nước Trịnh, Hứa đều quy thuộc vào ông, ông không ký tên hay không ký thì cũng thế cả. Nên đã kiên quyết cự tuyệt.

Tống Tương Công còn cho rằng những lời của Tề Hiếu Công đều là lời nói thật tâm, liền thu lại tờ thông báo. Hội nghị ba nước đã kết thúc như vậy đó.

Tống Tương Công rất đặc ý, sau khi về nước bèn nói với Công tử Mục Di rằng:

- Vua Sở đã đồng ý với sự sắp đặt của ta rồi.

Mục Di nói:

- Chớ cả tin vì những lời nói dễ nghe của ông ta, trong lòng ông ta nghĩ thế nào thì ai mà biết được. Xin Chúa công đừng bị mắc lừa.

Tống Tương Công nói:

- Khanh thật quá đa nghi. Ta lấy lòng trung tín đối đãi với người khác, lẽ nào người khác lại nhẫn tâm lừa dối ta?

Vừa mới sang tháng 7, Tống Tương Công đã ra lệnh chuẩn bị xe ngựa tới đất vu khai hội. Công tử Mục Di nói:

- Nước Sở từ xưa vẫn phản phúc vô thường, Chúa công cứ nên đem theo một ít binh mã để phòng bị.

Tống Tương Công rất không vui vẻ, nói:

- Ta đã bảo người ta không được đem theo xe lính, làm sao có thể nói lời mà chẳng giữ lời được?

Mục Di lại nói:

- Chúa công ngồi xe mà đi, thần sẽ đem xe lính mai phục cách xa ba dặm để đề phòng vạn nhất.

Tống Tương Công vẫn không đồng ý. Công tử Hợp Duy đành phải tay không đi theo Tống Tương Công.

Ngày khai hội đã tới. Vua của sáu nước Sở, Trần, Thái, Hứa, Tào, Trịnh đều hiện diện đúng giờ. Chỉ có Tề Hiếu Công và nước Lỗ là không đến. Tống Tương Công sai người chiêu đãi sáu nước chư hầu. Người tùy tùng báo cáo với Tống Tương Công, những người tới họp đều ngồi xe, không một ai đem theo xe lính cả. Trong lòng Tống Tương Công càng vui sướng, đặc ý nói với Công tử Mục Di rằng:

- Ta đã nói là nước Sở không thể lừa dối ta được, nhà ngươi thấy sao?

Trong ngày khai hội đó, Tống Tương Công phát biểu trước:

- Hôm nay các vị chư hầu họp đại hội, ta muốn học theo biện pháp của Tề Hoàn Công, mọi người cùng ký một hiệp ước liên minh, cùng phò trợ Vương Thất, giúp đỡ các quốc gia nhược tiểu, đình chỉ chiến tranh, cầu cho thiên hạ được thái bình, không biết cao kiến của các vị thế nào?

Sở Thành Vương lập tức lên tiếng:

- Ngài nói chí phải, thế nhưng không biết minh chủ là ai đây.

Tống Tương Công nói:

- Điều này cũng dễ thôi, ai có công thì luận công, ai vô công thì luận tước, ai có tước vị cao thì làm minh chủ.

Tống Tương Công vừa dứt lời, Sở Thành Vương lập tức nói:

- Nước Sở xưng Vương đã rất lâu rồi, nước Tống tuy nói là Công tước nhưng vẫn còn thấp hơn vương một bậc, dĩ nhiên phải do tôi làm minh chủ.

Nói xong liền đặt mũng ngồi lên ghế dành cho minh chủ. Tống Tương Công giận lắm, chỉ vào Sở Thành Vương quở trách:

- Chức công tước này của tôi do Thiên tử ban cho, khắp thiên hạ ai cũng biết. Bản thân ông tự xưng Vương đó là giả, không đủ tư cách làm minh.

Sở Thành Vương nói:

- Tôi là vua giả, tại sao ông còn cho mời?

Quan đại thần của nước Sở là Thành Đắc Thần lên tiếng quát to:

- Thôi cho qua, cho qua, đừng tranh cãi nữa. Chỉ cần hỏi các vị chư hầu một câu thôi, ngày hôm nay các vị khai hội là vì nước Sở mà đến hay vì nước Tống mà đến?

Số nước nhỏ bé kia đều sợ nước Sở nên cùng lên tiếng.

- Vì nước Sở, vì nước Sở mà đến!

Sở Thành Vương nghe xong cười khà khà, rồi nói với với Tống Tương Công:

- Ông còn điều gì để nói nữa không?

Tống Tương Công còn muốn đấu lý với Sở Thành Vương, đã thấy Thành Đắc Thần cởi bỏ áo bào dài ra để lộ toàn thân là giáp sắt, rút lá cờ hồng nhỏ bé ở eo lưng ra liên tục phất phất, những người đi theo Sở Vương đều cởi bỏ áo ngoài ra chỉ trong nháy mắt đều biến thành những võ tướng mặc áo giáp sắt, tay cầm binh khí xông thẳng lên triều đài giống như đàn ong vỡ tổ. Các nước chư hầu hoảng sợ tới mức hồn lìa khỏi xác. Thành Đắc Thần bắt Tống Tương Công như con diều dâu già cắp con chim nhỏ. Công tử Mục Di nhân lúc hỗn loạn đã chạy trốn trở về nước Tống. Về sau Sở Thành Vương cảm thấy việc bắt giữ Tống Tương Công chẳng có ích gì, ngược lại đã phá hoại thanh danh của mình liền thả cho Tống Tương Công ra về:

Từ đó trở đi Tống Tương Công không nguôi hận thù sâu sắc đối với nước Sở. Thế nhưng ngoài mấy câu chửi bới "quân nam man" sau lưng ra thì cũng chẳng có biện pháp gì khác. Không lâu, Tống Tương Công hỏi thăm được biết nước Trịnh tích cực ủng hộ nước Sở làm minh chủ nhất loạt muốn tìm cơ hội chinh phạt nước Trịnh cho hả giận. Năm thứ 14 Chu Tương Vương (năm 638, trước Công nguyên) Trịnh Văn Công đến nước Sở, Tống Tương Công cho rằng cơ hội đã tới, bất chấp sự phản đối của Công tử Mục Di và Đại tư mã Công Tôn Cổ, đã đích thân dẫn quân đi chinh phạt nước Trịnh. Biết được tin này Trịnh Văn Công đã cầu cứu ngay trước mặt Sở Thành Vương. Sở Thành Vương liền sai quân đi cứu nước Trịnh.

Sở Thành Vương không trực tiếp tới cứu nước Trịnh mà dẫn đại đội binh mã lao thẳng tới nước Tống. Tống Tương Công rụng rời chân tay, đành phải dẫn quân vội vã chạy về ngay đêm đó. Đợi cho quân Tống dựng xong doanh trại ở Hoàng Thủy (phía Bắc huyện Giá Thanh, Tỉnh Hà Nam ngày nay) binh mã của quân Sở cũng kéo tới bờ đối diện. Công Tôn Cổ nói với Tống Tương Công:

- Quân Sở tới đây chẳng qua chỉ là để cứu nước Trịnh mà thôi. Nếu chúng ta rút quân ra khỏi nước Trịnh, tức là mục đích của nước Sở cũng đã đạt được. Chúng ta lực nhỏ, chi bằng cứ giảng hòa với nước Sở là xong.

Tống Tương Vương nói:

- Nước Sở tuy binh mạnh, ngựa khỏe, nhưng thiếu hẳn nhân nghĩa. Chúng ta binh lực không đủ, thế nhưng ngọn cờ mà chúng ta phất đó là ngọn cờ đại nhân nghĩa. Đội quân bất nghĩa của chúng làm sao địch nổi quân đội nhân nghĩa của chúng ta?

Tống Tương Công còn ra lệnh mang ra một lá cờ lớn có thêu hai chữ “Nhân Nghĩa”, ý muốn dùng lòng người để đánh bại đao thương của nước Sở.

Trời vừa sáng, quân Sở bắt đầu qua sông. Công Tôn Cổ nói với Tống Tương Công:

- Việc người nước Tống qua sông giữa ban ngày, rõ ràng khinh thường chúng ta. Thừa lúc chúng ra giữa sông, chúng ta đón đánh, nhất định sẽ giành toàn thắng.

Không chờ cho Công Tôn Cổ nói hết câu, Tống Tương Công bèn chỉ lên ngọn cờ lớn đang bay phần phật ở trên đầu, nói:

- Lẽ nào nhà ngươi lại không nhìn thấy hai chữ “Nhân Nghĩa” trên cờ sao? Người ta qua khỏi sông đã đánh người ta, như vậy mà còn gọi là đội quân nhân nghĩa ư?

Toàn bộ quân Sở đã qua sông, đang bố trí thế trận ở trên bờ. Công Tôn Cổ thấy quân Sở đã kịp chỉnh đốn xong đội ngũ, vội vàng nói với Tống Tương Công:

- Quân Sở chưa bố trí xong thế trận, chúng ta phải nhân cơ hội này mà nhanh chóng phát động xung phong, tất sẽ giành được phần thắng.

Tống Tương Công trợn mắt quát:

- Nhà ngươi là hạng người như thế nào, sao lại chỉ nêu ra những chủ ý gian tà, dối trá? Người ta chưa bày xong thế trận mà đã đánh người ta, như vậy còn đáng gọi là “Nhân Nghĩa” không?

Đang nói như vậy thì quân Sở đã sắp đặt xong đội ngũ, binh lính ào lên như nước triều dâng. Quân Tống hoảng sợ tưởng vỡ mật, một ôm đầu chạy trốn. Tống Tương Công tay cầm trường mâu, thúc giục chiến xa, muốn đánh lại, nhưng chưa kịp xông lên thì đã bị quân Sở bao vây khắp bốn xung quanh, Tống Tương Công đã bị một phát nổ vào đùi, trên người cũng đã bị mấy vết thương. May mà mấy viên đại tướng của nước Tống tả xung hữu đột mới cứu được Tống Tương Công thoát khỏi trùng vây. Chờ khi Tống Tương Công chạy trốn được ra khỏi chiến trường, các xe lính cũng đã tổn thất mất tám chín phần mười, binh khí, lương thảo cũng đã mất hết toàn bộ; các tướng sĩ người chết, người bị thương, tan tác không thành đội ngũ nữa, lại nhìn lá cờ lớn thêu hai chữ Nhân nghĩa kia đã biến mất từ lâu rồi. Dân chúng nhìn thấy thảm trạng này không ngớt miệng chửi rủa Tống Tương Công. Thế nhưng Tống Tương Công vẫn cảm thấy đạo “Nhân nghĩa” của mình đã giành được chiến thắng. Tống Tương Công được Công Tôn Cổ dìu đi từng bước tập tễnh, nói:

- Một đội quân coi trọng nhân nghĩa thì phải lấy đức để thu phục lòng người; người ta đã bị thương thì không thể làm cho người ta bị hại thêm; những người lính già đầu óc bạc phơ thì không được bắt trời. “Quân tử dùng lời, tiểu nhân dùng tay” là thế đó. Đã lấy nhân nghĩa đánh trận, sao lại có thể nhân lúc người ta gặp nguy nan mà tiến đánh được?

Những tướng sĩ chạy trốn nghe Tống Tương Công nói đều khóc dờ, mếu dờ, nghĩ thầm: Thường ngày chúng ta đi đánh trận, phải liều mình mới đánh bại được kẻ thù, lần này chừa

công dựa vào “Nhân Nghĩa” đi đánh trận, làm cho chúng suýt nữa phải bỏ mạng.

Tổng Tương Công một lòng muốn làm bá chủ. Nhưng do vì nước Tống là quốc gia nhỏ, lực lượng yếu, lại thêm bất tài, kết quả là xưng bá chẳng thành, lại gây thêm trò cười cho thiên hạ.

34. Trùng Nhĩ chạy nạn

Trong cuộc tranh bá thời Xuân Thu, Tống Tương Công chẳng qua chỉ là một nhân vật chớm nở thoáng tàn, người thực sự thay thế Tề Hoàn Công xưng bá chính là Tấn Văn Công.

Tấn Văn Công tên gọi là Trùng Nhĩ, là con trai của Tấn Hiến Công. Sau khi phu nhân qua đời, Tấn Hiến Công đã lập Ly Cơ mà ông ta sùng sái nhất lên làm phu nhân. Ly Cơ muốn lập con trai mình là Hề Tề lên làm Thái Tử, liền bức chết Thái tử Thân Sinh, rồi âm mưu sát hại Công tử Trùng Nhĩ và Công tử Di Ngô lớn tuổi hơn Hề Tề. Trùng Nhĩ và Di Ngô phải lần lượt chạy trốn sang nước ngoài để lánh nạn.

Sau khi Tấn Hiến Công qua đời, được sự giúp đỡ của Tần Mục Công, Công tử Di Ngô trở về nước và lên làm vua vào năm thứ 1 Chu Tương Vương (năm 650 trước Công nguyên), đó chính là Tấn Huệ Công.

Vào đầu năm chấp chính thứ 14, Tấn Huệ Công lâm bệnh nặng, bị người khác cướp ngôi, nhân lúc trời tối đã trốn về nước Tấn. Tấn Huệ Công cũng lo lắng Công tử Trùng Nhĩ về nước, ngôi báu bị đe dọa, sinh ra ăn không ngon, ngủ không yên. Quan đại phu Là Khích Nhuế liền kể nói:

- Trùng Nhĩ lưu lại ở bên ngoài, chung quy chỉ là kẻ họa hại, chi bằng nghĩ cách giết đi.

Tấn Huệ Công liền sai người tên là Bột Đê đâm chết Trùng Nhĩ.

Trùng Nhĩ chạy khỏi nước Tấn đến lánh nạn ở nước Địch cả thảy 12 năm dòng dã. Nước Tấn có những người giàu có, tài năng như Hồ Mao, Hồ Yển, Triệu Thôi, Ngụy Trừu, Giới Tử thôi... tất cả đều đi theo Trùng Nhĩ. Một hôm, hai anh em Hồ Mao, Hồ Yển nhận được thư của cha là Hồ Đột, thư viết rằng: "Trong vòng ba ngày nữa Bột Đê sẽ lập mưu đâm chết Công tử, hãy gấp rút chuẩn bị!". Tin tức được cấp báo cho Trùng Nhĩ. Mọi người chuẩn bị chạy trốn sang nước Tề. Ngày hôm sau, Trùng Nhĩ đang thu xếp hành lý đã thấy Hồ Mao, Hồ Yển hoảng hốt chạy đến nói:

- Cha tôi lại sai người đưa đến một bức thư khẩn, nói rằng Bột Đê đã lên đường sớm hơn dự định, chúng ta phải rời đi ngay.

Trùng Nhĩ nghe xong, vứt bỏ hành lý, ba chân bốn cẳng chạy một mạch ra khỏi thành; rất lâu sau, những người theo Trùng Nhĩ mới lật đật chạy tới.

Từ nước Địch muốn sang nước Tề phải qua nước Vệ. Nhưng Vệ Văn Công lại không để cho Trùng Nhĩ vào thành. Cực chẳng đã, họ đành phải đi vòng quanh. Không nơi nương tựa, lại chẳng có lương khô, đành phải đánh bài xin ăn.

Có hôm, họ đi suốt mấy chục dặm đường mà không gặp một bóng người. Mặt trời đã ở đỉnh đầu, mà vẫn chưa được ăn sáng, bụng đói cồn cào. Xa xa, có một đoàn nông phu ngồi ăn cơm ở dưới gốc cây lớn. Ai nấy đều vui mừng. Trùng Nhĩ sai Hồ Yển tới xin cơm. Những người nông phu áo không đủ che thân nhìn đoàn người ăn mặc kiêu quý tộc, nói:

- Chúng tôi cũng đang cần cơm ăn đây! Đến rau dại cũng chẳng bói ra thì làm gì có thức ăn thừa cho các người?

Một người nông phu khác bê một mảng đất bùn, đưa tới trước mặt Trùng Nhĩ, nói:

- Cho người thứ này nhé!

Trùng Nhĩ giận lắm, vung roi ngựa toan đánh người nông phu. Hồ Yển thấy bọn người nông phu ai nấy đều giận dữ nhìn Trùng Nhĩ, liền khuyên:

- Muốn có lương thực thì không có, muốn có đất e rằng còn khó hơn. Dân chúng dưng đất là điềm lành đó! Ông trời mượn tay họ gia ân cho chúng ta. Được đất có nghĩa là được nước đó.

Trùng Nhĩ nuốt hận bước lên xe. Sau không biết bao ngày đêm chịu đói, nhịn khát, họ đã tới

được nước Tề!

Tề Hoàn Công nghe nói Trùng Nhĩ đã tới theo mình, lập tức sai người ra nghênh đón, sắp xếp nơi ăn chốn ở cho họ, cung cấp xe ngựa, cho thịt cho gạo, tiếp đãi vô cùng chu đáo, lại sai đem một mỹ nữ tên gọi Tề Khương gả cho Trùng Nhĩ làm phu nhân. Trùng Nhĩ hết sức cảm kích, càng thêm tôn kính Tề Hoàn Công. Họ sống ở nước Tề liên bảy năm. Năm thứ 9 Chu Tương Vương (năm 643, trước Công nguyên) Tề Hoàn Công qua đời, năm Công tử của nước Tề tranh giành ngôi vua, thế nước dần dần suy yếu. Mấy người cùng đi theo Trùng Nhĩ bàn nhau ngầm rời khỏi nước Tề.

Thế nhưng, Trùng Nhĩ đã quá đắm say trong an nhàn, hưởng lạc, suốt ngày ôm ấp Tề Khương, không ý muốn rời bỏ nước Tề. Bọn Hồ Mao... muốn gặp Trùng Nhĩ cũng rất khó khăn. Ngụy Trừu thấy trướng mắt, cứ luôn miệng trách móc.

- Chúng tôi cho rằng Công tử có thể làm nên công trạng, cho nên đã tình nguyện theo Công tử bốn ba đây đó. Vậy mà nay Công tử lại sa vào vòng hưởng lạc, đam mê tửu sắc, muốn gặp công tử khó hơn cả đường lên trời. Phải chăng Công tử sẽ sống suốt đời như thế này?

Hồ Yến nói:

- Các vị chớ sốt ruột. Tôi đã có cách khiến Công tử tu tỉnh lại.

Triệu Thôi nói:

- Nước Tống luôn nuôi mộng bá chủ, họ đang rất cần người, chúng ta cứ đến theo Tống Tương Công thử xem. Vạn nhất không được thì lại tới nước Tần hoặc nước Sở.

Hồ Yến lại nói:

- Đại tư mã Công Tôn Cổ của nước Tống vốn là bạn tôi, tôi nghĩ có thể tới nước Tống được.

Mấy người này cho rằng những lời họ nói không ai nghe tiếng được, bàn bạc xong thì chia nhau đi chuẩn bị. Đâu ngờ mấy cô hầu của Tề Khương đang hái lá dâu trên cây, đã nghe trộm được những lời bàn bạc của họ, sau khi trở về đã kể lại cho Tề Khương nghe. Tề Khương sợ các cô hầu tiết lộ tin tức, liền sai giết cả đi, sau đó nói với Trùng Nhĩ:

- Được biết chàng sắp rời nước Tề phải không?

Trùng Nhĩ nói:

- Ai nói vậy? ở đây thật tuyệt, lại có nàng hầu tiếp bên cạnh, tôi còn muốn đi đâu nữa?

Tề Khương khuyên Công tử nói:

- Chàng cứ yên tâm mà đi! Nếu chỉ ham muốn an nhàn, hưởng lạc thì đời chàng sẽ bị tàn phai. Di Ngô đang làm loạn, quần chúng thì chống lại, người thân xa lìa. Nước Tấn đã bao nhiêu năm nay không được yên ổn, nhân dịp này Công tử trở về nước, nhất định sẽ có cơ giành được ngôi vua, làm nên nghiệp bá.

Thế nhưng Trùng Nhĩ vẫn không nghe theo.

Sáng hôm sau, Triệu Thôi, Hồ Yến tới gọi Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ vẫn còn đang ngủ ngon. Tề Khương ra hiệu Hồ Yến vào trong hỏi có việc gì?

Hồ Yến nói:

- Trước đây Công tử ở nước Định, ngày ngày lên xe rong ruổi xông pha. Nay, đã rất lâu rồi Công tử không ra ngoài hoạt động, sợ Công tử buồn chán, muốn mời công tử đi săn cho khuây khỏa.

Tề Khương cười rồi nói:

- Lần đi săn này, không tới nước Tống thì cũng tới nước Tần, đúng không?

Hồ Yển rất kính sợ, cố làm ra vẻ trấn tĩnh nói:

- Xin phu nhân đừng giận, mới đi săn lần đầu, sao có thể đi xa như vậy được?

Tề Khương nói:

- Đừng bịt mắt ta! Các người bàn bạc những gì, ta đã biết tổng rồi. Ta rất kính phục tấm lòng trung thành của các người. Ta cũng đã từng khuyên Công tử, thế nhưng Công tử vẫn không nghe. Lần này ta sẽ ra tay giúp đỡ các người. Tối nay, ta mời Công tử uống rượu, ta sẽ chuốc cho chàng uống say. Thừa lúc trời tối các người hãy kéo Công tử ra ngoài thành.

Hồ Yển thấy Tề Khương không phải là hạng đàn bà tầm thường thì rất đổi kính phục.

Buổi tối hôm đó, Tề Khương bày yến tiệc trong cung mời Công tử uống rượu.

Trùng Nhĩ hỏi:

- Tại sao lại bày tiệc lớn vào lúc đêm hôm thế này?

Tề Khương nói:

- Thiếp nghe nói Công tử sắp đi xa nên sai sửa tiệc tiễn biệt.

Trùng Nhĩ nói:

- Đời người có hạn, chỉ mong được sống như ý đã là quý, hà tất còn phải làm những việc gì khác nữa?

Tề Khương nói:

- Công tử cần phải có chí khí, phải biết nghe lời khuyên bảo trung thành của những người theo hầu, phải dời bỏ nước Tề mà đi!

Trùng Nhĩ rất bực tức, bỏ cốc rượu xuống, không uống nữa. Tề Khương sợ hỏng việc, gượng cười nói:

- Thôi cho qua, cho qua. Nếu chàng ra đi, đó mới thực là chí khí của Công tử; bữa rượu này được kể là bữa rượu tiễn biệt. Nếu không đi, có nghĩa là chàng rất nặng tình với thiếp; bữa rượu này coi là sự biểu thị lòng cảm tạ của thiếp đối với chàng. Nào, chúng ta cùng cạn chén!

Trùng Nhĩ chuyển giận thành vui, uống hết cốc này đến cốc khác, lại được Tề Khương không ngừng chuốc rượu, chẳng mấy chốc đã say tới mức bất tỉnh nhân sự. Tề Khương vội sai người đi tìm Hồ Yển. Bọn Hồ Yển khiêng Trùng Nhĩ lên xe, ra khỏi thành ngay đêm đó. Họ chạy một mạch năm sáu chục dặm, rồi đi chậm dần lại. Vừa hay, gà đã cất tiếng gáy báo sáng, phương Đông bắt đầu ửng hồng. Trùng Nhĩ gỡ mình, thấy xe tròng trành, lắc lư mạnh, vội choàng mở mắt mới biết là đang ngủ trên xe, chỉ có điều là không biết đang ở đâu, bỗng chốc giận dữ chửi bới âm ỉ:

- Các người muốn tạo phản ư? Tại sao không bàn bạc với ta mà đã dám đưa ra khỏi thành?

Nói xong, liền giằng lấy giáo từ trong tay Ngụy Trừu, lao thẳng vào Hồ Yển. Hồ Yển hấp tấp xuống xe. Trùng Nhĩ cũng nhảy xuống đuổi theo. Mọi người chạy theo sau dùng lời lẽ khéo léo khuyên can. Trùng Nhĩ vừa thở hổn hển vừa nói:

- Lần chạy trốn này, nếu trót lọt thì cho qua. Nếu thất bại, ta sẽ ăn sống, nuốt tươi nhà người đó!

Sự việc đã đến nước này, Trùng Nhĩ cũng chẳng còn biết làm cách nào, đành phải lên đường cùng với mọi người.

Trùng Nhĩ cùng đoàn người tới nước Tào. Tào Công Công là kẻ chỉ quen hưởng lạc. Các quan đại thần vây quanh ông ta lại phần lớn là hạng tiểu nhân chỉ biết xu phụ quyền thế; đối với Trùng Nhĩ, một gã Công tử chạy nạn, họ chẳng thèm để tâm. Cho nên Trùng Nhĩ chỉ ở lại nước Tào có một đêm, hôm sau đã khởi hành sang nước Tống.

Tổng Tương Công đang dưỡng vết thương ở đùi trong cuộc chiến tại Hoàng Thủy. Tuy Tổng Tương Công bị quân Sở đánh bại, nhưng ý chí xưng bá vẫn chưa bị diệt, vẫn muốn tìm người tài giúp đỡ, mong chinh đốn lại cờ trống, báo thù huyết hận. Bây giờ nghe nói Trùng Nhĩ đến theo thì cả mừng liền lập tức cử Công Tôn Cố đi nghênh tiếp, sai người dùng lễ tiết của nhà vua để chiêu đãi Trùng Nhĩ. Thâm tâm Tổng Tương Công rất muốn, song lo lực lượng chẳng đầy đủ, cộng thêm bệnh tật ngày càng trầm trọng, lấy đâu ra lực lượng để giúp đỡ Trùng Nhĩ trở về nước nữa? Bọn Hồ Yến... thấy tình hình này đành phải từ biệt vua tôi nước Tống để đi sang nước Sở.

Sở Thành Vương đón tiếp Trùng Nhĩ hết sức long trọng, dùng lễ tiết hoàng cung để chiêu đãi Trùng Nhĩ. Sở Thành Vương càng tỏ ra kính trọng Trùng Nhĩ bao nhiêu thì Trùng Nhĩ càng khiêm tốn bấy nhiêu. Hoàn toàn khác với khi còn ở nước Tề, bây giờ Trùng Nhĩ đã thường xuyên nghĩ tới đại sự, đó là việc phải trở về nước Tấn. Một hôm, hai người đang nói chuyện vui vẻ, Sở Thành Vương hỏi Trùng Nhĩ:

- Nếu trở về nước Tấn thì Công tử sẽ báo đáp ta thế nào?

Trùng Nhĩ nói:

- Vàng bạc, châu báu ngài không thiếu. Tôi thật sự không biết lấy gì trong số cấm lạ, thú hiếm của đất Sở để báo đáp ngài.

Sở Thành Vương cười, nói:

- Thế Công tử không tạ ơn ta sao?

Trùng Nhĩ nghĩ hồi lâu, nói:

- Nếu nhờ hồng phúc của ngài tôi trở về được nước Tấn, tôi sẽ tìm cách giữ hòa hiếu với nước Sở, trong tương lai vạn nhất hai nước có đánh nhau, tôi nhất định sẽ ra lệnh cho quân Tấn lùi tránh ba xá để báo đáp ân tình của ngài.

Trong các cuộc hành quân thời cổ, cứ 30 dặm là một xá, lùi ba xá có nghĩa là rút lui 90 dặm. Sở Thành Vương cho là Trùng Nhĩ nói đùa, cười cho qua. Tướng Sở là Thành Đức Thần giận lắm, nói với Sở Thành Vương rằng:

- Trùng Nhĩ coi trời bằng vung, dám liều độ sức cùng ta, dã tâm thật không nhỏ, nhân lúc còn chưa muộn, chi bằng giết quách đi.

Sở Thành Vương nói:

- Sao lại như vậy được? Chí hướng của Tấn Công tử xa rộng, người đi theo ông ta đều là kẻ hiền tài, tương lai nhất định sẽ hoàn thành được việc đại sự đó!

Từ đây trở về sau, Sở Thành Vương càng quý trọng Trùng Nhĩ.

Lúc này Tần Mục Công đang dò la tin tức của Trùng Nhĩ ở khắp nơi, nghe nói Công tử ở nước Sở, lập tức cử người đi đón. Sở Thành Vương nói với Trùng Nhĩ:

- Tần Bá sai người tới đón Công tử, giúp Công tử trở về nước. Quả thực không gì tốt hơn thế!

Trùng Nhĩ nghe được tin này thì rất mừng. Công tử biết rằng lực lượng của nước Tấn rất mạnh, việc đưa Trùng Nhĩ về nước không thành vấn đề, nhưng để lấy lòng Sở Thành Vương, Trùng Nhĩ có ý nói:

- Tôi chỉ muốn đi theo ngài, chứ không muốn tới nước Tần.

Sở Thành Vương nói:

- Xin Công tử đừng nói vậy. Nước Sở cách quý quốc những mấy quốc gia nữa, nghĩa là ở rất xa. Nước Tần và quý quốc cách nhau rất gần, sáng sớm xuất phát, buổi tối đã tới nơi. Lại nói Tần Bá căm hận vua Tấn, nhất định ông ta sẽ tận sức giúp đỡ Công tử, không nên do dự nữa, hãy mau chân lên!

Trùng Nhĩ liền cáo biệt nước Sở, dẫn đoàn người khẩn trương đến nước Tần.

Trùng Nhĩ đến nước Tần, Tần Mục Công nhiệt tình chiêu đãi, lại đem con gái là Hoài Danh cải giá với Trùng Nhĩ.

Một hôm, trong lúc mọi người đang trò chuyện rôm rả, thì hai anh em Hồ Mao, Hồ Yển chạy vào, gục đầu khóc lóc, bắt Trùng Nhĩ phải trả thù cho họ. Vốn là sau khi Tấn Huệ Công qua đời, Hoài Công kế ngôi (tức là Công tử Vũ) cũng giống như cha, ngày đêm nơm nớp lo Trùng Nhĩ trở về đoạt ngôi, đã hạ lệnh phàm những ai đi theo Trùng Nhĩ, trong vòng ba tháng sau khi trở về, đều bị Tấn Hoài Công cho giết sạch. Trùng Nhĩ đem sự việc này nói cho Tần Mục Công biết; Tần Mục Công nói:

- Đây là cơ hội tốt trời ban, không được để lỡ, ta nhất định đích thân đưa các người trở về nước.

Năm thứ 16 Chu Tương Vương (năm 636 trước Công nguyên), đại quân của nước Tần đã tới Hoàng Hà. Tần Mục Công sai Công tử Chấp đem quân hộ tống Trùng Nhĩ qua sông, bản thân thì đóng quân lại ở bờ tây Hoàng Hà, chuẩn bị tiếp ứng.

Sau khi Công tử Chấp hộ tống Trùng Nhĩ qua sông, đã đánh hạ liền mấy toà thành. Đại tướng quân Tấn là Lữ Tĩnh, Khánh Huệ biết không thể địch nổi thế quân Tần, lại hay lòng người đều hướng theo Trùng Nhĩ, liền ký kết lập liên minh với Công tử Chấp, rồi đầu hàng. Tấn Hoài Công bỏ thành chạy trốn, không lâu bị đâm chết. Các đại thần văn võ của nước Tấn ủng hộ lập Trùng Nhĩ lên làm vua, chính là Tấn Văn Công.

Năm 43 tuổi Tấn Văn Công bắt đầu chạy nạn; khi lên ngôi đã 62 tuổi, tính ra ông đã chìm nổi ở ngoài đời rông đã 19 năm. Chặng đường lưu vong ấy đã rèn đúc Trùng Nhĩ và các quan đại thần dưới quyền ông mạnh thêm ý chí, giàu thêm kiến thức và tài năng chính trị. Khi lên làm vua Trùng Nhĩ đã chú ý chỉnh đốn nền trính trị trong nước, phát triển sản xuất, ổn định lòng dân. Nước Tấn nhờ vậy đã cường thịnh lên rất nhanh chóng.

35. Lùi tránh ba xá

Tấn Văn Công cai trị nước giỏi, lại muốn bành trướng thế lực sang khu vực Trung Nguyên, tranh bá với các nước chư hầu. Lúc này, nước Tề đã không còn như trước nữa, nước Sở ở phương Nam đã lớn mạnh lên. Sở Thành Vương đã nhanh chóng đem đất đai phía nam Hoàng Hà ở Trung Nguyên phiên chế vào phạm vi thế lực của mình, ngoài ra còn không ngừng phát triển lên phía Bắc. Như vậy là hai nước Tấn, Sở đã phát sinh xung đột rất gay gắt.

Năm 18 Chu Tương Vương (năm 634, trước Công nguyên), nước Sở mượn có là nước Tống đã đi theo nước Tấn, dấy binh đánh Tống. Tống Thành Công (con trai Tống Tương Công) sai Công Tôn Cổ tới nước Tấn xin quân cứu viện. Tấn Văn Công lập tức triệu tập quần thần để thương nghị. Đại tướng Tiên Chấn nói:

- Hiện tại chỉ có nước Sở là lớn mạnh nhất, nếu chúa công muốn xác lập uy tín, xây đắp nghiệp bá của nước Tấn, không thể không đánh bại nước Sở.

Hồ Yển bằng lòng với ý kiến của Tiên Chấn, còn đề xuất việc di chuyển binh lực của nước Sở và nêu ra biện pháp cụ thể để giải vây cho nước Tống. Ông nói:

- Cách đây không lâu, nước Sở mới lôi kéo nước Tào về phía mình, gần đây lại kết thân gia với nước Vệ. Mỗi quan hệ giữa ba nước đúng là lúc tốt đẹp nhất. Tào và Vệ lại là thù địch của chúng ta. Nếu chúng ta xuất quân tiến đánh hai nước này, nước Sở nhất định phải tới cứu, như vậy nước Tống đã được giải vây. Mỗi thù của chúng ta đã trả được. Như vậy chẳng phải là nhất cử lưỡng đắc đó sao?

Tấn Văn Công cho rằng những lời họ nói đều rất có lý, liền bằng lòng với yêu cầu của Công Tôn Cổ, rồi quyết định xuất quân đánh nước Tào và nước Vệ.

Trước khi xuất quân, Tấn Văn Công cho chỉnh đốn lại quân đội. Nước Tấn vốn chỉ có hai quân Thượng, Hạ; để tăng cường sức chiến đấu, Tấn Văn Công đem hai quân bổ sung, mở rộng thành ba quân Thượng, Trung, Hạ. Tiếp đó, tuyển chọn đề bạt Trung quân nguyên soái, bổ nhiệm tướng lĩnh, chánh, phó của hai quân Thượng, Hạ. Lực lượng quân sự của nước Tấn đã được tăng cường mạnh mẽ.

Tháng giêng năm 20 Chu Tương Vương (năm 632, trước Công nguyên), nước Tấn xuất quân trừng phạt nước Tào. Phía nam của nước Tấn là nước Vệ, phía nam của nước Vệ mới là nước Tào. Nước Tấn muốn đánh nước Tào thì phải đi qua nước Vệ. Nước Tấn hỏi mượn nước Vệ, nước Vệ không bằng lòng. Nước Tấn vin cớ này, trước tiên tới đánh nước Vệ. Tiếp đó, quân Tấn thọc sâu đánh thẳng, chưa đầy mấy ngày đã đánh vào đô thành nước Tào, bắt sống được Tào Cộng Công. Để tranh thủ lòng dân nước Tào, sau khi Tấn Văn Công vào thành, công bố tội trạng, tránh hỏi Tào Cộng Công ngay trước mặt quần chúng. Hơn thế, để biểu thị sự tôn trọng đối với các bậc hiền tài, không quên ân cũ, Tấn Văn Công lại ra lệnh cho quân Tấn không được tiến vào khu nhà ở của quan đại phu nước Tào là Hy Phụ Kỳ, bảo đảm an toàn của gia tộc Hy Phụ Kỳ. Ngụy Triều, Điền Hiệt không tuân mệnh lệnh, phóng lửa đốt cháy nhà ở của Hy Phụ Kỳ, Tấn Văn Công đã xử tử Điền Hiệt và cách chức Ngụy Triều. Những biện pháp này của Tấn Văn Công đã giành được sự ủng hộ của dân chúng nước Tào, đã nâng cao được mạnh mẽ uy tín của nước Tấn.

Nước Tấn đánh gục được nước Tào và nước Vệ, tuy uy tín đã có, song mục đích giải vây cho nước Tống lại không đạt được. Nước Sở vẫn vây chặt đô thành nước Tống. Tống Thành Công không còn cách nào đánh lại cử người đem lễ vật tới xin Tấn Văn Công viện trợ. Tấn Văn Công cảm thấy rất khó xử. Ông nói với Tiên Chấn:

- Không cứu viện ư, tất nhiên nước Tống sẽ tuyệt giao với chúng ta, nếu đi cứu viện ư, lại phải đánh nhau một trận lớn với nước Sở! Chỉ dựa vào lực lượng của mình, e rằng hiện tại vẫn chưa thể đánh nổi nước Sở. Tốt nhất là phải liên hiệp với hai nước Tề, Tần, nhưng hai nước Tề, Tần lại chẳng có hận thù gì với nước Sở, làm sao họ có thể giúp đỡ ta được?

Tiên Chấn nói:

- Điều này dễ thôi. Để cho phái viên nước Tống đem lễ vật tới hối lộ hai nước Tề Tần, nhờ hai nước này thay họ trình với nước Sở, thỉnh cầu nước Sở rút quân. Nếu nước Sở không đồng ý rút quân, hai nước Tề Tần sẽ oán hận nước Sở, lúc đó chúng ta sẽ liên hiệp với họ cùng đánh nước Sở, đảm bảo có thể chắc thắng.

Tấn Văn Công nói:

- Vạn nhất nước Sở đồng ý rút quân, nước Tề, nước Tần chẳng còn lý do gì để từ chối giúp đỡ chúng ta!

Tiên Chấn nói:

- Chúa công khỏi lo. Nước Tào và nước Vệ là quốc gia bảo hộ cho nước Sở, nay đất đai của hai nước đều ở trong tay chúng ta, chúng ta lấy một phần đất đai của họ tặng cho nước Tống, khẳng định là nước Sở không cam tâm. Lúc đó, mặc dù cho hai nước Tề Tần nói tình như thế nào, e rằng nước Sở cũng sẽ không rút quân.

Tấn Văn Công luôn miệng khen hay, lập tức làm theo kế đó.

Một hôm, sứ giả của hai nước Tề Tần đang thay lời nước Tống nói với đại tướng nước Sở là Thành Đắc Thần, thì quan phòng thủ của hai nước Tào Vệ hốt hoảng chạy vào, kêu khóc kể lể với Thành Đắc Thần: nước Tống dựa vào thế lực của nước Tấn đã đuổi hết vua tôi của họ đi, chiếm hết đất đai của hai nước họ. Thành Đắc Thần vừa nghe, bỗng nhiên giận dữ, nói với sứ giả hai nước Tề Tần:

- Nước Tống đã ức hiếp các nước bảo hộ của chúng tôi, còn đâu ý tứ giảng hòa nữa?

Nói rồi phẩy tay áo, bỏ đi. Sứ giả hai nước cụt hứng, khó chịu rời khỏi đại bản doanh của quân Sở. Tấn Văn Công đã sớm cử người chờ sẵn ở trên đường, vừa gặp sứ thần hai nước liền mời họ tới đại bản doanh bày tiệc rượu khoản đãi, nói:

- Tướng lĩnh nước Sở thật quá ngông cuồng, hai vị đã phải ngậm bồ hòn làm ngọt! Chúng tôi sẽ lập tức khai chiến với chúng, mong hai nước mau tay giúp đỡ!

Sứ thần hai nước đồng ý ngay.

Tấn Văn Công được sự giúp đỡ của nước Tề và nước Tần, ra sức củng cố lực lượng, cô lập nước Sở, giành thắng lợi trọng đại trên mặt ngoại giao, tích cực chuẩn bị khai chiến với quân Sở.

Sở Thành Vương biết tin ba nước Tấn, Tề, Tần đã thành đồng minh thì cảm thấy tình thế đã trở nên rất bất lợi, liền sai người tin cho Thành Đắc Thần lui quân; còn căn dặn:

- Tấn Hầu bên ba ở bên ngoài suốt 19 năm ròng, nay đã hơn 60 tuổi, rất dày dặn kinh nghiệm, chúng ta đánh nhau với hắn, chưa chắc đã thắng được, hãy mau thu quân!

Thành Đắc Thần nhận mệnh lệnh trong tâm trạng không vui. Khi Trùng Nhĩ còn lánh nạn ở nước Sở, Thành Đắc Thần cho rằng Trùng Nhĩ coi trời bằng vung, nuôi dã tâm lớn, bây giờ Sở Thành Vương lại bắt Thành phải trốn tránh Trùng Nhĩ. Thành cam lòng sao được? Thành Đắc Thần liền nói với các tướng lĩnh dưới quyền:

- Lấy đô thành nước Tống chỉ là việc một sớm một chiều. Bây giờ phải rút quân, thật là đáng tiếc!

Sau đó, liền sai người trả lời Sở Thành Vương:

- Xin hãy để cho thần được ở lại đây vài hôm, chờ thần đánh bại nước Tống, rồi rút quân ngay. Nếu vấp phải quân Tấn thần sẽ quyết một trận sống chết với chúng, vạn nhất bị thua, thần tình nguyện chịu xử phạt theo quân pháp.

Sở Thành Vương thấy Thành Đắc Thần không phục tùng mệnh lệnh, rất không hài lòng. Có

điều, Sở Thành Vương cũng không cam tâm để cho nước Tấn xưng bá Trung Nguyên, ngăn cản việc Bắc tiến của mình, cho nên đối với Thành Đắc Thần cũng không cấm đoán, chỉ dặn dò Thành cần phải chú ý thận trọng, chớ tùy tiện quyết chiến với quân Tấn.

Thành Đắc Thần không coi trọng lời nói của Sở Vương, trái lại còn gấp rút đánh vào thủ đô nước Tống. Quân dân nước Tống chiến đấu dũng cảm, kiên quyết trấn giữ, quân Sở không sao có thể đánh hạ nổi. Thành Đắc Thần thấy nước Tấn từng bước sắp tới gần, còn mình thì lại bị sa lầy ở nước Tống, không rút ra được, vừa bức tức lại vừa lo lắng. Thành nghĩ, thủ đô nước Tống mà còn không đánh nổi, làm sao có thể tranh hùng với nước Tấn được? Tức thì Thành Đắc Thần thay đổi sách lược, sai bộ tướng Uyển Xuân tới gặp Tấn Văn Công:

- Nếu ngài khôi phục lại nước Tấn và nước Vệ, chúng tôi cũng bằng lòng giải vây cho nước Tống...

Uyển Xuân còn chưa nói hết lời, Hồ Yển đã ra mặt chửi:

- Thành Đắc Thần tính toán như thần. Hẳn rữ bỏ một nước Tống bất khả xâm phạm, lại đòi chúng ta cho hẳn hai quốc gia đã bị diệt. Tuyệt làm sao!

Tiên Chấn vờ không tán thành với ý kiến của Hồ Yển, quay lại nói với Uyển Xuân:

- Xin ngài cứ nghỉ ngơi trước đã, chúng tôi bàn lại, rồi sẽ trả lời Ngài sau.

Uyển Xuân vừa lùi ra, Hồ Yển liền hỏi:

- Phải chăng Ngài thực lòng muốn theo biện pháp của Uyển Xuân?

Tiên Chấn nói:

- Biện pháp mà chúng nêu ra, vừa không thể nghe được, lại vừa không thể không nghe!

Hồ Yển nói:

- Lời nói này có nghĩa là sao?

Tiên Chấn nói:

- Ngài không nhận ra ư? Đây là quỷ kế của Thành Đắc Thần! Nếu ta không bằng lòng thì ba nước Tấn, Vệ, Tống sẽ không yên ổn và đều hận chúng ta. Nếu ta bằng lòng, ba nước sẽ được yên ổn, công lao đó là của nước Sở, ba nước đều mang ơn nước Sở. Theo ý kiến của tôi, chỉ bằng chúng ta tương kế tựu kế, mật bàn kỹ với hai nước Tào và Vệ, nếu hai nước tuyệt giao với Sở, chúng ta bảo đảm sẽ khôi phục ngôi vua của họ. Như vậy là bài tính như ý của nước Sở sẽ là con số không. Sau đó chúng ta lại bắt giữ Uyển Xuân để kích thích nước Sở tức giận. Thành Đắc Thần thấy ta bắt giữ sứ thần của họ, nhất định sẽ quay lại đánh chúng ta, lúc đó vòng vây đối với nước Tống dĩ nhiên sẽ tự được phá bỏ.

Tấn Văn Công nghe xong, ngay lập tức cho bắt giam Uyển Xuân, quả nhiên Thành Đắc Thần đã dùng mưu nỏ, quát chửi:

- Trùng Nhĩ là đồ thối tha, vừa mới lên ngôi đã vong ân bội nghĩa. “Lưỡng quốc tương tranh, bất tội lại sứ” là quy định của cổ nhân, sao lại giữ sứ thần của ta? Ta nhất định phải đích thân chất vấn hẳn.

Vừa hay, lá thư tuyệt giao của hai nước Tào, Vệ đối với nước Sở cũng được đưa tới, Thành Đắc Thần quát hỏi:

- Hai lá thư này dứt khoát là do Trùng Nhĩ bắt họ phải viết. Lão già này ức hiếp người ta quá lắm, ngày hôm nay ta nhất định phải liều sống chết với hắn.

Nói rồi, hạ lệnh cho ba quân lớn nhỏ giải trừ trùng vây cho nước Tống, rồi kéo tới nơi đóng quân của quân Tấn. Một cuộc đại chiến đã xảy ra.

Lúc này, tình thế của hai nước Tấn, Sở đã có những biến đổi rất to lớn. Sở vốn là một nước mạnh, đất đai, quân đội và các nước phụ thuộc của Sở đều đã vượt xa nước Tấn. Lực lượng của

nước Tấn tương đối yếu, lại tác chiến xa lãnh thổ của mình, nên tình thế rất bất lợi. Thế nhưng, kể từ khi Trịnh Văn Công thu nạp kiến nghị của các đại thần, trước hết ông cho chỉnh đốn quân ngũ, sau đó, đánh chiếm lại hai nước nhỏ Tào, Vệ ở gần nước Tấn, giành căn cứ địa để tiến lên, tiếp đó lại nhận được sự ủng hộ của hai nước Tề, Tấn, do vậy đã cải thiện được cảnh ngộ bất lợi của mình đồng thời giành được quyền chủ động trên mặt chiến lược.

Hai quân bày xong thế trận, đang sắp sửa khai chiến, Hồ Yển nói với Trịnh Văn Công:

- Năm xưa, khi Chúa công còn ở nước Sở, đã từng nói với vua Sở, vạn nhất hai nước giao chiến, nhất định quân Tấn sẽ lùi tránh ba xá. Chúa công, ngài không thể thất tín được!

Trịnh Văn Công bỗng sững người, các bộ tướng tả hữu đều nhất tề phản đối, họ nói:

- Nước Tấn chúng ta là vua một nước, lại phải lùi tránh trước mặt thần tử của nước Sở hay sao?

Hồ Yển nói:

- Thành Đắc Thần tuy điên cuồng, nhưng ân huệ của Sở Vương thì chúng ta không thể quên được. Lại nói, chúng ta lùi tránh là để biểu thị lòng biết ơn đối với Sở Vương, chứ đâu phải chúng ta sợ Thành Đắc Thần.

Các bộ tướng lại hỏi:

- Chúng ta rút lại, quân Sở đuổi theo thì làm thế nào?

Hồ Yển nói:

- Chúng ta rút lại, chúng vẫn còn cứ đuổi theo thì chúng đã thua ta về lý, tới lúc đó chúng ta lấy lý thẳng khí mạnh, dũng mãnh phản kích, nhất định thắng được.

Mọi người đều cho rằng lời của Hồ Yển là có lý.

Vào tháng tư năm 20 Chu Tương Vương (năm 632 trước Công nguyên) Trịnh Văn Công hạ lệnh rút lui 90 dặm. Quân Tấn lùi mãi tới Thành Bộc (địa phận nước Vệ, phía Nam huyện Bộc, tỉnh Sơn Đông ngày này) mới dừng lại. Lúc này binh mã của nước Tề, nước Tần, nước Tống cũng lần lượt kéo dài.

Kỳ thực cái gọi là “Lùi tránh xa” không chỉ đơn thuần là thực hiện lời hứa, đó còn là một sách lược, để cho các binh sĩ thấy rõ nhà vua coi trọng chữ tín như thế nào, có thể nâng cao uy tín của mình trên mặt chính trị, lại tránh được mũi nhọn của quân Sở, làm tổn thương nhuệ khí của quân Sở, thời cơ thuận lợi để quyết chiến với địch đang đến gần. Đây chính là một tuyệt chiêu tích cực của việc phòng ngự, khích lệ sĩ khí.

Quân sở thấy quân Tấn lùi tránh cho rằng Trịnh Văn Công không dám đụng độ với nước Sở, thì lấy làm đắc ý. Có người nói, quân Tấn chưa giao phong đã hoảng sợ mà bỏ chạy, chúng ta đã giữ được thể diện rồi, chi bằng thu quân tại đây. Thế nhưng chủ tướng Thành Đắc Thần lại không làm như vậy. Thành Đắc Thần nói:

- Quân Tấn rút lui, chúng tỏ rằng chúng đã hoảng sợ, chúng ta càng cần phải thừa thắng truy kích, đánh cho chúng đại bại!

Tức thì, Thành Đắc Thần hạ lệnh cho toàn quân xuất kích, đuổi thẳng tới chân thành Thành Bộc. Các tướng sĩ quân Tấn nhìn thấy quân Sở điên cuồng như vậy, người nào cũng vuốt cánh xoa tay, sĩ khí dâng cao, quyết một trận sống mái với quân Sở.

Tuy quân lính được chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt, Tấn Văn Công vẫn rất không yên tâm; đặc biệt, khi quân Sở dựa vào thế núi để hạ trại, chiếm giữ một địa hình có lợi, thì ông càng thấp thỏm, buồn rầu. Tấn Văn Công nghĩ: trận này đánh thắng thì có thể xưng bá được. Nếu thua thì từ đây nước Tấn phải nghe theo nước Sở rồi. Nước Sở binh khỏe tướng mạnh, nhiều năm trở lại đây rất ít khi bị thua trận. Thành Đắc Thần lại là danh tướng của nước Sở, liệu trận này ta có thể đánh thắng được không? Đúng là ban ngày suy nghĩ làm sao thì ban đêm mộng

thấy như vậy. Tấn Văn Công đang mơ màng trong giấc ngủ thì liền sa vào một cơn ác mộng. Mơ thấy bản thân mình vật lộn với Sở Thành Vương. Sở Thành Vương đã đánh ngã ông, trèo lên thân ông, hút khô hết nước óc của ông. Trịnh Văn Công sợ quá choàng tỉnh dậy, đầu đau nhức. Càng nghĩ ông càng sợ hãi. Trời vừa sáng, Tấn Văn Công liền hỏi Hồ Yển tới, kể lại tường tận giấc mộng đêm qua. Hồ Yển nghe xong cười khà khà, chúc mừng Tấn Văn Công. Hồ Yển nói:

- Giấc mộng thật là đại cát đại lợi. Xin Chúa công cứ yên tâm! Trận này nhất định thắng lợi.

Tấn Văn Công nghe thấy kỳ quái, liền hỏi:

- Lời nói này nên giải thích thế nào?

Hồ Yển nói:

- Nhà vua mặt ngựa lên trời, điều đó chẳng phải là đã được sự giúp đỡ của trời đó sao? Sở Vương phục thân xuống đất, chẳng phải là đang thỉnh tội đại vương đó sao? Khà Khà! Trận này nhất định đại vương sẽ thắng!

Biết Tấn Văn Công rất không yên tâm về trận đánh này Hồ Yển đã cố ý bịa ra những lời trên để củng cố niềm tin cho ông. Tấn Văn Công tin là thật, bỗng chốc đầu không đau nữa, niềm tin tăng lên gấp bội, ý chí quyết chiến càng thêm mãnh liệt.

Thành Đắc Thần sai Đẩu Bột tới hạ chiến thư, lời lẽ vô cùng ngạo mạn: “Thuộc hạ của ta yêu cầu được chơi một trận với thuộc hạ của ngài, mời ngài cứ ngồi yên trên xe mà xem. Ta cũng sẽ tiếp ngài cùng xem đánh trận”.

Hồ Yển nói với Tấn Văn Công:

- Thành Đắc Thần coi việc đánh trận như trò chơi, thái độ khinh xuất như vậy sao lại không thua cho được!

Trịnh Văn Công liền sai người trả lời thư cho Thành Đắc Thần:

- Ta chưa hề quen việc làm tốt đẹp của Sở Vương đối với ta, cho nên ta đã lù tránh đến đây, không dám đối trận với quân đại phu. Quan đại phu cứ nhất định đòi xem đánh trận, ta cũng đành tiếp vậy. Sáng sớm ngày mai chúng ta sẽ gặp mặt nhau ở trên chiến trường nhé!

Xe chiến của quân Tấn có tổng cộng 700 chiếc, binh lính có hơn năm vạn người, toàn bộ nai nịt mũ và áo giáp, hàng ngũ chỉnh tề. Tấn Văn Công đứng ở trên đồi cao, kiểm duyệt toàn quân. Tấn Văn Công nói:

- Thượng hạ một lòng, kỷ luật nghiêm minh, có thể quyết chiến được!

Chủ tướng Thành Đắc Thần đích thân thống soái trung quân, hấn cho rằng từ xưa tới nay quân Sở đánh đâu thắng đấy, lại tận mắt thấy quân Tấn không chịu nổi một đòn, hấn liền lên giọng khoác lác với các tướng sỹ:

- Hôm nay phải quyết đánh cho quân Tấn tan tác!

Hôm sau, tức là ngày mùng 4 tháng 4 năm 20 Chu Tương Vương, cuộc hội chiến bắt đầu. Thống soái quân Tấn là Tiên Chấn đã phái Hạ quân trong Tam quân đánh vào Hữu quân của Sở. Hữu quân của Sở là liên quân của Trần và Thái, lực lượng đơn mỏng; đó chính là điểm yếu để Tiên Chấn chọn làm đột phá khẩu. Một hồi trống thúc vừa nổi lên, Hạ quân của Tấn xông ra trước. Những chiến mã kéo xe toàn bộ khoác da hổ, ngựa chiến của quân Sở nhìn thấy hoảng sợ, nhảy cuồng lên. Quân Tấn thừa thế đánh tới. Hữu quân của nước Sở bỏ trận địa chạy trốn, dứa chết, dứa bị thương vô số. Tiên Chấn lại ra lệnh cho chủ tướng của Thượng quân là Hồ Mao giả vờ sung làm trung quân đem lá cờ lớn chủ soái Trung quân cắm ở trên xe chiến của Hồ Mao để mê hoặc đối phương. Chủ tướng Tả quân của Sở là Đẩu Nghi Thân từ xa đã nhìn thấy lá cờ chủ soái của quân Tấn, quả nhiên đã xông tới. Hồ Mao đánh trả mấy hiệp, rồi quay đầu bỏ chạy. Chủ tướng Hạ quân của Tấn là Loan Chi sai mấy người dùng chiến xa kéo cành cây cho đất cát bụi mù, giả vờ bại trận thua chạy. Đẩu Nghi Thân cho rằng quân Tấn đã thua, liền chỉ huy quân Sở dốc toàn lực truy kích. Đang hăng hái truy đuổi, bỗng nhiên thấy tiếng trống nổi

ầm vang, chủ tướng của quân Tấn là Tiên Chấn thống lĩnh quân tinh nhuệ đã mai phục sẵn từ trước, kéo tới đánh thọc ngay vào sườn quân Sở, Hồ Mao lại quay đầu trở lại đánh, hai quân đánh khép gióng kìm, tả quân của nước Sở chân tay rối loạn, không chống đỡ nổi, cũng bị đánh tan. Quân Sở hoàn toàn rối loạn, Thành Đắc Thần nhận thấy thế trận xấu rồi, liền vội vàng thu binh, mới may thoát khỏi cảnh toàn quân bị tiêu diệt. Tới ngày mùng 8 tháng 4, quân Tấn đã kéo tới trận đại của quân Sở, dùng lương thực của quân Sở bỏ lại nhóm lửa nấu cơm.

Cuộc chiến ở Thành Bộc đã được kết thúc bằng thắng lợi huy hoàng của quân Tấn và sự đại bại của quân Sở.

Tin tức thất bại của quân Sở đã được truyền tới ảnh Đô. Sở Thành Vương vốn đang không hài lòng vì Thành Đắc Thần đã không phục tùng mệnh lệnh, trước kết cục thảm hại thế này lại càng thêm tức giận, liền quát chửi Thành Đắc Thần:

- Để cho các chiến sĩ xuất chinh chết nhiều như vậy, hã còn dám dẫn xác về đây à?

Thành Đắc Thần cảm thấy không còn mặt mũi nào để trở về nữa, liền tự sát.

Tin nước Tấn đánh bại nước Sở truyền tới Lạc Dương. Chu Tương Vương cử khanh sĩ là Vương Tử Hồ đến úy lạo Tấn Văn Công. Tấn Văn Công đem một nghìn hàng binh Sở và một trăm chiếc binh xa chiến lợi phẩm, dâng lên Thiên Vương. Thiên Vương đã thưởng cho Tấn Văn Công một trăm mũi tên nổ màu hồng và một trăm mũi tên nổ màu đen. Thiên Vương cũng thưởng tên nổ cho các chư hầu, đó là một phần thưởng cao quý, mang ý nghĩa cho phép nước chư hầu này có quyền tự do đi chinh phạt các nước chư hầu khác. Tấn Văn Công mượn cơ hội này để hội họp chư hầu, uống rượu ăn thề hợp thành liên minh, lên làm bá chủ.

36. Chúc Chi Vũ lui quân Tần

Trong trận chiến ở Thành Bộc, quân Tấn tuy đã đánh bại quân Sở, thế nhưng lực lượng của nước Sở vẫn còn mạnh, các nước chư hầu tương đối nhỏ vẫn sợ nước Sở. Điều này rất bất lợi đối với việc sáng lập nghiệp bá của nước Tấn. Cho nên Tấn Văn Công luôn luôn muốn khuất phục các nước nhỏ ở phương Nam, không cho đi theo nước Sở. Một hôm, có người đến báo cáo rằng nước Trịnh đã đi theo nước Sở, Tấn Văn Công liền hạ lệnh ngay tới quăng đòi lưu vong năm xưa bị Trịnh Văn Công cự tuyệt tiếp đãi; rồi trong trận chiến ở Thành Bộc, Trịnh Văn Công lại xuất binh tái giúp nước Sở; thế là hận thù cũ, mới dồn dập đến, Tấn Văn Công lập tức sai người đưa thư tới cho Tần Mục Công, ước hẹn với nước Tần cùng tiến đánh nước Trịnh. Tần Mục Công cũng đang muốn khuyếch trương thế lực về phương Đông, bèn vui vẻ bằng lòng ngay.

Năm 22 Chu Tương Vương (năm 630 trước Công nguyên), Tần Mục Công đem theo Bách Lý Hề, Mạnh Minh Thị và phó tướng Kỷ Tử, soái lĩnh hai trăm binh xa kéo tới đánh nước Trịnh. Quân đội nước Tần kéo tới từ lâu, đóng quân ở phía Tây Thành Trịnh. Quân đội nước Tần đóng quân ở phía Đông thành Trịnh. Binh mã của hai nước vây chặt lấy đô thành của nước Trịnh tới mức nước không rỉ ra được. Trịnh Văn Công không biết làm thế nào cho phải. Quan đại phu nước Trịnh là Thúc Chiêm nói với Trịnh Văn Công:

- Hai nước Tần Tấn có lực mạnh, chúng ta không thể địch nổi. Nếu thuyết phục được nước Tần lui quân, chỉ còn lại một nước Tấn thì mới dễ dàng đối phó.

Trịnh Văn Công nói:

- Ai sẽ đi thuyết phục quân Tần lui binh?

Có người tiến cử quan đại phu Chúc Chi Vũ. Trịnh Văn Công sai người gọi ông ta đến. Thấy Chúc Chi Vũ đầu bạc phơ, eo cong, lưng gù, đi tập tễnh, như sắp về với đất, mọi người đều cười thầm. Trịnh Văn Công cung kính nói với Chúc Chi Vũ:

- Được biết tiên sinh là người thạo nói, giỏi biện luận, muốn nhờ tiên sinh tới gặp Tần Mục Công, khuyên ông ta lui binh, không biết ý của tiên sinh như thế nào??

Chúc Chi Vũ nói:

- Chúa Công đã quá đề cao lão đó. Lúc còn trẻ khỏe, lão đã chẳng làm được gì, nay đã già rồi, còn ích dụng gì nữa?

Trịnh Văn Công ngầm hiểu ý tứ trong lời của ông già, vội nói:

- Trước đây tiên sinh chưa được trọng dụng, đó là lỗi của quả nhân. Bây giờ quốc gia nguy cấp, nhờ tiên sinh vất vả một chuyến. Nếu mất nước Trịnh, tiên sinh cũng chẳng được lợi lộc gì.

Chúc Chi Vũ thấy Trịnh Văn Công rất thành tâm, bèn nhận lời.

Ngay đêm đó, các binh sĩ dùng dây thừng thả Chúc Chi Vũ xuống phía Đông Thành. Chúc Chi Vũ vừa bước tới bên ngoài doanh trại quân Tần, đã cất tiếng khóc rất to. Bọn lính canh bắt ngay Chúc Chi Vũ áp giải tới chỗ Tần Mục Công. Tần Mục Công hỏi Chúc Chi Vũ:

- Lão là người như thế nào? Đêm hôm khuya khoắt, vì sao lại kêu khóc?

Chúc Chi Vũ trả lời:

- Tôi là Chúc Chi Vũ, quan đại phu nước Trịnh. Tôi khóc nước Trịnh sắp bị diệt vong.

Tần Mục Công lại hỏi:

- Nước Trịnh các người sắp diệt vong, có sao lại chạy đến bên ngoài trại lính của ta mà khóc?

Chúc Chi Vũ nói:

- Lão khóc cho nước Trịnh, âu cũng là khóc cho nước Tần vậy!

Tần Mục Công cảm thấy lời nói rất kỳ quái, liền hỏi:

- Liên quân Tần Tấn sắp sửa tiêu diệt nước Trịnh các ngươi, nước Tần chúng ta cần chỉ giọt nước mắt của lão?

Chúc Chi Vũ ung dung nói:

- Nhiều năm nay Chúa công đã ban đại ân đại đức cho nước Tấn, người trong thiên hạ đều biết. Nhưng họ đã báo đáp cho Chúa công chưa? Chắc chúa công vẫn còn nhớ, năm xưa Chúa công giúp đỡ công tử Di Ngô về nước lên làm vua nước Tấn, còn ông ta thì hứa là sẽ lấy đất Tiêu và đất Hà tạ ơn Chúa công. Thế mà buổi sớm qua sông về nước, buổi tối ông ta đã cho canh phòng, giữ chặt hai địa phương này, cự tuyệt cắt đất cho Chúa công. Nước Tấn tham lam vô đáy, hôm nay chúng tiêu diệt nước Trịnh chúng tôi ở phía Đông, ngày mai chúng sẽ xâm chiếm đất đai nước Tần ở phía Tây, đó chẳng phải là điều đáng lo ngại sao? Chúa công định liệu thế nào đây?

Tổng Mục Công sau khi suy xét kỹ lưỡng từng lời của Chúc Chi Vũ, cảm thấy rất có lý, liền tục gật đầu, nói:

- Lão rất có lý.

Chúc Chi Vũ tiến thêm một bước, nói:

- Nếu Chúa công chịu giải vây cho nước Trịnh, tôi nhất định sẽ khuyên bảo vua nước chúng tôi thoát ly hẳn nước Sở, quy thuộc vào quý quốc. Từ nay về sau, nếu Chúa công cử sứ giả tới phương Đông làm việc mà cần phải qua nước Trịnh, nhất định chúng tôi sẽ sắm vai “Đông đạo chủ” [\(1\)](#) tiếp đón; mọi phí tổn cho sứ giả quý quốc, nước Trịnh chúng tôi sẽ lo chu đáo.

Tần Mục Công không những vui vẻ bằng lòng rút quân, mà còn uống máu ăn thề lập liên minh với Chúc Chi Vũ. Sau đó cũng chẳng thông báo cho nước Tấn biết, ông ta cứ lặng lẽ rút quân. Mấy lời của Chúc Chi Vũ: “Nước Tấn sẽ diệt Trịnh ở phía Đông, xâm lấn nước Tần ở phía Tây”, đã khắc sâu trong tâm khảm Tần Mục Công. Vô luận thế nào cũng không thể để cho nước Tấn tiêu diệt nước Trịnh, ba tướng quân, trong đó có Kỷ Tử, được tiên cử dẫn hai nghìn lính Tần, canh giữ thành thay nước Trịnh.

Người nước Tấn nghe nói Tần Mục Công không cáo mà biệt, vô cùng tức giận, liền hăng máu thỉnh chiến với Tấn Văn Công, yêu cầu đuổi đánh quân Tần. Tấn Văn Công nói:

- Không được! Lúc đầu nếu không có Tần Bá giúp đỡ, tôi làm sao có thể về nước được?

Ông sai người đến nước Trịnh đàm phán, ép Trịnh Văn công lập hiệp ước liên minh với nước Tấn, sau đó nhanh chóng rút quân.

Chúc Chi Vũ chỉ dựa vào một lời nói, sao có thể thuyết phục được quân Tần rút quân. Thực ra, Chúc Chi Vũ đã nắm được hình thế chính trị lúc đó, biết rõ hai nước Tần Tấn đều muốn tranh bá thiên hạ, Tần Mục Công không thể giương mắt nhìn nước Tấn tiêu diệt nước Trịnh láng giềng, vô tình tạo thành sự uy hiếp đối với nước Tần. Chúc Chi Vũ nắm vững được tâm lý này của Tần Mục Công, lợi dụng mâu thuẫn của hai nước Tần, Tấn, dùng lời lẽ khôn ngoan, tường trình sự lợi hại trong quan hệ giữa ba nước Tần, Trịnh, Tấn, cuối cùng đã thuyết phục được Tần Mục Công, phá tan liên minh quân sự Tần Tấn, cứu vãn được nguy cơ diệt vong cho nước Trịnh. Với cục diện các nước lớn tranh bá lúc đó, các nước nhỏ, lực yếu, không dám liều lĩnh, thường phải vận dụng kế sách ngoại giao khéo léo để chống lại sự chinh phạt của nước lớn và mưu sự sinh tồn cho mình. Việc Chúc Chi Vũ lui quân Tần chính là một minh chứng như vậy.

37. Người lái trâu cứu nước

Sau thời gian khoảng hai ba năm từ khi Chúc Chi Vũ lui quân Tần, Tấn Văn Công và Trịnh Văn Công lần lượt qua đời. Kỳ Tử, tướng Tần giữ thành thay nước Trịnh, cho rằng thời vận đã đến, liền sai người báo cáo với Tần Mục Công:

- Thần đã nắm được chìa khóa của Bắc Thành và nước Trịnh, nếu chúa ông phát binh đánh úp nước Trịnh, thì sẽ được sự phối hợp của cả trong lẫn ngoài, nước Trịnh lúc đó sẽ là của chúng ta.

Tần Mục Công nhận được mật báo, cho gọi Kiểm Thúc, Bách Lý Hề tới thương lượng, Kiểm Thúc, Bách Lý Hề đều không đồng ý đánh úp nước Trịnh. Kiểm Thúc nói:

- Chúng ta bắt binh lính chạy đường trường đến đánh úp nước Trịnh, tất sẽ làm kiệt sức binh lính. Hơn thế, nước Trịnh cách chúng ta hơn một ngàn dặm đường, chúng ta kéo quân khiến chúng kinh động, chẳng lẽ ý đồ của chúng ta không bị bại lộ sao? Nhất định đối phương sẽ chuẩn bị kỹ càng để đối phó lại, việc đánh úp nước Trịnh hoàn toàn không thể làm được!

Tần Mục Công nghe xong rất không vui, ông nói:

- Ta đã mấy lần giúp đỡ Tấn dẹp yên nội loạn, ngay cả đến vua nước họ cũng đều do ta lập nên. Về lý mà nói, thủ lĩnh của chư hầu này phải do ta đảm nhiệm. Trong cuộc chiến ở Thành Bộc, nước Tấn đã đánh bại nước Sở, ta đã đem ngôi của thủ lĩnh này nhường cho Trùng Nhĩ. Nay Trùng Nhĩ cũng đã qua đời, còn chờ gì nữa?

Kiểm Thúc nói:

- Cứ coi như chúng ta đi trừng phạt nước Trịnh, thì cũng phải cho thăm dò tình hình trước đã, không thể chỉ dựa vào một lời nói của Kỳ Tử mà xuất binh được.

Tần Mục Công nói:

- Dụng binh đánh trận, quý ở thần tốc, cần phải nhanh như sấm đánh, không kịp bịt lỗ tai, cứ do dự thì đâu có được? Xem ra các người đều là bọn hồ đồ cả, sợ trước, lo sau, làm sao có thể hoàn thành việc lớn được!

Tần Mục Công không nghe lời khuyên can của Kiểm Thúc, bổ nhiệm Mạnh Minh Thị làm đại tướng; Tây Khuất Thuật, Bạch ất Bính làm phó tướng, tập hợp 300 binh xa, vào năm 25 Chu Tương Vương (năm 627 trước Công nguyên) lên lút đánh trộm vào nước Trịnh.

Ngày đại quân xuất phát, Kiểm Thúc đi tiễn. Ông khóc lóc nói với Mạnh Minh Thị:

- Ta đau lòng quá lắm! Mắt thấy các người xuất phát mà lòng không trông các người trở về!

Tần Mục Công rất bức tức, cử người trách mắng Kiểm Thúc nói:

- Người thì hiểu được cái gì! Đúng là loài sâu mọt, một lão già lắm cảm! Tại sao dám làm rối loạn quân tâm?

Tiếp đó, hạ lệnh cho đại quân khẩn trương xuất phát. Kiểm Thúc đem một túi thư đã niêm phong rất chặt chẽ (thời đó chưa có giấy, thư viết trên thanh trúc, đút vào trong túi), giao cho Bạch ất Bính, nói:

- Đi đi! Các người nhất định phải làm theo điều ta đã viết trên thanh trúc này!

Tây Khuất Thuật, Bạch ất Bính đành phải tiếp nhận túi thư rồi xuất phát, trong lòng vừa lo sợ, lại vừa buồn chán, chẳng biết tiền đồ là cát hay hung. Trái lại, Mạnh Minh Thị không hề sợ hãi, cho rằng nước Tần binh mạnh, ngựa khỏe, bản thân mình bản lĩnh cao cường, việc trấn áp một nước Trịnh bé nhỏ, chẳng phải là giương cờ đắc thắng, mã đáo công thành đó sao!

Mạnh Minh Thị thấy Kiểm Thúc giao cho Bạch ất Bính một phong trúc giản (thẻ tre thay giấy) cho rằng bên trong ắt có diệu kế phá Trịnh.

Buổi tối, sau khi hạ trại, Mạnh liền đi tìm Bạch ất Bính. Bạch ất Bính mở túi thư ra xem, thấy trên thanh trúc viết rằng: “Lần này các người xuất chinh, nước Trịnh không đáng sợ, mà đáng sợ chính là nước Tấn. Vùng đất Hảo Sơn (phía Tây Bắc huyện Lạc Ninh, tỉnh Hà Nam ngày nay), là địa hình hiểm ác, khi các người đi qua, tuyệt đối phải cẩn trọng. Đừng để ta phải tới đó thu nhập hài cốt của các người đấy”. Mạnh Minh Thị xem tới đây, đưa tay lên tay bịt mắt, miệng làu bàu:

- Vận rủi! Vận rủi!

Bạch ất Bính cũng cho rằng cha nói có phần quá đáng.

Ba vị tướng quân dẫn đại quân tiến về phía Đông, trên đường đi hầu như không gặp trở ngại gì. Mùa xuân năm sau tiến vào biên giới nước Hoạt (phía Nam huyện Yên Sử, tỉnh Hà Nam ngày nay). Một hôm từ phía trước mặt có một người bước lại cản đường nói to:

- Sứ thần nước Trịnh là Huyền Cao, xin cầu được gặp tướng quân!

Mạnh Minh Thị giật mình kinh sợ, nghĩ thầm: “Tại sao nước Trịnh lại có thể phái sứ thần tới đây được? - Rồi vội vàng sai người dẫn Huyền Cao tới.

Kỳ thực, Huyền Cao không phải là sứ thần của nước Trịnh cử tới, ông ta chỉ là một thương nhân của nước Trịnh. Ngày hôm đó, Huyền Cao đang lùa một đàn trâu tới Lạc Dương để bán, trên đường gặp một người bạn thân là Kiểm Thúc vừa mới từ nước Tần tới. Trong khi trò chuyện, Huyền Cao hỏi Kiểm Thúc.

- Gần đây ở nước Tần có tin tức gì mới không?

Kiểm Thúc nói:

- Nghe nói nước Tần đã cử ba viên đại tướng tới đánh nước Trịnh, xuất phát từ tháng 12 năm ngoái, ai mà biết được họ sẽ tới đây lúc nào!

Nghe xong, Huyền Cao vừa hoảng sợ, lại vừa lo lắng. Huyền nghĩ: Nước Trịnh là quê hương của mình, vua Trịnh Văn Công vừa mới qua đời, tang gia bối rối, nhất định là chưa có phòng bị gì, mình phải mau về cấp báo cáo, thời gian gấp gáp quá rồi, biết làm sao đây? Cái khó ló cái khôn, một mặt Huyền Cao sai người tắt đường về nước báo tin, một mặt tuyển chọn bốn tấm da trâu và mười hai con trâu béo, đích thân lùa trâu đi ngược lại phương hướng mà quân Tần kéo đến.

Mạnh Minh Thị gặp Huyền Cao, thoạt đầu còn bán tín, bán nghi, hỏi Huyền Cao:

- Ông tới đây làm gì?

Huyền Cao nói:

- Nghe nói tướng quân dẫn binh lính đi qua tề quốc chúng tôi, vua chúng tôi có nhã ý cử tôi tới trước nghênh đón, trước hết, đem bốn tấm da trâu và mười hai trâu béo làm vật úy lạo, gọi là chút lòng thành.

Mạnh Minh Thị lại hỏi:

- Theo như lời ông, nước Trịnh không cần tới sự giúp đỡ của quân Tần chúng tôi, đúng không?

Huyền Cao nói:

- Nếu quý quốc nhất định phải kéo quân tới nước Trịnh chúng tôi, chúng tôi có thể lo việc cung cấp lương thực, rau, củ, và bảo vệ an toàn cho các vị.

Mạnh Minh Thị suy nghĩ một lát, rồi đưa mắt ra hiệu cho Tây Khất Thuật và Bạch ất Bính, đổi giọng nói:

- Lần này chúng tôi tới đây để đánh nước Hoạt, không can hệ gì tới nước Trịnh các ông cả.

Sau khi Mạnh Minh Thị đưa tiễn Huyền Cao ra về, liền hạ lệnh đánh vào nước Hoạt.

Tây Khất Thuật, Bạch ất Bính đều mơ hồ không hiểu, hỏi Mạnh Minh Thị:

- Tại sao không đánh nước Trịnh?

Mạnh Minh Thị nói:

- Chúng ta lặn lội cả ngàn dặm đường chính là để tiêu diệt nước Trịnh một cách bất ngờ, trong úng, ngoài hợp, đúng với Kỳ Tử. Chẳng ngờ, nước Trịnh hay tin chúng ta xuất quân, nên đã có sự chuẩn bị phòng ngự từ trước. Chúng ta ở xa hậu phương đất nước, nếu hồ đồ đánh vào nước Trịnh, chẳng những không thể thắng được mà còn có khả năng bị mắc lừa, thất bại là điều khó tránh khỏi.

Tây Khất Thuật, Bạch ất Bính hỏi:

- Lẽ nào chúng ta chịu tay không trở về à?

Mạnh Minh Thị nói:

- Chi bằng cứ đánh vào nước Hoạt, cướp lấy một ít của cải rồi trở về báo cáo, coi như chẳng uổng phí một lần ra quân.

Tức thì quân Tần tiến quân đánh vào Hoạt Thành, tiêu diệt nước Hoạt.

Lại nói Tần Mục Công sau khi nhận được báo cáo của Huyền Cao, giật mình kinh sợ, vội cử người tới do thám động tĩnh doanh trại quân Tần do Kỳ Tử cầm đầu. Chỉ thấy quân Tần đã thu dọn hành lý, xe cộ chu tất, binh khí sáng loáng, ngựa đã no nê, có vẻ như họ đang sẵn sàng hành động. Tần Mục Công thấy tình hình khá nguy cấp, vội sai Chúc Chi Vũ tới chỗ bọn Kỳ Tử hạ lệnh đuổi khách:

- Các tướng quân phòng giữ cửa Bắc thay chúng tôi, thời gian cũng đã lâu rồi, lương thực, bò, cừu của chúng tôi cũng sắp cạn. Bây giờ nghe nói đại tướng của quý quốc là Mạnh Minh Thị đã dẫn quân tới nước Hoạt, sao các vị không tới đó cùng hội hợp với ông ta?

Kỳ Tử nghe xong giật mình kinh sợ, biết rằng điều bí mật tấn công nước Trịnh đã bị lộ, người Trịnh đã có sự chuẩn bị. Biết là không thể lưu lại ở nước Trịnh được nữa, ngay đêm đó đã cao chạy, xa bay sang nước khác.

Huyền Cao là một thương nhân bình thường, làm nghề buôn bán trâu bò, đã dùng biện pháp khéo léo ngăn chặn được sự tấn công của kẻ địch, cứu vãn được nguy cơ bị tiêu diệt cho đất nước. Hành động dũng cảm, mưu trí và tư tưởng vì lợi ích đại cục của ông ta đã được các nhà sử học hết lời tán dương và nhân dân Trung Hoa truyền tụng. Từ câu chuyện này có thể thấy, vào thời Xuân Thu, nền kinh tế thương nghiệp đã có sự phát triển tương đối khá, thương nhân đã bắt đầu có vị trí quan trọng trên trường chính trị.

38. Trận chiến giữa Tấn và Tần ở Hào Sơn

Khi Tấn Tương Công lên ngôi, lập tức cho cử hành tang lễ Tấn Văn Công và ra tận huyết trực tiếp chôn cất. Đội ngũ tống táng vừa ra khỏi thành chợt nghe một tiếng quát, giống như tiếng bò gầm, vọng ra từ trong áo quan, đồng thời quan tài bỗng trở nên nặng nề một cách khác thường, chiếc xe tang không sao kéo nổi nữa. Trăm quan văn võ hết sức hoảng sợ. Tấn Tương Công học tức sai người gọi quan Thái Bốc tới bói quẻ xem thử lành dữ ra sao. Quan Thái Bốc giải thích, nói:

- Lời quẻ bói nói, trong mấy ngày tới đây sẽ có quân đội từ phía Tây kéo tới đánh úp chúng ta. Với sự soái lĩnh của vua mới, nhất định chúng ta sẽ biến dữ hóa lành, chuyển họa thành phúc!

Tiếp đó, quan Thái Bốc lại nói thêm:

- Đây là tiên quân linh thiêng của nhà trời thông báo cho chúng ta biết đó.

Quan Thái Bốc làm ra vẻ rất thần kỳ, không người nào không tin. Tiếng quát vọng từ trong quan tài cũng tự dưng ngừng bật. Trăm quan văn võ kinh sợ, cuống cuống quỳ lạy. Lúc này Tiên Chuẩn liền nói như đinh đóng cột:

- Quân đội từ phương Tây đến đó chính là quân Tần!

Kỳ thực, sự cố kỳ quái đó là do Tấn Tương Công bày đặt ra. Tiên Chuẩn sớm nhận được tin tình báo, biết rằng quân Tần sẽ tới đánh úp nước Trịnh, muốn làm bá chủ thay thế nước Tấn. Tấn Tương Công vừa mới kế vị, một là sợ các vị lão thần năm xưa đi theo Tấn Văn Công chạy nạn sẽ không nghe theo sự chỉ huy của mình, hai là để giải tỏa tâm lý sợ hãi nước Tần của các quan đại thần, bèn lợi dụng sự mê tín quý thần để đề cao uy tín của mình. Trăm quan văn võ đều cho là thật và đã phục tùng, răm rắp tuân theo sự điều khiển của Tấn Tương Công. Tấn Tương Công để cho Tiên Chuẩn chỉ huy ba quân, đặt lính mai phục ở bên trái, bên phải Hào Sơn, đích thân làm thống soái, sẵn sàng chờ quân Tần tới.

Lại nói, quân Tần diệt xong nước Hoạt, vơ vét được một khối lượng lớn vàng bạc, châu báu, lương thực quần áo, rồi dẫn quân về nước. Đầu tháng tư, tướng Tần là Mạnh Minh Thị dẫn đầu quân đội kéo tới Miễn Trì (huyện Miễn Trì, tỉnh Hà nam ngày nay). Bạch ất Bính nói với Mạnh Minh Thị:

- Cách nơi đây không xa chính là núi Hào, cha tôi đã dặn đi dặn lại phải hết sức chú ý cẩn thận. Chúng ta cần phải tuyệt đối cẩn trọng đề phòng quân Tấn có mai phục đó!

Mạnh Minh Thị nói:

- Có gì đáng sợ đâu? Qua Hào Sơn là gặp địa giới nước Tần chúng ta rồi. Ta sẽ đi đầu mở đường, các người cứ yên tâm theo!

Mạnh Minh Thị cử dũng tướng là Bao Man Tử là tiên phong mở đường. Trên đường đi không gặp một bóng người. Mạnh Minh Thị yên tâm, bắt các binh sĩ cởi bỏ áo giáp sắt để dễ bề tiến quân. Binh lính, người đẩy xe, kẻ dắt ngựa, ba người một tốp, năm người một bọn, đội ngũ kéo rất dài, chậm chạp tiến từng bước. Quân Tần đang đi, bỗng nhiên nghe thấy có tiếng trống tiếng tù và từ đằng xa, rồi tiếng người kêu to:

- Hông rồi! Quân Tấn đến rồi!

Quân Tần đội ngũ rối loạn. Mạnh Minh Thị nói:

- Chớ hoang mang, xung quanh toàn núi sâu, rừng rậm, làm gì có quân Tấn nào? Các người cứ yên tâm mà đi, ta sẽ đi cuối, yểm hộ.

Nói xong, Mạnh Minh Thị đã lùi xuống đoạn cuối cùng của đội ngũ. Đi được một thôi đường nữa, có người chạy tới báo cáo:

- Đoạn đường ở phía trước có nhiều cây đổ ngổn ngang, lối đi bị bít chặt, không có cách gì qua được.

Mạnh Minh Thị chạy lên phía trước quan sát chỉ thấy trên đồng cây cối chông chênh chất lộn xộn có một lá cờ hồng, cán cao hơn ba trượng với một chữ *Tấn* thêu rất to. Mạnh Minh Thị hơi hoang mang, song vẫn cố ra vẻ trấn tĩnh, quát to:

- Quân Tấn trưng cờ hù dọa đó, không được dừng lại.

Mạnh Minh Thị sai lính hạ cờ, dọn gỗ, mở đường lên phía trước.

Nào ngờ bên này quân Tần vừa hạ cờ hồng, thì ở phía bên kia tiếng trống lập tức nổi lên ầm ỹ. Cờ từ các trong hang núi bay phấp phới; binh mã từ đâu đó hiện ra nhiều không tính xuể. Nơi đây vốn là vùng đất cao nhất của Hào Sơn, người ngựa của quân Tấn đều mai phục ở cả trong các hang núi. Cờ hồng là tín hiệu, theo ước định sẵn từ trước, hễ quân Tấn nhìn thấy cờ hồng bị hạ xuống, bèn xông ra, lao thẳng vào quân Tần, mặc sức chém giết. Quân Tần không dám chống cự, đành liều mạng chạy lên phía trước. Chưa đi được bao xa, một đội quân Tấn đón đầu đã xông lại. Quân Tần phải lại quay trở lại. Phía trước bị chặn, đằng sau có lính đuổi, quân Tần đã lâm vào đường cùng. Mạnh Minh Thị thì đành phải hạ lệnh quay trở lại chỗ cây cối đổ ngổn ngang. Đâu ngờ cây cối đổ đã bị quân Tấn tưới chất dẫn lửa như cao su, lưu huỳnh từ trước, khi quân Tần co cụm lại một chỗ, quân Tấn bèn phóng hỏa, ngọn lửa gặp gió bốc cao ngang trời, chẳng mấy chốc hẻm núi đã biến thành chảo lửa. Quân Tần càng rối loạn, tranh nhau chạy trốn, kẻ du người đẩy, dẫm đạp lên nhau, vừa chết cháy, vừa chết kẹp, không biết bao nhiêu mà kể. Mạnh Minh Thị thấy cảnh tượng thê thảm này, thì hoàn toàn tuyệt vọng, thở một hơi dài, nói với Tây Khất Thuật và Bạch ất Bính:

- Bá phụ quả là liệu sự như thần, chỉ tiếc là ta đã không nghe! Hôm nay, ta đành chịu chết ở đây, các người hãy mau thoát thân đi!

Lời nói chưa dứt, quân Tấn đã bao vây chặt khắp bốn phương tám hướng, cả ba viên đại tướng đều trở thành tù binh của quân Tấn.

Quân Tấn nhốt bọn Mạnh Minh Thị vào trong xe tù, áp giải về đô thành, chuẩn bị lấy đầu lâu chúng đem tế tổ tiên, ăn mừng thắng lợi. Bà mẹ kế của Tổng Tương Công là Văn Doanh (tức Hoài Doanh), chính là con gái của Tần Mục Công. Văn Doanh nghe nói Tấn Tương Công sắp sửa giết chết ba viên đại tướng của nước Tần, thì vô cùng hối hoảng, nói ngay với Tương Công:

- Nước Tần và nước Tấn là thân thích, vốn dĩ có quan hệ rất tốt, không nên chỉ vì mấy người bọn Mạnh Minh Thị này mà làm tổn thương tới hòa khí của hai nhà. Nay quân Tần đã đại bại, nhất định Tần Bá sẽ cảm hận chúng lắm. Chi bằng cứ tha cho về, để cho Tần Bá tự xử lý, chúng ta vừa tránh được cái tiếng sát nhân, lại không làm ảnh hưởng đến quan hệ của hai nước.

Tấn Tương Công nghe Văn Doanh nói có lý, liền truyền lệnh tha cho cả ba người cho về nước Tần.

Bọn Mạnh Minh Thị từ cõi chết trở về, thắc thỏm lo Tấn Tương Công thay đổi ý định, bèn cầm đầu cầm cổ chạy thực mạng. Quả nhiên, Tấn Tương Công hối hận, liền sai Dương Xứ Phụ đuổi theo. Dương Xứ Phụ đuổi tới bên bờ Hoàng Hà, thì thuyền của bọn Mạnh Minh Thị cũng vừa ra khỏi bờ. Cái khó ló cái khôn, Dương Xứ Phụ tháo bỏ con ngựa kéo xe ra, cao giọng nói:

- Xin ba vị hãy tạm dừng lại. Vua nước chúng tôi sợ các vị đi đường không có xe ngồi, nên đã sai tôi đưa tới biếu ba vị một con Thiên Lý Mã, xin nhận cho.

Ba tướng Tần lúc này ví như cá vừa thoát khỏi lưới, đâu dám quay lên bờ nữa? Mạnh Minh Thị đứng ở trên đuôi thuyền, nói với Dương Xứ Phụ:

- Nhà vua của quý ngài đã tha chết cho chúng tôi, chúng tôi đã cảm kích vạn phần rồi, sao dám tiếp nhận vật báu nữa? Xin ngài trở về chuyển lời của chúng tôi tới nhà vua quý quốc rằng, nếu chúng tôi còn được trời cho sống, sau ba năm nữa, nhất định chúng tôi sẽ đích thân tới quý quốc để tạ ơn.

Dương Xứ Phụ còn muốn nói điều gì nữa, nhưng con thuyền đã bồng bênh ra giữa dòng, lướt thẳng sang phía bờ bên kia. Ba người Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật và Bạch ất Bính đã trở về tới nước Tần như vậy đó.

39. Tần Mục Công xưng bá Tây Nhung

Tần Mục Công biết tin ba người Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, Bạch ất Bính may mắn trở về, liền mặc tang phục, đích thân ra vùng ngoại ô đón tiếp. Bọn Mạnh Minh Thị vừa nhìn thấy Tần Mục Công lập tức quỳ cả xuống xin chịu tội. Tần Mục Công vội đỡ từng người đứng dậy, rơi nước mắt, nói:

- Ta đã không nghe lời của thân phụ các người, khiến các người phải nếm đòn bại trận, chịu nhiều oan ức. Đó là lỗi lầm của ta, sao ta lại có thể quở trách các người được? Chỉ hi vọng rằng các người chớ có quên nỗi nhục của đất nước, phấn đấu hết mình mà vươn lên mạnh giỏi.

Bọn Mạnh Minh Thị thấy Tần Mục Công không những không quở trách họ, mà còn để cho họ được nắm giữ binh quyền như trước, đều vô cùng cảm động, quyết báo thù rửa hận. Họ đã bổ sung binh mã, tăng cường huấn luyện, trải qua một năm chuẩn bị gấp rút, Mạnh Minh Thị tin rằng quân đội nước Tần lại đủ sức tái chiến với bên ngoài được rồi. Mùa Xuân năm 27 Chu Tương Vương (năm 625 trước Công nguyên), Mạnh Minh Thị thỉnh cầu Tần Mục Công phát binh đánh nước Tần, báo thù trận Hào Sơn, Tần Mục Công đã chuẩn y. Ba vị tướng quân Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, Bạch ất Bính dẫn bốn năm trăm binh xa xuất phát.

Từ khi tha cho bọn Mạnh Minh Thị ra về, Tấn Tương Công đứng ngồi không yên, bên tai lúc nào cũng văng vẳng lời nói của Mạnh Minh Thị: "Sau ba năm nữa, nhất định chúng tôi sẽ đích thân tới quý quốc để tạ ơn!". Tấn Tương Công đã tăng cường huấn luyện quân sự, ngày nay sai người ra ngoài trinh sát, từng giờ từng phút cảnh giá bọn Mạnh Minh Thị đến "tạ ơn". Cho nên nước Tần vừa xuất quân, đại binh của nước Tần liền kéo ra nghênh chiến. Hai quân gặp nhau ở Bành Nha (đất Tần, phía Đông Lạc Dương), không đợi cho quân Tần đứng vững, quân Tấn đã xông tới thế như Thái Sơn đè đầu. Quân Tần chống đỡ không nổi, Mạnh Minh Thị lại bị thua trận. Mạnh Minh Thị vẫn tin rằng lần này chắc chắn là sẽ đánh bại được quân Tấn không ngờ lại phải nếm đòn bại trận. Mạnh nghĩ: Lần trước bị thất bại ở Hào Sơn là vì trùng kế mai phục, nghĩa là còn có lý do để mà nói. Giờ thì biết trách ai đây? Mạnh chẳng còn mặt mũi nào lại nhìn thấy Tần Mục Công nữa, cho dù có trở về được, Tần Mục Công cũng quyết không thể tha thứ cho mình lần nữa. Thế nhưng Tần Mục Công vẫn sai người ra ngoại ô nghênh đón ba người như trước, hơn thế còn nhận hết trách nhiệm về phía mình, cho Mạnh Minh Thị tiếp tục nắm quân quyền.

Qua hai lần thất bại, Mạnh Minh Thị cho rằng bản lĩnh của mình chưa đủ phương pháp luyện binh và tác chiến còn có khuyết điểm. Tức thì Mạnh Minh Thị bán hết nhà cửa cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, chuẩn bị sang năm sau lại xuất quân trừng phạt nước Tấn. Chính trong lúc Mạnh Minh Thị đêm ngày khổ luyện, Tấn Tương Công lại cử đại tướng là Tiên Thả Cư (con trai của Tiên Chấn) soái lĩnh liên quân bốn nước Tấn, Tống, Trần, Trịnh đánh tới dưới chân thành nước Tần. Tiên Thả Cư ra lệnh cho binh lính gào thét to: "Các người đã "Tạ ơn" rồi, còn chúng ta thì đến đáp lễ đây!", làm cho người nước Tần lòng lộn điên cuồng, chỉ muốn xông ra liều mạng một phen với quân Tấn. Trái lại, Mạnh Minh Thị rất bình tĩnh, Mạnh biết rằng sĩ khí của quân Tấn đang dâng cao, còn mình thì chưa chuẩn bị được đầy đủ, không thể tùy tiện ứng chiến, bèn hạ lệnh bám trụ, không cho phép ra đánh, bắt các tướng sĩ tăng cường khổ luyện. Nhiều người cười giễu Mạnh Minh Thị, có người nói: ông ta bị thua, rồi đâm ra sợ hãi, khác nào cung kính chi diểu. Có kẻ nói: ông ta bị thua, rồi đâm ra sợ hãi, khác nào cung kính chi diểu. Có kẻ nói: để cho vị tướng quen bại trận này cầm quân, thì thật xúi quẩy. Chỉ có Tần Mục Công là còn tin tưởng, không hoài nghi Mạnh Minh Thị; ông nói với các quan đại thần:

- Mạnh Minh Thị nhất định sẽ chiến thắng quân Tấn. Các người cứ chờ đó!

Năm 28 Chu Tương Vương (năm 624 trước Công nguyên), đó chính là mùa Hạ năm thứ ba sau trận chiến Hào Sơn, quân Tần được sự huấn luyện nghiêm khắc của Mạnh Minh Thị, đã trở thành một quân đội có sĩ khí dồi dào, binh giỏi, tướng tài. Mạnh Minh Thị thỉnh cầu Tần Mục Công đích thân xin làm thống soái xuất chinh, hơn thế còn thề thốt.

- Nếu lần này không báo được thù, không rửa được nhục, thần quyết không sống trở về!

Tần Mục Công nói:

- Chúng ta đã bị bại trận ba lần rồi. Lần này còn để thua trận nữa, ta cũng chẳng còn mặt mũi nào mà trở về.

Tức thì Tần Mục Công hạ lệnh cho quân đội xuất chinh, tập trung 500 binh xa, trang bị khí giới tinh nhuệ, cung cấp quân lương và các vật tư khác đầy đủ. Tần Mục Công lại rút lương thực, tiền của, tặng cho các gia đình quân nhân, cốt giảm nhẹ gánh nặng hậu phương cho họ, để họ toàn tâm toàn ý lo việc quân. Sau một thời gian chuẩn bị kỹ càng, Tần Mục Công, Mạnh Minh Thị... soái lĩnh quân đội Tần, rầm rộ xuất phát.

Quân Tần vượt qua Hoàng Hà, Mạnh Minh Thị hạ lệnh đốt cháy hết chiến thuyền, biểu thị quyết tâm không thắng lợi, quyết không trở về. Mạnh Minh Thị cổ vũ bộ hạ nói:

- Lần tác chiến này, chỉ có tiến không có lùi, mọi người hãy gắng sức!

Mạnh Minh Thị quyết định tự đánh trận mở màn. Quân Tần tiến công thế như chẻ tre, từng bước giành thắng lợi, chưa đầy mấy hôm đã thu phục lại được các thành trì của nước Tần bị quân Tấn chiếm đoạt lần trước. Tin tức truyền tới đô thành nước Tấn, khiến cả nước Tấn bàng hoàng, kinh sợ. Tấn Tương Công triệu tập ngay quần thần để thương lượng đối sách. Triệu Thôi nói:

- Lần này, vua nước Tần đích thân làm thống soái, chủ tướng đảm nhiệm tiên phong, xuất động quân đội toàn quốc, xem ra là quyết liều mạng đó. Thần cho rằng chi bằng ta cứ tạm thời né tránh là hơn.

Tiên Thả Cư cũng nói:

- Chớ cùng dứt giậu, hưởng hồ Tần là một nước lớn! Hào hán không chịu để thiệt thòi trước mắt, chúng ta nên nhường trước là hơn.

Tấn Tương Công không biết làm cách nào, đành phải hạ lệnh cho quân Tấn một lòng trấn giữ, không cho phép giao chiến với quân Tần. Quân Tần diễu võ giương oai, tung hoành trên đất đai nước Tấn mà quân Tấn không dám ứng chiến. Có người nói với Tần Mục Công:

- Nước Tấn đã biết sợ! Chúng ta đã nín nhịn ba năm rồi, giờ mới được thở phào đấy. Chi bằng chúng ta thừa cơ xông tới Hào Sơn, cùng chôn cất hài cốt của đồng đội, âu cũng là một cách chúng ta rửa nhục!

Tần Mục Công dẫn đầu đại quân lao tới Hào Sơn, vùng đất năm xưa quân Tần chôn cất cây gỗ, cắm cờ hồng, thì chỉ thấy xương trắng phơi đầy bãi, cảnh tượng quá đổi thảm. Tần Mục Công cho các binh sĩ thu lượm hài cốt, cho vào bao cỏ buộc chặt, rồi đem chôn sâu ở trên đèo núi, sau đó mặc tang phục, đích thân làm lễ tế. Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, Bạch ất Bính quỳ ở dưới đất, khóc lóc thảm thiết. Các tướng sĩ toàn quân không ai không rớt nước mắt.

Sau khi quân Tần đánh bại quân Tấn, thu lại đất đai đã mất, tế vong hồn các tướng sĩ đã hi sinh ở Hào Sơn, Tần Mục Công, Mạnh Minh Thị dẫn đầu quân thắng trận về tới đô thành nước Tần.

Các dân tộc thiểu số ở gần nước Tần - các bộ tộc Tây Nhung, lúc đầu thấy nước Tấn mấy lần bị thất bại, họ bắt đầu xem thường nước Tần. Lần này, nước Tần đã đánh bại nước Tấn là bá chủ Trung Nguyên, họ lại tranh nhau tới triều cống nước Tần; chỉ trong một thời gian ngắn đã có gần 20 nước nhỏ và các bộ tộc quy thuộc vào nước Tần, tôn nước Tần làm bá chủ Tây Nhung. Tiếp đó, nước Tần lại ra sức phát triển sang phía Đông, mở rộng biên vực tới hơn ngàn dặm đất, trở thành quốc gia đầy uy quyền đối với các chư hầu, trên thực tế đã là bá chủ. Chu Tương Vương cũng cử sứ giả tới ban thưởng cho Tần Mục Công 12 chiếc trống đồng, biểu thị sự vui mừng, nói cách khác, đó là sự chính thức thừa nhận địa vị bá chủ phương Tây của Tần Mục Công.

Từ cuộc chiến giữa Tần và Tấn ở Hào Sơn đến việc Tần Mục Công xưng bá Tây Nhung, có thể thấy, cuộc giao chiến giữa Mạnh Minh Thị và nước Tấn, trải qua hai lần thất bại, cuối cùng tới

lần thứ ba đã giành thắng lợi. Vì sao vậy? Đối với một vị thống soái quân sự ưu tú chỉ huy tác chiến, điều mấu chốt không phải ở chỗ không bị thua trận, bởi vì trong tác chiến, sự thất bại là điều khó tránh khỏi mà chính là ở năng lực tổng kết những bài học kinh nghiệm. Mạnh Minh Thị đã làm được điều này, cho nên có thể biến bại thành thắng. Kỳ thực, với bất kỳ công việc gì thì cũng phải làm như vậy. Bọn Tần Mục Công đối với Mạnh Minh Thị thì sao? Luôn luôn tín nhiệm Mạnh nắm giữ binh quyền, dẫn quân đi đánh Tấn, hơn thế, bản thân còn tự nhận lấy trách nhiệm về sự thất bại. Người đời sau, khi bình luận về việc nước Tần xưng bá đã hết lời ca ngợi tấm lòng và khí phách không lấy thành bại nhất thời để đánh giá phẩm chất người anh hùng của Tần Mục Công.

40. Tiếng hát của Sở Trang Vương cất lên làm mọi người kinh sợ

Sau khi nước Sở bị Tấn đánh bại ở Thành Bộc không lâu, Sở Thành Vương liền bị con trai là Thương Thần hại chết. Vua Thương Thần chính là Sở Mục Vương. Sở Mục Vương không can tâm chịu thất bại nên đã tăng cường thao luyện binh mã, thề quyết một trận sống chết với nước Tấn. Trước tiên, Sở Mục Vương thôn tính mấy nước nhỏ lân cận, rồi lại lôi kéo các nước Trần, Trịnh... ở Trung Nguyên. Năm thứ 6 Chu Hạng Vương (năm 613, trước Công nguyên) Sở Mục Vương đang lúc nuôi hoài bão lớn lao, phát phần muốn làm việc lớn, đột nhiên mắc bệnh nặng rồi chết. Con trai của Sở Mục Vương là Lữ lên ngôi, đó chính là Sở Trang Vương nổi danh hiển hách.

Nước Tấn thấy nước Sở đang bận rộn việc tang sự, lại bắt đầu hội hợp các nước chư hầu, lập hiệp ước liên minh, sau đó đã đem các nước Trần, Trịnh... mà nước Sở đã lôi kéo được, tái nhập vào phạm vi thế lực của mình. Rõ ràng các quan đại thần nước Sở đều quá nôn nóng, muốn quyết sống mái cùng nước Tấn. Thế nhưng, Sở Trang Vương vẫn trơ như gỗ đá. Trong ba năm lên ngôi trở lại đây, suốt ngày Sở Trang Vương chỉ uống rượu, săn bắn, không đoái hoài tới chính sự, còn treo lên một tấm biển lớn ở trước cửa cung với dòng chữ: “Ai dám khuyên can, lập tức chém đầu!”

Một hôm, có quan đại phu là Ngũ Cử tới thăm Sở Trang Vương. Tay Sở Trang Vương cầm cốc rượu, miệng nhai thịt hươu, đang ngà ngà say thưởng thức ca múa. Sở Trang Vương lim dim đôi mắt, hỏi:

- Quan đại phu tới đây là muốn uống rượu hay muốn xem ca múa.

Với tâm trạng nặng nề, Ngũ Cử nói:

- Có người bắt thần giải một câu đố, thần giải thế nào cũng không ra, nên phải tới đây thỉnh giáo Chúa công.

Sở Trang Vương vừa uống rượu, vừa nói:

- Câu đố gì thế? Khó giải đến vậy kia à? Người nói ta coi thử.

Ngũ Cử nói:

- Ở kinh thành nước Sở, có một con chim lớn, lông vũ sắc sặc sỡ, rất ưa nhìn. Suốt ba năm trời, không bay, không hát, các quan văn võ trong triều không còn hiểu ra làm sao cả. Xin Chúa công hãy đoán thử xem, cuối cùng đó là con chim gì?

Sở Trang Vương vừa nghe đã ngầm hiểu ý tứ của Ngũ Cử, liền cười nói:

- Ta đoán ra rồi. Có khả năng đây không phải là con chim thường. Con chim ba năm không bay, hề bay là xông thẳng lên trời; ba năm không hát, hề cất tiếng hỏi là làm cho mọi người kinh sợ. Người cứ chờ đó mà coi!

Ngũ Cử cũng đã hiểu rõ được ý tứ của Sở Trang Vương, ông sung sướng lui ra.

Lại trôi qua mấy tháng, con chim lớn - Sở Trang Vương vẫn như cũ, đã không “bay” lại không “hát”, vẫn uống rượu, săn bắn, thưởng thức ca vũ như trước. Quan đại phu Tô Tòng không thể nhẫn nại được nữa, liền tới gặp Trang Vương. Ông ta vừa bước vào cửa cung, đã khóc âm lên. Sở Trang Vương nói:

- Tiên sinh, can có gì mà thương tâm đến thế?

Tô Tòng trả lời, nói:

- Thần tự thương mình đã gần đất, xa trời, lại thương vì nước Sở sắp diệt vong đến nơi.

Sở Trang Vương lấy làm lạ, liền hỏi:

- Làm sao tiên sinh lại chết yếu được? Nước Sở làm sao có thể diệt vong được?

Tô Tông nói:

- Thần muốn khuyên can Chúa công, Chúa công cứ bỏ ngoài, nhất định sẽ giết chết thần. Chúa công suốt ngày lo hưởng lạc, du chơi săn bắn, không lo việc triều chính, sự diệt vong của nước Sở chẳng phải đã ở trước mắt đó sao?

Sở Trang Vương nghe xong rất tức giận, đã quở trách Tô Tông:

- Nhà ngươi muốn tìm đến cái chết hay sao? Ta đã nói trước rồi, ai dám khuyên can ta, người đó phải chịu tội chết. Người biết rõ mà còn cố phạm, thật là ngu ngốc hết đường rồi!

Tô Tông vô cùng đốn đau, nói:

- Thần ngu ngốc, thế nhưng Chúa công còn ngu ngốc hơn thần. Nếu Chúa công giết thần, sau khi thần chết, thần sẽ được tiếng thơm là trung thần. Nếu Chúa công lại cứ tiếp tục cung cách sống như thế này thì sớm muộn nước Sở cũng sẽ bị diệt vong, Chúa công sẽ trở thành ông vua mất nước! Chẳng phải là Chúa công còn ngu ngốc hơn thần đó sao? Thần đã nói hết, Chúa công muốn giết thì giết đi!

Sở Trang Vương đột nhiên đứng dậy, xúc động nói:

- Lời nói của quan đại phu đều là lời nói trung thực. Ta nhất định sẽ làm theo.

Sau đó, Sở Trang Vương chỉnh đốn nội chính, bắt đầu sử dụng người có công trạng, đề bạt Ngũ Cử, Tô Tông lên các chức vị mấu chốt. Lúc đó, lệnh doãn của nước Sở là Đẩu Việt Tiêu đang nuôi dã tâm thoán quyền. Sở Trang Vương liền bổ nhiệm ba vị đại thần giúp việc lệnh doãn, làm mềm yếu bớt quyền lực của lệnh doãn, hòng chặn đứng mưu phản loạn của Đẩu Việt Tiêu.

Sở Trang Vương, một mặt cải cách chính trị, mặt khác lo mở rộng bổ sung quân đội, tăng cường huấn luyện, chuẩn bị quyết chiến với nước Tấn, rửa hận cuộc chiến ở Thành Bộc. Năm thứ ba sau khi lên ngôi, Sở Trang Vương đã xuất quân tiêu diệt nước Dung (một vùng thuộc huyện Trúc Sơn, tỉnh Hồ Bắc ngày nay); năm thứ sáu, đã đánh bại nước Tồn; năm thứ tám lại đánh bại Tộc Nhung của Lục Hồn (phía Bắc huyện Tung, tỉnh Hà Nam). Sở Trang Vương còn duyệt binh thị uy ở trên biên giới triều đình nhà Chu, làm cho Chu Định Vương sợ hãi phải cử quan đại thần là Vương Tôn Mãn với úy lạo. Sở Trang Vương gặp Vương Tôn Mãn, câu đầu tiên đã hỏi Cửu Đỉnh trong tông miếu Kinh thành triều đình nhà Chu nặng bao nhiêu. Cửu Đỉnh này là tượng trưng của quyền lực Thiên tử, hỏi trọng lượng của Cửu Đỉnh trên thực tế là uy hiếp địa vị của Chu Thiên Vương. Qua cách điều võ giương oai này, thế lực và thanh danh của nước Sở càng thêm vang dội. Không ngờ trong nước đã phát sinh mầm mống phản loạn.

Năm thứ hai Chu Định Vương (năm 605, trước Công nguyên) Sở Trang Vương đi đánh tộc Nhung của Lục Hồn, trên đường trở về, bỗng nhiên bị một đội quân người ngựa xông ra cản đường. Thì ra Đẩu Việt Tiêu nhân lúc Sở Trang Vương đi vắng, đã làm phản. Hắn đã chiếm ảnh Đô, lại hấp tấp cất quân chặn đường Sở Trang Vương, muốn diệt Sở Trang Vương ở ngoài Thành ảnh. Sở Trang Vương thấy Đẩu Việt Tiêu người đông, thế mạnh, còn binh lính theo ông vừa mới qua chiến đấu đang còn rất mệt nhọc, biết rằng nếu chống lại thì sẽ bất lợi, liền nói:

- Cả nhà họ Đẩu có công lớn đối với nước Sở, thà để cho Việt Tiêu phụ tá, chứ ta không thể phụ Việt Tiêu được.

Liền cử Tô Tông tới giảng hòa.

Đẩu Việt Tiêu cho rằng Sở Trang Vương lúc này khác nào một vật nằm trong túi, chỉ chờ thò tay lấy ra, sao lại có thể chịu hòa hiếu, liền nói với Tô Tông:

- Trở về nói cho Hùng Lữ (tên của Sở Trang Vương) biết, có đủ gan thì quyết một trận sống mái, bằng không hãy mau mau đầu hàng!

Sở Trang Vương vờ lui quân, tối đến cho quân mai phục ở bờ phía Đông Chương Thủy, lại cử một đội quân hoạt động ở bờ Tây, dụ cho Đẩu Việt Tiêu qua sông. Bản thân Trang Vương dẫn

một ít quân nấp ở dưới chân cầu bắc qua sông. Sớm ngày hôm sau, Đẩu Việt Tiêu thấy bờ sông bên kia có quân Sở, quả nhiên đã vượt sông, khi phát hiện bị trúng kế, muốn rút quân về thì cầu đã bị phá sập. Đẩu Việt Tiêu kinh hoàng thất sắc, vội hạ lệnh cho binh lính bơi qua sông. Binh lính đang sắp ào xuống nước, thì nghe có tiếng viên tướng Sở quát lớn ở bờ bên kia:

- Đại tướng Nhạc Bá ở đây, Đẩu Việt Tiêu hãy mau mau đầu hàng đi!

Nói xong, liền hạ lệnh cho binh lính ra sức bắn tên nỏ. Đẩu Việt Tiêu cũng cấp rút hạ lệnh cho binh lính bắn tên nỏ sang bờ bên kia. Trong khi hai bên bắn nhau, một tay nỏ thần dưới trướng Nhạc Bá tên gọi Dương Do Cơ đã bắn một phát nỏ giết chết Đẩu Việt Tiêu. Quân lính của nhà họ Đẩu thấy chủ tướng đã chết, liền bỏ chạy tán loạn. Quân Sở chia nhau đi truy bắt, thu được toàn thắng.

Sở Trang Vương đã bình định được nội loạn, lại nhờ sự chuẩn bị chu đáo trong nhiều năm, liền quyết định đem quân Bắc tiến, cùng tranh bá với nước Tấn.

Năm thứ 9 Chu Định Vương (năm 598, trước Công nguyên). Nhân lúc nước Trần có nội loạn, Sở Trang Vương đã cử quân tới hàng phục nước Trần. Sang năm sau, khi Sở Trang Vương đích thân dẫn đại quân đi đánh nước Trịnh, chính là đã khiêu chiến với nước Tấn, không thừa nhận địa vị bá chủ của nước Tấn.

Lẽ dĩ nhiên nước Tấn không cam lòng yếu thế. Mùa hạ năm đó, Tấn Cảnh Công cử Tuân Lâm Phụ làm đại tướng, con trai Tiên Chấn là Tiên Học làm phó tướng, dẫn 600 chiếc binh xa, đi cứu viện nước Trịnh. Đại đội người, ngựa kéo tới bờ Hoàng Hà, thám tử báo cáo, nước Trịnh đã đầu hàng, quân Sở đang rút quân trở về. Tuân Lâm Phụ vốn dĩ đã không muốn đánh trận, nghe được tin này, lập tức quyết định rút quân. Tiên Học kiên quyết không đồng ý, gào to lên:

- Lâm trận mà rút lui thật là xỉ nhục! Nếu các người sợ quân Sở, thì một mình tôi đi!

Tiên Học ỷ vào tiên nhân có công lớn, bản thân lại là con nhà tướng, từ lâu đã rất coi thường Tuân Lâm Phụ, vừa dứt tiếng gào đã dẫn ngay một đội binh xa, vượt Hoàng Hà, truy kích quân Sở. Triệu Đồng, Triệu Quát (hai người đều là cháu của Triệu Thôi, anh em của Triệu Thuần, hiện làm tướng quốc của nước Tấn) cũng tự cho rằng, họ là những kẻ có công cao, nên không nghe theo tướng lệnh của Tuân Lâm Phụ mà dẫn đội ngũ qua sông, theo Tiên học, Tuân Lâm Phụ không còn cách nào, đành phải hạ lệnh cho đại quân qua sông. Tiên Học dương dương tự đắc nói với Triệu Đồng, Triệu Quát;

- Tôi biết chủ tướng thế nào cũng phải theo lời của chúng ta mà!

Sở Trang Vương nghe nói quân Tấn đã qua sông Hoàng Hà, liền triệu tập các bộ tướng lại để thương lượng đối sách. Quan lệnh doãn Tôn Thúc Ngao chủ trương giảng hòa với quân Tấn, sau đó thì rút quân; một số tướng lĩnh trẻ thì chủ trương cứ đánh. Sở Trang Vương nhất thời không có chủ ý. Có một tiểu thần tên gọi Ngũ Sâm nói:

- Chủ tướng quân Tấn là Tuân Lâm Phụ vừa nắm đại quyền, chưa kịp gây dựng uy tín. Phó tướng Tiên Học ỷ vào công lao của tiên nhân, rất coi thường Tuân Lâm Phụ, các tướng lĩnh của tam quân muốn chủ động xuất kích, lại không có thực quyền, các binh sĩ thì không biết nên nghe lời ai, quân Tấn trên dưới không đồng tâm, thần cho rằng Tấn nhất định sẽ thua. Lại nói Chúa công là vua một nước mà lại phải né tránh thần tử của nước Tấn, e rằng có làm tổn thương tới sự tôn nghiêm của nước Sở chẳng?

Sở Trang Vương nghe Ngũ Sâm phân tích thấu tình đạt lý, liền hạ lệnh cho quân Sở bày thế trận, hướng tất cả các chiến xa lên phía Bắc, chuẩn bị xuất kích.

Tôn Thúc Ngao thấy quân Tấn có 600 chiếc binh xa, thực lực hùng hậu, thì rất không yên tâm. Tôn nói với Sở Trang Vương.

- Thần nghĩ, chi bằng ta cứ sai người tới giảng hòa trước, nếu họ không đồng ý cứ nhất định đòi đánh, chúng ta nghênh chiến cũng không muốn. Lúc đó, cái lý sẽ thuộc về chúng ta.

Sở Trang Vương tiếp nhận kiến nghị này, cử Thái Cưu Cư đi sứ sang quân Tấn. Tuân Lâm Phụ

sai người tiếp đãi Thái Cưu Cưu, ngỏ lời đồng ý giảng hòa, hơn thế còn đề xuất hai bên đồng thời cùng rút quân. Thái Cưu Cưu đã hoàn thành sứ mệnh, chuẩn bị trở về doanh trại quân Sở. Nào ngờ Tiên Hộc đã chờ sẵn ở bên ngoài doanh trại, Tiên nhìn thấy Thái Cưu Cưu bước ra, liền ngăn lại nói:

- Vừa nãy người tiếp đãi người chưa nói được rõ ràng, người trở về bảo cho nhà vua của các người biết, lần này chúng ta tới đây, nếu không giết hết bọn nhà người, quyết không thu binh! Mặc dù chủ tướng của chúng ta chịu hòa, nhưng Tiên Hộc ta quyết chẳng hòa đâu!

Thái Cưu Cưu vô cùng bức tức, không trả lời Tiên Hộc, tiếp tục đi ra ngoài. Vừa bước ra tới cửa doanh trại, lại gặp bọn Triệu Đồng, Triệu Quát. Hai người này cầm cung nỏ chĩa vào đầu Thái Cưu Cưu chửi rằng:

- Hãy bảo trọng cái đầu của người, trở về bảo cho cái tên Man Tử Đầu kia biết rằng hãy cẩn thận, chớ đụng vào chúng ta!

Thái Cưu Cưu trở về tới doanh trại quân Sở, thuật lại hết một lượt việc mình bị sỉ nhục như thế nào cho Sở Trang Vương nghe. Sở Trang Vương giận dữ, hỏi:

- Ai dám đánh trận đầu để cho quân Tấn biết thế nào là lợi hại?

Đại tướng Nhạc Bá ưỡn mình ra, bước lên chiến xa, lao thẳng tới đại doanh của quân Tấn. Đi chưa được bao xa đã gặp ngay mấy chục tên lính Tấn đi tuần tra, Nhạc Bá không nói câu nào, liền bắn một phát một tên làm ngã một lúc ba tên lính, lại xuống xe bắt sống một tên, sau đó nhảy lên xe, chạy về. Quân Tấn thấy tướng Sở giết người, chia làm ba đường đuổi theo. Nhạc Bá quát to:

- Tướng Tấn hãy cẩn thận, tay trái ta bắn ngựa, tay phải ta bắn người, nhìn nỏ đây!

Nói xong, bên trái bắn một phát, bên phải bắn một phát. Quả nhiên mũi tên không chệch đích, bên trái đã bắn ngã ba bốn con ngựa, bên phải bắn bị thương ba bốn người. Quân Tấn hồn bay, vía bạt, không tên nào dám đuổi theo nữa, đành giương mắt nhìn Nhạc Bá chạy về đại bản doanh của quân Sở.

Tuân Lâm Phụ thấy quân Sở tới khiêu chiến, liền vội vàng sai Ngụy Kỳ tới giảng hòa. Ngụy Kỳ chính là con trai Ngụy Trừu đã theo Tấn Văn Công Trùng Nhĩ đi chạy nạn. Ngụy Kỳ muốn làm quan đại phu, mà chưa được, ôm hận bất mãn, chỉ mong cho quân Tấn thất bại. Tuân Lâm Phụ cử Ngụy Kỳ đi giảng hòa, thế nhưng Ngụy Kỳ đã hạ chiến thư. Sau khi trở về, trái ngược lại, Ngụy Kỳ đã nói với Tuân Lâm Phụ:

- Vua Sở không đồng ý giảng hòa, nhất định đòi quyền một trận để phân thắng phụ.

Tướng Tần là Triệu Chiên cho rằng mình có bản lĩnh cao cường, luôn để lộ tài ba cho chủ tướng nhìn thấy. Lợi dụng đêm tối, Triệu Chiên dẫn quân tới đánh úp doanh trại quân Sở, nhưng do không phòng bị cẩn thận nên đã bị quân Sở phát giác. Nghe quân Sở gào to "Bắt lấy gian tế", hoảng sợ quá, Triệu Chiên đã lên xe chạy mất. Khi Sở Trang Vương hiểu rõ tình hình, liền cho xe đuổi theo. Các tướng lĩnh quân Sở nhìn thấy Trang Vương đích thân xuất kích, cũng hăng máu rượt theo. Tôn Thúc Ngao nói với Trang Vương:

- Binh pháp nói rằng: "Thà ta đuổi người, đừng để người đuổi ta!". Quân Tấn ức hiếp ta quá lắm, các tướng lĩnh đều ra cả rồi, chi bằng ta thừa lúc chúng không phòng bị mà đánh tới!

Lúc này, trời chưa sáng, Sở Trang Vương đã hạ lệnh xuất phát. Chỉ trong nháy mắt, tiếng trống vang như sấm, xe ngựa phóng như bay, các tướng sĩ quân Sở chen nhau xông vào doanh trại quân Tấn. Các tướng sĩ quân Tấn đang ngủ ngon giấc, không hề phòng bị. Tuân Lâm Phụ nghe thấy tiếng trống, vội vàng hạ lệnh chống cự. Quân đội hai nước đánh nhau một trận lớn ở ngoài ô Thành Bí (đất Trịnh, phía Đông Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam ngày nay). Quân Tần vừa trong giấc mộng bừng tỉnh, tinh thần rối loạn, sĩ khí sa sút, chỉ huy bất linh, đã mất hết sức chống đỡ. Còn quân Sở thì sục sôi, xông xáo chém giết, chẳng bao lâu đã đánh cho quân Tấn toi bời, tan tác.

Tuân Lâm Phụ dẫn bọn tàn binh bại tướng, hoảng sợ chạy trốn, một lúc sau nhìn thấy Tiên Hộc từ phía sau chạy lên, đầu trúng một phát nổ, máu tươi lang lổ đầy mặt, phải dùng chiến bào để bọc. Tuân Lâm Phụ giận dữ nói:

- Dững tướng mà cũng rơi vào cảnh ngộ này ư?

Trong lúc nói đó, tàn binh của quân Tấn đều kéo đến. Tuân Lâm Phụ hạ lệnh gấp rút qua sông. Thế nhưng, thuyền ít người nhiều, kẻ tranh, người cướp, chúng đã tàn sát lẫn nhau. Người trên thuyền đã đầy, người đến sau bám chặt không rời, nhiều chiến thuyền đã lật nhào. Tiên Hộc đứng trên thuyền quát to:

- Ai còn bám tay vào thuyền không chịu rời ra, sẽ bị chặt đứt tay đó.

Tức thì các binh sĩ ở trên thuyền giơ cao dao lên, chặt đứt tay của số người bám vào thuyền, tay giơ lên, dao chặt xuống, máu tươi tràn ngập, nước sông bị nhuộm đỏ, cảnh tượng thật thê thảm, chẳng ai dám nhìn.

Sở Trang Vương dẫn đầu quân Sở kéo tới Thành Bí. Có người xin Sở Trang Vương thừa thắng đuổi theo. Sở Trang Vương nói:

- Nước Sở kể từ khi bị nước Tấn đánh cho thất bại ở Thành Bộc, đã không dám tranh giành với nước Tấn nữa. Thắng lợi này coi như là đã rửa sạch được sỉ nhục đó rồi. Nước Tấn và nước Sở đều là nước lớn, sớm muộn cũng phải giảng hòa, hà tất phải giết chết nhiều người.

Tức thì Sở Trang Vương hạ lệnh cho quân Sở thu quân, không truy kích nữa, thả cho quân quan nước Tấn qua sông trở về.

Trong trận chiến ở Thành Bí, đại quân nước Tấn có tới 600 chiếc binh xa, chỉ một đêm, hầu như đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Con chim lớn Sở Trang Vương sau ba năm không hót, cuối cùng đã hót lên, nhưng lại khiến người đời kinh sợ. Ông ta đã làm bá chủ kế tiếp sau Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công và Tần Mục Công.

41. Hội nghị dẹp yên chiến sự

Sau trận chiến ở Thành Bí, tiếng tăm Sở Trang Vương lừng lẫy cả Hoàng Hà, chấn động Bắc Phương, đúng là không ai bì kịp. Bởi phương Bắc có nước Tấn cản trở, nước Sở phải phát triển về phía Đông, thôn tính rất nhiều nước nhỏ, thống nhất lại vùng Trung du Trường Giang và lưu vực Hán Thủy; nền kinh tế và văn hóa đã có sự phát triển, trở thành một trong những quốc gia mạnh nhất lúc đó. Nước Tấn không cam tâm chịu thất bại, nhưng nhất thời lại không đủ sức tấn công nước Sở, đã phát triển lên phía Bắc, thôn tính rất nhiều nước nhỏ và bộ lạc Nhung Địch thuộc các dân tộc thiểu số phương Bắc, đem một bộ phận Sơn Tây, miền Tây Nam Hà Bắc, Hà Nam và Thiểm Tây hiện tại thống nhất lại; so với nước Sở vẫn là cò trống tương đương, cân bằng lực lượng. Hai nước Tấn và Sở luôn luôn nhòm ngó lẫn nhau, rình mò cơ hội để đánh bại lẫn nhau.

Lúc này, nội bộ các nước đang phát sinh ra những biến hóa cực kỳ to lớn. Trong cuộc chiến tranh tranh bá, các nước chư hầu chủ yếu dựa vào lực lượng quan đại phu, cho nên họ đành phải đem đất đai, của cải cướp đoạt được trong chiến tranh, lấy ra phần lớn, để thưởng cho các quan đại phu. Từ trong số quan đại phu này nhà vua tuyển chọn ra một người hoặc vài người làm khanh, giúp đỡ nhà vua nắm giữ chính quyền đất nước. Khanh cũng là chế độ truyền đời cho con cháu. Lực lượng của quan đại phu không ngừng được tăng cường, thực quyền của nhà vua dần dần rơi vào trong tay thế khanh. Nước Tấn có mấy nhà đại quý tộc, họ Loan, họ Khích, họ Trung Hành, họ Phạm, họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy, đều rất có thế lực, thậm chí ngay cả việc phế hay lập nhà vua, họ đều có tiếng nói quyết định.

Năm 12 Chu Giản Vương (năm 574 trước Công nguyên) Tấn Lịch Công lợi dụng lực lượng của họ Loan tiêu diệt họ Khích. Lực lượng họ Loan càng ngày càng lớn mạnh. Từ Tấn Lịch Công tới Tấn Điệu Công, Tấn Bình Công, thay đổi mấy triều vua, vậy mà thế lực của nhà họ Loan chỉ có tăng mà không giảm. Bắt đầu từ Loan tân, qua Loan thư tới Loan Doanh, liền bảy đời nắm quyền ở triều đình. Các quan đại thần văn võ triều Tấn rất nhiều người xuất thân từ nhà họ Loan. Sau khi Tấn Bình Công lên ngôi cảm thấy quyền lực của họ Loan quá lớn, trực tiếp uy hiếp đến mình, liền tìm cách triệt họ Loan. Mấy nhà đại quý tộc khác cũng thấy họ Loan quá hống hách, nếu có thể bị tiêu diệt hết họ Loan, bớt đi được đối thủ cạnh tranh, thì họ cũng sẵn sàng ủng hộ kế hoạch của Tấn Bình Công.

Ông nội của Loan Doanh là Loan Thư; khi Loan Thư nắm quyền, đã bức tử Tấn Lịch Công. Tấn Bình Công liền vị cố này buộc con cháu của Loan Thư phải đền tội. Tấn Bình Công dự định trước hết cho bắt hết vây cánh của Loan Doanh. Quan đại phu là Phạm Cái nói:

- Loan Doanh còn sống, Chúa công bắt hết vây cánh của ông ta, đập cỏ cho rắn sợ, e sẽ hỏng việc. Chúa công nên điều Loan Doanh ra khỏi Giáng Thành (Đô Thành nước Tấn), sau đó hãy thanh trừ vây cánh của ông ta.

Tấn Bình Công sai Loan Doanh tới Trước ấp làm việc. Loan Doanh vừa đi, Trịnh Văn Công liền tuyên bố tội trạng của Loan Thư, đem bắt hết những người thuộc gia tộc họ Loan còn lại ở trong đô thành, sau đó cử người đuổi theo Loan Doanh. Loan Doanh được tin này, quay ngay đầu xe, chạy sang theo nước Tề. Tề Trang Công rất nhiệt tâm tiếp đãi Loan Doanh, bằng lòng giúp đỡ Loan báo thù.

Năm 22 Chu Linh Vương (năm 550, trước Công nguyên) Tề Trang Công đưa Loan Doanh tới Khúc ốc, chấn hưng cò trống, đánh về Giáng Đô, thế nhưng Loan Doanh chưa chuẩn bị xong, quân đội do Tấn Bình Công cử đến đã bao vây chặt Khúc ốc. Trải qua hơn một tháng chiến đấu kịch liệt, Loan Doanh và những người đi theo đều bị giết chết. Từ đây, gia tộc họ Loan bị diệt vong.

Họ Loan đã bị diệt, trong lòng Tấn Bình Công vẫn không yên, mấy nhà quý tộc nổi lên về sau như họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy lại đã lớn mạnh lên. Họ đổi mới biện pháp thống trị, giảm nhẹ bóc lột, ban thưởng cho những người có quân công, nên đã tranh thủ được rất nhiều dân chúng, thực lực dần dần đã vượt qua nhà vua.

Hiên tượng này không chỉ phát sinh ra ở một nước Tấn, như họ Điền, họ Cao, họ Quốc ở nước Tề. Họ Quý Tôn, họ Mạnh Tôn, họ Thúc Tôn ở nước Lỗ, qua cuộc chiến tranh bá lâu dài, lực lượng đã không ngừng lớn mạnh. Tông tộc của họ đã trở thành dòng họ mạnh, thái ấp của họ đã biến thành nước mạnh, tạo thành sự uy hiếp cực kỳ đối với nhà vua. Nhà vua vì sợ ngôi báu của mình không vững, chẳng còn lòng dạ nào đi tranh bá với các quốc gia khác nữa? Nước Sở cũng có sự phiền phức của nước Sở. Nước Ngô vốn dĩ là nước phụ thuộc của Sở, lúc này cũng dần lớn mạnh lên, thường hay quấy rối biên cương của Sở; khi nước Sở tiến lên phía Bắc tranh bá, vẫn cứ phải canh cánh lo hậu phương. Các quan đại phu ở trong những nước nhỏ còn lại cũng đang tiến hành thôn tính, Hồ Yển vọng giảm bớt các cuộc chiến tranh đối ngoại. Trong tình hình như vậy, các chư hầu và quan đại phu của rất nhiều quốc gia đều bằng lòng tạm thời đình chiến, tức thì cục diện các nước lớn tranh bá có xu hướng hòa hoãn xuất hiện.

Năm 26 Chu Linh Vương (năm 546, trước Công nguyên), quan đại phu nước Tống là Hướng Tuất hẹn hò với hai nước lớn là Tấn và Sở, mở hội nghị để bàn việc dẹp yên chiến sự. Hướng Tuất và quan đại phu nước Tấn là Triệu Vũ, quan đại phu nước Sở là Khuất Kiến đều rất có tình bạn thân thiết, muốn thuyết phục hai nước đình chiến. Khi hai nước đều rơi vào tình trạng không đủ sức chiếu cố tới bên ngoài nữa, nghe Hướng Tuất đề nghị, họ đều tán thành ngay.

Tháng 7, tại đô thành Thương Khâu nước Tống đã triệu tập hội nghị “nhị bình” (dẹp yên chiến sự, đình chỉ chiến tranh), tổng cộng có mười quốc gia tham dự. Những người tham dự hội nghị liên minh lần này khác hẳn với lần trước. Hội liên minh lần trước là đích thân chư hầu tới tham dự, những người tới dự hội liên minh lần này hoàn toàn là những quan đại phu có quyền lực của các nước: Nước Tấn và Triệu Vũ, nước Sở và Khuất Kiến, nước Tống là Hướng Tuất, nước Lỗ là Thúc Tôn Báo, nước Vệ là Thạch ố, nước Trịnh là Lương Tiêu. Hội nghị phân thành hai tập đoàn do Tấn và Sở cầm đầu. Tập đoàn phía nước Tấn bao gồm các nước Lỗ, Vệ, Trịnh, Tào... phía nước Sở bao gồm các nước Thái, Trần, Hứa,... nước Tống là Đông đạo chủ, lại là người phát khởi hội nghị, dĩ nhiên đã tham gia đại hội. Nước Tề và nước Tần là nước lớn độc lập, có địa vị ngang hàng với Tấn và Sở, không phụ thuộc phía nào cả nên không tham gia hội nghị. Hai bên tham gia hội nghị cùng bàn bạc quyết định: Hai nước Tấn và Sở cùng làm bá chủ. Từ đó về sau, thuộc quốc của nước Sở cũng phải triều cống nước Tấn; thuộc quốc của các nước Tấn cũng phải triều cống nước Sở. Số nước nhỏ này cần phải chuẩn bị hai phần cống phẩm, thế là phần phải gánh vác đương nhiên đã tăng thêm.

Khi các điều kiện được ấn định xong xuôi, sắp sửa uống máu ăn thề, Khuất Kiến của nước Sở lại tìm Hướng Tuất nói:

- Hai minh chủ, tất nhiên phải có trước sau chứ? Ông hãy tới bàn với nước Tấn, khi uống máu ăn thề nước Sở phải đứng ở trên đầu.

Hướng Tuất rất khó xử, thế nhưng ông là người đề xướng ra, đành phải đi tìm Triệu Vũ của nước Tấn. Triệu Vũ không đồng ý, nói:

- Tiên quân Văn Công của chúng tôi đã làm minh chủ sớm nhất, nước Sở làm sao có thể đứng ở trên đầu chúng tôi được?

Hướng Tuất nói lại lời này với Khuất Kiến, Khuất Kiến nói:

- Mọi người đều nói Tấn Sở là bá chủ bình đẳng, nếu như vẫn cứ để nước Tấn đứng ở trước vô hình trung nước Sở chúng tôi chẳng phải bị coi là đứng hàng thứ hai rồi hay sao? Lần này muốn nói gì cũng phải để cho nước Sở chúng tôi đứng trên đầu.

Kỳ thực, người nước Sở tới khai hội đã có sự chuẩn bị sẵn sàng, bên trong quần áo của họ đều là giáp sắt, giấu sẵn binh khí; vẫn không được thì dùng đến võ, muốn giết chết Triệu Vũ ngay tại hội nghị, độc chiếm chức bá chủ hội liên minh lần này, tiếp đó sẽ xưng bá thiên hạ. Triệu Vũ nhận thấy tình thế đã xấu đi, đành phải nhượng bộ, để cho nước Sở làm chủ liên minh.

Hai bên Tấn Sở ước định, nếu ai phá hoại minh ước, thì sẽ bị các nước khác đến trừng phạt. Từ đây về sau, hai nước Tấn Sở chia đều bá quyền, nước Sở có thể tập trung lực lượng đối phó với nước Ngô, nước Tấn cũng có thể chuyên tâm tiến hành tranh đoạt nội bộ. Do vậy, trong

thời gian mười mấy năm sau hội nghị đệp yên chiến sự này, giữa mười quốc gia đó không có giao chiến, vì thế toàn bộ các cuộc chiến tranh đối ngoại của các nước chư hầu đã giảm đi nhiều. Thế nhưng, các cuộc đấu tranh giành quyền đoạt thế giữa các tập đoàn khác nhau trong nội bộ chư hầu, trái lại, đã trở nên vô cùng gay gắt. Cho nên có thể nói, hội nghị đệp yên chiến sự lần này là một đường ranh giới rất quan trọng. Trước hội liên minh, chủ yếu là chư hầu thôn tính lẫn nhau, thứ đến là quan đại phu thôn tính lẫn nhau. Sau hội nghị liên minh thì chủ yếu là quan đại phu thôn tính lẫn nhau, thứ đến là chư hầu. Xã hội của từng nước đang ấp ủ một sự biến đổi cực kỳ lớn lao.

42. Ngũ Tử chạy trốn tới nước Ngô

Sau hội nghị dẹp yên chiến sự, cục diện Tấn Sở tranh bá đã tiếp cận tới giai đoạn cuối. Lúc này, ở hạ du Trường Giang có hai quốc gia lần lượt quật khởi, một là nước Ngô và một là nước Việt. Nước Ngô chiếm một phần khu vực hai tỉnh An Huy và Triết Giang và đại bộ phận tỉnh Giang Tô hiện nay, Ngô vốn là nước phụ thuộc của nước Sở, tới cuối kỳ Xuân Thu lại chiến thắng được nước Việt xưng bá ở Trung Nguyên. Người sáng lập ra nghiệp bá là Ngô Vương Hạp Lư và Phù Sai, quan đại thần nổi tiếng nhất dưới trướng họ, một người là Ngũ Tử Tư và một người là Tôn Vũ.

Ngũ Tử Tư vốn là người nước Sở, tại sao ông lại trở thành quan trọng thần của nước Ngô và giúp đỡ vua Ngô đánh bại nước Sở? Chuyện này phải kể lại từ đầu.

Năm 18 Chu Cảnh Vương (năm 527, trước Công nguyên), sau hai năm nắm chính quyền, Sở Bình Vương sai quan đại phu là Phí Vô Cực tới nước Tần cầu hôn cho Thái tử Kiến. Tần ái Công đã đem em gái của mình là Mạnh Doanh gả cho Thái tử Kiến. Phí Vô Cực là con người rất xấu xa, lại chuyên thói bợ đỡ ôm chân, thấy Sở Bình Vương thềm chảy dãi trước sắc đẹp của Mạnh Doanh, liền nói:

- Chúa công đã thích nàng, sao không tự vợ lấy đi?

Lời nói thật hợp với tâm ý của Sở Bình Vương, bèn đem cô hầu của Mạnh Doanh gả cho Thái tử Kiến.

Theo thời gian, sự việc xấu xa Sở Bình Vương lấy con dâu của mình được lan truyền. Phí Vô Cực rất sợ Thái tử Kiến biết, liền thúc dục Sở Bình Vương đưa Thái tử Kiến lên nắm quyền sẽ tính sổ hẳn, cho nên hẳn đã tìm trăm phương ngàn kế để giết hại Thái tử Kiến. Hẳn xúc xiểm trước mặt Sở Bình Vương, nói:

- Thái tử rất không hài lòng với việc Chúa công đã lấy vợ của Thái tử, nghe nói Thái tử đã chiêu binh mãi mã ở Thành Phụ, để cho thầy giáo của Thái tử là Ngũ Xa ngày đêm thao luyện, sẽ đánh về ảnh Đô để báo thù đó!

Lời xúi bẩy của Phí Vô Cực khiến Sở Bình Vương không chịu nổi, liền triệu thầy giáo của Thái tử Kiến là Ngũ Xa tới trách hỏi. Ngũ Xa chính là con cháu đời sau của Ngũ Tử, người đã từng khuyên can Sở Trang Vương ngày trước. Ngũ Xa là người thẳng thắn, cương trực, không chịu nổi hành vi của Sở Bình Vương, rất căm hận việc làm của Phí Vô Cực, liền nói:

- Việc Chúa công lấy tranh vợ của thái tử, đã là không đúng rồi, tại sao lại tin theo lời bậy bạ của kẻ tiểu nhân mà hoài nghi cả cốt nhục?

Sở Bình Vương vừa then thùng lại vừa giận dữ, liền hạ lệnh bắt Ngũ Xa, nhốt vào trong nhà giam. Phí Vô Cực lại xúi thêm một bước, nói:

- Chúa công đã bắt thầy giáo của Thái tử, liệu Thái tử có cam lòng không? Nếu Thái tử liên hiệp với các nước Tề Tấn để gây chuyện thì e khó có thể đối phó được đó?

Sở Bình Vương thích Mạnh Doanh, từ lâu đã có lòng dạ phế bỏ Thái tử Kiến, lập con trai của Mạnh Doanh lên làm Thái tử, nghe lời nói của Phí Vô Cực, liền hạ quyết tâm sẽ giết chết Thái tử Kiến.

Thái tử Kiến được biết tin này, lập tức chạy trốn sang nước Tống. Phí Vô Cực nói:

- Ngũ Xa có hai người con trai, con lớn lên tên là Ngũ Thượng, con nhỏ tên là Ngũ Viên (tức Ngũ Tử Tư), đó là những nhân tài hữu dụng, hữu mưu. Nếu để cho chúng chạy trốn, tất sẽ có hậu họa khôn lường! Trừ cỏ phải trừ tận gốc, Chúa công có cho gọi hai anh em chúng lại rồi đem giết chết cùng với Ngũ Xa là xong.

Sở Bình Vương nói:

- Đã bắt cha của chúng rồi, liệu chúng có thể đến không?

Phí Vô Cực nói:

- Điều đó cũng dễ thôi, Chúa công cứ để cho Ngũ Xa viết thư cho chúng, nói rằng nếu chúng đến thì sẽ tha tội cho cha chúng, nếu không đến sẽ lập tức xử tử cha của chúng!

Ngũ Thượng nhận được thư của cha, trong lòng rất lo lắng, dự định sẽ tới ngay ảnh Đô, liền đưa thư cho Ngũ Tử Tư xem. Ngũ Tử Tư xem xong thư, nói:

- Lá thư này đúng là chúng bắt cha viết đó, nếu chúng ta không đến, chúng nó sợ chúng ta, chưa chắc cha đã đến nổi phải chế đâu. Nếu đến, nhất định là cha sẽ bị chết, mà chúng ta cũng không thoát khỏi bàn tay độc ác của chúng.

Ngũ Thượng nói:

Nếu không đến, vạn nhất cha bị giết hại thật thì sao? Cho dù là thư giả, được gặp mặt cha một lần, có chết cũng cam lòng.

Ngũ Tử Tư nói:

- Cả hai anh em cùng đến để chết, hỏi có ích gì? Nếu cha bị hại, thì phải nghĩ cách báo thù thay cha. Anh nhất định phải đi, em đành vĩnh biệt anh tại đây.

Quả nhiên, Ngũ Thượng vừa tới ảnh Đô, Sở Bình Vương đã cho giết chết cả Ngũ Xa và Ngũ Thượng. Tiếp đó Sở Bình Vương lại hạ một đạo mệnh lệnh, thông báo cho toàn quốc biết, đã trao giải thưởng cho ai bắt được Ngũ Tử Tư.

Ngũ Tử Tư nghe tin cha và anh đã bị giết, thì vô cùng đau khổ, đã thề: “Thù lớn này không trả được, ta thề không làm người”, rồi bỏ trốn ngay trong đêm đó. Trên đường đi, đột nhiên gặp lại người bạn cũ là Thân Bao Tư. Ngũ Tử Tư đem chuyện cha và anh bị giết hại như thế nào, Sở Vương treo giải thưởng bắt mình ra sao, trước sau kể lại cho bạn nghe một lượt. Thân Bao Tư rất thông cảm với Ngũ Tử Tư, liền hỏi:

- Bây giờ bạn dự định làm gì?

Ngũ Tử Tư nói:

- Tục ngữ có câu “Mối thù cha mẹ, không đội trời chung”. Ta không nhai sống được thịt của Sở Vương, không bằm được xác Phí Vô Cực, không lật đổ được nước Sở, không phải là trang nam nhi.

Thân Bao Tư nói:

- Sở là đất nước của cha mẹ chúng ta, làm sao có thể làm như vậy được? Vì tình nghĩa bạn bè mà, tôi nhất định sẽ không tiết lộ chí hướng của bạn. Thế nhưng, tôi nói cho bạn biết rằng, nếu bạn lật đổ nước Sở, thì tôi nhất định sẽ nghĩ cách khắc phục hưng lại nó!

Nói xong, hai người chia tay.

Ngũ Tử Tư tới nước Tống, đã tìm được Thái tử Kiến. Không may, nước Tống có nội loạn, nước Sở cử binh tới can thiệp, Thái tử Kiến và Ngũ Tử Tư vội vã chạy trốn sang nước Trịnh. Trịnh Định Công rất nhiệt tình chiêu đãi họ, không ngờ Thái tử Kiến lấy oán trả ơn, Thái tử Kiến đã giấu Ngũ Tử Tư, bí mật câu kết với nước Tấn, muốn cướp đoạt đại quyền của nước Trịnh, rồi lợi dụng lực lượng của nước Trịnh, đánh về Sở. Trịnh Định Công kịp thời phát giác ra âm mưu này, đã giết chết Thái tử Kiến.

Ngũ Tử Tư lại đem con trai của Thái tử Kiến là Công tử Thảng chạy trốn tới nước Ngô. Trên đường đi, Ngũ Tử Tư vừa lo người nước Trịnh đuổi theo, vừa sợ người nước Sở đuổi bắt, nên đành phải ban ngày ẩn nấp trong núi sâu, ban đêm mới dám mò đi. Suốt mười ấy ngày mới tới biên giới giữa nước Sở và nước Ngô, đó là Chiêu Quan (phía Tây Bắc huyện Hàm Sơn, tỉnh An Huy ngày nay). Hình thế Chiêu Quan vô cùng hiểm yếu, trước, sau đều là núi, chỉ có một con đường thông tới cửa Quan, qua được Chiêu Quan chính là Đại Giang, ngồi lên thuyền là có thể

tới được nước Ngô, nên đã đặc biệt phái binh mã tới canh giữ Chiêu Quan, lại còn treo ảnh vẽ hình Ngũ Tử Tư ở trước cửa Quan, người nào muốn qua cửa Quan đều phải đối chiếu với hình vẽ đó, để tránh Ngũ Tử Tư trà trộn đi qua. Đúng là thiên là địa võng, có mọc cánh cũng khó ba qua được. Ngũ Tử Tư và công tử Thắng đã dùng lại mấy ngày ở gần Chiêu Quan, mắt nhìn về phía Chiêu Quan, biết khó mà qua được. Một hôm, Ngũ Tử Tư phát hiện có rất nhiều người tụ tập đông đúc ở trước cửa Quan, không khí náo loạn, binh lính canh gác cửa Quan kiểm tra không xuể. Ngũ Tử Tư liền hóa trang, đem theo công tử Thắng trà trộn vào đám đông, lợi dụng thời cơ qua cửa Quan. Trong các tiểu thuyết và hí khúc cũ đều nói Ngũ Tử Tư lo lắng quá độ ở trước Chiêu Quan, trong một đêm do buồn rầu mà bạc hết râu tóc, các binh lính canh gác của Quan không còn nhận ra nữa, nên mới trà trộn được mà ra khỏi Chiêu Quan. Sự thực có phải như vậy không, không thể đoán chắc được. Có điều, từ truyền thuyết này có thể thấy rằng người đời đã gửi gắm sự đồng tình rất sâu sắc đối với Ngũ Tử Tư.

Ngũ Tử Tư đem theo công tử Thắng đi qua Chiêu Quan, qua sông Đại Giang tiến vào biên giới nước Ngô, thì thở một hơi dài khoan khoái. Ngũ Tử Tư tìm người hỏi thăm đường, đi thẳng về phía Đô Thành nước Ngô. Một hôm, ông gặp một người đàn ông thân hùm mình gấu, giọng nói sang sảng, tướng mạo dũng mãnh không ai sánh kịp đang đánh nhau với một người đàn ông khác trên phố. Hai người đánh nhau không phân thắng phụ, mọi người ở xung quanh khuyên can thế nào cũng không thể dứt ra được. Lúc này từ trong ngôi nhà cạnh phố vọng ra tiếng nói của một bà già.

- Chuyên Chư dừng tay!

Người đàn ông đó vừa nghe tiếng nói đã lập tức buông tay, bước vào nhà. Ngũ Tử Tư rất lấy làm kỳ quái, những người ở bên cạnh cho Ngũ Tử Tư biết: người đàn ông này tên gọi là Chuyên Chư, bà già đó chính là mẹ của Chuyên Chư. Chuyên Chư có sức khỏe vô địch, rất trọng nghĩa khí, thích đánh kẻ gây ra sự bất công, rất kính trọng và có hiếu với mẹ. Ngũ Tử Tư nghĩ, con người dũng cảm như thế này, trong tương lai nhất định có triển vọng. Ngay hôm sau, Ngũ Tử Tư tới thăm Chuyên Chư. Hai người trò chuyện rất tâm đầu ý hợp, liền kết thành anh em. Ngũ Tử Tư và công tử Thắng trú một đêm ở nhà Chuyên Chư, hôm sau tiếp tục đi về hướng đô thành nước Ngô.

Năm 23 Chu Cảnh Vương (năm 552, trước Công Nguyên), Ngũ Tử Tư đến Đô Thành Ngô, lập tức vào bái kiến Ngô Vương Liêu. Ngô Vương Liêu nhiều lần tấn công nước Sở, tuy cũng đã đánh thắng mấy trận, nhưng cũng chẳng chiếm được nhiều lợi ích. Ngô Vương Liêu biết Ngũ Tử Tư là một nhân tài, vô cùng sung sướng, lập tức trọng dụng ngay và phong cho Ngũ Tử Tư làm quan đại phu. Ngũ Tử Tư kiến nghị với Ngô Vương đánh Sở. Anh trai của Ngô Vương là công tử Quang không đồng ý, nói với Ngô Vương Liêu rằng:

- Ngũ Tử Tư muốn đánh Sở chẳng qua là muốn mượn lực lượng của nước Ngô chúng ta báo thù cho mình. Hiện tại nước Sở vẫn còn rất mạnh, đánh Sở thì không thể thành công được.

Ngô Vương Liêu ngu xuẩn đã nghe và tin theo lời công tử Quan, liền thủ tiêu ý định đánh Sở, rồi dần dần xa lánh Ngũ Tử Tư.

Một hôm, bỗng nhiên Công tử Quang tới thăm Ngũ Tử Tư. Công tử Quang nói:

- Một nhân tài như ông hẳn phải quen biết rộng? Tôi rất muốn kết giao với các hào kiệt trong thiên hạ, xin ông tiến cử cho một vài người.

Trong câu chuyện, Ngũ Tử Tư đã hiểu rõ được tâm sự của công tử Quang, chính ông ta muốn lật đổ Ngô Vương Liêu để lên làm vua. Ngũ Tử Tư nhận ra, nếu muốn đánh Sở để phục thù thì cần phải chờ công tử Quang lên ngôi đã, liền tiến cử Chuyên Chư với công tử Quang.

Năm thứ tư Chu Linh Vương (năm 516, trước Công Nguyên), Sở Bình Vương qua đời, Ngô Vương Liêu thừa cơ cất quân đi đánh nước Sở. Chẳng ngờ nước Sở đã có phòng bị từ trước, chờ quân Ngô vào hẳn phía trong biên giới, quân Sở liền chặt đứt đường phía sau của quân Ngô. Quân Ngô muốn tiến không được, muốn thoái chẳng xong, thực tế là đã bị quân Sở bao vây. Tin quân Ngô bị bao vây lan truyền đi, tiếng ai oán nổi lên khắp nơi. Công tử Quang thấy cơ hội đã

tới, lập tức mời Chuyên Chư đến, để cho Chuyên Chư tới đâm chết Ngô Vương Liêu. Chuyên Chư nói:

- Ngô Vương là vua của chúng ta, tại sao lại phải đâm chết ngài?

Công tử Quang nói:

- Hẳn có phải là vua đâu? Ngôi vua của hẳn là cướp từ tay người khác đó! Ông nội ta tuổi già mới bắt đầu xưng vương, người có bốn con trai, cha ta là con cả. Ông nội ta muốn truyền ngôi cho người con thứ tư hiền tài sáng suốt là Quý Trát, thế nhưng nói thế nào Quý Trát cũng không làm. Khi ông nội ta sắp mất, đành phải dặn dò để cho con cả kế ngôi, có điều là về sau phải truyền ngôi cho các anh em, chứ không cho phép truyền ngôi cho con trai. Sau đó, theo thứ tự, ngôi phải truyền cho Quý Trát, Quý Trát vẫn không chấp nhận. Theo lý thì phải khôi phục quy củ con cả được nối ngôi, ngôi vua cần phải được trả về cho em trai cả của người con cả, cũng chính là ta. Thế nhưng con trai của người con thứ ba là công tử Liêu, lại cướp mất. Người nói xem, nỗi oan ức bấy lâu, chẳng lẽ nhân dịp này lại không muốn trút bỏ hay sao?

Chuyên Chư đã bằng lòng dốc hết sức vì công tử Quang.

Năm thứ 5 Chu Kinh Vương (năm 515 trước Công Nguyên), công tử Quang bày yến tiệc mời Ngô Vương Liêu tới ăn. Công tử Quang nói:

- Gần đây, thần có được một người đầu bếp có biệt tài nướng cá. Hôm nay thần sẽ để hẳn hầu hạ bệ hạ một bữa cá, mời bệ hạ thưởng thức thử xem!

Ngô Vương Liêu rất thích ăn cá, nghe công tử Quang nói có món cá do đầu bếp giỏi nướng, thì rất vui mừng, liền gọi to:

- Đem mau lên đây! Đem nhanh lên đây!

Chuyên Chư đóng vai người đầu bếp, hai tay bung tới một con cá to. Ngô Vương Liêu nhìn thấy cá, luôn chép chép miệng khen:

- Cá ngon lắm! Cá ngon lắm!

Vừa lúc đó, Chuyên Chư đột nhiên rút một lưỡi kiếm ngắn từ trong bụng cá ra, dùng sức mạnh của toàn thân đâm thẳng vào Ngô Vương Liêu; vệ sĩ của Ngô Vương Liêu cũng rút dao ra đồng thời chém vào Chuyên Chư. Ngô Vương Liêu và Chuyên Chư hầu như cùng bị giết chết trong tích tắc. Sản đường bị một phen hỗn loạn. Ngũ Tử Tư liền dẫn quân đội kéo tới, tiêu diệt đội vệ sĩ của Ngô Vương Liêu, sau đó chiếm lĩnh cung vua, tuyên bố công tử Quang lên ngôi, đó chính là Ngô Vương Hạp Lư.

Sau khi Hạp Lư lên làm vua, đã để cho Ngũ Tử Tư hiệp trợ với mình cai trị nước Ngô, trước hết lo chỉnh đốn nền chính trị, sau đó ra sức phát triển sản xuất, khuyến khích cày cấy, tăng cường xây dựng tường thành, đúc tạo vũ khí. Qua hàng loạt biện pháp cai trị của Ngô Vương Hạp Lư và Ngũ Tử Tư, nước Ngô đã lớn mạnh lên.

Năm thứ ba sau khi lên ngôi, Hạp Lư dự định cất quân đi đánh Sở, tranh Bá thiên hạ. Hạp Lư nói với Ngũ Tử Tư:

- Năm xưa, người kiến nghị với Ngô Vương Liêu đánh Sở, ta biết đó là một chủ ý tốt đẹp. Thế nhưng ta sợ hẳn cử ta đi sẽ làm lỡ dở việc đại sự của ta. Và lại, nếu có đánh thắng trận thì đó sẽ là công lao của hẳn, hẳn sẽ thu hết lợi lộc cho nên ta không ủng hộ kiến nghị của người. Nay, nước Ngô đã do ta làm chủ rồi. Ta nhất định sẽ mở mang kinh doanh, làm cho nước Ngô lớn mạnh lên, trở thành thủ lĩnh của các nước ở Trung Nguyên. Ta biết, muốn đạt được mục tiêu này, trước tiên cần phải đánh bại nước Sở. Người xem đánh Sở vào lúc nào thì tốt?

Ngũ Tử Tư nghe xong vô cùng sung sướng, đã đề xuất với Hạp Lư rất nhiều kiến nghị đánh Sở, không những thế còn tiến cử cho Hạp Lư một nhà đại quân sự, đó là Tôn Vũ.

43. Tôn Vũ thao luyện nữ binh

Tôn Vũ là nhà quân sự vĩ đại trong thời cổ đại của Trung Quốc. *Tôn Tử Binh Pháp* mà ông viết ra chẳng những là bộ binh thư cổ nhất hiện còn tồn giữ của Trung Quốc, mà đó cũng là một bộ binh thư sớm nhất trên thế giới, chẳng những là trước tác quân sự kiệt xuất nhất trong thời cổ đại Trung Quốc, mà trong lịch sử học thuật quân sự thế giới nó cũng chiếm một địa vị vô cùng quan trọng. Bộ binh thư này, từ trước tới nay đều được gọi là “Binh Kinh”, sớm từ thế kỷ thứ 7 đã được chuyển vào Nhật Bản, sau thế kỷ thứ 18, các nước Anh, Pháp, Đức, Tiệp, Nga,... đều đã phiên dịch ra, ảnh hưởng của nó vô cùng lớn lao.

Dưới đây sẽ kể một chuyện về Tôn Vũ thao luyện nữ binh.

Tôn Vũ vốn là người nước Tề, do phải chạy nạn đã tới nước Ngô. Ông đã đem theo bộ binh thư mà ông viết ra, muốn được cầu kiến Ngô Vương để thực hiện hoài bão của mình. Hạp Lư muốn đánh Sở, đang cần có một nhân tài giống như Tôn Vũ. Bấy giờ Ngũ Tử Tư vừa tiến cử, trước hết Hạp Lư đã đọc qua một lần quyển binh thư của Tôn Vũ, sau đó mới tiếp kiến Tôn Vũ. Hạp Lư nói với Tôn Vũ:

- Tác phẩm lớn 13 thiên của tiên sinh, quả nhân đã đọc cả rồi. Liệu có thể thực hành thử ngay trước mặt quả nhân được không?

Tôn Vũ trả lời:

- Được ạ!

Hạp Lư lại hỏi:

- Có thể để cho phụ nữ thử được không? Nếu dùng để thao luyện nữ binh thì sao?

Tôn Vũ nói:

- Tốt ạ!

Tức thì Hạp Lư cho gọi hết cung nữ, có ước khoảng 180 người, giao cả cho Tôn Vũ chỉ huy. Bản thân Hạp Lư ngồi ở trên đài cao xem Tôn Vũ thao luyện nữ binh.

Tôn Vũ đã chia số cung nữ này ra thành hai đội, để cho hai người cung nữ mà Hạp Lư sủng ái nhất lần lượt đảm nhận chức đội trưởng của hai đội, hạ lệnh cho tất cả các cung nữ mỗi người cầm một chiếc kích.

Tôn Vũ hỏi:

- Các người có hiểu rõ trái tim, sau lưng tay trái, tay phải của mình không?

Các cung nữ đều đồng thanh trả lời:

- Hiểu rõ!

Tôn Vũ nói:

- Tốt! Bấy giờ ta hạ lệnh các người hướng về phía trước, thì các người phải nhìn theo phương hướng đối diện của trái tim; ra lệnh cho các người hướng về bên trái thì các người phải nhìn về phía tay trái; ra lệnh cho các người hướng về bên phải thì các người phải nhìn về phía tay phải; ra lệnh cho các người hướng về đằng sau thì các người phải quay thân mình nhìn về sau lưng, mọi người có thể làm được cả chứ?

Các cung nữ đều trả lời nói:

- Có thể!

Sau khi Tôn Vũ trao đổi hiệu lệnh rõ ràng rồi, liền cho người đem các binh khí như rìu, búa... đặt cả ở trong cung đình, rồi căn dặn nhiều lần: nếu không nghe theo hiệu lệnh thì sẽ bị trừng trị theo quân pháp. Sau đó đánh trống truyền lệnh hướng sang bên phải, các cung nữ chỉ quen

thói ca múa nhẹ nhàng, đâu có chịu sự bó buộc như thế này bao giờ? Nghe thấy hiệu lệnh liền xiêu vẹo ngã nghiêng, cười đùa huyền ảo không ngớt.

Tôn Vũ nói:

- Hiệu lệnh nói ra không được rõ ràng, động tác giảng giải không minh bạch, cho nên các người thao luyện không tốt. Điều này không thể trách các người được mà đó là trách nhiệm của ta, người làm chủ tướng này.

Nói xong lại giảng giải mấy lượt mọi hiệu lệnh quy định, sau đó đánh trống truyền lệnh nhìn sang hướng trái. Các cung nữ vẫn rối loạn, ngã nghiêng, xiêu vẹo rồi lại cười khanh khách. Tôn Vũ nói:

- Trước đây, ta chưa giảng giải rõ ràng hiệu lệnh, các người chưa thành thuộc, đó là trách nhiệm của ta làm chủ tướng. Bây giờ, hiệu lệnh đã giảng giải rõ ràng, các người vẫn không làm được theo hiệu lệnh, thì đó là trách nhiệm của các người. Căn cứ vào quân pháp, cần phải trừng phạt đội trưởng.

Nói xong liền đem hai người đội trưởng ở bên trái và bên phải ra chém đầu.

Từ trên đài cao Ngô Vương Hạp Lư nhìn thấy Tôn Vũ sắp sửa chém đầu hai người cung nữ sủng ái nhất của mình thì giật mình kinh sợ, cuống cuồng sai người truyền lệnh, nói:

- Ta đã biết tướng quân là người giỏi dùng binh. Thế nhưng hai mỹ nhân này tuyệt đối không thể cho chém đầu được! Không có hai người này làm bạn, thì ngay cả cơm ta cũng không nuốt được!

Tôn Vũ nói:

- Ta đã tiếp nhận sự bổ nhiệm của đại vương làm chủ tướng. Là Đại tướng quân, lệnh vua có thể không tiếp nhận.

Tức thì hạ lệnh chém đầu hai nữ đội trưởng đó. Tiếp theo, sau lại chỉ định hai người khác làm đội trưởng, lại đánh trống thao luyện lại từ đầu. Lúc này, số cung nữ kia, đã không dám cười, lại chẳng dám thở to. Ai nấy tập trung hết sức chú ý thao luyện theo tiếng trống, bất kể là quay sang trái, phải, hướng về đằng trước, quay về đằng sau, hoặc là quỳ xuống, đứng lên, hoàn toàn phù hợp với hiệu lệnh, một chút sai sót cũng chẳng hề có.

Huấn luyện đã xong, Tôn Vũ cử người báo cáo với Hạp Lư:

- Đội nữ binh đã thao luyện tốt rồi, đại vương có thể tới trước trận để xem, tùy đại vương muốn hạ mệnh lệnh gì, đội nữ binh đều biết phục tùng, kể cả bắt họ nhảy vào canh sôi, lửa bỏng họ cũng không thoái thác.

Lúc này, Hạp Lư vẫn còn đang buồn sầu vì bị mất hai mỹ nữ thân tín, đâu còn lòng dạ tới xem nữ binh thao luyện! Đành phải thuận miệng nói qua quýt:

- Cho quân đội nghỉ ngơi, ta không muốn đi xem nữa!

Tôn Vũ nghe xong, thở dài nói:

- Trời! Xem ra đại vương chỉ thích xem binh thư mà ta viết ra, chứ không muốn ta phát huy bản lĩnh chân thực!

Nghe xong lời của Tôn Vũ, Ngô Vương mới thấy phần chấn tinh thần, ông đã suy nghĩ kỹ lưỡng, không thể vì hai mỹ nữ mà để mất đi một vị Đại tướng? Tức thì Hạp Lư chuyển giận thành vui, chính thức bổ nhiệm Tôn Vũ làm Đại tướng.

Về mặt quân sự Tôn Vũ đã có thành tựu vĩ đại, trên quan điểm chính trị Tôn Vũ cũng là người chủ trương tích cực đổi mới quật cường vươn lên. Trên thanh trúc cũ nát "Ngô Vấn" đào được trong mộ đời Hán tại huyện Lâm Nghi, tỉnh Sơn Đông năm 1972, đã ghi chép đoạn đối thoại giữa Tôn Vũ và Ngô Vương. Ngô Vương hỏi Tôn Vũ: "Quan đại phu trong sáu nhà ở nước Tấn, nhà nào sẽ diệt vong trước, nhà nào nhất định sẽ thành công?". Tôn Vũ trả lời nói: "Nhà nào

rộng, đất lớn, tô thuế nhẹ thì nhất định sẽ thành công!”. Tôn Vũ đã nhìn thấy sự biến đổi cực kỳ to lớn của xã hội lúc đó, đã nhìn thấy muốn củng cố chính quyền thì cần phải tranh thủ lòng dân. Tư tưởng này rất phù hợp với sự phát triển của xã hội lúc đó!

44. Hạp Lư tiến đánh Ảnh Đô

Hạp Lư thấy thực lực nước Ngô đã được tăng cường, lại có hai viên đại tướng là Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ phò tá, sớm đánh vào nước Sở để tranh đoạt bá quyền. Tôn Vũ không đồng ý xuất quân ngay, ông nói:

- Nước Ngô ta mấy năm liền đánh trận liên miên, dân chúng mệt mỏi quá rồi, nên chờ thêm hai năm nữa, để cho dân chúng được nghỉ ngơi đã.

Ngũ Tử Tư thì kiến nghị với Ngô Vương phân chia quân đội thành ba loạt. Trước tiên, cử loạt thứ nhất đến quấy phá biên giới nước Sở, chờ cho quân đội kéo ra nghênh chiến, quân Ngô lập tức lui về, đợi cho quân Sở rút về, quân Ngô lại đổi loạt quân thứ hai tới quấy nhiễu. Như vậy, quân Ngô luân phiên quấy rối, quân Sở tất bật qua lại, không được nghỉ ngơi, thời gian kéo dài, tất nhiên sẽ mệt mỏi rời rã, mất hết ý chí chiến đấu. Tới lúc đó, nước Ngô hội hợp ba loạt quân đó lại, tổng tấn công, nhất định sẽ giành được thắng lợi. Ngô Vương tiếp thu kiến nghị của Ngũ Tử Tư, một mặt tiếp tục chỉnh đốn nội chính, tích góp lực lượng; một mặt chia quân đi quấy rối nước Sở.

Ngô Vương Hạp Lư lại trải qua sáu năm chuẩn bị, đến năm 14 Chu Kính Vương (năm 506 trước Công Nguyên), liền quyết định đánh Sở Hạp Lư bổ nhiệm Tôn Vũ làm chủ tướng. Ngũ Tử Tư làm phó tướng, người em của mình là công tử Phù Khái làm tiên phong, đích thân làm thống soái, soái lĩnh sáu vạn quân Ngô xuất phát dưới sự chỉ huy của Tôn Vũ, trước tiên quân Ngô theo đường thủy qua sông Hoài, sau đó lại chuyển sang đường bộ, thông qua biên giới hai nước Thái và Đường, lặn lội hơn một nghìn dặm, vu hồi tới miền Đông Bắc nước Sở, tập kích vào mặt sườn, tiến thẳng vào ảnh Đô. Quân Ngô năm lần đánh năm lần thắng, đã đánh cho 25 vạn đại quân nước Sở tơi bời tan tác. Sở Chiêu Vương hoảng sợ quá đã phải bỏ cả ảnh Đô tháo chạy thoát thân.

Được Tôn Vũ, Ngũ Tử Tư... hộ vệ, Hạp Lư tiến vào ảnh Đô. Ngũ Tử Tư khuyên Hạp Lư tiêu diệt nước Sở. Tôn Vũ không đồng ý, nói:

- Vì sao nước Sở lại rơi vào cảnh ngộ như ngày nay? Chính là vì Sở Bình Vương phế bỏ thái tử Kiến, lập con trai của Mạnh Doanh. Nếu chúng ta lập công tử Thắng lên làm vua Sở, khỏi phải nói công tử Thắng sẽ cảm kích chúng ta, sẽ nghe lời chúng ta, mà ngay cả đến dân chúng nước Sở cũng sẽ cảm kích chúng ta. Làm như vậy, ngoài mặt ta biểu thị sự khoan hồng đối với nước Sở, trên thực tế, có khác gì tiêu diệt nước Sở đâu, hơn thế, ta còn giành được tiếng tốt, há chẳng phải là càng tốt hơn hay sao?

Hạp Lư không nghe theo lời Tôn Vũ, quyết định phá sạch, đốt sạch tông miếu của nước Sở. Thời cổ, tông miếu là thứ đại biểu cho một quốc gia; hủy hoại hết tông miếu có nghĩa là quốc gia đó đã bị diệt vong. Tiếp đó, Ngô Vương đã bày đại tiệc ở trên cung điện vua Sở để chúc mừng thắng lợi. Mọi người đều vui mừng sung sướng, riêng chỉ có Ngũ Tử Tư là buồn bã chẳng vui. Ngô Vương hỏi:

- Mục đích báo thù huyết hận của người đã đạt được rồi, tại sao lại còn buồn nản như vậy?

Ngũ Tử Tư nói:

- Sở Bình Vương đã chết, Sở Chiêu Vương lại chạy trốn, thần không lột sống được da của chúng, không nhai sống được thịt của chúng, có chết thần cũng không nhắm được mắt.

Ngô Vương hỏi:

- Người muốn được báo thù như thế nào?

Ngũ Tử Tư nói:

- Xin đại vương cho phép thần được khai quật mộ của Sở Bình Vương lên kéo thi hài của Sở Bình Vương ra, chặt đầu bêu chợ!

Hạ Lư đã đồng ý.

Ngũ Tử Tư dẫn đầu các binh sĩ dưới quyền tìm được phần mộ của Sở Bình Vương, cho đào lên, bật mở quan quách, kéo thi thể của Sở Bình Vương ra. Với mỗi thù hận tràn ngập trong lòng Ngũ Tử Tư tay xách roi da, xông tới chỗ thi thể Sở Bình Vương, ra sức quật mạnh, quật một mạch được hơn 300 roi mới dừng tay. Sau đó, Ngũ Tử Tư đã cắt đầu Sở Bình Vương, đem thi thể của Sở Bình Vương chặt thành từng miếng, vất rải rác khắp đồng ruộng.

Sự việc Ngũ Tử Tư dùng roi quật vào thi thể Sở Bình Vương để phục thù đã được lan truyền đi rất nhanh. Sau khi người bạn cũ của Ngũ Tử Tư là Thân Bao Tư nghe nói vậy đã sai người đưa tới cho Ngũ Tử Tư một bức thư, đại ý trong thư nói rằng:

“Việc báo thù này của ông thật là quá đáng, chỉ dựa vào vũ lực, lẽ dĩ nhiên cũng có thể nhất thời giành được thắng lợi, thế nhưng quá ư tàn bạo, cuối cùng cũng sẽ bị thất bại. Mong ông hãy mau mau rời khỏi nước Sở, nếu không, lời tôi nói là thiêng lắm đó!”.

Ngũ Tử Tư đọc xong lá thư của Thân Bao Tư, suy nghĩ rất lâu, cuối cùng đã nói với người đưa thư:

- Người hãy thay ta chuyển lời nói với Thân Bao Tư, giữa trung và hiếu không thể trọn vẹn cả hai được. Ta cũng ví như người đi đường, trời đã rất tối rồi, mà đi đường vẫn còn rất xa. Chỉ cần đạt tới mục đích thì còn đếm xỉa gì đến cách đi nữa?

Lúc đầu, Thân Bao Tư đã chẳng từng tiết lộ với Ngũ Tử Tư: “Nếu bạn diệt Sở thì tôi nhất định phục Sở”; bây giờ nghe xong câu trả lời của Ngũ Tử Tư, Thân Bao Tư cảm thấy nếu còn khuyên nữa cũng chẳng có ích gì, mà cần phải nhanh chóng nghĩ cách cứu vãn lại nước Sở. Thân Bao Tư nghĩ đến người mẹ của Sở Chiêu Vương là em gái của Tần ái Công; liền tới nước Tần để cầu cứu binh lính. Tần ái Công thấy nước Ngô cường thịnh, không muốn đắc tội với nước Ngô, nên không chịu xuất binh. Trước tình thế tổ quốc sắp bị diệt vong, nghĩ tới quê hương của cha mẹ bị người dày xéo mà không phương cứu vãn, Thân Bao Tư đau đớn cực độ, đứng ngay giữa triều đình nước Tần khóc lóc thảm thiết. Mọi người đều bỏ đi, ông vẫn đứng yên không động. Ông đã khóc như thế liền suốt bảy ngày, bảy đêm. Người nghe tiếng ông khóc, không ai là không cảm động trước tấm lòng yêu nước của ông.

Tần ái Công nói:

- Không ngờ Sở Chiêu Vương u mê ngu muội mà lại có kẻ hạ thần tốt như vậy, thật là hiếm có vậy.

Tức thì Tần ái Công cử 500 chiếc binh xa tới cứu viện nước Sở.

Quân Tần vừa kéo tới biên giới nước Sở, đã chạm trán ngay với quân Ngô. Lúc này, em trai của Hạ Lư là Phù Khái, tiên phong của quân Ngô đã lén lút chạy về nước Ngô, Phù Khái lừa dối mọi người dân trong nước nói:

- Hạ Lư bị quân Tần đánh bại rồi, không biết sống chết thế nào.

Sau đó Phù Khái tuyên bố kế thừa ngôi vua. Hạ Lư nhận được tin này vô cùng kinh ngạc. Đang cùng bàn bạc đối sách với Ngũ Tử Tư, lại có tin nước Việt thừa cơ đánh úp nước Ngô; đúng là đợt sóng này chưa yên, đợt sóng khác lại dồn tới. Hạ Lư chờ cho quân Tần vừa rút về, Hạ Lư lập tức hạ lệnh chuyển hướng đầu đoàn quân hỏa tốc trở về nước Ngô, trừng phạt Phù Khái.

Phù Khái vốn dĩ chẳng có uy tín gì, các tướng sĩ trong Đô Thành nghe nói Hạ Lư dẫn đầu đại quân trở về, liền hăng hái chạy ra đầu hàng, rồi ngã theo. Phù Khái biết là đại thế đã mất, liền chạy trốn. Cuộc phản loạn đã được dẹp yên, Hạ Lư vẫn tại vị. Thế nhưng, từ đây về sau, nước Ngô và nước Việt đã hóa thành địch thủ của nhau. Ngô Vương đã thề phải trừng phạt nước Việt.

45. Câu Tiễn đại bại ở núi Cối Kê

Ngô Vương Hạp Lư đã đánh bại nước Sở lớn mạnh, một lòng muốn khuếch trương thế lực ở khu vực Trung Nguyên, làm thủ lĩnh các nước chư hầu. Thế nhưng nước Việt ở phương Nam cũng đã ngày một cường thịnh lên, bắt đầu uy hiếp hậu phương của nước Ngô, khiến cho việc Bắc tiến xưng bá bị kiềm chế. Hạp Lư quyết định trước hết phải chinh phục nước Việt. Hạp Lư lấy cớ khi ông tiến đánh nước Sở thì nước Việt đã đánh úp nước Ngô, nên đã chuẩn bị xuất quân trừng phạt nước Việt. Năm 24 Chu Kinh Vương (năm 496, trước Công Nguyên), Việt Vương Doãn Thường qua đời, ông bất chấp sự phản đối của Ngũ Tử Tư, đích thân dẫn quân tiến đánh nước Việt.

Việt Vương Câu Tiễn nhận được tin tình báo liền cất quân chống lại quân Ngô, cho bố trí trận địa ở vùng Tuy Lý (phía Tây Nam huyện Gia Hưng, tỉnh Triết Giang ngày nay). Trước thế trận tề chỉnh của quân Ngô, Câu Tiễn phái Đội cảm tử xông lên, thế nhưng binh sĩ của Đội cảm tử hai lần xông lên đều bị quân Ngô bắt sống, trận địa quân Ngô vẫn lặng yên bất động. Câu Tiễn lại nghĩ ra một kế sách: cưỡng bức một toán tù phạm đã bị phán xét xử tử hình, xếp thành ba hàng, mỗi người đặt một lưỡi kiếm lên trên cổ, hướng về phía trận địa quân Ngô, cao giọng nói to:

- Hai quân đánh nhau, chúng tôi đã phạm phải quân lệnh, không xứng đáng là quân nhân nữa. Nay không dám trốn tránh hình phạt, xin tình nguyện dùng cái chết để chuộc tội.

Nói xong, họ cùng tự vẫn. Hành vi kỳ quái đáng sợ này khiến tướng sĩ quân Ngô bị một cơn sốc kinh hoàng, mắt nhìn trơ trơ, ý chí chiến đấu rời rã, thế trận rối loạn. Chính trong lúc này đã nghe thấy tiếng trống thúc âm vang, tiếng gào thét dậy đất từ trong trại quân Việt phát ra, Câu Tiễn chỉ huy quân Việt dùng thế dời núi, lấp biển lao thẳng vào quân Ngô xả thân chém giết. Quân Ngô bị đánh mạnh không kịp trở tay, toàn mặt trận tan vỡ, Hạp Lư bị một mũi giáo vào chân, gãy và nóng chân cái cũng bị chặt đứt, thiếu chút nữa là bỏ mạng. Nước Việt đã giành được một trận đại thắng.

Trên mặt tinh thần, Ngô Vương Hạp Lư đã bị đánh một đòn chí mạng, cộng thêm tuổi già suy yếu, vết thương lại nặng, chưa trở về nước thì đã chết. Người kế ngôi vua là Phù Sai, con trai của Hạp Lư. Phù Sai quyết tâm báo thù cho cha. Phù Sai cử người đứng trước cửa cung điện, mỗi lần thấy ông ta ra vào thì không quên nhắc một câu có tính chất khích bác:

- Phù Sai! Người đã quên vụ Việt Vương giết chết cha người rồi sao!

Phù sai trả lời, nói:

- Không! tôi không quên!

Phù Sai tăng cường luyện binh, chờ đủ ba năm đoạn tang, sẽ cất quân đi đánh Việt để trả thù rửa nhục.

Sau ba năm, Ngô Vương Phù Sai bổ nhiệm Ngũ Tử Tư làm Đại tướng, Bá Phỉ làm phó tướng, dẫn quân đội trong toàn quốc, đánh thẳng vào nước Việt. Việt Vương Câu Tiễn lập tức triệu tập các quan đại thần đến để bàn đối sách. Quan đại phu Phạm Lãi nói:

- Để báo thù, Ngô Vương đã chuẩn bị suốt ba năm trời, binh mạnh, ngựa khỏe, rất khó có thể địch được. Chúng ta chỉ thể kiên trì giữ, né tránh mũi kích xung phòng của chúng!

Một quan đại phu khác là Văn Chung cũng nói:

- Thần nghĩ chi bằng ta cầu hòa, trước mắt cứ để cho nước Ngô rút hết quân rồi sẽ liệu:

Câu Tiễn lại không nghĩ như vậy, nói:

- Nước Ngô là kẻ thù truyền đời của chúng ta, chúng kéo tới, chúng ta phải ứng chiến, không đánh mà lại cầu hòa, để cho người ta cười cho à?

Tức thì Câu Tiễn liền dẫn quân ra nghênh địch. Lần này là thủy chiến, Phù Sai đứng ở đầu thuyền, đích thân thúc trống trợ chiến. Quân Ngô xuôi gió thuận nước lướt tới, mũi tên bắn vào binh thuyền nước Việt như mưa. Quân Việt phải ngược gió ngược, nước, thuyền không tiến được, mũi tên cũng không tới được chỗ đối phương, hoàn toàn rơi vào thế bị động, quân lính chết và bị thương nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Câu Tiễn đành phải bỏ thuyền trốn lên núi Cối Kê (phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang ngày nay). Quân Ngô lên bờ truy đuổi rồi vây chặt Câu Tiễn. Lúc này, Văn Chủng lại nêu kiến nghị giảng hòa với Ngô Vương. Câu Tiễn hỏi:

- Quân Ngô đã giành thắng lợi lớn, liệu vua Ngô có bằng lòng không?

Văn Chủng nói:

- Ngô Thái Tổ Bá Phỉ là một kẻ tiểu nhân, tham tiền, háo sắc, lại giỏi đánh vào tâm lý của Phù Sai, cho nên đối với Bá Phỉ, Phù Sai luôn luôn tâm phục. Chỉ cần lời kéo mua chuộc được hắn, để hắn thay chúng ta nói với vua Ngô, thì tất vua Ngô phải bằng lòng chứ?

Câu Tiễn lập tức để cho Văn Chủng đem theo mỹ nữ, vàng bạc, châu báu, ngay đêm đó tới gặp Bá Phỉ.

Vừa gặp Bá Phỉ, Văn Chủng bèn dâng lễ lên, nói:

- Việt Vương Câu Tiễn tuổi trẻ, không hiểu biết, đã mạo phạm tới quý quốc, bây giờ rất hối hận. Để chuộc lại lỗi lầm. Câu Tiễn tình nguyện làm thần tử hầu hạ nước Ngô, sợ vua Ngô không bằng lòng. Nhờ ngài nói giúp mấy lời vàng ngọc với vua Ngô. Chút lễ mọn này xin ngài nhận cho. Từ nay về sau phạm những gì ngài cần, đại vương chúng tôi nhất định tận lực báo đáp!

Bá Phỉ kên kiệu, cười nhạt nói:

- Nước Việt các người sắp tận số rồi, lúc đó, tất cả của cải của các người đều là của nước Ngô chúng ta. Thứ lễ vật vãn này khỏi cần phải đưa tới.

Văn Chủng nói:

- Lời của ngài đương nhiên là có lý, thế nhưng ngài đã nghĩ chưa hết, hiện tại nước Việt có năm nghìn quân tinh nhuệ, có thể quyết một trận sống mái, dù đánh không thắng, chúng tôi chỉ chôn một ngôi lửa đốt cháy hết của cải, châu báu của mình thì quý quốc sẽ thu được gì nào? Giả dụ có giành được của cải thì phải ưu tiên cho hoàng cung, bản thân ngài phỏng chừng được bao nhiêu? Nay, nếu ngài giúp đại vương chúng tôi giảng hòa thành công, đại vương chúng tôi sẽ không quên ân đức của ngài, trong số báu vật hàng năm cung phụng cho quý quốc, nhất định ngài phải được nhận trước tiên.

Bá Phỉ vừa nghe Văn Chủng nói vừa ngắm đoàn mỹ nữ đẹp như hoa tựa ngọc, ước lượng số vàng bạc châu báu óng ánh phát quang, chỉ hận là không thể nuốt chửng hết được. Ngày hôm sau Bá Phỉ đem ý kiến xin cầu hòa của Việt Vương nói cho Ngô Vương Phù Sai biết. Lúc đầu, Phù Sai không bằng lòng với những lời nói mặn mòi của Bá Phỉ, cuối cùng cũng đành phải đồng ý, không những thế còn yêu cầu áp tải vợ chồng Việt Vương Câu Tiễn sang nước Ngô. Văn Chủng đều bằng lòng cả. Sự việc đang có chiều hướng ổn thỏa, đột nhiên Ngũ Tử Tư ngáng trở, nói:

- Hai nước Ngô Việt có mối thù truyền đời, không thể cùng tồn tại được. Bây giờ nước Việt sắp sửa bị tiêu diệt rồi, thế mà đại vương lại đồng ý giảng hòa, chẳng hóa Chúa công đã quên mối thù lớn của tiên Vương, một việc hệ trọng mà ba năm nay mọi người vẫn phải nhắc Chúa công ở cung đình hay sao?

Những lời nói của Ngũ Tử Tư đã làm cho Phù Sai ngó ngòai ra. Nhất thời Phù Sai không dám quyết định, chỉ đưa mắt nhìn Bá Phỉ. Bá Phỉ nhanh chân bước lên trước, nói với Ngũ Tử Tư:

- Xin hỏi tướng quốc, năm xưa nước Sở giết chết cha anh của ngài, về sau ngài đánh bại nước Sở, đã báo được thù, ngài đâu có tiêu diệt nước Sở! Nay, cả vua và hoàng hậu nước Việt đều

phải sang làm con tin ở nước Ngô, thế thì khác gì đã tiêu diệt nước Việt?

Phù Sai vội nói:

- Lời nói rất có lý, thôi cứ để vợ chồng Câu Tiễn tới nước Ngô!

Vợ chồng Câu Tiễn và Phạm Lãi đã tới nước Ngô, đem theo mỹ nữ cùng của cải dâng Phù Sai và các quan đại thần khác. Các quan đại thần đều lấy làm hài lòng, riêng Ngũ Tử Tư là lo lắng, vì nếu không tiêu diệt nước Việt, thì một sớm một chiều Câu Tiễn sẽ vùng dậy báo thù. Ngô Vương phạt vua tôi Câu Tiễn phải sống trong một ngôi nhà đá bên cạnh phần mộ Hạp Lư, quản việc chăn nuôi ngựa. Phù Sai thường xuyên cử người tới thám. Thấy vua tôi Câu Tiễn mặc quần áo rách rưới, ăn cháo cám, rau dại cầm hơi, Câu Tiễn thì trông nom tầu ngựa, Phạm Lãi cắt cỏ, đốn củi, Câu Tiễn phu nhân thì giặt quần áo, nấu cơm, ai nấy cực khổ hết chỗ nói, Phù Sai cho rằng bọn người này đã tiêu tan ý chí chiến đấu, nên không để ý phòng bị nữa.

Ba năm trôi qua, bất giác Phù Sai cảm thấy thương hại vua tôi Câu Tiễn, lại thêm Bá Phỉ nói đỡ, liền muốn tha cho bọn chúng về nước. Ngũ Tử Tư biết chuyện, chạy tới khuyên can, ông nói:

- Bài học lịch sử của Hạ Kiệt, Ân Trụ, xin đại vương chớ quên. Họ bắt được đối thủ là Thương Thang, Văn Vương nhưng không giết, vô hình chung lưu lại hậu hoạn, kết quả là bị Thương Thang, Văn Vương tiêu diệt. Nay kẻ thù Câu Tiễn đang trong tay đại vương, thế mà đại vương lại tha cho về. Đó chẳng phải là thả hổ về rừng, rồi sẽ rơi vào kết cục của Hạ Kiệt và Ân Trụ sao?

Phù Sai giặt thớt mình, quyết không thả Câu Tiễn về nữa.

Đúng lúc đó Phù Sai bị ốm. Phạm Lãi kiến nghị Câu Tiễn nên tới thăm bệnh cho Phù Sai, tỏ lòng trung thành với Ngô Vương, giành lấy tín nhiệm của Ngô Vương. Câu Tiễn nhất nhất bằng lòng. Hôm sau, trước hết Câu Tiễn tới bái kiến, nói rõ ý đồ với Bá Phỉ. Bá Phỉ liền dẫn Câu Tiễn tới thăm Phù Sai. Câu Tiễn thoáng thấy Phù Sai nằm trên giường, liền quỳ mọp xuống nói:

- Nghe nói đại vương mắc bệnh, kẻ tôi tớ này rất lo lắng, chỉ hận là...

Phù Sai đang muốn đi đại tiện nên ngắt lời Câu Tiễn và khoát tay một cái. Mọi người tả hữu đều lui ra, thế nhưng Câu Tiễn vẫn đứng lại, nói với Phù Sai:

- Nhà vua có bệnh, cũng coi như thần tử có bệnh. Kẻ tôi đòi này muốn được tận trung hầu hạ đại vương; không những thế, còn có biệt tài phán đoán bệnh tình nặng nhẹ qua phân người...

Phù Sai đại tiện xong, Câu Tiễn bước lên, đưa mắt nhìn trước, nhìn sau, tự mình nếm thử rồi lại quỳ xuống chúc mừng đại bệnh của Phù Sai sắp qua. Phù Sai cảm động lắm, hứa là sau khi bình phục sẽ tha cho Câu Tiễn về nước.

Kỳ thực Phù Sai chỉ mắc chứng thương phong cảm mạo, qua mấy hôm thì dứt. Quả nhiên, Phù Sai vừa khỏi bệnh, thì vợ chồng Câu Tiễn cũng được tha và được trở về nước Việt. Đó là năm 29 Chu Kính Vương (năm 491, trước Công Nguyên).

46. Nằm gai nếm mật

Câu Tiễn đã về đến nước Việt. Để ghi nhớ nỗi đại sỉ nhục ba năm trước bị vây khốn trên núi Cối Kê, ông đã dời quốc đô tới Cối Kê. Để tránh bị sa ngã trước những cám dỗ tầm thường, suy giảm ý chí báo thù, ông đã tự dẫn thân vào cảnh sống cực kỳ gian khổ. Buổi tối Câu Tiễn ngủ trên cỏ rơm, lại treo một túi mật đắng ở trong phòng, khi ăn cơm phải nếm mật trước, ý rằng đừng quên đắng cay của quá khứ. Câu Tiễn còn đích thân ra đồng cày cấy, để vợ se đay, dệt vải, mục đích là kể kích động dân chúng nỗ lực phát triển sản xuất, tăng thêm của cải cho đất nước. Ông quyết định trong bảy năm liền không thu tô thuế, cốt để tăng thêm tích lũy cho xã hội, nhân dân yên tâm sản xuất. Để tăng thêm nhân khẩu, tăng nguồn lao động, bổ sung binh lính, Câu Tiễn hạ lệnh không cho phép thanh niên lấy vợ già, người già không lấy vợ trẻ. Thanh niên nam nữ đến tuổi xây dựng gia đình mà không chịu thành hôn thì cha mẹ phải chịu xử phạt. Ai sinh con, nuôi được con khôn lớn, quan phủ đều có thưởng. Sinh được từ một con trai trở lên, quan phủ sẽ nuôi dưỡng. Và như vậy, ở nước Việt, vua dân trên dưới, tu chí phấn đấu vươn lên, chỉ trong mấy năm đất nước đã chuyển dần từ yếu sang mạnh, thực lực đã tương đối hùng hậu. Để che mắt Ngô vương Phù Sai, Câu Tiễn thường xuyên sai sứ giả tới nước Ngô triều kiến, tiến cống, hơn thế, còn tăng thêm cống phẩm mà không giảm. Phù Sai rất hài lòng, càng thêm quý trọng sự “trung thành” của Câu Tiễn.

Câu Tiễn được biết Phù Sai sắp xây dựng lại Cô Tô Đài, đã sai ngay Văn Chung đưa gỗ tới. Phù Sai trông thấy những cây gỗ vừa dài vừa lớn, thì vồ vập ra mặt, lập tức hạ lệnh thiết kế lại từ đầu kiểu dáng của cung điện theo kích thước gỗ, cử thêm dân công tới phục vụ lao dịch. Cô Tô Đài được xây dựng suốt tám năm ròng mới xong, hao người, tốn của không biết đâu mà kể. Câu Tiễn lại sai Văn Chung và Phạm Lãi tuyển chọn được cô gái xinh đẹp nhất nước Việt là Tây Thi và Trịnh Đán đem dâng Ngô Vương. Kể từ khi Phù Sai được hai mỹ nữ, suốt ngày lo hưởng lạc thú, việc quốc sự bỏ bê trễ.

Có một năm, nước Việt mất mùa, hỏi vay lương thực nước Ngô, Phù Sai nể tình Câu Tiễn “trung thành” nhất mực, bất chấp sự phản đối của Ngũ Tử Tư, đã bằng lòng cho nước Việt một lượng thóc khá lớn. Nước Việt đem số thóc này chia cho dân chúng. Sang năm sau, mùa màng nước Việt tương đối tốt. Câu Tiễn rất coi trọng chữ tín, lại thấy những hạt thóc mà Câu Tiễn hoàn trả căng mẩy, tròn trịa, bèn đem số thóc này chia cho dân chúng làm thóc giống. Mùa xuân, dân chúng nước Ngô đem thóc gieo trồng, nhưng mãi không thấy mọc mầm, tất nhiên cũng chẳng mọc được thành mạ, hậu quả đã gây ra thất bát thu hoạch một năm. Thì ra số thóc mà nước Việt trả nước Ngô đều đã bị luộc chín. Bọn Phù Sai thì vẫn cho rằng đất đai của nước Ngô không thích hợp với sự sinh trưởng của giống thóc nước Việt.

Năm 36 Chu Kính Vương (năm 484, trước Công Nguyên), Ngô Vương Phù Sai cất quân đi đánh Tề. Ngũ Tử Tư lại phản đối:

- Thần nghe nói sau khi Câu Tiễn về nước đã cùng đồng cam cộng khổ với dân chúng, lại cử Phạm Lãi đêm ngày luyện binh, mưu đồ phục thù. Đây chính là điều Chúa công lo trước nhất. Thế mà Chúa công lại đi đánh nước Tề. Đó chẳng phải là quá mạo hiểm sao?

Phù Sai không chịu nghe, thân chinh dẫn quân đi đánh Tề. Trận này đã đại thắng. Phù Sai ca khúc khải hoàn trở về, tất cả các quan trong triều đều tới chia vui. Việt Vương Câu Tiễn cũng đích thân tới chúc mừng. Phù Sai vô cùng sung sướng, bày tiệc chiêu đãi Câu Tiễn, rồi ban thưởng tức khắc cho Câu Tiễn một bộ phận đất phong. Ngũ Tử Tư chứng kiến cảnh này, lại đứng ra phản đối, khiến Phù Sai mất vui. Về sau, Phù Sai đã cử Ngũ Tử Tư đi sứ tới nước Tề. Ngũ Tử Tư đã lường trước mối họa mình phó thác cho một vị đại thần nước Tề nuôi dưỡng, đổi họ thành Vương Tôn Thi, sau đó mới trở về Ngô. Phù Sai biết sự việc này, lập tức sai người đưa cho Ngũ Tử Tư một thanh bảo kiếm, bắt phải tự sát. Ngũ Tử Tư bị bức phải tuốt kiếm tự vẫn. Trước lúc chết ông còn căn dặn:

- Sau khi tôi nằm xuống, xin hãy trồng lên mộ tôi một cây Thu, khi cây Thu lớn thì nước Ngô cũng sẽ diệt vong. Ngoài ra xin hãy khoét đôi con ngươi mắt của tôi treo lên trên lầu cửa phía

Đông Đô Thành. Chả là tôi muốn được tận mắt chứng kiến quân Việt kéo tới!

Phù Sai giết chết Ngũ Tử Tư, để cho Bá Phỉ kế nhiệm chức tướng quốc. Năm 38 Chu Kính Vương (năm 482 trước Công Nguyên), Phù Sai cùng các nước chư hầu Tấn, Lỗ... tới hội thề lập liên minh ở Hoàng Trì, (phía Tây nam huyện Phong Khưu, tỉnh Hà Nam ngày nay). Câu Tiễn cho rằng cơ hội đã tới, tức thì thống soái 5 vạn đại quân đánh thẳng vào nước Ngô. Qua ba ngày kịch chiến, quân Việt đã đánh hạ được Đô Thành nước Ngô, bắt sống Thái tử nước Ngô. Phù Sai đang ở Hoàng Trì được tin này, vội vàng dẫn quân trở về nước, cử người tới nước Việt cầu hòa. Câu Tiễn hiểu rằng nước Ngô còn thực lực, chưa dễ mà tiêu diệt được, liền bằng lòng giảng hòa, rồi rút quân ra khỏi nước Ngô.

Bốn năm sau, Việt Vương Câu Tiễn lại một lần nữa cất quân đi đánh nước Ngô. Ngô Vương nghênh chiến ở Lạp Trạch, quân đội hai bên dàn thế trận cách nhau một dòng sông. Việt Vương chia quân đội ra thành hai đường tả, hữu, lợi dụng đêm tối, luân phiên tấn công, thúc trống la hét tiến quân. Quân Ngô chỉ dám chống cự một cách bị động. Lúc này, Câu Tiễn chỉ huy quân Việt lén lút qua sông, phát động cuộc tiến công mãnh liệt vào đại bản doanh của quân Ngô. Quân Ngô phút chốc rối loạn, nhanh chóng bị đánh tan rã trên toàn tuyến, quân lính đại bại phải chạy trốn.

Quân Việt thừa thắng đuổi theo, liên tiếp đánh bại quân Ngô. Phù Sai bị vây khốn ở Dương Sơn (phía Tây huyện Ngô, tỉnh Giang Tô ngày nay), cùng đường hết lối, đành phải cầu hòa với Câu Tiễn. Bá Phỉ sớm đầu hàng. Phạm Lãi và Văn Chủng đều cho rằng trong giờ khắc mấu chốt này không thể mềm lòng được, họ nói:

- Đại vương đã nằm gai, nếm mật, gắng sức tự cường, cố sức suốt 22 năm, giờ là lúc phải trừ diệt Phù Sai tận gốc, tiêu diệt nước Ngô, tuyệt đối không để lại hậu họa.

Lúc này, Phù Sai mới cảm thấy hối hận vì đã không nghe lời khuyên trung thực của Ngũ Tử Tư. Tự thẹn với đời, ông ta ngậm lời tự sát. Trước khi chết còn dặn dò:

- Sau khi ta chết, các người hãy dùng vải che kín mặt ta, bởi ta thực sự không còn mặt mũi nào gặp lại Ngũ Tử Tư!

Năm 44 Chu Kính Vương (năm 476, trước Công Nguyên) Việt Vương Câu Tiễn đã tiêu diệt xong nước Ngô, lại giết chết Bá Phỉ. Tiếp đó, Câu Tiễn thống soái quân Việt thừa thắng vượt qua Hoàng Hà tiến lên phía Bắc, tới hội thề liên minh với các nước chư hầu như Tề, Tấn, Tống, Lỗ... ở đất Từ (phía nam huyện Đằng, tỉnh Sơn Đông ngày nay); rồi sai người đem cống phẩm tới cho Thiên Tử nhà Chu. Chu Nguyên Vương sai sứ giả đem thịt đến tế miếu Câu Tiễn, thừa nhận địa vị làm lãnh tụ các nước Chư hầu của Câu Tiễn. Như vậy là Việt Vương Câu Tiễn cũng đã xưng bá, trở thành một bá chủ cuối cùng của thời đại Xuân Thu.

Ngô Vương Phù Sai sau khi đánh bại nước Việt, đã bị thắng lợi làm cho mù mị đầu óc, bị tha hóa trong an nhàn hưởng lạc, buông lỏng cảnh giác, kết quả là đã bị nước Việt tiêu diệt. Còn Việt Vương Câu Tiễn, sau khi bị thảm bại, đã phấn đấu gian khổ, tự lực tự cường, cuối cùng đã tiêu diệt được nước Ngô, hơn thế đã tiến vào xưng bá ở Trung Nguyên.

47. Tử Sản đức đỉnh hình

Mấy chuyện trên kể về các sự việc xảy ra ở nước Ngô và nước Việt ở phương Nam. Bây giờ lại kể một vài câu chuyện về Tử Sản ở nước Trịnh, thuộc phương Bắc.

Tử Sản, tên gọi là Kiêu, là cháu của Trịnh Mục Công, cho nên gọi là Công Tôn Kiêu, nguyên là nhà chính trị nổi tiếng của nước Trịnh ở cuối thời Xuân Thu. Cha của ông là Tử Quốc làm qua chức Tư Mã; các anh em của cha Tử Sản có bảy người, trước sau đều chịu ảnh hưởng của gia đình, từ lúc còn trai trẻ đã có những kiến giải chính trị rõ ràng, Trịnh Giản Công nguyên niên (565, trước Công Nguyên), Tử Quốc, Tử Nhĩ dẫn quân đi đánh nước Thái, đã thu được thắng lợi một cách dễ dàng. Người nước Trịnh đều rất vui, khen ngợi Tử Quốc có bản lĩnh. Chỉ có Tử Sản không cho là như vậy, Tử Sản nói với cha rằng:

- Trịnh là một nước nhỏ. Một nước nhỏ không dốc sức vào việc cai trị tốt nội chính, mà cứ ham hố đi đánh trận ở bên ngoài thì đó là điều nguy hiểm bậc nhất. Nước Thái là thuộc quốc của Sở, nếu nước Sở tới báo thù thay nước Thái, liệu chúng ta có thể đánh nổi họ không? Đánh không nổi thì phải đầu hàng. Như vậy thì nước Tấn ở phương Bắc lại sẽ kéo quân tới hỏi tội. Nước Tấn, nước Sở đánh qua đánh lại, con cho rằng trong vòng bốn năm năm, nước Trịnh ta không thể yên ổn được.

Tử Quốc nghe xong bực tức, chửi:

- Con thì hiểu được cái gì? Việc quốc gia đại sự có quan chính khanh (chức quan tương đương với Tề Tướng) làm chủ. Trẻ con mà nghị luận tùy tiện sẽ bị chặt đầu đó!

Chính vào mùa đông năm ấy, nước Sở lấy cớ nước Trịnh xâm lược nước Thái, đã cất quân đánh vào nước Trịnh. Nước Trịnh không đủ sức chống cự, đã bị khuất phục. Trịnh Giản Công lại sợ nước Tấn tới hỏi tội, vội vàng cử người tới nước Tấn để giải thích. Tấn Diệu Công bực tức nói:

- Nước Sở tới đánh các người, các người cũng chẳng thềm sai lính tới báo cho ta biết. Các người đã đầu hàng nước Sở rồi, ta cũng chẳng quản được công việc của các người, ta sẽ đem các nước chư hầu tới gặp vua các người ngay dưới chân Đô Thành đó!

Mùa đông năm sau, nước Tấn tới đánh nước Trịnh, nước Trịnh lại phải cầu hòa. Nước Tấn vừa rút quân, nước Sở tới hỏi tội. Kể đi, người tới, nước Trịnh mấy năm liền không được yên ổn, thật đúng như Tử Sản đã dự đoán.

Năm thứ hai Chu Cảnh Vương (năm 543, trước Công Nguyên), Tử Sản làm quan chính khanh của nước Trịnh. Nước Trịnh lúc đó là một quốc gia có nền thương nghiệp tương đối phát đạt, thế nhưng thế lực của các quý tộc cũ còn rất mạnh, có thực quyền, tùy tiện dùng tội hình để áp bức thương nhân và những người chống đối. Viên quan tiền nhiệm là Tử Tú, vì chính đốn địa giới đất đai, đã chiếm dụng một số ruộng đất của quý tộc. Số quý tộc này liền nổi loạn, giết chết Tử Tú, Tử Quốc và Tử Nhĩ. Tử Sản không hề khiếp sợ, vì mục đích làm cho nước giàu, binh mạnh, ông đã mạnh dạn thực hành một số cải cách xã hội. Ông hạ lệnh đem ruộng đất phân vạch rõ địa giới, đào mương ngòi, công nhận quyền tư hữu ruộng đất. Ruộng tư thì thu thuế theo mẫu, nông dân được biên chế theo quy định. Điều này đã hạn chế hành vi tùy tiện cướp đoạt, thôn tính của giới quý tộc cũ, Tử Sản còn quy định: những người nông dân có chiến công, có thể được làm giáp sĩ, tức là nhân viên quân sự chủ yếu ở trên chiến xa khi tác chiến. Thời bình, giáp sĩ đảm nhiệm chức quan nhỏ của nước chư hầu. Cho nên giáp sĩ thuộc hàng ngũ giai cấp thống trị. Việc những người nông dân có chiến công có thể được làm giáp sĩ đã phá vỡ sự hạn chế về thân phận đối với giáp sĩ từ trước, thúc đẩy sự biến hóa của quan hệ giai cấp. Đối với một số quý tộc trung thành, sống giản dị, chất phác sẽ được khen thưởng. Đối với những người coi thường pháp luật, sống xa xỉ, lãng phí thì sẽ bị trừng phạt. Số quý tộc cũ không dám làm mưa làm gió như trước nữa. Tử Sản, một mặt cho phép dân chúng được nghị luận chính trị, mặt khác ông rất lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của mọi người.

Để bảo đảm cho việc tiến hành cải cách xã hội, Tử Sản đã tăng cường pháp chế. Để khiến cho

đất nước có pháp luật làm căn cứ, ông đã chủ trì đặt ra một hệ thống pháp luật nhà nước - đó là hình thư, ghi chép các điều luật hình sự. Bộ hình thư này thoát đầu được viết trên những thanh trúc mọc, do quan chức nhà nước thi hành. Năm thứ 9 Chu Cảnh Vương (năm 536, trước Công Nguyên), Tử Sản hạ lệnh đem hình thư đúc lên trên đỉnh, đặt ở trước cửa cung vua, sao cho dân chúng cả nước đều có thể thực mục sở thị. Đây chính là đỉnh hình nổi tiếng. Pháp luật vừa được công bố, dân chúng đã tranh nhau tới xem đỉnh hình đặt ở trước cung vua, nhờ vậy mà họ hiểu rõ hơn việc quốc sự. Các quý tộc cũ càng không dám tùy tiện giải thích pháp luật theo ý mình, càng không thể tùy tiện xử phạt người như trước.

Tử Sản tiến hành cải cách chính trị được đúng một năm, thì vấp phải sự phản đối của các quý tộc cũ, trước hết là một bài ca dao nguyên rủa. Bài ca dao có đoạn:

Bắt ta cởi áo mũ

Thu cất ở trong nhà,

Rồi đo lại điền sản

Tính toán và khảo ra.

Ai đi giết Tử Sản?

Ta nhất định tham gia!

Tử Sản nghe hát mà không hề nao núng. Ông nói:

- Chỉ cần có lợi cho đất nước, dầu chết ta cũng chẳng từ nan. Việc thi hành thiện chính không thể thay đổi giữa chừng được. Ta sẽ kiên trì tới cùng.

Đối với những lời phê phán thiện ý, Tử Sản đều khiêm tốn lắng nghe. Sau khi ông chấp chính không lâu, có một số người thường xuyên tụ tập ở hương hiệu (trụ sở của làng) để phê phán chế độ chính trị của nhà nước đương thời. Có một người tên gọi Nhiên Minh, không chấp nhận hiện tượng này, đã kiến nghị với Tử Sản:

- Hãy cho đóng chặt cửa các hương hiệu lại, đừng để họ làm rối lòng dân.

Tử Sản trả lời, nói:

- Tại sao lại phải đóng cửa hương hiệu? Khi mọi người nhàn rỗi tới đây vui chơi, bàn bạc về sự được mất của các nhà chấp chính, có gì là không tốt? Điều họ cho là tốt thì ta phải làm theo. Điều họ cho là không tốt, thì ta phải sửa chữa. Họ chính là thầy của ta đó.

Tử Sản lại nói:

- Bịt chặt miệng người đời, không cho nói, khác nào chặn đứng dòng nước, một khi vỡ đê, nước ào tới thì mối nguy càng lớn, chi bằng cứ để lại một lỗ cửa nhỏ, cho nước từ từ chảy qua; nói trắng ra là, ta cứ coi những lời phê bình lọt tai như thang thuốc thần trị bệnh!

Nhiên Minh nghe xong rất báỉ phục.

Năm thứ ba, kể từ khi Tử Sản nắm chính quyền, nước Trịnh lại lưu truyền một câu ca dao. Ca dao hát rằng:

Chúng ta có con em

Được Tử Sản dạy dỗ,

Chúng ta có ruộng vườn

Được Tử Sản giúp đỡ

Sản lượng thóc nâng cao

Sống no đủ dồi dào

Trên đời có người nào

Tốt bằng Tử Sản được?

Lúc này, một loạt biện pháp cải cách của Tử Sản đã thu được hiệu quả tốt đẹp, được mọi người ủng hộ.

Về mặt ngoại giao, Tử Sản tiến hành đấu tranh thuyết lý với các nước lớn và đã giành được thành công rất to lớn, mang lại sự tôn nghiêm cho nước Trịnh. Có một lần, Tử Sản tháp tùng Trịnh Giản Công tới nước Tấn, Tấn Bình Công vốn coi khinh nước Trịnh, cố ý không hội kiến, cũng không cử quan đại thần chiêu đãi, cứ để mặc họ ở trong quán khách. Cửa quán khách rất nhỏ, xe ngựa không vào được, đành phải cho xe đỗ ở bên ngoài. Tử Sản dặn dò các nhân viên tùy tùng phá vỡ một đoạn tường vây của quán khách nước Tấn, để cho toàn bộ xe ngựa của mình vào được phía trong. Quan đại phu nước Tấn là Sĩ Văn Bá trách móc Tử Sản không được phá đổ tường vây. Tử Sản trả lời:

- Nước Trịnh là một nước nhỏ, nhất nhất phải theo sự chỉ bảo của đại quốc, không dám chệnh mảng. Lần này, vua chúng tôi đích thân đem lễ vật tới thăm viếng quý quốc. Không ngờ, các ông vẫn không hội kiến và cũng không biết bao giờ mới có thể hội kiến được. Chúng tôi cũng chẳng dám mạo muội đưa lễ vật tới, sợ cứ để mãi bên ngoài, dãi giàu mưa gió, sẽ bị hư hỏng hết. Còn quán xá đón khách thì sơ sài, hết như phòng ở của kẻ nô bộc; cửa vào thì thấp bé, ngay đến xe cũng chẳng qua được. Nếu chúng tôi không phá tường vây cho xe ngựa vào trong sân quán khách, vạn nhất có thể xảy ra sự cố gì, hẳn là các ông sẽ buộc tội cho chúng tôi?

Lời của Tử Sản đã buộc Sĩ Văn Bá câm miệng. Sĩ Văn Bá đem những lời nói của Tử Sản báo cáo lại cho quan đại thần chấp chính nước Tấn là Triệu Văn Tử biết. Triệu Văn Tử nghe xong, vội vàng bắt Sĩ Văn Bá thay mình đón tiếp và xin lỗi Tử Sản. Sau đó, Tấn Bình Công đã hội kiến với Trịnh Giản Công và Tử Sản rất long trọng; lại còn cử hành yến tiệc rất thịnh soạn tiễn họ trở về nước.

Từ năm thứ 2 đến thứ 23 Chu Cảnh Vương (năm 522 trước Công Nguyên), Tử Sản đã chấp chính được trên 20 năm. Trong thời gian này, về đối nội, ông đã tăng cường được khối đoàn kết, xúc tiến phát triển kinh tế; về đối ngoại, ông đã duy trì được sự tôn nghiêm của quốc gia, khiến các nước lớn không dám khinh thường nước nhỏ. Tử Sản quả đã giành được những thành tựu to lớn: quốc gia ổn định, sản xuất phát triển, dân chúng thu được rất nhiều lợi ích. Truyền thuyết kể rằng, khi Tử Sản qua đời, người nước Trịnh đau buồn giống như mất một người thân.

Thời kỳ Xuân Thu (từ năm 770 đến năm 476, trước Công Nguyên) là thời kỳ có nhiều biến động xã hội lớn. Một số người yêu cầu tiến hành cải cách. Tử Sản cai trị nước Trịnh và Quản Trọng cai trị nước Tề đã kể ở trên, Yến Anh cai trị nước Tề sẽ kể ở chương dưới, tất cả đều là những cải cách có cùng một nội dung, nghĩa là có lợi cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Đến cuối thời kỳ Xuân Thu, loại cải cách này là manh nha cuộc cải cách chế độ xã hội - từ chiếm hữu nô lệ sang phong kiến. Công cuộc cải cách kéo dài hơn 200 năm, ở một quốc gia cá biệt vào cuối thời kỳ Xuân Thu (ví dụ như nước Trịnh) đến cuối thời kỳ Chiến Quốc mới hoàn thành được ở một khu vực rộng lớn trên đất Trung Quốc lúc đó.

48. Yến Tử làm tướng nước Tề

Năm 14 Chu Cảnh Vương (năm 531, trước Công Nguyên) người cháu của Sở Trang Vương là Sở Linh Vương cất quân tấn công nước Trần và nước Thái. Hai nước vội vàng cầu cứu nước Tấn. Tấn Bình Công sợ không địch nổi nước Sở, nên không dám xuất quân. Các nước ở Trung Nguyên thấy nước Tấn suy yếu, đã dần dần xa lánh nước Tấn. Sau vài năm, Tấn Bình Công muốn chinh đốn lại nghiệp bá, dự định bắt đầu khai đao từ nước Tề tương đối mềm yếu, liền sai quan đại phu là Phạm Chiêu đi sứ nước Tề do thám thực hư.

Phạm Chiêu tới nước Tề, Tề Cảnh Công sai quan thượng đại phu là Yến Tử bày tiệc chiêu đãi. Trong yến tiệc, Phạm Chiêu nói với Tề Cảnh Công:

- Xin hãy đem cốc rượu của nhà vua cho tôi dùng.

Tề Cảnh Công lập tức dặn dò, nói:

- Hãy rót đầy cốc rượu của Tề Cảnh Công lên uống. Yến Tử nhìn vậy, rất không vui, nghĩ thầm, làm một thần tử mà lại vô lễ, dám đụng đến cả cốc của hoàng thượng? Liền sai tên lính hầu nói:

- Rút bỏ cốc rượu này đi, thay cho nhà vua một cốc rượu sạch khác.

Phạm Chiêu biết Yến Tử không hài lòng, bèn vờ say, đứng dậy khiêu vũ. Phạm Chiêu nói với nhạc sư:

- Xin ngài hãy tấu một khúc nhạc của Thành Chu để ta khiêu vũ (Thành Chu là địa danh, thời Đông Chu đã từng coi Thành Chu là Đô Thành, bởi Đô Thành là nơi Thiên tử ở, cho nên nhạc Thành Chu là chỉ âm nhạc chuyên dùng để hầu hạ Thiên tử nhà Chu).

Nhạc sư nghiêm khắc cự tuyệt, nói:

- Xin thứ lỗi, hạ thần không thể...

Phạm Chiêu thấy thần tử của nước Tề rất khó chơi vội vàng bỏ dở buổi tiệc, trở về quán khách.

Tề Cảnh Công biết đã đắc tội với sứ giả nước Tấn, liền nói với Yến Tử:

- Tấn là một nước lớn, họ cử sứ giả tới để giao thiệp với chúng ta, lẽ ra phải chiêu đãi làm vừa lòng sứ giả, thế mà ngươi lại đắc tội, bây giờ còn biết làm thế nào?

Yến Tử nói:

- Phạm Chiêu không phải là người không biết lễ tiết, thần hiểu rằng ông ta muốn thử thăm dò thái độ của chúng ta, cho nên phải để cho ông ta ném thử một đòn lợi hại.

Tề Cảnh Công lại hỏi nhạc sư, nhạc sư nói:

- Âm nhạc Thành Chu là dùng cho Thiên tử. Người khiêu vũ nhất định phải là nhà vua thì nhạc ấy mới được tấu. Phạm Chiêu chỉ thần tử, lại muốn dùng nhạc của Thiên tử, cho nên thần không thể tấu cho ông ta được.

Phạm Chiêu trở về nước Tấn, báo cáo lại trung thực mọi tình hình mà ông ta quan sát được trong khi ở nước Tề cho Tấn Bình Công nghe, rồi nói:

- Bây giờ không phải là lúc đánh nước Tề. Thần muốn làm nhục Vua nước họ. Yến Tử tử đã hiểu rõ dụng tâm của thần. Thần cố ý buộc họ diễn tấu âm nhạc của thiên tử, song, nhạc sư của họ đã cự tuyệt. Nước Tề có những nhân tài tuyệt vời, sao có thể coi thường mà tấn công họ được?

Tấn Bình Công đành phải hủy bỏ ý định của mình.

Một thời gian sau, Tề Cảnh Công thấy nước Tấn bề ngoài tỏ ra mạnh, nhưng bên trong thì trống rỗng, chẳng có gì ghê gớm cả. Nhìn lại nước Tề của mình thì thấy có rất nhiều hy vọng,

liền nảy ra ý nghĩ khôi phục lại nghiệp bá của thời Hoàn Công. Tề Cảnh Công cho rằng, muốn xây dựng lại nghiệp bá từ đầu, nhất định phải có quan hệ tốt với nước Sở nhằm lôi kéo họ, liền cử Yến Tử đi sứ sang nước Sở.

Yến Tử họ Yến tên gọi là Anh. Yến Tử là tiếng gọi tôn trọng của mọi người đối với ông. Ông học rộng, lắm tài, thông minh, giàu trí tuệ, là nhà chính trị nổi tiếng của nước Tề, đã làm được rất nhiều việc khiến nước Tề được giàu mạnh. Ông quan tâm tới nỗi khổ của nhân dân, thường xuyên dùng phương pháp khéo léo để khuyên can Tề Cảnh Công, do đó đã để lại rất nhiều chuyện cảm động lòng người. Chuyện đối phó với sứ giả nước Tấn là Phạm Chiêu vừa kể trên, chỉ là một ví dụ. Sở Linh Vương được tin Yến Tử sắp tới, liền nói với các quan đại thần:

- Yến Tử là một quan đại thần giỏi nói năng, tài biện luận của nước Tề, tiếng tăm vang dội, uy tín lẫy lừng. Thế nhưng ông ta thân cao chưa đầy năm thước (một thước trong thời Xuân Thu ước khoảng 7 tấc Trung Quốc hiện nay), ta muốn hạ nhục hắn một trận, và cũng để dạy cho hắn biết oai phong của nước Sở chúng ta. Các người có diệu kế gì không?

Có một viên quan đại thần ghé sát vào tai Sở Linh Vương làm bầm hồi lâu, Sở Linh Vương hớn hở nheo mắt cười, liền tục nói:

- Hay, hay lắm! Cứ làm như vậy nhé!

Sở Linh Vương ra lệnh cho quân lính ngay đêm đó khoét một lỗ nhỏ chỉ cao khoảng năm thước bên cạnh cửa thành, rồi dặn dò bọn lính canh cổng:

- Chờ khi sứ thần nước Tề tới nơi, thì khóa chặt cửa lớn lại, để hắn phải chui qua lỗ nhỏ này mà vào.

Sau đó không lâu Yến Tử xuất hiện. Thấy cửa lớn chưa mở, liền cho xe dừng lại, rồi cho người tới gọi cửa. Các binh sĩ canh cửa nói:

- Nghe nói sứ thần nước Tề thân hình thấp bé, có thể chui qua lỗ nhỏ mà vào thành, cần gì phải mở cửa lớn nữa.

Yến Tử nghiêm khắc nói:

- Đây là lỗ chó chui, không phải dành cho người. Chỉ có người đi sứ nước chó mới vào thành qua lỗ chó chui. Lẽ nào ta lại đi sứ tới nước chó hay sao?

Bọn lính canh chưng hửng, đành phải mở cửa thành, nghênh đón Yến Tử.

Yến Tử báo kiến Vua Sở. Sở Linh Vương cười khà khà nói:

- Sao? Nước Tề hết người rồi sao?

Yến Tử trả lời:

- Không! Chỉ riêng Đô Thành Lâm Truy của nước Tề chúng tôi đã có mấy vạn, nếu mọi người cùng dơ ống tay áo lên thì có thể che kín được cả mặt trời. Mỗi người chỉ hà một hơi thì bầu trời liền xuất hiện ngay một đám mây đen. Mỗi người chỉ nhỏ một giọt mồ hôi, lập tức sẽ có mưa to. Người đi đường vai sát vai thì năm đầu ngón chân của người đi sau sẽ dẫm lên gót chân của người đi trước. Sao lạ dám nói nước Tề hết người được?

Sở Linh Vương nói:

- Vậy có sao lại cử một mẫu người như người làm sứ giả.

Yến Tử nhếch mép cười, nói:

- Nước Tề chúng tôi có một quy định rõ ràng về sứ giả: Những người có đức, có tài thì được đi sứ những nước có người hiền tài làm vua. Những người chẳng ra gì thì đi sứ những nước có người ngu muội làm vua. Tôi là người chẳng ra gì, chỉ có thể được đi sứ tới nước Sở của các ngài thôi.

Sở Linh Vương cảm thấy Yến Tử quả thật lợi hại, không dám tiếp tục biện luận nữa, liền cung

kính mời Yến Tử ngồi vào bàn rượu. Khi mọi người đang uống rượu vui vẻ, bỗng nhiên có hai tên lính áp giải một tên tù phạm bước qua dưới điện. Sở Linh Vương hỏi:

- Tên tù phạm này người ở đâu? Phạm tội gì?

Tên lính trả lời:

- Người nước Tề, phạm tội ăn cắp ạ.

Sở Linh Vương cảm thấy Yến Tử quả thật lợi hại, không dám tiếp tục biện luận nữa, liền cung kính mời Yến Tử ngồi vào bàn rượu. Khi mọi người đang uống rượu vui vẻ, bỗng nhiên có hai tên lính áp giải một tên tù phạm bước qua dưới điện. Sở Linh Vương hỏi:

- Tên tù phạm này người ở đâu? Phạm tội gì?

Tên lính trả lời:

- Người nước Tề, phạm tội ăn cắp ạ.

Sở Linh Vương đưa mắt nhìn thẳng vào Yến Tử, rồi cười khì khì nói:

- Người nước Tề đều giỏi trộm cắp à?

Các đại thần nước Sở cùng ngồi dự tiệc nghe vậy, liền cười ầm lên. Yến Tử rời chỗ ngồi, ung dung trả lời, giọng đĩnh đạc:

- Tôi nghe nói, cây quýt sinh trưởng ở vùng Nam Hoài Hà, quả mọc ra vừa lớn lại vừa ngọt, nếu đem cây quýt ấy trồng ở những nơi thuộc phía Bắc Hoài Hà thì chỉ có thể sinh ra những quả quýt hôi vừa bé lại vừa chua. Tại sao quýt ngọt lại có thể biến thành hôi được? Chính vì thủy thổ ở Hoài Nam và Hoài Bắc không giống nhau! Cũng như vậy thôi, người này ở nước Tề thì không trộm cắp, vừa mới tới nước Sở đã biến thành kẻ trộm rồi. Có lẽ là do thủy thổ nước Sở không tốt, nên cho dân chúng dễ dàng biến thành những kẻ trộm cắp chăng?

Sở Linh Vương lại bị ném một đòn đau, đành phải nói:

- Ta chỉ muốn đùa tiên sinh một chút thôi, chẳng ngờ lại bị tiên sinh biến thành trò cười.

Tức thì Sở Linh Vương càng thêm cung kính đối với Yến Tử. Khi Yến Tử sắp đi, Sở Linh Vương đã biểu ông tất nhiên nhiều đồ vật, hơn nữa còn đích thân tiễn Yến Tử về. Yến Tử đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh đi sứ nước Sở.

Tề Cảnh Công thấy Yến Tử đã giành lại vẻ vang cho đất nước, rất hài lòng liền đề bạt ông làm Tướng Quốc.

Khi đó, ở nước Tề có ba đại lực sĩ, một người gọi là Công Tôn Tiệp, một người là Điền Khai Cương, còn một người nữa là Cổ Dã Tử, cùng hiệu xưng là "Tề quốc tam kiệt". Do có sức mạnh phi thường nên họ rất được Tề Cảnh Công sủng ái. Yến Tử gặp ba người này bao giờ cũng cung kính lễ phép bước nhanh đi qua. Ngược lại, ba người này thì chẳng bao giờ chịu dừng lại, vì trong thâm tâm, họ đã rất coi thường Yến Tử. Họ ỷ thế được Tề Cảnh Công sủng ái, nên mặc sức làm mưa làm gió. Khi đó họ Điền Thị ở nước Tề, thế lực ngày càng lớn, đã liên hiệp được với mấy nhà đại quý tộc trong nước, đánh bại họ Loạn và họ Cao nắm giữ thực quyền, nhờ thế mà uy vọng ngày càng cao, trực tiếp uy hiếp nền thống trị của nhà vua. Điền Khai Cương thuộc một tộc của họ Điền. Yến Tử rất lo "Tam Kiệt" sẽ dốc sức vì họ Điền, làm nguy hại đến đất nước, muốn trừ bỏ họ, lại sợ nhà vua không những không nghe, ngược lại, còn làm hỏng việc. Tức thì Yến Tử ngầm ngầm sắp đặt mưu kế diệt trừ.

Một hôm, Lỗ Chiêu Công tới thăm nước Tề. Tề Cảnh Công bày tiệc chiêu đãi. Nước Lỗ do Thúc Tôn Nhược chấp hành nghi lễ, nước Tề do Yến Tử chấp hành nghi lễ. Vua tôi bốn người ngồi trên sảnh đường. "Tam Kiệt" đeo kiếm đứng dưới sảnh đường, thái độ vô cùng ngạo mạn. Chính giữa lúc hai vị vua đã ngà ngà say, Yến Tử nói:

- Kim Đào trong vườn đã chín, xin cho ngắt mấy quả đem về mời hai vị vua thưởng thức của lạ.

Tề Cảnh Công truyền lệnh sai người đi ngắt đào. Yến Tử nói:

- Kim Đào là của hiếm, xin cứ để tự thần ngắt đem về.

Lát sau, Yến Tử dẫn quan coi vườn bưng một khay ngọc trên đựng sáu quả đào, mỗi quả to bằng miệng bát, sắc bóng mỡ, hương thơm sực nức, đưa tới. Cảnh Công hỏi:

- Chỉ kết được có mấy quả thôi à?

Yến Tử nói:

- Vẫn còn mấy quả nữa, nhưng còn xanh nên chỉ ngắt sáu quả này.

Nói xong, bèn cung kính hiến dâng lên Lỗ Chiêu Công, Tề Cảnh Công mỗi người một quả. Lỗ Chiêu Công vừa ăn vừa khen Kim Đào có mùi thơm vị ngọt. Tề Cảnh Công nói:

- Loại Kim Đào này không dễ dàng có được đâu. Quan Thúc Tôn đại phúc nổi tiếng trong thiên hạ, nên ăn một quả.

Thúc Tôn Nhược khiêm tốn nói:

- Thần đâu dám sánh với Yến tướng quốc! Tướng quốc hợp sức giúp nhà vua quản lý việc triều đình, công trạng lẫy lừng, chư hầu bái phục, đào này phải để mời tướng quốc ăn.

Tề Cảnh Công nói:

- Thúc Tôn Đại Sư đã nhường nhịn tướng quốc, thì xin mời hai vị mỗi người ăn một quả Kim Đào vậy!

Hai vị đại thần tạ ơn Cảnh Công. Yến Tử nói:

- Trong khay vẫn còn hai quả, xin nhà vua truyền lệnh cho các vị thần tử kể công trạng của mình, ai có công lớn thì thưởng Kim Đào.

Tề Cảnh Công nói:

- Như vậy rất tốt!

Rồi liền truyền lệnh xuống.

Lời nói chưa dứt thì Công Tôn Tiệp đã bước tới, dương dương tự đắc nói:

- Tôi đã theo chúa Công lên núi săn bắn, đột nhiên có một con hổ lớn đeo kính xộc tới vồ Chúa công, tôi đã đem toàn bộ sức lực đánh chết ác thú, cứu được Chúa công. Công lao to lớn như vậy, lại không được ăn quả đào sao?

Yến Tử nói:

- Liều chết cứu chúa, công tựa thái sơn, đáng được ăn một quả đào.

Công Tôn Nhược tiếp nhận một quả đào rồi bước đi.

Cổ Dã Tử gào to:

- Đánh chết một con hổ thì có chi là tài! Khi tôi hộ tống Chúa công qua Sông Hoàng Hà, có một con ba ba cắn chặt chân ngựa của Chúa công, chỉ thiếu chút nữa là lôi ngựa xuống giữa dòng chảy xiết. Tôi đã nhảy xuống sông giết chết con ba ba đó, cứu được Chúa công. Công lao lớn như vậy, có đáng mặt ăn Kim Đào không?

Cảnh Công nói:

- Khi đó sông Hoàng Hà cuồn cuộn, nếu không phải là tướng quân chém ba ba trừ quái, hãn mạng sống của trăm khó có thể bảo toàn được. Đây chính là kỳ công cái thế, theo lý trí thì nên được ăn Kim Đào.

Yến Tử vội vàng đưa cho Cổ Dã Tử một quả Kim Đào.

Điền Khai Cương nhìn thấy Kim Đào đã phân phát hết, vội vã nhảy ra thét lớn:

- Tôi đã từng phụng mệnh đi đánh nước Tề, giết chết chủ tướng của chúng, bắt được trên 500 tù binh, vua nước Tề hoảng sợ đã phải xưng thần, nạp cống, mấy nước nhỏ lân cận cũng hăng hái quy thuộc vào nước Tề chúng ta. Công lao to lớn như vậy, lẽ nào lại không được ăn một quả đào?

Yến Tử vội vàng nói:

- Công lao của Điền tướng quân gấp 10 lần công lao của Công Tôn tướng quân và Cổ Dã tướng quân, thế nhưng Kim Đào đã chia hết rồi, xin mời tướng quân uống tạm một cốc rượu vậy, chờ Kim Đào trên cây chín, sẽ mời tướng quân ăn trước.

Tề Cảnh Công cũng nói:

- Công lao người lớn nhất, chỉ tiếc là xưng ra muộn quá!

Điền Khai Cương tay cầm đốc kiếm thở hổn hển nói:

- Giết ba ba, đánh hổ thì có gì là ghê gớm! Tôi lăn lộn hàng ngàn dặm, ra sống vào chết, thế mà không được ăn đào, đã vậy lại phải chịu hổ nhục nhã ngay trước ngai rồng nhà Vua hai nước, tôi còn mặt mũi nào để mà sống nữa.

Nói rồi đột nhiên vung lưỡi kiếm tự vẫn. Công Tôn Tiệp giật mình kinh sợ, liền tuốt kiếm ra nói:

- Tôi có công lao nhỏ bé mà lại được ăn đào, công lao của Khai Cương to lớn lại không được ăn, tôi thật chẳng còn mặt mũi nào để mà sống nữa!

Nói rồi liền tự sát. Cổ Dã Tử không kịp nổi tức giận gào to:

- Ba người chúng tôi là anh em kết nghĩa. Hai người anh em tôi đều đã chết, sao tôi có thể sống một mình được?

Nói xong cũng tuốt kiếm ra tự vẫn. Tề Cảnh Công vội vàng ngăn cản thì đã không kịp nữa rồi.

Lỗ Chiêu Công nhìn thấy cảnh tượng này, luyến tiếc nói:

- Tôi nghe nói ba vị tướng công đều là dũng sĩ, vạn người không địch nổi, tiếc là chỉ vì một quả đào mà phải chết uống.

Tề Cảnh Công yên lặng không nói, sắc mặt buồn thảm. Lúc này Yến Tử bình thản nói:

- Họ đều là những kẻ thất phu hữu dụng, vô mưu, tuy có công lao nhưng cũng chẳng vì thế tiếc rẻ.

Lỗ Chiêu Công lại hỏi:

- Những dũng sĩ như thế này của quý quốc còn có mấy người nữa?

Yến Tử nói:

- Những người văn võ toàn tài, thực sự túc trí đa mưu, dũng mạnh thiện chiến, có tới mấy chục. Những kẻ vũ phu như ba người bọn họ đây lại càng nhiều. Có điều là nhiều hơn vài người hoặc ít hơn vài người thì có gì là ghê gớm đâu. Các vị khời cần bận tâm, xin cứ uống rượu đi.

Nói xong Yến Tử lại chuốc rượu nhà vua của hai nước.

Sau khi Lỗ Chiêu Công về rồi, Tề Cảnh Công hỏi Yến Tử:

- Trong tiệc rượu nhà người ứng đáp trôi chảy, đúng là đã bảo toàn được thể diện của nước Tề, chỉ e rằng khó có thể tìm được những nhân tài giống như "Tam Kiệt" thế này.

Yến Tử nói:

- Thần xin tiến cử với Chúa công một người, sợ rằng tam kiệt gặp lại cũng chẳng thể địch

được nổi.

Tề Cảnh Công vội hỏi:

- Người đó là ai? Mau mời lại đây!

Thì ra con người này chính là Điền Nhưong Thư, Đại tướng nước Tề, về sau nổi tiếng khắp thiên hạ. Từ đó, nước Tề vẫn có Yến Tử, võ có Điền Nhưong Thư, đã trở thành một quốc gia nước giàu, binh mạnh, tuy uy phong không bằng thời Tề Hoàn Công, nhưng không kẻ nào dám ức hiếp.

49. Điền Nhưong Thư chấp pháp Như Sơn

Về Điền Nhưong Thư, từ xưa tới nay người đời vẫn truyền tụng câu chuyện không né tránh quyền quý, chấp pháp như sơn của ông.

Từ khi nước Tề bị mất địa vị bá chủ thì thế nước dần dần suy yếu. Thời Tề Cảnh Công luôn bị nước Tấn và nước Yên thường xuyên xâm phạm biên giới. Tề Cảnh Công lên ngôi được vài năm, thành Đông A và một vùng đất rộng lớn phía nam sông Hoàng Hà của nước Tề đều bị mất. Tề Cảnh Công rất lo lắng Yến Anh biết Điền Nhưong Thư tinh thông binh pháp, là một người văn võ toàn tài, liền tiến cử với Tề Cảnh Công, rồi kiến nghị Tề Cảnh Công trọng dụng ông. Tề Cảnh Công hiềm nỗi Điền Nhưong Thư xuất thân thấp hèn, sợ không làm nổi việc đại sự, còn đang do dự chưa dám quyết. Chẳng ngờ, nước Tấn nghe nói "Tam Kiệt" của nước Tề đều đã chết cả, liền móc nối với nước Yên, lại tới xâm phạm nước Tề và nhân cơ hội này cướp lấy một ít địa bàn. Tình thế vô cùng nguy cấp, Tề Cảnh Công đành phải vội vã triệu kiến Điền Nhưong Thư, cử ông làm đại tướng, dẫn đầu 500 binh xa, nhanh chóng xông ra đối địch.

Điền Nhưong Thư thầm nghĩ, bản thân mình xuất thân thấp hèn, bỗng chốc lên làm đại tướng, chưa chắc các tướng chịu phục, vạn nhất khi lâm trận họ không nghe theo sự chỉ huy, để hỏng việc lớn thì sẽ xử sao đây? Điền Nhưong Thư liền nói với Tề Cảnh Công:

- Thần may mắn được Chúa công đề bạt làm Đại tướng, thống soái quân đội toàn quốc, thần vô cùng cảm kích. Thần muốn Chúa công cử một viên quan đại thần được Chúa công tín nhiệm nhất, có địa vị tôn quý, cho làm giám quân.

Tề Cảnh Công đồng ý, liền bổ nhiệm quan đại phu mà mình sủng ái nhất là Trang Cổ làm giám quân.

Điền Nhưong Thư gặp Trang Cổ, bàn việc xuất quân, lúc chia tay ước hẹn với Trang Cổ:

- Ngày mai đại quân tập hợp, mời giám quân đứng giờ ngo có mặt tại doanh trại.

Trang Cổ vừa gật đầu đồng ý, vừa giơ tay tạm biệt. Điền Nhưong Thư vội trở về doanh trại, lệnh cho một tên lính chôn một cột gỗ thẳng đứng trên bãi trống ngoài cửa doanh trại, để hôm sau quan trắc bóng của cây gỗ đổ dưới ánh nắng mặt trời mà đoán định thời gian Trang Cổ sẽ tới doanh trại.

Trang Cổ là một sủng thần của Tề Cảnh Công, địa vị cao sang hiển hách, thường ngày vẫn ý quyền thế nhà vua, quen thói ngang tàng, lúc này càng chẳng coi Điền Nhưong Thư rra gì. Buổi trưa hôm sau, các bè bạn thân thiết của Trang Cổ, các quan viên trong triều đình đều tới tiễn Trang Cổ đi. Trang Cổ mở yến tiệc trong phủ, tận tình mời rượu những người tới đưa tiễn. Trang Cổ say túy lúy, quên hẳn việc hẹn định phải có mặt tại doanh trại quân đội vào buổi trưa. Tiệc rượu tàn, mặt trời đã sắp sửa khuất núi Trang Cổ mới khệnh khạng ngồi xe tới doanh trại.

Điền Nhưong Thư đã chinh đốn xong quân đội từ lâu, chỉ còn chờ giám quân Trang Cổ tới. Thế nhưng giờ ngo đã qua, Trang Cổ vẫn chưa hiện diện. Điền Nhưong Thư ra lệnh cho tên lính hạ đổ cây cột gỗ xuống, chứng tỏ Tề Cảnh Công đã thất hẹn, sau đó bước vào quân doanh tuyên bố kỷ luật binh lính. Thời gian cứ trôi qua, trời đã sắp tối, Trang Cổ mới có mặt ở quân doanh. Điền Nhưong Thư hỏi:

- Tại sao bây giờ giám quân mới tới?

Trang Cổ cho là chuyện vặt, liền cười khì khì nói:

- Bạn bè đến tiễn đưa, mãi vui một trận, uống thêm mấy bát rượu, hỏi sao không muộn? Thôi được, bây giờ thì cũng xuất phát!

Điền Nhưong Thư nghiêm khắc nói:

- Ngươi biết không, người làm tướng, kể từ phút nhận mệnh lệnh xuất chinh, phải có gan vút bỏ gia đình, một lòng vì nước, chấp hành kỷ luật, phải dám rũ bỏ việc riêng, xung phong hãm

trận, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Nay quân địch đang ở trước mặt, dân chúng kinh hoàng, vua ăn ngủ không yên, sự an nguy của đất nước đều đặt trên vai chúng ta. Tại sao người có thể mãi nhậu nhẹt với lũ người đưa tiền, để đến nỗi lỡ hết thời gian?

Trang Cổ thấy Điền Nhưong Thư tỏ ra quá cẩn trọng, nghiêm ngặt, trong lòng không vui, đã toan nổi cáu. Chợt Điền Nhưong Thư quát hỏi:

- Quan quân pháp đâu?

Quan quân pháp hấp tấp bước ra. Điền Nhưong Thư hỏi:

- Quá giờ không tới, theo quân pháp phải xử tội gì?

Quan quân pháp nói:

- Chém đầu!

Trang Cổ vừa nghe thấy chữ “chém” thì hoảng sợ nhảy cẫng lên, sai thuộc hạ chạy về cầu cứu Tề Cảnh Công. Thế nhưng, người đi cầu cứu chưa kịp quay lại, thì cái đầu Trang Cổ đã rụng. Tướng sĩ ba quân đều bàng hoàng kinh động.

Tề Cảnh Công nghe nói Điền Nhưong Thư sẽ xử tử Trang Cổ, vội phái sứ giả cầm phù tiết tới miễn tội cho Trang Cổ. Sứ giả được phụng mệnh vua, hăng máu phóng xe như bay xông vào trong quân doanh, hét lớn:

- Người kia, mau hạ đao xuống, hoàng thượng đã miễn tội cho Trang giám quân rồi đó!

Điền Nhưong Thư quát sứ giả phải dừng lại, nói:

- Tướng ở trong quân, có thể không phục tùng mệnh lệnh nhà vua!

Sau đó lại hỏi quan quân Pháp:

- Với những người dám xông vào doanh trại quân đội nên trừng trị như thế nào?

Quan quân pháp nói:

- Cần chém đầu!

Sứ giả nghe thấy chữ “chém”, bỗng chốc mặt biến sắc, run rẩy cầu xin tha tội.

Điền Nhưong Thư nói:

- Sứ giả của triều đình phái đến, không thể giết được. Thế nhưng quân pháp như sơn, không thể không chấp hành.

Nói rồi, ông hạ lệnh chém đầu tên tùy tùng của sứ giả, chặt đứt thanh gỗ đứng bên ngoài thùng xe mà sứ giả ngồi, chém chết con ngựa kéo xe bên tả, thay cho việc thụ hình của sứ giả. Sau đó, thông báo sự kiện này cho ba quân biết, hơn thế còn bắt sứ giả trở về bẩm cho Tề Cảnh Công biết. Việc xử lý xong, Điền Nhưong Thư hạ lệnh cho toàn thể tướng sĩ sẵn sàng chuẩn bị xuất phát.

Trước thời gian quân Tề xuất phát mấy hôm, Điền Nhưong Thư đã tới tuần tra các quân doanh. Khi tới chỗ đặt nồi nấu cơm, ông vào hẳn trong nhà bếp kiểm tra chất lượng bữa ăn của binh sĩ. Buổi tối, ông tự tay bưng canh phục thuốc cho binh sĩ bị ốm, chăm sóc an ủi họ. Ông đã chọn ra các binh sĩ sức khỏe yếu cho phép rời khỏi doanh trại để nghỉ ngơi. Là thống soái, khẩu phần lương thực và vật tư của Điền Nhưong Thư so với một binh sĩ đã nhiều gấp bội, nhưng ông đã đem tiêu chuẩn của mình chia hết cho đồng đội, ngoài ra ông còn động viên các tướng lĩnh khác làm theo. Cứ như vậy ba ngày trôi qua. Điền Nhưong Thư phát lệnh: toàn quân hỏa tốc ra tiền tuyến, đánh cho quân địch đại bại, thu hồi đất đai đã mất. Các tướng sĩ trong toàn quân thấy Điền Nhưong Thư chấp pháp như sơn, không sợ quyền uy, lại hết lòng yêu thương, đồng cam cộng khổ với binh sĩ như vậy, thì đều cảm động. Quân Tề trên dưới một lòng, thề chết báo đền ơn nước. Đến cả những binh sĩ đang bị ốm đau cũng xin ra tiền tuyến đánh giặc, không cam tâm ở lại hậu phương.

Những thông tin khả quan ấy đã được lan truyền rất nhanh chóng. Viên thống soái của quân đội hai nước Tấn Yên nắm được, không dám giao phong với quân Tề, phải mau rút quân. Quân Tề dũng cảm truy kích, chẳng bao lâu đã thu phục lại được toàn bộ đất đai đã bị mất trong mấy năm qua. Điền Nhương Thư cầm đầu quân đội nước Tề ca khúc khải hoàn trở về nước.

Tề Cảnh Công vô cùng sung sướng đích thân dẫn các quan đại thần trong triều ra ngoài ô nghênh đón Điền Nhương Thư, ủy lạo tam quân. Sau đó Tề Cảnh Công chính thức bổ nhiệm Điền Nhương Thư làm Đại Tư Mã nắm giữ quân quyền toàn quốc. Do vậy, về sau mọi người lại gọi Điền Nhương Thư là Tư Mã Thượng thư.

50. Khổng Tử và Lão Tử

Khổng Tử, nhà tư tưởng lớn, nhà giáo dục lớn trong thời cổ đại Trung Quốc, nguyên là người nước Lô trong thời kỳ Xuân Thu. Ông họ Khổng, tên Khuru, tự là Trọng Nê, sinh năm 551 trước Công Nguyên. Tư tưởng và học thuyết của ông đã có ảnh hưởng cực kỳ to lớn trong lịch sử Trung Quốc.

Tổ tiên của Khổng Tử là quý tộc nước Tống, đời cụ nội của ông vì lánh nạn nên chạy sang nước Lô, cha ông là quan đại phu ở ấp Châu, nước Lô. Khi Khổng Tử còn nhỏ, thì cha đã qua đời, người mẹ đem theo Khổng Tử dời tới đô thành Khúc Phụ nước Lô, cách Châu ấp không xa, sống cuộc sống nghèo khổ.

Nước Tống là con cháu đời sau của Ân Thương, nước Lô lại là đất phong cảnh của Chu Công vào đầu nhà Chu, cả hai nước này đều bảo tồn được rất nhiều văn hóa Thương Chu cổ xưa; nước Lô lại là trung tâm văn hóa được công nhận ở thời đó. Từ nhỏ Khổng Tử đã được hấp thụ nền văn hóa cổ lão này, hiểu được rất nhiều lễ giáo cổ đại, thích dùng các mảnh gỗ nhỏ làm đồ cúng bái, nặn đất làm đồ cúng phẩm, diễn tập các nghi lễ cổ.

Lễ giáo thời đó có rất nhiều loại. Kết hôn, người chết, cũng lễ tổ tiên... đều có một loạt nghi thức rất rườm rà, phức tạp. Lễ dĩ nhiên, người nghèo không thể màng tới những lễ nghĩa này, nhưng từ vua, chư hầu, quan đại phu đến các chủ nô, các nhà quý tộc nói chung đều rất coi trọng thứ này. Họ cho rằng đây chính là cơ hội tốt để khuyếch trương thế lực và của cải. Mỗi khi gặp chuyện đại sự, tang lễ họ thường thuê một số người tới cử hành các hình thức nghi lễ. Những người làm nghề này gọi là “Nho”. Khổng Tử cũng đã làm qua nghề này cho nên đời sau gọi học thuyết mà Khổng Tử đề xướng là “Nho giáo”.

Lúc Khổng Tử còn nhỏ đã thông thuộc một số hệ thống Chu Lễ, nhưng trong suốt cuộc đời bốn ba của mình ông vẫn không ngừng đào sâu nghiên cứu. Một lần, bước vào miếu đường tế lễ Chu Công của nước Lô, trông thấy từng hạng mục lễ tiết, mỗi đồ vật cúng tế, đều khiêm tốn thỉnh giáo những người thành thạo nghề. Có người cười mỉa ông mà rằng:

- Ai bảo con cháu đời sau của quan đại phu Trâu ấp này hiểu được nghi lễ nhỉ? Cứ xem ra ông ta mê mãi hỏi như vậy, chứng tỏ ông ta chẳng hiểu gì cả.

Khổng Tử thản nhiên nói:

- Không hiểu thì hỏi, đó chính là lễ vậy!

Khổng Tử lại còn nói:

- Biết thì thưa thớt, không biết dựa cột mà nghe, như vậy mới là người thông minh.

Do khiêm tốn, ham học hỏi, Khổng Tử đã tinh thông Chu lễ. Năm ông 30 tuổi đã có người chuyên tới thỉnh giáo ông về Chu lễ. Trình độ, học thức về các phương diện khác của Khổng Tử cũng rất phong phú, danh tiếng cũng dần được nâng cao.

Tại sao Khổng Tử lại hứng thú với Chu lễ? Vốn là, vào thời đỉnh thịnh của Vương thất nhà Chu, Thiên Vương đã có uy quyền tuyệt đối, tất cả các nước chư hầu đều phải nghe theo sự điều khiển của nhà vua, Chu Công lại dùng hình thức “Đặt ra lễ làm ra nhạc” để phân định sự khác biệt của vua tôi, cha con, cao thấp, sang hèn, củng cố trật tự chính trị. Đến thời kỳ Xuân Thu, Vương thất nhà Chu chỉ còn là một bộ khung trống rỗng, suy vong, hữu danh vô thực, các nước chư hầu đều tranh nhau làm bá chủ. Những vụ việc làm loạn, phạm thượng, hại cha, giết vua thường xuyên xảy ra, chiến tranh thôn tính lẫn nhau liên miên không dứt. Đến Vương thất nhà Chu cũng bị coi thường, dĩ nhiên trong tình hình ấy thì Chu lễ càng chẳng có ai tuân thủ nữa. Khổng Tử cho rằng sự biến động xã hội là kết quả của việc Chu lễ bị phá hoại, cho nên ông muốn thông qua việc phục hưng Chu lễ, hy vọng khôi phục nền thống trị của nhà vua, ổn định xã hội. Do bảo thủ, Khổng Tử rất có ác cảm với một số hành vi “vượt lễ” lúc đó. Năm 35 tuổi, Khổng Tử nghe nói nhà Lý Thị có tổ chức đội ca múa gồm 64 người hợp thành, ông rất bực. Vì sao vậy? Bởi, theo quy định của Chu lễ, đội múa gồm 8 người được gọi là một dật (hàng người

đứng múa) chỉ Thiên tử mới được sử dụng đội múa 8 dật do 64 người hợp thành, chư hầu dùng 6 dật, quan đại phu như Lý Thị chỉ được phép sử dụng một đội múa 4 dật do 32 người hợp thành. Hiện tại Lý Thị ngang nhiên bắt chước quy cách múa vui của Thiên tử, há chẳng phải là đại nghịch bất đạo sao? Cho nên Khổng Tử kinh ngạc kêu to: “Một việc vượt lễ như thế mà họ còn làm, hỏi còn việc gì họ không dám?”.

Về sau, Khổng Tử lấy việc dạy học để hành nghề. Khi ông 51 tuổi đã làm tới chức Trung Đô Tế (Trung Đô là huyện Văn Thượng, tỉnh Sơn Đông ngày nay) của nước Lỗ, sang năm đã thăng lên làm chức Tư Không (chủ quản việc tư pháp). Khổng Tử làm việc rất có hiệu quả, nghe nói thời đó các nước chư hầu đều bắt chước cách làm của ông.

Nước Lỗ và nước Tề là hai quốc gia láng giềng, ngoài mặt và trong lòng đều bất hòa, luôn luôn đề phòng lẫn nhau, không muốn đối phương vượt lên. Hiện tại, về nhiều mặt, nước Lỗ đã khởi sắc, danh tiếng cũng đã được đề cao, nước Tề liền xem đó là sự uy hiếp đối với mình. Tề Cảnh Công phái sứ giả sang nước Lỗ mời Lỗ Định Công tới Hiệp Cốc (huyện Lai Vu, tỉnh Sơn Đông ngày nay) để tiến hành hội thề, điều chỉnh lại mối quan hệ đôi bên. Lỗ Định Công nhận được lời mời rất vui vẻ, đã toan tới dự. Khổng Tử nói:

- Chúa công không nên vội vàng như vậy, lần này Chúa công tới hội thề với nước Tề, tuy nói là chần chừ lại giao hảo, nhưng cũng cứ mang theo võ tướng, đề phòng bất trắc mới được.

Lỗ Định Công tiếp thu ý kiến của Khổng Tử, đem theo các quan tả hữu tư mã, hơn thế, còn chỉ định riêng Khổng Tử làm Tán Lễ quan, rồi kéo tới địa phương Hiệp Cốc. Tề Cảnh Công cũng dùng lễ nghênh tiếp. Sau khi hai bên tặng lễ phẩm cho nhau, đã cử hành yến tiệc thịnh soạn. Trong yến tiệc, Tán Lễ quan nước Tề tấu “Nhạc tứ phương” cho Lỗ Định Công nghe. Chỉ thấy từng đội võ sĩ tay cầm qua, mâu, kiếm, kích, xông ào lên như ong vỡ tổ trong tiếng âm nhạc đệm; nói là nhảy múa nhưng sao sát khí đằng đằng, khiến Lỗ Định Công mặt mày tái xám. Quan tả hữu tư mã phụ trách hộ giá cầm kiếm bảo vệ ở hai bên Lỗ Định Công. Lúc này, Khổng Tử đã thoãn thoắt bước lên trên bậc đài nhìn thẳng vào Tán Lễ quan nước Tề, phẩy ống tay áo, cao giọng quát:

- Vua hai nước đang hội nghị hữu hảo, sao lại cho múa qua múa kiếm? Sao ông không đuổi hết bọn chúng đi?

Viên Tán Lễ quan lệnh cho các võ sĩ lui ra. Các võ sĩ không nghe, đưa mắt thăm dò thái độ của Tề Cảnh Công. Tề Cảnh Công đuối lý, đành phải khoát tay bắt bọn chúng lui về, hạ lệnh tấu “nhạc trong cung”. lát sau, một bọn người lùn bé, nom góm ghiếc, cọt nhả uốn éo những tiết mục hạ lưu, chướng tai, gai mắt. Khổng Tử lại một lần nữa bước nhanh lên đài, nghiêm khắc chắt vắn Tán Lễ quan nước Tề:

- Những thằng oắt này ngang nhiên bỡn cợt chư hầu, làm rối mắt của mọi người, dựa theo luật cần phải chém đầu, ngài còn chờ gì nữa?

Tán Lễ quan đành phải hạ lệnh đem giết chết hết đám người lùn tí hon này. Yến tiệc mất vui, đến đây phải giải tán. Đây chính là Hội Hiệp Cốc nổi tiếng.

Sau cuộc hội thề, Tề Cảnh Công biết vua tột nước Lỗ không chịu tỏ ra yếu thế, đành phải nhượng bộ, đem các đất Vận, Văn Dương, Quy Âm... đã xâm chiếm, trả cho nước Lỗ để tỏ ý cáo lỗi. Khổng Tử có công bảo toàn nhà vua, nên càng được Lỗ Định Công tín nhiệm.

Nước Lỗ lúc này là thiên hạ của “Tam Hoàn” - Mạnh Tôn, Thúc Tôn và Lý Tôn, ngay cả đến nhà vua cũng phải nghe theo sự sắp đặt của họ. Khổng Tử lại rất khó chịu, đã nêu kiến nghị tước bỏ “Tam Hoàn”, tăng cường địa vị nhà vua với Lỗ Định Công, ông nói:

- Chu lễ quy định, trong nhà quan đại phu không được tàng trữ vũ khí, tường thành đất phong không được dài quá 300 trượng. Hiện tại các nhà “Tam Hoàn” đã phá hoại các quy củ, uy hiếp sự an toàn của Chúa Công. Chúa Công nên hạ lệnh bắt họ phá bỏ tường thành trên đất phong, giải trừ võ trang, có thể mới mong trị nước được yên ổn lâu dài.

Lỗ Trang Công cảm thấy rất có lý, vội vàng nói:

- Ta mong sao được như vậy, chỉ sợ “Tam Hoàn” không bằng lòng.

Khổng Tử nói một cách chắc chắn:

- Thần nghĩ chẳng có gì khó.

Tức thì bắt đầu từ gia thần Lý Tôn Thị, rồi móc với hai nhà kia, thế là cả ba đều đồng ý dỡ bỏ tường thành trên đất phong của mình.

Tại sao “Tam Hoàn” đồng ý tước bỏ và làm suy yếu thế lực của mình? Thì ra, suốt một thời kỳ dài “Tam Hoàn” chia nhau nắm giữ đại quyền nhà nước, tiến hành nhiều hoạt động ở đô thành, giao mọi việc ở trên đất phong của mình cho gia thần quản lý. Như vậy là, gia thần đã trở thành người khống chế thực tế ở đất phong, “Tam Hoàn” thực sự cũng không thể chi phối được. Dỡ bỏ tường thành, ngoài mặt là “Tam Hoàn” tước bỏ và tự làm suy yếu thế lực, kỳ thực là tước bỏ và làm suy yếu gia thần, khôi phục lại thế lực của mình. Bởi vậy mà họ đã ra tay? Thế nhưng, các gia thần của “Tam Hoàn” đều kịch liệt phản đối. Gia thần của hai nhà Thúc tôn lần lượt dùng vũ trang làm phản loạn, thậm chí đã đánh vào Đô Thành Khúc Phụ, bao vây chặt Lô Định Công. Khổng Tử, một mặt thu hồi vũ trang của “Tam Hoàn”, một mặt lo điều binh khiển tướng, mới tạm gọi là dẹp yên được cuộc phản loạn, rồi thừa thế bỏ hết tường thành của hai nhà.

Cuối cùng chỉ còn lại tường thành của Thành Thành trên đất phong thuộc Mạnh tôn, gia thần Công Liễm Dương kiên quyết không chịu dỡ bỏ. Công Liễm Dương cho rằng tường thành thì không thể dỡ bỏ, sở dĩ hai nhà Thúc Tôn và Lý Tôn phải dỡ bỏ là vì gia thần gây chuyện phản loạn; nếu ta cũng dỡ theo, há chẳng là a tòng với phản thần hay sao? Có điều, dỡ bỏ tường thành là mệnh lệnh của nhà vua, không dễ gì trực tiếp phản đối được. Công Liễm Dương bèn đi tìm Mạnh Tôn Thị, bảo ông ta tới thuyết phục Khổng Tử.

Khổng Tử nghe nói Công Liễm Dương kiên quyết như vậy, bèn thuận nước đẩy thuyền, nói:

- Không dỡ bỏ cũng chẳng sao. Một là, ba thành đã phá hai, Thành Thành đã rơi vào thế cô lập. Hai là, Công Liễm Dương từ trước vẫn trung thành với vua Lỗ, không thể làm những việc trái phép như gia thần của hai nhà kia. Ba là, Thành Thành ở phía Bắc gần nước Tề, bảo vệ cửa lớn phía Bắc, thiết nghĩ, giữ lại tường thành của Thành Thành cũng là điều rất cần thiết.

Thúc Tôn và Lý Tôn nghe Khổng Tử giảng giải có lý, lại thấy được thực lợi là tước bỏ và làm yếu thế lực của gia thần, nên không có ý kiến gì nữa. Mạnh Tôn và gia thần của ông ta cũng được bảo đảm thể diện, cuối cùng tường Thành Thành đã được giữ lại.

Vậy thì sao Khổng Tử lại thay đổi chủ ý, đồng ý giữ lại tường thành của một nhà? Đó là vì mục đích chính trị hủy hoại Tam Đô đã đạt được, địa vị của nhà vua được tăng cường, “Tam Hoàn” đã phải giải trừ vũ trang, sự uy hiếp đối với nhà vua đã giảm bớt, đồng thời còn khống chế được thế lực của gia thần, thực quyền của “Tam Hoàn” cũng đã được khôi phục. Dỡ bỏ tường thành đã đưa tới sự phản loạn của gia thần hai nơi, khó khăn lắm mới có thể dập tắt được. Nếu lại bức cho Công Liễm Dương làm loạn thì cục diện sẽ càng khó tháo gỡ. Hơn thế, nước Tề ở phía Bắc đang như hổ khát nước, việc giữ lại tường thành của Thành Thành quả thực cũng là cần thiết. Do vậy, Khổng Tử mới quay ngoắt 180 độ.

Hành động hủy hoại Tam Đô của Khổng Tử đã bảo vệ được lợi ích của bọn thống trị nước Lỗ, do đó đã được vua tôi nước Lỗ tôn trọng. Thế nhưng, Lô Định Công tham lam, quen hưởng lạc, không nghĩ gì đến việc triều chính, Khổng Tử tự thấy nếu cứ ở nước Lỗ thì cũng làm nên công trạng gì, bèn dẫn một số học sinh rời khỏi nước Lỗ, tới nơi khác thực hành chủ trương chính trị dùng lễ trị quốc của mình.

Khổng Tử chủ trương tích cực nhập thế, nhiệt thành hoạt động chính trị. Ông đi chu du các nước suốt 14 năm trời, phần lớn thời gian sống ở nước Vệ (trước sau gần 10 năm và nước Tần (ba năm), thời gian còn lại thì bôn ba ở các nước như Tống, Thái, Sở... kể cũng đáng thương, Khổng Tử dẫn một số học sinh chạy Đông, chạy Tây, tiến hành du thuyết với vua các nước tuyên truyền chủ trương chính trị, nhưng chủ trương của ông lại quá thủ cựu, kết quả là không

được người đời tiếp thu hoặc kính nhi viễn chi, tôn kính ông nhưng không trọng dụng ông. Đi tới đâu Khổng Tử cũng đụng phải chướng ngại, cuối cùng đành phải trở về nước Lỗ. Từ đó, ông chuyên tâm một dạ ở nhà dạy học, nghiên cứu học vấn. Cho đến năm 73 tuổi (năm 479 trước Công Nguyên), thì ông qua đời.

Cống hiến nổi bật nhất của Khổng Tử vẫn là về mặt giáo dục. Trước đây, trường học đều do quan phủ mở, chỉ có con em quý tộc mới được tới học. Khổng Tử đã sáng lập ra “Tự học”, tự thu nạp các học trò lại để dạy. Như vậy, sự lũng đoạn về giáo dục của giới quý tộc đã bị phá tan. Khổng Tử đề xuất ra khẩu hiệu “Hữu giáo vô loại”, thu nhận học sinh không hạn chế bởi môn đệ, đẳng cấp, cho nên trong đám học sinh không hạn chế bởi môn đệ, đẳng cấp, cho nên trong đám học sinh của ông vừa có con em quý tộc vừa có con em dân nghèo, vừa có người nước Lỗ lại có người của các quốc gia khác. Ông đã mở ra khóa trình bốn môn học là đức hạnh, ngôn ngữ, chính trị và văn học; còn dạy dỗ cho học sinh kỹ năng của “Lục nghệ” là lễ tiết, âm nhạc, bắn nỏ, đánh xe, viết chữ, toán học... Khổng Tử coi câu nói “Học nhi bất yển, hối nhân bất quyền” là châm ngôn luôn luôn treo trước mặt, có nghĩa là, việc học tập không bao giờ được coi là đầy đủ, việc dạy dỗ cho con người cũng không biết mệt mỏi. Ông động viên học sinh kết hợp, thống nhất giữa học tập và suy nghĩ, cho rằng chỉ đọc sách một cách cứng nhắc mà không suy xét đúng mức thì sẽ có thể bị mê hoặc; chỉ suy đi nghĩ lại mà không chăm chỉ học tập thì sẽ có thể bước lệch lạc, nếu vậy thì càng nguy hiểm. Những phương pháp và thái độ dạy học của Khổng Tử được người đời rất ca tụng. Khổng Tử làm giáo dục đã giành được thành tích rất to lớn. Truyền thuyết kể rằng học sinh của ông trước sau đã có tới ba nghìn người, trong số học sinh có thành tích nổi trội có tới 72 người, hiện tượng này vào thời đó là điều đáng kinh ngạc!

Trong số học sinh của Khổng Tử có nhiều nhân tài xuất sắc, như Nhan Uyên, Mẫn Tử không nổi tiếng về phẩm đức tốt; như Tử Lộ, Nhiễm Hữu trội hẳn lên về chính trị; như Tử Cống, Công Tây Hoa ngôn luận, trí tuệ vượt người; còn có Tử Hạ, Tử Du, Tể Ngã... được Khổng Tử rất yêu quý.

Có một lần, Tử Lộ hỏi Khổng Tử:

- Một người nếu đã nghe hiểu được chủ trương, có nên lập tức thi hành ngay không?

Khổng Tử bình tĩnh trả lời:

- Trước hết nên hỏi ý kiến người khác, sau đó sẽ quyết định có nên thực hành hay không?

Khổng Tử bình tĩnh trả lời:

- Trước hết nên hỏi ý kiến người khác, sau đó sẽ quyết định có nên thực hành hay không?

Khổng Tử bình tĩnh trả lời:

- Trước hết nên hỏi ý kiến người khác, sau đó sẽ quyết định có nên thực hành hay không?

Sau khi Tử Lộ đi rồi, Nhiễm Hữu cũng tới hỏi thầy:

- Nếu cho rằng làm một việc tốt, liệu có nên làm ngay không?

Khổng Tử lập tức nói:

- Điều đó thì tất nhiên rồi, cần phải lập tức làm ngay!

Công Tây Hoa có mặt ở đó rất buồn bực, hỏi Khổng Tử

- Tử Lộ và Nhiễm Hữu hỏi cùng một sự việc, tại sao câu trả lời của thầy lại không giống nhau?

Khổng Tử nói:

- Bình thường Tử Lộ làm việc gan dạ, thế nhưng rất thô lộ, dễ khinh xuất, thì ta khuyên hẳn phải lắng nghe ý kiến của người khác. Nhiễm Hữu làm việc vững vàng thận trọng, nhưng không đủ dũng khí, còn nghi ngại, thì ta động viên hẳn làm việc phải quyết đoán.

Phương pháp “giáo dục theo đối tượng” này của Khổng Tử thực sự rất cao minh. Ngoài ra, ông còn có một số câu nói như: “Tam nhân hành tất hữu ngã sư”, “Ôn cố như tri tân”, “Tri tri vi

tri tri, bất tri vi bất tri, thị tri dã” (1) cũng rất được mọi người tín phục.

Những năm cuối đời, Khổng Tử tập trung tinh thần và sức lực chỉnh lý các điểm tích văn hóa cổ đại. Truyền thuyết kể rằng *Ngũ Kinh* bao gồm “Dịch”, “Lễ”, “Thương Thư”, “Thi Kinh” “Nhạc” ... đều do ông chỉnh lý và sửa chữa. Ông còn chỉnh lý và sửa chữa *Xuân Thu*, bộ sách lịch sử theo thể biên niên đầu tiên của Trung Quốc. Những điển tích văn hóa cổ điển này được lưu truyền đến ngày nay, có tác dụng to lớn đối với việc truyền bá học thuyết của Nho gia, được tôn thờ là bộ sách “kinh điển” của Nho gia. Đó là công lao vĩ đại của Khổng Tử. Sau khi Khổng Tử qua đời, các đệ tử của ông đã đem những lời nói và việc làm của ông ghi chép, chỉnh lý lại, biên tập thành bộ *Luận ngữ*. Đây là bộ sách ghi chép những tư tưởng chủ yếu của Khổng Tử.

ở thời Xuân Thu, một tư tưởng khác cũng nổi tiếng không kém Khổng Tử, đó là Lão Tử. Lão Tử là người huyện Khổ, nước Sở (phía Đông huyện Lộc ấp, tỉnh Hà Nam ngày nay), họ Lý, tên Nhĩ, từng làm quan viên của nhà tàng thư triều Chu, sau vì chiến tranh loạn lạc và thế nước suy yếu, ông đã rời bỏ triều Chu, đi nơi khác.

Truyền thuyết kể rằng Khổng Tử đã từng thỉnh giáo qua Lão Tử, còn ca tụng Lão Tử là “con rồng” bay vút lên trời cao. Thế nhưng tư tưởng của Lão Tử và Khổng Tử không giống nhau. Lão Tử cho rằng trời là vật chất, chính là nói trời là thứ không có ý chí, không thể chi phối họa phúc cát hung của con người trong thế gian. Chỉ có “Đạo” mới là nền tảng của vạn vật. Đạo đã tồn tại từ trước trời đất, chính là Đạo sản sinh ra vạn vật, mà con người không nhìn thấy và sờ thấy. Đồng thời, Đạo lại lấy tự nhiên làm căn cứ, thế giới vạn vật chính là chịu sự ràng buộc của các quy luật tự nhiên. Tư tưởng này của Lão Tử đã phủ định sự tồn tại và quyền uy của thiên thần.

Điều đặc biệt quý là Lão Tử có tư tưởng biện chứng phong phú. Ông cho rằng sự vật có liên hệ với nhau và chuyển hóa lẫn nhau. Ví dụ, ông nói: “Hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh”, “Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục”.(2)

Trước tình trạng chiến tranh liên miên, đời sống nhân dân khổ sở, Lão Tử cực kỳ bất mãn, phê phán không tiếc lời bọn thống trị bóc lột nhân dân, chủ trương quan tâm đến nỗi đau khổ của dân chúng, nỗ lực giúp đỡ họ, thế nhưng đồng thời ông lại chủ trương “Vô vi tri nhi tri” (3) để cho dân chúng “vô tri vô dục” (4), theo ông, có như vậy xã hội mới được yên ổn. Tư tưởng này của Lão Tử hoàn toàn khác với tư tưởng tích cực nhập thế của Khổng Tử, có mặt hợp lý, nhưng cũng có mặt không chính xác.

Khi Lão Tử đi khỏi triều Chu, qua Hàm Cốc Quan. Viên Lệnh doãn của Hàm Cốc Quan biết ông có học vấn cao sâu, khuyên ông:

- Ngài sắp ra đi rồi, xin ngài hãy viết cho tôi một bộ sách.

Lão Tử bèn viết ra một bộ sách *Đạo đức kinh*, còn có tên là *Lão Tử*. Hiện tại chúng ta tìm hiểu tư tưởng Lão Tử, chủ yếu là căn cứ vào bộ sách này.

Lão Tử được người đời sau gọi là cụ Tổ của “Đạo gia”. Đạo gia và nho gia chủ trương tuy không giống nhau, nhưng đều là lưu phái tư tưởng quan trọng trong thời cổ đại Trung Quốc, đã có ảnh hưởng rất lớn đối với hậu thế.

51. Thư hùng kiếm

Trong thời Xuân Thu, nền kinh tế xã hội các nước đã phát triển nhanh chóng. Đồ sắt được sử dụng rộng rãi, kỹ thuật cày bằng trâu được đẩy mạnh thêm một bước, khoa học kỹ thuật được nâng cao lên trình độ mới. Ví dụ, “số học” mà chúng ta nói ngày nay, thời đó gọi là “số”, đã phát triển và trở thành một môn khoa học độc lập. Bài về về phép nhân mà chúng ta sử dụng hôm nay - bảng cửu chương, chính là do con người từ thời đó tổng kết ra. Khoa học Thiên văn có sự phát triển rất đột xuất, tháng 7 năm 613 (trước Công Nguyên), nhà Thiên văn học nước Lỗ qua quan trắc ngôi Sao Chổi quét qua Bắc Đẩu, đã lưu lại những dòng ghi chép lớn nhất về Sao Chổi Halây ở trên thế giới. Đây là ngôi Sao Chổi nổi tiếng của thời nhà Chu. Nhà Thiên văn học nước Anh Halây trước tiên đã xác định được quỹ đạo và chu kỳ vận hành của Sao Chổi Halây là người thuộc thế kỷ thứ 17 đến thế kỷ 18, thời Xuân Thu của Trung Quốc, đã có được sự ghi chép này, quả là một điều đáng kinh ngạc. Thời Xuân Thu còn xuất hiện rất nhiều nhà khoa học và nhà phát minh, như danh y Biển Thước (chuyên về Biển Thước xin xem phần Chiến Quốc), như danh tượng (thợ mộc bậc thầy nổi tiếng) Lỗ Ban... Lỗ Ban (vốn tên gọi là Côn Thân Ban, bởi là người nước Lỗ nên đời sau gọi là Lỗ Ban) được xem là cụ tổ nghề nề, mộc của Trung Quốc với hàng loạt phát minh công cụ, như bàn khoan, cửa, thước gấp... Lỗ Ban còn giỏi nghề kiến trúc và điêu khắc, có thể chế ra những đồ dùng và các loại vũ khí, đã thiết kế ra “cậu cự” rất thích hợp cho việc thủy chiến.

Trong thời Xuân Thu, Trung Quốc là nước dẫn đầu về kỹ thuật luyện đồng, luyện sắt và vượt xa các nước trên thế giới.

Có một truyền thuyết cảm động về một đôi vợ chồng nước Ngô tên gọi Can Tương và Mạc Da, biết rèn kiếm báu, nổi tiếng thiên hạ. Một hôm, Ngô Vương Hạp Lư vào cung tìm Can Tương, dặn Can đánh cho mình một thanh kiếm báu. Để hoàn thành sứ mệnh mà Ngô Vương giao cho Can tương đã trèo đèo, lội suối, tìm khắp bốn phương, mới kiếm được nguyên liệu hảo hạng. Thế nhưng, khi nấu thép lại vấp phải một số khó khăn không ngờ tới, nên đã bị thất bại hết lần này đến lần khác. Thấm thoát đã ba năm trôi qua, kiếm báu vẫn chưa rèn xong. Can Tương vô cùng lo lắng, ông biết rằng nếu không giao kiếm đúng thời hạn thì sẽ bị Ngô Vương xử tử. Người vợ của ông là Mạc Da nhắc nhở ông, nói:

- Thiếp nghe nói muốn tạo ra một vật thần diệu, thì cần phải có một sự hy sinh lớn lao.

Can Tương nói:

- Đúng vậy, ban đầu sư phụ ta rèn kiếm. Rồi, suốt cả một thời gian dài vẫn không thành. Về sau, bản thân thầy phải lao mình vào trong lò lửa mới luyện ra được cái tinh của thép vàng tuyệt diệu và tạo ra một thanh kiếm báu sắc nhọn.

Mạc Da nghe chuyện, trong lòng rất cảm kích. Để chồng khỏi bị sát hại, nàng ngang nhiên lao mình vào lò lửa đang cháy rừng rực. Cuối cùng kiếm báu đã được rèn xong. Can Tương lau chùi hai thanh kiếm báu phát hào quang ra bốn phía, màu xanh chói sáng, sắc nhọn vô cùng mà lòng buồn đau. Để kỷ niệm người vợ của mình, ông ta đặt tên cho hai thanh kiếm, một thanh gọi là “Can Tương” và một thanh gọi là “Mạc Da”. Đây chính là “thư hùng kiếm” nổi tiếng. Can Tương đem thư kiếm tiến dâng vua Ngô Vương. Ngô Vương giận dữ, quát chửi Can Tương rằng đã quá thời hạn, việc lớn đã lỡ. Cuối cùng, Ngô Vương đã xử tử Can Tương. Sau này, người con trai của Can Tương, Mạc Da lớn lên, cầm thanh Hùng Kiếm “Can Tương” mà người cha để lại, đã xông thẳng vào hoàng cung, chặt đứt đầu Ngô Vương, báo thù cho cha mẹ.

Đây là câu chuyện mang tính truyền thuyết. Sử đã chép, Ngô Vương Hạp Lư đã bị Việt Vương Câu Tiễn đánh bại, bị thương, phát bệnh rồi chết, chứ không phải do con trai của Can Tương. Mạc Da giết chết. Thế nhưng câu chuyện này rất có ý nghĩa, nó đã phản ánh được một số tình hình về sự phát triển của kỹ thuật luyện kim trong thời Xuân Thu, đồng thời còn nói rõ sự tiến bộ về mỗi hạng mục kỹ thuật, sự nỗ lực vượt bậc của nhân dân lao động, thậm chí còn phải trả giá bằng cả tính mệnh mới có thể giành được.

Sau ngày giải phóng, các nhà khảo cổ Trung Quốc đã khai quật hơn mười thanh kiếm của thời kỳ Xuân Thu và đã chứng minh truyền thuyết “Thư hùng kiếm”: không phải là không có căn cứ. Năm 1965, trong một ngôi Sở mộ ở huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc đã khai quật được thanh kiếm đeo của Việt Vương Câu Tiễn, trên thân kiếm có tám chữ hiện rất rõ ràng, đó là: “Việt Vương Câu Tiễn, tự tác dụng kiếm”. Thanh kiếm đồng đen này được chôn sâu ở dưới đất trên hai nghìn năm, ngày nay vẫn còn cảm giác sắc lạnh rợn người, nếu cầm nó trên tay. Mặt kiếm bóng loáng mịn màng đến nỗi phải là một công nhân mài ngày nay có tay nghề tương đối thành thạo mới hy vọng đạt tới trình độ này. Lưỡi kiếm còn rất sắc, có thể cắt đứt mười lớp giấy một cách rất dễ dàng. Năm 1979, trong một ngôi Sở mộ tìm thấy được ở huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam, người ta lại khai quật được một thanh “Việt Vương Kiếm” đúc bằng đồng đen. Thanh kiếm hai lưỡi sắc bén, lưng kiếm lồi hẳn lên, chính giữa mặt kiếm khắc chìm hai chữ “Việt Vương” này đã chứng minh rằng đó là kiếm đúc ra ở nước Việt trong thời Xuân Thu. Đây là sự thật chứng minh kỹ thuật luyện đồng đen ở thời Xuân Thu đã đạt tới trình độ rất cao.

Từ triều Thương hơn ba nghìn năm xa xôi về trước, kỹ thuật đồng đen đã rất cao siêu, lại được phát triển vào thời Tây Chu: Thương và Chu đã sáng tạo ra “Nền văn hóa đồng đen” nổi tiếng thế giới. ở thời kỳ Xuân Thu, những người thợ lại sử dụng lò đứng để luyện đồng, kỹ thuật được nâng cao thêm một bước. Năm 1973, từ trong di chỉ cổ khoáng Lục Sơn, một cơ sở luyện đồng lớn, những nhà khảo cổ học đã khai quật ba lò luyện đồng của thời kỳ Xuân Thu còn bảo toàn được tương đối hoàn chỉnh. Đường kính bên trong của lò đứng là 60 centimet, trong khi nồi nấu kim loại Ai Cập cổ đại đường kính chỉ có 13 centimet, dung lượng lại lớn, cũng tiên tiến hơn nhiều. Lò đứng luyện đồng dễ dàng nâng cao nhiệt độ ở bên trong lò, hiệu suất nhiệt cao, tiết kiệm được nhiên liệu. Có thể nói, lò đứng luyện đồng là một sự đột phá của nghề luyện đồng đen, cũng là sự phát triển to lớn của nghề luyện kim trong thời cổ đại Trung Quốc.

Đồng đen là hợp kim của đồng và thiếc, tỷ lệ đồng và thiếc có quan hệ rất lớn tới chất lượng của đồ dùng bằng đồng đen. Theo đà nâng cao của kỹ thuật luyện kim, người đời xưa đã có nhận thức tương đối sâu sắc đối với tác dụng của thiếc trong đồng đen, đối với công nghệ đúc kiếm đồng đen càng có sự nghiên cứu kỹ càng hơn. Từng có một câu chuyện thế này: khi người chú Lý Trát của Ngô Vương Hạp Lư đi sứ tới Trung Nguyên, qua nước Tề (phía bắc huyện Tứ, tỉnh An Huy ngày nay) vua nước Tề nhìn thấy thanh kiếm đeo trên người Lý Trát, thì rất ngưỡng mộ, muốn xin, nhưng lại không dám mở miệng nói ra. Lý Trát đọc được tâm ý của vua Tề, liền muốn tặng cho ông ta, thế nhưng vừa nghĩ đoạn đường phải đi còn rất xa, còn dùng nó để phòng thân, nên lúc đó chưa tặng cho ông ta được. Khi vua Tề qua đời, Lý Trát trở về đã đeo thanh kiếm lên thân cây bên cạnh mộ của vua Tề, rồi bỏ đi. Vì sao vua Tề lại nhắm trúng vào thanh kiếm của Lý Trát? Theo truyền thuyết, thanh kiếm của Lý Trát vừa sắc lại vừa dẻo. Một thanh kiếm đúc đạt được yêu cầu vừa sắc lại vừa dẻo là điều rất khó khăn. Bởi vì, muốn lưỡi kiếm sắc bén thì phải dùng loại đồng có hàm lượng thiếc cao, nhưng nếu vậy, kiếm sẽ giòn, kiếm dễ bị gãy. Nếu muốn chiều cố tới sự bền dẻo của lưỡi kiếm thì phải dùng đến loại đồng có hàm lượng thiếc ít, như vậy thì độ cứng của kiếm sẽ không đủ. Nhất định sẽ ảnh hưởng tới sự sắc bén của lưỡi kiếm. Phải làm sao đây? Những người thợ đã có cao kiến dùng đồng đen với hàm lượng thiếc thấp để làm lưng kiếm, dùng đồng đen với hàm lượng thiếc cao để đúc lưỡi kiếm, rồi hợp hai bộ phận lại với nhau chế thành “một thanh kiếm phức tạp” vừa sắc bén lại vừa bền dẻo nổi tiếng trong thiên hạ.

Về kỹ thuật phối hợp giữa đồng và thiếc như thế nào đã được ghi chép tỉ mỉ trong bộ sách cổ có tên gọi là “Khảo Công ký”. Sách “Khảo Công Ký” gọi loại kỹ thuật này là quy luật “lục tề”. Cái gọi là “lục tề” chính là 6 phương pháp phối hợp tỷ lệ khác nhau giữa đồng và thiếc trong đồng đen. Ví dụ, đối với chuông thường xuyên phải gõ và đỉnh thường xuyên phải chịu nhiệt độ cao thì sử dụng phương pháp phối hợp, với hàm lượng thiếc ít để đạt được tính bền dẻo tương đối tốt. Đối với rìu, giáo, mác, kích, đầu mũi tên... đòi hỏi tính bền cứng và sắc, thì sử dụng phương pháp phối hợp với hàm lượng thiếc tương đối nhiều... Đây chính là những ghi chép sớm nhất về lý luận hợp kim ở trên thế giới.

Sự phát triển kỹ thuật luyện và chế tạo đồng đen đã tạo điều kiện tốt cho việc ra đời và phát

triển kỹ thuật gang thép. Căn cứ vào ghi chép trong sách cổ, đúc tạo vũ khí dùng “mỹ kim”, còn chế tạo nông cụ thì dùng “ố kim” “mỹ kim” chính là đồng đen. Còn “ố kim” chính là sắt. Đủ thấy, từ thời đó Trung Quốc là quốc gia đã nắm vững được kỹ thuật luyện và chế tạo thép sống rồi.

Chuyện “Tử Sản đúc đỉnh hình”, đã từng kể qua, cho biết: để tăng cường nền thống trị. Tử Sản đã đúc ra một chiếc đỉnh hình lớn, trên đỉnh đúc ra những điều khoản luật pháp. Chiếc đỉnh lớn này chính là được đúc ra bằng sắt, mà sắt để đúc đỉnh chính là được trưng thu từ trong dân gian. Đủ thấy đồ sắt đã tương đối phổ biến ở nước Trịnh rồi. So với việc luyện sắt sống thì đúc sắt yêu cầu điều kiện cao, sắt sống được nung chảy, đổ vào trong mô hình, chờ nguội thì lấy ra, sẽ trở thành một đồ vật có hình trạng nhất định. Cho nên việc luyện sắt sống yêu cầu nhiệt độ khá cao, dùng sắt sống đúc tạo đồ vật cũng đòi hỏi kỹ thuật tương đối giỏi. Việc đúc thành chiếc đỉnh sắt lớn phản ánh một cách đầy đủ kỹ thuật đúc sắt lúc đó đã đạt tới trình độ rất cao.

Việc luyện thép đòi hỏi kỹ thuật càng cao hơn. Năm 1975, trong một ngôi mộ ở cuối kỳ Xuân Thu, tại thành phố Trường Sa, việc các nhà khảo cổ phát hiện thấy một chiếc kiếm thép, đã đủ để chứng minh rằng ở thời Xuân Thu con người đã nắm vững kỹ thuật luyện thép. Liệu có thể dự đoán được rằng: Thụ hùng kiếm trong truyền thuyết, có lẽ không phải là kiếm đồng đen mà là kiếm thép chăng?

Trong lịch sử của nhân loại, việc phát hiện và sử dụng sắt là một việc lớn đáng kinh ngạc. Trong kỹ thuật luyện và đúc sắt, nhân dân lao động thời cổ đại Trung Quốc đã có những cống hiến cực kỳ to lớn đối với nhân loại.

Chiến quốc

Từ năm 475 đến 221 trước Công Nguyên là thời kỳ Chiến Quốc.

Qua các cuộc tranh bá thời Xuân Thu, cuối cùng đã hình thành được 7 nước lớn: Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tần, hiệu xưng là “Chiến Quốc thất hùng”. Các nước trong thất hùng tiếp tục triển khai các cuộc chiến tranh kịch liệt.

Để cho nước giàu, binh mạnh, đánh bại được các quốc gia khác, các nước đều lần lượt thực hành thay đổi pháp luật, tiến hành cải tạo phong kiến hóa đối với nền kinh tế, chính trị, luật pháp... của chế độ nô lệ cũ. Xã hội theo chế độ nô lệ cuối cùng đã dần dần quá độ sang xã hội theo chế độ phong kiến.

Nước Ngụy đã tín nhiệm và sử dụng biện pháp của Lý Khuy sớm nhất. Tiếp đó, nước Sở đã bổ nhiệm Ngô Khởi chủ trì biện pháp. Triệu Vũ Linh Vương Hồ phục kỹ xạ(1), tiến hành cải cách quân sự. Nước Hàn bổ nhiệm Thân Bất Hại làm tướng, thực hành chế độ luận công hành thưởng. Nước Tề dùng Trâu Kỵ làm tướng. Tôn Tần chỉ huy quân đội, tiến hành cải cách chính trị quân sự. Nước Yên dùng Nhạc Nghị làm tướng, tăng cường thực lực quân sự. Công cuộc biến đổi triệt để nhất là biện pháp của Thương ưởng, nước Tần. Nội dung và các bước cụ thể trong việc biến pháp của các nước không hoàn toàn giống nhau, thế nhưng tinh thần chung đều là phải phế bỏ đặc quyền của quý tộc chủ nô, tạo điều kiện khổng chế chính quyền của giai cấp địa chủ mới nổi lên, tạo điều kiện tăng cường sức mạnh phát triển sản xuất cho đất nước. Sau khi trải qua việc biến pháp (biến đổi pháp chế, pháp luật) quyền lực của nhà vua các nước đã được tăng cường, chế độ tập quyền phong kiến dần dần hình thành. Chế độ tư hữu về ruộng đất chính thức được xác lập. Giai cấp địa chủ và giai cấp nông dân, bao gồm nông dân tự cày cấy, nông dân tá điền và nông dân làm thuê, bắt đầu xuất hiện.

Chế độ phong kiến thay thế chế độ nô lệ là một thuận lợi đối với việc giải phóng sức lao động. Nông cụ chế bằng sắt và trâu cày đã được mở rộng thêm một bước. Nước Ngụy, nước Tần... đã xây dựng những công trình thủy lợi với quy mô lớn như con ngòi Hồng Câu, Tây Môn Báo, bờ đập Đô Giang, con ngòi nước Trịnh... khiến cho sản xuất nông nghiệp được phát triển mạnh mẽ. Các nghề thủ công như đúc sắt, nấu muối, dệt vải, đồ gốm, đóng xe, đóng thuyền... đều được mở mang. Thương nghiệp cũng dần dần phát triển. Lâm Trung của nước Tề, Hàm Đan của nước Triệu, Hình Dương của nước Hàn, Uyển của nước Sở đều là những thành thị buôn bán phần vinh. Những đồng tiền kim loại hình dáng khác nhau được chế ra ở nhiều nước cũng đã bắt đầu lưu thông trên thị trường.

Nền văn hóa tư tưởng trong thời Chiến Quốc được phát triển rầm rộ chưa từng thấy từ trước tới nay. “Bách gia chư tử” như Nho (Mạnh Tử, Tuân Tử làm đại biểu), Mặc (Mặc Tử làm đại biểu), Đạo (Trang Tử làm đại biểu), Pháp (Hàn Phi Tử làm đại biểu)... Mỗi phái đều thể hiện chủ kiến của mình, triển khai luận chiến, đã hình thành cục diện sinh động trăm nhà tranh nhau lên tiếng. Văn học, Sử học, Thiên Văn, Nông học, Y học... đều đã giành được những thành tựu ở những mức độ khác nhau, thi ca của Khuất Nguyên chính là một tác phẩm hay lưu truyền thiên cổ.

52. Ba nhà phân chia nước Tấn

Sau “Xuân Thu” là thời Chiến Quốc. Theo ý kiến của đại đa số các nhà sử học, thời Chiến Quốc bắt đầu từ Nguyên Vương nguyên niên triều nhà Chu (năm 474 trước Công Nguyên) kết thúc vào năm 26 Tần vương Chính (tức là năm Tần Thủy Hoàng thống nhất toàn quốc, năm 221, trước Công Nguyên), tổng cộng 255 năm. Tại sao thời kỳ này lại gọi là thời đại Chiến Quốc? Đây là một thời đại như thế nào?

Cuối thời đại Xuân Thu, quyền lực của thiên vương nhà Chu đã hoàn toàn suy yếu, giữa các nước xảy ra tình trạng mạnh xâm lược yếu, lớn nuốt nhỏ, tranh nhau làm bá chủ. Trong một vài nước chư hầu, một số Khanh đại phu (lúc đó trong các nước chư hầu, dưới nhà vua đặt ra tước vị gồm ba đẳng cấp là Khanh, Đại phu và sĩ) cũng liêu lĩnh mở rộng đất phong của mình. Họ cổ vũ nông dân khai hoang, sử dụng phương thức bóc lột phong kiến mới, cho phép nông nô có quyền tự do thân thể ở mức tương đối. Nông dân nhờ họ mà cuộc sống đã khá hơn so với khi ở dưới ách thống trị của nhà vua. Có Khanh đại phu vì muốn mở rộng thế lực của mình còn sử dụng các biện pháp mua chuộc lòng dân, ví dụ như giảm nhẹ tô thuế... như vậy, đã đến lúc ngày càng có nhiều nông nô không chịu nổi sự áp bức bóc lột tàn khốc của nhà vua, họ đua nhau chạy trốn tới chỗ Khanh đại phu để làm tá điền. Thế lực của Khanh đại phu do vậy cũng ngày càng lớn, thậm chí đã vượt qua cả nhà vua. Nước Tấn chính là một ví dụ.

Ở thời Xuân Thu, nước Tấn là một nước lớn, nhì, thế nhưng đến cuối thời kỳ Xuân Thu, trên thực tế nước Tấn đã trở thành vài ba nước nhỏ, nhà vua chỉ còn là bù nhìn. Một số Khanh đại phu mỗi người cắt cử một địa bàn, lập ra quân đội, tấn công lẫn nhau, tranh giành đất đai của nhau. Về sau, một số nước nhỏ bị nước lớn thôn tính, chỉ còn lại bốn nhà là Trí, Triệu, Ngụy, Hàn. Đại phu của bốn nhà lúc đó là Trí Bá, Triệu Tương Tử, Ngụy Hàn Tử, Hàn Khang Tử, trong đó Trí Bá có thế lực lớn nhất. Trí Bá một lòng muốn phế bỏ vua Ai Công của nước Tấn, tự xưng vua. Thế nhưng Trí Bá sợ ba nhà kia cũng tới tranh giành đòi làm vua bèn nghĩ ra một biện pháp để làm suy yếu ba nhà: Trí Bá mượn có nhà vua muốn đi trừng phạt nước Việt, nhưng lực lượng không đủ, bắt bốn nhà mỗi nhà hiến cho nhà vua một khoảnh đất rộng một trăm dặm vuông. Do Ai Công trên thực tế đã bị Trí Bá khống chế, nên nếu ba nhà tuân theo lệnh thì Trí Bá có thể thu được khoảnh đất rộng ba trăm dặm vuông một cách ngon lành, thanh thế của Trí Bá sẽ càng mạnh hơn; nếu nhà nào không nghe thì Trí Bá sẽ tới hỏi tội vì đã dám cưỡng lệnh nhà vua. Đây chính là sự tính toán như ý của Trí Bá.

Trí Bá sai người tới ba nhà đòi đất. Hàn Khang Tử và Ngụy Hàn Tử sợ hãi quyền thế của Trí Bá, đều dâng đất theo con số đã ấn định, duy chỉ có họ Triệu là không tuân lệnh này. Triệu Tương Tử xông tới trước mặt người của Trí Bá cử đến, hét lên:

- Đòi đất ư? Đất này là của tổ tiên ta để lại, ta không thể dễ dàng lấy ra để gia ân được.

Trí Bá tức tối muốn nổ tung lồng ngực, lập tức mang đội quân liên hợp của hai nhà Hàn Ngụy đến đánh Triệu - trước đó đã thỏa thuận, sau khi thắng lợi đất đai của nhà Triệu sẽ chia đều cho ba nhà. Thế là binh mã của ba nhà rầm rập kéo thẳng tới Triệu. Triệu Tương Tử vấp phải thế hùng, không dám liêu lĩnh, đành phải lùi về giữ Tấn Dương (thành phố Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Thành Trì Tấn Dương này lần lượt trải qua sự kinh doanh khổ sở vất vả của hai gia thần nhà Triệu, chẳng những đã dựng được Cung điện nguy nga rộng rãi và tường thành vững chắc, mà sản xuất cũng được phát triển mạnh mẽ. Sau khi Triệu Tương Tử tới đó, thấy tường thành kiên cố, lương thảo sung túc, vô cùng sung sướng, thế nhưng lúc nhìn lại quân đội của mình, thấy sự chuẩn bị còn sơ sài, đao kiếm phần lớn đã bị hư hỏng, cũ kỹ, cung nỏ càng ít, lo sợ không chống nổi sự tấn công của Trí Bá, nên rất buồn rầu. Triệu Tương Tử triệu tập các quan đại thần tới bàn bạc. Quan đại thần là Trương Mạnh Đàm nói với Trương Tử:

- Thoạt đầu, khi xây dựng tường vây quanh Cung điện Tấn Dương, phòng tương lai sẽ gặp tình thế bất lợi, quanh phía bên trong tường đã chất đầy củi lau và cành gai, những thứ này đều là nguyên liệu tốt để làm cán cung; cột cung điện bằng đồng có thể làm đao, kiếm, giáo, mác.

Triệu Tương Tử tức khắc sai người đục tường vây rỗ cột đồng; thoát nhìn thì thấy còn rất tốt, củi lau và cành gai đều vẫn rất rắn chắc. Tướng Tử mừng rỡ cười ngoác miệng, nói:

- Tốt lắm! Tốt lắm! Giờ thì đã có phương cứu hộ rồi!

Tức thì Tướng Tử sai người ngay đêm đó chế tạo các loại vũ khí như đao, thương, cung, nỏ... tăng cường chuẩn bị phòng thủ, chờ bọn Trí Bá tấn công.

Binh mã của ba nhà Trí, Hà, Ngụy vừa kéo đến đã vây chặt thành Tấn Dương tới mức nước không rỉ ra được, gió không thể thổi qua, rồi liều mạng đánh vào. Triệu Tương Tử dựa vào vũ khí tinh nhuệ, lương thảo dồi dào, quân dân anh dũng, kiên định giữ chắc được hơn ba tháng. Trí Bá thấy đánh thành không được, suốt ngày sùng sục như dầu sôi, lửa cháy.

Một hôm, Trí Bá trèo lên núi Long Sơn ở phía Tây Bắc thành Tấn Dương quan sát địa hình, nhìn sông Tấn Hà chảy qua góc phía Đông Bắc của thành chợt nghĩ ra một biện pháp phá thành, liền vội vàng mời hai nhà Hàn, Ngụy tới thương nghị, Trí Bá nói:

- Tôi nghĩ, thừa lúc này, nước sông không to lắm ta cho đắp một bờ đập lớn ở trong sông, để tích trữ nước, tới lúc đó, bọn trong thành sẽ chạy đi đâu?

Nói xong, Trí Bá cười khà khà. Hai nhà Hàn, Ngụy không dám không theo, đều nói đó là một kế hay. Binh lính của ba nhà đều tuân theo mệnh lệnh của Trí Bá lập tức hành động, đắp ngay bờ đập. Đến mùa mưa, Trí Bá sai người phá vỡ con đập ở bờ nam, nước lũ cuộn cuộn vây quanh thành Tấn Dương, ngay ở trong thành nước cũng đã ngập sâu tới hơn thước. Thế nhưng ở trong thành Tấn Dương, trên từ Triệu Tương Tử, dưới tới dân chúng đều thề chết quyết không đầu hàng, ngày đêm phòng thủ, không chút chểnh mảng. Và như vậy, thành bị vây suốt ba năm trời, trong thành không ít nhà đã bị đổ sập, lương thực cũng sắp sửa cạn, binh lính ốm la liệt, trước mặt không thể giữ yên được nữa. Triệu Tương Tử vô cùng lo lắng, lại cùng bàn bạc với các quan đại thần tìm cách giải cứu. Quan đại thần Trương Mạnh Đàm nói:

- Thần cho rằng, hai nhà Hàn, Ngụy với nhà họ Trí chỉ bằng mặt mà không bằng lòng. Thần sẽ tới tìm họ để bàn bạc, tranh thủ họ để cùng chúng ta đối phó với nhà họ Trí.

Triệu Tương Tử đồng ý cho Trương Mạnh Đàm đi thử xem.

Trương Mạnh Đàm nhân lúc trời tối lén trốn vào doanh trại của Hàn, Ngụy, nói với Hàn Khang Tử và Ngụy Hàn Tử:

- Tục ngữ nói chẳng sai, “môi hở răng lạnh”. Hiện nay Trí Bá dẫn đầu binh mã của hai nhà các ông tới đánh nhà Triệu chúng tôi. Nếu nhà Triệu mất thì sẽ đến lượt các ông đó!

Hai nhà Hàn, Ngụy vốn từ trước vẫn có ý thức cảnh giác đối với Trí Bá, họ nghĩ, dù cho ba nhà có chia nhau họ Triệu, kẻ mạnh vẫn là nhà họ Trí. Trí Bá tâm địa ghê gớm, lòng tham vô đáy, tương lai mình cũng khó tránh khỏi kết cục của nhà họ Triệu. Nghe Trương Mạnh Đàm nói họ càng thêm lo lắng; thế nhưng sợ bắt hổ không thành tất bị hổ cắn, có điều thẳng cha Trí Bá này vừa xảo trá lại vừa độc ác, sự việc chúng ta bàn bạc vạn nhất bị tiết lộ ra, thì đại họa sẽ giáng xuống đầu đó.

Trương Mạnh Đàm an ủi họ mấy câu, bằng lòng bảo đảm giữ bí mật. Chẳng mấy chốc cả ba cùng thương lượng xong biện pháp tiêu diệt nhà họ Trí.

Hôm đó, Trí Bá cùng với Hàn Khang Tử, Ngụy Hàn Tử quan sát thế nước. Trí Bá chỉ xuống thành Tấn Dương đang bị nước lũ vây chặt bốn bề, dương dương tự đắc nói:

- Giờ ta mới được biết thế nào là lợi hại của nước: nước có thể làm diệt vong một quốc gia! Các ông nhìn kia, nước này nếu lại dâng cao thêm một chút nữa thì toàn bộ thành Tấn Dương sẽ bị lấn chìm!

Hai người Hàn, Ngụy vừa nghe xong, liền nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy!

Thế nhưng con tim họ hoảng hốt cứ nhảy nhót, đập phồng. Thì ra là đô thành của Ngụy và Hàn đều có sông chảy qua. Nếu trong tương lai Trí Bá cũng dùng nước đối phó với họ thì sẽ ra sao? Họ vội sai người bí mật liên hệ với Triệu Tương Tử, ước định hành động sớm hơn.

Nửa đêm hôm đó, hai nhà Hàn, Ngụy phá vỡ con đập ở bờ Bắc, nước liền chảy vào doanh trại của nhà họ Trí. Quân Trí đại loạn, vội vàng đi ngăn nước. Binh mã của Hàn, Ngụy thừa cơ tấn công từ hai bên. Triệu Tương Tử dẫn quân đánh vào doanh trại nhà họ Trí từ mặt chính diện, hét to:

- Ai bắt sống được Trí Bá sẽ có trọng thưởng!

Trí Bá đang say trong cơn mộng, bừng tỉnh dậy, đã thấy đại quân người ngựa của Hàn, Ngụy đã áp sát, còn quân mình thì đang rối loạn. Biết thế lớn đã mất, đành phải liều mình chạy trốn. Hắn muốn lên thuyền sang bờ bên để lên núi Long Sơn, rồi tới nước Tần cầu viện binh. Chẳng ngờ Triệu Tương Tử đã sai quân mai phục sẵn ở đó, chờ Trí Bá. Hắn vừa lên bờ, quân Triệu đã xông tới như ong vỡ tổ, bắt sống. Trí Bá rồi giết chết ngay. Quân đội nhà họ Trí, đứ đờ, đứ đờ bị thương, rất nhiều tên bị bắt làm tù binh.

Trí Bá vừa chết, địa bàn của hắn đã bị ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy, chia nhau. Đây là sự kiện xảy ra vào năm 16 Trinh Định Vương nhà Chu (năm 453 trước Công Nguyên).

Chẳng bao lâu, Triệu Tương Tử bị ốm rồi qua đời, người cháu của Tương Tử là Triệu Hoàn trở thành thủ lĩnh của nhà Triệu. Triệu Hoàn thương lượng với hai nhà Ngụy, Hàn nhân lúc vua mới của nước Tấn là U Công vừa lên ngôi, dứt khoát đem địa bàn của hắn chia đều nhau. Như vậy là nước Tấn chỉ còn lại ba nhà Triệu, Hàn, Ngụy mỗi người đứng riêng biệt. Sự kiện này sử sách gọi là “Ba nhà chia nhau nước Tấn”, gọi Hàn, Triệu, Ngụy là “Tam Tấn”. Tấn U Công tuy vẫn còn giữ được danh vị của nhà vua, thế nhưng chỉ có dựa vào hai thành nhỏ mà Tam Tấn lưu lại để duy trì cuộc sống, quyền lực chẳng có gì khắp nơi phải làm việc theo sách mặt của “Tam Tấn”, hết như được xếp đặt vậy. Từ đây, nước Tấn chiếm hữu nô lệ đã chuyển hóa thành ba nước Triệu, Hàn, Ngụy theo chế độ phong kiến.

“Tam Tấn” tuy là ba quốc gia, nhưng không được kể là chư hầu, danh phận của họ vẫn còn là Khanh, khi trao đổi qua lại với vua các nước chư hầu khác luôn luôn phải chịu thấp hơn người một mức. Nếu muốn được làm chư hầu cần phải được sự bổ nhiệm của Chu Thiên Vương. Năm 23 Chu Uy Liệt Vương (năm 403 trước Công Nguyên), mỗi người “Tam Tấn” đều cử đại biểu của mình cùng tới Vương thất nhà Chu để xin phong. Kỳ thực lúc này Chu Thiên Vương chỉ là một bộ khung trống rỗng, không đủ sức quản công việc của các chư hầu, “Tam Tấn” tới xin phong chẳng qua là để thực hành thủ tục hợp pháp mà thôi. Uy Liệt Vương trước sự việc đã rồi đành phải lỏng tay phong cho thủ lĩnh nhà Hàn là Hàn Kiên làm Hàn Hầu, thủ lĩnh nhà Ngụy là Ngụy Tư làm Ngụy Hầu, thủ lĩnh nhà Triệu là Triệu Tịch làm Triệu Hầu. Từ đây “Tam Tấn” đã chính thức trở thành ba nước chư hầu độc lập. Sự kiện này đánh dấu việc giai cấp địa chủ mới trỗi dậy đã giành được chính quyền của nước Tấn và chế độ phong kiến đã hình thành ở nước Tấn.

Trong khi ấy, chế độ nô lệ ở các quốc gia khác cũng đang dần dần tan rã, giai cấp địa chủ mới nổi lên, lần lượt giành được chính quyền ở các nước. Lịch sử Trung Quốc bắt đầu bước vào thời kỳ mới của xã hội phong kiến.

Tới lúc này, mười mấy nước lớn ở cuối thời Xuân Thu, trải qua các cuộc chiến tranh và thôn tính kịch liệt, một số quốc gia đã bị diệt vong, số khác thì mạnh lên, chỉ còn lại bảy nước lớn là Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tần và vài nước nhỏ. Bảy nước lớn này được gọi là Chiến Quốc thất hùng. Để bảo tồn và mở rộng thế lực của mình, họ nghĩ kế đi xâm chiếm đất đai, tiêu diệt thực lực của các nước khác, không ngừng gây chiến trên quy mô ngày càng lớn. Các sách sử sau này gọi là thời kỳ chiến tranh triền miên không dứt đó là thời Chiến Quốc.

53. Ngụy Văn Hầu kén hiền tài

Đầu thời kỳ Chiến Quốc, Ngụy là một quốc gia hùng mạnh nhất. Điều này không tách rời khỏi sự tài giỏi, sáng suốt của Ngụy Văn Hầu (Ngụy Tư). Điểm tài giỏi lớn nhất của ông là “Lễ hiền hạ sĩ, tư nhân thiện nhiệm”, chính là nói coi trọng và tôn kính những người có đức hạnh cao thượng, đầu óc sáng suốt, biết chiêu nạp rộng rãi hiền tài, khiêm tốn lắng nghe và tiếp thu ý kiến của họ, biết phát huy một cách tốt nhất uy tín của họ. Do đó rất nhiều hiền sĩ năng nhân tìm đến với Ngụy.

Nước Ngụy có một người tên là Đoạn Can Mộc, đức, tài đều giỏi, uy tín rất cao, ở ẩn trong một ngõ nhỏ yên tĩnh, không chịu ra làm quan. Ngụy Văn Hầu muốn gặp mặt, mong được thỉnh giáo về phép trị nước. Một hôm, Ngụy Văn Hầu ngồi trên xe đích thân tới nhà Đoạn Can Mộc thăm hỏi. Đoạn Can Mộc nghe tiếng động xe ngựa của Ngụy Văn Hầu, liền vội vàng nhảy qua tường chạy trốn. Ngụy Văn Hầu bị cấm cửa không tiếp, bực bội trở về. Tiếp liền mấy lần tới thăm hỏi, Đoạn Can Mộc đều lánh tránh. Thế nhưng Ngụy Văn Hầu trước sau vẫn vô cùng ngưỡng mộ Đoạn Can Mộc, mỗi lần ngồi xe đi qua cửa nhà ông, đều từ trên ghế ngồi vội đứng dậy, tay vịn vào lan can ngưỡng vọng rất lâu, tỏ lòng rất thành kính. Người phu xe hỏi:

- Chúa Công nhìn gì vậy?

Ngụy Văn Hầu nói:

- Ta nhìn xem Đoạn Can Mộc tiên sinh có nhà hay không?

Người phu xe không cho là phải, nói:

- Đoạn Can Mộc cũng quá đáng lắm! Mấy lần tới thăm, ông ta đều không cho gặp, Chúa Công còn để ý tới ông ta làm gì?

Ngụy Văn Hầu lắc đầu nói:

- Đoạn Can Mộc tiên sinh chính là một người giỏi tuyệt vời đó, không xu phụ kẻ có quyền thế, không tham lam mưu đồ phú quý, phẩm đức cao thượng, học vấn uyên bác. Một con người như vậy, sao ta lại có thể không tôn kính được ư?

Về sau Ngụy Văn Hầu dứt khoát vứt bỏ bộ khung của nhà vua, không ngồi xe, không đem theo tùy tùng, đi bộ tới nhà Đoạn Can Mộc. Lúc này dù thế nào cũng phải được gặp mặt Ngụy Văn Hầu khiêm nhường cung kính cầu xin được thỉnh giáo Đoạn Can Mộc. Cảm động trước thành ý của Ngụy Văn Hầu. Đoạn Can Mộc đã đưa ra rất nhiều biện pháp hay phò giúp nhà vua, Ngụy Văn Hầu mời Đoạn Can Mộc ra làm tướng quốc (trưởng quan hành chính tối cao của một nước lúc đó); nói thế nào Đoạn Can Mộc cũng không chịu. Ngụy Văn Hầu liền vái lạy nhân ông làm thầy, để được thường xuyên tới thăm, lắng nghe cao kiến của ông về một số vấn đề trọng đại. Sự kiện này được lan truyền rất nhanh chóng. Mọi người đều biết Ngụy Văn Hầu “Lễ hiền hạ sĩ”, hạ mình trọng dụng người tài. Một số học rộng, tài cao, như nhà chính trị Trác Hoàng, Lý Khuy, nhà quân sự, Ngô Khởi, Nhạc Dương Vụ đều lần lượt về với Ngụy Văn Hầu, giúp đỡ ông ta cai trị đất nước.

Lúc đó, nước Ngụy đã xây dựng được chính quyền phong kiến, giai cấp địa chủ mới nổi lên đã bước lên vũ đài chính trị. Thế nhưng, vô luận là về mặt chính trị, kinh tế hay ý thức tư tưởng đều vẫn tồn tại rất nhiều tàn dư của chế độ nô lệ, gây trở ngại nghiêm trọng cho sự phát triển của nước Ngụy. Ngụy Văn Hầu quyết tâm tăng cường cải cách. Ông đã bổ nhiệm Lý Khuy làm tướng quốc, thường xuyên cùng Lý Khuy đàm luận việc đại sự nước nhà. Lý Khuy cũng tích cực đề xuất rất nhiều kiến nghị.

Một hôm, Ngụy Văn Hầu hỏi Lý Khuy:

- Làm thế nào để chiêu mộ được nhiều hiền tài cho nước Ngụy đây?

Lý Khuy chưa vội trả lời, hỏi lại:

- Thừa Chúa công, xem qua chế độ thế khanh, thế lộc trước đây truyền lại Chúa Công thấy thế nào?

Ngụy Văn Hầu nói:

- Xem ra có rất nhiều điều tệ hại, bắt buộc phải cải cách.

Lý Khuy gật gật đầu, nói:

- Chế độ này không sửa đổi thì không thể sử dụng được những người có tài năng thực sự, không thể cai trị đất nước tốt được.

Theo chế độ “Thế khanh thế lộc”, tước phong và bổng lộc của quý tộc chủ nô là kế truyền hết đời này qua đời khác, cha truyền cho con, con truyền cho cháu, cho dù người con c hẳng có tài cán gì, chẳng lập được công lao gì vẫn được kế thừa tước phong và bổng lộc của cha, hưởng thụ mọi đặc quyền của quý tộc, sống cuộc đời ăn sung mặc sướng. Một số nhân tài chân chính, chỉ vì không phải là quý tộc thì bị o ép, rất khó có địa vị xứng đáng. Lý Khuy phân tích vấn đề này cho Ngụy Văn Hầu nghe. Ngụy Văn Hầu rất đồng tình với cách nhìn của Lý Khuy liền hỏi:

- Vậy thì nên cải cách như thế nào?

Lý Khuy sẵn có tính toán từ trước, liền bình tĩnh nói:

- Cần phế bỏ chế độ thế khanh, thế lộc. Bất kể là quý tộc hay là bình dân, hễ ai có tài năng, có công lao thì đều được làm quan, đều được hưởng bổng lộc. Căn cứ vào tài năng và công lao to nhỏ mà phân cho chức vụ, người có công nhất định được thưởng, kẻ có tội phải xử phạt thích đáng. Đối với số quý tộc đã bắt tài lại chẳng có công mà cứ tác oai tác quái thì phải sử dụng biện pháp kiên quyết, thủ tiêu bổng lộc của họ, dùng số bổng lộc này để triệu mời người tài. Như vậy thì các nông dân, hiền sĩ từ bốn phương tám hướng sẽ quy về nước Ngụy.

Ngụy Văn Hầu cả mừng, sai Lý Khuy khởi thảo pháp lệnh cải cách, không lâu đã được chấp hành trong toàn quốc. Hạng mục cải cách này đã tước bỏ đi đặc quyền “thế tập” (cha truyền, con nối) của quý tộc chủ nô suy đồi, tạo cơ hội cho giai cấp địa chủ mới trỗi dậy can dự vào chính quyền, chính quyền phong kiến nước Ngụy cũng có cơ được củng cố.

Tiếp đó, Ngụy Văn Hầu lại theo kiến nghị của Lý Khuy, tiến hành cải cách kinh tế. Lý Khuy tính toán một con số tỉ mỉ: Một nông gia có năm khẩu trồng trọt, một trăm mẫu đất, số lương thực thu hoạch được của mỗi năm, ngoài việc trừ đi khoản nộp tô thuế và lương thực để ăn của gia đình, thì chẳng còn thừa lại bao nhiêu, nếu gặp việc đau ốm, tang ma, hoặc Nhà nước tăng quyền góp tạp thuế, thì cuộc sống càng thêm khó khăn. Để cải thiện đời sống của nông dân thì còn phải tăng thêm sản lượng lương thực. Lúc đó, nước Ngụy có ước khoảng vài trăm vạn mẫu đất; trừ diện tích núi, sông, thành, ấp, đất còn có thể canh tác được chỉ có 300 vạn mẫu. Nếu người nông dân cần cù chăm sóc, mỗi mẫu có thể tăng sản thêm được ba hộc (mỗi hộc bằng 10 đấu) lương thực; ngược lại, sẽ giảm bớt ba hộc. Như vậy, hoặc tăng hoặc giảm, toàn quốc sẽ sai cách 180 vạn hộc lương thực. Cho nên ông kiến nghị thực thành chính sách “Tân địa lực” chính là tích cực xây dựng thủy lợi, cải tiến phương pháp canh tác, để phát huy mạnh mẽ tiềm lực của đất đai. Đồng thời, Lý Khuy còn sáng lập ra cách “Bình địch”. Vào những năm được mùa, giá lương thực trên thị trường rẻ, để người nông dân không bị thiệt thòi, nhà nước đã mua lương thực của họ với giá phải chăng. Như vậy là, bất kể được mùa hay mất mùa, giá lương thực vẫn được bình ổn, đời sống nhân dân được yên định hơn trước, việc thu nhập tô của nhà nước cũng đã được đảm bảo.

Lý Khuy còn thu thập chính lý lại pháp luật mà giai cấp địa chủ mới nổi dậy đặt ra từ cuối thời Xuân Thu, sáng chế ra pháp điển phong kiến, tức là “pháp kinh” - đó là bộ pháp điển đầu tiên, tương đối có hệ thống, trong lịch sử Trung Quốc, dùng hình thức pháp luật để củng cố vững chắc chế độ phong kiến, bảo vệ những đặc quyền chính trị, kinh tế của giai cấp địa chủ. Ngụy Văn Hầu rất tán thành chủ trương và biện pháp của Lý Khuy. Sau khi thực hành một loạt biện pháp này, nước Ngụy đã giàu mạnh lên nhanh chóng.

Ngụy Văn Hầu thấy thực lực của đất nước đã được tăng cường, liền tấn công đánh nước

Trung Sơn (một vùng huyện Định, tỉnh Hà Bắc ngày nay). Trác Hoàng tiến cử Nhạc Dương làm đại tướng, nói rằng ông ta văn võ song toàn, giỏi dẫn binh, chắc chắn sẽ đánh bại Trung Sơn. Thế nhưng có người phản đối, nói:

- Con trai của Nhạc Dương là Nhạc Thư làm đại quan ở Trung Sơn, liệu ông ta có chịu dốc sức liều mình đánh Trung Sơn không? Chỉ sợ rằng ông ta vì yêu thương con trai mà trái tim sinh mềm yếu.

Trái Hoàng nói:

- Nhạc Dương là người trung thành với đất nước. Nhạc Thư đã từng thay vua nước Trung Sơn đến mời Nhạc Dương tới làm quan. Nhạc Dương cho rằng vua nước Trung Sơn hoang dã, vô đạo, chẳng những không tới mà còn khuyên con trai rời bỏ. Đủ thấy ông ta là người rất có bản lĩnh.

Văn Hầu triệu Nhạc Dương tới, nói:

- Ta muốn để khanh lãnh binh đi bình định Trung Sơn. Con trai khanh đang làm quan tại đó, khanh nghĩ sao?

Nhạc Dương nói:

- Đại trượng phu kiến công lập nghiệp vì đất nước, nếu không đánh bại Trung Sơn, xin tình nguyện chịu tội.

Ngụy Văn Hầu liền cử Nhạc Dương làm đại tướng, dẫn đoàn binh mã đi đánh Trung Sơn. Đánh liền mấy trận, quân Trung Sơn đại bại. Quân Ngụy kéo quân vào, đánh thẳng tới đô thành nước Trung Sơn, rồi bao vây chặt đô thành. Vua nước Trung Sơn vô cùng sợ hãi, một mặt tăng cường bảo vệ thành, một mặt bức Nhạc Thư khuyên Nhạc Dương đình chỉ việc đánh thành. Nhạc Thư bất đắc dĩ đành phải trèo lên lầu thành gọi to, mời cha tới gặp gỡ. Nhạc Dương bước ra, chưa chờ cho Nhạc Thư mở miệng, liền đã quát chửi con trai một hồi, bắt Nhạc Thư phải mau mau khuyên vua Trung Sơn ra đầu hàng. Nhạc Thư thỉnh cầu Nhạc Dương tạm thời không được đánh thành để chờ con trai thương nghị với nhà vua. Nhạc Dương đã đồng ý, liền cho họ thời hạn một tháng. Một tháng trôi qua, nước Trung Sơn lại yêu cầu cho hoãn thêm một tháng nữa. Bà lần như vậy, Nhạc Dương cũng chưa đánh thành. Vốn là Nhạc Dương đã suy nghĩ, thành trì của nước Trung Sơn kiên cố, cứ liều đánh thì thương vong sẽ rất lớn, chi bằng cứ vây mà không đánh để mua chuộc lòng dân, chờ cơ hội sẽ chiếm lấy đô thành. Nào ngờ, một số người ở trong triều đình nước Ngụy ghen ghét đố kỵ Nhạc Dương nhân cơ hội đó tới nói xấu Nhạc Dương trước mặt Văn Hầu:

- Xin Chúa công hãy nhìn xem, thoát đầu khi Nhạc Dương đánh vào Trung Sơn thế mạnh như chẻ tre. Chỉ một lời của con trai thôi, đã ba tháng nay không đánh. Tình cảm cha con quả là sâu nặng! Nếu không cho gọi Nhạc Dương về, e rằng công lao ban đầu sẽ vứt bỏ hết.

Những lời phỉ báng Nhạc Dương không ngừng lọt vào trong lỗ tai của Ngụy Văn Hầu. Ngụy Văn Hầu hỏi Trác Hoàng có ý kiến gì, Trác Hoàng nói:

- Con người Nhạc Dương này rất đáng tin cậy, Chúa công khỏi phải hoài nghi.

Tức thì mọi lời phỉ báng Nhạc Dương, Văn Hầu đều nhất loạt không để ý, vẫn tín nhiệm Nhạc Dương như trước, thường xuyên cử người ra tuyển úy lạo, lại còn xây dựng nhà cửa đàng hoàng ở đô thành cho Nhạc Dương trở về sẽ ở. Nhạc Dương trong lòng vô cùng cảm kích. Ông thấy nước Trung Sơn không chịu đầu hàng liền dẫn quân đội dũng cảm đánh thành. Vua Trung Sơn biết tình thế nguy cấp, liền trói chặt Nhạc Thư lại, treo cao lên trên đỉnh cột gò ở nóc cửa lầu thành, muốn dùng biện pháp này bức Nhạc Dương phải rút quân. Hôm đó, từ trên đỉnh cột cao Nhạc Thư gào to:

- Cha ơi, cứu con với! Nhà vua nói hễ cha rút quân thì nhà vua sẽ không giết con...!

Lời gào đó chưa dứt, Nhạc Dương bực tức quá, râu vểnh thẳng lên, rút một nút nỏ ra sắp sửa bắn thẳng vào Nhạc Thư. Vua nước Trung Sơn trong cơn giận dữ, quả thực đã giết chết Nhạc

Thư, còn chặt đầu của Nhạc Thụ treo lên đỉnh cột sào. Muốn làm cho Nhạc Dương đau buồn mà buông lời ý chí chiến đấu. Nhạc Dương nhìn thấy đầu lâu của con trai, bực tức quá liền chửi thề:

- Ai bảo mày làm việc cho tên hôn quân vô đạo! Đó là tội lỗi mà mày phải gánh chịu!

Tiếp đó Nhạc Dương dẫn đầu quân đội liều chết đánh vào thành, cuối cùng đã tiêu diệt được nước Trung Sơn.

Sau khi bình định xong nước Trung Sơn, Ngụy Văn Hầu lại cử Ngô Khởi làm đại tướng, soái lãnh quân đội đi đánh nước Tần, liên tục chiếm lĩnh được năm tòa thành trì. Nước Ngụy trở thành một quốc gia cường thịnh nhất ở thời đó.

54. Tây Môn Báo cai trị Thành Nghiệp

Khi Ngụy Văn Hầu ở ngôi, nước Ngụy có một nhà chính trị nổi tiếng tên gọi là Tây Môn Báo. Ông là người thông minh có tài cán, tích cực tham gia phong trào cải cách chính trị của Lý Khuy, được Ngụy Văn Hầu tin nhiệm sâu sắc.

Nước Ngụy có một thành trì tên gọi là Nghiệp (phía Tây huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Bắc ngày nay). Nơi đây là khu vực biên cương xa xôi của nước Ngụy, kẹp ở giữa nước Hàn và nước Triệu; trên mặt quân sự đó là nơi hiểm yếu. Ngụy Văn Hầu suy nghĩ cần phải cử một người đặc lực tới đó canh giữ và cai trị, để tiện phòng bị nước Hàn, Triệu xâm lược. Văn hầu suy đi tính lại, cuối cùng đã chọn được Tây Môn Báo, rồi quyết định bổ nhiệm Tây Môn Báo làm trưởng quan hành chính tối cao của Thành Nghiệp, tức là làm huyện lệnh.

Tây Môn Báo tới nhiệm sở ở Thành Nghiệp chỉ thấy đồng ruộng hoang vu, dân cư thưa thớt, chợ búa tiêu điều, một cảnh tượng tiêu điều, thê thảm, ông liền mời các cụ phụ lão tới, hỏi rõ nguyên do. Các cụ phụ lão người nào người nấy mặt ủ mày chau, thở dài não ruột, nói:

- Đều chỉ vì việc lấy vợ cho Hà Bá nên nước gậy ra đồng ruộng tới nông nổi này.

Tây Môn Báo nghe xong, chẳng hiểu mô tê gì, liền hỏi:

- Thật là một việc kỳ quái! Hà Bá là ai? Ông ta lấy vợ, tại sao lại làm cho nơi này tiêu điều như vậy?

Các cụ phụ lão kể hết đầu đuôi cho Tây Môn Báo nghe.

Thì ra, ở địa phương này có một con sông lớn tên gọi Sông Chương. Mỗi năm mùa hạ tới, nước lũ trên núi đổ xuống tràn ngập, nước sông thường xuyên dâng lên thành lụt lội, tai họa rất ghê gớm. Nơi đó có một loại truyền thuyết mê tín, nói rằng Thủy Thần là Hà Bá chủ quản Sông Chương, mỗi năm đều phải lấy một cô gái xinh đẹp làm vợ. Nếu đúng thời hạn chọn ra một cô gái gả cho ông ta, thì Thủy Thần sẽ bảo hộ cho địa phương này gió hòa mưa thuận, ngũ cốc bội thu. Bằng không, Thủy Thần sẽ bực tức nổi giận, gây ra sóng gió, hủy hoại nhà cửa, làm ngập hết hoa màu. Để được Hà Bá bảo hộ, mùa xuân mỗi năm vào lúc vừa bắt đầu cày bừa gieo trồng, cô đồng liền đi tới từng nhà tuyển chọn các cô gái chưa chồng; thầy cô gái con nhà nghèo khổ nào xinh đẹp, liền nói:

- Nó phải đi làm Hà Bá phu nhân!

Và như vậy, tình thân ruột thịt của người đời đã bị cướp đi một cách trắng trợn. Sau đó, cô đồng tắm gội trang điểm cho cô gái đó, rồi chọn ngày "Cát lợi", đặt cô gái ngồi trên chiếc thuyền nhỏ bên bằng lau sậy, để mặc cho nước cuốn đi đâu tùy ý. Chiếc thuyền nhỏ cứ trôi mãi, khi thuyền tan vỡ thì người sẽ chết chìm xuống đáy sông. Một năm, hai năm, rồi nhiều năm, cũng không biết là bao nhiêu cô gái con nhà nghèo khổ đã bị chết oan uổng như thế. Có ai lại bằng lòng đem con gái của mình gả cho Hà Bá! Cho nên dân chúng hoảng sợ kéo nhau bỏ trốn đi nơi khác. Dân số trong vùng càng ngày càng ít, ruộng đất dần dần trở thành hoang hóa.

Tây Môn Báo nghe tới đây trong lòng đã hiểu rõ được tám chín phần, lại hỏi:

- Hiện tại mỗi năm các người vẫn phải nộp con gái cho bh đúng thời hạn chứ?

- Dám không đưa sao được?

- Thế thì lẽ ra lũ lụt phải ngưng, các người phải được an cư lạc nghiệp chứ? Tại sao vẫn cứ phải đi tha hương cầu thực.

Câu hỏi này tựa như đã đâm thủng trái tim của họ. Các cụ phụ lão lại tranh nhau nói "mồm năm miệng mười", có người nói:

- Hai năm nay tuy không có nước lớn, thế nhưng vừa tới mùa hạn, đất cát nứt nẻ, hoa màu chết khô, không thể không chạy nạn để xin ăn.

Có người nói:

- Quyên góp tạp thuế quá nhiều! Chỉ riêng việc Hà Bá lấy vợ mỗi năm bà con chúng tôi bỏ ra hàng trăm vạn quan tiền, phần lớn đều rơi vào hầu bao cô đồng và bọn cường hào trong làng. Câu nói: “Không lấy vợ cho Hà Bá thì nước lụt đầy sông, lấy vợ cho Hà Bá thì chỉ béo cô đồng”, cấm có sai!

Tây Môn Báo nghe càng bức tức, lại hỏi:

- Hẳn là các người lại cam chịu nhục, không dám hé răng chứ gì?

Các phụ lão nói:

- Không xong đâu. Cô đồng nói, đã là mệnh trời thì làm sao có thể chống lại được!

Tây Môn Báo nghĩ một lát, lại nói:

- Hà Bá đã linh thiêng như vậy, lần sau khi làm việc hỉ sự đó nhớ nói cho ta biết một tiếng, ta cũng sẽ tới chúc mừng Hà Bá.

Tới ngày đưa cô dâu về cho Hà Bá, quan lại các cấp, cường hào các lộ, lý trưởng, nha dịch trong vùng đều có mặt, những người khắp chốn xa gần đến xem cũng có tới mấy trăm người. Nghi lễ dẫn dâu sắp đặt vô cùng long trọng. Ngày hôm đó Tây Môn Báo cũng tới hiện trường, các quan lại liền dẫn cô đồng tới chào quan huyện lệnh. Trước mặt Tây Môn Báo là một cô đồng đã trên bảy mươi tuổi. Hơn hai chục nữ đệ tử ăn mặc diêm dúa lòe loẹt theo sau. Tây Môn Báo nhìn mà sục sôi bức tức, thế nhưng lại không tiện phát cáu, liền nói:

- Cô đồng, xin phép cô đồng dắt Hà Bá phu nhân tới đây, để bản quan xem thử?

Các nữ đệ tử dắt cô gái đang lo sợ, khóc lóc đến. Tây Môn Báo ngắm nhìn, rồi nói:

- Hà Bá là một vị thần cao sang, phu nhân của ngài phải là một người đặc biệt xinh đẹp mới được. Cô gái này dung nhan bình thường, bản quan thấy không xứng. Giờ xin cô đồng chịu vất vả một chuyến, thay bản quan tới tâu với Hà Bá là huyện lệnh ta sẽ chọn cho ngài một cô gái nhan sắc khác thường, xin nán đợi ngày kia sẽ dẫn tới.

Nói xong, liền hạ lệnh cho binh lính ôm chặt lấy cô đồng, rồi vút “ùm” xuống dưới sông. Những người xung quanh nhìn thấy tình cảnh này đều hoảng sợ, hồn vía lên mây. Tây Môn Báo đứng trên bờ sông, mặt không hề biến sắc, làm ra vẻ đang nóng lòng chờ đợi, sau một hồi lâu mới chậm chạp nói:

- Xem ra cô đồng tuổi tác đã già, làm việc không được lanh lợi, tới chỗ Hà Bá đã lâu rồi cũng không chuyển lời lại. Xin mời đại đệ tử xuống thúc giục nhanh lên!

Nói rồi, lại bắt binh lính ôm chặt đại đệ tử vút xuống sông. Chỉ thấy đại đệ tử này chơi với ở dưới sông mấy cái, rồi không thấy hình bóng đâu nữa. lát sau, Tây Môn Báo lại làm ra vẻ chờ đợi sốt ruột lắm, nói:

- Sao lâu thế mà vẫn không thấy trở về? - Lại bắt binh lính ném hai đệ tử nữa xuống sông. Lẽ dĩ nhiên, ngoài mấy làn sóng nhỏ nổi lên, chẳng có bất kỳ tăm hơi gì. Tây Môn Báo lại nói:

- Cô đồng, đệ tử đều là đàn bà, có thể là nói năng không được rõ ràng, nay mời các vị hào trưởng chịu vất vả một chuyến vậy.

Bọn hào trưởng thường ngày vẫn tác oai tác quái hoảng sợ quá vội vã muốn chạy trốn. Tây Môn Báo quát lính xô tới, vừa kéo vừa đẩy, vút hết bọn hào trưởng xuống sông. Những người tới xem lúc đầu cảm thấy bất ngờ và kinh ngạc, về sau nhìn thấy từng tên quý sứ chuyên hút máu mủ của nhân dân, lại làm bao điều ác độc đa đoan đều chết chìm cả, thì vô cùng khoái trá. Dần dần họ đã hiểu được, thế nào là thần là quỷ; tất cả đều do bọn hút máu mủ của dân này lừa bịp, thêu dệt mà ra. Thường ngày Hà Bá linh thiêng, biến ảo thế, sao đến lúc này lại đàn độn thế! Nghĩ tới đây họ càng bái phục Tây Môn Báo. Còn Tây Môn Báo thì sao? Ông vẫn nghiêm trang, cung kính đứng đó, đỏng tai nghe, chờ đợi hồi âm suốt cả một canh giờ. Bọn kỳ hào, lý

trưởng, nha dịch, đưa nào đưa nấy, mặt tái sạm, run bần bật, chỉ lo bị huyện lệnh quát gọi. Đứng là Tây Môn Báo lại mở miệng.

- Mấy vị hào trưởng này tuổi tác cũng đã quá cao...

Lời còn chưa dứt thì số người đang lo sợ kia biết sắp gặp vận rủi đều “rộp” một tiếng, cùng quỳ xuống đất, lạy như tế sao, luôn miệng cầu xin “tha mạng”. Trong bộ mặt ngây thộn của chúng không ai nhìn được cười. Lúc này Tây Môn Báo quay trở lại, nói:

- Bà con nhìn xem, nước sông mênh mông thì chảy suốt đêm ngày, còn chỗ nào dành cho Hà Bá nhỉ? Bọn chúng vô duyên, vô cớ bịa ra chuyện Hà Bá để bóc lột dân chúng, giết hại dân nữ, tội ác đã quá lớn, thật sự là ta hận không thể vứt hết được cả bọn xuống sông, để đền món nợ máu cho dân chúng!

Bọn chúng tự biết là có tội đều ấp úng nói:

- Đây... đây.... đều là những lời nói nhảm nhí do cô đồng bịa ra, xin... xin bà con tha tội.

Tây Môn Báo nghiêm khắc cảnh cáo chúng:

- Từ nay, nếu kẻ nào còn nhắc tới việc Hà Bá lấy vợ nữa, thì sẽ bị bắt làm bà mối, đưa tới chờ Hà Bá trước!

Tiếp đó, Tây Môn Báo sai lính đòi lại toàn bộ của cải mà bọn chúng đã vơ vét, trả lại cho nhân dân. Số nữ đệ tử vẫn theo hầu cô đồng kia cũng cho đi lấy chồng. Tập tục mê tín Hà Bá lấy vợ đã được hủy bỏ như vậy. Một số dân chúng tị nạn nghe tin này cũng hăng hái trở về.

Tây Môn Báo hiểu được, muốn khôi phục và phát triển sản xuất, nếu chỉ bài trừ mê tín thì chưa đủ, mà còn phải trừ bỏ nạn lụt, xây dựng các công trình thủy lợi. Tức thì ông đích thân dẫn người đi quan sát địa hình, phát động quần chúng đào 12 con ngòi dẫn nước ở hai bờ sông Chương. Như vậy chẳng những đã phân tán được thể nước, trừ bỏ được thủy tai, hơn thế nữa còn có thể dẫn nước sông Chương tưới tắm cho đồng ruộng, sản xuất nông nghiệp nhờ vậy mà phát triển.

55. Trâu Kỵ khéo khuyên can vua Tề

So với thời kỳ “Ba nhà phân chia nước Tấn” hơi muộn một chút, trong nội bộ nước Tề, một nước lớn ở Phương Đông, cũng đã xuất hiện sự lung lay. Thế lực đại thần của nhà họ Điền ngày càng mạnh. Cuối cùng đã cướp được ngôi vua. Nước Tề vốn là đất phong của Khai Quốc Công thần Khương Thượng triều nhà Chu. Bắt đầu từ năm thứ 16 Chu An Vương (năm 386 trước Công Nguyên) trở đi, vẫn cứ gọi là nước Tề, thế nhưng nhà vua không phải là họ Khương mà là họ Điền. Người đời sau gọi là “Điền Tề”.

Khi “Điền Tề” chuyển tới Tề Uy Vương lại bắt đầu cường thịnh. Tề Uy Vương biết khiêm tốn, nhẫn nại nghe theo các ý kiến phê bình và kiến nghị, khéo phân biệt người trung, kẻ gian, thưởng công, phạt tội, tích cực phát triển sản xuất, nhất thời đã được năm nước Sở, Ngụy, Triệu, Hàn, Yên suy tôn làm bá chủ.

Có điều, khi Tề Uy Vương mới lên làm vua đâu có được như vậy. Ngài chỉ biết ăn uống, hưởng lạc, đối với công việc của quốc gia đại sự ngài không nghe, cũng chẳng hỏi. Các nước Hàn, Triệu, Lỗ... thấy ngài chơi bời phóng túng như vậy, đã liên tiếp khởi binh xâm lấn. Nước Tề liên tục bị thất bại, trên các tuyến biên phòng luôn có tin báo khẩn cấp, Tề Uy Vương vẫn cứ ỷ vào nước lớn nghiệp lớn, chẳng thêm bận tâm. Và như vậy, nước Tề ngày càng suy yếu.

Một hôm, có một cầm sư tới, tự xưng là Trâu Kỵ, người bản gốc, giỏi đánh đàn, nghe nói Tề Uy Vương thích nghe âm nhạc, nên đã tìm mọi cách xin cầu kiến. Tề Uy Vương đang lúc buồn rầu, sầu muộn vừa nghe nói có người giỏi đàn tới, tỏ ra rất vui sướng, lập tức cho vào. Sau khi Trâu Kỵ bái kiến vua Tề, đặt sẵn đàn đã lên dây, hai tay chỉ để trên mặt đàn, không hề động đậy, cảm thấy kỳ lạ Tề Uy Vương hỏi:

- Thưa tiên sinh, tại sao ngài lại không gảy đàn?

Nghe Uy Vương nói, Trâu Kỵ gạt phắt cây đàn sang bên cạnh nói:

- Tâu bệ hạ, thần chỉ nghiên cứu kỹ về đạo lý gảy đàn, còn đối với việc gảy hay không gảy thì chẳng có gì quan trọng cả!

Uy Vương ngạc nhiên, vội hỏi:

- Gảy đàn thì còn có đạo lý gì nữa? Xin mời tiên sinh hãy mau nói cho trẫm nghe.

Tức thì Trâu Kỵ liền giảng một hồi về những đạo lý lớn của việc gảy đàn. Tề Uy Vương gật đầu lia lịa, khen rằng chỉ với một chiếc đàn nhỏ bé mà lời giảng nghe thật sống động, lúc này cũng muốn ông ta gảy lên một bản nhạc. Không chờ được nữa, Tề Uy Vương nói:

- Thưa tiên sinh, lời ngài giảng giải thật là huyền diệu, tiếng đàn của ngài hẳn sẽ rất hay. Thế nhưng vì sao tiên sinh lại không gảy lên một khúc cho trẫm nghe thử?

Không ngờ Trâu Kỵ chẳng những không gảy đàn, mà ngược lại còn hỏi Uy Vương:

- Thưa đại vương, thần lấy việc gảy đàn làm nghiệp sống, cho nên suốt ngày dùi mài nghiên cứu đạo lý của việc gảy đàn. Đại Vương thân ngồi ở ngôi vua, nắm giữ mệnh vận của toàn thể đất nước, mà chẳng chăm lo việc quốc gia đại sự. Điều đó có khác gì tôi cầm đàn mà không gảy đâu? Tôi cầm đàn không gảy, Đại vương rất không hài lòng. Thế thì xin cho thần hỏi, Đại vương nắm giữ đại quyền của quốc gia, mà lại không trông nom, cai trị quốc gia, có lẽ nào lại không sợ muôn dân trăm họ phản đối sao?

Lời nói này vừa là một lời khuyên bảo và cũng là lời cảnh cáo khéo léo, khiến Tề Uy Vương hoảng sợ, mồ hôi vã khắp người, vội vàng nói:

- Tiên sinh, ngài nói đúng, đúng lắm! Ta nhất định xin nghe lời của tiên sinh. - Ngay lúc ấy đã lưu giữ Trâu Kỵ lại, hưởng bổng như thượng khách, lúc nào cũng cung kính thỉnh giáo Trâu Kỵ. Trâu Kỵ khuyên Uy Vương không được đắm đuối suốt ngày trong múa ca, sắc tử, cần phải thu thập người tài, xem xét quan tài, phát triển sản xuất, thao luyện binh mã. Có như vậy thì mới

có thể khiến đất nước giàu mạnh được. Uy Vương nghe xong gật đầu lia lịa.

- Đúng lắm! Đúng lắm! - Tức thì ngài mời Trâu Kỵ làm quan tướng quốc, nghe kể tông mưu Trâu Kỵ mà sử dụng rất nhiều phương sách mạnh mẽ, quyết tâm xây dựng nước Tề vững mạnh. Nước Tề đã dần dần phồn thịnh.

Đất nước vừa giàu mạnh, những kẻ nịnh bợ kiếm bổng càng nhiều. Tề Uy Vương nghe những lời phỉn nịnh thì tỏ ra vênh vang, với những ý kiến bất đồng thì lại không dùng hòa nổi. Trâu Kỵ cảm thấy rất không hài lòng: vừa giành được một chút xíu thành tích, làm sao có thể kiêu ngạo được? Cần phải sớm chỉ ra khuyết tật này để Tề Uy Vương biết.

Một buổi sớm Trâu Kỵ ngủ dậy, mặc quần áo, đội mũ xong, cầm lấy gương soi ngắm, nom bộ dạng mình thật rất dễ coi: thân hình cân đối, nét mặt đường hoàng, da dẻ trắng hồng, trong lòng rất đắc ý, liền hỏi bà vợ cả:

- Ta và Từ Công ở Thành Bắc, ai đẹp?

Người vợ cả cười, nói:

- Đương nhiên là nhà đẹp rồi. Từ Công Thành Bắc làm sao sánh kịp được nhà? - Từ Công Thành Bắc là một người đàn ông đẹp nổi tiếng ở nước Tề lúc đó. Trâu Kỵ không tin tưởng vào lời nói của người vợ cả, liền tới hỏi người thiếp hầu:

- Nàng xem, ta và Thành Bắc Từ Công ai đẹp hơn?

Người thiếp hầu trả lời:

- Từ Công làm sao có thể sánh kịp với ngài! Ngài đẹp hơn ông ta nhiều lắm chứ! Một lát sau lại có một vị khách bước vào, Trâu Kỵ lại hỏi người ấy:

- Người ta nói, so với Từ Công Thành Bắc thì tôi đẹp hơn, ông thấy sao?

Vị khách nói:

- Không sai chút nào! Ngài đẹp hơn Từ Công Thành Bắc nhiều lắm!

Ngày hôm sau, Từ Công Thành Bắc tới thăm, Trâu Kỵ ngắm nghía Từ Công kỹ lưỡng từ đầu tới chân, cảm thấy mình không sao đẹp bằng Từ Công được. Soi gương nhìn trộm, lại ngắm Từ Công, càng cảm thấy mình kém Từ Công xa lắm! Buổi tối, Trâu Kỵ nằm trên giường trong lòng day dứt trĩu nặng ý nghĩ:

- Ta rõ ràng chẳng đẹp bằng Từ Công, tại sao vợ ta, thiếp hầu của ta, khách của ta đều nói rằng ta đẹp hơn Từ Công? Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng đã ngộ ra một điều đạo lý. Sớm hôm sau, người vào triều đem sự việc kể lại ngọn ngành cho vua nghe. Tề Uy Vương cười ha hả, hỏi:

- Tại sao họ lại nói đại rằng người đẹp hơn Từ Công nhỉ?

Trâu Kỵ nói:

- Tâu bệ hạ, suốt đêm qua thần đã nát óc nghĩ đi nghĩ lại mới hiểu ra một điều là: Vợ thần khen thần đẹp là vì thị quá yêu thần, thiếp hầu khen thần đẹp là bởi nàng sợ thần không vui, khách của thần nói thần đẹp là bởi vì có việc muốn nhờ cậy thần. Tất cả là vì họ muốn làm đẹp lòng thần nên đã nịnh thần đó.

Tề Uy Vương gật đầu nói:

- Người nói rất đúng, nghe những lời nói tốt của người khác, cần phải xem xét suy nghĩ, nếu không thì sẽ rất dễ bị bưng bít, không phân rõ phải trái.

Trâu Kỵ tiếp lời, nghiêm túc nói:

- Đại vương! Thần nghĩ rằng những điều Đại vương bị bưng bít còn sâu còn nặng hơn thần rất nhiều đó ạ.

Tề Uy Vương bỗng sầm nét mặt, hỏi:

- Người nói thế là có ý gì?

Không chút bối rối, Trâu Kỵ đáp:

- Tâu Đại vương! ý tứ đã rất rõ ràng. Vợ của thần, thiếp của thần, khách của thần, vì muốn làm đẹp lòng thần nên đã bùng bít thần. Ngày nay, nước Tề rộng trên ngàn dặm, thành phố vượt quá một trăm, các cung tần mỹ nữ, người hầu kẻ hạ trong cung không ai không quá yêu Đại vương; các quan thần trong triều không ai không sợ Đại vương; các nước trong thiên hạ không nước nào không muốn cầu ninh Đại vương. Họ đều muốn làm đẹp lòng Đại vương nên đã không tiếc lời nói những điều dễ lọt tai. Từ đó mà luận ra, những điều Đại vương bị bùng bít quả là sâu nặng lắm đó!

Tề Uy Vương hết hoảng tỉnh ngộ ra, nói:

- Trời ơi, lời của tiên sinh quả thực là đúng quá!

- Thế là Tề Uy Vương đã ban bố một mệnh lệnh đi khắp nơi trong toàn quốc: “Bất luận là ai, nếu vạch ra được những sai lầm thiếu sót của ta ngay trước mặt ta thì sẽ được thưởng thưởng. Những người gửi giấy nêu ý kiến cho ta sẽ được trung thưởng. Những người bàn luận những sai lầm của ta, chỉ cần ta biết được, cũng được nhận hạ thưởng”.

Sau khi đạo lệnh này truyền đi, các quan đại thần tới triều đình đưa kiến nghị, góp ý, suốt ngày không lúc nào ngớt. Chỉ mấy tháng sau, người tới hoàng cung đã chẳng còn là bao. Sau một năm, cho dù còn muốn nói, cũng chẳng có gì đáng để nói nữa.

Trâu Kỵ cảm thấy nếu chỉ để cho người nêu ý kiến thôi thì vẫn chưa đủ, còn cần phải cử người đi điều tra thì mới có thể thực sự yên lòng. Có một lần Trâu Kỵ tìm hiểu tình hình các quan lại địa phương thông qua các quan đại thần trong triều. Các quan đại thần đó đều khen huyện lệnh A Thành tốt, chê huyện lệnh Tức Mặc xấu. Trâu Kỵ đem sự việc bày tâu với Uy Vương xin Uy Vương bí mật cử người đi điều tra. Không bao lâu, những người đi điều tra trở về báo cáo tình hình thực tế cho Tề Uy Vương biết. Tề Uy Vương liền hạ lệnh triệu tập hai quan huyện A Thành và Tức Mặc vào triều.

Ngày hôm đó, trước hết Tề Uy Vương cho người bày sẵn vàng bạc, lụa gấm ở một bên đại điện, còn một bên kê một nồi to, nước sôi sùng sục. Sau đó hạ lệnh triệu gọi tất cả văn võ trăm quan tới. Các quan đại thần đoán chắc lần này nhất định huyện lệnh A Thành sẽ được trọng thưởng, còn quan huyện Tức Mặc chắc sẽ bị đen đủi rồi. Quả nhiên, trước hết Tề Uy Vương triệu gọi quan huyện Tức Mặc lên, nói với ông ta rằng:

- Từ khi người tới Tức Mặc làm quan, ta luôn luôn nhận được cáo trạng; có người tố cáo người là kẻ rất xấu xa, hư hỏng. Ta đã cử người tới đó khảo sát, được biết hoa màu tươi tốt, nhân dân yên cư lạc nghiệp. Các quan lại đều trung thực giữ chức vụ, khiến cho miền Đông của đất nước được yên ổn. Điều đó đều do công cai trị của người. Thế nhưng bởi vì người chẳng chịu dâng tế hối lộ các quan đại thần tả hữu của trẫm, nên đã mắc tội với họ, cho nên họ đã ra sức nói xấu người. Nếu ta quá tin, quá nghe lời họ, ắt sẽ xử oan uổng một vị quan huyện tốt như người. Nay, số vàng bạc, gấm lụa này trẫm ban thưởng cho người, ngoài ra trẫm còn phong bổng lộc một vạn hộ cho người!

Các quan đại thần nghe xong ai nấy đều tròn con mắt, con tim đập dồn dập như trống thúc. Lúc này lại nghe Tề Uy Vương quát to tiếng:

- Dẫn huyện lệnh A Thành ra đây! - Uy Vương chỉ vào hắn nói: - Từ khi người làm quan huyện lệnh A Thành, hầu như ngày ngày cũng có người khen người, nói rằng người tốt lắm! Trẫm đã cử người tới nơi người khảo sát. Chỉ thấy mùa màng hoang hóa, bách tính ăn đói, mặc rách. Nước Triệu đánh vào, người cũng chẳng lo. Người chỉ biết một mực đút lót, hối lộ mua chuộc các quan đại thần của trẫm, để họ tâu lời hay về người với trẫm. Các quan huyện trong cả nước, ai cũng giống như người thì nước Tề sẽ tan nát hết ư? Người đâu, lôi hắn ra xử ngay! - Lời nói vừa buông, các binh lính liền xông ra, không nói chẳng rằng túm lấy huyện lệnh A Thành quăng

ngay vào nôi nước đang sôi.

Tề Uy Vương lại cho gọi số quan đại thần bình thường vẫn táng tận lương tâm, điên đảo phải trái kia ra trách mắng.

- Các người chính là những thân cận nhất của trẫm. Trẫm coi các người như là tai mắt của trẫm, mong muốn các người phản ánh tình hình chân thực cho trẫm biết. Thế nhưng các người đã nhận hối lộ, làm lẫn lộn phải trái, làm đảo điên pháp luật lừa dối trẫm. Các quan đại thần nếu đều giống cả như các người thì ngôi vua của ta liệu có còn ngồi được vững không? Người đâu, ném tất cả lũ chúng vào nôi nước sôi kia! - Số đại thần này đều run lập cập, quỳ cả xuống đất dập đầu cầu được tha. Tề Uy Vương tức giận lắm, cuối cùng vẫn chọn mấy tên đại thần tham ô lộng quyền tội ác to lớn, vớt vào nôi nước sôi.

Một lần trừng trị như vậy đã làm cho bọn quan tham ô lại kia khiếp sợ hết vía, về sau không dám hùa bậy làm càn, chúng sợ Tề Uy Vương điều tra ra sẽ trị tội chúng.

Từ đó nước Tề càng lớn mạnh, Tề Uy Vương rất sung sướng, cũng rất cảm tạ Trâu Kỵ đã đem đất Ha Phôi (hay huyện Phôi, tỉnh Giang Tô) thưởng phong cho Trâu Kỵ, phong cho Trâu Kỵ cái tên “Thành Hầu”, còn nói với Trâu Kỵ rằng:

- Thành đoàn nghiệp lớn của ta, quả là nhờ ở tiên sinh cả!

56. Thương Ưởng thay đổi pháp chế

Sau khi Tề Uy Vương lên làm bá chủ các nước Yên, Triệu, Hà, Ngụy... đều rất sợ ngài, liền tranh nhau tới triều kiến. Chỉ có nước Tấn ở phương Tây không tới vốn là lúc đó nước Tấn còn khá lạc hậu về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, các nước ở Trung Nguyên đều gọi Tấn là “Tây Nhung”, coi nó là một dân tộc dã man mờ mịt, không đi lại gì với nước Tần, hơn thế còn thỉnh thoảng cử binh lính tới xâm lấn chiếm đoạt đất đai của nước Tần.

Năm thứ tám Chu Hiến Vương (năm 361 trước Công Nguyên) Tần Hiếu Công tức vị. Ông ta cảm thấy nước Tần ngoài thì bị nước láng giềng lớn áp bức, trong thì có sự chuyên quyền ngang ngược của bọn quý tộc, cuộc sống ngày càng khó khăn, nên đã quyết phấn đấu quật cường, thay đổi bộ mặt lạc hậu của đất nước. Để tìm được người hiền tài biết cải cách, Tần Hiếu Công đã ra một mệnh lệnh: “Bất luận là người trong nước, hay là người nước ngoài, ai có biện pháp tốt khiến cho nước Tần giàu mạnh lên được thì sẽ phong cho làm đại quan, thưởng đất đai cho người đó!”. Không lâu, có một người trai trẻ tên gọi là Vệ Ưởng theo lời kêu gọi ấy đã từ nước Ngụy tới nước Tần.

Vệ Ưởng họ Công tôn, tên Ưởng; vốn là một quý tộc đã sa sút của nước Vệ, cho nên mọi người cứ gọi ông là Vệ Ưởng. Ông nhìn thấy nước Vệ nhỏ yếu không đủ để ông mở rộng thi thố tài năng, liền chạy sang nước Ngụy, làm môn khách một thời gian dài, cũng không được trọng dụng. Giữa khi Vệ Ưởng đang u uất bất đắc chí, thì tự nhiên nghe thấy Tần Hiếu Công chiêu mộ người tài, ông đã quyết tâm rời nước Ngụy để tới nước Tần.

Tới nước Tần, Vệ Ưởng nhờ người giới thiệu vào gặp Hiếu Công. Vệ Ưởng đã đem một đạo lý và biện pháp làm cho nước giàu, binh mạnh trình bày một lượt cho Hiếu Công nghe, ông nói:

- Một đất nước nếu muốn giàu mạnh lên thì cần thiết phải coi trọng sản xuất nông nghiệp, có như vậy thì bách tính mới có ăn, có mặc, quân đội mới có lương thảo dư dật; cần phải huấn luyện quân đội giỏi, làm cho binh mạnh, ngựa khỏe; còn cần phải thưởng phạt phân minh, những người nông dân cày cấy thu hoạch được nhiều, những tướng sĩ anh dũng chiến đấu đều phải khuyến khích và khen thưởng, đối với những người không chịu khó sản xuất, đánh trận thì sợ chết, rất cần phải trừng phạt. Nếu thực sự có thể làm được những điều này thì không có quốc gia nào không giàu mạnh.

Hiếu Công nghe sau sưa thú vị đến nỗi quên cả ăn cơm. Hai người đã nghị luận việc quốc gia đại sự, bàn bạc suốt mấy hôm liền, rất tâm đầu ý hợp. Cuối cùng Hiếu Công đã quyết định thay đổi pháp chế, cải cách chế độ cũ, thực hành pháp lệnh mới do Vệ Ưởng nêu ra.

Tin này vừa truyền đi, các quan đại thần quý tộc đều phản đối. Rất nhiều quan đại thần khuyên Hiếu Công cần phải thận trọng, chớ có tin theo luận điệu của Vệ Ưởng. Trong lòng Hiếu Công rất tán thành chủ trương của Vệ Ưởng, cảm thấy nếu không thay đổi pháp chế thì không thể khiến nước Tần giàu mạnh được. Thế nhưng khi biết có nhiều người phản đối như vậy, lại cảm thấy e ngại, liền triệu tập rất nhiều quan đại thần tới, để họ tranh luận với nhau. Một quan đại thần tên gọi là Cam Long phát biểu đầu tiên, ông nói:

- Chế độ hiện nay là chế độ do tổ tông truyền lại, các quan lại thi hành thoải mái như ý muốn, dân chúng cũng đều đã quen rồi. Không thể thay đổi được! Thay đổi nhất định sẽ loạn!

Một số quan đại thần khác cũng hùa theo:

- Pháp chế mới là bậy bạ! Là hoang đường! Pháp chế cổ, lễ, giáo xưa là không thể cải tổ được.

Với lý lẽ thẳng thắn đầy sức thuyết phục, Vệ Ưởng đã phản bác lại họ rằng:

- Từng lời từng tiếng các vị đều nói nào là pháp chế cổ, lễ giáo xưa, xin hỏi các vị liệu những thứ đó có thể khiến đất nước giàu mạnh được không? Từ xưa tới nay không có phép chế và lễ giáo nào nhất thành bất biến cả. Chỉ cần có lợi cho đất nước, việc thay đổi pháp chế cổ, lễ giáo xưa hỏi có gì không đúng? Cứ khư khư giữ khuôn phép cũ chỉ có thể đưa đất nước tới chỗ diệt vong mà thôi!

Vệ Ưởng đã viện dẫn ra hàng loạt sự thực từ cổ chí kim, nói rõ sự cần thiết phải thay đổi pháp chế, khiến cho các quan đại thần phải câm họng, tắc cổ, chẳng nói được lời nào. Hiếu Công nghe Vệ Ưởng nói lời đều có lý, đánh gục hết các quan đại thần nào phản đối việc thay đổi pháp chế, nên rất vui mừng sung sướng nói với Vệ Ưởng.

- Tiên sinh nói đúng lắm. Pháp chế mới không thực hành! - nói xong liền phong Vệ Ưởng làm chức Tả Thứ trưởng (một loại quan thời xưa), trao cho ông đại quyền xúc tiến việc thi hành lệnh thực hiện pháp chế mới, lại trao cho ông nắm vững việc đặt ra các phương án thay đổi pháp chế. Hơn thế, còn tuyên bố: "Nếu kẻ nào còn dám phản đối việc thay đổi pháp chế thì sẽ lập tức trị tội kẻ đó và như vậy nên số quan đại thần kia không còn dám lên tiếng nữa".

Vệ Ưởng đã ra các phương án thay đổi pháp chế một cách rất nhanh chóng. Hiếu Công hoàn toàn đồng ý. Vệ Ưởng sợ rằng pháp lệnh mới chưa có uy tín, nhân dân chưa tin tưởng, không thi hành nổi liền sai người dựng một cây gỗ dài gần ba ngày trước. Sau khi thực hành phép chui va lây, họ cũng không kể tự làm theo ý muốn được. Do đó, họ đều điên cuồng công kích pháp lệnh mới, khối phải nói tới đại biểu của thế lực bảo thủ như bọn Cam Long nữa. Với sự xúc xiểm của họ, ngay cả Thái tử cũng nhẩy ra phản đối. Vệ Ưởng đã bãi bỏ chức quan của Cam Long, thế nhưng, Thái Tử là người kế vị ngôi vua, không tiện xét xử, Vệ Ưởng đã đi tìm Tàn Hiếu Công, thưa rằng:

- Tâu bệ hạ, pháp lệnh mới sở dĩ thi hành không được suôn sẻ chủ yếu là trên thượng đỉnh có người phản đối.

Hiếu Công nói:

- Bất kể ai phản đối thì phải trừng phạt ngay!

Vệ Ưởng đem chuyện thái tử phản đối, cố ý phạm pháp nói ra, Hiếu Công vừa tức giận vừa xấu hổ, không nói năng gì.

Vệ Ưởng nói:

- Thái tử đương nhiên là không thể trị tội, thế nhưng pháp lệnh mới nếu như có thể tùy tiện vi phạm, thì từ nay về sau càng khó có thể thi hành được.

Hiếu Công nói:

- Vậy thì phải làm thế nào?

Vệ Ưởng nói:

- Thái tử sở dĩ phạm pháp đều là do những người thầy của chàng xúi giục, cần phải trừng trị họ.

Hiếu Công tỏ ra ưng thuận. Và như vậy, thầy giáo của Thái tử là công tử Kiên đã bị cắt mũi, công tử Cổ bị thích mặt. Thấy Hiếu Công và Vệ Ưởng kiên quyết như vậy ai nấy đều không dám phản đối pháp lệnh mới nữa.

Sau mấy năm, nước Tần đã trở nên giàu mạnh. Do pháp luật mới quy định những người sản xuất nhiều sẽ được miễn trừ lao dịch của một nhà, cho nên nhân dân đều một lòng chăm lo nghề nông, tích cực cấy lúa dệt vải, nền sản xuất được phát triển rất mạnh, đời sống của nhân dân cũng được cải thiện. Do pháp luật mới quy định các tướng sĩ ai giết giặc, lập công thì có thể được thăng quan tấn cấp, cho nên ai nấy đều anh dũng chiến đấu. Bà con nhân dân cũng rất vui mừng. Hiếu Công thấy rõ pháp luật mới do Vệ Ưởng đề ra đã đem lại hiệu quả rõ rệt, liền thăng chức cho Vệ Ưởng lên làm Đại Lương Tào (một chức đại quan hồi đó). Hơn nữa, lại còn cử Vệ Ưởng cầm quân đi đánh Ngụy. Trước kia, nước Ngụy vốn rất giàu mạnh, tới lúc này đã suy yếu, về căn bản không phải là đối thủ của nước Tần nữa, ngay cả đến Đô Thành An cũng bị quân Tần đánh chiếm. Nước Ngụy đành phải cầu hòa nước Tần. Vệ Ưởng đã khải hoàn trở về. Tiếp đó, lại tiến hành thực hiện pháp lệnh mới thêm một bước ở trong nước. Nội dung chủ yếu có: rời quốc đô từ Thành Ung (nay là huyện Phượng Tường, tỉnh Thiểm Tây) tới phía đông Hàm Dương để tiện phát triển sang Trung Nguyên; toàn quốc phân chia thành 31 huyện do trung

ương trực tiếp bổ nhiệm huyện lệnh, huyện thừa, các quan huyện không xứng đáng với chức vụ đều bị trị tội, phế bỏ chế độ “tĩnh điền”⁽¹⁾, khuyến khích khai hoang. Ai vỡ hoang được bao nhiêu thì thuộc về người ấy, cho phép tự do mua bán ruộng đất, thống nhất đo lường, cân đếm... tất cả những việc này đều là những biện pháp mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển, có tác dụng rất to lớn đến việc củng cố và tăng cường thế lực của giai cấp địa chủ mới nổi lên. Sau 10 năm thực hiện pháp lệnh mới, nước Tần đã trở thành một quốc gia giàu mạnh nhất lúc ấy. Chu Thiên Vương đã cử người đem biểu lễ vật phong ông làm “Phương bá” (lãnh tụ một phương của chủ hầu), các nước ở Trung Nguyên đều nô nức tới chúc mừng, nhìn đất nước mới hưng thịnh này bằng con mắt khác.

Tần Hiếu Công vô cùng sung sướng. Về sau ngài đã đem đất Thương với một vùng 15 tòa Thành từ thị trấn phong cho Vệ Ưởng để biểu thị sự cảm tạ công lao. Từ đó về sau, mọi người gọi Vệ Ưởng là Thương Ưởng.

Mấy năm sau, Tần Hiếu Công bị bệnh chết, Thái tử lên ngôi, đó là Tần Huệ Văn Vương. Trước kia Huệ Văn Vương phản đối pháp lệnh mới của Thương Ưởng, đã bị Thương Ưởng định tội, cho nên ngài vẫn ngấm ngầm ôm hận. Lúc này, ngài vừa lên làm quốc vương thì những người trước đây phản đối Thương Ưởng có âm mưu tạo phản. Huệ Văn Vương đã cho bắt Thương Ưởng đem xử tử. Thương Ưởng tuy đã chết, thế nhưng pháp lệnh mới mà ông thực hành đã mọc rễ sâu ở nước Tần, không cách gì có thể thay đổi được. Sự thay đổi pháp chế của Thương Ưởng đã đặt cơ sở vững chắc cho việc nước Tần thống nhất được Trung Nguyên về sau này.

57. Tôn Bàng đấu trí

Tần Hiếu Công trọng dụng Thương Ưởng thực hành công cuộc cải cách đã khiến cho nước Tần trở thành một quốc gia lớn mạnh nhất thời đó. Rất nhiều vua các nước ở Trung Nguyên cũng học theo Hiếu Công đi khắp nơi chiêu mời người tài, rắp tâm mong muốn khiến cho nước mình vững mạnh lên. Ngụy Huệ Vương đã nhìn thấy nước Ngụy trong ngoài đều gặp nguy khốn, thế nước ngày một suy yếu, càng thêm nóng lòng, đã dùng một lượng vàng khá lớn đi chiêu mộ hiền tài giúp mình cai trị đất nước.

Có người ở nước Ngụy tên là Bàng Quyên, nghe tiếng Ngụy Huệ Vương chiêu mời người tài, muốn tới yết kiến, đã quyết định bàn bạc trước với người bạn học của mình là Tôn Tấn. Tôn Tấn là người nước Tề, tới nước Ngụy, cùng Bàng Quyên học tập quân sự theo một nhà Đại học vấn tự xưng là “Quý Cốc Tử”, ẩn cư ở nơi gọi là Quý Cốc. Hai người Bàng - Tôn rất ý hợp tâm đầu, họ kết bái thành anh em. Bàng Quyên dự định ứng lời chiêu mộ của Ngụy Huệ Vương nói cho Tôn Tấn nghe. Tôn Tấn rất ủng hộ. Tức thì Bàng Quyên từ biệt thầy, thu thập xong hành lý, thì xuất phát, khi sắp chia tay, Bàng Quyên nói với Tôn Tấn.

- Tiểu đệ lần này đi nước Ngụy nếu có được cơ hội tiến thân nhất định cũng sẽ tiến cử đại ca cùng đi, để chúng ta cùng hưởng vinh hoa phú quý.

Tôn Tấn cảm tạ, nói:

- Được lắm, ta ở nhà chờ tin tức tốt lành của đệ đó.

Bàng Quyên tới nước Ngụy thối phòng học vấn và phương pháp dùng binh của mình lên, được Ngụy Huệ Vương tín nhiệm cho đảm nhiệm chức Đại tướng, kiêm chức quân sư. Bàng Quyên nắm chắc việc thao luyện binh mã, trước tiên mở đường khai đao với nước nhỏ cướp nước Vệ, đánh nước Tống, liên tiếp thắng mấy trận buộc các nước nhỏ như Vệ, Tống, Lỗ, Trịnh... đều phải tới triều cống nước Ngụy. Lúc này, nước Tề tới xâm phạm biên cảnh, cũng bị Bàng Quyên đánh lui. Ngụy Huệ Vương càng thêm tín nhiệm Bàng Quyên, Bàng Quyên lại càng thêm phấn chấn tinh thần.

Một hôm, đồ đệ của Mặc Tử là Ly Hoạt Ly gặp Tôn Tấn, hỏi Tôn Tấn rằng sao vẫn còn không ra kiến lập công lao. Tôn Tấn nói:

- Tôi và sư đệ của tôi đã ước hẹn, hễ làm quan rồi nhất định sẽ tiến cử tôi.

Ly Hoạt Ly nói:

- Bàng Quyên chẳng phải đã làm tới chức Đại tướng của nước Ngụy rồi sao? Tại sao ông ấy lại không gọi ông đi? Nếu không tôi sẽ thay ông đi một chuyến, xem thử xem ông có ý tứ gì không?

Ly Hoạt Ly tới nước Ngụy hỏi thăm ngay kẻ cuồng vọng Bàng Quyên, biết ngay được là hắn đã vớt bỏ Tôn Tấn ở ngoài chín tầng mây rồi. Tức thì Ly Hoạt Ly trực tiếp vào yết kiến Ngụy Huệ Vương, tiến cử Tôn Tấn với ngài. Ngụy Huệ Vương hỏi:

- Con người này có sánh kịp Bàng tướng quân của ta không?

Ly Hoạt Ly cười khà khà, nói:

- Trong con mắt của đại vương chỉ có một Bàng Quyên. Tôi xin nói thực để đại vương rõ, Tôn Tấn đã học được binh pháp của cụ tổ ông ta là Tôn Vũ Tử, một người vô địch trong thiên hạ. Bàng Quyên làm sao sánh kịp được với ông ta!

Ngụy Huệ Vương cho tìm Bàng Quyên, lại trách móc hắn có sao không tiến dẫn Tôn Tấn. Bàng Quyên chột nghĩ, nếu muốn giấu chắt là không giấu nổi, liền nói:

- Tôn Tấn là người nước Tề, nếu như mời ông ta tới làm quan cho nước Ngụy chúng ta, thần sợ rằng làm việc gì ông ta cũng nghĩ về nước Tề, cho nên thần vẫn chưa tiến dẫn lên đại vương.

Trên thực tế, Bàng Quyên biết rõ học vấn và bản lĩnh của Tôn Tấn mạnh hơn mình rất nhiều,

trong lòng vô cùng ghen ghét đố kỵ, do đó không tiến cử với Ngụy Vương.

Lời nói trên của Bàn Quyên chẳng qua chỉ là mượn cớ mà thôi. Ngụy Vương nghe câu nói của Bàn Quyên, không cho là như thế, đã hỏi vặn Bàn Quyên.

- Theo người nói như vậy thì người nước ngoài nhất loạt đều không thể làm việc được cho nước Ngụy chúng ta hay sao?

Bàn Quyên vừa nghe vừa phải lướt thuyền theo sóng, nói:

- Nếu đại vương muốn gọi ông ta đến, xin để thần viết cho ông ta một lá thư là xong.

Tôn Tấn nhận được thư của Bàn Quyên, liền từ biệt thầy dạy, vui vẻ xuống núi gặp Bàn Quyên, lẽ tự nhiên là phải cảm ơn rồi rít... Ngụy Huệ Vương dự định bái Tôn Tấn làm phó quân sự, cùng nắm giữ quân quyền. Bàn Quyên thực sự không vui, mượn cớ nói:

- Tôn Tấn là sư huynh của thần, đâu lại có thể để em làm trưởng, anh làm phó bao giờ? Chi bằng cứ cho anh ấy làm khách Khanh, chờ khi anh ấy lập được công, thì thần sẽ nhường chức vị cho, làm phó của anh ấy cũng là vui lắm rồi! - Khách Khanh tuy không có thực quyền, thế nhưng, địa vị cũng chẳng thấp. Cho nên, Tôn Tấn đã làm khách Khanh của nước Ngụy và từ trong đáy lòng ông rất cảm ơn Bàn Quyên.

Sau chừng nửa năm, bỗng có một người nói tiếng nước Tề đi dọc đường phố hỏi thăm Tôn Tấn. Tôn Tấn kéo người đó vào trong nhà, hỏi dò lai lịch. Người đó nói:

- Tôi là Đinh ất, làm nghề buôn bán. Người anh họ của ngài nhờ tôi mang thư đưa tới Quý Cốc. Nghe nói ngài đã làm quan ở nước Ngụy, nên mới đi quanh đường tới đây! - Nói rồi đưa thư cho Tôn Tấn. Lướt qua, thì ra là thư của người anh họ đã bị lạc tin tức từ nhỏ. Đại ý viết rằng: từ nhỏ đã lưu lạc xa quê, nay Tề Vương chiêu gọi họ, mong rằng Tôn Tấn sẽ trở về cùng ông ta dựng xây gia nghiệp. Tôn Tấn nghĩ, bản thân mình đã làm khách Khanh của nước Ngụy làm sao có thể cất bước mà đi cho được? Liền viết một phong thư trả lời, nói rõ, trước mắt không thể về được, chờ sau làm được một chút sự việc gì cho nước Ngụy thì sẽ tìm cách thoát thân về quê. Lại còn cho Đinh ất tiền lộ phí, nhờ ông ta cầm thư hồi âm.

Đâu ngờ, đấy chính là cái thòng lọng của Bàn Quyên trương lên, Đinh ất chính là kẻ tâm phúc của Bàn Quyên giả danh, cốt đánh lừa Tôn Tấn để đoạt bức thư này. Bàn Quyên bắt chước dạng chữ của Tôn Tấn, cải đổi nội dung bức thư giả rằng Tề Vương không hiềm bỏ, tôi sẽ xin tận sức lập công giúp nước Tề. Sau đó đem bức thư giả này đến tố cáo với Huệ Vương về tội trạng của Tôn Tấn, rằng Tôn Tấn đã tư thông với nước Tề. Bàn Quyên lại còn thêm dấm thêm ớt nói:

- Lòng dạ Tôn Tấn đã hướng về nước Tề, lẽ đương nhiên không thể bỏ sức lực ra giúp nước Ngụy của chúng mình được. Tài năng của hắn lại lớn, hễ nước Tề trọng dụng hắn thì nước Ngụy chúng ta sẽ nguy nan. Chi bằng nhân lúc ta cứ sớm giết quách hắn đi để trừ hậu họa.

Huệ Vương băn khoăn lo lắng: nếu tùy tiện giết chết vị khách mời này, tất sẽ bị người đời mỉa mai, sỉ nhục. Bàn Quyên nói:

- Thế thì cứ để thần đi khuyên bảo hắn, nếu hắn chịu ở lại thì đại vương sẽ trọng thưởng. Nếu hắn lộ ý muốn đi, chúng tôi ăn ở hai lòng. Lúc đó đại vương cứ giao hắn cho thần xử lý.

Ngay lúc ấy Bàn Quyên tới gặp Tôn Tấn, lời hắn nói ra, đương nhiên là khác hẳn. Hắn nói:

- Nghe nói đại ca nhận được thư nhà? Xin chúc mừng! - Tôn Tấn thực thà kể lại nội dung của bức "thư nhà" cho hắn nghe. Bàn Quyên nói:

- Tại sao đại ca không xin đại vương nghỉ phép một, hai tháng để về nhà xem sao?

Tôn Tấn nói:

- E đại vương sẽ hiểu lầm, không cho tôi đi.

Bàn Quyên nói:

- Cứ thử xem, tôi sẽ nói tình giúp đại ca.

Ngày hôm sau, Tôn Tần dâng lên Huệ Vương một tờ tấu sớ xin nghỉ phép. Thoạt tiên, Huệ Vương thấy quả thật là Tôn Tần muốn đi, liền nổi cơn giận dữ, sai lính trói ngay Tôn Tần, giao cho Bàng Quyên xử lý. Bàng Quyên vừa thấy Tôn Tần, liền giả vờ hết sức kinh ngạc nói:

- Thế này.... thế này, quả thật là oan tày trời! Tiểu đệ lập tức tới chỗ đại vương bảo lĩnh cho đại ca.

Hắn chỉ đi loanh quanh một vòng ở bên ngoài, rồi quay lại nói với Tôn Tần:

- Đại vương cứ nhất định đòi xử đại ca, sau nhiều lần van nài thể tình của tiểu đệ, mạng sống của đại ca đã được bảo toàn. Có điều, theo pháp luật của nước Ngụy thì phải xéo bỏ xương đầu gối và thích chữ lên trên mặt. Đại vương đành phải chút oan khuất đó vậy.

Tôn Tần nói:

- Đó là trông cậy vào sự nể tình của tiểu đệ, ta quyết không dám quên đại ân đại đức của đệ đâu.

Ngay lập tức Bàng Quyên sai lính khao đao khoét bỏ hai xương bánh chè ở đầu gối Tôn Tần. Tôn Tần thét lên một tiếng, rồi chết ngất đi. Lợi dụng giây khắc này, bọn đao phủ lại thích chữ và bôi màu đen lên mặt Tôn Tần. Bàng Quyên giả vờ cử người khiêng Tôn Tần vào nghỉ trong nhà khách, lo chạy chữa vết thương, mỗi ngày cho người đưa trà, cơm và thức ăn đến. Bản thân hắn cũng năng tới thăm, an ủi Tôn Tần. Sau hơn một tháng, vết thương của Tôn Tần đã lành, thể nhưng hai chân không thể cử động được, chỉ có thể nằm, hoàn toàn tàn phế rồi.

Lại nói đến Tôn Tần hiểu rằng cuộc sống hàng ngày đều do Bàng Quyên nuôi dưỡng, trong lòng vô cùng áy náy, rất muốn đền đáp Bàng Quyên, thế nhưng khi biết mình đã tàn phế thì cái cảm giác vô năng bất lực bỗng trùm lên toàn thân. Có lần Bàng Quyên hỏi Tôn Tần:

- Huynh có bộ sách Tôn Vũ binh pháp không? Xin cho mượn xem thử.

Tôn Tần trả lời:

- Không có, nhưng ta đã tốn nhiều thời gian học bộ sách này, nay có thể đọc thuộc lòng được. Bàng Quyên bắt Tôn Tần phải viết ra, Tôn Tần bằng lòng.

Hồi đó, viết ra sách không phải là một chuyện dễ dàng, không có giấy, không bút, chỉ có thể viết trên thanh tre hoặc dùng dao khắc chữ trên phiến gỗ, dùng sơn bôi lên chữ. Tôn Tần là một người tàn phế, ngồi lên được thật đã rất vất vả, lại phải khắc thành chữ, thì quả thật là vô cùng khổ sở. Thế nhưng Bàng Quyên cứ thúc ép, đặc biệt còn cử một ông già tên Thành Nhi đến giám sát. May mà Thành Nhi có tấm lòng từ bi bác ái, rất thông cảm với cảnh ngộ của Tôn Tần nên đã không gây khó dễ cho Tôn Tần.

Một hôm, Bàng Quyên gọi Tôn Tần đến, hỏi Tôn Tần một ngày có thể viết ra được bao nhiêu chữ? Thành Nhi nói:

- Tôn Tần tiên sinh hai chân không thể cử động được. Một ngày chỉ viết nổi hai, ba hàng chữ thì không bị sai.

Bàng Quyên giận lắm, nói:

- Chậm rề rề như vậy, tới bao giờ mới có thể viết xong? Ông theo dõi thật chặt chẽ cho ta, thúc ép hắn phải viết cho mau lên.

Thành Nhi không hiểu rõ tại sao lại bức ép người tàn phế như bức ép người ta cho chết đi như vậy, nên đã đi hỏi thăm những người trước kia đã biết Bàng Quyên. Có người khẽ nói cho lão biết rằng:

- Quân sư giữ lại mạng sống cho Tôn Tần chỉ cốt để lôi được bộ sách đang chứa chất ở trong bụng ông ta ra thôi. Chờ khi sách viết xong thì mạng ông ta cũng sẽ toi! - Thành Nhi chẳng ngờ quân sư lại độc ác đến vậy, liền kể hết đầu đuôi cho Tôn Tần nghe. Tôn Tần giật mình kinh sợ,

bụng nghĩ: Bàng Quyên quả thật là mặt người tim thú, làm sao ta có thể truyền binh thư cho hắn được; lại nghĩ, nếu ta không viết, hắn bực tức, có thể giết chết ta ngay. Làm sao đây? Đúng! Ta đã có cách.

Ngay đêm đó, Tôn Tần đã phát điên. Thành Nhi đưa cơm đến, Tôn Tần trợn mắt quát to:

- Tại sao ngươi lại đem thuốc độc tới hại ta!

Nói rồi bê cả mâm cơm ném hết xuống đất, rồi đem những phiến gỗ ra viết chữ và quảng tuốt vào đồng lửa, ầm ầm ào ào, chửi bới không ngớt. Bàng Quyên nghe nói, vội vàng chạy tới, chỉ thấy Tôn Tần đầu bù, mặt nhọ, bò trên đất, lúc cười, lúc khóc và vái lạy la hét: “Quý cốc tiên sinh ơi, hãy cứu con!” Bàng Quyên sợ Tôn Tần vờ điên sai người lôi Tôn Tần nhốt vào chuồng lợn. Tôn Tần rúc đầu vào đồng phân lợn ngáy khò khò, khi tỉnh dậy liền nhặt những cục phân lợn nhét vào mồm nhai.

Bàng Quyên cho là Tôn Tần đã thật sự điên rồi, nên cũng không bức Tôn Tần viết sách binh nữa, song vẫn bí mật sai người theo dõi. Tôn Tần lê đôi chân què từ trong chuồng lợn trèo ra trèo vào, suốt ngày điên điên khùng khùng, thật vô cùng thương tâm!

Về sau, Ly Hoạt Ly biết được cảnh ngộ của Tôn Tần liền bàn với quan đại thần nước Tề là Điền Kỵ tìm biện pháp cứu Tôn Tần: trước hết, lấy danh nghĩa Tề Uy Vương đem lễ tặng, cử phái đoàn sứ giả tới nước Ngụy. Ngụy Huệ Vương nhận được lễ vật vô cùng sung sướng. Đúng nửa đêm, Ly Hoạt Ly trà trộn trong phái đoàn sứ giả lặng lẽ lên tới chuồng lợn. Tôn Tần nhìn thấy vừa đau thương lại vừa mừng rỡ nói:

- Chẳng ngờ kẻ đã chết này lại được gặp ngài! - Chính vào cái đêm hôm trước phái đoàn về nước, Ly Hoạt Ly đã giấu Tôn Tần rất kín đáo, chắc chắn trong một chiếc xe bọc kín, đổi bộ quần áo bẩn thỉu cho người khác mặc và người này vẫn nấp kín trong chuồng lợn. Trời vừa sáng, trong lúc Bàng Quyên bận đưa tiễn sứ giả, đoàn thì xe có Tôn Tần đã xuất phát. Bàng Quyên lại không hay biết, lại còn cho rằng Tôn Tần đã rơi xuống giếng mà chết rồi! Hắn làm sao biết được, lúc đó Tôn Tần đã sớm trở về nước Tề một cách an toàn! Hắn đâu có nghĩ được Tôn Tần đã trở thành thượng khách của Điền Kỵ.

Năm thứ 16 Chu Hiến Vương (năm 353 trước Công Nguyên) Ngụy Huệ Vương sai Bàng Quyên dẫn quân đi đánh nước Triệu, đã bao vây đô thành Hàm Đan của nước Triệu. Vua nước Triệu bối rối không tìm ra cách nào, liền cử người sang nước Tề cầu cứu. Tề Uy Vương bằng lòng xuất binh, dự định cử Tôn Tần làm đại tướng. Tôn Tần không chịu nhận, nói:

- Tâu đại vương, thần, con người tàn phế này mà nhận làm đại tướng thì thiên hạ sẽ cười nước Tề hết người rồi đó! - Tức thì đổi ra cử Điền Kỵ làm đại tướng, cử Tôn Tần làm quân sư, để ông ngồi trong xe binh xuất mưu vạch kế. Trên đường đi, Tôn Tần nói với Điền Kỵ rằng:

- Nước Triệu không phải là đối thủ của Bàng Quyên, chúng ta sẽ không kịp tới Hàm Đan vì Hàm Đan đã sớm bị quân Ngụy cướp rồi. Chi bằng cứ phao tin chúng ta sắp đánh chiếm Tương Lăng. Tương Lăng là thành trấn quan trọng của nước Ngụy. Bàng Quyên nghe tin này, nhất định sẽ phải quay về cứu viện. Lúc đó, chúng ta sẽ chặn đánh ở dọc đường, tất sẽ giành phần thắng!

Điền Kỵ cho đó là kế hay liền cho quân mai phục ở Quế Lăng, nơi quân Ngụy kéo về chắc chắn phải đi qua.

Quả nhiên, Bàng Quyên vừa biết tin quân Tề sắp sửa đánh chiếm Tương Lăng hoảng sợ, nói:

- Nếu mất Tương Lăng thì quốc đô An ấp cũng sẽ bị lung lay!

Khi Bàng Quyên vội vã từ Hàm Đan rút quân về, cứu viện Tương Lăng thì bị sa ngay vào thòng lọng bao vây mà quân Tề đã bố trí sẵn. Bàng Quyên vẫn chưa hiểu rõ vì sao thì quân đội của hắn đã bị đánh tan tác như hoa rơi nước chảy. Khi phát hiện thấy một chữ “Tôn” to bằng cái đấu trên lá cờ chiến của quân Tề, không kìm nổi kinh sợ, gào lên:

- Trời hỡi! Thăng què này vẫn còn sống ư? Ta đã bị hắn lừa! - Nói rồi, liền dẫn tàn binh bại

tướng liều mạng phá vòng vây chạy trốn một cách hết sức nhục nhã. Lịch sử đã gọi chiến lược của Tôn Tần trong chiến dịch này là “Vây” Ngụy, Cứu Triệu”.

Điền Kỵ, Tôn Tần đã lập được công lớn. Việc Tề Uy Vương vừa khen ngợi vừa ban thưởng cho họ, lại dẫn tới sự ghen ghét đố kỵ của tướng quốc Trâu Kỵ. Trâu Kỵ không ngừng nói xấu Điền Kỵ với Tề Uy Vương, khiến Tề Uy Vương hoài nghi Điền Kỵ. Điền Kỵ liền trao trả quân quyền, Tôn Tần cũng từ bỏ chức quân sư.

Tin đó truyền tới tai Bàng Quyên, hấn lại phẫn chấn hấn lên, cho rằng từ đây hấn sẽ vô địch thiên hạ. Vừa hay lúc đó nước Triệu muốn báo thù Hàm Đan, muốn liên hiệp với nước Hàn để đánh nước Ngụy, Bàng Quyên thương lượng với Ngụy Huệ Vương quyết định cất quân đánh nước Hàn trước, liền dẫn quân trong toàn quốc tiến đánh nước Hàn. Nước Hàn đã mấy lần bị thất bại, tình hình trước mắt rất xấu, phải vội vàng cầu cứu nước Tề.

Năm thứ 18 Chu Hiến Vương (năm 351 trước Công Nguyên) Tề Uy Vương lại khởi dụng Điền Kỵ làm đại tướng, Điền Anh làm phó tướng, Tôn Tần làm quân sư, thống lĩnh 5 vạn đại quân đi cứu nước Hàn. Tôn Tần đã sử dụng chiến lược giống như chiến lược “Vây Ngụy, Cứu Triệu” lần trước, không trực tiếp tới giải cứu nước Hàn, mà lại đánh chiếm quốc đô Đại Lương của nước Ngụy (nay là thị trấn Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Lúc này quốc đô của nước Ngụy đã từ An ấp rời tới Đại Lương.

Bàng Quyên vừa nghe quốc đô Ngụy cấp đành phải từ nước Hàn rút quân về. Chờ cho hấn về tới biên cảnh nước Ngụy, quân đội của nước Tề đã tiến vào nước Ngụy. Bàng Quyên khảo sát tỉ mỉ doanh trại của quân Tề, cử người đi đến các bếp lò mà quân Tề đã dùng để nấu cơm, phát hiện các bếp lò ấy đủ để nấu ăn cho 10 vạn người. Hấn bồng bàng hoàng kinh ngạc, nghĩ bụng:

- Quân đội nhiều như vậy, làm sao có thể đối phó được? – Chờ tới khi truy đuổi theo doanh trại thứ hai của quân Tề, bếp lò lại chỉ đủ nấu cơm cho 5 vạn người ăn. Hấn lại nghĩ bụng:

Thế này là thế nào?

- Tiếp tục đuổi đến nơi đóng quân thứ ba, bếp lò lại chỉ đủ để cho 3 vạn người ăn. Lúc này Bàng Quyên mới thở một hơi dài khoan khoái sung sướng, nói:

- Ta đã biết từ trước rằng người nước Tề nhát gan mà, ngày nay mới kéo quân tới nước Ngụy chúng ta có 3 hôm, binh sĩ đã bỏ chạy quá nửa, xem ra thì có thể rửa sạch điều xỉ nhục trong chiến dịch Quế Lăng đó. Chẳng cần tới vài ngày đâu!

Tức thì hấn liền hạ lệnh đuổi theo quân Tề chẳng quản ngày đêm.

Kỳ thực, đây đều là mưu kế đánh lừa đối phương do Tôn Tần bày ra. Lúc này, Tôn Tần đã sớm đem binh mã mai phục trên đường Mã Lăng, chỉ còn chờ Bàng Quyên dẫn xác đến.

Con đường Mã lăng kẹp giữa hai ngọn núi, vừa dài lại vừa hẹp. Lúc Bàng Quyên dẫn quân tới đây đã là nửa đêm, lại là tuần tháng 10, không có trăng. Bỗng nhiên, binh lính từ trước đến báo cáo:

- Đường núi đã bị củi gỗ bịt kín rồi, không còn cách nào tiến quân được nữa!

Bàng Quyên chửi quân lính:

- Thế mà bay còn dám bắm báo hử? Rõ ràng là quân Tề sợ chúng ta đuổi theo nên cố ý đặt bày chướng ngại, dọn củi gỗ đi là xong!

Khi Bàng Quyên chỉ huy quân lính khiêng củi gỗ thì lại phát hiện ra cây cối xung quanh đều đã bị chặt sạch quang, chỉ còn lại một cây lẻ loi dưới chân núi, trên giữa thân cây lộ ra mờ mờ ản ản một miếng trắng. Hấn bước tới. Thì ra vỏ cây đã bị đẽo đi một khoảng, bên trên viết chữ gì ảo ảo. Hấn vội vã sai người đốt đuốc lên! Trời ơi, một hàng chữ 10 chữ to như chọc vào mắt hấn: **“Bàng Quyên chết dưới cây này! Quân sư tôn Thị”**.

Bàng Quyên vội hô lớn:

- Ta lại trúng kế của thằng què rồi! – Tiếng hô vừa dứt đã nghe tiếng các mũi tên véo véo bay về nơi bó đuốc chiếu sáng. Và như vậy Bàng Quyên đã trở thành bia của quân Tề! Ô hô! ai tai!

Sau đó, quân Tề từ hai bên sườn núi như những con mãnh hổ xông thẳng vào quân Ngụy mặc sức chém giết; quân Ngụy khóc lóc kêu cha gọi mẹ, quỳ xuống đất cầu xin được tha chết. Tôn Tấn nói:

- Bây giờ ta tha cho chúng người trở về, bảo cho Ngụy vương chúng người hãy mau mau dâng biểu xin triều cống, nếu không ta sẽ tiến quân về hướng Tây, làm cỏ nước Ngụy! – Nói xong, tự tay chặt đầu Bàng Quyên. Quân Tề chất đầy xe chiến lợi phẩm, reo khúc khải hoàn trở về.

Điền Kỵ, Tôn Tấn giành thắng lợi trở về nước. Tề Uy Vương bày tiệc yến ụy lạo. Trâu Kỵ vốn trước vẫn ghen ghét đổ kỵ hai người, nay đành ngưỡng ngừng từ chức tướng quốc. Uy Vương liền cử Điền Kỵ làm tướng quốc và muốn thưởng đất phong cho Tôn Tấn. Tôn Tấn kiên quyết không nhận. Tôn Tấn đem mười ba thiên *Tôn Tử binh pháp* tự tay soạn, dâng Tề Uy Vương, rồi từ quan về ở ẩn.

Mười ba thiên *Tôn tử binh pháp*, trước tác Tôn Vũ mà ngày nay chúng ta được đọc, có lẽ chính là của Tôn Tấn truyền lại chăng! Kỳ thực, Tôn Tấn là nhà quân sự vĩ đại trong thời kỳ Chiến Quốc của Trung Quốc, bản thân ông cũng đã từng đúc rút những kinh nghiệm quân sự của mình, đăng viết ra bộ sách tên gọi là *Tôn Tấn binh pháp*, đáng tiếc là đã thất truyền. Mãi đến 1972 những nhà khảo cổ khi khai quật được một loại trúc giản ở Hán mộ thuộc núi Ngân Tước, tỉnh Sơn Đông, mới phát hiện được bộ sách này. Bộ sách này là những tư liệu cực kỳ quý báu để nghiên cứu lịch sử quân sự. Sự ghi chép của tác phẩm *Tôn Tấn binh pháp* đối với chiến dịch Mã Lăng đã chứng minh Bàng Quyên không phải chết bởi ngàn vạn mũi tên bắn mà là bị bắt sống. Điều này đã cải chính cho một sai lầm được lưu truyền trong suốt một thời gian dài của lịch sử. Đương nhiên, cho dù Bàng Quyên bị bắn chết hoặc bị bắt sống cũng đều thế cả, miễn là cái chết đó cuối cùng đã được chứng minh rằng những kẻ dùng âm mưu quỷ kế hại người, đều không thể có kết cục tốt đẹp trước, đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa!

58. Mặc Tử Ngăn sở đánh Tống

Các nước chư hầu xâm chiếm lẫn nhau, gây ra chiến tranh liên miên, làm cho dân chúng khổ sở không sao kể hết. Họ không thể không gánh vác binh dịch, lao dịch và thuế má nặng nề, cuộc sống ngày càng khó khăn. Đặc biệt là các cuộc chiến tranh của nước mạnh xâm lược nước yếu, luôn luôn khiến cho tính mạng và tài sản các nước nhỏ bị tàn phá hoại một cách ghê gớm. Tức thì đã xuất hiện một loạt người phản đối chiến tranh. Mặc Tử chính là một người nổi nhất trong số đó.

Mặc Tử họ Mặc, tên Dịch, là nhà tư tưởng và nhà khoa học đầu thời Chiến Quốc. Về học thuyết của ông, chúng ta sẽ giới thiệu ở phần cuối. Đây chỉ kể chuyện ông ngăn Sở đánh Tống.

Trong phần “Xuân Thu” đã từng kể tới Lỗ Ban, cũng chính là Công Thân Bàn, người đã biết tạo ra các loại binh khí. Có lần, tại nước Sở, ông đã sáng chế một loại khí giới giúp vua Sở đánh thành, tên gọi là Thanh mây. Loại Thang này gắn cố định ở trên xe, có thể đẩy tới sát dưới chân thành. Dựa vào loại khí giới này, các binh sĩ có thể trèo lên tường thành rất cao, đánh thành tương đối dễ dàng. Thang máy làm xong, Sở Vương vô cùng sung sướng, quyết định dùng nó để đánh Tống. Lúc này Mặc Tử đang ở nước Tề, nghe được tin này, hết sức bức tức, một mặt sai học trò của mình tới ngay nước Tống hỗ trợ họ làm tốt công việc chuẩn bị phòng ngự, mặt khác, quyết định đích thân tới nước Sở khuyên vua Sở đình chỉ việc đánh Tống.

Lúc đó, việc giao thông rất không thuận tiện, hoàn toàn chỉ dựa vào đi bộ hoặc ngồi trên xe ngựa, đi lại rất khó khăn. Thế nhưng vì để ngăn cản một cuộc chiến tranh xâm lược, Mặc Tử đã không ngại lao khổ, trèo núi lội sông, cứ mãi miết đi chẳng quản ngày đêm, trầy trật lắm mới tới được đô thành ảnh của nước Sở (huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc ngày nay).

Vừa tới ảnh Đô, chưa kịp nghỉ ngơi đã vội đi tìm Công Thân Bàn. Công Thân Bàn từ lâu vẫn ngưỡng mộ đại danh Mặc Tử, thấy ông mồ hôi nhễ nhại, vội hỏi:

- Tiên sinh hạ cố tới đây, hẳn có điều gì dạy bảo?

Mặc Tử đáp:

- ở phương Bắc có người làm nhục tôi, tôi muốn tới mượn sức mạnh của ngài lấy mạng hắn.

Công Thân Bàn nghe nói, bỗng sa sầm nét mặt, trả lời:

- Sao lại có thể tùy tiện giết người được?

Mặc Tử nói:

- Tôi tình nguyện dâng một ngàn lượng vàng để tạ ơn ngài.

Công Thân Bàn nói:

- Tôi là người kiên quyết giữ điều chính nghĩa, không thể vì đồng tiền mà giết người bậy bạ được.

Nghe xong câu này, Mặc Tử cười khà khà, bước lên một bước, nói:

- Đã như vậy, thì xin ngài hãy giải thích cho tôi rõ một việc: nghe nói ngài chế tạo thang mây cho vua Sở đánh nước Tống, xin hỏi nước Tống có tội gì?

Công Thân Bàn nhất thời không trả lời được. Mặc Tử không để cho ông ta biện bạch, hỏi tiếp:

- Như lời ông vừa nói: ông là người kiên quyết giữ điều chính nghĩa, không bằng lòng giết bậy một người. Bây giờ đã vô duyên vô cớ đi đánh một quốc gia, không biết là sẽ phải giết chết bao nhiêu người. Xin hỏi, điều chính nghĩa mà ngài kiên quyết giữ đó đã bay biến đi đâu rồi? Nếu điều chính nghĩa mà ngài kiên quyết giữ đó là chỉ giết nhiều, không giết ít, thế thì nó sẽ đáng giá được mấy đồng tiền?

Một loạt câu hỏi sắc bén này đã làm Công Thân Bàn phải câm miệng, đành nói:

- Tiên sinh có lý. Có điều tôi đã chót nhận lời với đại vương. Đại vương cũng đã có quyết định rồi.

Mặc Tử nói:

- Ngài có thể dẫn tôi tới gặp Sở Vương được không?

Công Thân Bàn bằng lòng đưa Mặc Tử tới gặp vua Sở.

Mặc Tử vái chào vua Sở xong liền kể câu chuyện của một người cho nhà vua nghe.

- Thần đã gặp một người có xe lộng lẫy không ngồi, lại đi lấy cặp chiếc xe cũ nát của hàng xóm để dùng; bản thân mình có quần áo tơ lụa không mặc, lại cứ đi ăn cặp quần áo rách rưới, bản thân mình có sơn hào hải vị không ăn, lại cứ đi xơi trộm cơm hẩm, canh thiêu của người khác. Theo Chúa công thì người này đã mắc phải bệnh gì nào?

Vua Sở cười, nói:

- Trẫm nghĩ rằng con người này trăm phần trăm là nghiện ăn cắp rồi.

Mặc Tử nói tiếp:

- Theo như thần nghĩ, lãnh thổ của quý quốc quy vuông năm ngàn dặm, nước Tống chỉ có năm trăm dặm, điều này cũng giống như chiếc xe lộng lẫy và chiếc xe cũ nát. Đất đai của quý quốc màu mỡ, sản vật phong phú, nước Tống là một mảnh đất hoang dã, đất cằn, dân nghèo, điều này cũng giống như sơn hào hải vị và cơm hẩm, canh thiêu. Quý quốc rừng rú dày đặc, nước Tống cây cối thưa thớt, điều này cũng ví như quần áo bằng tơ lụa và quần áo rách rưới, bản thân. Nói vậy có nghĩa là Chúa công sai lính đi đánh nước Tống, chẳng phải đã mắc cùng một bệnh giống như người kia đó sao? Chúa công làm như vậy chỉ có thể gây cười cho thiên hạ, quyết chẳng thể đem lại kết quả gì tốt đẹp!

Sở vương nghe xong, như vừa tỉnh giấc mộng, bèn nói:

- Tiên sinh đã nói đúng!

Thế nhưng Sở Vương không cam đoan đình chỉ việc đánh Tống, mượn có nói:

- Lời nói tuy là như vậy, có điều, Công Thân Bàn làm xong Thang mây cho trẫm rồi, trẫm cũng muốn tới nước Tống dùng thử xem có ích lợi gì không?

Mặc Tử nói:

- Có được Thang mây rồi cũng chưa chắc đã giành được thắng lợi.

Sở Vương nói:

- Tiên sinh nói câu này là có ý gì?

Mặc Tử cười, trả lời:

- Bởi, đến ngay cả thần mà còn chưa đối phó nổi, huống hồ cả một nước Tống? Nếu Chúa công không tin xin cứ để cho thần và quan đại phu Công Thân Bàn dùng một số đồ vật thay thế khí giới tĩ thí ngay tại chỗ thử xem sao.

Sở Vương nghĩ đây quả là một việc rất có ý nghĩa, liền đồng ý cho họ tĩ thí ngay tại chỗ. Chỉ thấy Mặc Tử cởi bỏ đai lưng của mình ra vây thành hành trang bao vây thành, dùng một số chiếc đũa làm khí giới giữ thành. Công Thân Bàn dùng mấy cây gỗ nhỏ, miếng gỗ nhỏ thay thế vân vân, xe đâm và đá bay... làm vũ khí đánh thành. Khi đã chuẩn bị xong, họ bắt đầu tĩ thí ngay tại chỗ. Công Thân Bàn dùng vũ khí tấn công và đã tổ chức tấn công hết đợt này qua đợt khác, kết quả đều bị Mặc Tử dùng võ khí phòng ngự đánh lại. Cuối cùng, các biện pháp tấn công của Công Thân Bàn đều đã dùng hết, các biện pháp phòng ngự của Mặc Tử thì lại còn rất nhiều, vẫn chưa dùng hết.

Công Thân Bàn bỗng đột ngột đứng dậy, bực tức nói:

- Hư tôi biết được phải đối phó với ông như thế nào rồi, nhưng tôi sẽ không nói.

Mặc Tử mỉm cười, trả lời:

- Tôi cũng biết được ngài sẽ đối phó với tôi như thế nào rồi thế nhưng tôi cũng không nói.

Tới lúc này thì thực sự Sở Vương không còn hiểu ra sao nữa, vội hỏi:

- Thế là thế nào?

Mặc Tử nói:

- Ý tứ Công Thân Bàn chẳng phải đã hiện ra rất rõ rồi sao? Ông ta muốn giết chết thần; giết chết thần rồi, không còn người giữ thành thay nước Tống nữa, việc đánh Tống chẳng phải đã thành công sao? Thế nhưng ông ta không biết được các học sinh của thần như Cam Hoạt Ly... hơn ba trăm người, sớm đã đem khí giới phòng ngự mà thần thiết kế từ trước đặt sẵn trên lầu thành nước Tống, chỉ còn chờ các người dẫn xác tới! Cho dù có giết chết thần, các người cũng đừng hòng đánh thẳng nước Tống.

Sở Vương nghe xong, chán nản, đành phải nói:

- Thôi được, thôi được! Trẫm quyết định không đánh nước Tống nữa.

Cuộc chiến tranh mà Mặc Tử ngăn chặn là một cuộc chiến tranh xâm lược bất nghĩa. Trước đây, có người nói: "Xuân Thu không có chiến tranh chính nghĩa". Nhìn chung đại bộ phận các cuộc chiến tranh trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc có lẽ đều có thể nói như vậy cả. Có điều, vẫn cần phải nhìn rõ, các cuộc chiến tranh liên miên không ngừng lúc đó là biểu hiện sự biến động lịch sử kịch liệt của xã hội, kết quả cuối cùng là giai cấp địa chủ mới nổi dậy đã xác lập được ách thống trị phong kiến, Trung Quốc từ phân liệt bước tới thống nhất toàn quốc. Đây là sự tiến bộ và phát triển của xã hội. Do vậy, các cuộc chiến tranh lúc đó vừa có mặt tiêu cực lại cũng có mặt tích cực, không thể phủ định một cách dễ dãi được.

59. Trương Nghi liên hoành

Sau khi Thương Ưởng thay đổi pháp chế, nước Tần đã xây dựng được chính quyền của giai cấp địa chủ mới nổi dậy, thực lực về chính trị, kinh tế và quân sự đều mạnh hơn các quốc gia khác. Từ Tần Hiếu Công trở đi, các đời vua của nước Tần đều có hùng tâm tráng khí muốn thống nhất thiên hạ, không ngừng xuất binh tấn công nước Ngụy và Hàn ở bên cạnh, liên tiếp đánh thắng rất nhiều trận, cướp đoạt được không ít đất đai.

Sáu nước Tề, Sở, Triệu, Yên, Hàn, Ngụy nhìn thấy nước Tần lợi hại như vậy, đều rất hoảng sợ, muốn tìm phương nhĩ kế để đối phó với nó. Tức thì họ liền đề xuất chủ trương “Hợp tung” chống Tần, ý nghĩa là sáu quốc gia liên hợp lại, cùng đánh lại nước Tần. Bởi vì sáu quốc gia này đều ở phía Đông nước Tần, vị trí dọc qua Nam Bắc, cho nên người ta gọi loại liên hiệp là “Hợp tung”. Nhân vật đại biểu đầu tiên đề xướng ra “Hợp tung” là Công Tôn Diễn. Công Tôn Diễn là người nước Ngụy, từng đã làm tướng nước Ngụy. Có một năm Công Tôn Diễn tổ chức năm nước Ngụy, Triệu, Hàn, Yên, Sở “Hợp tung” đánh Tần, thế nhưng chỉ có ba nước Ngụy, Triệu, Hàn xuất binh. Họ đánh vào Hàm Cốc Quan, bị thất bại, đành phải thu quân về nước. Lần hợp tung này không giành được hiệu quả thành công nào.

Đi ngược lại “Hợp tung” chống Tần là những người có chủ trương “Liên hoành” thân Tần. Họ nói, nước Tần quá lớn mạnh, bất luận là quốc gia nào trong sáu nước Tề, Sở, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn chỉ có dựa vào các nước Tần, liên minh với nước Tần để đối phó với các nước khác thì hy vọng giành được thắng lợi. Bởi vì nước Tần ở chệch về phía Tây, sáu nước kia ở phía Đông, từ Đông sang Tây gọi là “Hoành” (ngang), cho nên người đời gọi chủ trương này là “Liên hoành”. Người đề xướng “Liên hoành” nổi tiếng nhất lúc đó là Trương Nghi. Những người đề xướng tiến hành “Hợp tung” và “Liên hoành” được gọi là “Tung hoành gia”.

Trương Nghi cũng là người nước Ngụy, từ nhỏ ông đã đọc nhiều sách, chú ý nghiên cứu những hình thế của thiên hạ. Sau khi tiếp thu được bản lĩnh trên mặt chính trị và ngoại giao, ông đã đi tới các nước du thuyết, thế nhưng cái dáng vẻ sa cơ thất thế của ông lúc đầu đã luôn luôn bị thiên hạ khinh thường.

Một lần, Trương Nghi tới nước Sở, xin gặp Sở Uy Vương nhưng ông không cho gặp. Không còn cách nào ông đành phải tới làm môn khách dưới cửa nhà quan lệnh doãn (chức quan lớn nhất của nước Sở) Chiêu Dương. Một hôm, Chiêu Dương mời một số khách tới uống rượu. Sau khi khách ra về rồi, Chiêu Dương bỗng phát hiện ra viên ngọc bích quý giá nhất đã không cánh mà bay. Ông vô cùng hoảng hốt, lục tìm khắp nơi mà vẫn không thấy. Có người bí mật chỉ vào Trương Nghi, khẽ nói với Chiêu Dương:

- Nhất định là tên Tiểu Tử nghèo hèn này lấy cắp rồi, vừa nãy hẳn có qua đây.

Chiêu Dương nhìn dáng vẻ nghèo túng của Trương Nghi, cũng đem lòng nghi ngờ. Thế rồi, bất kể như thế nào, Chiêu Dương sai người trói chặt Trương Nghi lại, vừa đánh vừa ép buộc Trương Nghi phải nhận là đã lấy cắp ngọc. Roi vọt đánh mấy trăm lần, Trương Nghi da thịt rách, máu tươi chảy ròng ròng, thế nhưng vẫn cắn răng không nhận. Chiêu Dương thấy Trương Nghi bị đánh sắp chết, liền bảo dừng tay, có người thương hại khiêng Trương Nghi trả về nhà. Vợ Trương Nghi nhìn chồng bị đánh toàn thân không còn chỗ nào lành lặn, liền khóc lóc nói:

- Trời ơi, nếu chàng sớm nghe lời thiếp không đi ra ngoài bôn tẩu cầu chức quan thì đâu đến nỗi vấp phải tội này!

Trương Nghi rên rỉ, vừa lắp bắp hỏi:

- Nàng... nàng... hãy nhìn thử xem lưỡi ta có còn không?

Vợ Trương Nghi vừa bực tức vừa nực cười, chửi rửa:

- Chàng là con vật đáng chết, đánh đau như thế này mà còn pha trò được! Lưỡi mà có thể đánh rụng đi được à?

Trương Nghi nói:

- Tốt, chỉ cần lưỡi của ta còn, thì ta không sợ nữa. Ta còn có ngày mở mày mở mặt được!

Trương Nghi đã “mê chức quan” như vậy đó.

Trương Nghi không hòa nhập được ở nước Sở, tới nước khác cũng không được trọng dụng, liền chạy sang nước Tần. Tần Huệ Vương đang buồn rầu vì sự việc “Hợp tung” của sáu nước. Trương Nghi liền trình bày một hệ thống sách lược “Liên hoành” thân Tần khiến Huệ Vương vui sướng gật đầu, cho Trương Nghi làm khách Khanh(1). Trương Nghi đã đề xuất rất nhiều mưu lược cho Tần Huệ Vương, lôi kéo nước Ngụy và nước Yên, đã phá hoại được hiệp ước liên minh “Hợp tung. Tần Huệ Vương trọng dụng Trương Nghi, đã để ông làm tướng quốc, nắm giữ đại quyền quân chính.

Chu Nản Vương nguyên niên (năm 314 trước Công Nguyên), nước Yên đã phát sinh nổi loạn. Tề Tuyên Vương thừa cơ phái quân đội tấn công nước Yên, giết chết vua Yên, về cơ bản đã diệt vong nước Yên. Như vậy là uy danh của nước Tề càng cao, ngay cả đến Sở Hoài Vương là “Tung Ước trưởng” lúc đó cũng tới xây dựng liên minh với Tề. Tề và Sở đều là nước lớn, hễ họ liên minh với nhau sẽ uy hiếp nghiêm trọng nước Tần đồng thời cũng là một trở ngại lớn nhất trong việc thống nhất thiên hạ của nước Tần. Tần Huệ Vương nghe được tin này, vội vàng tìm Trương Nghi để thương lượng đối sách. Trương Nghi nói:

- Để thần tới nước Sở một chuyến, đảm bảo rằng Sở sẽ rã đám với nước Tề!

Huệ Vương liền cử Trương Nghi đi sang nước Sở.

Sở Hoài Vương là một ông vua đầu óc u mê ngu tối, nghe nói có Trương Nghi tới tỏ ra rất vui vẻ, dự định sẽ chiêu đãi Trương Nghi thật hậu. Trương Nghi tới nước Sở, trước hết dùng một khoản lớn vàng bạc châu báu biểu viên quan đại thần được Sở Hoài Vương sủng tín nhất tên gọi là Cận Thượng, sau đó tới yết kiến Sở Hoài Vương. Vừa gặp mặt, Trương Nghi liền nói thẳng, không úp mở:

- Thừa đại vương, hiện tại các nước thực sự được xem là lớn mạnh trong thiên hạ phải kể tới ba quốc gia là Sở, Tề, và Tần. Nếu nước Tần và nước Tề liên hiệp lại thì nước Tề sẽ mạnh. Nếu nước Tần và nước Sở liên hiệp lại thì nước Sở sẽ mạnh. Nước mà Tần hận nhất đó là nước Tề. Vua Tần đã nói, chỉ cần đại vương tuyệt giao với nước Tề, vua Tần sẽ tình nguyện đem 600 dặm đất đai của nước Thương và nước Vu trước đây đã chiếm lĩnh của quý quốc hoàn trả lại cho Đại vương để cho hai nước chúng ta đời đời kiếp kiếp mãi mãi giao hảo với nhau.

Sở Hoài Vương vừa nghe, vội nói:

- Được như vậy thì tốt quá! Nước Tần thực lòng đem đất đai đã chiếm trước đây trả lại cho ta, thì ta làm gì phải kết liên với nước Tề nữa!

Các quan đại thần đều rất tán thành với khoản giao dịch này, họ tấp nập tới chúc mừng Sở Hoài Vương. Bỗng nhiên, khách Khanh Trần Chấn đứng dậy, nói:

- Các ông còn sung sướng nổi gì? Sắp sửa chết cả lũ mà không có chỗ chôn đó.

Hoài Vương bực tức nói:

- Lời khanh nói là có ý gì?

Trần Chấn bình tĩnh đáp:

- Tâu đại vương, xin đại vương hãy nghĩ xem, tại sao nước Tần lại coi trọng nước Sở đến vậy? Chẳng phải vì chúng ta kết thành liên minh với nước Tề hay sao? Nếu chúng ta tuyệt giao, cô lập nước Tề, không cho cứu viện, liệu nước Tần còn coi trọng chúng ta, trả lại đất cho chúng ta không? Giả dụ Trương Nghi bội tín, bội nghĩa, không trả lại đất thì chúng ta làm gì được ông ta? Nước Tề dựa vào nước Tần, hai nước cùng đến đánh Sở, liệu có thể đối phó nổi không? Thần nghĩ rằng, chi bằng trước hết hết ta cử người theo Trương Nghi tới nước Tần, để nước Tần cắt đất giao cho chúng ta, chờ khi nắm chắc trong tay rồi, ta sẽ tuyệt giao với nước Tề cũng không

muộn.

Lúc này, viên quan đại thần Cận Thượng đã được Trương Nghi hối lộ vội đi ra ngoài nói mát:

- Hì hì, ông nói thật là dễ dàng. Không tuyệt giao với nước Tề, nước Tần há có thể đem sáu trăm dặm đất trả không cho chúng ta ư? Trên đời này làm gì có chuyện dễ dàng như vậy?

Sở Hoài Vương gật đầu, nói:

- Trương Nghi tuyệt đối không thể lừa dối chúng ta được, các người không được nói lại nữa!

Tức thì một mặt sai người tới tuyệt giao với nước Tề, một mặt sai sứ thần theo Trương Nghi tới nước Tần làm thủ tục chuyển giao đất đai.

Tới nước Tần, Trương Nghi giả vờ ngã gãy chân, đi trốn. Sứ thần nước Sở chờ suốt ba tháng cũng không được gặp Trương Nghi, quả thực không thể đợi được nữa, liền trực tiếp viết thư cho Tần Huệ Vương, nói rõ sự việc Trương Nghi bằng lòng cắt đất trả cho nước Sở. Tần Huệ Vương trả lời nói:

- Hiệp định mà Trương Nghi định ra, trăm nhất định thực hành. Thế nhưng nghe nói nước Sở và nước Tề còn chưa hoàn toàn tuyệt giao, trăm làm sao có thể trả lại đất cho các người được! Cứ đợi tướng quốc khỏi chân rồi sẽ bàn.

Sứ thần đem ý kiến này tâu với Sở Hoài Vương biết. Sở Hoài Vương nói:

- Tại vì trăm và nước Tề tuyệt giao chưa kiên quyết đó!

Sau đó liền sai người tới nước Tề, chửi rủa Tề Vương. vua Tề bực bội, lập tức cử sứ thần tới nước Tần, ước hẹn cũng đánh Sở. Trương Nghi vừa nghe thấy, kể sách "Liên hoàn" coi như đã thành công, vội vàng bước lên triều. Tới cửa cng vua vừa hay gặp mặt sứ thần nước Sở, Trương Nghi cố ý làm ra vẻ kính sợ, hỏi:

- Tại sao ngài lại không đi tiếp nhận đất còn ở đây để lỡ việc lớn?

Sứ thần nói:

- Vua Tần bảo tôi chờ ngài khỏi vết thương đã rồi sẽ làm thủ tục giao đất, bây giờ xin ngài nói cho vua Tần rõ.

Trương Nghi nói:

- Chẳng phải là sáu dặm đất phong của tôi đó hay sao, một việc con con thế này há để vua Tần phải bận tâm?

Sứ thần nước Sở giật mình kinh ngạc:

- Cái gì? Sáu dặm à? Đại vương của chúng tôi nói cho tôi biết đó là sáu trăm dặm đất của Thương và Vu kia mà!

Trương Nghi nói như không hề có chuyện xảy ra:

- Có lẽ là Đại vương của các ngài nghe lầm đó. Tôi nói là sáu dặm đất phong của tôi đó! Đất đai của nước Tần phải đánh đổi bằng máu, nên một tấc cũng quyết không cho người khác, huống hồ những sáu trăm dặm.

Sứ thần vội trở về tâu với Sở Hoài Vương lúc này Sở Hoài Vương mới biết rõ Trương Nghi vốn là một tên lừa đảo, đã bị hắn lừa và hận hận tới mức phải nghiêng răng nghiêng lợi. Năm thứ ba Chu Nản Vương (năm 312 trước Công Nguyên) Sở Hoài Vương cử Khuất Cái làm đại tướng, dẫn 10 vạn đại quân tới đánh nước Tần. Tần Huệ Vương cử Ngụy Chương làm đại tướng, dẫn 10 vạn quân ra nghênh chiến, đồng thời lại ước hẹn với nước Tề cùng đánh khép gọng kìm vào nước Sở. Quân đội nước Sở đại bại, đại tướng Khuất Cái bị bắt, 10 vạn binh mã chỉ còn lại hai, ba vạn, ngay cả đến hơn sáu trăm dặm đất vuông ở Hán trung cũng bị nước Tần chiếm lĩnh. Lúc này, hai nước Hàn, Ngụy nghe nói nước Sở bị bại trận, cũng thừa cơ tới xâm phạm biên giới nước Sở, muốn đục nước béo cò. Sở Hoài Vương hoảng sợ quá vội vàng cử quan đại thần là

Khuất Nguyên đi sang nước Tề tạ tội, lại sai Trần Chấn tới doanh trại quân đội nước Tần để cầu hòa, bằng lòng lại biểu cho nước Tần hai toà thành trì. Đại tướng nước Tần là Ngụy Chương bẩm báo với Tần Huệ Vương, Tần Huệ Vương nói:

- Hai toà thành trì này trăm không cần, mà chỉ muốn dùng đất Thương vụ đổi lấy đất Kiềm Trung của nước Sở, nếu vua Sở bằng lòng thì trăm sẽ rút quân.

Sở Hoài Vương hận Trương Nghi muốn chết, đất đai thì ông chẳng cần gì, trả lời:

- Không cần phải đổi đất. Chỉ cần Tần Vương giao nộp Trương Nghi cho trăm, trăm tình nguyện đem đất Kiềm Trung biểu cho Tần Vương.

Số quan đại thần thường ngày vẫn căm hận Trương Nghi ở nước Tần nghe Sở Hoài Vương trả lời như vậy, bèn nói:

- Đem một người đổi lấy mấy trăm dặm đất thì hời quá rồi còn gì nữa!

Tần Huệ Vương nói:

- Trương Nghi là người giúp việc đắc lực của trăm, trăm làm sao có thể đẩy Trương Nghi vào chỗ chết được.

Trương Nghi nói:

- Tâu đại vương, thần xin đi, một mình thần chết để nước Tần được cả một vùng đất rộng lớn Kiềm Trung, cũng đáng lắm! Hơn nữa, cũng chưa chắc thần đã chết đâu.

Huệ Vương hỏi:

- Tại sao?

Trương Nghi trả lời:

- Thần rất thân thiết với Cận Thương, một đại thần được Sở Hoài Vương yêu mến và tín nhiệm. Cận Thương lại được mỹ nhân mà Sở Hoài Vương sủng ái nhất tên gọi là Trịnh Tú rất tín nhiệm. Thần có thể mua chuộc họ để họ nói tốt cho thần trước mặt Sở Hoài Vương. Huống hồ, nước Tần mạnh, nước Sở yếu, thần là sứ thần được nước Tần cử tới, sao Sở Vương lại có thể tùy tiện giết hại thần được?

Tới lúc này Huệ Vương nói để cho Trương Nghi đi.

Trương Nghi tới nước Sở. Sở Hoài Vương nhốt Trương Nghi lại, chuẩn bị chọn ngày lành, tháng tốt đem ra giết. Trương Nghi đã mua chuộc được Cận Thương và Trịnh Tú từ lâu rồi. Hai người này đã nói tốt cho Trương Nghi trước mặt vua Sở hết lần này đến lần khác, Trịnh Tú còn quần quýt bên cạnh Hoài Vương suốt ngày rồi lại suốt đêm, vừa khóc vừa hờn nói:

- Nếu bệ hạ giết chết Trương Nghi, vua Tần nhất định sẽ giận dữ, cử đại quân đến đánh, liệu hai mẹ con thiếp còn sống được không?

Sở Hoài Vương đã xúc động bởi những lời nói đó, Sở Hoài Vương luyến tiếc Trịnh Tú và con trai, lại luyến tiếc mảnh đất Kiềm Trung kia, nên đã không giết chết Trương Nghi, trái lại, đã tin theo Trương Nghi, bằng lòng cùng nước Tần vĩnh viễn giao hảo, sau đó đã rất khách khí đưa trả Trương Nghi về nước Tần.

Về tới nước Tần, Trương Nghi nói với Tần Huệ Vương.

- Vua Sở vô cùng sợ hãi đại vương, nếu đại vương có thể đem một nửa đất Hán Trung trả về cho nước Sở, rồi đem con gái gả cho Thái tử nước Sở, thì vua Sở càng cảm kích trước ân đức của đại vương. Thần sẽ dùng ví dụ này đi du thuyết các quốc gia khác, thì người ta mới vui lòng “Liên hoành” với nước Tần.

Tần vương rất tán thành chủ ý này, liền trao vàng bạc, xe ngựa cho Trương Nghi, rồi cử Trương Nghi tới các nước du thuyết việc “Liên hoành”, còn tặng cho Trương Nghi năm toà thành rồi phong cho làm Vũ Tín Quân.

Trương Nghi đã lên đường, trạm đầu tiên tới nước Tề, yết kiến Tề Tuyên Vương; Trương Nghi nói với Tề Tuyên Vương:

- Đại vương còn chưa biết hay sao, nước Tần và nước Sở đã kết thành thông gia rồi. Thần mới từ nước Triệu đến, nước Triệu rồi nước Hàn, nước Ngụy nghe thấy Tần Sở Vương kết liên minh, không nước nào không sợ hãi, đều tranh nhau tặng cho đất nước Tần để kết thành hòa hảo. Tại sao đại vương lại không giao hảo với nước Tần? Nếu nước Tần để cho Tam Tấn đánh đại vương, tới lúc đó có muốn giao hảo với nước Tần thì cũng đã muộn. Tình thế hiện nay chính là như vậy, ai giao hảo với nước Tần thì người ấy được an toàn, ai phản đối Tần thì người đó sẽ gặp xúi quẩy.

Tề Tuyên Vương đã thực sự bị Trương Nghi dọa cho hoảng sợ, phải nhờ Trương Nghi nói giùm việc muốn hòa hảo trước mặt vua Tần.

Sau đó, Trương Nghi lại chạy liền một mạch đến du thuyết ở nước Triệu và nước Yên; biện pháp mà Trương Nghi sử dụng cũng vẫn là kết hợp lừa bịp với dọa nạt. Khi ở nước Triệu, Trương Nghi đã lừa Triệu Vũ Vương, nói rằng nước Tề đã đem một dải đất rộng lớn thuộc vùng ven biển biếu cho nước Tần rồi, tới nước Yên lại lừa Yên Chiêu Vương, nói rằng nước Triệu cũng đã cắt đất dâng cho nước Tần. Trương Nghi lừa dối khiến vua các nước này đều biếu thị muốn giao hảo với nước Tần. Thậm chí, ngay trước mặt Yên Chiêu Vương cả gan cắt năm tòa thành trì phía Đông Hằng Sơn làm lễ vật dâng nước Tần. Và như vậy, sách lược “Liên hoành” thân Tần của Trương Nghi đã thu được thành công rất to lớn, Trương Nghi vinh vang tự đắc vội vàng trở về nước Tần báo công.

Chưa được bao lâu, Tề Hoàn Công phát hiện Trương Nghi không phải là từ nước Triệu tới nước Tề, mà là tới nước Tề trước, sau mới sang Triệu; rồi lại hỏi thăm mà biết, “Tam Tấn” đã hiến dâng đất cho vua Tề, khi biết chuyện đó không có, mới hay bị mắc lừa. Lúc ấy, vừa hay Tần Huệ Vương qua đời, nhân cơ hội này Tề Tuyên Vương đã gửi thông tri đi các nước muốn lập lại “Hợp tung”, tự nhận làm Tung Ước trưởng, tuyên bố ai bắt được Trương Nghi thì sẽ được thưởng 10 tòa thành.

Còn Trương Nghi thì sao? Còn chưa về tới đô thành nước Tần đã nghe nói Tần Huệ Vương qua đời. Thái tử Vũ Vương đã lên ngôi. Trương Nghi đã bị Vũ Vương ghét bỏ từ trước, sau khi về nước lại bị một số quan đại thần dèm pha, cảm thấy tình hình đã xấu đi, khó có thể tiếp tục trụ lại ở nước Tần được. Trương Nghi liền cầu kiến Tần Vũ Vương xin được tới nước Ngụy. Trương Nghi nói:

- Nghe nói vua Tề đặc biệt hận thần, thần tới đâu, ông ta phát binh truy đuổi đến đó. Sau khi thần tới nước Ngụy rồi, nước Tề nhất định sẽ tấn công đánh nước Ngụy, chờ tới khi họ đánh nhau không phân thắng bại, đại vương sẽ thừa cơ đánh vào nước Hàn, chiếm lấy đất Tam Xuyên của họ. Tam Xuyên dựa vào sát đất phụ thuộc của Thiên Vương, lúc đó Đại Vương sẽ có thể dọa Thiên tử, ra lệnh cho thiên hạ.

Tần Vũ Vương đang mong sao có được ngày như vậy, liền thưởng cho Trương Nghi ba chục xe ngựa, đưa Trương Nghi tới nước Ngụy. Ngụy Tương Vương thấy Trương Nghi tiếng tăm lẫy lừng tới, liền phong cho Trương Nghi làm tướng quốc.

Quả nhiên, Trương Nghi tới nước Ngụy chưa bao lâu, nước Tề đã tấn công nước Ngụy. Ngụy Tương Vương quá sợ hãi, vội vàng tìm Trương Nghi tới bàn bạc. Trương Nghi rành rọt nói:

- Thừa đại vương, xin đại vương đừng buồn. Thần đã có cách bắt nước Tề phải lui binh.

Trương Nghi sai tâm phúc của mình là Phùng Hỉ giả làm sứ thần nước Sở tới nước Tề. Gặp Tề Tuyên Vương, Phùng Hỉ liền nói:

- Nếu đại vương thực sự hận Trương Nghi thì không nên đánh nước Ngụy.

Tề Tuyên Vương nói:

- Trương Nghi là kẻ thù của trẫm, Ngụy vương phong cho hắn làm tướng quốc, rõ ràng là đối

địch với trăm, không đánh Ngụy, liệu trăm có hả được không?

Phùng Hỉ nói:

- Thế thì đại vương đã bị mắc lừa. Thần vừa từ Hàn Dương tới, nghe nói Trương Nghi trước khi tới nước Ngụy đã tính xong mưu kế với vua Tần rồi. Chỉ cần đại vương đánh vào nước Ngụy, thì nước Tần sẽ thừa cơ đánh nước Hàn, sau đó tới tước đoạt quyền vị của Chu Thiên Vương, ban lệnh cho thiên hạ. Bây giờ đại vương đi đánh nước Ngụy chẳng phải là đã trúng kế của chúng rồi sao?

Tề Tuyên Vương cảm thấy rất có lý, liền lui hết quân về nước. Lẽ dĩ nhiên Ngụy Tuyên Vương rất cảm kích Trương Nghi. Năm sau, Trương Nghi lâm bệnh rồi qua đời.

Trương Nghi đi khắp nơi lèo bịp lừa đảo, trở thành một kiểu chính khách điển hình. “Liên hoành” mà Trương Nghi đề xướng, sở dĩ có thể thu được thành công, nguyên nhân chủ yếu là vì nước Tần đã thực hành biện pháp của Thương Ưởng, nước giàu dân mạnh, thực lực hùng hậu, các nước ở Trung Nguyên đều rất sợ Tần, luôn cho rằng có dựa vào nước Tần thì mới tồn tại được.

Sáu nước ở phương Đông tuy cũng đồng ý với chủ trương “Hợp tung” của Công Tôn Diễn, muốn liên hiệp chống Tần, thế nhưng lại quá toan tính từng bước, tới giờ khắc mấu chốt thì không đồng tâm lại chẳng hợp sức. Do vậy “Hợp tung” không những không thành, trái lại đã làm cho nước Tần có cơ hội thực hiện được “Liên hoành”. Sau đó Tần đã dùng sách lược vừa đánh vừa lôi kéo, viễn giao cận công, rồi phá tan được cả sáu nước.

60. Nhà thơ yêu nước Khuất Nguyên

Trong chương trên có câu chuyện nước Tần cử Trương Nghi tới nước Sở, đề xuất việc dùng cái giá dùng sáu trăm dặm đất đổi lấy việc đoạn tuyệt ngoại giao giữa nước Sở với nước Tề, hòng phá vỡ liên minh Tề - Sở để cô lập và đả kích nước Sở. Sở Hoài Vương không nhận ra âm mưu này, đã nghe theo lời ngon tiếng đẹp của Trương Nghi, kết quả là đã bị mắc lừa: chẳng những sáu trăm dặm đất không đến tay, hơn thế còn tổn binh thất tướng, mất thành mất đất, mà ngay cả dải đất lớn vùng Hán Trung cũng bị nước Tần cướp mất. Hai nước Ngụy Hàn cũng thừa cơ xâm phạm biên cương nước Sở. Sở Hoài Vương nhìn thấy tình thế nguy cấp, không thể không mau chóng rút quân, thậm chí còn cử quan đại phu Khuất Nguyên tới nước Tề xin lỗi cầu hòa, yêu cầu lập lại liên minh cũ để cùng nhau chống lại nước Tần.

Khuất Nguyên là con người như thế nào? Ông là một nhà thơ yêu nước vĩ đại trong lịch sử Trung Quốc, đồng thời là một nhà chính trị và một nhà tư tưởng kiệt xuất trong thời Chiến Quốc. Ông họ Khuất tên Bình, "Nguyên" là tên tự của ông, xuất thân từ tầng lớp quý tộc, họ đồng tông với Sở Vương. Từ nhỏ, ông đã được giáo dục về văn hóa tương đối tốt, khi hơn 20 tuổi đã có tri thức phong phú, giỏi làm thơ, viết văn, tài hùng biện cũng khá. Tuy còn trẻ mà đã làm tới chức quan Tả đồ của nước Sở (tên một loại quan của nước Sở), thường xuyên cùng nghiên cứu chính sự, đặt định pháp luật với Sở Hoài Vương. Trong việc tiếp đãi sứ thần các nước ông được Sở Hoài Vương đặc biệt tín nhiệm.

Những năm tháng mà Khuất Nguyên sống chính là thời kỳ giữa và sau Chiến Quốc, cuộc chiến tranh khâm tính lẫn nhau giữa các nước càng ngày càng khốc liệt. Trong thất hùng thời Chiến Quốc, Tần là nước lớn mạnh nhất. Nước Tần đã dựa vào thực lực kinh tế và quân sự hùng hậu của mình, tích cực khuyến khích trưng ra ngoài, một lòng muốn thôn tính 6 nước kia. Sở, Tề tuy là nước lớn, nhưng không thể đơn độc chống đánh được nước Tần. Lấy nước Sở để nói, cho dù khu vực biên cương rộng lớn, quân đội nhiều nhất, thế nhưng do vì chính trị hủ bại, đang ngày một suy yếu xuống dốc, trái lại thường xuyên bị nước Tần lừa dối. Đối mặt với tình thế như vậy, Khuất Nguyên chủ trương: trong nước phải tích cực cải cách chính trị, tước bỏ, làm suy yếu đặc quyền của quý tộc chủ nô lệ, giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân, tiến cử người hiền, gom góp tài năng thay đổi pháp chế để làm cho dân giàu, nước mạnh. Ngoài nước thì liên hiệp với các nước Tề, Ngụy, Triệu... để cùng chống Tần; những chủ trương này rất được nhân dân ủng hộ, nhưng bọn quý tộc hủ bại và thủ cựu thì kiên quyết phản đối. Vì ghen ghét đố kỵ với tài năng của Khuất Nguyên, chúng đã kín đáo hoặc trắng trợn đối đầu với Khuất Nguyên.

Một hôm, Sở Hoài Vương giao cho Khuất Nguyên khởi thảo một bộ luật quan trọng. Khuất Nguyên vừa mới viết xong bản thảo, thượng quan đại phu là Cận Thượng đến, cướp lấy để xem. Khuất Nguyên vội thu lại bản thảo đó rồi lạnh lùng nói:

- Đây chỉ là bản thảo, chưa thành quyết định, không ai được xem!

Cận Thượng bị cụt hứng, thẹn thùng bỏ đi. Vừa đến chỗ Sở Hoài Vương, hắn liền hăm hại Khuất Nguyên.

- Tâu đại vương, đại vương đã bị lừa rồi.

Sở Hoài Vương hỏi:

- Sao kia?

Cận Thượng nói:

- Chẳng phải là đại vương đã để cho Khuất Nguyên khởi thảo văn kiện sao? Mỗi khi công bố pháp lệnh, hắn lại huyền thuyên khắp nơi: "Hừ! Ngoài ta ra, phỏng còn ai làm được kia chứ!"

- Hắn còn nói gì nữa? - Hoài Vương hỏi.

- Hắn còn nói đại vương ngu muội, tàn bạo, tầm nhìn nông cạn, các quan đại thần đều tham lam, tự tư, bất tài. Các vị đại sư trong triều đình không có hắn là hỏng hết!

Sở Hoài Vương nghe xong cho là thật, lửa giận bốc cao ba trượng, từ đó mà xa lánh Khuất Nguyên.

Khuất Nguyên là một con người không tính toán sự được mất của cá nhân, chỉ lo lắng cho nước Sở bị bọn người như Cận Thượng quấy phá, nên hễ có cơ hội là lại khuyên can Sở Hoài Vương. Sở Hoài Vương chẳng những không nghe lọt những lời khuyên bảo trung thành của Khuất Nguyên, trái lại còn chán ghét những lời can gián thẳng thắn, nên đã cho ông đi làm chức quan Tam lư đại phu, quản lý một số công việc chẳng mấy quan trọng, còn việc quốc gia đại sự thì chẳng hề thương lượng gì với ông nữa.

Sở Hoài Vương bị bọn người như Cận Thượng xúi giục, sau khi mắc lừa Trương Nghi rồi liền nghĩ tới chủ trương “Liên Tề chống Tần” của Khuất Nguyên, cảm thấy có lý, tức thì lại khởi dụng Khuất Nguyên và cử ông đi sứ sang Tề. Sau khi tới nước Tề, Khuất Nguyên đã trở hết tài năng ngoại giao của mình, khó khăn vất vả lắm mới khôi phục được khối liên minh giữa hai nước Tề và Sở.

Tần Vương nghe nói Sở - Tề lại sắp liên hệ với nhau, lại cử Trương Nghi tới lôi kéo nước Sở. Sở Hoài Vương vốn đã muốn giết chết Trương Nghi, thế nhưng không chống đỡ nổi những lời nói tốt đẹp của Cận Thượng và Trịnh Tu tay cho Trương Nghi, nên lại hồ đồ tha cho hắn. Chờ tới lúc Khuất Nguyên từ nước Tề trở về thì hòng bóng Trương Nghi đã chẳng còn nữa.

Sở Hoài Vương thực tình cũng không rút ra được bài học gì từ những sự việc này. Đối với bọn người như Cận Thượng, Trịnh Tu... Sở Hoài Vương vẫn vô cùng tín nhiệm và yêu quý; đối với Khuất Nguyên thì vẫn tỏ ra lạnh nhạt, xa lánh như trước. Tài năng của Khuất Nguyên đã không được triển khai thi thố, những hoài bão chính trị mà ông ôm ấp không được thực hiện, trái lại cứ phải nhắm mắt nhìn cảnh nước Sở ngày một suy yếu, lụn bại, trong lòng phần nộ khôn nguôi. Ông đã đem tình yêu nước nồng nàn trong tim dồn cả vào thơ ca và đã viết nên bài thơ dài tên gọi là Ly Tao nổi tiếng. Tác phẩm văn học vĩ đại tràn đầy tinh thần yêu nước, phản ánh một tâm hồn chính nghĩa mãnh liệt và lòng quyết tâm truy tìm chân lý của Khuất Nguyên này đã đạt được thành tựu huy hoàng, chiếm được địa vị cao trong lịch sử văn học Trung Quốc và thế giới.

Năm thứ 8 Chu Nản Vương (năm 307 trước Công Nguyên) Tần Chiêu Vương lên ngôi, làm quốc quân. Tần Chiêu Vương sợ nước Sở lại kết liên minh với nước Tề sẽ khó đối phó, tức thì lại sử dụng một bàn tay mềm, để tìm cách lôi kéo nước Sở. Ông ta năng tặng lễ vật cho Sở Hoài Vương, đem cả con gái yêu cho làm con dâu Sở Hoài Vương. Sở Hoài Vương cho rằng nước Tần quả thực muốn giao hảo với nước Sở, nên đã kết liên minh với nước Tần. Nước Sở vốn đã ký kết một hiệp ước liên minh “Hợp tung” với các nước Tề, Triệu, Hàn, Ngụy... để cùng phản đối nước Tần, ngày nay lại lật lọng một lời, điều đó đã gây nên sự bức bối của các nước khác trong hiệp ước liên minh “Hợp tung”. Năm 304 trước Công Nguyên ba nước Tề, Hàn, Ngụy liên hiệp lại, tiến đánh nước Sở đã đại phá được quân Sở. Sở Hoài Vương cử thái tử Hoàn tới nước Tần làm con tin, xin nước Tần cứu viện. Cái gọi là con tin, thực chất là dùng người làm vật đặt cược, cốt giành chữ tín của đối phương. nước Tần vừa xuất quân, 3 nước kia cũng liền rút quân.

Lúc này, Thái tử Hoàn vẫn còn ở lại nước Tần, chưa về nước. Thái tử thường xuyên bị người Tần làm nhục. Có lần Thái tử xung đột với một quan viên nước Tần, chàng không kìm nổi bức tức đã giết chết người đó, rồi bỏ chạy về nước Sở. Câu chuyện này đã gây nên va lộn. Nước Tần đã mượn cớ đó, liên hiệp với ba nước Tề, Hàn, Ngụy, cử đại quân tiến công nước Sở. Sang năm sau lại đơn động phát động cuộc tiến công, giết chết hai vạn quân Sở, chiếm giữ Tương Lăng và các thành trì khác của nước Sở. Sở Hoài Vương đành phải cầu cứu nước Tề. Lúc này, nước Tần sử dụng sách lược vừa đánh vừa lôi kéo, một mặt tiếp tục tấn công, mặt khác lại viết thư cho Sở Hoài Vương ước hẹn gặp nhau ở Vũ Quan nước Tần (nay là miền Đông Nam Bộ, tỉnh Thiểm Tây) để tiến hành cuộc hòa đàm. Sở Hoài Vương xem qua thư, trầm lặng suy nghĩ chủ ý: Đi ư, chỉ sợ quân Tần bắt giữ; không đi ư, lại sợ quân Tần cử thêm đại binh xâm phạm. Bèn triệu tập quần thần lại thương nghị. Trong các quan đại thần, có người chủ trương nên đi, có người phản đối. Đang lúc tranh luận gay gắt, bỗng nhiên có một người từ phía dưới điện đường hét to lên bước tới hét to:

- Xin đại vương ngàn vạn lần đừng đi, nước Tần không thể tin được!

Mọi người ngẩng đầu lên nhìn. Thì ra chính là Tam Lư đại phu Khuất Nguyên; ai nấy đều kinh ngạc. Tam Lư đại phu không được quyền tham gia nghị luận công việc quốc gia đại sự. Thế nhưng, Khuất Nguyên tha thiết yêu tổ quốc, từng giờ, từng phút quan tâm đến vận mệnh của quốc gia. Nay nghe nói triều đình thảo luận việc Sở Hoài Vương có nên hay không nên sang nước Tần đàm phán, chỉ sợ Sở Hoài Vương lại bị mắc lừa, không được ông đã xông lên điện đường, xúc động nói với Sở Hoài Vương:

- Nước Tần từ xưa vẫn hung bạo, tàn ác như con lang, con hổ, từ xưa không giữ điều tín nghĩa. Chúng ta đã bị mắc lừa không chỉ một, hai lần. Lần trước Trương Nghi đã đánh lừa chúng ta, lẽ nào ngài quên? Lần này, Tần Vương ước hẹn hợp mặt với đại vương chắc chắn là chẳng có lòng tốt gì đâu. Hề đại vương đi, e rằng lại bị sa vào bẫy!

Quan lệnh Doãn Chiêu Tuy cùng phụ họa, nói:

- Quan đại phu Khuất Nguyên đã nói đúng, đại vương không thể đi được!

Sở Hoài Vương vẫn còn do dự chưa quyết. Số quan đại thần chủ trương thỏa hiệp đầu hàng đối với nước Tần, như con trai nhỏ của Sở Hoài Vương Tử Lan và thượng đại phu Cận Thượng, vừa nhìn thấy tình cảnh đó vội vã ngon ngọt ton hót thay cho nước Tần. Một người nói:

- Tần vương ước hẹn đàm với đại vương, tôi xem ra chẳng có ác ý gì đâu.

Một người nói:

- Thông qua đàm phán, có lẽ họ có thể trả lại cho chúng ta số đất đai mà nước Tần đã chiếm giữ. Nếu không đi thì phụ tấm lòng tốt của Tần Vương. Mắc tội với nước Tần đâu phải là chuyện đùa! - Chúng hãy hái khuyên Sở Hoài Vương nên đi. Sở Hoài Vương đã nghe và tin theo lời nói của bọn người này, cuối cùng đã quyết định sang nước Tần.

Sở Hoài Vương vừa tới Vũ quan của nước Tần, nước Tần liền cử binh cắt đứt đường về của Sở Hoài Vương, sau đó áp tải ông ta tới Hàm Dương. Tần Vương bức ép Sở Hoài Vương cắt đất đai. Sở Hoài Vương không chịu liền bị Tần Vương giam lỏng. Đến lúc này, Sở Hoài Vương mới hối hận vì đã không nghe lời khuyên trung thành của Khuất Nguyên. Muộn mất rồi! Sở Hoài Vương chạy trốn nhưng không thành, tức hận quá sinh ra ốm đau bệnh tật, đã phải bỏ thân ở nước Tần.

Khuất Nguyên nghe tin này, vừa đau thương, vừa phẫn uất. Đối với Sở Hoài Vương ngu muội bất tài, bị tù mà chết, ông đã cảm thấy đau buồn; còn đối với sự tàn ác gian trá, bỏ nghĩa bội tín của Tần Vương thì ông phẫn uất. Ông đã đem tình cảm tuôn trào này viết thành bài thơ *Chiêu hồn*.

Giữa lúc Sở Hoài Vương bị giam giữ ở nước Tần, nước Sở đã lập Thái Tử Hoàn lên ngôi vua, đó chính là Sở Khoảnh Tương Vương. Vị vua Sở này chẳng hơn gì cha, cũng là giống bọn hồ đồ. Sau khi lên ngôi, ông ta đã để cho Tử Lan thay thế Chiêu Tuy làm quan lệnh doãn, đi lại thăm thiết với bọn Tử Lan, Cận Thượng... suốt ngày ăn uống, chơi bời trong cung, chẳng bao giờ quan tâm tới việc quốc gia đại sự. Quân Tần đã xâm nhập giết chết 5 vạn quân Sở, cướp 15 toà thành trì, hấn cũng chẳng để ý đến. Khuất Nguyên thấy triều đình thối nát như vậy, vận mệnh của đất nước càng ngày càng nguy cấp, trong lòng nóng như lửa đốt. Thế nhưng, ông vẫn hy vọng Khoảnh Tương Vương sẽ một sớm một chiều tỉnh ngộ. Tức thì ông viết liền mấy bức thư, tấu sớ khuyên Khoảnh Tương Vương tránh vết xe xưa, khởi dụng người hiền, đuổi bọn gian thần, đổi mới nội chính, nắm chắc luyện quân, quật cường trả mối thù huyết hận. Những bước tấu sớ này rơi vào tay bọn Tử Lan. Tử Lan sục sôi lửa hận thù phải giết chết của Khuất Nguyên rất cao, bọn Tử Lan sợ công chúng sinh phẫn uất, nên không dám tùy tiện hạ thủ. Tức thì, hấn lại nghĩ ra thủ đoạn hãm hại Khuất Nguyên bằng cách sai Cận Thượng nói xấu Khuất Nguyên trước mặt Khoảnh Tương Vương. Cận Thượng nói với Khoảnh Tương Vương rằng:

- Khuất Nguyên quả là cuồng vọng lắm lắm! Khi tiên vương còn tại vị hấn đã không để tiên vương vào tầm mắt, nay hấn lại tự ngồi trên ghế lão thần, gần đây đã ngang nhiên dâng sớ dạy

bảo đại vương. Sau lưng, hần ăn nói rất bừa bãi, hần bảo rằng Tử Lan không chủ trương đánh diệt nước Tần là bất trung, nói đại vương không chịu bảo thủ cho tiên vương là bất hiếu. Đại vương là một bậc hùng tài đại lược, chịu để hần lăng nhục như vậy sao?

Khoảnh Tương Vương càng nghe càng tức, liền vung tay, hạ lệnh triệt bỏ chức quan Tam Lư đại phu của Khuất Nguyên, đưa ông đi đày ở vùng biên cương nước Sở thuộc phía Nam Trường Giang.

Biên cương phía Nam nước Sở chính là một vùng đất thuộc phía Nam tỉnh Hồ Bắc và phía Bắc tỉnh Hồ Nam ngày nay. Khi đó ở đây còn rất hoang vu. Đối với Khuất Nguyên cuộc sống tù đày thật vô cùng gian khổ. Thế nhưng, ông vẫn từng giờ, từng phút lo lắng vận mệnh của nước Sở, luôn luôn nghĩ tới Sở Vương hy vọng Khoảnh Tương Vương sẽ triệu ông về kinh đô, để cứu vận mệnh của đất nước. Song, năm này năm khác trôi qua, chẳng có tin tức gì gọi ông trở lại triều đình. Nỗi bi phẫn trong lòng Khuất Nguyên thật khó có thể hình dung nổi.

Bị đày đọa nhiều năm, sự già yếu về mặt tinh thần, về mặt đời sống đã khiến cho mái tóc của Khuất Nguyên chuyển từ màu đen thành trắng, thân thể từ mạnh sang yếu. Màu da tiêu tụy, thân hình gầy guộc, động tác chậm dần, đã biến ông thành một ông già hom hem, yếu đuối. Nhưng tinh thần yêu nước của ông vẫn còn rất mạnh mẽ, ý chí truy cầu chân lý vẫn rất kiên cường. Ông không chịu khuất phục trước thế lực tà ác, quyết tâm giữ vững phẩm cách cao thượng của mình. Có một hôm, ông đi dạo ở bên bờ sông, vừa đi vừa ngâm những câu thơ mà ông sáng tác ra. Một người dân đánh cá nhận ra ông, hỏi:

- Ngài chẳng phải là Tam Lư đại phu Khuất Nguyên hay sao? Sao lại phải ra nông nổi này?

Khuất Nguyên nói:

- Thiên hạ đều bắt đực cá, chỉ có riêng ta là trong sạch thôi, mọi người đều say cá, chỉ có mình ta là tỉnh thôi, vì thế ta mới bị lưu đày tới đây.

Người đánh cá lại hỏi:

- Sai ngài không thuận dòng theo sóng? Nếu không, có lẽ cũng chẳng tới nông nổi này!

Khuất Nguyên thở dài nói:

- Quần áo trên thân mình sạch sẽ ai dám nhúng xuống bùn như để bẩn cả thân mình? Ta thà nhảy xuống giữa lòng sông, chôn vùi trong bụng cá, thế không cùng bọn gian thần dày xéo lên nước Sở.

Trong thời gian bị lưu đày, Khuất Nguyên đã có rất nhiều cơ hội tiếp xúc với nhân dân. Ông hiểu, nhân dân còn đói ăn, thiếu mặc, cuộc sống hết sức bi đát, thật biết bao thương cảm. Quần chúng cũng rất yêu mến ông. Ông cùng chung vui thú, cùng hưởng hoạn nạn với quần chúng nhân dân, tư tưởng tình cảm của ông đã có những biến hóa sâu sắc, khiến ông viết nên những áng thi ca tuyệt vời. Những tập thơ rực rỡ ánh hào quang như *Cửu ca*, *Cửu chương*... đại bộ phận được viết ra trong thời kỳ ấy.

Năm 37 Chu Nản Vương (năm 278 trước Công Nguyên), nước Tần cử đại tướng là Bạch Khởi dẫn binh đánh phá nước Sở, chiếm lĩnh ảnh Đô⁽¹⁾ của nước Sở, đã phá hoại các lăng mộ của các tiên vương nước Sở. Sở Khoảnh Tương Vương chạy trốn tới Thành Trần (nay là huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam), nước Sở đã lâm vào cảnh sớm chẳng giữ được chiều. Khuất Nguyên nghe tin này, biết rằng nước Sở sắp bị diệt vong, thương xót ngậm ngùi quá đỗi mà oan ức khóc nức nở. Ông không cam lòng nhìn nước Sở tan nát, không cam tâm thấy nhân dân bị nước Tần tàn hại và áp bức. Thế là vào ngày mùng 5 tháng 5 năm ấy, ông đã ôm một tảng đá to nhảy xuống Mịch La giang tự tử (đây là một chi lưu của Tương Giang ở Đông Bắc tỉnh Hồ Nam). Hưởng dương 62 tuổi.

Nhân dân quanh vùng nghe tin sét đánh này đều vô cùng đau đớn, tranh giành nhau tìm vớt thi thể của ông. Cũng không biết là có bao nhiêu con thuyền tìm vớt và đã mất bao nhiêu thời gian, kết cục là vẫn không tìm thấy thi thể ông. Có người đã dùng lá lau gói cơm nếp lại ném

xuống sông để cúng tế Khuất Nguyên, còn có người sợ giao long dưới sông cướp những đồ cúng đó, đã buộc chặt những sợi chỉ màu ở bên ngoài lá lau để hù dọa quái vật, đảm bảo cho Khuất Nguyên được thụ hưởng. Hoạt động mang tính chất tưởng niệm này đã lưu truyền hàng năm, rồi dần dần trở thành phong tục. Ngày nay, mỗi năm tới tết Đoan Ngọ mừng năm tháng năm âm lịch, rất nhiều địa phương tổ chức bơi thuyền rồng, nhà nhà hộ hộ đều gói bánh, có người còn dùng chỉ màu sắc buộc những vật giống như hình trang bánh treo trên cổ các bé tái để trừ tà. Theo truyền thuyết thì những hoạt động này đều có liên quan tới Khuất Nguyên!

61. Hồ phục kỵ xạ

Vào giữa thời Chiến Quốc, ở nước Triệu xuất hiện một sự kiện mới mẻ làm chấn động Trung Nguyên: trong triều đình từ trên xuống dưới, từ nhà vua đến đại thần, từ tướng soái đến binh sĩ đều nhất loạt cởi bỏ áo bào thung ống tay to vẫn thường mặc trước đây, đổi thành mặc áo ngắn ống tay hẹp như người Hồ (chỉ dân tộc thiểu số ở phương Bắc Trung Quốc lúc đó); còn học theo kiểu của người Hồ, khi đánh trận không sử dụng chiến xa mà cưỡi ngựa, bắn nỏ. Vì sao lại như vậy?

Vốn là, nước Triệu từ sau khi Triệu Tương Vương xây dựng đất nước, một độ là nước mạnh, về sau dần dần suy yếu. Năm 44 Chu Nản Vương (năm 325 trước Công Nguyên) khi Triệu Vũ Linh lên ngôi, thế nước càng ngày càng kém đi. Nước Tần mấy lần đến xâm phạm, chiếm lĩnh rất nhiều đất đai của nước Triệu; các dân tộc thiểu số ở phương Bắc như Hung Nô, Lâm Hồ... thường xuyên tới quấy nhiễu biên cương, ngay cả nước nhỏ như Trung Sơn cũng dựa vào sự giúp đỡ của nước Tề không dùng tới dọa nạt, ức hiếp nước Triệu. Triệu Vũ Linh Vương là một con người có chí khí. Ông nhìn thấy thế nước đã bị suy yếu, bị người làm nhục như vậy, liền quyết tâm cải biến trạng thái lạc hậu, bị người khác đến đánh. Vừa lên nắm chính quyền, ông đã chú ý trọng dụng các quan đại thần có kinh nghiệm như Phì Nghĩa, Lâu Hoàn... mời họ xuất mưu kế, vạch sách lược; đồng thời trên mặt quân sự ông cũng sử dụng một số biện pháp, ví dụ như xây dựng Đài quan sát ở vùng biên cương Thường sơn, bất kỳ lúc nào cũng có thể quan sát được động hướng của quân đội nước Tề và nước Trung Sơn. Về sau, trong thực tiễn chiến tranh, ông càng ngày càng cảm thấy cần phải tăng cường cải cách việc ăn mặc và đánh trận, tức là đổi sang kiểu ăn mặc của người Hồ, học cách cưỡi ngựa bắn nỏ, tăng cường sức chiến đấu của quân đội, cốt sao thích ứng với đòi hỏi của chiến tranh lúc đó. Thế nhưng ông biết rằng loại cải cách này nhất định sẽ gặp phải trở lực, cho nên tuy đã suy nghĩ rất lâu mà vẫn chưa dám hạ quyết tâm hành động.

Một hôm, Triệu Vũ Linh Vương soái lãnh quần thần đi tuần du vùng biên cương phía Tây Bắc. Họ bước trên một đỉnh núi có tên gọi là Hoàng Hoa, nhìn thẳng xuống dưới, chỉ thấy sông Hoàng Hà cuộn cuộn sóng chảy dưới chân núi, dãy núi nhấp nhô uốn lượn xung quanh, cảnh vật muôn màu ngàn sắc. Vũ Linh Vương thấy núi sông tươi đẹp, nghĩ lại hiện trạng suy yếu của đất nước, bất giác ngao ngán thở dài. Quan đại thần Phì Nghĩa và Lâu Hoàn đi bên cạnh ông liền hỏi:

- Tại sao Chúa công buồn bã như vậy?

Ông nói:

- Các người hãy nhìn xem, phía Bắc nước Triệu ta là nước Yên, người Hồ, phía Tây là Lâu Phiên, nước Tần, phía Đông là nước Tề, Trung Sơn, nằm trong vòng vây của kẻ địch mạnh, chúng ta làm thế nào để vực đất nước lớn mạnh lên đây?

Phì Nghĩa nói:

- Người Hồ, Trung Sơn là mối họa hoạn trong tim trong bụng chúng ta, không chế phục được chúng thì không thể đối phó với nước Tần lớn mạnh được.

Lâu Hoàn cũng nói:

- Đúng thế! Đặc biệt, người Hồ thường xuyên tới quấy nhiễu ở biên cương chúng ta, cần phải nghĩ cách đánh bại chúng.

Wũ Linh Vương hỏi:

- Có biện pháp nào tốt không?

Câu hỏi đã làm cho cả hai vị đại thần nhất thời không trả lời được.

Wũ Linh Vương nói:

- Trẫm nghĩ, cần phải học tập người Hồ, đổi sang mặc quần áo, cưỡi ngựa, bắn nỏ như người Hồ.

Hai người giật mình kinh sợ.

- Cái gì ạ? Học tập người Hồ ạ?

Vũ Linh Vương bình tĩnh đem dự kiến mà ông dự định học tập người Hồ nói ra một lượt. Vấn đề là khi đó quần áo mà người Hán mặc là một loại áo bào tay vừa dài, vừa rộng, sau khi mặc vào rất không linh hoạt và bất tiện, xe dùng để đánh trận là chiến xa cũng rất nặng nề, cồng kềnh. Còn người Hồ thì sao? Họ mặc áo ngắn ống, tay hẹp, khi đánh trận họ cưỡi ngựa, bắn tên nỏ, phong thái nhẹ nhàng, nhanh nhẹn và miễn tiện. Quân đội nước Triệu đánh nhau với người Hồ thường bị đại bại bởi điều này. Cuối cùng, Vũ Linh Vương nói:

- Nếu chúng ta không học tập ưu điểm của người Hồ, thì đừng hòng chế phục người Hồ.

Phì Nghĩ, Lâu Hoàn nghe Linh Vương nói rất có lý, đều thốt lên: “Tốt lắm”. Tức thì Triệu Vũ Linh quyết định, trước hết cho cải cách phục trang, nhất loạt đổi sang mặc theo kiểu quần áo người Hồ. Hơn thế nữa dần dần làm gương, ba người vua tôi ăn mặc trước.

Chẳng ngờ, khi ba người họ ăn mặc kiểu quần áo người Hồ xuất hiện ở trước mặt các quan thần khác nào những giọt nước rơi vào chảo mỡ, cứ nổ tung lên. Trong triều đình trên dưới nghị luận xôn xao, hỗn loạn. Có người nói: “Vua Trung Nguyên mà ăn mặc quần áo người Hồ, còn ra thể thống gì nữa”. Có người oán trách Phì Nghĩ và Lâu Hoàn, vì sao không ngăn cản hành vi phi lễ của nhà vua, mà còn thêm gió cho sóng, vẽ đường cho hươu chạy, bản thân họ cũng mặc quần áo kiểu Hồ? Người chú của Vũ Linh Vương là Công tử Thành bực tức tới mức mặt tái xám, râu vểnh lên, dứt khoát thác bệnh không lên triều.

Tan buổi chiều, Vũ Linh Vương cho mời Phì Nghĩ, Lâu Hoàn tới bàn bạc, ông nói:

- Tiến hành một hạng mục cải cách mới, bao giờ cũng vấp phải sự phản đối của số đông. Điều này trẫm đã lường thấy trước. Thế nhưng chẳng ngờ được vừa mới mặc thử đã vấp phải trở lực lớn như vậy; việc cưỡi ngựa, bắn nỏ sau này hệ tuyên bố ra, liệu có bị nổ trời không?

Phì Nghĩ nhìn vẻ mặt Vũ Linh Vương đượm buồn nói:

- Phạm việc gì cũng vậy, không nên vì quá lo lắng chuyện được mất mà do dự thiếu kiên quyết, nếu không, sẽ không thể giành được thành công. Tấu đại vương, xin đại vương chớ dao động!

Vũ Linh Vương nói:

- Thực ra, ta không hề dao động, những ưu điểm của quần áo người Hồ thì đã rõ ràng, điều ta lo sợ là sẽ chuốc lấy những tiếng cười sỉ nhục của thiên hạ; mùi vị đó chẳng mấy dễ dàng tiếp nhận đâu.

Nói xong nhà vua cười cay đắng. Lâu Hoàn nói:

- Chỉ cần chúng ta làm đúng thì chẳng sợ ai cười nhạo. Sau khi cải cách, quốc gia lớn mạnh, số người phản đối chúng ta hiện nay sẽ tâm phục, khẩu phục.

Sở Linh Vương vừa nghe xong, liền nói:

- Đúng vậy! Trẫm nhất định làm tới cùng.

Phì Nghĩ lại nhắc nhở nhà vua, cần phải tranh thủ sự ủng hộ của các quan đại thần, đặc biệt là các vị lão thần như Công tử Thành, người đã có ảnh hưởng rất lớn trong triều. Vũ Linh Vương gật đầu nói:

- Đúng, trẫm đã có ý tìm ngài để bàn bạc, tin rằng ngài sẽ nhận thức được đại cục.

Ngày hôm đó Công tử Thành đang ở nhà lòng buồn bực, thì Vũ Linh Vương tới. Công tử Thành vừa nhìn thấy Vũ Linh Vương ăn mặc kiểu người Hồ thì tỏ ra ảm ức, lạnh lùng nói:

- Nhà họ Triệu thần chỉ nghênh đón nhà vua Hoa Hạ, Sứ Tiết của Trung Nguyên, không tiếp đón bọn Di Địch. Xin ngài hãy thay bộ quần áo Hồ đi, thần sẽ bái kiến.

Vũ Linh Vương sa sầm nét mặt, nói:

- ở trong gia đình phải nghe lời người già, một nước phải vâng mệnh vua. Quy tắc này khanh không phải là người không biết. Trẫm mặc quần áo kiểu người Hồ, khanh là thần tử cần phải làm theo để mở rộng ra phạm vi toàn quốc, tại sao khanh lại đầu têu phản đối?

Công Tôn Thành không hề hoảng sợ, trái lại còn cật già lên mặt, nói:

- Việc đại sự quốc gia thần phải nghe theo lời vua. ở trong nhà ta là chủ của người, người phải nghe lời của ta. Nghĩ rằng đất nước Trung Nguyên của ta là đất phát nguồn của văn hóa, là xứ sở của lễ nghĩa. Bọn Di Địch chưa được khai phát kia đang chờ chúng ta tới khai hóa. Thế nhưng người đã đảo ngược gốc ngọn, lại đi học tập chúng, không nghĩ tới truyền thống và lời dạy dỗ của tổ tiên. Ta thân là lão thần liệu có thể theo người đi học theo bọn Hồ đó sao?

Vũ Linh Vương không thề tức giận, đem ích lợi của việc học tập cách ăn mặc, cưỡi ngựa, bắn nỏ theo người Hồ cùng với tính chất tất yếu của việc làm đó, giảng giải tường tận một lượt. Cuối cùng Vũ Linh Vương nói:

- Trẫm đề xướng Hồ phục kỳ xạ (mặc quần áo, cưỡi ngựa, bắn nỏ theo người Hồ) chính là vì muốn nâng cao sức chiến đấu của quân đội, khiến đất nước giàu mạnh lên, để phòng bị kẻ địch tới xâm phạm. Thế nhưng ông chú đã câu nệ thiên kiến cũ kỹ, phản đối cải cách, quên hẳn sự nguy nan của đất nước. Thái độ như thế, không chừng lại bêu gương cho lớp con cháu theo chú đó?

Lời nói này của Vũ Linh Vương cuối cùng đã thuyết phục được Công tử Thành.

Ngày hôm sau, Vũ Linh Vương triệu tập hội nghị quần thần chính thức ban bố mệnh lệnh trong toàn quốc, từ trên xuống dưới, nhất loạt phải mặc Hồ phục, binh lính phải học tập cách cưỡi ngựa, bắn nỏ theo người Hồ. Công tử Thành cũng hiện thân thuyết pháp, bản thân thì mặc quần áo người Hồ, nói rõ ích lợi của Hồ phục kỳ xạ. Mọi người đã thấy quyết tâm rất lớn của nhà vua, lại nhìn mấy người này mặc Hồ phục, hành động quả có nhanh nhẹn linh hoạt, đều nhất loạt biểu thị ủng hộ.

Việc ăn mặc quần áo người Hồ đã được trang bị khắp quân đội nước Triệu, Vũ Linh Vương bèn bắt đầu huấn luyện tướng sĩ học theo hình dáng của người Hồ, cưỡi ngựa bắn nỏ tung hoành trên biên cương, thường xuyên cầm cờ hiệu đi du chơi săn bắn, tiến hành diễn tập quân sự. Chưa đầy một năm, một đơn vị quân đội kỵ binh trang bị nhẹ, tinh nhuệ đã được huấn luyện xong. Tức thì Vũ Linh Vương phát động một cuộc chiến tranh trừng phạt nước Trung Sơn, trong vòng bốn năm năm đã chiếm được đại bộ phận lãnh thổ Trung Sơn, đánh thẳng tới địa phương cách đô thành nước Trung Sơn 80 dặm, vua nước Trung Sơn sợ hãi, phải chạy trốn tới nước Tề lánh nạn. Từ đó, nước Triệu uy danh lừng lẫy, khỏi cần nói tới các nước ở Trung Nguyên, ngay cả đến nước Tần lớn mạnh cũng không thể nhìn nước Triệu bằng con mắt khác.

Vũ Linh Vương không thỏa mãn với những thắng lợi này. Để đối phó với sự uy hiếp của nước Tần, ông đã giao mọi việc ở trong nước cho con trai nhỏ của mình quản lý, đó là Huệ Văn Vương; để cho Phì Nghĩa, Lý Đoài, Công tử Thành - các quan đại thần này phò tá, làm cho Huệ Văn Vương sớm biết được kinh nghiệm chấp chính. Bản thân Vũ Linh Vương, cũng chính là Thái Thượng hoàng, làm chủ phụ, chủ yếu do đại kế lâu dài của đất nước, hơn thế, ông còn đích thân tới nước Tần tìm hiểu tình hình, để đặt ra sách lược đối phó với nước Tần.

ông đóng giả thành sứ giả Triệu Chiêu của nước Triệu tới trình quốc thư lên vua Tần vừa mới đăng cơ; trên đường đi ông sai người vẽ lại tường tận địa hình sông núi của nước Tần. Tới Hàm Dương, vào kiến kiến vua Tần, vua Tần hỏi:

- Tuổi tác của nhà vua quý quốc chưa cao lắm phải không?

Trả lời:

- Đúng vậy, chưa tới 40 tuổi, đang thời tráng kiện.

- Tại sao đã phải truyền ngôi cho con?

- Đại vương của chúng tôi cho rằng, nhà vua kế vị của các nước đã làm Thái tử lâu dài, phần lớn không hiểu chính sự, thiếu kinh nghiệm chấp chính. Đại vương chúng tôi muốn cho Thái tử sớm được rèn luyện hơn một chút. Đại vương chúng tôi tuy đã thoái vị, nhưng vẫn là chủ phụ, việc quốc gia đại sự vẫn do ông quyết định.

Tần Vương lại hỏi:

- Quý quốc cũng sợ nước Tần chúng tôi phải không?

Trả lời:

- Nếu không sợ nước Tần thì đã chẳng phải đề xướng Hồ phục kỳ xạ. Có điều, ngày nay qua cải cách, binh mạnh ngựa khỏe, không thể sánh với trước được nữa, có lẽ cũng đã có thể bằng vai bằng vế với quý quốc rồi đó, hai bên giao hảo có được không?

- Điều đó thì tất nhiên rồi, tất nhiên rồi!

Đưa tiễn sứ giả mà lòng Tần Vương bắt đầu ngờ vực: vị sứ giả này không tự cao cũng không tự ti, rất có chủ kiến, là một nhân tài, cần phải nghĩ cách giữ ông ta lại; nếu quả thực không được thì cũng phải mò ra thực hư của nước Triệu một cách tỉ mỉ từ trong miệng ông ta. Ngày hôm sau, khi Tần Vương hẹn hội đàm với sứ giả nước Triệu, được câu trả lời rằng: Sứ giả bị ốm. Chờ đợi suốt mấy hôm, sứ giả nước Triệu cũng chẳng tới, vua Tần sốt ruột, sai người kéo ông ta đến. Vừa nhìn thấy người được kéo đến không phải là sứ giả hội đàm lần trước, liền hỏi:

- Ông là ai?

- Triệu Chiêu.

- Cái gì? Ông là Triệu Chiêu à? Thế thì người đến lần trước là ai?

- Đó là chủ phụ của chúng tôi. Quả thực không dám giấu, chủ phụ muốn tìm hiểu một chút con người của đại vương, cho nên đã mạo tên tuổi của tôi, xưng làm sứ thần nước Triệu. Sau khi nói chuyện với đại vương, chủ phụ chúng tôi đã trở về rồi. Chủ phụ tôi đã lưu tôi lại để tạ lỗi với đại vương.

Tần Vương bực tức quá trừng mắt lên, vội hạ lệnh cho người đuổi theo. Lúc này Vũ Linh Vương đã rời khỏi nước Tần được mấy ngày rồi. Vua Tần hối hận đã không kịp nữa, trong lòng hiểu rõ, chủ phụ đến để tìm hiểu tới tận cùng, liền hạ lệnh giữ nghiêm biên cương, đề phòng nước Triệu kéo tới xâm phạm.

Kỳ thực, Triệu Vũ Linh Vương biết rằng trước mắt nước Triệu vẫn chưa phải là đối thủ của nước Tần, cũng không dám khinh thường manh động. Thông qua lần khảo sát này, ông đã biết rõ nước Tần nhất thời chưa có dự định tấn công nước Triệu, liền quyết định lợi dụng cơ hội này phát triển về hướng Tây Bắc. Ông dẫn đầu quân đội xuất phát từ ấp Đại, vào năm 19 Chu Nản Vương, và đã tiêu diệt được Lôu Phiền. Hai năm sau, ông lại liên hiệp với hai nước Tề, Yên, cuối cùng đã tiêu diệt được Trung Sơn. Lúc này trong "Tam Tấn" vốn có, Triệu được kể lại là nước mạnh nhất.

Triệu Vũ Linh Vương không câu nệ tập tục cũ, dám vứt bỏ thành kiến học tập các dân tộc anh em, đây là một việc lớn có ý nghĩa trong lịch sử.

62. Thỏ khôn khoét đủ ba hang

Về sau, Triệu Vũ Linh Vương nhường ngôi vua cho con trai là Huệ Văn Vương. Huệ Văn Vương giao cho em trai mình là Triệu Thắng làm tướng quốc, phong làm Bình Nguyên Quân.

Bình Nguyên Quân thích kết giao và thu thập nuôi dưỡng các chủng, các loại người có những tài năng nhất định để làm “môn khách”, xuất mưu, vạch kế, hòa giải các xích mích, đồng thời mượn việc làm này để đề cao thanh danh, duy trì và củng cố địa vị của mình. Cách làm như thế này trở thành trào lưu một thời. Mạnh Thường Quân của nước Tề, Tín Lăng Quân của nước Ngụy, Xuân Thân Quân của nước Sở, cũng giống như Bình Nguyên Quân, các môn khách đều có tới trên ba nghìn người cả, người ta gọi họ là “Tứ quân tử”. Thanh danh của họ rất lớn, ngay cả đến nhà vua của nước đó cũng không thể không nhượng bộ vài phần. Còn các “môn khách” ỷ dựa vào họ kia, do được chủ chiếu cố, nên rất hăng hái hiến dâng tài trí của mình, tận tâm cống hiến hết mình phục vụ chủ. Đến đây, xin được kể một chuyện về Mạnh Thường Quân của nước Tề.

Mạnh Thường Quân họ Điền, tên Văn, là con trai của Điền Anh. Trong chiến dịch Mã Lăng do Tôn Tấn chỉ huy, Điền Anh đảm nhận chức phó tướng, sau đó lại làm Tướng Quốc 11 năm. Để đáp tạ công tích của Điền Anh, Tề Mân Vương đã đem Thành Tiết thưởng cho ông làm đất phong, xưng hiệu là Trịnh Quách Quân. Điền Anh liêu lĩnh bóc lột xương máu và mồ hôi của nhân dân lao động, vợ vét được một khối lượng lớn của cải giàu có, vàng bạc châu báu ở trong nhà nhiều không biết bao nhiêu tân khách. Điền Văn khuyên cha:

- Đất đai nước Tề không được mở rộng, gia tư của chúng ta lại chẳng ngừng tăng thêm. Điều này sẽ dẫn tới sự đổ kỵ của người khác, vạn nhất có xảy ra chuyện gì, đến một người giúp việc cũng chẳng có, thật là nguy hiểm!

Điền Anh nghe thấy con trai nói có lý, liền sai con chủ trì công việc đón tiếp các môn khách. Sau khi Điền Anh qua đời, Điền Văn kế thừa tước vị và đất phong của cha, hiệu xưng là Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân hiểu rằng, việc thu nhận và nuôi dưỡng một số lượng lớn môn khách, việc được nhiều người ủng hộ và giúp đỡ là vô cùng cần thiết đối với việc danh uy tín và củng cố địa vị. Tức thì ông đi khắp nơi thu thập nhân tài, bất luận là giàu hay nghèo, chỉ cần có một kỹ xảo nổi bật, cũng được ông đối đãi như khách quý. Như vậy là danh tiếng ái mộ người hiền tài của ông đã dần dần lan truyền đi các nơi. Một số kẻ sĩ hào kiệt của các nước khác, thậm chí một số phạm nhân đã chạy trốn cũng tìm về với ông, làm việc cho ông, coi ông là người bạn tri kỷ.

Một hôm, có một người tên gọi là Phùng Hoan về với ông. Mạnh Thường Quân nhìn thấy kiểu cách ăn mặc của ông ta: trên thân quần áo rách rưới, chân đi hài cỏ, ngang lưng đeo một thanh kiếm, thậm chí không có bao, biết ngay là một người cùng khổ, liền hỏi:

- Tiên sinh tìm tôi có điều gì dạy bảo chẳng?

Phùng Hoan nói:

- Tôi nghèo tới mức không sống nổi, phải lần tới chỗ ngài để kiếm miếng cơm.

- Tiên sinh có tài nghệ gì không?

- Chẳng có tài nghệ gì cả.

Mạnh Thường Quân cười vang rồi nói:

- Vậy thì tiên sinh cứ ở lại đây.

Người giúp việc Mạnh Thường Quân thấy Phùng Hoan nghèo như vậy, lại chẳng có tài năng gì, có ý xem thường, sắp đặt cho ở trong nhà loại hạ đẳng, ngày ngày cho ăn uống sơ sài. Chưa được mấy ngày, Mạnh Thường Quân hỏi:

- Người khách Phùng Hoan đó làm gì?

Trả lời:

- Ông ta ấy à, suốt ngày uốn kiếm; vừa uốn kiếm vừa hát: Kiếm à, chúng mình về thôi, ở đây ăn cơm chẳng có cá tôm.

Manh Thường Quân cảm thấy lời nói này mà lọt ra ngoài, thì sẽ chẳng còn mặt mũi nào, liền sai người đưa Phùng Hoan dọn lên ở nhà loại trung đẳng, cho ông ta ăn cơm có tôm, có cá.

Chưa được mấy ngày, Phùng Hoan lại hát:

- Kiếm à, chúng mình về thôi, ở đây ra ngoài chẳng có xe đi.

Có người đem lời này báo cho Manh Thường Quân, Manh Thường Quân sai cấp cho ông ta một chiếc xe ngựa. Ai ngờ chưa được bao lâu, lại có người tới phản ánh: Phùng Hoan vẫn suốt ngày ca hát, nào là “Kiếm ơi, chúng mình đi thôi, chẳng có tiền không thể nuôi sống được gia đình”.

Manh Thường Quân rất bực bội, nghĩ thầm, thằng khố rách áo ôm này sao không tỏ ra biết điều một chút nhỉ? Tuy nhiên, để lung lạc được nhiều người hơn, ông vẫn sai thường xuyên đưa tiền chi dùng tới cho mẹ già của Phùng Hoan. Tới lúc đó Phùng Hoan mới không uốn kiếm, không ca hát nữa.

Một năm sau, Manh Thường Quân đã làm đến chức tướng quốc của nước Tề, danh tiếng ngày càng lớn. Lúc này môn khách của ông có tới ba ngàn. Nuôi một số người đông như vậy, phải tốn kém rất nhiều tiền của! Mặc dù ông thu thập không ít, nhưng lực bất tòng tâm. Ông nghĩ tới còn có một khoản tiền lớn cho vay nặng lãi ở Thành Tiết, mấy năm rồi chưa nhòm ngó đến, bèn quyết định cử người tới thu cả về. Thu nợ là một việc vất vả, chẳng mấy dễ dàng, phải am hiểu hệ thống nghiệp vụ kế toán nữa. Việc các môn khách chẳng ai muốn đi, thực sự đã gây khó khăn cho Manh Thường Quân. Có người tiến cử Phùng Hoan, nói:

- Con người này thân hình cao lớn, lại có tài ứng đối, khả năng khác có thể là không có, chứ việc đòi nợ có lẽ cũng giỏi đó.

Manh Thường Quân liền mời Phùng Hoan tới, nói:

- Tôi thường ngày quá bận rộn, không quan tâm được đầy đủ tới tiên sinh. Mong tiên sinh thứ lỗi. Bây giờ xin mời tiên sinh tới Thành Tiết một chuyến để thu nợ giúp tôi, không biết tiên sinh có bằng lòng không?

Phùng Hoan trả lời rất thoải mái”

- Được, tôi đi!

Tức thì chuẩn bị xe ngựa, thu xếp hành lý, đem theo văn tự vay nợ, rồi xuất phát. Lúc sắp đi, Phùng Hoan hỏi Manh Thường Quân:

- Thu nợ xong, ngài có cần mua thứ gì đem về không?

Manh Thường Quân nói:

- Tiên sinh xem nhà tôi thiếu thứ gì thì mua thứ ấy.

Khi Phùng Hoan tới Thành Tiết, số người có máu mặt đã lo trả hết tiền lãi, các con nợ không trả nổi thì bùng biệt tăm. Phùng Hoan dùng số tiền thu được mua mấy con bò mộng và mấy chục chum rượu ngon, dọn mấy chục mâm cỗ, mời tất cả các chủ nợ tới uống rượu, rồi thông báo cho họ biết, bất kể là người trả được hay không trả được đều phải đến, không trả được cũng chẳng sao, cứ tới đây đối chiếu để khớp lại văn tự vay nợ. Ngày tập hợp đó, các chủ nợ đều đã đến, Phùng Hoan nhiệt thành khoản đãi họ. Tàn tiệc, Phùng Hoan cùng các chủ nợ khớp lại từng tờ văn tự, làm rõ hiện trạng. Phàm khi đó, những ai có khả năng trả lãi, thì thu lại: nhất thời chưa có tiền thì hẹn rõ kỳ hạn hoàn trả; Những người nghèo tới mức thực sự không thể trả được nợ, thì dứt khoát thu lại văn tự vay nợ cho đốt ngay tức khắc trước mặt mọi người. Các

chủ nợ thật sự kinh ngạc vừa vui mừng vừa không hiểu. Lúc đó, Phùng Hoan đứng dậy, nói:

- Khi Mạnh Thường Quân của chúng ta cho bà con vay tiền là đã hiểu bà con không có vốn để trồng cây và buôn bán, khó có thể sống qua ngày được. Thực tâm ngài không muốn thu tiền lãi đâu, thế nhưng dưới tay ngài đang có một số đông môn khách phải nuôi dưỡng, cho nên đã sai tôi tới đây thu tiền lãi. Đến này vẫn tự đều đã khớp lại rồi, người có thể trả được đều đã trả xong; người tạm thời chưa có tiền đều đã ước định kỳ hạn hoàn trả, xin phải hoàn trả cho đúng kỳ hạn; những người thực sự không trả nổi tiền lãi, Mạnh Thường Quân nói ngài sẽ biếu họ luôn cả vốn. Cho nên tôi đã đốt hết văn tự vay nợ của số người này rồi. Đây đều là ân nghĩa của Mạnh Thường Quân, xin mọi người chớ quên!

Những lời nói này làm cho mọi người hoan hô ầm ĩ, bội phần cảm kích ân đức của Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân nghe tin Phùng Hoan đã đốt hết văn tự vay nợ, không kìm nổi bực tức bốc cao ba trượng, lập tức sai người gọi Phùng Hoan tới, trách mắng:

- Khá lắm! Ta sai ông đi thu tiền lãi, ông đã mỗ bò, mua rượu, làm cỗ tiệc bừa bãi, còn đốt hết cả văn tự vay nợ. Ông muốn dở trò gì vậy?

Phùng Hoan không sợ sệt, không hốt hoảng vội vã, nói:

- Công tử đừng nổi nóng! Xin nghĩ kỹ thử coi, không bày tiệc rượu thì sao có thể gọi được tất cả các con nợ đến? Các con nợ không đến thì làm sao biết được ai trả được tiền lãi, ai không trả được? Hiện tại, những người có thể trả được đã định rõ kỳ hạn, tới kỳ nhất định họ sẽ giao trả đủ. Những người đã không trả nổi, cho dù có để qua tám năm, mười năm, họ vẫn không thể trả được. Bức bách quá, họ sẽ phải trốn đi nơi khác, hỏi rằng số văn tự đó có ích gì nữa? Nếu công tử cứng nhắc bức họ, được tiền không nhiều mà lại mang tiếng không tốt, liệu có nên chăng? Tôi đã đem đốt những tờ văn tự vô dụng này, dân chúng Thành Tiết chịu ơn đại đức của ngài, đâu đâu cũng tụng ca danh thơm của ngài, đây chẳng phải là một việc quá tốt đẹp hay sao? Khi tôi sắp đi, công tử còn dặn dò tôi lựa chọn xem trong nhà ngài còn thiếu thứ gì thì mua thứ ấy về. Tôi nghĩ rằng trong nhà ngài vàng bạc châu báu, sơn hào hải vị, chẳng thiếu thứ gì cả, duy chỉ thiếu cái tình cái nghĩa đối với những người nghèo khổ. Cho nên tôi đã mua cái tình cái nghĩa về cho ngài đó!

Mạnh Thường Quân đành câm miệng như ăn hoàng liên, có đặng mà không thể nó ra được, đành phải nói:

- Thôi được, thôi được, tiên sinh về nghỉ đi!

Từ đó, đối với Phùng Hoan rất lạnh nhạt.

Về sau, Tề Mân Vương đã nghe và tin theo những lời rêu rao mà hai nước Tần - Sở bịa đặt ra, sợ Mạnh Thường Quân công thần lẫn chúa, tạo thành sự uy hiếp đối với mình, bèn cách chức tướng quốc của ông. Số môn khách đó vừa thấy chủ thất thế, tất nấp bỏ đi, chỉ có Phùng Hoan vẫn một lòng một dạ theo ông. Mạnh Thường Quân buồn bã ủ rũ trở về đất phong là Thành Tiết sống những ngày nhàn nhã. Mạnh Thường Quân chưa kịp bước vào thành, từ xa đã thấy dân chúng già, trẻ dìu dắt nhau đứng chật hai bên đường nghênh đón ông, khiến ông cảm động rơi nước mắt, nói với Phùng Hoan:

- Tình nghĩa mà tiên sinh mua cho tôi, hôm nay tôi tạm gọi là đã đích thân nhận được.

Phùng Hoan nói:

- Con thỏ khôn ngoan cần phải đào ba cái hang mới bảo đảm được sự an toàn cho mình. Hiện tại, ngài chỉ có một địa phương an toàn là Thành Tiết, thì sao đủ được. Tôi sẽ tìm cho ngài hai nơi an thân nữa. Một chỗ ở Hàm Dương nước Tần, một chỗ tại đô thành Lâm Trung ở nước Tề chúng ta.

Phùng Hoan nói rõ dự định cho Mạnh Thường Quân nghe. Mạnh Thường Quân rất đồng ý, ban cho ông ta rất nhiều xe ngựa và vàng bạc làm tiền chi phí. Phùng Hoan liền đi tới nước Tần.

Lúc này, tướng quốc nước Tần qua đời, chiếc ghế còn bỏ trống. Tần Chiêu Tương vương từ trước vẫn rất bái phục Mạnh Thường Quân, ban đầu muốn mời ông làm tướng quốc, sau đó gieo tin đồn bậy làm tổn thương Mạnh Thường Quân, cốt bức ông phải tới đây với mình. Phùng Hoan liền lợi dụng điểm này tới dụ thuyết Tần Chiêu Vương. Vừa gặp Tần Chiêu Vương, Phùng Hoan đã nói:

- Đại vương đã biết chuyện Tề vương cách chức Mạnh Thường Quân chưa?

Vua Tần nói:

- Nghe rồi!

Phùng Hoan nói:

- Sở dĩ nước Tề có thể cai trị xây dựng được lớn mạnh như vậy, hoàn toàn là do công lao của Mạnh Thường Quân. Nay, Tề Vương đã đối xử với ông ta như vậy, làm sao ông ta lại không oán hận được? Mọi tình hình như nhân sự, điều cơ mật... của nước Tề, Mạnh Thường Quân đều nắm rõ ràng, nếu để cho ông ta đến với nước Tần, thì đại vương có thể chiếm được nước Tề, xưng hùng trong thiên hạ. Đây quả là một cơ hội tốt, ngàn năm khó gặp. Mong đại vương hãy nhanh chóng hạ thủ, nếu không, Tề Vương suy nghĩ lại sẽ tái bổ nhiệm Mạnh Thường Quân, nước Tề sẽ có cơ so tài cao thấp với đại vương đó.

Vua Tần rất vui mừng, lập tức sai sứ giả đem lễ hậu một nghìn cân vàng và một trăm xe hoa, tới mời Mạnh Thường Quân.

Lúc này, Phùng Hoan lại vội vã đi tắt đường tới đô thành Lâm Trung của nước Tề, cầu kiến Tề Mân Vương, thở hổn hển nói:

- Đại vương có nghe tin nước Tần sắp sửa đón Mạnh Thường Quân tới làm tướng quốc không?

Vua Tề nói:

- Chưa nghe thấy, thật vậy à?

Phùng Hoan nói:

- Chính mắt thần đã thấy nước Tần phái một trăm chiếc xe hoa, đem theo một nghìn cân vàng đi về phía chúng ta đây. Mạnh Thường Quân không đi thì còn tốt, nếu thực sự ông ta lên làm tướng quốc nước Tần thì chẳng phải là nước Tề ta sẽ hết hay sao? Đại vương nên tái bổ nhiệm ngay ông ta làm tướng quốc, rồi phong thêm nhiều đất đai nữa. Ông ta là lão thần của nước Tề, không thể không bằng lòng được. Tới lúc đó, nước Tần tuy lớn mạnh, cũng không thể lôi kéo được tướng quốc của người ta, có phải không?

Tề Vương bán tín bán nghi, sai người đi quan sát sứ thần của nước Tần có phải đã đến thật không, khi biết đã vào trong biên giới rồi thì rung rờ chân tay, vội sai người đón Mạnh Thường Quân tới, mời ông ta trở lại làm tướng quốc kèm theo bổng lộc một vạn hộ. Sứ giả của nước Tần vừa đặt chân tới Thành Tiết thì bị hăng hụt vì biết Mạnh Thường Quân đã được mời trở lại làm tướng quốc nước Tề, ông ta đành bất lực, tay không trở lại nước.

Số môn khách đã bỏ đi hết kia biết tin Mạnh Thường Quân đã trở lại làm tướng quốc, liền về theo ông. Mạnh Thường Quân nổi giận, nói với Phùng Hoan:

- Khi ta thất thế, họ không thèm giúp đỡ ta, đều bỏ đi hết. May mà được tiên sinh dốc lòng bôn tẩu, ta mới được trở lại làm tướng quốc. Họ còn mặt mũi nào đến gặp ta nữa? Nếu có ai gặp ta, ta sẽ nhổ vào mặt, rồi chửi cho tới số.

Phùng Hoan nói:

- Xin công tử bất tài phải làm như vậy. Bây giờ ngài làm tướng quốc rất cần có sự giúp đỡ của mọi người, không thể vì bực bội mà đuổi hết khách đi được, như vậy thì còn ai hợp tác với ngài nữa? Chi bằng cứ nhiệt tình chiêu đãi họ như trước, ngài càng tỏ ra chỉ là người độ lượng lớn

lao.

Mạnh Thường Quân nói:

- Lời nói của tiên sinh, ta đâu dám bỏ ngoài tai?

Do được sự giúp đỡ của rất nhiều môn khách, Mạnh Thường Quân lại vững vàng ổn định trên ghế tướng quốc thêm nhiều năm nữa.

Câu chuyện Phùng Hoan đốt văn tự vay nợ nói rằng, ở thời kỳ Chiến Quốc đã có chuyện việc cho vay nặng lãi. Lúc đó, thương nghiệp đã phát triển mạnh, đồng tiền được sử dụng rộng rãi trong việc mua bán hàng hóa. Một số bình dân cùng khổ, đặc biệt là nông dân, vì đã chịu sự bóc lột tàn khốc của giai cấp thống trị, nên không thể vay nợ để sinh sống, còn số địa chủ, quý tộc và đại thương nhân đã lợi dụng tình cảnh cho vay nặng lãi, mưu lợi. Sự giàu nghèo ở trong xã hội càng thêm chênh lệch. Phùng Hoan sử dụng biện pháp đốt văn tự vay nợ giúp Mạnh Thường Quân mua chuộc lòng dân, mặc dù có thể nhất thời mê hoặc được một số người, ở một số địa phương cục bộ tạm thời đã hòa hoãn được một số mâu thuẫn giai cấp. Nhưng vấn đề căn bản của xã hội là sự bóc lột giai cấp thì không trừ bỏ được.

63. Dùng ngân lượng vàng mua một đầu ngựa

Sau khi Mạnh Thường Quân trở lại làm tướng quốc nước Tề, ra sức giúp nước, khiến nước Tề càng thêm lớn mạnh. Tề Mân Vương ỷ vào thực lực đất nước, mưu toan đánh chiếm quốc gia khác, để mở rộng địa bàn của mình. Sự tính toán này của Tề Mân Vương làm cho các nước xung quanh phải phòng bị nước Tề. Đặc biệt là nước Yên ở phương Bắc, thấy Tề Mân Vương kiêu ngạo ngang ngược, vừa bực tức lại vừa sợ hãi. Bực tức vì mỗi hận thù kết tụ với nước Tề từ đời tổ tiên truyền lại còn chưa báo được, sợ hãi vì bản thân nước mình nhỏ bé không chống nổi sự tiến công của nước Tề.

Vốn là, từ hơn hai mươi năm trước, Tề Tuyên Vương nhân lúc Yên Dị Vương vừa mới lên ngôi, đột ngột kéo quân tới tấn công, chỉ trong chốc lát đã chiếm lĩnh được hơn mười thành trì của nước Yên. Đến năm Chu Thân Tịnh Vương nguyên niên (năm 320 trước Công Nguyên), con trai của Yên Dị Vương tên gọi là Khoái, sau khi lên ngôi lường được sự nghiệp của nước Tề, liền tiến hành cải cách chính trị, phấn đấu tự cường, đất nước mới dần dần giàu nước mạnh lên. Có điều là, Yên Dị Vương cũng có một thói xấu là ưa nghe nịnh hót. Tức thì có một số kẻ đã tâm đã lợi dụng nhược điểm này của ông mà len lỏi tấn công vào. Nước Yên có một quan đại thần là Tử Chi rất thông minh, tài cán, làm việc quyết đoán, được Yên Vương Khoái rất tín nhiệm, phong làm tướng quốc. Tử Chi được thăng chức dần dần, được một tước lại đòi một tước, cuối cùng là muốn đoạt ngôi của Yên Vương Khoái. Tử Chi sai người nói với Yên Chiêu Vương.

- Vì sao Nghiêu Thuấn trở thành đế vương nổi tiếng như thế? Chính bởi vì các ngài không truyền ngôi vua cho con cháu mà “nhường ngôi” cho người hiền tài. Đại vương đã xây dựng nên công nghiệp vĩ đại, nếu Chúa công có thể đem ngôi vua “nhường lại” cho Tử Chi, thì đó thực sự là một việc làm chói sáng ngàn thu.

Chẳng qua Tử Chi chỉ muốn cho người tới thăm dò thử xem. Nào ngờ Yên Vương Khoái nghe câu nói này, trong lòng lại muốn giành được danh thơm như Nghiêu Thuấn, đã đem đại quyền quốc gia trao hết cả cho Tử Chi. Tử Chi nắm được đại quyền vào trong tay liền có hành vi ngang ngược, làm điều càn bậy. Lúc này Yên Vương Khoái đã trở thành bù nhìn, giương mắt nhìn đất nước ngày càng sa sút, hối hận thì đã muộn mất rồi. Không lâu, nước Yên phát sinh nội loạn, Tề Tuyên Vương lại một lần nữa thừa cơ cất quân tới đánh. Vào năm Chu Nản Vương nguyên niên (năm 314 trước Công Nguyên), trong một trận tấn công vào nước Yên, cả Tử Chi và Yên Vương Khoái đều đã chết trong đám loạn quân.

Người nước Yên không cam chịu làm dân nô lệ mất nước, đã hăng hái vùng lên chống lại. Họ đã tìm được người con trai của Yên Vương Khoái tên là Chức, ủng hộ rồi lập Chức lên làm vua, đó chính là Yên Chiêu Vương. Sau đó quân đội của nước Tề đã vấp phải sự phản đối ở khắp nơi trên đất Yên, chỉ trụ được một thời gian rồi đành phải rút về.

Sau khi Yên Chiêu Vương lên ngôi, thấy đất nước bị phá hoại nặng nề, ruộng vườn cỏ mọc hoang rậm, đời sống nhân dân điêu linh khổ sở, trong lòng rất đau đớn. Bài học đẫm máu thảm hại của cảnh nước mất nhà tan luôn luôn kích động ông. Tức thì ông đã tích cực cải cách chính trị, chỉnh đốn quân sự, phát triển sản xuất, quyết tâm phải báo thù cho đất nước. Để chiêu mời được nhiều người có tài đến cùng ông trừ hoạch đại kế làm cho nước giàu, binh mạnh, trước hết ông tới viếng thăm một vị tiên sinh tên gọi là Quách Ngụy, cởi mở lòng dạ nói:

- Trẫm biết rằng nước Yên của chúng ta hiện tại rất nhỏ bé, nếu muốn rửa thù huyết hận với nước Tề lớn mạnh, tất nhiên chẳng phải là một việc dễ dàng. Thế nhưng chúng ta không trả mối thù này thì làm sao xứng đáng với tổ tiên chúng ta và với dân chúng nước Yên? Dân chúng đã nếm đủ mọi nỗi khổ sở do quân đội nước Tề gây ra, lòng người sôi sục trả thù, nếu có được nhiều người tài năng phò tá cho trẫm, làm cho đất nước nhanh chóng lớn mạnh, thế thì tốt quá. Thưa tiên sinh, xin tiên sinh chỉ dạy cho, kiếm đâu có những bậc hiền tài như vậy?

Quách Ngụy cười, nói:

- Tâu đại vương, xin cho phép thần được kể một câu chuyện. Chuyện rằng, thời cổ đại có một

loại ngựa chạy như bay, một ngày có thể chạy một ngàn dặm đường, cho nên gọi là Thiên Lý mã. Loại ngựa này rất hiếm, rất khó có thể tìm được. Có một vị vua nghe nói có loại ngựa hay như vậy, đâm ra đam mê, liền dán cáo thị bằng lòng đổi một ngàn lượng vàng. Thế nhưng chờ đợi đã ba năm trời cũng không mua được, nhà vua rất sốt ruột. Bên cạnh nhà vua có một viên quan chủ quản việc quét dọn cung đình, liền mình dũng cảm nói:

- Thần xin đi khắp nơi tìm thử xem.

Nhà vua bằng lòng giao cho ông ta một ngàn lượng vàng. Viên quan này đã đi suốt ba tháng trời, khó khăn lắm mới phát hiện được một con ngựa Thiên Lý, song đáng tiếc là nó đã chết. Ông ta rất thất vọng, nghĩ rằng không thể để uổng phí mất một chuyến đi, liền bỏ ra năm trăm lượng vàng để mua chuộc lấy chiếc đầu của con ngựa ấy, rồi trở về bẩm báo nhà vua. Nhà vua nổi trận lôi đình đến nỗi đã nhảy cẫng lên nói:

- Thứ trăm cần là con ngựa Thiên Lý còn sống, người mang về cho trăm một cái đầu lâu ngựa, phỏng có ích gì? Lại mất những năm trăm lượng vàng, người đem trăm ra làm trò cười sao?

Viên quan bình tĩnh, thông thả trả lời:

- Tâu đại vương, xin đại vương đừng nổi giận, Thiên lý mã sống không lâu nữa sẽ có người dẫn tới!

Quốc vương vẫn còn chưa nguôi giận, hỏi:

- Ai sẽ đem tới?

Viên quan nói:

- Đại vương nghĩ mà xem, đến con Thiên lý mã chết mà đại vương còn chịu bỏ ra năm trăm lượng vàng để mua, huống hồ là ngựa sống? Chuyện này thiên hạ đều rõ cả. Thiên hạ còn biết đích thực đại vương chịu mua Thiên lý mã với giá cao, nên nhất định sẽ có người dẫn Thiên lý mã tới cho bệ hạ đó!

Quốc vương vẫn chưa thật tin lắm. Quả nhiên, chưa đầy một năm sau đã có người dẫn ba con ngựa Thiên lý tới:

Yên Chiêu Vương nghe tới đây liền hỏi Quách Ngụy:

- Tiên sinh, tiên sinh kể chuyện này là có ý gì?

Quách Ngụy nói:

- Bây giờ, nếu quả đại vương thực có thành tâm thành ý triệu mời kẻ hiền tài trong thiên hạ thì xin đại vương hãy coi thần đây là một cái đầu ngựa, xin hãy bắt đầu từ chỗ thần ở đây. Giả sử đại vương rất coi trọng một người như Quách Ngụy này, vậy, những người có tài năng hơn thần thì còn phải đợi gì nữa? Lẽ nào họ dám chệch đường xá xa xôi mà không đến với đại vương?

Những lời nói này quả là một gợi ý rất sâu sắc cho Yên Chiêu Vương. Ông xây cho Quách Ngụy một công quán hào hoa để cho Quách Ngụy ở, rồi chung kính gọi Quách Ngụy là thầy dạy. Câu chuyện này được lan truyền rất nhanh chóng, mọi người đều biết Yên Chiêu Vương rất quý trọng người tài, thực sự mong người hiền tài như khát nước, một số người chân tài thực học đã tranh giành nhau sớm trở về theo nước Yên, như Nhạc Nghị nhà quân sự của nước Ngụy, Kịch Tân đại tướng ở nước Triệu, Âm Dương gia (người nghiên cứu thiên văn địa lý) Trâu Diễn và Tung hoành gia Tô Tần của nước Tề... đều lần lượt đến với nước Yên. Truyền thuyết kể rằng Yên Chiêu Vương đã đặc ân xây cho họ một Đài Cao, trên đó chất đầy vàng bạc để làm lễ đón mời. Khi họ tới nước Yên, Yên Chiêu Vương còn đích thân cầm chổi quét sạch đường cho họ đi để biểu thị sự tôn kính đối với họ. Những chiếc đài cao chất đầy vàng đó chính là "Hoàng Kim Đài" nổi tiếng.

64. Tô Tần thi hành kế phản gián

Sau khi Yên Chiêu Vương thu thập được nhân tài, đất nước dần dần được phục hưng. Ông ngày đêm đau đầu đau bảo thù nước Tề, nhưng nước Tề lớn mạnh, nước Yên nhỏ bé, bảo thù đâu có dễ dàng gì? Do vậy, Yên Chiêu Vương thường đem kiếm cầm kích trèo lên núi cao, nhìn về hướng nước Tần thở ngán than dài. Những việc làm như thế này đều bị Tô Tần phát hiện và để ý.

Tô Tần là người Lạc Dương. Lạc Dương là đô thành của Chu Thiên Vương thời đó. Tô Tần là người chủ trương “Hợp tung”, trước hết ông tới cầu kiến Chu Thiên Vương, do vì không có người tiến dẫn, đã bị đối xử nhạt nhẽo hơn một năm trời. Bực tức, ông đã bán hết gia sản để đi tới nước khác. Ông lòng đong lặn đặn hết Đông sang Tây suốt mấy năm cũng chẳng kiếm được một nửa chức quan. Về sau, tiền đã tiêu hết, quần áo đã rách hết, quả thật không thể sống nổi nữa, ông đành phải trở về nhà. Người trong nhà thấy ông lê đôi hài cỏ, gánh một gánh nhẹ, nét mặt gương ngùng, biết rằng ông ra ngoài cũng chẳng có tiếng tăm gì, nổi ầm ức thì khỏi phải bàn. Vợ ông không thèm để ý đến ông, chỉ nấu không nấu cơm cho ông ăn, cha mẹ đều mắng chửi ông. Tô Tần đã chịu sự kích thích rất lớn phải quyết phấn đấu vượt lên. Từ đó về sau, Tô Tần phát phần quyết chí học hành, ngày nào cũng đọc sách tới đêm khuya. Nửa đêm thường ngủ gật, ông tìm một chiếc dùi, hễ bị ngủ gật thì lấy dùi đâm mạnh vào dùi cho đau đốn, tinh thần lại tỉnh táo, để tiếp tục học. Sau này mọi người đã gọi tinh thần khắc khổ học tập này là “Chùy thích cổ” (1). Như vậy, Tô Tần đã đọc được rất nhiều sách. Ông còn liên hệ với hình thái chính trị của các nước, phân tích nghiên cứu, suy nghĩ tìm biện pháp xử lý. Sau khi học thành rồi ông lại xông pha dặm đường gió bụi.

Trên đường đi Tô Tần nghe tin Yên Chiêu Vương dùng nhiều vàng để đón mời các bậc hiền tài, ông liền lao thẳng tới nước Yên. Ông gặp Yên Chiêu Vương một ông vua có công trạng, liền thường xuyên nghị luận tình hình thiên hạ với Chiêu Vương, rồi bày mưu tính kế cho Chiêu Vương. Mưu lược chủ yếu mà ông nêu ra, tóm tắt là đề xuất ba phương án Thượng, Trung, Hạ. Phương án Thượng chẳng làm được thì sử dụng Trung đẳng; Trung đẳng vẫn không làm được thì dùng hạ đẳng. Gặp sự việc nào cũng đều đề xuất ra ba loại phương án để Chiêu Vương lựa chọn, cho nên rất nhanh chóng Tô Tần đã được Yên Chiêu Vương tín nhiệm. Chiêu Vương muốn trả thù nước Tề, đó là niềm tâm sự cực kỳ bí mật ông chưa thổ lộ ra với bất kỳ ai, thế nhưng đã bị Tô Tần thóp được.

Một hôm, Tô Tần tới gặp Chiêu Vương cố ý gợi chuyện đó ra, hỏi Chiêu Vương đối với nước Tề có dự định gì không? Thoạt đầu, Chiêu Vương giật mình kinh sợ, sau đó thấy không thể giấu được đành phải nói thực. Tức thì, Tô Tần hiến kế cho Chiêu Vương: Nếu có thể làm cho nước Tề chịu sự kiềm chế của nước Tống ở phía Tây và nước Sở ở phía Nam, lúc đó sẽ xuất quân đánh Tề, thì mới đảm bảo được thắng lợi, thừa thế giành lấy một vùng đất Hà Giang của nước Tề thì thù lớn của nước Yên mới mong trả được. Chiêu Vương gật đầu lia lịa. Thế nhưng làm cách nào khiến nước Tề rơi vào cái thòng lọng này được? Vua tôi hai người bí mật bàn mưu tính kế suốt buổi, rồi định ra được một kế phản gián, quyết định cử Tô Tần thực thi. Khi sắp đi, Tô Tần xin Chiêu Vương vô luận như thế nào cũng không được nghe theo sự xúi bẩy, khích bác của người khác để xử tội mình. Tại sao Tô Tần lại lo lắng như vậy? Bởi vì Tô Tần biết rằng việc thi hành kế phản gián rất lâu mới có thể thu được hiệu quả, nếu như trong thời gian này nghe lời sàm tấu thì kế phản gián sẽ thất bại. Chiêu Vương đã làm cho Tô Tần hết sức yên tâm trước khi đi, bản thân mình quyết không dao động sự tín nhiệm đối với Tô Tần.

Năm 15 Chu Nản Vương (năm 300 trước Công Nguyên) Tô Tần đã trải qua cuộc lặn lội đường dài tới nước Tề. Tình hình nước Tề lúc đó khác xa với dự đoán của Tô Tần. Tề Hoài Vương đã qua đời, Tề Mân Vương lên ngôi đã dùng Mạnh Thường Quân làm tướng, Nam phạt Sở, Tây đánh Tần, lại còn tích cực lôi kéo nước Triệu. Triệu Vũ Linh Vương thông qua việc “Hỗ phục ky xạ”, thực sự cải cách, thế nước đã trở nên cường thịnh. Như vậy, là đã hình thành cục diện thế đứng của ba chân鼎力 là Tần, Tề, Triệu. Nước Yên nếu muốn đánh nước Tề thì cần phải phá được mối quan hệ giữa Tề và Triệu. Sau khi Tô Tần tới nước Tề, liền quyết định đi

trước nước cờ này. Thế nhưng, Tô Tần đã ra sức hoạt động ở nước Tề suốt 5 năm mà cũng chưa đạt được mục đích, chỉ mới là tranh thủ được nước Tề không Bắc tiến chinh phạt nước Yên, khiến cho Yên Chiêu Vương có thời gian nuôi dưỡng tinh thần, tích trữ lực lượng đã đầy đủ, cộng thêm một số người như Điền Phát... gây xích mích ở bên cạnh, cuối cùng đã làm thay đổi cả chủ ý ban đầu của Chiêu Vương. Chiêu Vương sai người đến thay đổi Tô Tần, sau đó hấp tấp phát động cuộc tấn công vào nước Tề. Tô Tần nghe được tin này, lập tức viết thư khuyên Chiêu Vương đình chỉ hoạt động. Không kịp nữa rồi, hai nước Tề và Yên đã đánh nhau ở đất Quyền (vùng Tây Bắc huyện Hoàn, tỉnh Hà Bắc ngày nay). Tô Tần đành phải chạy về nước Yên.

Kết quả cuộc giao chiến giữa hai bên là quân Yên đại bại. Yên Chiêu Vương đành phải nhận thua rồi cử người tới xin lỗi vua Tề, lại còn phải đưa em trai của mình là Tương An Quân tới nước Tề làm con tin. Sự kiện này phát sinh vào năm 19 Chu Nản Vương, lịch sử gọi là “Quyền Chi nạn”.

Trong thời gian 8 năm về sau, Yên Chiêu Vương vẫn khắc ghi bài học này, không dám tùy tiện manh động nữa, mà bền bỉ nhẫn nại chờ đợi sự biến đổi của tình thế. Tô Tần cũng vẫn lưu lại ở nước Yên chờ đợi thời cơ.

Thời gian này, quả nhiên tình thế đã phát sinh biến hóa. Tề Mân Vương bãi miễn Mạnh Thường Quân, đích thân chủ trì việc chính sự. Mân Vương thay đổi chủ trương liên Triệu Tấn, đã qua lại giao hảo với nước Tần. Tần Chiêu Vương cũng nhân tình thế đó phái sứ giả tới nước Tề, hẹn với Mân Vương cùng xưng đế. Tần ở phía Tây, Tần Chiêu Vương xưng là Tây Đế; Tề ở phía Đông; Tề Mân Vương vô cùng sung sướng vì đã thực sự được xưng là Đế. Và như vậy, “Tam Tấn” (Hàn, Triệu, Ngụy) nằm ở giữa hai nước Tần, Tề đã chịu sự uy hiếp của họ, đặc biệt là mối quan hệ giữa Tề và Triệu càng biến hóa xấu thêm từng bước. Yên Chiêu Vương cho rằng đây chính là cơ hội tốt nhất, ông bắt Tô Tần gấp rút lại một lần nữa tới nước Tề, ngoài mặt là tăng cường sự bang giao giữa Yên và Tề, ngầm ngầm là tiếp tục tiến hành hoạt động phản gián.

Để giành lấy sự tín nhiệm của Tề Mân Vương, trước tiên Tô Tần viết một bức thư mật sai người đưa tới cho Tề Mân Vương. Đại ý nói rằng: “bởi vì thần luôn là thần tín của Chúa công, Yên Chiêu Vương đã giam lỏng thần, khiến gần một năm nay thần không thể dốc sức vì Chúa công được. Gần đây thần được biết “Tam Tấn” bí mật chuẩn bị liên lạc với nước Yên, chúng muốn liên hiệp lại để tấn công nước Tề. Tôi muốn khuyên Yên Chiêu Vương không được nghe theo lời của “Tam Tấn”, chính vì vậy mà đã đắc tội với Yên Chiêu Vương, thần cũng chẳng hề luyến tiếc nữa. Thần đã quyết định chủ ý sẽ tới nước Tề lại dốc lòng dốc sức vì Chúa công. Nếu Chúa công chịu dùng lễ tiết long trọng đón thần, thần sẽ dẫn 150 chiếc xe tới”. Tề Mân Vương xem xong thư sai người chuyển lời cho Tô Tần, bằng lòng với yêu cầu đó. Tức thì Tô Tần soái lãnh 150 chiếc xe mà Yên Chiêu Vương đã chuẩn bị sẵn, rầm rầm rộ rộ kéo tới nước Tề; quả nhiên đã nhận được sự tiếp đãi long trọng.

Tề Mân Vương tuy đã xưng là Đông Đế, nhưng trong lòng vẫn cảm thấy không chắc chắn lắm, gặp được Tô Tần, việc đầu tiên là thỉnh giáo ông ta xem nên hay không nên tiếp nhận Đế hiệu. Tô Tần giả vờ như giật mình kinh sợ nói:

- Đây chính là cái thòng lọng mà vua Tần bày ra! Nếu Chúa công tự xưng là Đông Đế, chỉ có thể dẫn tới sự bất mãn của các nước khác đối với Chúa công. Theo ý của thần, Chúa công nên nghĩ cách mở rộng đất đai của nước Tề, nâng cao uy tín của nước Tề, tới lúc đó thì các nước ở xung quanh còn ai dám không phục nào?

Tề Mân Vương là người ham làm to, thắng lớn, cho rằng lời Tô Tần nói rất đúng, liền hỏi:

- Vậy thì thần nên bắt đầu từ đâu?

Tô Tần như đã chuẩn bị sẵn sàng, nói:

- Đánh Tống. Nước Tống đất nhỏ, thế yếu, dễ dàng đánh chiếm. Đánh chiếm được Tống rồi ngay cả đến nước Tần cũng phải sợ Chúa công nhiều bề.

Tề Mân Vương nghe nói gật đầu liên tục, lập tức quyết định đánh Tống.

Kỳ thực, chủ trương này của Tô Tần, chính là sách lược khiến cho nước Tề chịu sự kiềm chế của nước Tống mà ông đã nêu ra với Yên Chiêu Vương. Vốn dĩ, Tống là một nước nhỏ ở phía Tây Nam nước Tề, nếu nước Tề dụng binh đánh Tống, tất phải rút quân điều động từ phía Bắc, như vậy sẽ giảm nhỏ áp lực đối với nước Yên, Tống tiếp giáp đất với Sở và Ngụy, Tề đánh Tống tất sẽ khiến cho hai nước bị uy hiếp, như vậy thì sẽ tăng sâu thêm mâu thuẫn giữa Tề và Sở, Ngụy, điều càng quan trọng hơn là Tần là nước bảo hộ của Tống, Tề đánh Tống lại tất nhiên sẽ dẫn tới xung đột giữa Tề và Tần; như vậy là nước Tề sẽ gặp địch ở cả bốn phía, nước Yên có thể ngồi mà thu lợi của “Ngư ông”. Trước mắt, Tề Mân Vương chỉ cảm thấy nước Tống là một miếng thịt béo bở ở sát bên cạnh miệng mình, chỉ muốn nuốt chửng nó đâu có nghĩ tới nhiều điều này làm gì?

Không lâu, Tề Mân Vương đem theo Tô Tần hội thề liên minh với nước Triệu ở đất A (vùng đông bắc huyện Dương Cốc, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Hai nước đã bàn bạc thỏa thuận: Tề không xưng Đế nữa, Triệu đồng ý cho Tề đánh Tống, Tề và Triệu liên hiệp chống lại Tần. Tô Tần thay mặt cho Yên Chiêu Vương biểu thị, khi nước Tề đánh nước Tống, nước Yên cũng cử quân đội tới giúp đỡ nước Tề. Chính vào năm thứ hai khi Tô Tần tới nước Tề lần thứ hai, nước Tề đã phát động đánh Tống lần thứ nhất; Triệu, Ngụy, Yên đều cử quân tới tham gia. Kết quả đã thắng lớn, nước Tống đành phải cắt đất để cầu hòa.

Tề Mân Vương đánh Tống giành được mỗi lợi lớn, thế nhưng mối quan hệ với nước Tần đã bị phá vỡ. Tề Mân Vương dứt khoát đã làm là làm tới cùng, quyết tâm tiến thêm một bước thôn tính nước Tống, đồng thời liên hiệp với “tam tấn” và nước Yên cùng đánh Tần. Lúc này Tề Mân Vương càng tin nhiệm Tô Tần, liền phái Tô Tần tới các nước để duy thuyết.

Trước hết, Tô Tần tới nước Yên, ngoài mặt Chiêu Vương quyết định ra sức ủng hộ, phái cử hai vạn quân đội quy thuộc về vua Tề chỉ huy, tâu liệt nước Tề; bí mật cho Tô Tần liên lạc với “Tam Tấn” để chuẩn bị liên hiệp chống Tề. Sau khi vua tâu bàn định. Tô Tần tới nước Ngụy. Lúc này người đảm nhiệm tướng Ngụy là Mạnh Thường Quân từ nước Tề tới, lẽ dĩ nhiên ông ta là người ủng hộ việc trừng phạt nước Tề, có điều là nước Ngụy thế yếu, đành phải hành động theo nước Triệu. Trái lại, Lý Đoài nắm giữ đại quyền nước Triệu thì chủ trương thân Tề, cho nên việc liên hiệp chống Tề khó có thể thực hiện được ngay.

Để lôi kéo Lý Đoài của nước Triệu, Tề Mân Vương để cho ông ta đảm nhiệm chức chủ soái liên quân, còn bằng lòng phong đất cho ông ta. Lúc này mới miễn cưỡng tổ chức hành động liên hiệp chống Tần. Đây chính là “Tô Tần hợp tung” đã được lịch sử nhắc tới.

Nửa năm đầu năm 28 Chu Nản Vương (năm 287 trước Công Nguyên), liên quân năm nước Tề, Hàn, Triệu, Ngụy, Yên đã tụ tập ở Thành Cao nước Hàn (thị trấn Tị Thủy, huyện Hình Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Do các nước đều có tính toán riêng của mình nên đã chậm chạp không phát động nổi cuộc chiến tranh đánh Tần. Lúc này, Tề Mân Vương ra lệnh cho quân nước Tề quay đầu trở lại đánh vào nước Tống lần thứ hai. “Tam Tấn” đều cảm thấy đã mắc lừa vua Tề. Yên Chiêu Vương nhân cơ hội, bí mật bàn mưu đánh Tề với Mạnh Thường Quân của nước Ngụy, Hà Tề Vi của nước Triệu (nhân vật nắm quyền chủ trương chống Tề). Chẳng ngờ, điều cơ mật bị tiết lộ, Tề Mân Vương đành kết thúc sớm việc đánh Tống lần thứ hai, tháng 8 năm đó cho thu quân về.

Lúc này Mạnh Thường Quân hy vọng nước Tề phản bội “Tam Tấn” trước, để tiện kích động sự bức tức của Tam Tấn cùng chống Tề. Để phối hợp hành động này, Tô Tần cố ý cử người báo cho Tề Mân Vương biết, nói rằng:

- “Tam Tấn” nhìn thấy việc đánh Tần không thành đang vạch kế hoạch chống lại nước Tề để đi giảng hòa với nước Tần.

Tề Mân Vương tin là thật, tranh đi trước “Tam Tấn” giảng hòa với nước Tần, tức thì Tề Tần lại tốt trở lại với nhau. Tô Tần lợi dụng cơ hội từ nước Ngụy tới nước Triệu, tranh thủ Lý Đoài cùng chống Tề. Chẳng ngờ, Lý Đoài tựa hồ như đã điều tra phát giác được những hoạt động phản gián của Tô Tần, liền cho giam lỏng Tô Tần.

Tô Tần vội vàng viết thư cho Yên Vương, cầu xin Yên Vương nghĩ cách cứu nạn. Sau khi Yên Chiêu Vương lên tiếp cử sứ thần tới nêu ra kháng nghị với nước Triệu, Tô Tần mới được thả ra, lập tức lại đi tới nước Tề.

Tô Tần vừa tới nước Tề, trước tiên là tìm cách gây xích mích giữa Tề Mân Vương với Lý Đoài. Tô Tần nói với Tề Mân Vương:

- Lý Đoài là tử thù của nước Tần, thế mà Chúa công một mặt giảng hòa với nước Tần, mặt khác lại phong đất cho Lý Đoài, đó chẳng phải là cố ý làm cho nước Tần giận dữ hay sao?

Tề Mân Vương vừa nghe thấy đã có lý, rút bỏ ngay việc phong đất cho Lý Đoài. Việc làm đó, thật sự đã kích động Lý Đoài giận dữ, mối quan hệ giữa hai nước Tề, Triệu hoàn toàn bị phá vỡ. Vừa hay lúc này, nước Tống phát sinh nội loạn, Tề Mân Vương chẳng chịu nghe ai, cứ khăng khăng làm theo ý mình, lại phát động cuộc đánh Tống lần thứ ba, đã diệt tan được nước Tống, cuối cùng thì thực hiện được dã tâm thôn tính nước Tống. Trong lúc Tề Mân Vương đang cho rằng mình đã thực hiện được mưu kế, đâu ngờ đã sa vào thế hoàn toàn bị cô lập.

Hành động này của nước Tề đã làm chấn động các nước khác. “Tam Tấn” càng cảm thấy sự uy hiếp của các nước Tề đối với mình đã quá lớn, cần phải cùng tính sổ nợ với Tề Vương. Yên Chiêu Vương cho rằng thời cơ đã tới liền đích thân đi gặp Triệu Huệ Văn Vương, đặt ra kế hoạch “Tam Tấn” liên hiệp với Yên, Sở, Tần cùng đánh Tề.

Tề Mân Vương vẫn bị bung bít trong kế phản gián, tới lúc này vẫn còn tin tưởng sâu sắc vào những lời Tô Tần nói nước Yên quyết không thể tiến đánh nước Tề được, tất cả quân chủ lực đều đóng trên mặt trận phía Tây, một lòng đối phó với “Tam Tấn”. Đâu ngờ, chính trong lúc này (năm 31 Chu Nản Vương năm 284 trước Công Nguyên); đại tướng Nhạc Nghị của nước Yên đã soái lãnh liên quân 6 nước “Tam Tấn” đột ngột từ phía Bắc đánh vào. Quân Tề trở tay không kịp, không thể chống cự lại được? Kết quả là, liên quân 6 nước đã đánh cho quân Tề đại bại. Về sau, quân đội các nước Hàn, Triệu, Ngụy... đều rút đi, chỉ có Nhạc nghị soái lãnh quân Yên tiếp tục kéo thẳng vào, chỉ xuýt nữa đã diệt tan nước Tề. Như vậy là, Yên Chiêu Vương đã trả được mỗi hận lớn của cảnh nước mất, nhà tan. Câu chuyện này, sẽ được kể rõ ở phần sau.

Tô Tần thi hành kế phản gián, trước sau đã hoạt động suốt mười mấy năm ở nước Tề và Triệu, Ngụy, Hàn... thế mà Tề Mân Vương không hề hay biết. Mãi tới lúc quân đội 6 nước đánh Tề, từ phương Bắc xông vào, Mân Vương mới phát hiện Tô Tần vốn là tên đại gián tiếp, trong lúc bực tức, đã hạ lệnh đem Tô Tần xa liệt ở trên đường phố lớn (xa liệt là một hình phạt hết sức tàn khốc, dùng năm chiếc xe buộc chặt đầu và tứ chi, xé rách để xử tử, tục gọi là năm ngựa phân thân). Khi Tô Tần chết tuổi khoảng trên 50. Tề Vương tuy đã giết chết Tô Tần, giải được nỗi uất hận, song chẳng có cách nào trừ được tai họa lớn lao của cảnh nước mất, thân chết.

Hầu hết các sách sử trước đây đều nói hai Tung hoành gia Tô Tần và Trương Nghi là bạn học, thời gian hoạt động của Tô Tần so với Trương Nghi có sớm hơn một chút. Những sách này đều căn cứ vào ghi chép trong Sử Ký của Tư Mã Thiên. Có một số nhà lịch sử học đã hoài nghi đối với cách nói này, thế nhưng vẫn chưa tìm được chứng cứ. Mãi tới cuối năm 1973, trong sách lùa đào được trong Hán mộ số 3 Mã Vương Đồi tại Trường Sa (loại sách viết trên lùa thời cổ đại), mới phát hiện được tư liệu đáng tin cậy đối với lịch sử của Tô Tần. Trong sách lùa có ghi chép các loại hoạt động mà Tô Tần đã tiến hành kế phản gián cho Yên Chiêu Vương, đã chứng minh được tuổi tác và vai vế của Tô Tần muộn hơn Trương Nghi, hai người cũng không phải là bạn học. Tô Tần đại biểu cho Tung hoành gia, cuộc đời của Tô Tần chủ yếu là tiến hành hoạt động phản gián ở nước Tề giúp Yên Chiêu Vương hai lần hành động trọng đại là tổ chức năm nước “Hợp tung đánh Tần” và sáu nước “Hợp tung” đánh Tề. Số sử liệu này, lúc đó Tư Mã Thiên chưa phát hiện ra, do vậy việc ghi chép trong *Sử ký* của ông có không ít điều sai lệch so với tình hình thực tế. Việc khai quật được sách lùa trong Hán mộ Mã Vương Đồi (ở trong Hán mộ này còn khai quật được hàng loạt chế phẩm giấy lùa và nhiều đồ dụng cụ, văn hiến thời cổ đại, đều là những thứ cực kỳ có giá trị) đã khiến cho có thể có được một nhận thức mới đối với một nhân vật lịch sử là Tô Tần này.

65. Trận trâu lửa

Năm 31 Chu Nản Vương (năm 284 trước Công Nguyên) Yên Chiêu Vương bổ nhiệm Nhạc Nghị làm Thượng tướng quân, rồi sai Nhạc Nghị soái lãnh đại quân, liên hiệp với năm nước Tần, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn tổng tấn công vào nước Tề. Quân Tề chưa đánh đã tan. Nhạc Nghị dẫn quân thừa thắng tiến lên, liên tiếp đánh chiếm hơn 70 tòa thành trì, chỉ có Cử và Tức Mặc là chưa hạ được. Nhạc Nghị sai quân vây chặt và không ngừng tấn công hai thành này. Quân dân nước Tề ngoan cường chống đối lại. Quân Yên đã vây thành suốt một năm, cũng vẫn chưa chiếm được.

Nhạc Nghị nghĩ rằng, chỉ dựa vào vũ lực quyết đánh cũng không được, còn phải mua chuộc được lòng dân nước Tề nữa, nếu không, cho dù có chiếm được đất cũng không dễ dàng giữ được. Nếu lòng dân nước Tề hướng về quân Yên, hai tòa thành kia sẽ không đánh cũng tự tan. Tức thì ông chấn chỉnh lại quân kỷ, nghiêm cấm quân đội quấy nhiễu dân chúng nước Tề, phế bỏ các điều pháp lệnh tàn bạo mà vua Tề đã ban bố, giảm nhẹ sưu thuế, ưu đãi các quan đại thần và các nhân vật nổi tiếng của nước Tề, làm như vậy ông đã lung lạc được lòng dân. Ông còn giải trừ bao vây đối với thành Cử và Tức Mặc, bắt quân Yên phải đóng quân tại một nơi cách xa thành 9 dặm, còn hạ lệnh nói:

- Sau khi dân chúng trong thành ra ngoài không được bắt, ai muốn đi chặt củi thì để cho họ đi chặt củi, ai đi buôn bán cứ để cho họ đi buôn bán, ai không có cơm ăn thì cho họ ăn.

Tuy đã sử dụng các loại biện pháp mua chuộc lòng dân, nhưng đã trôi qua ba năm, Cử và Tức Mặc vẫn không chịu đầu hàng.

Lúc này, ở nước Yên có một viên quan đại thần đã nói xấu Nhạc Nghị ở trước mặt Yên Chiêu Vương.

- Tâu đại vương, Nhạc Nghị đánh nước Tề, khi mới bắt đầu chưa đầy nửa năm đã liên tiếp thu được hơn bảy chục thành, hiện tại chỉ còn lại hai thành mà ba năm vẫn chưa chiếm được. Đại vương có biết là vì nguyên nhân nào không? Ông ta chỉ vây mà không đánh, còn sử dụng các loại biện pháp để mua chuộc lòng dân Tề. Ông ta muốn tự xưng vua đó! Đại vương phải mau nghĩ biện pháp đi.

Chiêu Vương vừa nghe đã biết ngay viên quan này dở trò thị phi, liền nổi nóng, quát mắng một trận. Tiếp đó nhà vua triệu tập quần thần, đem lời nói của viên quan đó kể lại cho mọi người nghe, rồi nghiêm khắc chỉ trích hấn, nói:

- Chúng ta đời đời kiếp kiếp có oán thù với nước Tề, thậm chí ngủ trong cơn mê cũng đau đầu mỗi thù này. Hiện tại tướng quân Nhạc Nghị thay ta đi đại phá quân Tề, trả thù, rửa hận cho ta. Cho dù tướng quân thực sự muốn làm vua Tề, cũng là điều nên làm! Nếu tướng quân thực sự có thể làm được vua Tề, cùng chúng ta kết thành liên bang hữu hảo, cùng chống lại sự xâm phạm của các quốc gia khác, cũng là việc đại sự tốt lành, cùng là điều mong muốn của ta. Tại sao người dám nói tầm bậy, tầm bạ?

Nói xong, liền sai người đánh cho viên đại thần đó năm chục gậy. Chiêu Vương lại sai người truyền lệnh cho Nhạc Nghị, cảm kích rơi nước mắt, dầu chết cũng không dám nhận. Từ sau đó, không ai dám gây xích mích chia rẽ ở trước mặt Chiêu Vương nữa.

Ai ngờ, chưa được bao lâu, Chiêu Vương qua đời, con trai là Huệ Vương lên ngôi. Khi Huệ Vương làm Thái tử đã chơi bời rất thân thiết với một quan đại phu tên gọi là Kỵ Kiếp. Kỵ Kiếp có dã tâm, luôn luôn đoạt binh quyền từ tay Nhạc Nghị. Khi Chiêu Vương tại thế, hấn không dám gây rối loạn. Bây giờ Huệ Vương đã lên ngôi, hấn liền tới trước mặt Huệ Vương tìm cách chia rẽ. Hấn nói với Huệ Vương:

- Trước đây Nhạc Nghị không chịu làm vua Tề, bây giờ Chiêu vương đã qua đời, điều đó đã khó nói rồi. Nếu không tại sao hấn không đi đánh hai tòa thành kia? Hấn muốn mượn dịp này giành lấy sự ủng hộ của người nước Tề trong tương lai để dễ làm vua đó! Lại nói, trong thời

gian dài ngài làm Thái tử, hẳn chẳng đã có rất nhiều ý kiến đối với ngài sao? Hiện tại hẳn nắm đại quyền, thanh danh đang lên, liệu hẳn có thể trung thành tuyệt đối với ngài được không?

Huệ Vương vô cùng tín nhiệm Kỵ Kiếp, nghe nói vậy, trong lòng đã bắt đầu nghi ngờ. Không lâu lại nghe thấy những lời đồn đại rêu rao ở bên ngoài rằng, Nhạc Nghị dự định lợi dụng cơ hội vua mới vừa lên ngôi để xưng vương, chỉ sợ vua mới cất chức. Huệ Vương tin theo những lời nói này, bèn hạ lệnh sai Kỵ Kiếp thay thế chức vụ Thượng tướng quân của Nhạc Nghị, gọi Nhạc Nghị về nước. Nhạc Nghị biết rằng trở về dữ nhiều lành ít, bèn lạng lẽ chạy trốn sang nước Triệu.

Kỵ Kiếp vừa nhận chức đã làm rối loạn toàn bộ sự bố trí quân sự từ trước, thay đổi sách lược vậy mà không đánh, liền lĩnh đánh vào từng vòng bao vây của thành Cử và Tức Mặc. Tướng lĩnh Điền Đan bảo vệ Tức Mặc đã lãnh đạo quân dân nước Tề sẵn sàng chuẩn bị từ lâu, đánh lui sự tấn công của quân Yên hết đợt này đến đợt khác.

Điền Đan vốn là một viên quan nhỏ ở thủ đô Lâm Truy nước Tề, trước khi quân Yên đánh phá Lâm Truy, Điền Đan đã chạy tới Tức Mặc. Điền Đan tinh thông binh pháp, rất giỏi đánh trận. Sau khi các tướng lĩnh giữ thành Tức Mặc bị chết trận, mọi người nhất trí tiến cử Điền Đan làm đại tướng. Điền Đan là một người yêu nước có chí khí, vừa nhậm chức đã đem mọi người trong gia đình và dòng họ biên chế vào quân đội, cùng xây đắp công sự, cùng luyện binh với mọi người. Bản thân ông cũng dẫn đầu đi trước binh sĩ, cũng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, cho nên ông đã được quân dân nhất trí ủng hộ. Mọi người cùng đồng tâm hiệp sức quyết liều chết giữ thành Tức Mặc.

Khi Nhạc Nghị làm Thượng tướng quân, Điền Đan biết rằng ông ta có tài dùng mưu rất giỏi, cho nên không ra khỏi thành đánh nhau với ông ta, chỉ biết giữ nghiêm thành trì. Sau khi Yên Huệ Vương lên ngôi, Điền Đan nói Huệ Vương có lòng nghi ngờ đối với Nhạc Nghị, liền sai người đi tới nước Yên phao tin đồn nhảm. Lúc này nghe nói Kỵ Kiếp đã thay thế Nhạc Nghị làm đại tướng rồi, ông liền chuẩn bị phản công.

Điền Đan lợi dụng tâm lý mê tín đối với Thượng đế của con người lúc đó, bịa đặt ra một giấc mộng nói:

- Tề hưng, Yên bại, đó là ý trời. Đêm hôm qua ta nằm mơ thấy, ông trời nói rằng sẽ lập tức sai thần sư tới giúp chúng ta.

Ai nấy nghe xong rất vui mừng. Có một tên lính nhỏ rất thông minh bước tới trước mặt Điền Đan khẽ nói:

- Tướng quân xem tôi có thể làm thần sư được không? Nói xong liền bỏ đi.

Điền Đan giật mình, hiểu ngay ra vấn đề, vội bước tới kéo người lính đó lại, nói:

- Mọi người nhìn đây, người này chính là thần sư mà ông trời đã cử tới giúp ta ở trong giấc mộng đó.

Sau đó Điền Đan liền để cho tên lính khổ này đóng vai “Thần Sư”. Tên lính nhỏ này đã thực sự lo lắng, nói riêng với Điền Đan.

- Tôi chỉ đùa vui thôi, tôi có biết cách làm thần sư như thế nào đâu?

Điền Đan căn dặn hẳn nói:

- Người đừng nói gì là được, tất phải cứ để ta liệu.

Từ đó, Điền Đan liền bắt tên lính nhỏ đó giả vờ đóng là quỷ thần, rồi bố trí phương án tác chiến.

Một hôm, Điền Đan truyền đạt mệnh lệnh của “Thần Sư”: trước mỗi bữa ăn phải đem đồ cúng phẩm treo lên hiên nhà để kính bái tổ tiên trước. Như vậy thì tổ tiên sẽ hiển linh giúp đỡ chúng ta. Mọi người trong thành đều làm như vậy. Hàng ngày có từng đàn chim quạ, chim sẻ ríu rít tranh nhau bay tới để ăn. Tướng sĩ quân Yên ở ngoài thành cảm thấy có điều gì kỳ quái. Trước

hết, chúng nghe nói trong thành có Thần Sư đến, sinh nửa tin nửa ngờ. Bây giờ lại nhìn thấy từng đàn chim chóc lại bay tới đen kịt để triều bái, thì còn có điều gì để nghi ngờ nữa? Chúng đều nghĩ rằng, người ta đã được trời giúp đỡ, trận này liệu có thể đánh thắng được không? Tức thì bọn Yên nhân tâm hết hoảng, sĩ khí dao động ngả nghiêng.

Điền Đan lại sai người trà trộn vào trong quân đội Yên reo rắc tin đồn, nói là Điền Đan sợ nhất quân Yên cắt mũi tù binh nước Tề rồi kéo ra bêu trước đám đông. Nếu quân Yên làm như vậy, người nước Tề sẽ hoảng sợ vỡ mật, không đầu hàng thì mới là điều lạ. Kỵ Kiếp đang buồn nản vì chuyện không đánh hạ được thành Tức Mặc, vừa nghe được những câu này liền hạ lệnh cắt hết mũi các tù binh nước Tề, rồi kéo ra trước trận thị chúng. Hành động tàn bạo của quân Yên đã kích động lửa hận trong lòng quân Tề, họ đều hạ quyết tâm tử thủ, chỉ sợ bị quân Yên bắt làm tù binh. Tiếp đó Điền Đan lại sai người lên vào hàng ngũ quân Yên để kích động, nói rằng phần mộ tổ tiên của những người ở trong thành đều chôn ở ngoại thành, họ suốt ngày lo lắng, chỉ sợ quân Yên tới bới hết mồ mả của tổ tiên họ lên. Hễ mộ tổ tiên của họ bị đào bới, họ sẽ trở thành những đứa con cháu hư hỏng, còn mặt mũi nào mà sống trên đời này nữa? Còn nói gì đến chuyện đánh trận nữa? Kỵ Kiếp cho rằng đây lại là một cơ hội tốt để trút bỏ nỗi bực tức, liền hạ lệnh đào mồ, đốt hài cốt. Những người trong thành càng sôi sục căm hận, nghiêng răng bầm lợi nằng nặc xin với Điền Đan cho ra đánh quân Yên để báo thù rửa hận cho tổ tiên. Điền Đan thấy thời cơ phản công đã chín muồi, liền sai sứ giả tới gặp Kỵ Kiếp, nói rằng trong thành đã sắp cạn hết lương thực rồi, không còn cách gì tiếp tục giữ được nữa, Điền Đan muốn được đầu hàng, không biết Kỵ Kiếp có đồng ý không? Kỵ Kiếp nghe nói thì vui mừng hơn hở, các tướng sĩ quân Yên cũng sung sướng hoan hô ầm ỹ. Để làm tê liệt các tướng sĩ quân Yên thêm một bước Điền Đan còn sai một số người đóng giả thành hộ giàu có, đem vàng bạc châu báu lên lút tới hối lộ các tướng sĩ quân Yên, cầu xin họ khi hạ được thành Tức Mặc, sẽ bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho gia đình mình. Tướng Yên cả mừng, thu nhận châu báu, rồi phát cho mỗi “phú hộ” này một lá cờ nhỏ bé, cho cắm ở trước cửa nhà mình để làm dấu hiệu. Như vậy, việc đầu hàng đối với các tướng sĩ quân Yên đã là chắc chắn, chẳng còn nghi ngờ gì nữa, việc chuẩn bị đánh trận lỏng lẻo, binh lính không còn ý chí chiến đấu, chỉ chờ mấy hơn nữa là tiếp nhận sự đầu hàng.

Điền Đan lợi dụng cơ hội này tăng cường bố trí phản công. Ông hạ lệnh gom tất cả số trâu của toàn thành lại, tổng cộng được hơn một nghìn con, trên mỗi mình trâu đều khoác lên chiếc áo, trên áo vẽ các hoa văn màu sắc sặc sỡ, hình thù kỳ dị, cổ quái, trên mỗi sừng trâu đều buộc chặt những lưỡi dao sắc nhọn, trên đuôi trâu đều buộc những sợi lau tẩm đầy dầu, giống hệt như một chiếc chổi to. Điền Đan còn tuyển chọn 5 ngàn trai binh khỏe mạnh, người nào người nấy mặc áo hoa màu sắc, bột mặt hoa ngũ sắc, tay cầm binh khí, đi ở đằng sau đàn trâu. Vào buổi tối trước ngày dự định “đốt hàng”, Điền Đan hạ lệnh cho quân dân đào mấy lỗ cửa ở tường thành, lẳng lẽ lừa đàn trâu ra ngoài, sau đó đốt bó lau buộc ở trên đuôi trâu. Bó lau cháy làm cho đuôi trâu bị đốt nóng, những con trâu đó vừa sợ hãi vừa nhảy cẫng, vểnh đuôi lên cao, lông lộn chạy thục mạng về phía trước. Bó lau càng cháy lửa càng mạnh, đàn trâu càng chạy càng hăng, chỉ một thoáng chúng đã xông lên lao ngang lao dọc. Năm nghìn tráng sĩ khỏe mạnh vẫn theo sát ở phía sau xông thẳng vào trong doanh trại của quân Yên. Lúc này Kỵ Kiếp và các tướng sĩ quân Yên vẫn đang ngủ sau gáy khò khò, bỗng nhiên nghe thấy tiếng người hò hé, tiếng trâu kêu loạn xạ, chúng đều thức tỉnh, quần áo cũng chẳng kịp mặc, vợ vội lấy vũ khí, chạy thẳng ra ngoài. Còn chưa hiểu rõ chuyện gì đã xảy ra, đàn trâu lửa đã xông thẳng vào trong doanh trại. Đàn trâu lửa này đụng phải người, người chết; chạm vào doanh trại, doanh trại bốc cháy. Năm nghìn tráng sĩ theo sau mặc sức chém giết. Dân chúng trong thành cũng gõ trống, đánh chiêng ở phía sau, gào thét trợ uy, tiếng gào thét, tiếng trống thúc chấn động cả đất trời. Vốn dĩ quân Yên đã nghe nói người Tề được nhà trời giúp đỡ, hiện tại mắt nhìn thấy đàn trâu lửa hung mãnh và các võ sĩ yêu hình quái hạng này, chúng cho rằng đúng là thiên binh thiên tướng đã xuống trần, hoảng sợ tới mức hồn siêu phách lạc, kêu cha gọi mẹ, hộc tốc tháo chạy, chỉ hận là không có chân dài như thỏ. Chúng tự đâm đập lên nhau, đũa chết, đũa bị thương nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Kỵ Kiếp cũng bị quân Tề giết chết.

Điền Đan soái lãnh quân Tề thừa thắng truy kích tàn quân Yên chạy trốn, đuổi hết toàn bộ quân địch ra khỏi đất nước, thu phục lại được lãnh thổ bị mất. Sau đó, Điền Đan đón Tề Tương

Vương tử Cử thành về thủ đô Lâm Trung. Và như vậy, nước Tề nhiều lần đứng trước nguy cơ diệt vong, lại chuyển nguy thành an.

Tới lúc này, Yên Huệ Vương mới vô cùng hối hận, lẽ ra không nên cắt bỏ quân quyền của Nhạc Nghị, thế nhưng cũng đã muộn rồi.

Nhạc Nghị và Điền Đan đều không hổ thẹn là nhà quân sự ưu tú thời đó. Nhạc Nghị hiểu được, về sự thắng bại của một cuộc chiến tranh, được lòng dân ủng hộ là một nhân tố quyết định. Cho nên ông đã giữ nghiêm quân kỷ, lung lạc các bậc danh lưu, giảm nhẹ sưu thuế, để mua chuộc lòng dân. Nếu Yên Vương biết trước sau tin dùng Nhạc Nghị, kiên trì thực hiện một hệ thống cách làm của ông, thì có khả năng nước Tề sẽ bị thua. Trong giờ khắc khẩn cấp sống chết mất còn của nước Tề, Điền Đan lâm nguy chẳng sợ, biết lợi dụng và khuếch đại mâu thuẫn của kẻ thù, từng bước tiêu hao làm suy yếu kẻ thù, từng bước tiêu hao làm suy yếu kẻ thù, làm cho mình lớn mạnh, cuối cùng dùng cách đánh “trận trâu lửa” giành chiến thắng bất ngờ, phá tan quân địch, lấy yếu thắng mạnh, triệt để chiến thắng kẻ thù, thu phục lại đất nước đã bị mất. Những chiến lược của họ đã rất nổi tiếng trong lịch sử quân sự.

66. Tương tương hòa

Nhạc Nghị chạy sang nước Triệu, Triệu Huệ Vương dùng lễ tiếp đãi ông, tôn ông làm Thượng khách, lại còn phong đất cho ông. Về sau Nhạc Nghị chết già tại nước Triệu.

Năm 32 Chu Nản Vương (năm 283 trước Công Nguyên), Triệu Huệ Vương được một viên ngọc bích, tên gọi là “Hòa Thị Bích” (viên ngọc họ Hòa). Tương truyền rằng đó là do Biện Hòa người nước Sở đã tốn phí thời gian suốt mấy năm khai thác ở trên núi mới có được, đây là thứ của báu vô giá. Viên ngọc bích phát sáng lung linh, hào quang chói lọi, đặt ở chỗ tối, phát sáng rực rỡ. Huệ Văn Vương càng nhìn càng yêu thích tới mức chẳng lúc nào rời khỏi tay, thậm chí sai tinh chế một chiếc hộp thật đẹp để đặt ngọc bích.

Tần Chiêu Vương nghe nhắc đến ngọc quý của Triệu Vương thì vô cùng thèm muốn. Thừa tướng Ngụy Nhiễm nói:

- Đại vương muốn có được viên ngọc bích này thì phải đánh đổi 15 tòa thành.

Chiêu Vương kinh ngạc, nói:

- Cái gì? Dem 15 tòa thành trè đổi lấy một viên ngọc bích, ta chẳng nỡ!

Ngụy Nhiễm nói:

- Nước Triệu từ trước vẫn sợ nước ta, đại vương đem thành đổi lấy ngọc bích của họ, họ dám không đổi hay sao? Ngọc bích đưa đến thì giữ lại; còn đổi với 15 tòa thành trè kia chẳng qua chỉ là nói chơi mà thôi, đại vương còn sợ mất thành sao?

Tần Chiêu Vương cho đây là một mẹo hay, lập tức thảo một lá thư, sai sứ giả đem tới cho vua Triệu, yêu cầu đổi lấy ngọc.

Triệu Huệ Vương cảm thấy rất khó xử: cho ngọc bích thì sợ vua Tần không giữ chữ tín, được ngọc rồi không trả thành; không cho ngọc lại sợ làm vua Tần nổi giận. Nhà vua đã triệu các quan đại thần tới thương nghị. Các quan đại thần có người nói “cho đi là tốt”, có người nói “không cho thì hơn”, họ bàn luận xôn xao, vẫn không quyết định nổi. Có người đề xuất chi bằng trước hết hãy cử một sứ giả đi thám thính thử xem thành ý của Tần Vương ra sao, sau đó sẽ quyết định. Thế nhưng cử ai đi? Triệu vương nhìn khắp lượt các quan đại thần, thấy người nào cũng gục đầu, không nói. Bỗng nhiên có một hoạn quan tên gọi Mậu Hiền đứng dậy, nói:

- Thần có một môn khách tên gọi Lận Tương Như, là một dũng sĩ lại rất có mưu trí. Thần nghĩ, sai người này đi không có gì thích hợp hơn.

Huệ Văn Vương liền triệu kiến Lận Tương Như, hỏi Lận rằng:

- Tần Vương muốn đem 15 tòa thành đổi lấy ngọc bích của trẫm, theo ý tiên sinh có nên đổi không?

Lận Tương Như nói:

- Tần mạnh Triệu yếu, không thể không đổi được.

Triệu Vương hỏi:

- Giả sử đưa ngọc bích cho vua Tần, ông ta không trả thành cho trẫm thì làm thế nào?

Tương Như nói:

- Tần Vương bằng lòng đem 15 tòa thành trè đổi lấy ngọc bích của đại vương, cái giá mà ông ta đưa ra cũng đủ cao rồi đó. Nếu đại vương không bằng lòng đổi, lý trái là thuộc về đại vương. Nếu ngọc bích đã đưa cho vua Tần, Tần Vương không trao trả thành trè cho ta, thì cái sai là ở ông ấy. Cân nhắc giữa hai điều, thà ta cứ bằng lòng, chúng ta không thể không coi trọng đạo lý.

Vua Triệu hỏi:

- Tiên sinh có thể tới nước Tần để làm việc này được không?

Tương Như trả lời:

- Giả dụ không có người thích hợp hơn, thần bằng lòng đem ngọc bích đi. Xin đại vương cứ yên tâm, nếu 15 toà thành về với nước Triệu thì thần sẽ để ngọc bích lưu lại ở nước Tần. Nếu không, thần nhất định đem ngọc bích hoàn trả trọn vẹn, không chút tổn thất, về cho nước Triệu.

Huệ Vương nghe Tương Như nói như vậy, liền phong cho ông làm quan đại phu rồi để cho Tương Như đem Bích Hòa Thị sang nước Tần.

Tần Chiêu Vương nghe nói ngọc bích đã đưa tới, vô cùng sung sướng, tập họp quan thần ở vương cung rồi mời Lận Tương Như tới. Lận Tương Như tay cầm ngọc bích cung kính dâng lên. Vua Tần đón nhận ngắm nhìn chỉ thấy trắng muốt không một vết gợn, phát quang óng ánh, đúng là một vật bảo bối, vui sướng quá, cười không sao ngậm được miệng lại. Vua Tần lật đi lật lại ngắm nghía thưởng thức hồi lâu, tiếp đó lại để cho các quan đại thần bên cạnh và các mỹ nữ ở hậu cung ngắm nhìn, ai nấy đều không ngớt lời ca ngợi, tới tấp chúc mừng vua Tần, hoàng cung bỗng chốc náo nhiệt hẳn lên. Lận Tương Như bị vút sang một bên, không ai để ý tới ông ta. Vua Tần cũng chẳng màng gì đến việc đổi thành nữa. Tương Như nghĩ thầm: “Quả nhiên vua Tần không có thành ý muốn đổi thành, cần phải đòi lại ngọc thôi”, ông liền bước lên phía trước, nói:

- Đại vương, trên ngọc bích còn có một chút khuyết tật, xin để cho thần chỉ cho đại vương nhìn.

- Tần Vương cho là thật, liền giao ngọc bích cho Lận Tương Như. Tương Như vừa cầm được ngọc bích, vội vàng lùi lại mấy bước, dựa vào cột, đôi mắt quắc tròn, tức giận ngút trời, nói:

- Hòa Thị Bích là bảo bối nổi tiếng trong thiên hạ, đại vương muốn cầm được trong tay, đã nói tình nguyện đánh 15 toà thành. Đại vương của chúng tôi đã triệu tập quần thần tới thương nghị. Mọi người nói: “Nước Tần ý thế mạnh, nói dùng thành đổi ngọc là nói dối, thành họ chẳng trả cho đâu”. Cho nên đều không đồng ý đem ngọc bích tới. Lúc đó, tôi nói bọn dân chúng bình thường giao thiệp đều coi trọng tín nghĩa, huống hồ là một nước lớn như nước Tần. Hơn thế, chỉ vì một viên ngọc bích mà làm tổn thương tới hòa khí của hai nước, cũng chẳng đáng giá gì. Vua Triệu đã tiếp nhận ý kiến của tôi, mới để tôi đưa ngọc bích tới. Thế nhưng ngày hôm nay tôi thấy đại vương tiếp tôi, thái độ rất ngạo mạn, sau khi cầm được ngọc bích rồi lại tùy tiện truyền cho nhau xem. Từ điểm này mà xét, tôi biết rằng đại vương căn bản không có thành ý đem thành đổi lấy ngọc, cho nên tôi đã đòi ngọc lại. Nếu đại vương bức tôi, tôi thà đem đầu tôi cùng ngọc bích lao vào chiếc cột này cho tan nát hết, cũng chẳng chịu để ngọc rơi vào tay ngài đâu!

Nói rồi, Tương Như giơ cao ngọc bích nhằm thẳng vào cột toan đập nát. Tần Vương luyến tiếc ngọc bích vội vàng cười xòa:

- Xin quan đại phu chớ làm vậy. Sao ta không giữ chữ tín nghĩa với quý quốc được?

Sau đó liền sai người cầm địa đồ ra, chỉ cho Lận Tương Như xem 15 toà thành trì mà ông ta định đổi cho nước Triệu. Tương Như thầm nghĩ: “Đây là vua Tần muốn lừa để đổi lấy ngọc ở trong tay ta đó thôi, chứ chẳng phải là thực tình thực ý, quyết không thể mắc lừa ông ta được?”. Tương Như liền nói với vua Tần:

- Hòa Thị Bích là của báu quý hiếm trong thiên hạ, vua Triệu chúng tôi trước khi đưa ngọc bích đi, đã phải trai giới suốt 5 ngày liền, còn cử hành nghi thức tiễn ngọc bích rất long trọng. Đại vương cũng phải làm giống như vua Triệu, trai giới đủ năm ngày, sau đó cử hành nghi thức nhận ngọc bích, thì tôi mới dám dâng ngọc bích lên.

Tần Vương biết rõ không thể cướp đoạt trắng trợn được, liền bằng lòng, rồi sai người đưa Lận Tương Như về quán khách nghỉ ngơi.

Tương Như cầm ngọc bích về quán khách, nghĩ thầm: “Tuy vua Tần đã bằng lòng với điều kiện của ta, giả sử sau khi ông ta được ngọc bích rồi vẫn không trả thành, phỏng ta còn biện pháp gì đối phó với ông ta nữa đây?”. Tức thì Tương Như sai một nhân viên tùy tùng, hóa trang thành một người nghèo khổ, buộc chặt ngọc bích vào ngang sườn, tắt theo con đường nhỏ lên trốn về nước Triệu.

Sau năm ngày, Tần Vương triệu tập các quan đại thần, mời cả sứ thần các nước cùng tới tham dự nghi thức tiếp nhận ngọc bích, đồng thời muốn mượn cơ hội này để điều võ, giương oai. Sắp đặt xong xuôi liền triệu sứ thần nước Triệu lên điện. Lận Tương Như khoan thai bước từng bước. Tần Vương thấy Tương Như hai bàn tay không, vội hỏi:

- Trẫm đã trai giới suốt năm ngày rồi, cung kính chuẩn bị tiếp nhận ngọc bích, tại sao quan đại phu không đưa ngọc bích.

Tương Như trả lời, nói:

- Quý quốc từ đời Mục Công trở lại đây, trước sau có tới hơn hai chục đời vua, không một đời vua nào trong điều tín nghĩa cả. Tôi lo ngại bị đại vương lừa đảo, chịu lỗi với vua Triệu, cho nên tôi đã sai người đem ngọc bích đưa trả về nước Triệu rồi. Xin đại vương cử trị tội tôi đi.

Vua Tần nghe nói liền gào thét ầm lên:

- Rõ ràng là nhà ngươi dõn ta. Bay đâu, trối hẳn lại!

Lận Tương Như không thay đổi sắc mặt, ung dung nói:

- Xin đại vương bớt giận, hãy để tôi nói hết lời đã. Nhìn hình thái hiện nay, Tần mạnh, Triệu yếu, dưới gầm trời này chỉ có chuyện nước mạnh ức hiếp nước yếu, chưa hề có đạo lý nước yếu ức hiếp nước mạnh bao giờ. Nếu đại vương thực sự muốn được ngọc bích, chớ ngại, cứ cả trước cho nước Triệu 15 toà thành rồi, có lẽ nào dám nói sai sự thực, không đưa ngọc bích cho nước Tần chịu đả tội với đại vương sao? Tôi biết mình đã lừa dối đại vương, tội đáng vạn lần chết. Tôi đã gửi thư về cho vua Triệu rồi, không còn cơ hội sống để trở về nữa. Xin hãy trị tội tôi đi, để cho các nước đều biết rõ vua Tần vì muốn được ngọc bích mà giết chết sứ giả nước Triệu.

Những lời nói này của Tương Như làm cho vua tôi nước Tần trợn mắt há miệng, người nọ nhìn người kia, người kia nhìn người nọ, hồi lâu chẳng nói được câu nào. Sứ thần các nước đều lo sợ toát mồ hôi hột thay cho Tương Như. Hai hàng võ sĩ đang định lôi Tương Như đi, Tần Vương quát to:

- Thôi cho qua, đừng động đến ông ta, cho dù có có xử tử ông ta cũng không lấy được ngọc bích nữa, e còn phá hoại mất quan hệ của hai nước.

Sau đó đã lấy lễ tiếp đãi, rồi đưa tiễn Tương Như về nước. Kết quả là, nước Tần luyến tiếc không nỡ đem 15 toà thành trị cho nước Triệu, nước Triệu cũng chẳng đưa ngọc cho nước Tần. Sự việc cứ như vậy rồi trôi qua.

Thế nhưng, trong lòng vua Tần vẫn luôn luôn bất mãn với nước Triệu, lúc nào cũng muốn trút bỏ nỗi bức tức này. Sau ba bốn năm. Vua Tần lại sai sứ giả mời vua Triệu tới sự hội ở Miền Trì (huyện Miễn Trì, tỉnh Hà Nam ngày nay), ngoài mặt là hai nước thân thiện hòa hảo, trên thực tế là mưu mô ngấm ngầm. Vua Triệu rất sợ hãi, không dám đi. Lúc này Lận Tương Như đã làm lên chức Thượng đại phu, ông liền đi tìm đại tướng Liên Pha để thương nghị. Hai người nhất trí cho rằng: Nếu vua Triệu không đi thì chính là tỏ ra yếu trước nước Tần, nước Tần sẽ càng ức hiếp nước Triệu. Tức thì họ cũng đến gặp vua Triệu, khuyên vua Triệu nên tới dự. Tương Như nói:

- Thần bằng lòng xin cùng theo hầu đại vương để bảo hộ đại vương.

Liên Pha tỏ rõ:

- Thần bằng lòng ở lại để phò trợ Thái tử, bảo vệ biên cương.

Tới lúc đó Triệu Huệ Văn Vương mới đồng ý cùng đi tới Miễn Trì với Lận Tương Như. Liêm Pha dẫn quân đưa vua tôi hai người họ tiến tới tận biên cương, rồi nói với vua Triệu:

- Đại vương đi vào nước Tần, an nguy rất khó dự liệu trước. Chắc chắn rằng Chúa công cả đi lẫn về nhiều nhất là ba chục ngày, nếu quá thời gian đó mà không trở về thì thần ở trong nước sẽ lập Thái tử lên làm vua, để diệt tan âm mưu của nước Tần, không thể ép buộc đại vương được.

Huệ Văn Vương đành phải bằng lòng.

Đến ngày dự hội, nhà vua hai nước dùng lễ gặp gỡ nhau, vui mừng sung sướng cùng uống rượu trò chuyện. Trong khi uống rượu, vua Tần đột nhiên đề xuất.

- Nghe nói vua Triệu thích âm nhạc ở đây ta có một chiếc đàn sắt(1) quý xin mời vua Triệu gảy một đoạn cho chúng ta nghe để trợ thêm tử húng.

Vua Triệu nghe xong mặt đỏ dừ tới tận cổ, thế nhưng không dám từ chối, đành phải gảy lên một khúc. Tần Vương ca tụng một hồi rồi hạ lệnh cho Sử quan nước Tần lập tức ghi lại sự kiện này. Sau khi Sử quan viết xong, cao giọng tuyên đọc: "Ngày mỗi tháng mỗi năm mỗi, vua Tần và vua Triệu dự hội ở miễn Trì, vua Tần đã hạ lệnh cho vua Triệu gảy đàn sắt". Lận Tương Như vừa nghe, liền nghĩ: Đây rõ ràng là họ chỉ coi vua Triệu là một bề tôi, rắp tâm sỉ nhục nước Triệu đó sao? Liền thấy Lận Tương Như thuận tay cầm một chiếc khay sành đến trước mặt vua Tần, nói:

- Vua Triệu chúng tôi nghe nói vua Tần giỏi diễn tấu âm nhạc nước Tần, ở đây tôi có một chiếc khay sành, xin mời vua Tần gõ lên một khúc chơi!

Vua Tần bực tức quá, mặt biến sắc, đầu quay đi không để ý. Lận Tương Như giơ cao chiếc khay sành, nghiêm giọng nói:

- Đại vương đừng cho rằng nước Tần của ngài lớn mạnh, trong vòng năm bước, tôi có thể dùng máu của mình bắn tóe lên thân của đại vương đó!

Những người hầu cận bên cạnh vua Tần lập tức tuốt kiếm ra, muốn giết chết Tương Như. Tương Như gào to lên một tiếng:

- Ai dám tới đây nào?

Bọn người đó đều sợ hãi lùi hết cả lại. Vua Tần tuy không bằng lòng nhưng vì sợ hãi Tương Như, đành phải miễn cưỡng gõ vào khay sành vài tiếng. Lận Tương Như dặn dò Sử quan nước Triệu cũng ghi lại sự kiện này: "Năm mỗi tháng mỗi ngày mỗi, vua Triệu cùng dự hội với vua Tần ở Miễn Trì, đã ra lệnh cho vua Tần gõ khay sành".

Các quan đại thần của nước Tần nhìn thấy tình cảnh như thế này thấy đều rất bực tức, gào thét âm ỹ.

- Vua Triệu hãy cắt nhượng 15 tòa thành để chúc thọ vua Tần!

Tương Như lập tức lớn tiếng đập lại:

- Vua Tần hãy cắt nhượng Đô Thành Hàm Dương để chúc thọ vua Triệu!

Tần Vương thấy chẳng thể làm gì nổi Lận Tương Như, đành phải nói:

- Thôi thôi, cho qua, mọi người không ai nói nữa.

Bữa tiệc tới đây mất vui đành giải tán.

Vua Tần vẫn muốn cắt quân tấn công nước Triệu, thế nhưng được tin mật báo nói rằng: Nước Triệu đã cử đại quân nghiêm trận, chờ đợi sẵn trên biên giới rồi, liền không dám khinh thường manh động nữa. Lại nghĩ tới nước Triệu đã có những nhân tài Lận Tương Như, Liêm Pha, nhất thời cũng chẳng dễ dàng đối phó. Bèn cùng kết làm anh em với vua Triệu, không xâm phạm lẫn nhau. Lại sợ vua Triệu không tin tưởng, muốn xem người cháu của mình là Dị Nhân

đưa sang làm con tin ở nước Triệu. Mục đích mà vua Tần làm như vậy là muốn tạm thời giữ yên nước Triệu để vươn tay ra đánh các nước khác.

Sau khi Triệu Huệ Văn Vương trở về nước, càng thêm tín nhiệm Lận Tương Như, cho rằng công lao của Tương Như rất to lớn, đã phong cho làm Thượng Khanh, địa vị đứng trên Liêm Pha. Điều này đã dẫn tới sự bất mãn gay gắt của Liêm Pha. Liêm Pha bực tức nói:

- Ta là đại tướng của nước Triệu, đánh thành cướp đất, vào sinh ra tử, đã lập nên biết bao công lao! Còn hấn thì sao? Chỉ dựa vào một cái mồm mà trèo vượt mặt ta à? Hơn nữa hấn chỉ là kẻ dưới quyền của một hoạn quan, xuất thân thấp hèn, ta phải ở dưới hấn thật là xấu hổ và sỉ nhục.

Liêm Pha công khai rêu rao: Hễ ta gặp Tương Như, ắt phải làm cho hấn bẽ mặt một trận! Những lời nói này truyền tới tai Lận Tương Như. Mỗi khi lên triều, Tương Như giả vờ ốm, để khỏi phải gặp mặt Liêm Pha. Các môn khách dưới trướng Lận Tương Như đều cho rằng Tương Như nhút nhát, nên họ đã kín đáo nghị luận về ông.

Một hôm, Lận Tương Như ra ngoài, Liêm Pha cũng ra ngoài, hai chiếc xe đi trên phố đối diện nhau. Từ xa Tương Như đã nhìn thấy xe của Liêm Pha đi ngược lại với vàng bắt người phu xe vội quặt xe vào một ngõ hẻm bên cạnh đường để ẩn náu, chờ cho xe của Liêm Pha đi rồi, mới cho xe ra đi tiếp. Các môn khách của Lận Tương Như đều bực tức lắm, họ hẹn nhau cùng tới gặp Tương Như, nói với Tương Như:

- Chúng tôi bỏ cha mẹ vợ con theo ông chẳng phải vì khâm phục những phẩm đức cao thượng của ông đó sao? Ông đồng sự với tướng quân Liêm Pha, chức vụ còn cao hơn Liêm Pha, Liêm Pha dám gièm pha nói xấu ông, ông không phản công lại mà lúc nào cũng lẩn tránh ông ta. Làm sao lại phải sợ hãi ông ta? Chúng tôi không thể chịu đựng uất ức này, đành phải tới tạm biệt ông!

Tương Như kéo họ ngồi cả xuống, ôn hòa nói:

- Các vị thấy Liêm tướng quân và vua Tần, ai lợi hại?

Các môn khách đều nói:

- Đương nhiên là vua Tần rồi.

Tương Như nói:

- Mặc dù vua Tần uy thế lớn như vậy, con người Lận mỗ ta dám quở trách quát mắng ông ta ngay trước mặt chúng quan trong triều đình, dám sỉ nhục quần thần của ông ta, sao ta lại có thể đơn độc hoảng sợ Liêm tướng quân được?

Các môn khách đều yên lặng, Lận Tương Như nói tiếp.

- Ta lẩn tránh Liêm tướng quân vì nghĩ rằng sở dĩ vua Tần không dám xâm phạm nước Triệu, không ngoài lý do đang còn hai quan văn võ chúng ta. Hai con hổ tranh giành nhau, tất phải có một bị thương. Nếu nước Tần biết được giữa hai chúng ta xung đột, tất sẽ lợi dụng chỗ trống đó mà xâm phạm nước Triệu. Ta làm như vậy, chính là đặt lợi ích của đất nước lên hàng đầu, chứ đâu phải sợ Liêm tướng quân?

Các môn khác nghe xong đều cảm động, càng khâm phục các đức của Lận Tương Như.

Những lời nói này truyền tới tai Liêm Pha, khiến cho Liêm Pha vô cùng hổ thẹn, lo lắng, nói:

- Phẩm đức của Lận Tương Như trong sáng cao cả, ta còn kém xa!

Tức thì Liêm Pha để cánh tay trần, lưng đeo cành gai, tới thẳng phủ Lận Tương Như xin chịu tội. Vừa nhìn thấy Tương Như, Liêm Pha đã xin lỗi nói:

- Tôi là con người xấu xa thô lỗ, bụng dạ hẹp hòi, đâu biết được lòng khoan dung độ lượng như vậy của ngài, tôi thành thật xin lỗi ngài!

Nói rồi quỳ ngay xuống dưới đất. Tương Như vội vàng kéo Liêm Pha đứng dậy, nói:

- Hai chúng ta đều là quan đại thần, cùng dốc sức ra vì đất nước, tướng quân đã thông cảm được nỗi khổ tâm của tôi, thì tôi đã rất cảm kích rồi, làm sao còn dám để tướng quân xin lỗi nữa?

Liêm Pha cảm động chảy nước mắt, Lận Tướng Như cũng đã khóc. Từ đó về sau, hai người đã trở thành đôi bạn tri kỷ cùng sống chết bên nhau, cùng dốc sức hiến mưu vì sự giàu mạnh của nước Triệu, khiến cho nước Tần trong suốt thời gian lâu dài không dám tới xâm lược nước Triệu nữa.

67. Xúc Long khuyên Triệu Thái Hậu

Năm 49 Chu Nản Vương (năm 266 trước Công Nguyên), Triệu Huệ Văn Vương qua đời, con trai là Đan lên nối ngôi, đó là Triệu Hiếu Thành Vương.

Hiếu Thành Vương tuổi đời quá nhỏ, vẫn chưa thể cai trị đất nước được, đại quyền quốc gia trên thực tế do người mẹ của Hiếu Thành Vương là Triệu Thái Hậu nắm giữ. Nước Tần thấy nội chính, ngoại giao của nước Triệu đều tương đối khó khăn, liền lợi dụng cơ hội đó tới xâm phạm, liền tiếp đánh chiếm được ba thành trì. Tình thế nước Triệu rất nguy cấp, đành phải tới cầu cứu nước Tề. Nước Tề đã nêu ra một điều kiện: Cần phải đưa em trai của Hiếu Thành Vương là Trường An Quân đến làm con tin, thì mới chịu xuất binh, vào thời đó, khi một quốc gia giao thiệp với một quốc gia, để buộc đối phương tuân thủ lời hứa hoặc giả muốn bắt ép đối phương, đã yêu cầu vua của nước đối phương phải đem gia thuộc hoặc thân tín của mình đến làm con tin. Nếu phản bội lời hứa hoặc không đáp ứng một yêu cầu nào đó, thì quốc gia này sẽ đem bỏ tù con tin, thậm chí xử tử con tin. Cho nên việc đi làm con tin là điều rất mạo hiểm, do vậy cũng được coi là một sự cống hiến đối với đất nước. Bây giờ nước Tề yêu cầu Trường An Quân đến làm con tin, thế nhưng Trường An Quân là người con trai nhỏ mà Triệu Thái Hậu yêu thương nhất. Triệu Thái Hậu một là luyến tiếc không nỡ chia rời với Trường An Quân hai là cũng không muốn để cho Trường An Quân vào nơi nguy hiểm, cho nên vô luận như thế nào cũng không chịu để cho Trường An Quân đi. Trước mặt quân Tần ngày một tiến lại gần, tình thế ngày càng khẩn cấp. Các quan đại thần đều rất lo lắng nhưng lại chẳng nghĩ ra được cách gì, nên đã từng người một tới khuyên Thái Hậu, xin bà bằng lòng với điều kiện của nước Tề. Thế nhưng Thái Hậu quyết không đồng ý. Người tới khuyên nhiều quá, Thái Hậu phát cáu, nói:

- Ai còn đến khuyên ta nữa thì ta sẽ nhổ nước bọt vào mặt.

Và như vậy cũng không một ai dám nêu lên sự việc này với Thái Hậu nữa.

Tả Sư (một tên quan thời đó) Xúc Long biết tình hình này, liền tới cầu kiến Triệu Thái Hậu. Triệu Thái Hậu dự đoán: nhất định là hắn đến để khuyên ta, hừ! Ta sẽ làm cho hắn bẽ mặt một phen, rồi bực tức chờ đợi Xúc Long vào. Xúc Long tuổi đã già, ông bước tập tễnh chậm chạp, tới trước mặt Thái Hậu ngồi xuống, xin lỗi nói:

- Chân của lão thần có bệnh, đi lại không dễ dàng, cho nên đã rất lâu rồi chưa đến thăm Thái Hậu được, xin Thái Hậu lượng thứ cho. Thân thể xương cốt Thái Hậu có được khỏe không? Lão thần luôn lo lắng cho Thái Hậu, chỉ sợ Thái Hậu không dễ chịu trong người, hôm nay đặc biệt tới thăm Người đây.

Thái Hậu nói:

- Sức khỏe của già cũng tạm tạm!

Xúc Long hỏi:

- Cơm ăn ra sao?

Thái Hậu nói:

- Chỉ ăn được một ít cháo.

Xúc Long nói:

- Lão thần có khi cũng chẳng muốn ăn cơm, bắt buộc mình phải đi dạo nhiều hơn. Mỗi ngày đi ba bốn dặm, ăn cơm mới thấy ngon, thân thể cũng cảm thấy thoải mái dễ chịu hơn.

Thái Hậu nói:

- Già này thì không thể đi được.

Cứ như vậy hỏi lan man công việc thường ngày. Thái Hậu dần dần bớt bực tức, sắc mặt cũng bắt đầu trở lại bình thường.

Tiếp đó, Xúc Long đổi sang câu chuyện khác, nói:

- Lão thần có một đứa con nhỏ nhất, tên gọi Thư Kỳ, cũng chẳng có tài cán gì. Thần đã già rồi, chỉ yêu thương nhất đứa con này thôi. Thần mạo muội nêu ra một lời thỉnh cầu, mong muốn Thái Hậu có cơ hội thì để cho nó được làm một tên vệ sĩ bảo vệ cung vua, không biết có được hay không?

Thái Hậu nói:

- Biết vâng lệnh là được. Con trai ngươi mấy tuổi rồi?

Xúc Long nói:

- Mười lăm tuổi rồi, tuổi tuy có nhỏ một chút, thế nhưng nếu được gửi gắm cho Thái Hậu trước khi lão thần chết, thì lão thần chết cũng được yên tâm rồi.

Thái Hậu nói:

- Đàn ông các ngươi cũng yêu thương con nhỏ của mình lắm nhỉ?

Xúc Long nói:

- Còn hơn cả đàn bà đó!

Thái hậu cười, nói:

- Điều đó chưa chắc. Đàn bà mới là người yêu con của mình nhất!

Xúc Long nói:

- Lão Thần cho rằng không thể như vậy được, cũng ví dụ như Thái Hậu đã yêu thương Yên Hậu hơn là yêu thương Trường An Quân đó!

Yên Hậu là con gái mà Thái Hậu đã gả cho vua nước Yên. Thái Hậu nghe xong không cho là phải, nói;

- Ngươi sai rồi. Già yêu thương Trường An Quân vĩnh viễn vượt hơn yêu thương Yên Hậu.

Xúc Long nói:

- Lão thần thấy chưa chắc như vậy đâu, cha mẹ thực sự yêu thương các con, phải luôn luôn tính kế lâu dài và tốt đẹp cho chúng. Còn nhớ khi Yên Hậu về nhà chồng, Thái Hậu đã đưa nàng lên tận xe hoa, ôm chặt lấy chân nàng mà khóc. Điều Thái Hậu nghĩ là nơi nàng phải tới quá xa, trong lòng rất buồn bã. Sau khi nàng đi rồi còn luôn nhớ nhung nàng, khi cúng bái đều cầu chúc cho nàng, chúc cho con cháu của nàng được đời đời kế tục ngôi vua nước Yên, Thái Hậu đã lo lắng cho nàng còn không xa nữa hay sao?

Thái Hậu nói:

- Đúng là như vậy!

Tiếp đó Xúc Long liền hỏi Thái Hậu:

- Nhà họ Triệu từ khi lập quốc đến nay đã được hơn hai trăm năm rồi. Xin Thái hậu nghĩ thử xem, trừ ba đời gần đây ra, các con cháu họ Triệu xưa kia còn ai có thể kế thừa tước lộc cho đến ngày nay không?

Thái hậu nói:

- Không có từ lâu rồi!

Xúc Long nói:

- ở các nước khác thì sao?

Thái hậu nói:

- Cũng không nghe thấy nói nữa.

Xúc Long hỏi:

- Thái hậu nghĩ xem vì nguyên nhân gì? Đó là vì số con cháu này đều là những người kế thừa tước vị sẵn có của đời cha truyền lại. Tước vị mà họ kế thừa tuy rất cao, thế nhưng họ chẳng lập được công lao gì, bổng lộc mà họ được hưởng rất hậu, cống hiến cho đất nước thì chẳng đáng là bao nhiêu. Cũng chẳng có kinh nghiệm và tài năng gì, nhưng quyền lực lại rất lớn. Như vậy thì thật là vô cùng nguy hiểm. Địa vị của họ luôn luôn không ổn định, rất dễ dàng bị người khác công kích, bản thân mình gặp phải họa sát thân đã đành, mà còn liên lụy đến cả con cháu họ, cho nên các con cháu họ Triệu xưa kia, đến nay chẳng còn ai được làm hầu tước nữa. Nay, Thái hậu một lòng đề cao địa vị của Trường An Quân, phong cho Trường An Quân đất đai màu mỡ nhất, cho Trường An Quân quyền lực lớn nhất, thế mà lại không biết nhân lúc này để Trường An Quân được xây dựng công huân cho đất nước. Sẽ có một ngày sau khi Thái Hậu qua đời. Trường An Quân biết dựa vào công lao nào để trụ vững được ở nước Triệu. Xem ra Thái hậu đã nghĩ quá gần cho Trường An Quân, cho nên lão thần nói Thái hậu yêu Trường An Quân không bằng Yên Hậu có đúng không?

Nghe xong, Triệu Thái Hậu mới sực tỉnh ngộ, vội nói:

- Lời lão thần đúng lắm! Được rồi, việc đi hay ở của Trường An Quân hoàn toàn theo sự sắp đặt của lão thần!

Tức thì Triệu Thái Hậu chuẩn bị cho Trường An Quân một trăm cỗ xe, đưa sang nước Tề để làm con tin. Nước Tề tiếp nhận Trường An Quân, sau đó cắt quân đi cứu viện nước Triệu. Quân đội của nước Tần đã phải tháo chạy.

Nước Triệu có một người hiền tài tên gọi là Tử Nghĩa nghe được sự việc này liền nói một cách chí lý rằng:

- Con cháu đời sau của nhà vua là cốt nhục của chính hoàng tộc, họ không thể dựa vào tước vị và bổng lộc, một khi không có công lao mà giành, càng không thể dựa vào những thứ này để bảo đảm tài sản và quyền lực của mình, huống hồ là những người dân bình thường như chúng ta?

68. Mao Toại tự tiến cử

Năm 55 Chu Nản Vương (năm 260 trước Công Nguyên) nước Tần lại sai đại quân tấn công nước Triệu. Đại tướng nước Triệu là Triệu Quát cùng tướng lĩnh quân Tần là Bạch Khởi đánh nhau ở Trường Bình (phía bắc huyện Cao Bình, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Quân Triệu đại bại, bị quân Tần giết chết và bắt sống trên 40 vạn người. Triệu Quát cũng bị bắn chết trong đám cung tên loạn xạ. Sang năm sau, quân Tần chia thành ba đường đánh vào nước Triệu, chiếm lĩnh được rất nhiều địa phương, ngay cả thủ đô Hàm Đan của nước Triệu cũng đã bị bao vây. Quân Triệu kiên quyết giữ thành trì, quân Tần đã đánh hơn một năm trời mà cũng không hạ nổi, liền phái cử quân đội đến càng nhiều. Quân đội nước Triệu chết và bị thương ngày càng nhiều, lương thảo cũng ngày càng thiếu thốn, tình hình vô cùng nguy cấp. Vua Triệu giống như con kiến trên chảo nóng, lo lắng cập rập, liền gọi Bình Nguyên Quân tới để nghĩ cách.

Bình Nguyên Quân tên gọi là Triệu Thắng, là chú của Triệu Hiếu Thành Vương. Cũng giống như Mạnh Thường Quân nước Tề, ông rất thích nuôi dưỡng môn khách, nghe nói đã có tới ba nghìn người, ông đã dựa vào các môn khách hiến mưu kế, vạch sách lược. Ông đều làm tướng quốc ở dưới triều nhà vua Huệ Văn Vương và Hiếu Thành Vương, đã từng ba lần bị cách chức tướng quốc, lại đã ba lần được phục hồi lại nguyên chức, là một người rất có danh tiếng thời đó. Lúc này ông đang trù liệu kế hoạch giải vây cho Hàm Đan. Ông tới chỗ vua Triệu, nêu ra chủ ý với vua Triệu, nói:

- Hiện tại, chỉ có tới nước Sở và nước Ngụy cầu cứu viện binh. Nước Ngụy có quan hệ với nước ta rất tốt, chắc chắn là sẽ cử cứu viện binh tới. Chỉ có điều là nước Sở cách nước ta quá xa, vua Sở lại sợ hãi nước Tần, chưa chắc đã chịu xuất binh. Thế nhưng Sở là một nước lớn, có quyền uy, cần phải tranh thủ sự chi viện của họ. Thần dự định sẽ đích thân tới nước Sở một chuyến.

Vua Sở nghĩ một lát, cũng chẳng còn cách nào khác, liền gật đầu đồng ý.

Bình Nguyên Quân trở về đưa việc này ra bàn bạc với vài môn khách thân tín, quyết định tuyển chọn 20 người văn võ toàn tài để cùng sang nước Sở với ông. Bình Nguyên Quân nói với môn khách:

- Lần ra đi này của chúng ta, nếu văn mà không xong thì ta dùng võ, nhất định phải bắt Sở Vương xuất binh. Cho nên những người đi theo ta cần giỏi cả văn, cả võ mới được. Cũng chẳng phải tìm người ở bên ngoài, cứ chọn trong số các tiên sinh đây là được.

Bình Nguyên Quân liền triệu tất cả các môn khách tới lựa chọn từng người, chọn đi chọn lại, cuối cùng vẫn chỉ chọn được 19 người. Những người khác nếu không thiếu tài ăn nói, thì lại kém tài võ nghệ, đều không đủ tiêu chuẩn. Bình Nguyên Quân rất cảm khái nói:

- Trời ôi! Tốn phí mấy chục năm, nuôi dưỡng ba nghìn người này nay chỉ cần có 20 người dùng đến thì lại chẳng chọn được ra, hiền tài quả thực là hiếm vậy!

Lời nói vừa dứt, bỗng từ trong góc phía sau nổi lên một âm thanh giống như một tiếng chuông lớn.

- Công tử hãy nhìn xem, tôi có thể góp cho đủ số được không?

Bình Nguyên Quân ngẩng đầu lên nhìn người vừa nói, đã không nhận ra ai, liền hỏi:

- Tiên sinh quý họ đại danh là gì?

Người đó trả lời:

- Họ Mao tên Toại.

Bình Nguyên Quân nghĩ một lát, chưa từng được nghe qua tên của người này bao giờ, lại hỏi:

- Tiên sinh cũng là môn khách của ta à?

Mao Toại trả lời, nói:

- Tôi làm môn khách của công tử đã được ba năm rồi.

Bình Nguyên Quân bắt giặc cười nhạt một tiếng, nói:

- Ta nghe nói, người có tài năng, dù ở đâu, cũng giống như cái dùi đặt ở trong túi áo, đầu nhọn của dùi lập tức sẽ lòi ra ngoài ngay. Tiên sinh đã ở trong nhà ta suốt ba mươi năm rồi, mà ngay cả đến tên của tiên sinh ta cũng không hề nghe thấy bao giờ, xem ra là tiên sinh cũng chẳng có tài gì đáng kể, vậy thì theo ta làm gì?

Các môn khách đều cười ồ lên. Mao Toại rất bình tĩnh, ung dung trả lời:

- Công tử nói quả thật có lý, vấn đề là ở chỗ công tử có hề đặt tôi vào trong túi bao giờ, nếu không, tài năng của tôi sẽ giống như một chiếc dùi sắc nhọn lòi ra hết ngoài, chứ đầu chỉ có lòi cái mũi nhọn của dùi?

Bình Nguyên Quân thấy Mao Toại rất thông minh cơ trí, lời nói rất có lý lẽ liền đáp ứng lời thỉnh cầu của ông. Một buổi tối, Bình Nguyên Quân và các môn khách đã được lựa chọn, cũng xông ra khỏi vòng vây của quân Tần, lao thẳng tới đô thành nước Sở.

Bình Nguyên Quân tới đô thành nước Sở, sáng sớm hôm sau đã vào bái kiến Sở Vương. Vua nước Sở lúc đó là Khảo Liệt Vương. Họ tiến hành hội đàm ở trên đại điện, Mao Toại cùng các nhân viên tùy tùng 20 người đứng hầu ở ngoài điện. Đối với lời nói cũ “hợp tung chống Tần” mà Bình Nguyên Quân đề xuất, Khảo Liệt Vương rất có ác cảm. Liệt Vương nói:

Quý quốc đã từng là nước phát khởi ra hợp tung, kết quả là chưa hợp đã tan; Tiên vương Hoài Vương cũng đã làm qua Tung Ước trưởng, cuối cùng đã chết thảm ở nước Tần. Tề Mân Vương cũng làm qua Tung Ước trưởng, đều chuốc lấy họa xâm lấn của các nước. Xin ông đừng nêu ra việc Hợp tung nữa. Vả lại, ngày nay nước Tần càng mạnh, bản thân chúng tôi đã không tự lo liệu nổi cho mình, còn lấy đâu ra lực lượng mà đi chi viện cho quý quốc nữa!

Bình Nguyên Quân ra sức biện bạch giải thích cho Hợp tung, nói:

- Nước Tần tuy mạnh, thế nhưng nếu nó chia quân ra khống chế 6 nước thì lực lượng sẽ quá yếu. Các nước tuy yếu, nếu biết hợp sức lại để đối phó với nước Tần thì sẽ thừa thãi.

Khảo Liệt vương nói:

- Thế nhưng, trước mắt đô thành của quý quốc đang nằm trong vòng vây của quân Tần, chúng tôi cách quý quốc quá xa. Nước xa không cứu nổi lửa gần là thế đấy!

Bình Nguyên Quân nói:

- Đô thành nước tôi tuy bị bao vây, nhưng chúng tôi đã kiên trì giữ được trên một năm rồi. Nếu các nước ra sức viện trợ, khẳng định có thể đánh bại được quân Tần.

Rồi cứ như vậy, kẻ nói qua người nói lại, cứ tranh luận mãi cho đến tận trưa không sao ngã ngũ. Sở vương nhất định không chịu cử binh cứu viện nước Triệu.

Mao Toại đứng ở bên ngoài Điện chờ đợi rất sốt ruột, đã thấy ông bước nhanh như gió xông thẳng vào Đại Điện, nói to với Bình Nguyên Quân:

- Sự quan trọng của việc Hợp tung chỉ cần ba câu, hai điều là nói được rõ ràng, tại sao Công tử lại phải nói từ sáng sớm tới giữa trưa, mà vẫn còn trù trù không quyết được?

Khảo Liệt Vương đang bực bội, nhìn thấy có người ngoài xông vào, càng thêm bực tức, quát hỏi:

- Người là người nào?

Bình Nguyên Quân nói:

- Đây là Mao Toại, môn khách của tôi!

Sở vương càng không coi Mao Toại ra gì, liền quát mắng:

- Ta và chủ người đang bàn bạc, đâu có phần người xía vào? Hãy mau mau lui ra ngoài!

Nào ngờ Mao Toại không những không lùi ra, ngược lại đã nắm chặt kiếm dài, nhanh chân bước tới trước mặt vua Sở, trợn tròn mắt, nghiêm trang nói:

- Hợp tung chống Tần là việc lớn trong thiên hạ, mọi người trong thiên hạ đều có thể bàn bạc được. Đại vương dựa vào đâu không cho phép tôi nói, lại muốn đuổi tôi ra ngoài? Có lẽ nào ngài cậy có nhiều vệ sĩ chăng? Báo để ngài biết, trong vòng mười bước này, các vệ sĩ của ngài chẳng có giá trị gì hết. Bất kỳ lúc nào tôi đều có thể đòi mạng của ngài đó!

Sở Vương hoảng sợ quá run bần bật, vội vàng cười xòa, nói:

- Không, không! Tiên sinh có điều gì, xin cứ nói, xin cứ nói!

Tức thì Mao Toại đồng dặc thẳng thắn nói:

- Quý quốc đất đai chiếm năm nghìn dặm, binh lính có tới trăm vạn người, có đầy đủ điều kiện ưu việt để thành tựu sự nghiệp bá chủ. Thế nhưng, nước Tần chỉ phái mấy vạn người ngựa đã đánh cho quý quốc toi bời tan tác, ngay cả đến đô thành của quý quốc cũng bị nước Tần chiếm mất, lăng mộ của tổ tiên cũng bị quân Tần hủy hoại mất. Nội đại sĩ nhục này, trăm đời khó quên; nước Triệu chúng tôi đều cảm thấy xấu hổ thay cho quý quốc. Thế mà đại vương vẫn thản nhiên như thường như vậy có xứng đáng với đất nước, có xứng đáng với tổ tiên hay không? Nay, chủ nhân của tôi quá bộ tới đây thương nghị việc đại sự Hợp tung chống Tần, không chỉ vì bản thân chúng tôi, cũng chính là vì quý quốc nữa. Tại sao đại vương trái lại vẫn cứ dùn đẩy trách nhiệm?

Những lời nói này đã làm cho vua Sở nét mặt lúc đỏ dừ lúc trắng bệch, quả thực là không có đường chui xuống đất đành phải luôn miệng khen là phải.

Mao Toại thừa cơ truy hỏi:

- Vậy thì việc Hợp tung chống Tần, cuối cùng ngài có thể quyết định được không?

Sở Vương vội nói:

- Có thể! Có thể!

Mao Toại liền sai người bưng chiếc thau đồng trong đựng đầy máu gà, máu chó, máu ngựa, quý xuống trước mặt vua Sở nói:

- Đại vương là Tung Ước trưởng, xin mời hãy uống trước bát máu này.

Sở Khảo Liệt Vương, Bình Nguyên Quân, Mao Toại ba người cùng uống máu, cùng thề nguyện, hiệp ước liên minh Hợp tung coi như đã được chính thức thành lập. Sở vương đáp ứng ngay lập tức cử Xuân Thân Quân soái lĩnh quân Sở tới giải vây Hàm Đan cho nước Triệu.

Bình Nguyên Quân vô cùng bái phục tài đảm lược của Mao Toại, nghĩ lại thành kiến đối với ông lúc đầu, rất lấy làm áy náy. Trên đường về nước, Bình Nguyên Quân nói với Mao Toại:

- Lần này tiên sinh đi nước Sở, chỉ dựa vào ba tấc lưỡi đã thắng được trăm vạn hùng binh, đã nâng cao mạnh mẽ uy tín của nước Triệu. Toàn thân tiên sinh là gan dạ, rục rĩ chói ngời, sự sắc nhọn của mũi dùi còn kém xa tiên sinh. Trước đây ta đã nhìn lầm tiên sinh, thật là có mắt mà chẳng nhìn thấy viên ngọc lóe sáng hào quang!

Từ đó trở đi Bình Nguyên Quân đã đặt Mao Toại lên loại môn khách Thượng đẳng.

Sự vây đánh của quân Tần, càng làm cho Hàm Đan càng thêm nguy cấp. Bình Nguyên Quân về tới nước Triệu, tiếp thu lời khuyên bảo của các môn khách, bán hết cả tài sản riêng, trưng tập ba nghìn người, tổ chức thành một Đội cảm tử, ban đêm tập kích vào doanh trại quân Tần, đã giết chết được trên một nghìn quân Tần, buộc quân Tần phải lùi về phía sau 30 dặm. Lúc này, cứu binh của nước Sở, nước Ngụy cũng vừa kịp kéo tới, quân Tần đã thua chạy, Hàm Đan đã được giải vây.

Trước hình trạng mọi người không biết mình, Mao Toại phải tự tiến cử, dũng cảm hoàn thành một sứ mệnh trọng đại. Người đời sau đã đem hành động dám đứng ra gánh vác trách nhiệm vụ trọng đại này làm thành một câu ví dụ “Mao Toại tự tiến cử”, lâu dần trở thành câu thành ngữ được lưu hành rất rộng rãi.

69. Trộm phù cứu Triệu

Trong chiến dịch giải vây cứu Hàm Đan, tám vạn quân Ngụy là bộ đội chủ lực, đã phát huy được tác dụng rất lớn. Thế nhưng, nước Ngụy đã xuất nhiều binh lính đến cứu viện nước Triệu, mà An Hy Vương tuyệt nhiên không hay biết. Nguyên nhân vì sao?

Vốn dĩ, Bình Nguyên Quân và Tín Lăng Quân nước Ngụy là thông gia, phu nhân của Bình Nguyên Quân là chị gái của Tín Lăng Quân, Tín Lăng Quân là em trai của Ngụy An Hy Vương. Khi Hàm Đan bị vây, Bình Nguyên Quân quyết định đích thân tới cứu viện nước Sở, ông lại lần lượt viết thư cho Ngụy Vương và em vợ mình là Tín Lăng Quân nhờ họ cất quân đi cứu viện.

Tín Lăng Quân là một người biết hạ mình trọng kẻ sĩ, dũng cảm làm điều nghĩa. Nhận được thư của chồng chị gái, tự nhiên ông thấy vô cùng lo lắng, lập tức tới tìm Ngụy Vương để thương nghị. Ngụy An Hy Vương không chịu đựng nổi nhiều lần cầu xin của Tín Lăng Quân, đã để cho lão tướng Tấn Bỉ thống soái 10 vạn binh mã kéo đi cứu Triệu.

Tín này đã rất nhanh chóng lan tới nước Tần, Tần vương vội vã cử sứ thần tới nước Ngụy, cảnh cáo vua Ngụy:

- Đánh chiếm Hàm Đan chỉ là công việc của một sớm một chiều. Ai dám đến cứu Triệu, chờ ta lấy xong nước Triệu, nhất định sẽ quay trở lại hỏi tội đó!

Sự uy hiếp này đã làm cho vua Ngụy hoảng sợ, tức thì An Hy Vương đã cử người hỏa tốc tới truyền mệnh lệnh cho Tấn Bỉ, trước hết không được vội vã cứu Triệu, cứ đóng chặt quân ở trên biên giới chờ lệnh.

Bình Nguyên Quân đâu biết sẽ gặp phải trắc trở, chỉ trách móc Tín Lăng Quân không chiếu cố đến tình nghĩa. Ông bức tức viết thư quả mắng Tín Lăng Quân: "Từ trước ta luôn luôn bái phục công tử là con người biết cứu người trong lúc nguy nan khẩn cấp, rất coi trọng nghĩa khí, cho nên ta mới kết thành thông gia với Công tử. Ngày nay, mắt nhìn thấy Hàm Đan sắp sửa rơi vào tay quân Tần, thế mà cứu binh của nước Ngụy lại chần chừ không đến, phẩm đức cứu người trong lúc nguy nan khẩn cấp của Công tử đã vứt bỏ đi đâu rồi? Cho dù Công tử xem thường ta, chẳng kể gì tới sự sống chết của ta, nhưng lẽ nào Công tử lại không thương xót đến chị mình, nữ để cho chị mình đi làm tù binh của nước Tần hay sao?"

Tín Lăng Quân vừa đọc xong bức thư gửi đến, vừa cảm thấy oan uổng, lại vô cùng lo lắng. Ông nghĩ đi nghĩ lại, đành phải tới thỉnh cầu Ngụy Vương, đi mấy lần liền, lại mời người tới trình rõ lợi hại, khuyên Ngụy Vương nhanh chóng xuất quân. Đứng trước sự uy hiếp của nước Tần, sống lưng của Ngụy Vương không sao uốn thẳng được, ông kiên quyết không chịu xuất quân. Tín Lăng Quân thấy Ngụy Vương quyết không chịu xuất quân, liền hạ quyết tâm một còn một mất với nước Triệu, ông đã tổ chức các môn khách của mình lại, tổng cộng được hơn một nghìn người, lại gom góp được hơn một trăm chiến xa, dự định kéo quân đội bị cô lập của mình đi cứu Triệu.

Khi đội ngũ đi qua cửa thành, Tín Lăng Quân tới cáo từ quan giữ cửa tên gọi Hầu Doanh, Hầu Doanh đã bảy mươi tuổi, là bạn già của Tín Lăng Quân, gia đình rất nghèo khổ, thế nhưng phẩm đức cao thượng thông minh cơ trí. Thường ngày Tín Lăng Quân rất tôn trọng Hầu Doanh. Lúc này, Tín Lăng Quân đem dự định của mình nói cho Hầu Doanh biết, muốn lắng nghe ý kiến của Hầu Doanh, chẳng ngờ, vị Hầu lão tiên sinh đó chỉ lạnh nhạt nói một câu:

- Xin Công tử chú ý bảo trọng! Tôi thân già sức yếu, không thể đi cùng Công tử được!

Tín Lăng Quân từ biệt Hầu Doanh, vội vã đánh xe lên đường. Trên đường đi Tín Lăng Quân càng nghĩ càng thấy bức dọc, nghĩ thầm:

- Thường ngày ta đối đãi với lão có thể nói là tình sâu, nghĩa nặng. Hôm nay ta liệu chết đi cứu Triệu, ngay đến một câu thân thiết lão cũng không nói, tại sao lão lại lạnh nhạt như thế này? Phải chăng là ta đã có điều gì sai sót? Ta phải quay trở lại hỏi hấn xem sao.

Tức thì, Tín Lăng Quân cho quay đầu xe trở lại cửa Thành. Chẳng ngờ, Hầu lão tiên sinh đang chờ Tín Lăng quân ở cửa, nói:

- Lão đã dự liệu từ trước là nhất định Công tử sẽ quay trở lại.

Tín Lăng Quân cảm thấy kỳ quái, hỏi:

- Tại sao tiên sinh lại biết được?

Hầu Doanh nói:

- Ngày nay Công tử tới nước Triệu liều mạng với quân Tần, điều này có khác gì đem miếng thịt béo tới làm mồi cho hổ, chỉ chết uổng mà thôi! Thường ngày Công tử đãi lão ơn nặng như núi, vào lúc sinh ly tử biệt này, ngay đến việc đưa tiễn tôi cũng không đi, một lời làm ấm lòng cũng chẳng có, tôi chắc rằng Công tử nhất định sẽ rất bực bội, không quay trở lại hỏi cho rõ ràng, thì đó mới là điều lạ!

Tín Lăng Quân nhìn thấy Hầu Doanh đã giải bày tâm sự của mình, vô cùng bái phục, đoán chắc rằng nhất định lão sẽ có mưu sâu kế xa, liền vội vàng thỉnh giáo.

Hầu Doanh đã tách khỏi mọi người, mời Tín Lăng Quân vào trong một gian nhà nhỏ, khe khẽ nói với ông:

- Phi tử mà hiện nay Đại vương sủng ái nhất là nàng Như Cơ, Công tử là đại ân đại đức của Như Cơ, có lẽ nào Công tử không nhớ chăng?

- ừ, nhưng nói ra điều này để làm gì?

- Nghe nói cha của Như Cơ sau khi bị giết chết, nàng xin với Đại vương trả thù thay cho nàng, nhưng đã ba năm rồi vẫn chưa bắt được hung thủ. Về sau chính là môn khách của Công tử đã giết chết hung thủ, đem đầu lâu tới giao cho nàng. Vì việc này mà Như Cơ chỉ một lòng muốn báo đáp rất hậu đối với ân tình của Công tử. Hôm nay chẳng phải đúng là lúc cần tới nàng đó sao?

Tín Lăng Quân hỏi:

- Nàng chỉ là đàn bà, có thể giúp ta được gì đây?

Hầu Doanh nói:

- Thừa Công tử, xin Công tử hãy nghĩ mà xem, muốn cứu nước Triệu, đội ngũ một nghìn người này của Công tử liệu có ích gì? Còn cần phải dựa vào quân đội nước Ngụy nữa. Hiện tại Tấn Bỉ đang soái lãnh đội quân 10 vạn người ngựa đóng giữ ở trên biên giới hai nước Ngụy Triệu. Nếu sử dụng được đội quân này thì còn sợ gì không cứu được nước Triệu nữa?

Tín Lăng Quân nói:

- Thế nhưng đội quân người, ngựa cần điều động này thì trong tay ta lại không có Hồ phù!

Hồ phù nói chung có hình dạng giống con hổ được đúc ra bằng đồng, chia thành hai nửa, một nửa lưu giữ trong tay nhà vua, một nửa giao cho Đại tướng đem quân đi. Khi nhà vua muốn điều động quân đội thì sai sứ thần đem một nửa Hồ phù đi truyền lệnh. Đại tướng lấy nửa phần hồ phù kia đối nghiệm với nửa phần của sứ thần, thấy hoàn toàn khớp thì mệnh lệnh phát mới có hiệu lực. Hầu Doanh liền nói:

- Hiện tại một nửa Hồ phù đang nằm trong tay Tấn tướng quân, còn một nửa Đại vương cất giữ. Cho nên chỉ có được một nửa Hồ phù của Đại vương mới điều động được 10 vạn binh mã của Tấn Bỉ. Người vẫn sớm tối cận kề Đại vương, chẳng phải là Như Cơ đó sao?

Nghe tới đây Tín Lăng Quân mới bỗng nhiên tỉnh ngộ, nói:

- ý của tiên sinh là để cho Như Cơ...

Hầu Doanh nói:

- Sự việc đã tới nước này rồi, cũng chẳng còn cách nào khác được. Đành phải nhờ nàng lấy trộm nửa phần hổ phù đó.

Thế nhưng Tín Lãng Quân vẫn chưa dám hạ quyết tâm, nói:

- Cho dù có được Hổ phù ở trong tay rồi, nếu Tấn Bĩ không chịu nghe theo thì làm thế nào? Tục ngữ nói "Tướng tại ngoại, có thể không tiếp nhận mệnh lệnh vua" đó!

Hầu Doanh nói:

- Cho nên lão xin tiến cử cho Công tử một người. Lão có một người bạn tên gọi là Châu Hợi, võ nghệ cao cường, đặc biệt là trong tay có một chiếc chùy sắt lớn, không ai địch nổi, để cho hắn đi cùng Công tử. Tới lúc đó, nếu Tấn Bĩ nghe theo sự điều khiển thì rất tốt; nếu không thì chỉ một chùy là tính mạng của Tấn Bĩ đi toi.

Tín Lãng Quân thấy tình hình quân sự rất khẩn cấp, lại chẳng nghĩ ra kế gì khác, đành đồng ý theo cách này.

Tín Lãng Quân đem việc cần Hổ phù khế nói với Như Cơ, quả nhiên Như Cơ đã trộm lấy được đưa ra, Tín Lãng Quân cầm được Hổ phù, dắt theo Châu Hợi, ngay đêm đó vội vã đi điều binh.

Họ tới doanh trại của quân Ngụy, vào gặp Tấn Bĩ. Tín Lãng Quân nói:

- Tướng quân vất vả quá, đại vương có đặc ý đến ta tới thay ông đây!

Ngay lập tức Tín Lãng Quân lấy Hổ phù ra đưa cho Tấn Bĩ đối chứng. Tấn Bĩ khớp xong Hổ phù, biết không phải là giả, thì tin ngay. Thế nhưng Tấn Bĩ lại nghĩ:

- Đại vương đã giao phó cho ta 10 vạn đại quân, ta lại chẳng phạm phải lỗi lầm nào, tại sao lại đột ngột cách chức của ta? Tuy đã có Hổ phù đây, nhưng việc lớn nhường này, sao lại không có thư tới? Xem ra không thể sơ xuất được!

Thế rồi Tấn Bĩ khách khí nói với Tín Lãng Quân.

- Xin công tử hãy đợi vài hôm, để tôi đem sổ danh sách kiểm kê lại chu đáo, sau đó sẽ làm thủ tục bàn giao, ý công tử thế nào?

Tín Lãng Quân liền lo lắng, nói:

- Ta phụng mệnh dẫn quân đi cứu Triệu, Hàm Đan đang nguy trong sớm tối, dù có đi suốt đêm ta còn sợ chẳng kịp, sao lại có thể chờ đợi để lỡ dở việc lớn được?

Tấn Bĩ đành nói:

- Thực tình không dám giấu công tử, việc quân cơ đại sự như thế này, cần phải báo cáo lại với Đại vương một tiếng, sau đó mới dám tuân...

Chữ "mệnh" còn chưa kịp nói ra, Châu Hợi ở bên cạnh đã gào to:

- Tướng quân không tuân theo vương mệnh, chính là phản bội đó!

Nói rồi rút ngay chiếc chùy sắt nặng 45 cân từ trong ống tay áo ra, bổ dọc xuống đầu Tấn Bĩ. Chiếc đầu lâu của Tấn Bĩ trong giây lát đã nát như bột. Tín Lãng Quân tay cầm hổ phù, trèo lên cao hét lớn:

- Đại vương hạ lệnh cho ta thay Tấn tướng quân dẫn binh đi cứu Triệu, Tấn Bĩ không phục tùng mệnh lệnh của nhà vua, nên phải chịu tội chết. Mọi người không việc gì phải kính sợ, hãy nghe lệnh của ta!

Trong doanh trại quân im phăng phắc, chỉ nghe thấy Tín Lãng Quân tuyên bố:

- Hai cha con đều làm lính, người cha có thể trở về nhà, hai anh em đều ở trong quân ngũ, người anh có thể về nhà, người nào gia đình là con một vào lính, cũng không phải đi đánh trận nữa, trở về mà phụng dưỡng cha mẹ!

Và như vậy, mười vạn quân đội chỉ còn lưu lại tám vạn tướng sĩ, thế nhưng sức chiến đấu càng mạnh hơn. Tín Lăng Quân soái lãnh đội quân này, ngay đêm đó tấn công vào Hàm Đan.

Quân nước Tần thấy quân đội nước Ngụy từ sau lưng đánh tới, hốt hoảng ứng chiến, vừa đánh vừa lùi. Lúc này Bình Nguyên Quân dẫn quân từ trong thành xông ra, hai quân đánh khép gọng kìm quân Tần. Trước mặt và sau lưng đều gặp địch, quân Tần không thể đứng vững nổi, binh mã tổn thất quá nửa, đành phải rút lui. Cuối cùng Hàm Đan đã được giải cứu. Đây là sự kiện xảy ra vào năm 58 Chu Nản Vương (năm 257 trước Công Nguyên).

Ngụy Vương biết được sự việc Tín Lăng Quân trộm Hồ phù cứu Triệu, giết chết Tấn Bỉ, thì vô cùng tức giận, nổi trận lôi đình, trước tiên giam Như Cơ vào lãnh cung. Về sau nhìn thấy quân Ngụy thắng trận, khái hoàn trở về, lại chuyển giận thành vui. Tín Lăng Quân biết chắc Ngụy Vương bất mãn đối với mình, không dám trở về nước Ngụy nữa, mà sống ở nước Triệu suốt 10 năm. Mãi cho tới khi nước Tần phát binh đánh Ngụy, Ngụy Vương nhiều lần khẩn khoản mời, ông mới quay trở về nước Ngụy, trù hoạch đại kế chống Tần.

70. Đòi trốn nợ

Chính trong khi Tín Lăng Quân trộm phù cứu Triệu, Sở Khảo Liệt Vương cũng cử quan lệnh doãn Xuân Thân Quân soái lãnh quân Sở đi cứu giúp nước Triệu.

Xuân Thân Quân họ Hoàng, tên Yết, hiểu biết rộng rãi, thích kết giao với các vị tân khách, cũng có tới ba nghìn môn khách. Lúc đó, ông tiếp nhận được quân lệnh của Sở Vương, dẫn quân đội xuất phát. Nước Sở cách nước Triệu rất xa, hành động của quân Sở lại chậm chạp, chờ tới khi họ kịp tới biên giới nước Triệu, vấp phải gọng kìm của quân đội hai nước Triệu, Ngụy, quân Tần đã chạy rồi, Xuân Thân Quân đành phải dẫn binh về nước. Sau khi Sở Khảo Liệt Vương biết được tình hình này, vô cùng cảm khái nói:

- Xem ra việc Hợp tung của Bình Nguyên Quân không phải là chuyện nói chơi, thực sự đã thành công rồi. Nếu như ta có những nhân tài như Bình Nguyên Quân, Tín Lăng Quân thì còn sợ nước Tần gì nữa?

Lúc đó, Xuân Thân Quân cũng giống như cũng như Bình Nguyên Quân và Tín Lăng Quân, đều là những người rất có danh tiếng; nghe Sở Vương nói, trong lòng không biết là cay hay là đắng, cảm thấy rất khó chịu. Để tỏ rõ bản thân mình chẳng kém gì Bình Nguyên Quân, Tín Lăng Quân, ông đã nghĩ ra một chủ ý, nói với Khảo Liệt Vương:

- Nước Tần vừa mới nếm đòn bại trận, quân đội tử thương quá nửa, nguyên khí bị tổn hại nặng, nhân cơ hội này chúng ta cử sứ thần, hẹn hợp với các nước, cùng đi đánh nước Tần. Đồng thời tới thuyết phục Chu Thiên Vương, giương cao cờ của Chu Thiên Vương đi trừng phạt nước Tần cho danh chính ngôn thuận. Đây là cơ hội tốt để xây dựng nghiệp bá chủ.

Khảo Liệt Vương hớn hờ ra mặt. Xuân Thân Quân đã nói rất đúng, cơ hội bá chủ đang ở trong tầm tay. Tức thì Liệt Vương liền sai người tâu với Chu Thiên Vương - Chu Nản Vương lệnh cho các nước cùng xuất phát quân đánh Tần.

Lúc này quyền lực của Chu Thiên Vương càng thêm suy yếu. Triều đình nhà Chu chỉ còn lại ba, bốn chục tòa thành trì với hơn ba vạn nhân khẩu. Đất đai đã hẹp, lại bị chia thành hai nửa, do hai quản gia là Đông Chu Công và Tây Chu Công cai quản, Chu Nản Vương chỉ có thể tạm thời trú ở chỗ Tây Chu Công bị các nước xem thường từ lâu rồi. Có điều là ông vẫn còn xưng hiệu là Thiên Vương, trên danh nghĩa vẫn là vị vua chung của các nước. Cho nên, có một số vua các nước vẫn muốn cầm cờ hiệu của ông tới ra lệnh cho các nước mở rộng thế lực của mình. Chủ ý của Xuân Thân Quân chính là ở chỗ đó!

Thế còn Chu Nản Vương thì sao? Cuộc sống của ông càng ngày càng khó khăn. Bởi nước Tần từng bước sát tới gần đã xâm chiếm rất nhiều địa phương của nước Hàn, bước tiếp sau xem chừng chúng sẽ tiêu diệt triều đình nhà Chu. Chính vào lúc mấu chốt này, bỗng nhiên nước Sở cử sứ thần tới, để cho Chu Nản Vương ra lệnh cho các nước cùng tấn công nước Tần. Sự hưng phấn đó của Chu Nản Vương, khỏi cần phải nhắc tới.

Thế nhưng, đã có lệnh của Chu Thiên Vương cho các nước Tấn công nước Tần, thì triều đình nhà Chu cần phải có một đội quân. Ông sai Tây Chu Công trưng tập binh mã, trừ bị lương thực. Tây Chu Công tốn phí rất nhiều sức lực mới thu gom được đủ năm, sáu nghìn người, nhưng vũ khí không đủ, lương thực cũng rất thiếu. Biết làm sao đây? Chu Nản Vương lo lắng tới mức luôn vò đầu bứt tai, bỗng nhiên trong lúc khốn khó đã ló trí mưu, ông nghĩ ra một biện pháp: vay tiền của các hộ giàu có trong vùng, lập cho họ một tờ kế ước, khi đắc thắng trở về triều đình sẽ dùng chiến lợi phẩm hoàn trả cả vốn lẫn lãi. Các hộ giàu có đó, nhìn thấy có các nước làm hậu thuẫn, cho rằng quân đội của nhà vua nhất định sẽ giành được thắng lợi, sau chiến thắng sẽ giành được một khoản tiền lớn và cơ hội phát tài đã đến, cho nên họ đều khảng khái dốc hầu bao ra.

Như vậy là, Chu Nản Vương đã thu gom được một khoản tiền lớn một cách nhanh chóng, chế tạo vũ khí, mua lương thực, thao luyện binh mã; một đội quân hơn năm nghìn người coi như đã được xây dựng nên. Ông chỉ định Tây Chu Công làm đại tướng. Tây Chu Công dẫn binh mã tới

vùng đất Y Khuyết (phía Nam thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) chỉ chờ đánh xong trận là tới giành chiến lợi phẩm.

Chẳng ngờ sáu nước là chiêm đánh đều mà trống chẳng gõ đều, người đến, người chẳng đến. Nước Hàn đã bị nước Tần đánh cho hoảng sợ, không dám xuất quân. Hai nước Triệu và Ngụy vừa đánh nhau với nước Tần, nguyên khí chưa khôi phục được, không đủ sức để xuất giao. Quan hệ giữa nước Tề và nước Tần còn thân thiết, nên chẳng chịu xuất quân. Cuối cùng chỉ có binh mã của hai nước Sở và Yên tới tập hợp ở Y Khuyết, tổng cộng lại cũng không quá mấy vạn. Như vậy thì đâu có phải là đối thủ của quân Tần, chỉ trông quân đội của bốn nước kia. Kết quả là chờ suốt ba tháng trời, cũng chẳng nhìn thấy một bóng quân nào cả, sĩ khí lẽ dĩ nhiên càng ngày càng sút kém. Nước Tần thấy rõ đội quân này chẳng qua chỉ là một đám đông ô hợp, chẳng có gì ghê gớm cả. Chúng đã sắp xếp 10 vạn quân ở trên biên giới, nghiêm trận chờ đợi, đôi khi còn tới nơi cách chỗ đóng quân của binh lính Sở Yên không xa để tiến hành diễn tập, diễu võ dương oai. Quân đội hai nước Sở Yên thấy vậy đều tự rút quân. Tây Chu Công chẳng thu được chiến lợi phẩm, đành phải thu quân.

Trận không đánh, quân lương vay về đã dùng hết sạch. Số họ giàu có kia làm sao có thể cam chịu được? Họ đem khế ước tới tập trung ở trước cửa cung, đòi nợ Chu Nản Vương từ sáng sớm đến tối, gào thét vang trời. Lúc này Chu Nản Vương thật là hổ thẹn và hối hận, nhưng không kịp nữa rồi, ông đành trốn nấp ở trong cung suốt ngày không dám lộ mặt. Các hộ giàu có gào thét càng hung hăng, ông ở lì trong cung cũng không yên, lại phải tới ẩn nấu trên một đài cao ở hậu cung. Về sau nhân dân đã gọi đài cao này là “Đài trốn nợ”.

Sau khi hai nước Sở, Yên rút quân, quân Tần thuận tay chiếm luôn Dương Thành của nước Hàn, thừa thắng xông lên đánh thẳng tới Triều Chu. Chu Nản Vương hoảng sợ quá, dự định chạy trốn tới nước Hàn và nước Ngụy. Thế nhưng Tây Chu Công không đồng ý để cho ông làm như vậy, Tây Chu Công đã khuyên Chu Nản Vương, nói:

- Xem ra nước Tần sẽ thôn tính cả sáu nước, đó là xu thế lớn. Các nước Hàn, Ngụy... không lâu cũng sẽ bị nước Tần nuốt chửng, hà cớ gì đại vương lại phải chịu nhục hai lần? Chi bằng cứ trực tiếp đầu hàng nước Tần, có lẽ là kết cục cũng không đến nỗi quá thảm.

Chu Nản Vương vừa nghe có lý, đành phải vứt bỏ cái khung Thiên Vương, ngoan ngoãn ôm bản đồ, dẫn các đại thần và gia quyến tới Hàm Dương xưng thần với vua Tần.

Tần vương nom bộ dạng Chu Thiên Vương đáng thương như vậy cũng không nỡ xử tội, đành giáng xuống làm “Chu công”, cho ông cư trú ở địa phương Thành Lương. Chu Thiên Vương vốn dĩ tuổi tác đã cao, lại bị một cú sốc lớn như vậy, tới Thành Lương chưa đầy một tháng thì qua đời. Tổng cộng ông ở ngôi được 59 năm, năm đó chính là năm 256 trước Công Nguyên.

Khoảng bảy tám năm sau, nước Tần lại cất quân đi tiêu diệt đất quản hạt của Đông Chu Công. Như vậy là tính từ khi Chu Vũ vương dựng nước trở đi, triều đình nhà Chu kéo dài hơn 800 năm, tới đây đã diệt vong. Đó là sự kiện của năm 24 trước Công Nguyên.

71. Đô Giang Yển

Đến cuối thời kỳ Chiến Quốc, cục diện chính trị đã rất sáng sủa. Nước Tần mạnh nhất, trở thành một quốc gia có thực lực thống nhất Trung Nguyên. Sở dĩ nước Tần lớn mạnh như vậy, có nhiều nguyên nhân, trong đó một nguyên nhân quan trọng chính là nước Tần rất coi trọng nông nghiệp, tích cực xây dựng thủy lợi, phát triển sản xuất, do vậy mà có lực lượng kinh tế tương đối hùng hậu. Công trình thủy lợi Đô Giang Yển (Yển là bờ đê giữ nước) hùng vĩ nổi tiếng nhất chính là do quận thú Thục Quân (phía Tây tỉnh Tứ Xuyên ngày nay) tên gọi Lý Bằng và con trai là Nhị Lang lãnh đạo nhân xây dựng nên. Công trình thủy lợi này tới ngày nay vẫn còn phát huy được tác dụng cực kỳ lớn, tưới tắm cho mấy trăm vạn mẫu ruộng tốt, khiến cho bình nguyên Thành Đô trở thành vựa thóc nổi tiếng của Trung Quốc. Cha con Lý Bằng đã lãnh đạo nhân dân xây dựng Bờ đập Đô Giang như thế nào?

Đó là sự việc của hơn 2200 năm về trước. Khi đó Thục quận thường xuyên bị nạn lụt lớn, khiến cho cả một vùng đất rộng lớn hoang vu, nhiều người lưu lạc mất chỗ ở, sống cuộc sống rất bi thảm.

Vốn dĩ vùng đất Thành Đô, huyện Quán của Thục Quân là một bình nguyên lớn. Xung quanh bình nguyên đều là những đỉnh núi cao, con sông Mân bắt nguồn từ trên đỉnh núi Mân ở phía Tây Bắc Thục Quận quanh năm đóng băng. Vùng thượng du Mân giang này có độ dốc lớn, thế nước rất mạnh chảy thẳng xuống hung hăng như con ngựa rừng mất cương. Tới gần huyện quán thế đất đột nhiên bằng phẳng, dòng chảy biến thành chậm. Bùn cát, đá sỏi từ trên núi đổ xuống lắng đọng lại, năm qua tháng lại, lòng sông càng ngày càng cao. Hễ cứ tới mùa hạ, tuyết trên núi tan ra, nước sông dâng cao, con sông không chứa nổi nước tràn lên bờ, ngập mênh mông thành tai họa. Nhân dân sống ở vùng đó đã nếm phải đủ thứ khổ sở của sông Mân, họ đã từng tiến hành những cuộc đấu tranh chinh phục con sông, ngăn chặn nước lụt. Thế nhưng, do Mân giang nước lớn, sóng gập, cuối cùng chẳng có biện pháp trị thủy nào có hiệu quả.

Tần Chiêu Tương Vương lên ngôi không lâu, biết Lý Bằng có kinh nghiệm trị thủy, liền cử ông tới Quận Thục đảm nhận chức Quận Thú, là trưởng quan hành chính cấp cao nhất ở địa phương.

Lý Bằng vừa tới nhận chức đã tích cực tìm hiểu tình hình nước và lòng dân. Ông cùng con trai là nhà Nhị Lang, mời mấy người nông dân có kinh nghiệm, cùng đi khảo sát ở ven bờ Mân giang, lắng nghe ý kiến của dân chúng, điều tra địa hình, nghiên cứu các biện pháp trị thủy sông Mân.

Họ tới ngoại thành huyện Quán, nhìn thấy một ngọn núi cao chới với thẳng đứng ở bờ Đông sông Mân, chặn mất lối đi của sông Mân. Theo lời dân bản địa thì đó là núi Ngọc Lũy. Do vì nước sông bị núi chặn đứng, không chảy được sang phía Đông, khi nước to thường thường là phía Tây bị lụt, phía Đông lại bị hạn. Một lão nông kiến nghị với Lý Bằng, nói:

- Nếu đào một cửa của Ngọc Lũy, dẫn được nước lụt chảy sang phía Đông, thì nước lụt ở phía Tây sẽ nhỏ đi, phía Đông lại có thể dẫn nước tưới cho ruộng, đó chẳng phải là một công đôi việc hay sao?

Lý Bằng dẫn mọi người quan sát tỉ mỉ địa hình, cho rằng kiến nghị này rất hay, liền quyết định đào núi Ngọc Lũy, phân chia nước lụt, giảm bớt tai họa, dẫn nước về tưới cho đồng ruộng.

Kế hoạch này của Lý Bằng được mọi người tán đồng. Tức thì một cuộc chiến đấu đào núi khí thế rầm rộ bắt đầu. Sau khi khởi công, một khối lượng lớn nông dân và thợ thủ công, người đào đá, người gánh đá, làm việc rất sôi nổi nhiệt tình. Dù lúc đó đã có đồ sắt, việc đào đá vẫn hoàn toàn dựa vào sức mạnh, đào suốt cả ngày mà chẳng được bao nhiêu, công bị bị tổn hại rất nhiều. Có người nêu ra một mẹo: Trước hết đục một đường rãnh ở trên đá, sau đó chất đầy cỏ khô ở trong rãnh và kê đá, bên trên chất đầy cành cây, củi khô rồi đốt lửa. Đá bị nóng sẽ nứt ra, sau đó mới đục thì sẽ đỡ tốn sức. Lý Bằng cho mọi người làm theo như vậy, quả nhiên tiến độ của công trình đã tăng nhanh, cuối cùng đã đào được một lỗ hổng qua núi, chẳng ngờ lỗ nhỏ

dòng chảy nước chảy không được là bao. Cha con Lý Bằng lại dẫn đầu quần chúng, đào rộng lỗ hổng. Khi mùa lụt tới, mọi người đều chạy cả lên bờ sông xem nước có chảy qua đường sông mới đào không. Khi nhìn dòng nước ào ào qua lỗ hổng, tưới tắm cho đồng ruộng bị khô nứt nẻ, khỏi cần phải nói tới họ sung sướng tới mức nào. Bởi vì lỗ hổng mới đào qua núi Ngọc Lũy giống như một cái miệng bình, mà mọi người cứ gọi là “Miệng bình quý” (1). Đoạn núi đục qua này đặt tên là “Ly Đồi”. Nhân dân còn gọi đoạn đoạn sông Mãn cũ là “Ngoại giang”, dòng chảy của chi lưu mới gọi là “Nội Giang”.

Đối với vấn đề đào “Miệng bình quý”, gần đây có người khảo chứng, chính là trước Lý Bằng khoảng 30 đến 100 năm, một vị vua nước Thục cổ đại chủ trì việc đào đó rồi. Mặc dù vậy, việc cha con Lý Bằng mở rộng “Miệng bình quý” khơi thông lại Nội giang cũng vẫn là những công tích không thể phai mờ.

Sau khi tu dựng lại công trình “Miệng bình quý”, Lý Bằng phát hiện, lượng nước của Nội giang không lớn, không thể thỏa mãn được nhu cầu tưới tắm. Làm thế nào để cho Ngoại giang phân được nhiều nước qua đây? Cha con Lý Bằng lại tới quan sát vùng thượng du Bảo Bình khẩu, rồi cùng bà con bàn bạc, cuối cùng đã tìm được biện pháp mới. Biện pháp là ở thượng du Mãn giang cách Bảo Bình khẩu không xa, ở giữa dòng sông xây dựng một con đê phân nước, bắt nước sông phân thành hai đoạn. Như vậy là càng có thêm nhiều nước có thể chảy cuồn cuộn xây dựng lên một con đê phân nước, đầu phải là một việc dễ dàng. Lúc đầu, người ta đã lợi dụng thời cơ nước ít, dùng những nguyên liệu đá trứng ngỗng hiện có ở vùng xây một con đê ở giữa sông, chẳng ngờ được mấy hôm nước sông đã xoáy đổ mất. Trải qua kinh nghiệm nhiều lần, không ngừng cải tiến, cuối cùng đã dựng được một con đê lớn tương đối vững chãi. Thế nhưng, chỉ một lần lũ quét từ trên núi đổ xuống đã xóa bình địa dấu vết. Về sau phải dùng những tảng đá lớn, dựng thử lại mà vẫn không được. Không biết người ta đã phải thực nghiệm biết bao nhiêu lần, mà lần nào cũng bị thất bại. Biết làm sao đây? Vì việc này, Lý Bằng rất sầu khổ, ngày ngày vắt óc tìm biện pháp.

Một hôm, cha con Lý Bằng lại tới Thượng du Mãn giang quang sát tình hình nước. Thấy một tốp phụ nữ đang giặt ở ven sông, quần áo thì ngâm trong các sọt tre đặt dưới nước, nước lại chảy rất mạnh thế mà sọt tre cũng không bị cuốn đi, Lý Bằng thoát động, nghĩ ngay ra việc bỏ đá trứng ngỗng đặt vào sọt tre cho chìm xuống đáy sông, chắc chắn là nước cũng không thể xoáy đi được! Ông bèn đem biện pháp này ra bàn, mọi người đều cho rằng biện pháp này nhất định là có hiệu nghiệm, hơn nữa lại dễ làm, vì ở vùng này khắp nơi đều có tre, đá trứng ngỗng cũng sẵn. Nói làm là làm ngay, Lý Bằng cho Nhị Lang dẫn bà con lên núi chặt che, bản thân mình triệu rất nhiều thợ đến đan sọt. Chẳng bao lâu, một khối lượng lớn sọt trúc đã được đan xong, Lý Bằng cho đổ đầy đá trứng ngỗng vào sọt, chuẩn bị làm thí nghiệm trước. Hôm làm thử nghiệm, cha con Lý Bằng đến rất sớm, bà con nông dân ở xung quanh cũng tới rất đông. Đầu tiên là thử nghiệm ở chỗ nước nông, thấy thành công, họ di chuyển tiếp những sọt tre đến chỗ nước sâu, sóng lớn. Không được rồi, những chiếc sọt tre đều bị sóng xoáy chòng chành, có lẽ là sọt tre quá nhỏ. Lý Bằng lại cho đan những chiếc sọt tre lớn hơn, dài hơn, dài tới ba trượng, to tới ba bốn thước, chất đầy đá trứng ngỗng và sau khi đặt vào giữa dòng sông chảy xiết, không bị nước xoáy đi nữa. Lý Bằng và mọi người, ai nấy đều hết sức vui mừng.

Sau cuộc thí nghiệm thành công, cha con Lý Bằng bắt đầu sắp đặt việc thi công. Họ tổ chức quần chúng lại, người chặt tre, người đan sọt, kẻ đi kiếm đá. Vô số những sọt tre lớn dựng đầy đá trứng ngỗng được chất bên bờ sông. Công trình xây đê, phân nước bắt đầu được thi công. Từng sọt tre to đầy đá trứng ngỗng lần lượt bị đánh chìm xuống đáy sông, càng tích càng nhiều, càng xây càng cao, hết như hai con đê kiến cố, sừng sững ở giữa dòng sông, tạo thành một đảo nhỏ hẹp và dài. Đứng từ đằng xa và ngắm thì giống hết như một con cá lớn, đầu cá hướng về dòng chảy mạnh của sông Mãn, rẽ sóng mà lên, phân sông Mãn thành hai dòng nước, cho nên mọi người đã gọi nó là “Phân thủy ngư chủ” (miệng cá phân nước). Sau khi xây dựng xong đê ngăn nước, lượng nước của Nội giang càng lớn hơn, có thể tưới tắm đồng ruộng được nhiều hơn, một năm bốn mùa cũng không ngừng chảy. Để đảm bảo cho lượng nước của Nội Giang khi dâng lên trong mùa hạ mà không quá tải, cha con Lý Bằng lại dẫn đầu mọi người xây dựng một con đập Cát Bay (Phi Sa Yển) ở giữa Phân Thủy Ngư và Lý Đồi. Toàn bộ thân đập là

sọt tre và đá xếp mà thành, đỉnh đập thấp hơn bờ đê, như vậy khi nước của Nội Giang quá lớn sẽ có thể tự động tràn qua đỉnh mặt đập, chảy vào trong Ngoại Giang, sẽ không gây tai hại. Từ đó về sau, sông Mân đã bị chế phục, nhân dân lao động ở hai bên bờ có thể sản xuất thuận lợi. Lý Bằng liền đặt tên cho con đê này là Đê An Yên. Về sau đổi tên là Đê Giang Yên (Đập Đê Giang).

Sau khi Đê Giang Yên hoàn tất, nhân dân lao động đời này qua đời khác còn không ngừng cải tiến, khiến cho quy mô của công trình càng thêm hùng vĩ và hoàn thiện, phục vụ sản xuất nông nghiệp càng hữu hiệu hơn. Hơn 2000 năm trở lại đây mấy trăm vạn mẫu ruộng tươi tốt đã được tưới tắm, đưa lại phúc không nhỏ cho muôn dân.

Xung quanh việc Lý Bằng trị thủy sông Mân, các sách sử ghi chép rất giản lược, thế nhưng dân gian thì lưu truyền không biết bao nhiêu chuyện. Vào những năm 70 ở dưới đáy sông cạnh Đê Giang Yên người đời sau lần lượt đào được hai bức tượng đá còn khắc ba hàng chữ. Từ hàng chữ khác người ta biết được tượng đá được khắc vào năm Đông Hán Linh Đế Kiến Ninh nguyên niên (năm 168 trước Công Nguyên), trong đó bức tượng đá lớn được khẳng định là Tượng Lý Bằng, bức tượng nhỏ là một người vô danh. Có nhiều người suy đoán, bức tượng đá nhỏ phải là thị tòng (hầu) của Lý Bằng, hơn thế phải có hai. Thời cổ gọi là quan thị tòng (quan hầu) là Lang, cho nên "Nhị Lang" thực ra không phải là con trai của Lý Bằng mà phải là hai quan hầu của Lý Bằng, tức là hai người giúp việc đã giúp Lý Bằng chủ trì xây dựng Đập Đê Giang. Có điều là trong câu chuyện này, chúng ta vẫn sử dụng cách nói được lưu truyền qua các thời đại - Đê Giang Yên là do Lý Bằng và con trai của ông là Nhị Lang lãnh đạo nhân dân địa phương xây dựng lên. Nhân dân tưởng nhớ các ông, cảm tạ các ông; ở bờ đông Nội giang cận kề Phân Thủy Ngư Chủ đã xây dựng lên "Nhị Vương Miếu", đã đúc tượng mãi mãi kỷ niệm cha con ông Lý Bằng, những người đã lập nên công tích bất hủ vì nhân dân. Cho tới nay ngôi miếu này vẫn còn được lưu giữ.

72. Tích trữ hàng quý

Sau khi Tần Chiêu Vương qua đời, con trai ông là Hiếu Văn Vương và cháu ông là Trang Tương Vương lần lượt lên làm vua.

Tần Trang Tương Vương Tử Sở là một trong số hơn hai chục người cháu của Tần Chiêu Vương. Mẹ đẻ của Tử Sở là Hạ Cơ, thực ra không phải là một người vợ được An Quốc quân (tức là Hiếu Văn Vương) Thái tử của vua nước Tần sủng ái nhất, lẽ dĩ nhiên, Tử Sở không thể được cha và ông nội cùng sủng ái, địa vị trong vương thất cũng rất thấp. Từ những năm xa xưa, để biểu thị sự hòa hảo, hai nước Tần và Triệu đã trao đổi vương tử tôn để cầm cố, Tử Sở cũng được cầm cố làm con tin ở nước Triệu. Về sau nước Tần không giữ chữ tín thường xuyên cất quân tấn công nước Triệu, cho nên nước Triệu đối với con tin của nước Tần là Tử Sở rất lạnh nhạt. Tử Sở sống ở nước Triệu rất không vừa lòng, cuộc sống cũng không dư dật, thậm chí ngay đến cả hình thức dành cho giới quý tộc tối thiểu cũng không duy trì nổi.

Lúc này có một đại thương nhân ở vùng Dương Định nước Hàn tên gọi là Lữ Bất Vi tới thủ đô Hàm Đan nước Triệu để buôn bán, đã gặp Tử Sở. Lữ Bất Vi nhìn thấy cảnh ngộ khó khăn của Tử Sở, nói:

- Hàng quý này có thể tích trữ được đây! - ý rằng: con người này là một món hàng có thể đưa lại cho ta một khoản tiền lớn. Thì ra Lữ Bất Vi đã coi Tử Sở là một cây tiền có thể khiến cho ông ta kiếm chác được, muốn kiếm được một khoản tiền lớn từ trên thân Tử Sở, hơn thế, còn muốn thông qua Tử Sở để mưu cầu địa vị chính trị nữa.

Lữ Bất Vi về đến nhà, nói với cha:

- Cha có biết cày ruộng thì thu được bao nhiêu lợi tức không?

Người cha trả lời, nói:

- Năm được mùa có thể kiếm được lợi tức gấp mười.

Lữ Bất Vi lại hỏi:

- Buôn trai ngọc của quý thì thu lãi được bao nhiêu?

Người cha trả lời, nói:

- Gặp may thì có thể kiếm lãi gấp trăm lần!

Lữ Bất Vi hỏi tiếp:

- Nếu lập một người lên làm vua thì có thể thu lợi được bao nhiêu?

Người cha trả lời, nói:

- Giúp người giành được cả thiên hạ, lợi ích đó thì khó có thể tính được!

Lữ Bất Vi nói:

- Nay thì đang có vận hội tốt có thể lập một người lên làm vua giành được cả thiên hạ; con muốn đi thử vận may, nếu thành công, chẳng những bản thân con có thể được vinh hoa phú quý, mà ngay đến cả con cháu đời sau cũng được tọa hưởng.

Người cha hỏi:

- Sự thế là như thế nào?

Lữ Bất Vi trả lời:

- Vương Tôn của nước Tần là Tử Sở, ngày nay đang làm con tin ở nước Triệu, con muốn dựng ông ta làm vua nước Tần, hy vọng nhờ ông ta mà giành được lợi ích thỏa thích.

Tức thì Lữ Bất Vi liền chạy tới tìm Tử Sở, nói với Tử Sở rằng:

- Chàng là vương tôn nước Tần, nhưng ngày nay cảnh ngộ của chàng quá khốn quẫn. Tôi có một biện pháp có thể đem lại tiền đồ sán lạn cho chàng, cảnh ngộ của chàng sẽ được cải thiện về căn bản.

Tử Sở nhăn nhó cười, nói:

- Xin ngài đừng giấu cọt tôi, ngài cứ việc lo cho cái tiền đồ sán lạn của ngài đi!

Lữ Bất Vi nói:

- Chàng không biết được đâu, phải chờ cho tiền đồ của chàng sán lạn, thì tiền đồ của tôi mới có thể sáng được.

Tử Sở là một người thông minh, chớp ngay được ý tứ trong lời nói của người đại thương nhân này liền vội vàng nhường chỗ ngồi cho Lữ Bất Vi, rồi hai người cùng bàn bạc những biện pháp cụ thể làm cho tiền đồ của cả hai người đều được rục rịch.

Lữ Bất Vi nói với Tử Sở:

- Nghe nói ông nội Tần Chiêu Vương của chàng tuổi già sức yếu, đã lập cha chàng là An Quốc Quân lên làm Thái tử, sẽ kế thừa ngôi vua. An Quốc Quân sủng ái nhất là Hoa Dương phu nhân, thế nhưng Hoa Dương phu nhân có bệnh, không còn hy vọng sinh con đẻ cái, do vậy, mãi cho tới nay An Quốc Quân vẫn chưa xác định được người kế thừa của mình. Trong số trên hai chục anh em của chàng, thì chàng luôn không được ông nội và cha quý trọng, do vậy chàng đã bị cầm cố đưa sang nước Triệu làm con tin. Nếu ông nội chàng qua đời, người cha An Quốc Quân của chàng lên làm vua thì anh cả của chàng sẽ là người kế thừa. Vị trí Thái Tử lẽ dĩ nhiên không đến lượt chàng rồi.

Lời nói của Lữ Bất Vi đã rớt trúng tâm bệnh của Tử Sở, chàng vội vàng hỏi tiếp:

- Tiên sinh nói rất đúng. Theo ngài, tôi nên dùng biện pháp nào để giành lấy cơ hội làm Thái tử?

Lữ Bất Vi nói:

- Chàng quá nghèo, không có tiền để dâng lễ vật cho cha và Hoa Dương phu nhân, cũng chẳng có tiền để kết giao bạn bè. Tôi tuy chẳng giàu có nhưng cũng xin vui lòng trích ra một khoản tài sản, tới nước Tần giúp chàng xin An Quốc Quân và Hầu Doanh phu nhân xác định chàng làm người kế thừa.

Tử Sở nghe xong rất mừng, chàng vội vàng chấp tay nói:

- Như vậy thì tốt quá, nếu đúng được như lời của tiên sinh nói, trong tương lai tôi và ngài sẽ cùng chung hưởng thiên hạ của nước Tần.

Tức thì Lữ Bất Vi lấy ra một ngàn lượng vàng, đưa cho Tử Sở năm trăm lượng bảo chàng dùng số này để kết giao bạn bè, mở rộng thế lực; năm trăm lượng vàng còn lại Lữ đã mua rất nhiều đồ ngọc ngà quý giá, thân hành đem tới nước Tần hoạt động thay cho Tử Sở. Trước hết, Lữ Bất Vi cầu kiến người chị của Hoa Dương phu nhân, mua chuộc bà ta rồi nhờ bà ta đem số lễ vật này dâng hiến Hoa Dương phu nhân và nói rằng đây là lễ vật của Tử Sở nhờ ông đưa từ nước Sở về. Lữ Bất Vi còn ca tụng Tử Sở là người đại hiền tài, rằng Tử Sở đã coi Hoa Dương phu nhân chính là mẹ đẻ ra mình, ngày đêm đều tưởng nhớ đến An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân chỉ cầu nguyện cho cha mẹ được an khang trường thọ.

Hoa Dương phu nhân là người đàn bà chỉ ưa ninh bợ, sau khi nhận được lễ vật thì sung sướng đến nềm cả lòng. Người chị ruột của bà nhìn thấy tình cảnh như vậy, liền làm theo ý của Lữ Bất Vi, thừa cơ nói khéo cho Tử Sở. Bà nói:

- Em gái của chị bây giờ còn trẻ trung xinh đẹp, được An Quốc Quân vô cùng sủng ái nhưng em lại lo tới lúc tuổi già, sức yếu thì sao đây? Em chẳng còn cơ may sinh con nữa, chị nghĩ rằng chỉ bằng nhân lúc còn chưa muộn, em hãy nhận lấy một đứa con trai và xác định nó là người kế thừa của An Quốc Quân. Tử Sở hiền tài thông minh như vậy, đối với em và An Quốc Quân lại

hiếu thuận, sao em không nhận nó là con đẻ, xác định nó làm người kế thừa của An Quốc Quân? Tương lai nó sẽ cảm ân nghĩa mà báo đáp cho em, suốt đời em sẽ được hưởng vinh hoa phú quý!

Hoa Dương phu nhân vừa nghe đã cảm thấy có lý, liền dựa một cơ hội nói với An Quốc Quân.

- Thiếp được sự sủng ái của chàng, nhưng chẳng may đã không có con trai. Tử Sở hiền tài thông minh, thiếp muốn nhận nó làm con và mong được chàng lập nó làm đích tử, xác định nó làm người thừa kế của chàng. Khi về già thiếp sẽ có được chỗ dựa.

An Quốc Quân đối với Hoa Dương phu nhân từ trước vẫn răm rắp nghe theo, làm theo kế, bây giờ nghe nàng nói như vậy, dĩ nhiên là vui vẻ bằng lòng ngay, chẳng những thế còn sai người dùng ngọc khắc lên một tấm biển, giao cho Tử Sở để làm bằng chứng. An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân đã tặng cho Tử Sở rất nhiều đồ dùng và quần áo, rồi mời Lữ Bất Vi làm sự phụ của Tử Sở.

Lữ Bất Vi đã giúp đỡ Tử Sở giành được địa vị của Vương Thái Tôn, trong lòng vô cùng sung sướng trở về Hàm Đan, mời Tử Sở tới tư gia, uống rượu chúc mừng. Trong bữa tiệc, việc Lữ Bất Vi để cho một mỹ nữ được sủng ái nhất ra chuốc rượu đã không qua được con mắt tinh đời của Tử Sở. Tử Sở đòi Lữ Bất Vi tặng cho mình người mỹ nữ này. Lữ Bất Vi, trước tiên đã giả vờ giận dữ, sau hồi lâu mới ngả theo yêu cầu của Tử Sở, đem mỹ nữ tặng cho Tử Sở.

Không lâu, người mỹ nữ này đã sinh hạ được một quý tử. Vì đứa con trai sinh vào tháng giêng (chính nguyệt), bèn đặt tên là Chính, chữ chính (trong chính nguyệt) đồng âm với chữ chính (trong chính trị), tổ tiên của nước Tần họ Doanh, cho nên đặt tên là Doanh Chính⁽¹⁾. Doanh Chính chính là vua nước Tần sau này, người đã tiêu diệt sáu nước rồi thống nhất Trung nguyên, cũng chính là nhân vật Tần Thủy Hoàng nổi tiếng trong lịch sử.

Nam Doanh Chính chín tuổi, Tần Chiêu Vương qua đời, ông nội của Doanh Chính là Hiếu Văn Vương cũng chính là An Quốc Quân đã nói ở trên, kế thừa ngôi vua. Lúc này, với thân phận là Thái tử, Tử Sở đã đem Doanh Chính từ nước Triệu trở về nước Tần.

Tần Hiếu Vương là ông vua có tuổi thọ ngắn ngủi, ở ngôi chỉ được một năm đã qua đời. Người cha của Doanh Chính là Tử Sở kế thừa ngôi vua, chính là Tần Trang Tương Vương. Để cảm tạ sự giúp đỡ của Lữ Bất Vi đối với mình, Trang Tương Vương đã mời Lữ Bất Vi làm thừa tướng, rồi phong cho Lữ Bất Vi làm Văn Tín Hầu. Một người làm quốc vương, một người làm thừa tướng; tiền đồ của hai người họ cuối cùng đều đã được ngời sáng cả. Điều này chứng tỏ rằng, vào cuối thời kỳ Chiến Quốc, giai cấp địa chủ mới nổi dậy hoặc tầng lớp phú thương buôn bán lớn, thông qua trò chơi mưu mô thủ đoạn chính trị, đã có thể lũng đoạn nền chính trị của một nước, giúp đỡ một số người nào đó trong Vương thất để đoạt lấy ngôi vua.

Tần Trang Tương Vương ở ngôi vua được ba năm, cũng qua đời, tức thì Doanh Chính mới có 13 tuổi lên làm vua nước Tần. Tần Vương Chính nguyên niên (năm đầu của Tần Vương Chính) là năm 246 trước Công Nguyên. Doanh Chính để cho Lữ Bất Vi tiếp nhận chức tướng quốc, còn tôn xưng Lữ Bất Vi làm trọng phụ (người cha thứ hai), đồng thời đã bổ nhiệm một số người có bản lĩnh làm đại quan và tướng quan để giúp đỡ mình cai trị nước Tần.

73. Vương Tiễn diệt Triệu

Năm thứ 9 sau khi Doanh Chính lên làm vua nước Tần, có một hoạn quan tên là Lao ải đã phát động cuộc phản loạn, muốn cướp đoạt ngôi vua. Khi Doanh Chính biết tin, ngay lập tức đã quyết đoán hạ thủ trước giành thế mạnh, cử binh đánh một đòn tiêu diệt Lao ải. Lao ải là người được Văn Tín hầu Lữ Bất Vi tiến cử vào cung, cho nên Lữ Bất Vi cũng bị liên lụy. Lúc đó Doanh Chính 21 tuổi, nhưng đã có chủ ý đối với việc đại sự quốc gia, không cần sự giúp đỡ của Lữ Bất Vi nữa, hơn thế lại đang muốn hất cẳng Lữ Bất Vi, để tự nắm giữ đại quyền chính trị. Vì vậy, năm thứ hai sau khi diệt trừ Lao ải, Doanh Chính đã hạ lệnh cách chức Lữ Bất Vi, thu hết quyền trong tay mình. Lữ Bất Vi tiến hành đầu cơ chính trị, tạo lập nên Tử Sở là cha của Doanh Chính, đã được phong hầu làm Tướng; Lữ Bất Vi muốn thực hiện dã tâm lớn hơn, cuối cùng đã bị Doanh Chính đánh bại.

Doanh Chính đích thân nắm giữ đại quyền chính trị, nuôi hoài bão lớn, một lòng muốn sớm thống nhất Trung Nguyên. Doanh Chính ra sức chiêu nạp nhân tài, tranh thủ tài trí của họ phụng sự sự nghiệp thống nhất. Một số người có tài năng đích thực nhưng không được vua sáu nước trọng dụng, đều hằng hái quý theo vua Tần. Ngoài những người trước đây đã được trọng dụng như Thái Trach người nước Yên, Lý Tư người nước Sở... lại có một người nước Ngụy tên gọi là úy Liêu đã tới nước Tần.

úy Liêu là một người rất có tâm kế, đối với vua và các quan đại thần sáu nước ông đều hiểu rõ, biết được phải đối phó với họ như thế nào. úy Liêu nói với Tần Vương Doanh Chính rằng:

- Ngày nay nước Tần là một nước đã đủ sức lớn mạnh rồi, không một nước nào trong sáu nước có thể địch nổi thế công của nước Tần, nhưng điều đáng sợ là cả sáu nước liên hiệp lại đánh Tần. Nếu vậy thì nước Tần không có cách gì đối phó nổi. Hy vọng đại vương đừng tiếc tiền của, hãy mau sai người tới hối lộ các đại thần sáu nước để phá tan mưu kế liên hiệp chống Tần mà họ có khả năng sẽ sử dụng. Thần nghĩ nhiều lắm đại vương chỉ tiêu hết 30 lượng vàng, cả sáu nước sẽ bị tiêu diệt.

Tần Vương Doanh Chính đã sử dụng sách lược của úy Liêu, phân hóa sáu nước khiến cho họ nghi ngờ lẫn nhau, không thể hợp tác được tốt đẹp với nhau, sau đó sẽ từng bước tiêu diệt họ.

Trước tiên, nước Tần phải đối phó với nước Hàn. Nước Hàn là một quốc gia tương đối nhỏ yếu trong sáu nước, lại cách nước Tần rất gần. Hàn Vương An là người thừa kế ngôi vua vào năm Lao ải làm loạn ở nước Tần, trên mặt chính trị không hề có kinh nghiệm, đối với nước Tần lớn mạnh từ trước vẫn sử dụng chính sách nhượng bộ. Vào năm thứ sáu hàn Vương an lên ngôi vua, nước Hàn đã vấp phải sự tấn công của nước Tần, Vương An rất hoảng sợ, chỉ muốn đầu hàng. Tần Vương Doanh Chính nhìn thấy rõ nhược điểm của Hàn Vương An, liền sai người tới dụ hàng. Trong tình hình đại quan áp sát biên giới, Hàn Vương An thực sự bị khuất phục, đã hiến dâng cho nước Tần con dấu đại biểu cho chính quyền nhà nước và một khoảnh đất đai rộng lớn, rồi xưng thần với nước Tần, và đây là biện pháp để giữ gìn ngôi báu. Thế nhưng cách thỏa hiệp cầu hòa này chẳng qua chỉ là để kéo dài thời gian diệt Hàn của vua Tần mà thôi. Sau ba năm, tức là năm 17 Tần Vương Chính (năm 230 trước Công Nguyên), Doanh Chính vẫn phái Nội Sử Đằng đánh phá vào thủ đô Tân Trịnh của nước Hàn (huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam ngày nay), đã bắt sống Hàn Vương An, tiêu diệt xong nước Hàn.

Nước Tần diệt nước Triệu không dễ dàng như nước Hàn, vì phải đánh rất nhiều trận. Năm 18 Tần Vương Chính (năm 229 trước Công Nguyên) vua Tần đã cử đại tướng Vương Tiễn, Hoàn ý dẫn quân tới đánh phá nước Triệu, Hoàn ý đã vây đánh Bình Dương của nước Triệu. Triệu Vương Thiên phái tướng quân Hộ Triếp mang quân đi cứu viện. Hộ Triếp tuy tác chiến rất dũng cảm, thế nhưng quân Triệu đâu có phải là đối thủ của quân Tần, kết quả là bị thất bại, quân Triệu đã tổn thất nặng đến hơn 10 vạn người, Hộ Triếp cũng bị chết trận.

Triệu Vương Thiên cảm thấy tình thế nghiêm trọng, vội vàng cử đại tướng quân là Lý Mục và Tư Mã Thượng... đem binh mã đi chống lại quân Tần. Lý Mục là một Đại tướng nổi tiếng của nước Triệu, giỏi công thảo thủ, với binh lính yêu cầu rất nghiêm khắc, lúc đó đang bảo vệ ở

biên giới phía Bắc để phòng bị sự tấn công của Hung Nô. Lý Mục được điều động xuống Phương Nam chống lại quân Tần, đã bày trận mai phục ở Nghi An, đánh bại được quân Tần giết chết tướng Tần là Hoàn ý. Triệu Vương Thiên vô cùng sung sướng trước việc Lý Mục giành thắng lợi, bèn phong cho Lý Mục làm Vũ An Quân, lại còn ban thưởng cho Lý Mục rất nhiều vàng bạc.

Vương Tiễn tâu quân Tần đã bị tổn binh hại tướng, nhất thời không thể giành chiến thắng được, vội vàng sử dụng kế phản gián, nghĩ cách ly gián Triệu Vương và Lý Mục. Vương Tiễn nghe nói Triệu Vương có một sủng thần, tên gọi là Quách Khai. Con người này chỉ mê tiền hám của, trong con mắt chỉ biết có tiền, chỉ cần có tiền, thì dù là đất đai của tổ quốc, lợi ích của nhân dân đều có thể đem bán tuốt. Vương Tiễn mật sai người đem tói cho Quách Khai rất nhiều vàng, chỉ nhờ hãn một việc là nói xấu Lý Mục ở trước mặt vua Triệu.

Quách Khai nhận được vàng của Vương Tiễn đưa tới, liền rêu rao trước mặt vua Triệu, nói:

- Lý Mục và Tư Mã Thương thực ra chẳng muốn thật lòng bảo vệ nước Triệu đâu, họ đã muốn đầu hàng nước Tần từ lâu rồi. Nghe nói họ đã bàn bạc xong xuôi với nước Tần rồi, chỉ cần họ tới đầu hàng, thì vua Tần sẽ cho họ rất nhiều đất phong và vàng bạc châu báu. Ngày nay sự thắng bại ở trên chiến trường của họ đều là những điều mà cả hai bên cố ý giả vờ làm ra mà thôi, chứ đâu có phải là quân Triệu thực sự đánh bại được quân Tần.

Triệu Vương thiên là một kẻ hồ đồ, ngờ ngẩn chẳng có chút kinh nghiệm chính trị nào, đối với những lời rêu rao bịa đặt của Quách Khai thì tin là thật, liền bắt Lý Mục giết chết, rồi cách chức Tư Mã Thương. Ngoài ra còn cử hai người là Triệu Thông và Nhan Tụ từ nước Tề đến làm tướng quân. Đáng thương cho Lý Mục một đời nổi tiếng anh hùng, bỗng nhiên bị gian tặc làm hại; còn như việc Triệu Vương giết chết Lý Mục, cũng coi như tự phá hủy cửa tường, từ đây có thể kéo quân đánh thẳng vào trong nước Triệu.

Vương Tiễn được biết kế phản gián của mình đã thành công, đúng vào tháng 10 năm 19 Tần Vương Chính (năm 228 trước Công Nguyên) đã soái lĩnh quân Tần tấn công ào ạt vào nước Triệu, trên đường đi thể mạnh như chẻ tre, nhanh chóng phá tan được thủ đô Hàm Đan của nước Triệu, bắt sống được Triệu Thiên Vương và các quan viên văn võ của nước Triệu, diệt tan nước Triệu.

Tần Vương Doanh Chính nghe nói Vương Tiễn đã tiêu diệt được nước Triệu, liền đích thân tới thủ đô Hàm Đan nước Triệu, mảnh đất nơi đã sinh ra mình, một mặt là muốn tỏ rõ oai phong của mình, mặt khác cũng vì muốn trả mối thù riêng. Doanh Chính đã bắt hết tất cả những người có thù riêng ở trong gia đình nhà mẹ mình năm đó, toàn bộ đã đem chôn sống hết. Khi thành Hàm Đan bị phá, Công tử Gia nước Triệu đã đem thân thuộc và bộ tướng gồm mấy trăm người may mắn chạy thoát tới Đại thành (huyện úy, tỉnh Hà Bắc ngày nay), tự xưng là Đại vương rồi liên hiệp với các nước Yên ở phía Đông tới đóng quân ở vùng Thượng Cốc để phòng quân Tần tấn công.

Trong quá trình hoàn thành sự nghiệp thống nhất, Tần Vương Doanh Chính lần đầu tiên thi thố tài năng đã giành toàn thắng, chỉ trong thời gian chưa đầy ba năm, lần lượt tiêu diệt được hai nước Hàn, Triệu, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất. Sự nghiệp thống nhất Trung Nguyên của vua Tần phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử, có lợi cho sự phát triển kinh tế và văn hóa xã hội lúc đó, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của đông đảo nhân dân. Trên cách làm cụ thể đã sử dụng các loại biện pháp như uy hiếp, dụ dỗ, tấn công, ly gián... Chính sách thỏa hiệp đầu hàng của Hàn Vương An, lẽ dĩ nhiên không cứu vãn nổi vận mệnh bị tiêu diệt của nước Hàn; sự nhẹ dạ cả tin vào những lời rêu rao của Triệu Vương Thiên, tất nhiên càng tự chuốc lấy diệt vong.

74. Kinh Kha ám sát Tần Vương

Sau khi hai nước Hàn Triệu bị diệt vong, đại tướng Vương Tiễn của nước Tần soái lãnh trọng binh đóng đồn ở Trung Sơn (huyện Định, tỉnh Hà Bắc ngày nay), mục tiêu tấn công tiếp theo chính là nước Yên. Thái tử Đan nước Yên đã từng làm con tin ở nước Tần, biết rõ sự lợi hại của nước Tần. Thái tử cho rằng nếu ra mặt chống lại Tần thì không thể mang lại kết quả, chỉ gửi gắm hy vọng vào việc giết chết Tần Vương Doanh Chính, từ đó mà đả kích nước Tần, bảo vệ nước Yên. Tức thì sự kiện “Kinh Kha ám sát Tần Vương” phát sinh.

Kinh Kha vốn là người nước Vệ, thích đọc sách, tinh thông kiếm thuật, đã từng đi du thuyết vua nước Vệ, không được sử dụng thì sinh u uất, bất đắc chí. Về sau, nước Vệ bị nước Tần tiêu diệt, Kinh Kha không muốn làm vong quốc nô lệ liền chạy trốn tới nước Yên. Tại nước Yên, Kinh Kha đã kết bạn thân thiết với một người tên gọi là Cao Tiệm Ly thạo đánh trúc⁽¹⁾, Kinh Kha thích uống rượu. Hai người thường xuyên lên phố chợ uống rượu, uống say thật túy lúy, Cao Tiệm Ly bèn đánh Trúc, Kinh Kha cao giọng hát theo khúc nhạc. Họ đàn hát rất vui vẻ rồi cùng cười vang; hát tới đoạn bi thương, họ đều chảy nước mắt cùng khóc. Kinh Kha thường dùng biện pháp này để thể hiện nỗi đau thương vì mất nước và nỗi khổ tâm tiếc nuối tài năng không được sử dụng của mình.

Không lâu, Thái tử Đan nước Yên trở lại. Khi Thái tử ở nước Tần, Tần Vương Chính đối đãi với Thái tử chẳng tốt đẹp gì, cho nên đối với Tần Vương, Thái tử mang đầy bất mãn. Sau đó, chính mắt Thái tử nhìn thấy nước Tần đã diệt nước Hàn, lại đánh nước Triệu, trong lòng rất lo lắng. Thái tử nghĩ rằng nước Triệu ở giữa nước Yên và nước Tần, hễ nước Triệu mất, nước Yên bị mất tấm bình phong, sẽ chẳng mất theo hay sao? Cho nên ông càng nghĩ càng cảm thấy không thể ở lại nước Tần được nữa, dự định về nước tổ chức lực lượng chống lại nước Tần, thế nhưng trở về như thế nào? Ông biết chắc vua sẽ không chịu để cho ông đi, tức thì ông liền hóa trang thành một người nghèo khổ trà trộn qua trạm kiểm soát ven đường, lẻn trốn về nước Yên.

Sau khi trở về nước, Thái tử Yên quyết tâm báo thù nước Tần. Thế nhưng nước Yên vừa nhỏ lại vừa yếu, làm sao có thể địch nổi nước Tần? Ông nghĩ đi nghĩ lại mà vẫn chẳng tìm được cách gì. Cuối cùng ông đã chọn biện pháp ám sát Tần Vương, mong làm suy yếu và rối loạn nước Tần, thừa cơ lại liên hiệp với các nước để đánh bại nước Tần. Tức thì Thái tử Đan đã đi khắp nơi thu thập dũng sĩ, chuẩn bị thực hiện kế hoạch của mình. Nước Tần có một viên tướng làm tên gọi là Phàn Vu Kỳ, vì sợ tội đã chạy trốn sang nước Yên, Thái tử Đan cũng thu nhận cả Vu Kỳ nữa.

Năm 19 Tần Vương Chính (năm 228 trước Công Nguyên), nước Tần đã tiến thêm một bước tiêu diệt Triệu, bắt sống được vua Triệu. Như vậy, nước Yên đã chịu sự uy hiếp trực tiếp. Vua tôi nước Yên trên dưới đều rất lo sợ. Thái tử Đan trong lòng nóng như lửa cháy, ăn ngủ không yên, liền tới thỉnh giáo thầy dạy của mình là Cúc Vũ. Cúc Vũ nói:

- Lực lượng của nước Yên quá nhỏ, đơn độc chống lại nước Tần thì có khác gì lấy lông ngỗng đốt lửa, dùng trứng chọi đá. Chỉ có ở phía Tây hẹn với nước Ngụy, phía Nam liên kết với Tề Sở, phía Bắc giao kết với Hung Nô, ba mặt đánh kẹp lại, có lẽ có thể đánh lại được nước Tần, giúp cho nước Yên tránh khỏi thảm họa diệt vong!

Thái tử Đan thấy Cúc Vũ bi quan như vậy, không cho là nói đúng, nói:

- Việc trù hoạch của tiên sinh đúng là không sai, chỉ có điều là bỏ phí thời gian rất lâu, lòng con đang cháy như lửa đốt, quả thực không đợi được nữa. Bất kể là lông ngỗng đốt lửa cũng được, trứng gà chọi đá cũng xong, con đã chuẩn bị chơi canh bạc cuối cùng. Xin tiên sinh tiến cử một người, giúp con đề xuất mưu kế.

Cúc Vũ nói:

- Vậy thì con hãy đến bàn bạc với Điền Quan tiên sinh, con người này trí dũng song toàn, lại bình tĩnh, thận trọng, có thể xuất mưu, tính kế cho con được.

Thái tử Đan nhờ Cúc Vũ mời Điền Quang tới gặp gỡ, Cúc Vũ bằng lòng.

Ngày hôm sau, Điền Quang tới. Thái tử Đan cung kính nghênh đón Điền Quang vào cung, đuổi hết tả hữu ra ngoài, sau đó moi gan móc ruột, nói:

- Yên và Tần thề không cùng đứng chung trời được, chắc chắn tiên sinh đã biết. Từ lâu nghe nói tiên sinh có dũng mưu, liệu có thể sớm tối cứu nước Yên khỏi hiểm họa được hay không?

Lúc này Điền Quang đã ngoài bảy mươi tuổi rồi, ông xoa tay nói:

- Cúc Vũ tiến dẫn lão, bởi vì ông ta chỉ biết lão khi còn tuổi trẻ có sức khỏe, bây giờ lão đã cõi rồi, không dùng được nữa!

Thái tử rất thất vọng hỏi:

- Trong số bạn bè của tiên sinh có người nào còn khỏe như tiên sinh lúc trẻ không?

Điền Quang nghĩ một lúc rồi nói:

- Có, lão có một người bạn tên gọi là một người bạn tên gọi là Kinh Kha, tài năng của ông ta còn mạnh hơn lão rất nhiều.

Thái tử vui mừng hơn hờ bắt được Điền Quang giới thiệu Kinh Kha để kết thành đôi bạn. Điền Quang luôn miệng bằng lòng.

Không lâu, Kinh Kha gặp mặt Thái tử Đan. Thái tử Đan thấy Kinh Kha khí thế hiên ngang, nhất cử nhất động phi phàm, vô cùng kính trọng nói:

- May mắn mới được lão tiên sinh tiến cử, nên mới có cuộc gặp. Ngày nay, nước Tần lòng tham vô đáy, được voi đòi tiên, chúng không thôn tính được hết các nước, xung vương thiên hạ thì chẳng cam chịu buông tay. Hiện nước Hàn, nước Triệu đều bị diệt tan rồi, bước tiếp theo sẽ đến lượt nước Yên ta đó. Ta thực sự ngủ không yên giấc, ăn chẳng ngon cơm, xin tiên sinh chỉ giáo cho!

Kinh Kha hỏi:

- ý thái tử sẽ xuất binh quyết một phen thắng phụ vớ nước Tần, hay có toan tính gì khác?

Thái tử trả lời:

- Liều mạng chống chọi với nước Tần hoặc giả liên lạc với các nước chư hầu, những cách này đều không được. Ta đã nghĩ kỹ rồi, thấy chỉ có một biện pháp, chính là mời một người dũng cảm, mưu trí sang làm sứ giả, tới nước Tần, dùng mọi lợi lớn dụ dỗ vua Tần. Vua Tần tham lam nhất định sẽ tiếp kiến người đó. Tới lúc ấy thì có thể học theo cách làm của Lỗ Mạt trước kia bức Tề Hoàn Công phải trả lại đất đai cho nước Lỗ, một tay cầm dao găm, một tay túm chặt vua Tần, bắt hắn phải trả lại đất đai mà hắn đã cướp của các nước. Nếu vua Tần không bằng lòng thì sẽ mượn lưỡi dao đâm chết. Hễ vua Tần chết, nước Tần không có đầu, chắc chắn sẽ loạn. Nhân cơ hội này, chúng ta liên hợp với các nước cùng đánh Tần, ắt Tần sẽ bị tiêu diệt. Đây là một việc mà ta cầu mong trong cả mộng寐. Chỉ có điều là sứ mệnh này rất hệ trọng, cần phải tìm một người đáng tin cậy, không biết tiên sinh có chịu đảm nhận trọng trách này không?

Kinh Kha cúi đầu yên lặng, lát sau mới nói:

- Đây là việc đại sự có quan hệ tới sự sống còn của đất nước, tôi tài năng thấp hèn, sợ không hoàn thành nổi sứ mạng.

Thái tử lại một lần nữa khổ sở khẩn cầu xin Kinh Kha không được từ chối, lúc đó Kinh Kha mới bằng lòng. Thái tử phong cho Kinh Kha làm quan Thượng Khanh, sắp xếp ông ở quán khách thượng đẳng, hàng ngày đem thức ăn ngon, rượu ngọt chiêu đãi, lại thường xuyên đưa tới mọi của ngon, vật lạ, ngựa xe mỹ nữ để Kinh Kha thả sức chơi bời.

Sau một thời gian dài, Kinh Kha vẫn chưa có ý muốn lên đường. Lúc này, đại tướng nước Tần là Vương Tiễn đã diệt xong nước Triệu, bắt đầu tiến vào biên giới nước Yên. Thái tử Đan vội

cùng bối rối, vội vã ìm Kinh Kha, nói:

- Quân Tần chẳng mấy chốc sẽ đánh tới đây, lúc đó, dù ta có muốn chiêu đãi tiên sinh nhiều nữa thì cũng chẳng chiêu chuộng nổi, xin tiên sinh hãy mau mau nghĩ cách!

Kinh Kha nói:

- Việc này thần đã suy nghĩ từ lâu rồi. Muốn áp sát được vua Tần, thì phải giành được tín nhiệm của hắn. Hiện tại vua Tần đang dùng trọng thưởng thiên kim để tróc nã tướng quân Phàn Vu Kỳ, quyết giết bằng được ông ta. Nếu thần đem được đầu lâu của Phàn tướng quân, ngoài ra lại đem thêm bảo địa đồ vùng Đốc Kháng, nơi giàu có nhất của nước Yên chúng ta (vùng Trác Châu, Định Hưng, Tân Thành, Cổ An, tỉnh Hà Bắc ngày nay) để làm lễ vật, nhất định vua Tần sẽ vui mừng tiếp đón thần. Tới lúc đó thần sẽ có biện pháp.

Thái tử nói:

- Địa đồ Đốc Kháng thì dễ thôi, Phàn tướng quân cùng đường mặt lộ mới phải về theo chúng ta, ta tuyệt đối không thể nhẫn tâm giết hại ông ta. Xin tiên sinh nghĩ cách khác đi.

Kinh Kha thấy dáng vẻ của Thái tử như thế này, liền bí mật tới gặp Phàn Vu Kỳ, nói với ông ta:

- Đối với tướng quân, vua Tần đã làm cho tuyệt tự rồi, hắn đã giết hại cha mẹ, họ hàng của tướng quân, còn dùng rất nhiều vàng bạc để mua lấy đầu của tướng quân, tướng quân há không muốn báo thù sao?

Phàn Vu Kỳ nghe mà thở dài não nuột, nước mắt tuôn rơi lã chã, nói:

- Tôi hận vua Tần, hận tới mức chảy máu mắt, thế nhưng chẳng nghĩ được cách báo thù ra sao cả.

Kinh Kha nói:

- Hiện giờ có một biện pháp vừa có thể giải trừ được đau buồn hoạn nạn cho nước Yên, lại vừa có thể trả mối thù huyết hận cho tướng quân, không biết tướng quân có đồng ý không?

Phàn Vu Kỳ vội hỏi:

- Biện pháp gì vậy?

Kinh Kha chần chừ hồi lâu, không nói. Phàn Vu Kỳ giục Kinh Kha nói mau. Kinh Kha nói:

- Biện pháp thì có, có điều là rất khó nói thành lời.

Phàn Vu Kỳ nói:

- Ngài cứ nói đi, miễn sao báo thù được, cho dù thịt nát xương tan, tôi cũng chẳng hối tiếc!

Lúc này Kinh Kha mới mở miệng:

- Tôi dự định đi ám sát vua Tần, điều đáng sợ là sợ không thể tiếp cận được hắn; giả như có cái đầu của tướng quân mà hiến dâng Tần Vương, nhất định hắn sẽ vô cùng sung sướng, hắn là hắn sẽ cho tôi tiền kiến. Lúc đó, một tay tôi túm chặt lấy ống tay áo hắn, một tay tôi cầm dao găm đâm thẳng vào ngực hắn, như vậy thì mối thù của tướng quân có thể báo được, nước Yên cũng có thể thoát được hiểm họa vong quốc. Thưa tướng quân, ý tướng quân thế nào?

Phàn Vu Kỳ liền xé toạc áo của mình, nghiêng rặng nghiêng lợi nói:

- Tôi ngày ngày đêm đêm vò nát ruột gan, chỉ khổ nỗi là không tìm được biện pháp nào. Lời nói của tiên sinh hôm nay đã mở mang đầu óc cho tôi!

Nói xong, Phàn Vu Kỳ liền tuốt kiếm báu ra tự sát!

Kinh Kha sai người cấp báo cho Thái tử Đan biết. Nghe xong, Thái tử Đan lập tức lên xe tới ôm chặt lấy thi thể của Phàn Vu kỳ khóc lóc thảm thiết suốt hồi lâu, rồi sai người chôn cất thi

thể Phàn tử tế, còn đầu lâu Phàn được đặt trong hộp gỗ, giao cho Kinh Kha. Kinh Kha hỏi Thái tử:

- Tìm được dao găm tốt chưa?

Thái tử Đan lấy ra một con dao găm sắc nhọn, nói:

- Đầu dao găm này đã tẩm thuốc độc, đâm vào người, chỉ cần rỉ ra một tia máu nhỏ, không ai là không chết. Ta đã chuẩn bị con dao găm này chu đáo rồi, chỉ chờ tráng sĩ lên đường thôi!

Kinh Kha nói:

- Tôi phải chờ một người bạn thân nữa, muốn nhờ người đó làm trợ thủ cho tôi.

Thái tử Đan lo lắng đêm dài nhiều mộng, chỉ sợ Kinh Kha thay đổi, liền nói:

- Sao còn kịp chờ đợi nữa! Dưới trướng ta có một dũng sĩ, tên gọi Tần Vũ Dương. Hắn sẽ tháp tùng tráng sĩ!

Kinh Kha thấy Thái tử Đan vội vã như vậy, lại không biết bạn của mình khi nào mới tới, liền nói:

- Được ạ, một hai ngày nữa tôi sẽ lên đường!

Ngày Kinh Kha và Tần Vũ Dương ra đi, Thái tử Đan cùng một số tân khách thân thiết của Kinh Kha đều mặc áo trắng đội mũ trắng, giống hệt như đi đưa tang vậy. Họ tiễn Kinh Kha tới tận bờ sông Dịch Thủy. Tại đó người ta đã bày sẵn tiệc rượu để tiễn Kinh Kha. Trên bờ sông, ngoài tiếng gió thu gào hú, dòng sông nước chảy ào ào, chẳng còn nghe thấy chút âm thanh nào nữa. Ai nấy nét mặt đau buồn, lòng vô cùng thương cảm bi ai: Họ biết rằng Kinh Kha ra đi lần này sẽ không trở về nữa. Người bạn thân của Kinh Kha là Cao Tiệm Ly cũng đã kịp tới. Trong khi uống rượu, Cao Tiệm Ly đánh đàn Trúc, Kinh Kha gõ nhịp theo tiết tấu, cất tiếng hát vang:

Gió gào rũ hè, nước sông Dịch Thủy lạnh

Tráng sĩ ra đi hè, không bao giờ trở về!

Lời ca khảng khái, tiếng đàn lay động lòng người, những người tới đưa tiễn đều gào khóc thất thanh. Thái tử Đan rót một cốc rượu, đưa tới trước mặt Kinh Kha. Kinh Kha uống một hơi hết cạn, kéo tay Tần Vũ Dương, nhảy lên xe ngựa, đánh cho xe chạy thật nhanh, đầu cũng không quay nhìn trở lại.

Năm 20 Tần Vương Chính (năm 227 trước Công Nguyên) Kinh Kha đã tới đô thành Hàm Dương nước Tần. Tần Vương nghe nói nước Yên đưa lễ vật quý trọng tới, hơn thế, còn biểu thị thần phục thì vô cùng sung sướng, đã dùng nghi thức long trọng nhất để tiếp kiến sứ giả nước Yên.

Hôm đó, Kinh Kha tay bưng chiếc hộp bên trong đựng đầu lâu Phàn Vu Kỳ, Tần Vũ Vương tay bưng cuộn địa đồ Đốc Kháng, người trước người sau bước vào cung vua Tần. Khi sắp bước lên thêm Đại Điện, Tần Vũ Dương chợt thấy cung điện trở nên nghiêm cẩn một cách khác thường thì hoảng sợ, sắc mặt bệch ra, giống như người đã chết, khiến các quan đại thần nước Tần sinh Nghi. Kinh Kha quay đầu trở lại nhìn Tần Vũ Dương rồi cười, nói với vua Tần:

- Hắn là người thô thiển ở vùng xa xôi hẻo lánh, chưa được thấy dung nhan Thiên tử bao giờ, cho nên sợ hãi, xin Đại vương lượng thứ cho.

Vua Tần không yên tâm nói:

- Cho hắn đứng chờ ở dưới thềm!

Kinh Kha đành phải một mình bước lên trên. Vua Tần khám nghiệm qua đầu lâu của Phàn Vu Kỳ, rồi sai Kinh Kha dâng bản đồ lên. Kinh Kha tiếp nhận địa đồ từ trong tay Tần Vũ Dương, quay mình trở lại, dâng lên vua Tần. Vua Tần mở cuộn địa đồ ra, xem dần dần từ đầu. Xem tới

chốt thì một con dao găm sáng quắc lấp lánh lộ hẳn ra; vua Tần giật mình kinh sợ, vội nhảy cẫng lên. Kinh Kha ngay lập tức dùng tay trái nắm chặt ống tay áo của Vua Tần, tay phải cầm dao găm đâm mạnh. Vua Tần dùng hết sức né tránh, thừa cơ cái ống tay áo bị giăng đứt đã vùng chạy. Kinh Kha cầm dao đuổi theo. Vua Tần nhìn thấy không còn chỗ nào thoát thân, đành cứ phải chạy quần quanh những hàng cột đồng của Đại Điện. Kinh Kha bám riết theo sau. Hai người, một nấp, một đuổi, tình thế cực kỳ căng thẳng. Các quan văn võ trên Đại Điện đều hoảng sợ, chân tay luống cuống. Theo quy chế của nước Tần lúc đó, các quan đại thần lên Điện không được phép đem theo bất kỳ thứ vũ khí nào, các vệ sĩ ở dưới điện khi không có lệnh của nhà vua cũng không được phép được lên điện. Cho nên số văn thần võ tướng kia đều trong tay không tác sấm sét, chỉ có mấy người tay không bước tới vật lộn với Kinh Kha. Kinh Kha võ nghệ cao cường, chỉ với ba quả đấm, hai chân đá đã khiến chúng ngã nhào. Vua Tần do quá hoảng sợ, nhất thời cũng không kịp kêu người đến cứu; muốn tuốt bảo kiếm ra, thân kiếm lại quá dài, không sao tuốt được. Có người gào to nhắc vua Tần:

- Đại vương, đẩy kiếm về sau lưng, tuốt kiếm qua đầu, vung ra phía ngoài.

Tới lúc ấy vua Tần mới tuốt được bảo kiếm ra. Chính trong giây khắc vua Tần tuốt được kiếm ra, Kinh Kha đã dương dao găm lên, sắp sửa lao thẳng vào vua Tần. Vừa hay, các thầy thuốc trong cung đã ném một túi thuốc trúng ngay tay phải Kinh Kha. Dao găm đã đâm chệch. Lợi dụng cơ hội này vua Tần vung tay kiếm đứt ngay một chân của Kinh Kha. Kinh Kha ngã lảo lổ xuống đất, cố nén chịu cơn đau đớn kịch liệt, dùng hết sức lao mũi dao găm vào vua Tần. Vua Tần né tránh. Dao găm vút qua tai, trúng vào cột đồng phía sau, làm tóe lửa sáng rực. Vua Tần lại lao tới đâm Kinh Kha. Kinh Kha tay không chống đỡ, thân thể bị thương nặng đến tám chỗ, tựa vào cột đồng, miệng cười chửi mắng vua Tần:

- Hôm nay ta không đâm chết được ngươi, bởi vì ta muốn bức ngươi phải trả lại đất đai cho các nước. Bây giờ kể như là tùy ý ngươi, có điều ngươi cũng chẳng sống nổi đâu...

Câu nói chưa hết, các quan đại thần đã xông lên, kết liễu mạng sống của Kinh Kha. Tần Vũ Dương ở dưới bậc thềm, chưa kịp xông lên, cũng đã bị mấy người đứng cạnh giết chết.

Cho dù Kinh Kha đã tỏ ra rất dũng cảm, câu chuyện này cũng thật bi tráng, cảm hóa lòng người, thế nhưng, vào thời điểm đó, việc thống nhất đã là xu thế tất yếu của sự phát triển lịch sử, nếu chỉ đơn thuần dùng thủ đoạn ám sát để mưu đồ xoay ngược bánh xe lịch sử thì sao có thể thành công được? Điều đó chỉ làm cho vua Tần thêm tức giận mà thôi.

Vua Tần đã tăng phái càng nhiều quân đội, hạ lệnh cho Vương Tiễn gấp rút công nước Yên. Con trai của Vương Tiễn là Vương Bôn cũng đã kịp tới trợ chiến. Năm sau (năm 226 trước Công Nguyên) đã chiếm lĩnh được Thành Kế (phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh ngày nay) là kinh đô của nước Yên và quá nửa đất nước. Yên Vương Hỉ và Thái tử Đan đã phải rút tới Liêu Đông. Về sau, vua Yên đã giết chết Thái tử Đan, đem thủ cấp đưa tới quân Tần để tạ tội. Thế nhưng điều mà vua Tần cần đó là sự thống nhất toàn quốc, đối với nước Yên đâu có thể nhẹ tay được.

75. Thống nhất Trung Nguyên

Sau khi Tần Vương Doanh Chính cướp được đất của nước Yên rồi, tạm thời bỏ mặc vua Yên là Cơ Hỉ và vua nước Đại là Gia không quản tới, năm 22 Tần Vương Chính (năm 225 trước Công Nguyên) phái cử Vương Bôn dẫn quân đi tấn công nước Ngụy. Quân đội nước Ngụy chống cự không nổi sự tấn công của quân Tần, rồi lùi tới thủ đô Đại Lương (thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam ngày nay), đóng chặt cửa thành không dám đánh ra nữa. Tường thành Đại Lương vừa cao lại vừa dày, nhất thời quân Tần không phá vỡ nổi, liền sai người phá vỡ bờ đê Hoàng Hà, dẫn nước Hoàng Hà vào thành Đại Lương. Nước sông đã phá đổ mấy đoạn tường thành, hàng ngàn hàng vạn binh lính và dân chúng đều bị chết ngập. Vua Ngụy nhìn thấy không còn cách nào chống đỡ được, liền đầu hàng quân Tần. Quân Tần đã nhốt Ngụy Vương Giả vào trong xe tù, giải tới Hàm Dương nước Ngụy đã bị tiêu diệt.

Năm thứ hai sau khi diệt Ngụy, Tần Vương Doanh Chính lại một lần nữa sắp ranh tấn công nước Sở, tiêu diệt đến cùng nước Sở. Sở là một nước lớn, lực lượng rất mạnh, nếu muốn tiêu diệt Sở thì cần phải chuẩn bị đầy đủ chu đáo. Vua Tần mời tướng quân trẻ là Lý Tín và tướng quân già là Vương Tiễn tới, cùng họ nghiên cứu biện pháp diệt Sở, trước tiên vua Tần hỏi Lý Tín:

- Trẫm muốn cử quân đi tiêu diệt nước Sở, tướng quân dự tính xem phải dùng tới bao nhiêu binh lực?

Lý Tín trả lời:

- Thần cho rằng nhiều nhất chỉ dùng tới 20 vạn quân là đủ.

Vua Tần lại hỏi Vương Tiễn, Vương Tiễn suy nghĩ một lúc, trả lời nói:

- Thần cho rằng không có 60 vạn quân thì không xong.

Vua Tần nói:

- Vương tướng quân già rồi, lá gan càng ngày càng nhỏ lại. Trẫm nghĩ rằng Lý tướng quân trẻ tuổi có công trạng rất có gan mưu lược.

Tức thì vua Tần sai Lý Tín và Mông Diêm dẫn 20 vạn binh mã đi tấn công nước Sở. Vương Tiễn cảm thấy vua Tần không tin nhiệm mình nữa đành phải xưng bệnh cáo lão về nhà.

Lý Tín được vua Tần khen ngợi liền lên mặt vênh vang tự đắc kéo quân xuống phương nam. Thoạt đầu, Lý Tín thắng liền hai trận, về sau vì lơ là cẩn thận đã bị quân Sở hùng mạnh đánh bại, binh sĩ tổn thất khá nhiều, các tướng lĩnh cũng đã hy sinh mất bảy người. Vua Tần nghe thấy tin thất bại, vừa lo lắng vừa bực tức, vội vã đích thân tới tận quê hương của Vương Tiễn, tỏ ý xin lỗi Vương Tiễn, mời ông ra dẫn quân đi thu xếp cục diện thất bại. Dựa theo yêu cầu của Vương Tiễn, vua Tần đã cho ông 60 vạn binh mã, còn cử thêm một tướng quân tên gọi Mông Vũ làm trợ thủ.

Vương Tiễn và Mông Vũ hợp tác rất tốt đẹp, sau khi họ kéo tới tiền tuyến đã cố ý án binh bất động. Quân Sở khiêu chiến, họ cũng không ứng chiến. Chờ cho quân Sở vừa mới điều động, họ liền phát động cuộc tấn công dồn dập bất ngờ, đánh cho quân Sở đại bại, phải tháo chạy. Năm 24 Tần Vương Chính (năm 223 trước Công Nguyên), quân Tần đánh vào thủ đô Thọ Xuân của nước Sở (huyện Thọ, Tỉnh An Huy ngày nay), đã bắt sống Sở Vương Phụ Sô. Đại tướng nước Sở là Hạng Yên đã lập người em của vua Sở là Xương Bình Quân lên làm vua Sở rồi chạy trốn tới Giang Nam tiếp tục chống lại. Sang năm sau, Vương Tiễn, Mông Vũ vượt qua sông phát động cuộc tấn công, toàn bộ quân đội Sở bị tiêu diệt, Xương Bình Quân bị giết chết, Hạng Yên phải tự sát. nước Sở cũng bị diệt vong.

Năm 25 Tần Vương Chính (năm 222 trước Công Nguyên) Doanh Chính đã cử Vương Bôn tấn công đuổi kịp vua Yên chạy trốn tới Liêu Đông. Sau khi Yên Vương Cơ Hỉ thua trận đã phải làm tù binh. Vương Bôn lại kéo quân về tấn công Đại Thành, bắt sống vua nước Đại là Gia. Tới lúc

này, sáu nước chỉ còn lại nước Tề đất đai ở Sơn Đông.

Tề Vương Kiến từ trước vẫn không dám đắc tội nước Tần, khi các nước khác vấp phải sự tấn công của nước Tần tới cầu cứu nước Tề, Tề Vương Kiến sợ hãi nước Tần luôn phải dùng lời uyển chuyển để tạ tuyệt. Ngày nay 6 nước đã bị tiêu diệt mất 5 nước, chỉ còn lại có một nước Tề, lúc đó Tề Vương Kiến mới thấy căng thẳng. Tề Vương Kiến vội vàng thương lượng với tướng quốc Hậu Thắng, cử quân đội tới phòng thủ ở biên giới phía Tây. Thế nhưng đã không kịp nữa rồi, tướng Tần là Vương Bôn từ nước Yên đánh xuống phía Nam, trên đường đi thể mạnh như phá trúc. Thủ đô Lâm Trung của nước Tề rất nhanh chóng đã bị đánh phá, bản thân Tề vương Kiến cũng đã bị bắt làm tù binh. Nước Tề đã bị diệt vong.

Năm 26 Tần Vương Chính (năm 221 trước Công Nguyên), Doanh Chính cuối cùng đã hoàn thành được sự nghiệp vĩ đại tiêu diệt 6 nước, thống nhất Trung Nguyên, đã kết thúc cục diện hỗn loạn của thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc kéo dài hơn 500 năm đã xây dựng nên nước phong kiến đại đế thống nhất đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, từ đây, lịch sử Trung Quốc đã bước vào giai đoạn mới theo chủ nghĩa chuyên chế phong kiến tập quyền Trung Ương thống nhất.

76. Nền kinh tế Chiến quốc phát đạt

Chiến Quốc là thời kỳ lịch sử quan trọng của Trung Quốc, ngoài việc gió mây biến ảo trên mặt chính trị, quân sự ra, nền kinh tế của thời kỳ Chiến Quốc cũng đã có sự phát triển rất to lớn.

Đã có một câu chuyện như thế này: Tần Vương Doanh chính hạ lệnh truy bắt đồng bọn của Thái tử Đan và Kinh Kha định ám sát mình, từng người một đều bị bắt tới rồi giết chết hết. Chỉ có Cao Tiệm Ly, thay tên đổi họ, tới một gia đình giàu có làm người giúp việc, để ẩn náu. Một hôm, bỗng nhiên Cao Tiệm Ly nghe thấy ở trong nhà khách truyền ra tiếng nhạc khúc của đàn trúc, liền đứng ở đó lắng nghe. Cao Tiệm Ly cứ nghe mãi, nghe mãi, rồi không kìm nén nổi, đã bắt đầu bình luận.

- Đoạn vừa rồi thì đúng, đoạn này đã đánh sai rồi!

Lời nói này đã để cho chủ nhân nghe tiếng. Ông chủ không ngờ được một tên nô bộc cũng hiểu được âm nhạc, liền bắt Cao Tiệm Ly tới diễn tấu. Cao Tiệm Ly đem đàn Trúc của mình tới, bước vào trong phòng, so lại dây, rồi vừa đàn vừa hát, mọi người nghe thấy ai ấy đều rơi nước mắt. Sự việc này, một truyền mười, mười truyền trăm ngay cả đến Doanh Chính cũng đã nghe nói liền sai người triệu ông ta vào trong cung. Có người đã nhận ra Cao Tiệm Ly, báo cho Doanh Chính biết. Doanh Chính nhìn thấy ông ta là một tay sành về đàn Trúc, không nỡ giết ông ta, chỉ sai người khoét đi mất đôi mắt của ông ta. Cao Tiệm Ly một lòng báo thù cho Kinh Kha, ông đã bí mật đặt một thỏi chì vào trong đàn Trúc, khi Doanh Chính bắt ông ta tiết tấu, ông đã cầm đàn Trúc nện mạnh, kết quả là đã không đánh trúng. Doanh Chính giận dữ, đã giết chết Cao Tiệm Ly.

Cao Tiệm Ly đã diễn tấu đàn Trúc cảm động lòng người như vậy, người kỹ năng biểu diễn cao siêu của ông ta, còn vì chiếc đàn Trúc của ông chế tạo rất tinh vi tốt đẹp. Phần trên đã nói qua, Trúc là một loại nhạc khí cổ hình dạng giống đàn tranh, do các bộ trúc, mộc, dây, trụ đồng... tổ thành, khi chế tác mỗi bộ phận đều đòi hỏi trình độ công nghệ tương đối cao, cần phải có những công cụ bằng kim loại sắc bén, nhanh nhạy và kỹ thuật đúc luyện, dẻo gọt tài tình. Cho nên nhạc khí tuy không lớn, nhưng đã phản ánh được trình độ phát triển kinh tế thời đó.

Từ những tài liệu văn hiến cổ đại và những văn vật cổ đào được ở dưới đất mà xét, trong thời đại Chiến Quốc không những nông nghiệp phát đạt, mà thủ công nghiệp và thương nghiệp đều phát triển rất mạnh, tỏ rõ sự phồn vinh mà từ trước tới nay chưa hề có.

Mọi người có lẽ vẫn còn nhớ trong câu chuyện thứ 69 *Trộm phù cứu Triệu* kể việc một dũng sĩ tên gọi Châu Hối đã dùng một chiếc chùy sắt nặng 40 cân đánh chết tướng quân Tần Bỉ. Như vậy, ở thời đó sắt đã được dùng để chế tạo vũ khí. Trên thực tế, trong thời đại Chiến Quốc đồ sắt đã được dùng tương đối rộng rãi, không kể vũ khí, các công cụ sản xuất nói chung, đặc biệt là nông cụ, việc dùng nguyên liệu sắt để chế tạo trở thành phổ biến. Năm 1955, người ta đã đào được một di chỉ thời Chiến Quốc tại thôn Trang, thành phố Thạch Gia, tỉnh Hà Bắc, trong đó có quá nửa số công cụ để sản xuất được chế bằng sắt, như cuốc, liềm, xẻng, búa... kỹ thuật đã khá tiên tiến, đặc biệt là rìu sắt. Lúc đó kỹ thuật đúc sắt rất tiên tiến, sau khi đổ nước sắt vào hình khuôn đúc sẵn, phải qua xử lý làm cho mềm dẻo hóa, liền biến thành tôn, khắc phục được tính giòn và dễ vỡ của đồ sắt mới đúc. Sự phát minh ra kỹ thuật đúc sắt của Trung Quốc so với nước ngoài sớm hơn khoảng 2000 năm. Việc sử dụng đồ sắt rộng rãi đã nâng cao mạnh mẽ sức sản xuất, đánh dấu việc cải tạo tự nhiên của con người đã bước vào một giai đoạn mới.

Thời đó tại một số địa phương còn phát minh ra thuật luyện thép. Ngô và Việt là địa phương phát minh ra luyện thép sớm nhất. Căn cứ vào truyền thuyết, vào cuối thời kỳ Xuân Thu, loại kiếm báu do Can Tương và vợ ông là Mạc Da người nước Ngô đúc ra, vô cùng sắc nhọn, tiếng tăm vẫn còn truyền đến tận thời Hán. Gần đây, tại huyện Bình Sơn, tỉnh Hà Bắc, đã khai quật được di chỉ nước Trung Sơn vào thời kỳ Chiến Quốc, đã đào được một khối lượng những văn vật quý hiếm, trong đó có một pho đỉnh đồng lớn chân sắt, thân đỉnh được chế bằng đồng đen rắn chắc, bên trên khắc 77 hàng, mỗi hàng có 6 chữ. Đồng đen là thứ kim loại rất rắn, muốn

khắc được lên trên đỉnh hơn 480 chữ, nếu không dùng loại cho phép cứng rắn hơn đồng đen, thì khó có thể khắc được.

Việc sử dụng nông cụ sắt tạo thuận lợi cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp. Vốn dĩ lúc đầu nông cụ được chế ra bằng đá, bằng xương thú hoặc bằng gỗ, công hiệu không cao, sau khi sử dụng sắt để chế nông cụ, hiệu suất canh tác đã được nâng cao, đồng thời, có khả năng khai khẩn được nhiều đất hoang. Ngoài ra, có được những nông cụ chế bằng sắt mới có điều kiện xây dựng những công trình thủy lợi nông điền với quy mô lớn. Lúc đó, ngoài những công trình Đô Giang Yển, Dẫn Chương Quán Nghiệp... ở khu vực Quan Trung, nước Tần còn đào được con mương nước Trịnh nổi tiếng, dài hơn 300 dặm, có thể tưới tắm được bốn vạn khoảnh ruộng, khiến cho Quan Trung lúc đó trở thành vựa thóc vô cùng giàu có. Nước Ngụy, nước Tề... cũng đều xây dựng được rất nhiều công trình thủy lợi.

Về phương diện kỹ thuật nông nghiệp so với thời đại Xuân Thu cũng có những tiến bộ rất rõ rệt. Lúc này việc dùng trâu bò cày kéo cũng đã được mở rộng từng bước, hơn thế người ta đã hiểu được tầm quan trọng của việc cải tạo làm cho ruộng đất tốt lên, đã biết sử dụng rộng rãi phân bón, nắm vững mùa tiết thời vụ, phương pháp tưới tắm cũng đã được cải tiến, do đó sản lượng nông nghiệp cũng đã được nâng cao mạnh mẽ.

Sự phát triển của nông nghiệp đã thúc đẩy tốc độ phát triển của thủ công nghiệp. Thủ công nghiệp chủ yếu lúc đó có các nghề luyện kim, mộc, sơn, gốm, thuộc da, nấu muối, dệt vải... đặc biệt, nghề thủ công nghiệp luyện sắt và thủ công nghiệp luyện đồng đen có sự tiến bộ nổi bật. Năm 1973, tại Lô Cổ Đôn huyện Tuy, tỉnh Hồ Bắc đã khai quật được ngôi mộ từ thời kỳ đầu Chiến Quốc, phát hiện một khối lượng lớn nhạc cụ như chuông, khánh, trống, đàn sắt, sênh, sáo... trong đó đặc sắc nhất là các loại chuông chế bằng đồng, những chiếc chuông đồng lớn nhỏ có tới 65 chiếc, tổng cộng nặng trên 5 nghìn cân, chia thành ba tầng treo trên xà gỗ, những chiếc cột chống đỡ mỗi thành xà lớn là hai người đồng đeo kiếm, kết cấu vô cùng vững chắc, cảnh tượng trông hết sức tráng lệ. Trên những chiếc chuông đồng đó đều có khắc chữ, tổng cộng có tới trên 2800 chữ, có đánh dấu rõ ràng và được xếp đặt theo thứ tự và âm luật tiết tấu. Dựa theo quy định của chúng, những khúc nhạc trong ngoài gỗ ra hiện nay, âm phát của cả mấy chục chiếc chuông vẫn còn rất chuẩn xác, mà âm điệu thì chiếc nào giống chiếc nào, không có khuôn đúc độ cao và gia công kỹ thuật nào không làm được.

Trong các di vật nước Trung Sơn đào được ở huyện Bình Sơn, tỉnh Hà Bắc, có “mười lăm chiếc đèn liền nhau”, chia thành tám tầng với 15 ngọn đèn, xếp đặt liên tiếp theo 8 tầng lớn nhỏ, sự lớn nhỏ và góc độ lắp mộng của mỗi tiết đều khác nhau, nối cầm vào nhau rất khớp, khi không dùng có thể tháo ra, đem đi đem lại rất tiện lợi. Hình dạng của toàn bộ chiếc đèn giống như một cây lớn sầm uất xen kẽ đều nhau. Trên cành cây có một đàn khỉ đang đùa giỡn, một đàn chim sẻ đang kêu hót; trên bệ đèn ở phía dưới, có hai gia nô cỡi trần đầu đội đèn, một tay cầm thức ăn, một tay đưa thức ăn ra như đàn khỉ; trên cành cây có hai con khỉ nhỏ một tay nắm cành cây, toàn thân treo trên không đang ngắm nhìn gia nô ném thức ăn, tay giơ ra xin ăn. Cây đèn này không những vẻ bề ngoài mỹ quan, mà cấu tứ cũng rất tinh xảo khéo léo, nó phản ánh một cách đầy đủ trí tuệ thông minh sắc xảo tuyệt vời của nhân dân lao động, chứng minh trình độ thủ công nghiệp lúc đó đã phát triển tương đối cao.

Theo đà phát triển của sản xuất, sự phân công xã hội càng ngày càng tỉ mỉ, thương nghiệp cũng phát triển thịnh vượng. Nhà tư tưởng Tuân Tử lúc đó đã hình dung sự lưu thông hàng hóa khi ấy như sau: “Chó và ngựa phương Bắc, ngà voi và da tê phương Nam, cá biển và muối biển phương Đông, da thuộc và hàng dệt phương Tây đều có thể mua được ở thị trường Trung Nguyên. Những người sống ở vùng đầm nước có thể mua được đồ gỗ, những người sống trên núi có thể mua được thủy sản; nông dân không động tới dao, rìu, không làm đồ gốm nấu sắt cũng có thể mua được khí giới, công nhân, thương nhân không trồng cấy lúa cũng có thể mua được lương thực”. Qua đoạn miêu tả này của Tuân Tử có thể thấy rõ, việc giao dịch giữa các khu vực lúc đó tương đối sầm uất, hoạt động thương nghiệp cũng rất phồn vinh. Có người nhờ vào buôn bán kinh doanh mà trở nên giàu có. Các thương nhân lớn như Bạch Khuê, Y Đốn, Quách Túng... mức độ giàu có giống như Vương hầu. Do sự phát triển của công thương nghiệp, không ít địa phương dần dần hình thành những đô thị lớn phồn vinh. Ví dụ, như Lâm Truy của

nước Tề, Hàm Đan nước Triệu, Đại Lương nước Ngụy và Đô Thành Lạc Dương của triều Chu, đều là những đô thị thương nghiệp lớn. Lúc đó, những đồng tiền kim loại cũng được lưu thông tương đối rộng rãi. Điều này ngược trở lại, đã thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp và thủ công nghiệp cùng với sự phồn vinh của thương nghiệp.

Vào thời đại Thương Chu, đất đai đã thuộc về nhà nước, thực chất là thuộc về toàn thể các quý tộc chủ nô, không được tự do mua bán. Nhà nước dựa vào số mẫu nhất định, đem số ruộng đất canh tác quy hoạch thành từng thửa đất vuông, phân phối cho các nô lệ cày cấy phát triển nông nghiệp, giống như hình dạng chữ Tịch(1), cho nên gọi là “Chế độ tịch điền”. Đồng thời nhà nước lại đem ruộng đất kèm theo nông nô phân phối cho quý tộc theo đẳng cấp để cho họ bóc lột. Dưới chế độ này, nô lệ không được tự do thân thể, phải chịu sự áp bức và bóc lột cực kỳ tàn khốc, sống cuộc sống vô cùng bi thảm. Họ đã sử dụng các phương thức bãi công, bỏ trốn thậm chí bạo động, không ngừng chống đối. Sau thời kỳ Xuân Thu, chế độ tịch điền dần dần bị tan rã. Đến thời đại Chiến Quốc, do đã biết sử dụng nông cụ chế bằng sắt, sản xuất phát triển mạnh mẽ, có một số quý tộc lợi dụng sức lao động thặng dư của nô lệ, đã khai khẩn được một khối lượng lớn đất đai hoang, trở thành ruộng tư của mình, còn có một số nô lệ bỏ trốn hoặc nông dân tự canh tác cũng có ruộng đất khai hoang riêng. Như vậy là, ruộng tư đã càng ngày càng nhiều. Do sự phát triển của thương nghiệp, đất đai cũng có thể tự do mua bán được. Công cuộc biến pháp của Thương Ưởng ở nước Tần “phế bỏ tịch điền, khai thiên mạch (mở ra đường bờ ruộng”, “cho dân cày cấy, không hạn chế nhiều ít” đã triệt để cải cách ở những mức độ khác nhau, từ sau đó chế độ tư hữu ruộng đất đã chính thức được xác lập. Sự biến đổi cực kỳ lớn này, về căn bản đã làm lung lay cơ sở kinh tế của xã hội nô lệ. Quan hệ giai cấp cũng theo đó sinh ra biến hóa. Các cuộc chiến tranh thôn tính một mất một còn giữa các nước đã kể ở các phần trên, cùng với cuộc đấu tranh trên mặt trận chính trị và ngoại giao khác, chính là phản ảnh của cuộc đấu tranh này.

77. Biển Thước hành nghề y

Nền y học Trung Quốc có phương pháp khám và chữa bệnh độc đáo, ở thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc đã có trình độ chữa trị rất cao. Biển Thước được gọi là “Tổ sư sáng lập” chính là một thầy thuốc nổi tiếng nhất ở cuối thời kỳ Xuân Thu và đầu thời kỳ Chiến Quốc.

Biển thước, vốn là một danh y ở thời đại Hoàng Đế Nghiêu Thuấn trong truyền thuyết. Đến cuối thời kỳ Xuân Thu, có một thầy thuốc tên gọi Tàn Việt Nhân, y thuật cao minh, y đức cao thượng, đã được mọi người gọi với cái tên tương xứng là “Biển Thước”, còn tên thật của ông ta thì đã bị người đời quên mất. Biển thước là người nước Tề, thời trai trẻ đã làm chủ hiệu quán trọ. Về sau được sự chỉ bảo của một danh y già là Trường Tang Quân mà học biết được cách khám bệnh và chữa bệnh, nên đã bắt đầu hành nghề y.

Biển Thước đã đi ra rất nhiều nước ở phương Bắc, đến nơi nào đi khám bệnh cho nhân dân ở nơi ấy, có bệnh gì chữa bệnh ấy. Đối với dân chúng bình thường ông đặc biệt quan tâm. Các bệnh tật của người già, phụ nữ và trẻ con, ông đều chữa trị rất giỏi. Như vậy, danh tiếng của ông dần dần được lan truyền đi, nhân dân đều rất tôn kính ông.

Có một lần, Biển Thước tới nước Quắc, đi qua cửa cung điện nhà vua, nghe nói Thái tử vừa bị chết, liền vội vàng hỏi thăm xem bị bệnh gì. Có người nói cho ông biết:

- Lúc đầu Thái tử khó thở, khí huyết không thông, nội tạng bị hại, sau đó đột ngột tắc thở rồi chết.

Biển Thước hỏi tường tận, bệnh nhân chết khi nào, đã khâm liệm chưa. Sau đó ông trình trọng nói:

- Xin chuyển lời với đại vương quý quốc, tôi có thể cứu sống được Thái tử.

Người đó không tin, Biển Thước nói:

- Tôi xem bệnh từ trước tới nay đều lấy ngoài biết trong, lấy trong biết ngoài. Vừa rồi tôi nghe những chứng trạng mà ông nói, đã biết được Thái tử chưa chết thật, hiện tại nửa thân dưới của Thái tử khẳng định là vẫn còn nóng ấm.

Nhà vua nghe nói danh y Biển Thước tới, liền đích thân ra ngoài nghênh tiếp, nhân mặt khổ sở mời ông khám bệnh cho Thái tử. Biển Thước bước tới phía trước Thái tử, bắt mạch, rồi kiểm tra các bộ phận cho Thái tử, sau đó an ủi nhà vua:

- Bệnh của Thái tử gọi là “Thi quyết) (thể xác hôn mê ngắt đi), đó là kết quả của việc không điều hòa cân bằng âm dương. Kỳ thực vẫn chưa chết, chỉ là một loại chết giả thôi. Xin nhà vua chớ lo, thần có thể chữa khỏi được.

Nói xong, Biển Thước để cho các đệ tử dùng kim châm vào mấy huyệt của Thái tử. Chỉ lát sau, quả nhiên Thái tử đã tỉnh lại. Biển Thước lại dùng cứu đốt ở hai bên sườn Thái tử, Thái tử liền ngồi ngay dậy. Lại uống thêm thang thuốc, qua gần mười ngày sau, Thái tử đã hoàn toàn bình phục. Sau khi tin tức này được lan truyền đi, người nước Quắc đều nói Biển Thước có thể cải tử hoàn sinh, biến người chết thành người sống được. Biển Thước bắt đầu nói:

- Tôi đâu có thể cải tử hoàn sinh được, đó là vì Thái tử chưa chết thật, chẳng qua là tôi khiến cho Thái tử phục hồi sức khỏe mà thôi!

Câu chuyện này nói rõ, vào thời đó những thầy thuốc giống như Biển Thước này đã có thể gọi ra chuẩn xác nguyên nhân của con bệnh, ngoài ra còn biết dùng châm cứu để chữa trị cho người bệnh. Biển Thước còn giỏi chữa bằng nhìn và bắt mạch. Sự việc ông khám bệnh cho vua nước Tề là Hòa Công Ngọ (Hoàn Công người nước Tề, họ Điền, không phải là Tề Hoàn Công trong Ngũ bá thời Xuân Thu) đã chứng minh được điều này.

Lần đó, Biển Thước gặp Hoàn Công Ngọ, quan sát kỹ một lúc rồi nói:

- Đại vương đã có bệnh rồi. Nếu không chữa trị thì có thể bị nặng đó!

Hoàn Công Ngọ không vui vẻ, nói:

- Ta chẳng có cảm giác nào khó chịu cả, sao lại có thể bệnh được?

Sau khi Biển Thước ra về, nhà vua nói với tả hữu:

- Những kẻ làm thầy thuốc này, chỉ muốn tỏ ra mình cao minh tài giỏi, ta đương không có bệnh dám nói ta có bệnh.

Sau năm ngày, Biển Thước lại tới gặp Hoàn Công Ngọ, sau khi nhìn kỹ, liền có chút lo sợ nói:

- Bệnh của đại vương đã vào tới mạch máu rồi, cần phải gấp rút chữa trị mới kịp.

Hoàn Công Ngọ hãnh diện nói:

- Ta khỏe lắm! Chữa bệnh gì mới được chứ?

Lại trôi qua mấy ngày, Biển Thước tới gặp Hoàn Công Ngọ lần thứ ba, giật mình nói:

- Bệnh của đại vương đã vào tới ruột và dạ dày rồi, nếu không chữa thì sẽ nguy hiểm đó!

Hoàn Công Ngọ nghe xong rất chán ghét, chẳng thèm nói năng gì. Khi hai người gặp nhau lần thứ tư, Biển Thước vừa nhìn thấy Hoàn Công Ngọ, không nói năng gì, liền quay đầu bỏ đi. Hoàn Công Ngọ cảm thấy kỳ quái, liền sai người đuổi theo, hỏi rõ nguyên nhân, Biển Thước nói:

- Bệnh của Đại Vương, vừa bắt đầu ở ngoài da, sau đó phát triển vào mạch máu, rồi vào trong nội tạng, lẽ ra đều có thể dùng phương pháp chườm nóng, châm cứu, uống thuốc, chữa khỏi được. Thế nhưng hôm nay, tôi nhìn thấy bệnh của đại vương đã ăn vào tới xương tủy rồi, không còn cách gì chữa khỏi nữa. Cho nên tôi đành phải bỏ đi.

Sau vài hôm, quả nhiên Hoàn Công Ngọ phát bệnh, lại sai người đi tìm Biển Thước, Biển Thước đã rời khỏi nước Tề rồi. Không lâu, Hoàn Công Ngọ chết.

Biển Thước hành nghề y, không những biết dùng thuốc, còn đặc biệt coi trọng trạng thái tâm lý của bệnh nhân, vì ông cho rằng, có một số bệnh chủ yếu không phải là bệnh của cơ thể, mà là tâm lý sinh hoạt của con người mất đi sự điều hòa cân bằng. Ví dụ người phóng túng kiêu ngạo, không coi trọng đạo lý, truy cầu sự giàu có bất mạng, không biết tiết chế ẩm thực, không chịu rèn luyện thân thể khiến cơ thể suy yếu, tất cả những điều này đều có hại đối với cơ thể con người, gặp phải những bệnh nhân như thế này ông dứt khoát không chữa trị. Đặc biệt đối với những bệnh nhân mê tín cô đồng, ma thuật thì ông càng kiên quyết không chữa trị.

Những năm cuối đời, Biển Thước đã từng tới nước Tần hành nghề y. Tần Vũ Vương muốn mời ông tới khám bệnh, thế nhưng quan y nước Tần là Lý Hy vô cùng đố kỵ với Biển Thước, sợ ông chữa khỏi bệnh cho nhà vua thì sẽ ảnh hưởng tới danh dự và địa vị của mình, đành sai người đâm chết một đời danh y Biển Thước.

Y thuật của Biển Thước là đại biểu cho trình độ chữa bệnh của thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, đồng thời cũng đã đặt cơ sở cho nền y học truyền thống Trung Quốc. Cho tới ngày nay, cách khám bệnh "Vọng, Văn, Vấn, Thiết" (nhìn sắc da, nghe giọng nói, hỏi triệu chứng, bắt mạch), châm cứu, bốc thuốc theo thang, vẫn là những thủ thuật cơ bản trong khám và chữa trị bằng Đông y.

78. Trăm nhà đua tiếng

Cơ sở kinh tế xã hội và mối quan hệ giữa con người trong thời kỳ Chiến Quốc đã phát sinh ra những sự biến động rất to lớn. Những biến động này cũng được phản ánh trên mặt tư tưởng, văn hóa. Những nhân vật đại biểu cho phe phái khác nhau, trước những biến động xã hội kịch liệt đều có những phân tích theo kiểu riêng của mình, nỗ lực nêu ra những tư tưởng và chủ trương của người khác. Một thời gian, các loại học phái sôi nổi như măng mọc sau mưa, người ta trình bày ý kiến, tranh luận nhau, vô cùng sôi nổi. Lịch sử gọi cục diện sinh động này là “Trăm nhà đua tiếng” (bách gia tranh minh)

Chữ “Trăm” trong “trăm nhà đua tiếng” không phải là con số thực, mà là hình dung con số nhiều của các loại học phái. Trên thực tế, những học phái tương đối quan trọng lúc đó chỉ có 6 nhà đó là Nho gia, Mặc gia, Đạo gia, Pháp gia, Doanh gia, và Ân dương gia. Ngoài ra, còn có Bình gia, Nông gia, Tung hoành gia, Tạp gia... Số nhà tư tưởng nhiều như vậy lại cùng nghiên cứu một đối tượng là xã hội rối loạn mà họ đang ở. Thế nhưng, do vì lập trường và thái độ xử thế của mỗi người không giống nhau, chủ trương của họ cũng mỗi người một khác. Có những người hoàn toàn đối lập nhau, có những người gần giống nhau, thật đến là lắm thuyết khác nhau, muôn màu muôn vẻ, biến đổi khôn lường. Nó ra thật là thú vị. Dưới đây xin giới thiệu sơ lược nội dung học thuyết của mấy nhà.

Người sáng lập Nho gia là Khổng Tử ở cuối thời kỳ Xuân Thu. Ông chủ trương khôi phục lại chế độ điển chương và quy phạm đạo đức của Tây Chu, con người cần phải khiến cho lời nói và việc làm của mình phù hợp với danh phận đẳng cấp. Lý tưởng chính trị của ông là yêu cầu các nhà thống trị thực hành “nhân chính”, ông lại đề xuất ra chủ trương “nhân giả ái nhân”, yêu cầu các nhà thống trị cần phải tiết chế sự bóc lột và sai khiến đối với những người bị thống trị, không được làm ảnh hưởng tới sự sinh tồn của người lao động để tránh cho việc hưởng thụ vật chất của người thống trị không còn nguồn cung cấp nữa. Cho nên “ái nhân” (yêu người) trên thực chất là yêu chính mình. Mặc dù vậy, Khổng Tử đã thừa nhận quyền lợi làm người tối thiểu của những người lao động, khác hẳn với việc coi nô lệ là những công cụ biết nói. ở thời đại Chiến Quốc, Mạnh Kha đã kế thừa và phát huy học thuyết của Khổng Tử. Ông coi trọng “nhân nghĩa” hơn thế, ông đã nhấn mạnh “nghĩa” là tiêu chuẩn để phán đoán đúng sai. Chống lại điều “nghĩa” thì cho dù là nhà vua cũng có thể phản đối. Điều này, ở thời đại đó là sự cả gan rất to lớn. Mạnh Kha được mọi người tôn xưng là Mạnh Tử, là người kế thừa chủ yếu của học thuyết Khổng Tử. Về sau, mọi người còn gọi học thuyết Nho gia là Đạo của Khổng Mạnh. Học thuyết Nho gia có ích lợi rất to lớn đối với việc củng cố chính quyền của những người thống trị, cho nên đã lưu lại những ảnh hưởng sâu xa cho hậu thế.

Một nhà Đại tư tưởng của Nho gia là Tuân Tử, tức Tuân Huống. Tuân Tử tuy là Nho gia, thế nhưng khác với tư tưởng của Mạnh Tử. Ông đã tổng kết có phê phán những quan điểm của Nho gia, Mặc gia, Đạo gia, Danh gia... hấp thu những ưu điểm, đã hình thành những kiến giải riêng độc đáo, đặc sắc, trở thành nhà đúc rút tổng kết hoàn chỉnh của tư tưởng Tiên Tần. Ông vừa chủ trương đổi mới vừa đề xuất tư tưởng duy vật chủ nghĩa: con người có thể nắm vững quy luật tự nhiên để rồi lợi dụng nó. Tuân Tử là nhà tư tưởng duy vật chủ nghĩa vĩ đại nhất trong thời kỳ Chiến Quốc, lại là nhà kiên trì sự thống nhất quốc gia tiến bộ. Nhữnước Ngô nhân vật đại biểu của Pháp gia như Hàn, Phi, Lý Tư đều là học trò của ông.

Học thuyết Pháp không giống Nho gia, nhân vật đại biểu là Hàn Phi đã phản đối “Lễ” và “Nhân” mà Nho gia đề xướng, cho rằng những điều đó thi hành không được thông suốt. Theo ông, sở dĩ xã hội rối loạn là do pháp chế lỏng lẻo, cho nên ông chủ trương “Pháp trị”, tức là do chính phủ ban bố pháp lệnh và chế độ nhất định, bất luận là cao thấp, giàu nghèo, mọi người đều phải tuân thủ, có công tất thưởng, có tội tất phạt, dù là vương công quý tộc mà phạm pháp thì cũng phải trị tội như dân thường. Như vậy mọi người đều sợ hãi và tuân theo, việc xấu xa sẽ có thể giảm bớt. Ngoài “Pháp” ra, ông còn khuyên nhà vua cần coi trọng “Thuật” và “Thế”. Cái gọi là “Thuật”, tức là cần phải có một hệ thống quyền thuật (mưu mô thủ đoạn) để điều khiển Thần tử, “Thế” tức là uy quyền và thế lực dùng để bảo vệ nhà vua. Những thứ này có tác

dụng tăng cường tập quyền của nhà vua, cho nên những nhà chính trị cải cách đều tán thành học thuyết của Pháp gia. Tần Vương Doanh Chính một mặt trọng dụng Lý Tư, một mặt còn đặc biệt triệu kiến Hàn Phi.

Người sáng lập ra Đạo gia là Lão Tử ở cuối thời Xuân Thu. Đến thời Chiến Quốc đã phát huy được học thuyết của ông. Chủ trương của Đạo gia khác với Pháp gia, phản đối pháp lệnh hà khắc vụn vặt, cho rằng đây là nguồn gốc làm cho thiên hạ mất an, chủ trương “vô vi nghi tự”, đòi những người thống trị không được có hành động gì, tất thấy đều phải thuận theo sự tự nhiên của nó. Học thuyết của đạo gia đã phản ánh tư tưởng bất mãn với hiện thực nhưng không trốn tránh hiện thực.

Mặc gia lại có cách nhìn khác. Cu tổ của Mặc gia là Mặc Tử (Mặc Địch), người đã gần Sở đánh Tống. Ông cho rằng sở dĩ xã hội rối loạn, là bởi con người không tương ái, cho nên ông đề xuất chủ trương “kiến ái” và “phi công”, phản đối những việc làm tổn hại đến người khác, phản đối chiến tranh, đòi hỏi mọi người yêu tất cả mọi người, không phân biệt thân sơ xa gần. Ông cho rằng nếu tất cả mọi người đều làm được điều này thì sẽ không thể có các loại tội ác phát sinh. Ông còn yêu cầu bổ nhiệm, sử dụng người tài, làm cho “người đói được ăn, người rét được áo, người vất vả được nghỉ ngơi. Một loạt chủ trương của Mặc Tử là không tương, không có khả năng thực hiện trong hoàn cảnh thời đó.

Các học phái muôn màu muôn vẻ, đều cho rằng chủ trương của mình là chính xác, là phương thuốc tốt lành làm cho nước giàu, dân lợi, được những người thống trị sử dụng, cho nên họ đều không tiếc sức tuyên truyền cho học thuyết của mình, đồng thời công kích và phủ định các học phái khác, các cuộc tranh luận giữa các học phái khác nhau không thể chấm dứt được.

Vì vậy, Hàn Phi cho rằng, chỉ có thực hành “Pháp trị”, mới có thể khiến cho đất nước giàu mạnh lên được.

Vì mục đích mở rộng ảnh hưởng học thuyết của mình; các nhà đều hăng hái viết sách lập thuyết “Mạnh Tử”, “Mặc tử”, “Tuân Tử”, “Trang Tử”, “Hàn Phi Tử”, đều là những trước tác nổi tiếng nhất. Thế nhưng ở thời đó còn chưa phát minh ra giấy và thuật ấn loát, chữ viết ở trên thành tre và gỗ, vô cùng bất tiện, càng không có khả năng xuất bản ra thành sách được, cho nên việc tiến hành du thuyết và dạy học trở thành một con đường tuyên truyền quan trọng. Mạnh Tử đã từng tới các nước du thuyết, đẩy mạnh chủ trương của mình; học sinh của Mặc Tử có rất nhiều người xuất thân từ tầng lớp lao động; Trang Tử là một nhà tản văn giỏi văn chương; Tuân Tử là một giáo sư có uy tín cực kỳ cao, ông còn theo đuổi sáng tác văn học, đầu thời kỳ Chiến Quốc, tại Tây Thành Môn - Tấn Hạ ở đó Thành Lâm Trung nước Tề đã xây dựng ra học cung, thiết lập những đại giảng đường, tạo điều kiện cho các học giả từ các nước đến dạy học. Đến thời Tề Tuyên Vương, học cung được mở rộng thêm một bước, có thể chứa đựng tới mấy ngàn học sinh. Truyền thuyết kể rằng đến thời Tần Tần Lan Vương, thậm chí có thể chứa đựng tới mấy vạn người. Tuân Tử đã từng làm qua ba khóa “Tế Tử” (hiệu trưởng) của học cung này. Đối với số học sĩ này, nước Tần đều đãi ngộ lương ăn và học bổng như quan đại phu, tôn trọng họ là “biệt đại phu”. Các nhà đều tranh giành nhau tới nước Tề dạy học, Tấn Hạ đã trở thành trung tâm giao lưu tư tưởng văn hóa lúc đó. Từ đây chúng ta có thể hình dung được cảnh tượng sôi nổi trăm nhà đua tiếng, học thuật phồn vinh thời đó như thế nào.

“Chủ tử bách gia” của thời kỳ Chiến Quốc đã có ảnh hưởng rất to lớn đối với đương thời và đời sau. Học thuyết Pháp gia đặc thế nhất thời đó. Các nước Ngụy, Sở, Tần... lần lượt đẩy mạnh chủ trương của Pháp gia. Nhưng “Pháp trị” của Pháp gia lại có mặt áp bức bóc lột tàn khốc đối với nông dân, rất dễ dàng kích thích mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân, cho nên ách thống trị của vương triều nhà Tần chưa đầy mười mấy năm đã bị ngọn lửa khởi nghĩa của nông dân nuốt sống. Giai cấp thống trị triều Hán kế tiếp hấp thu bài học giáo huấn này, nhận thức được nếu chỉ dựa vào “hình phạt nghiêm pháp luật hà khắc” thì không thể củng cố được nền thống trị của mình, tức thì, họ lại thay đổi đề xướng “Hoàng lão chi học” (1) của đạo gia, dùng biện pháp “vô vi nhi trị” (2) để hòa hoãn mâu thuẫn xã hội, để cho dân chúng được nghỉ ngơi hưu dưỡng, phát triển sản xuất. Về sau, họ lại thay đổi, cải biến thêm tư tưởng của Nho gia, dùng “Trung hậu, nhân nghĩa” làm vũ khí tư tưởng để thống trị nhân dân, hơn thế đã bắt đầu cục diện “bãi

truat bach gia, doc ton nho thuat". Từ đó về sau, đạo của Khổng Mạnh đã chi phối nền văn hóa tư tưởng của xã hội phong kiến Trung Quốc suốt 2000 năm.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>